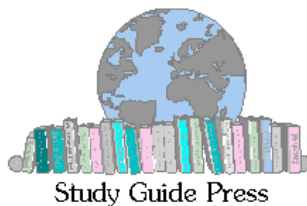


Bản Tham Khảo  
Cho Người Chuyển Ngữ  
**Sách Phúc Âm Của  
Mác**

Ông Matthew E. Carlton

**PREPUBLICATION VERSION**



Copyright © 2002 by Study Guides Press

Cấm in, sao lại, hay lưu trữ một phần hoặc toàn bộ tài liệu này vào trong máy điện toán hay bằng những phương tiện khác—trừ phi được sự chấp thuận của hội Study Guides International. Tuy nhiên có thể trích dẫn những ý ngắn gọn để sử dụng vào trong những tài liệu tham khảo khác.

[No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means—electronic, mechanical, photocopy, recording, or otherwise—without the express permission of Study Guides International, with the exception of brief excerpts in journal articles or reviews.]

Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ chỉ dựa theo Bản Hy-lạp Tân Ước tu chính lần thứ tư của Thánh Kinh Hội [United Bible Societies], cùng với một số ít chọn lựa từ Các Bản Thảo Đa Số [Majority Text] và Bản Thảo Uy Tín [Textus Receptus], như được trình bày ở mục số tám trong phần Các Ký Hiệu Được Dùng Trong Bản Tham Khảo.

[Translator's Reference Translation is based primarily on the fourth revised edition of the United Bible Societies' Greek New Testament, with occasional choices based on the Majority Text and Textus Receptus, as described under point eight in the Notation Key.]

Prepublication Version  
The Translator's Reference Translation of the Gospel of Mark  
December 2003  
[Vietnamese]

Mọi ý kiến, đề nghị sửa đổi, mọi thắc mắc cũng như muốn có tài liệu này,  
xin liên lạc với:

Study Guides Press  
P.O. Box 382006  
Duncanville, Texas 75138  
USA

## Lời Tri Ân

Tạ ơn Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta Lời Hằng Sống (Đức Giê-su Cứu Thế) và Kinh Thánh (Lời Viết)! Tạ ơn Chúa vì Lời của Ngài giúp cho chúng ta sống trên đời này có sự bình an với Chúa và trang bị chúng ta sống cho Ngài!

Tôi cũng muốn cảm ơn Đức Chúa Trời đã cung cấp những người có khả năng để thực hiện “Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ” (BTK). Tôi đặc biệt biết ơn:

<sup>1</sup>Mục sư James Doe Younge và Colne Necollin là người đã giúp bắt đầu và phát triển BTK. Họ đã làm việc với sự tận hiến và kiên trì để chuyển ngữ Kinh Thánh qua ngôn ngữ của họ, tiếng Grebo của Li-bê-ria, Tây Phi Châu.

Cũng xin đặc biệt cảm ơn những người đã duyệt lại Bản Tham Khảo của Ma-thi-ơ và cho nhiều lời phê bình có giá trị. Đó là: Jerry Allen, David Andersen, John Anderson, Elizabeth Carlton, Michael Martens, Katherine Rountree, Donald Slager, Kermit Titrud và Berton Turnip. Xin cảm ơn những người sau đây đã giúp đánh Bản Tham Khảo vào máy vi tính: Ronnie Koch, Perry Oakes, Jim Vinton, Dan Stafne, Andy Barlow và Charles H. Masland, III. Thêm vào đó cũng xin cảm ơn Johnathan Kew và Randy Boring đã giúp đỡ dùng hệ thống sắp chữ bằng máy vi tính.

---

<sup>1</sup> Sau khi sống để thấy Tân Ước tiếng Grebo được dâng hiến và hoàn tất rất nhiều phần trong Cựu Ước, Mục Sư James Doe Younge đã yên nghỉ trên thiên đàng.

## Lời Chú Thích Cho Người Sử dụng

Tôi rất vui mừng vì bạn định dùng Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ, một tài liệu tham khảo đầy đủ cho mỗi bước trong việc chuyển ngữ! Đính kèm là Bản Tham Khảo sách Mác mới nhất Cho Người Chuyển Ngữ.

Sau đây là một số đặc điểm của Bản Tham Khảo khiến cho sách trở nên một dụng cụ hữu hiệu:

1. Mục đích của Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK) là để cho mọi người hiểu bản Hy-lạp nói gì (xem lời chú thích số 4 trên trang II). Sách giúp cho những người chuyển ngữ có sẵn các kiến thức về ý nghĩa của đoạn kinh văn và những vấn đề liên quan đến việc chuyển ngữ để họ có thể quyết định dựa trên những gì họ hiểu biết trong ngôn ngữ của họ.
2. BTK được soạn ra một cách đặc biệt và được chú trọng đến diễn tiến của việc chuyển ngữ. Trong tiến trình của một dự án chuyển ngữ, đoạn kinh văn sẽ trải qua ít nhất là 10–15 (hay nhiều hơn) lần duyệt lại trước khi sẵn sàng để được xuất bản. Khi đoạn kinh văn lần đầu tiên được chuyển ngữ và mỗi lần được tu chỉnh lại. Ao ước rằng tất cả mọi người<sup>1</sup> đều thấy ngay lập tức ý nghĩa của đoạn kinh văn và các vấn đề của việc chuyển ngữ. BTK có thể giúp cho tất cả mọi người nhận diện đa số vấn đề của việc chuyển ngữ **NGAY TRONG NGŨ CẢNH**.
3. Hệ thống Ký Hiệu của BTK<sup>2</sup> loại trừ được những bộ sách giải nghĩa Kinh Thánh mà mỗi ủy ban phải đọc để tìm cùng một thông tin. Theo truyền thống, đa số các thông tin được các người chuyển ngữ tìm tòi trong thời kỳ soạn bản thảo, và đa số các thông tin đó không bao giờ được quan tâm đến nữa — một ủy ban không thể nào đọc đi, đọc lại quá nhiều các sách giải nghĩa hay cũng không thể nhớ quá nhiều vấn đề mỗi khi xem xét lại đoạn kinh văn. (Dĩ nhiên, sách giải nghĩa vẫn đóng một vai trò quan trọng trong công việc của chúng ta — hãy xem lời tựa của BTK.)
4. BTK được soạn ra nhằm mục đích giúp chúng ta có một bản dịch tự nhiên và khiến cho các người chuyển ngữ tiếng mẹ đẻ (hay các thứ tiếng khác) có thể học được các nguyên tắc trong việc chuyển ngữ và làm thế nào để trở nên người chuyển ngữ giỏi mà không phải rời địa bàn của họ để được huấn luyện.

Tóm lại, BTK **giúp** cho mỗi ủy ban chuyển ngữ quyết định nhanh chóng và chính xác tại mỗi thời điểm trong tiến trình chuyển ngữ. BTK phối hợp các khả năng, mang đến tận tay ủy ban phiên dịch kiến thức của những chuyên gia về Hy-lạp và Hy-bá, những người phê bình, các nhà nhân chủng học về Kinh Thánh, các chuyên viên nghiên cứu, và những người thông thạo về vấn đề chuyển ngữ.

Sự vinh hiển thuộc về Chúa!

---

<sup>1</sup> “Tất cả mọi người” bao gồm người chuyển ngữ, trưởng ban chuyển ngữ, những người duyệt lăm, cố vấn về chuyển ngữ.

<sup>2</sup> Bản Tham Khảo (BTK) dùng ký hiệu để trình bày hầu hết những ý muốn nói.

## LỜI TỰA

Mục tiêu của Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK) là để giúp ủy ban chuyển ngữ dịch lời Đức Chúa Trời qua các ngôn ngữ khác khắp trên thế giới. Sách này giúp các người chuyển ngữ dễ dàng thấy những gì đã được biết về đoạn kinh văn, gồm cả ý nghĩa và những nan đề có thể có trong khi chuyển ngữ. Sách chứa đựng sự hiểu biết rút từ nhiều sách và của nhiều người, được sắp đặt theo một cách dễ sử dụng, để mọi người trong ủy ban chuyển ngữ có thể chú tâm vào việc chuyển ngữ sứ điệp của Đức Chúa Trời một cách hoàn hảo.

Trong khi các người chuyển ngữ dùng BTK (cũng như các tài liệu khác), họ phải dùng những nguyên tắc về chuyển ngữ đúng. Một trong những điều quan trọng nhất cho mỗi ủy ban chuyển ngữ phải quan tâm đến đó là bản dịch của họ được tự nhiên hay theo từng chữ một trong tiếng Hy-lạp như thế nào. Bản dịch nghe phải tự nhiên để sứ điệp được truyền thông một cách rõ ràng. Tuy nhiên, nó không được khác biệt với văn bản gốc đến nỗi sẽ bị chính những người sử dụng từ khước.

Mặc dù BTK giúp cho người chuyển ngữ không cần phải để nhiều thì giờ tham khảo, tuy nhiên nó không thể thay thế các sách giải nghĩa Kinh Thánh và các bản dịch khác là những tài liệu tham khảo có giá trị. Các người dịch cũng nên có sẵn các sách tham khảo khác như là một tự điển cơ bản, một tự điển Kinh Thánh, và các bản dịch của các ngôn ngữ khác. Phần cuối sách có một danh sách từ ngữ định nghĩa những từ và nhóm từ quan trọng mà người chuyển ngữ cần nên biết để sử dụng Bản Tham Khảo một cách có hiệu quả hơn.

## Chú Giải Ký Hiệu Được Dùng Trong Bản Tham Khảo

Bản Tham Khảo dùng <sup>4</sup> ký hiệu để giúp cho uỷ ban chuyển ngữ có sự chọn lựa trong tiến trình chuyển ngữ. Có ba nguyên tắc cho những sự chọn lựa đó:

- (1) Bản dịch phải được chính xác, có nghĩa là, nó phải được truyền đạt cùng một ý nghĩa mà chính tác giả muốn nói, và phải rõ ràng (hay không rõ ràng) như ý của chính tác giả.
- (2) Bản dịch phải được tự nhiên, có nghĩa là, văn phạm và những thành ngữ trong ngôn ngữ của người đọc cần được sử dụng một cách thích hợp để cho người đọc hiểu dễ dàng và nghe được tự nhiên.
- (3) Bản dịch phải được chấp nhận bởi người sử dụng, có nghĩa là, dịch theo ý của nguyên bản chứ không dịch theo từng chữ một và không được tự do vượt ra ngoài ý mà chính tác giả muốn nói lên.

Có **bốn** ký hiệu chính được dùng trong Bản Tham Khảo là:

1. { ⇔ } Giúp cho người dịch có nhiều cách khác nhau để diễn tả ý nghĩa của một từ hay một nhóm từ trong một bản văn Hy-lạp. Chỉ được chọn một cách để dùng cho một bản dịch. Một **mũi tên hai đầu** phân biệt các sự chọn lựa này. Trong tất cả các sự chọn lựa chúng tôi đã cố gắng viết chúng xuống một cách tự nhiên trong tiếng Việt. Sự **chọn lựa đầu tiên** là câu theo sát với từ ngữ Hy-lạp nhất, tức là, có sự cấu trúc và từ vựng được dùng rất gần với bản Hy-lạp và luôn luôn giải thích ý nghĩa <sup>5</sup> các thành ngữ trong bản Hy-lạp là gì. **Các sự chọn lựa khác** được viết ra để cho thấy có nhiều cách chuyển ngữ khác nhau của đoạn kinh văn khó chuyển ngữ. Tại mỗi { ⇔ } người chuyển ngữ nên dùng các bước sau đây để chọn cách tốt nhất diễn tả ý của đoạn kinh văn trong ngôn ngữ của họ:

- a. Nếu cách chuyển ngữ theo sát từ ngữ trong bản Hy-lạp truyền thông được đúng ý nghĩa VÀ nghe tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, đó là sự chọn lựa tốt nhất. (Nếu cách dịch-theo-từng-chữ làm cho ý nghĩa trong bản dịch của bạn khác với ý của nguyên bản mà chính tác giả muốn đề cập đến thì sự chọn lựa đầu tiên KHÔNG NÊN dùng). Nếu không thể dùng được cách chuyển ngữ sát nghĩa, tiếp tục với bước b.
- b. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một hình thái từ hay một cách nào khác tự nhiên hơn để diễn tả cùng một ý nghĩa của câu đầu tiên, hãy dùng

---

<sup>4</sup> Các ký hiệu là các biểu tượng và dấu hiệu có ý nghĩa. Ký hiệu là cách truyền thông một điều gì một cách ngắn và gọn. Thí dụ một câu hay một đoạn thường được dùng có thể được thay thế bằng một ký hiệu để truyền thông cùng một ý mà câu hay đoạn đó muốn nói. Vì Bản Tham Khảo (BTK) dùng các ký hiệu, mỗi trang chỉ cần một vài lời chú thích. Một trong những **lợi ích lớn nhất** của việc dùng ký hiệu là khả năng nhận ra một cách nhanh chóng **các vấn đề chuyển ngữ trong ngữ cảnh**. Khi dùng ký hiệu như vậy sẽ **đỡ tốn thì giờ** của người chuyển ngữ để tìm hiểu ý nghĩa của đoạn kinh văn và các nan đề của việc chuyển ngữ, nhưng nó cũng khiến cho các người chuyển ngữ **rất cần** phải học các ký hiệu được dùng trong BTK.

<sup>5</sup> Về định nghĩa của “**các thành ngữ**”, các từ và các nhóm từ quan trọng khác hãy xem **Danh Sách Từ Ngữ** ở phần cuối của sách này.

thành ngữ hay cách đó. Nếu <sup>6</sup>bản Hy-lạp dùng một thành ngữ ở trong câu đầu tiên, cố gắng dùng một hình thái từ trong ngôn ngữ của bạn. Nếu ngôn ngữ của bạn không dùng một thành ngữ để diễn tả ý nghĩa của cả đoạn kinh văn được, nên chuyển ngữ ý nghĩa bằng cách nói thẳng, có thể dùng cách giống như cách thứ nhì hay thứ ba. Hãy chuyển ngữ một cách tự nhiên để cho sứ điệp được chính xác và rõ ràng. Nếu có nhiều cách nghe tự nhiên thì cách gần giống ý của câu đầu tiên là tốt nhất.

2. / Tương tự như { ⇔ } ở trên, ngoại trừ ký hiệu “ / ” **chỉ được chọn một chữ trong hai.**
3. ( ) Những điều nằm trong ký hiệu này là những **thông tin được hàm ý** (tức là thông tin được truyền thông qua bản Hy-lạp nhưng không được viết hẳn ra). Chỉ khi nào cần tránh cho người đọc khỏi hiểu sai ý của tác giả trong nguyên bản Hy-lạp hay lời văn thiếu tự nhiên thì những **thông tin được hàm ý** sẽ được viết ra trong bản dịch của bạn. Nói một cách khác **tốt nhất là không viết những thông tin được hàm ý** ra trong bản dịch của bạn nếu làm như vậy mà vẫn truyền thông được sứ điệp một cách chính xác và tự nhiên. Nếu không bạn có thể viết những hàm ý xuống. Ban chuyển ngữ có thể quyết định để một số thông tin hàm ý trong lời chú thích ở cuối trang thay vì ở trong bản dịch. Một số bản dịch in hàm ý *bằng chữ nghiêng* hay giữa hai ngoặc vuông. Những người chuyển ngữ khác không đánh dấu ý được hàm ý hay chỉ đôi khi mới đánh dấu.
- ( ) Ký hiệu này cũng được dùng trong ba cách khác nữa: (1) Được dùng trong đoạn kinh văn để cho biết câu Kinh Thánh hay đoạn Kinh Thánh được trích dẫn ở trong Cựu Ước. Một số ban chuyển ngữ quyết định để địa chỉ (số của câu và đoạn Kinh Thánh được trích dẫn ở trong Cựu Ước trong bản dịch của bạn) sát theo sau câu Kinh Thánh được trích dẫn, một số ban chuyển ngữ khác để trong lời chú thích ở cuối trang, một số khác nữa không đánh dấu ở đâu cả. (2) Nó cũng được dùng trong việc chú thích bên lề để cho thấy một phần của đoạn Kinh Thánh tương tự được gạch dưới giống nhau ở những chỗ khác trong Kinh Thánh (hãy xem Ma-thi-ơ 3:17 làm thí dụ). (3) Các ký hiệu này được dùng trong các đề tài và chủ đề cho các thông tin tùy thích.
4. < > Dùng cho những thông tin rõ ràng (được viết ra) trong bản Hy-lạp, nhưng nghe **tự nhiên hơn** nếu ý này được để **hàm ý** (tức là không viết rõ ra) trong bản dịch tiếng Việt. Bao gồm thông tin đó có thể nghe tự nhiên hay nghe không tự nhiên khi được chuyển ngữ sang một thứ tiếng khác. Người chuyển ngữ nên quyết định xem có nên để ý đó vào bản dịch của mình hay không.

Phần **còn lại** của những ký hiệu được dùng ở trong Bản Tham Khảo là:

5. (( )) Được dùng để chỉ một loại **thông tin hàm ý** đặc biệt khác với loại thông tin hàm ý được nói ở trên phần số 3 ở trên. Hầu hết các người chuyển ngữ sẽ **không** bao gồm thông tin này trong bản dịch, vì thiếu nó không làm cho sai ý nghĩa, chỉ không được đầy đủ ý nghĩa giống như các đọc giả đầu tiên đã hiểu. Tuy nhiên, người chuyển ngữ có thể muốn để thông tin được hàm ý này vào để thêm sự hiểu

<sup>6</sup> Nếu bạn muốn biết **cấu trúc trong văn bản Hy-lạp** trong BTK, chọn câu đầu tiên ở trong mỗi { ⇔ } và tại mỗi /, bao gồm thông tin trong < >, và bỏ qua thông tin ở trong ( ) và (( )).

biết cho đồng hương của họ. Đa số những người đó để thông tin được hàm ý trong lời chú thích ở cuối trang, không phải ở ngay trong bản văn. Tuy nhiên, có một số ít người sẽ để ở trong bản dịch. Thường có một **Lời Chú Thích ở cuối trang được đề nghị** được để gần (( )). Nội dung của **Lời Chú Thích** có thể được dùng thay vì viết rõ thông tin được hàm ý đó vào trong bản dịch.

6. [ ] Cho thấy **sự khác biệt trong cách viết** của các bản thảo Hy-lạp, những sự khác biệt này cũng có hoặc không có trong **Bản Hy-lạp của Thánh Kinh Hội** (Bản Hy-lạp được đa-số bản dịch tiếng Anh dùng) và/hay <sup>7</sup>**Văn Bản Hy-lạp Đa Số**. (Hãy xem Danh Sách Từ Ngữ). Trong Bản Tham Khảo những phần kinh văn ở ngoài [ ] được chuyển ngữ theo Văn Bản Hy-lạp của Thánh Kinh Hội. **Những chỗ khác biệt trong cách viết** - của các văn bản Hy-lạp được các ủy ban chuyển ngữ giải quyết - một cách khác nhau. Nếu có một khác biệt trong cách viết được đưa vào trong đa số hay hầu hết các bản thảo chính thì có nhiên ban chuyển ngữ đưa sự khác biệt đó vào trong bản dịch của họ. Điều đó thật là đúng cho những sự khác biệt có liên hệ đến cho những đơn vị lớn như trong nhiều câu hay cả đoạn. Ủy ban chuyển ngữ có thể chọn hoặc để câu **khác biệt trong cách viết** đó vào trong ngoặc vuông [ ], hay để trong một dấu nào khác, hay không dùng cách nào cả. Họ có thể muốn hay không muốn để những sự khác nhau khác không được để trong bản dịch vào trong một lời chú thích ở cuối trang. Nếu sự khác biệt này chỉ có trong một số ít bản thảo, đa số các ủy ban chuyển ngữ **không** để vào trong bản dịch hay trong lời chú thích ở cuối trang ngoại trừ một vài trường hợp rất hiếm có. Ở mỗi [ ] tốt hơn nên xem bản dịch trong tiếng quốc ngữ nói gì.
7. Một số **nhỏ** đánh dấu sự bắt đầu của bản văn được giải thích hay bình luận trong lời chú thích ở cuối trang. Lời chú thích ở cuối trang có cùng một số với số ở trong bản dịch. Nếu cùng một vấn đề xảy ra nhiều lần trong một câu hay trong những câu kế tiếp, chỉ có lần đầu tiên là có **Lời Chú Thích ở cuối trang**. Trường hợp này xảy ra rất nhiều với <sup>GTK</sup> và trong { ↔ }.
8. \* (được dùng với **gạch dưới**) cho thấy ở bên cạnh lề có địa chỉ của một câu Kinh Thánh ở một chỗ khác trong Tân Ước có cùng một từ vựng với phần kinh văn được gạch dưới theo sau \*. Điều này giúp cho ban chuyển ngữ những đoạn này một cách nhất quán. Có tất cả bốn gạch dưới—hàng trên cùng cho câu Kinh Thánh ở trong Ma-thi-ơ, hàng thứ hai cho Mác, hàng thứ ba cho Lu-ca và hàng thứ bốn cho Giăng. Đường gạch dưới bị đứt quãng cho thấy là tại điểm đó đoạn kinh văn khác với đoạn kinh văn tương tự được để ở trong lề (cũng hãy xem số 11 kế tiếp).
9. + (dùng với **gạch dưới**) giúp cho người chuyển ngữ thấy có một chỗ đứt quãng nhỏ trong đường gạch dưới. Đoạn kinh văn tương tự được trích dẫn trong lề có những chữ không có ở đây trong đoạn kinh văn có ký hiệu +.

---

<sup>7</sup> **Textus Receptus** ( là theo văn bản mà Tân Ước King James dựa theo) thường giống **Văn Bản Hy-lạp Đa Số**, vì vậy nó thường chỉ nói đến trong lời chú thích ở cuối trang khi nó giống như Văn Bản của Thánh Kinh Hội và khác với Văn Bản Hy-lạp Đa Số. Không phải tất cả sự khác biệt giữa Textus Receptus và Văn Bản Hy-lạp Đa Số được đề cập đến, đặc biệt là khi Văn Bản của Thánh Kinh Hội và Văn Bản Hy-lạp đa số giống nhau nhưng lại khác với Textus Receptus. Muốn biết thêm về các văn bản này xin xem trong **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau của sách này.



10. *TVST* Cho thấy là bản Hy-lạp dùng một nhóm từ **trái với sự thật (giả định)** ở tại điểm này. Một *TVST* nhóm từ mệnh đề nói lên một việc trái ngược lại với những gì đã thật sự xảy ra. Thí dụ câu nói: “Đáng lẽ tôi phải đi” hàm ý “tôi đã không đi”. Trong một số ngôn ngữ cần phải nói rõ thông tin được hàm ý, thí dụ “Đáng lẽ tôi phải đi, nhưng tôi đã không đi”.
11. *GTK* cho thấy rằng các học giả Kinh Thánh có **các sự giải thích khác nhau** của đoạn kinh văn theo sau ký hiệu *GTK*. Sự giải thích thông thường nhất là sự **lựa chọn đầu tiên**. Các sự giải thích khác được để theo thứ tự giảm dần. Lời chú thích ở cuối trang sẽ cho bạn biết mỗi sự giải thích là được hầu hết, nhiều, một số, một vài hay rất ít học giả Kinh Thánh hỗ trợ. Tùy theo ủy ban chuyển ngữ có thể xử với các cách giải thích một cách khác nhau. Thông thường, không phải luôn luôn, sự giải thích được **hầu hết** các học giả ủng hộ là sự giải thích tốt nhất để trong **kinh văn**. Các ủy ban có thể quyết định để các sự giải thích chính khác ở trong **lời chú thích ở cuối trang**, đặc biệt là các sự giải thích được **nhiều** học giả ủng hộ. Hay họ có thể quyết định không để các cách giải thích nào khác vào lời chú thích ở cuối trang. Đôi khi các học giả vô tình **chia phe đều nhau ủng hộ một số giải thích**. Trong những trường hợp này, chỉ một cách giải thích được để trong bản dịch, còn những sự giải thích khác được để trong lời chú thích ở cuối trang. Sự giải thích chỉ được **một số** học giả ủng hộ có thể được hay không được để vào trong lời chú thích ở cuối trang tùy theo sự quyết định của ủy ban chuyển ngữ cho mỗi trường hợp. Sau hết, các sự giải thích được **một vài** hay **rất ít** học giả ủng hộ **thường dứt khoát không được để** trong bản dịch, mặc dù có thể trong một số ít đoạn văn, ủy ban chuyển ngữ quyết định để những sự giải thích như vậy vào trong một lời chú thích ở cuối trang. Rất ít khi ủy ban chuyển ngữ có thể quyết định là sự giải thích chỉ được một số, một vài hay rất ít học giả ủng hộ là sự giải thích đúng để bỏ vào bản dịch. Trong những trường hợp hiếm như vậy sự giải thích khác được nhiều học giả ủng hộ phải được để vào lời chú thích ở cuối trang. Tại mỗi *GTK* nên xem lại xem bản dịch trong chữ quốc ngữ và các sách giải nghĩa Kinh Thánh nói gì về vấn đề này.
12. *NTT* Cho thấy là trong ngôn ngữ của bạn có thể cần có một <sup>8</sup>**đối thoại trực tiếp** thay vì một đối thoại gián tiếp được dùng tại điểm này trong bản Hy-lạp.
13. *NGT* Cho thấy rằng trong ngôn ngữ của bạn có thể cần phải có một **đối thoại gián tiếp** thay vì một đối thoại trực tiếp được dùng tại chỗ này trong bản Hy-lạp.
14. *CH* Ký hiệu này cho thấy câu hỏi sau đây là một **câu hỏi tu từ/câu hỏi không cần câu trả lời** trong văn bản Hy-lạp. Một câu hỏi tu từ thường được dùng để ra một mệnh lệnh, một lời tuyên bố hay một lời yêu cầu một cách gián tiếp, với mục đích để nhấn mạnh hay làm dịu câu nói, cũng như để diễn tả một tình cảm như là thất vọng, không chấp nhận/chỉ trích, giận dữ, vui mừng, ngạc nhiên hay kinh ngạc. Sự sử dụng hay không sử dụng câu hỏi tu từ tùy thuộc vào thái độ của người nói muốn **lễ phép/ lịch sự** tới độ nào đối với những khán giả của ông. Nếu chuyển ngữ

<sup>8</sup> Về định nghĩa của “**lời đối thoại trực tiếp**” và những từ quan trọng khác hãy xem ở trong **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau của sách này. Một số ngôn ngữ có nhiều hơn một loại đối thoại trực tiếp hay gián tiếp.

câu hỏi tu từ sẽ bị hiểu lầm là một câu hỏi thật, thì có thể tốt nhất là: (1) để người hỏi tự trả lời câu hỏi; hay (2) dùng một mệnh lệnh, một lời tuyên bố hay yêu cầu thay vì một câu hỏi. Một số các ngôn ngữ ít dùng các câu hỏi tu từ hơn là tiếng Hy-lạp, một số ngôn ngữ khác dùng tương tự hay nhiều hơn văn bản Hy-lạp. Trong khi chuyển ngữ hãy nhớ như vậy, để bạn có thể làm thế nào nghe cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu hỏi tu từ thường chấm dứt với ?/! để giúp cho người chuyển ngữ quyết định hoặc dùng câu hỏi tu từ, một câu tuyên bố hay một mệnh lệnh để truyền thông ý nghĩa của câu một cách tốt nhất trong ngôn ngữ của bạn.

15. <sup>TD</sup> Đánh dấu một chỗ trong kinh văn khi câu Kinh Thánh trong Bản Tham Khảo được **thay đổi thứ tự** của các mệnh đề trong văn bản Hy-lạp để có thể truyền thông ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Thứ tự của câu đó trong văn bản Hy-lạp được để vào trong lời chú thích ở cuối trang và có thể là thứ tự bạn muốn dùng cho một bản dịch.
16. **LỜI CHÚ THÍCH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ:** Đề nghị một lời chú thích ở cuối trang mà người chuyển ngữ có thể đưa vào trong bản dịch để giúp đỡ người đọc hiểu về những thời đại của Kinh Thánh hơn. Nếu có được những thông tin về văn hóa và các thông tin quan trọng khác trong lời chú thích ở cuối trang, thì người đọc sẽ có thể hiểu biết về lời Chúa sâu đậm hơn. Lời chú thích giúp cho người chuyển ngữ tránh được sự nguy hiểm về hiểu sai ý nghĩa của quá nhiều những thông tin được hàm ý ở trong bản dịch. Một lý do nữa để dùng lời chú thích là Kinh Thánh có thể là quyển sách duy nhất có các thông tin đó nên khó cho người ta có thể học biết về thông tin này bằng một cách nào khác. Lời chú thích còn giúp cho người đọc học về những phong tục tập quán qua các thời đại của Kinh Thánh và những thông tin quan trọng khác nếu nó ở trên cùng một trang hơn là ở trong một quyển sách riêng biệt khác. Đứng ra những người đọc có thể phải học để biết rõ lời chú thích ở cuối trang không phải là một phần trong bản kinh văn chính, nhưng điều này không khó học và sự giúp ích của các thông tin này rất dồi dào. Để giúp cho sự phân biệt lời chú thích ở cuối trang với phần kinh văn chính, bản dịch có thể dùng một hay hai hàng kẻ chia hai phần ra, lời chú thích có thể được in với mặt chữ nhỏ hơn phần kinh văn. Nên bắt đầu lời chú thích bằng số câu để người đọc có thể so sánh lời chú thích với văn bản một cách dễ dàng. Đa số người chuyển ngữ không dùng tất cả những **LỜI CHÚ THÍCH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ** trong bản dịch của họ. Đôi khi chỉ cần chuyển ngữ một phần của lời chú thích. Nhà xuất bản thường giới hạn số lời chú thích có thể có trong một bản dịch—tốt hơn nên biết số lời chú thích được giới hạn (nếu có) trước khi chuyển ngữ xa hơn.
17. **HÌNH ẢNH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ:** Đề nghị hình ảnh mà ủy ban chuyển ngữ có thể muốn để vào trong phần kinh văn tại một chỗ nào đó. Đa số các bản dịch không dùng tất cả những hình ảnh được đề nghị. Phải để hình rải rác trong suốt Tân Ước để các hình ảnh không tụm lại một chỗ.
18. **Gạch Dưới:** Hãy xem số 10 và 11 ở trên. Ký hiệu này chỉ được dùng ở trong các sách Phúc Âm.

**Các chữ viết tắt**

KT = Kinh Thánh

BDM = *Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)*. 2002. Vietnamese Bible Inc./United Bible Societies.

BDC = *Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)*. 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội

BDY = *Thánh Kinh (Bản Diễn ý)*. 1994. International Bibles Society.

BCG = *Kinh Thánh Tân Ước (Bản Công Giáo)*. 1994. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bản Du-Sinh Saint-Joseph

SC = Sau Chúa (sau Công Nguyên) “sau khi Đức Cơ Đốc giáng sinh”

TC = Trước Chúa (trước Công Nguyên) “trước khi Chúa Đức Cơ Đốc giáng sinh”

Ma = Ma-thi-ơ

Cô = Cô-rinh-tô

TƯ = Tân Ước

CƯ = Cựu Ước

UBS = Hội Thánh Kinh [United Bible Society]

... = ba chấm có nghĩa là có những chữ được bỏ ra ở đây

3:4 = Chương 3, câu 4 (thí dụ về số chương, số câu)

5:1–12 = chương 5, từ câu 1 đến câu 12 (thí dụ về số chương, số câu)

BTK = Bản Tham Khảo

– = một gạch dài cho thấy một sự đứt đoạn về tư tưởng hay cấu trúc của một câu.

# Giới Thiệu Phúc Âm Mác

## Tác Giả

Theo truyền thống Phúc Âm Mác do ông <sup>1</sup>Mác viết. Ông cũng được gọi là Giảng Mác (Công Vụ 15:37). Ông Mác đã viết sách này dựa vào lời giảng của sứ đồ Si-môn Phê-rơ. Ông Mác không phải là một trong mười hai sứ đồ của Chúa Giê-su, nhưng có thể ông đã có <sup>2</sup>dịp tiện nghe Chúa Giê-su dạy dỗ. Mẹ của ông Mác tên là Ma-ri (Công Vụ 12:12). Bà có vẻ như là một <sup>3</sup>quả phụ giàu có có nhà ở tại thành phố Giê-ru-sa-lem nơi mà Hội Thánh đầu tiên thỉnh thoảng nhóm lại. Sứ đồ Ba-na-ba (một <sup>4</sup>người Do Thái nói tiếng Hy-lạp ở đảo Síp) là người bà con của ông Mác (Cô-lô-se 4:10).

Ông Mác đã giúp đỡ sứ đồ Ba-na-ba, Phao-lô (Sau-lô) và Phê-rơ trong chức vụ của họ. Trước hết sứ đồ Ba-na-ba và Phao-lô đem ông Mác đi đến thành phố An-ti-ốt với họ (Công Vụ 12:25). Khi hội thánh ở tại thành phố An-ti-ốt gửi sứ đồ Phao-lô và Ba-na-ba đi trong chuyến hành trình truyền giáo đầu tiên, họ đem ông Mác theo giúp đỡ họ (Công Vụ 13:1-5). Tuy nhiên, trước khi họ hoàn tất cuộc hành trình của họ, ông Mác rời họ và <sup>5</sup>trở lại thành Giê-ru-sa-lem (Công Vụ 13:13). Sứ đồ Phao-lô không đồng ý về điều đó, và sau này điều đó làm cho sứ đồ Ba-na-ba và Phao-lô chia tay và thời không đi chung với nhau nữa. Rồi sứ đồ Ba-na-ba đem ông Mác đi đến đảo Síp (Công Vụ 15:36-41). Sau đó rõ ràng là sứ đồ Phao-lô đã tha thứ cho ông Mác (Cô-lô-se 4:10, 2 Ti-mô-thê 4:11), và ông Mác đã làm việc với sứ đồ Phao-lô và Phê-rơ (Phi-lê-môn 1:24, 1 Phi-e-rơ 5:13) trong khi ở tại thành phố <sup>6</sup>Rô-ma, thủ đô của Đế Quốc La-mã.

## Nơi Chón Và Thời Gian Sách Được Viết

Theo truyền thống ông Mác đã viết Phúc Âm này trong khi ông ở tại Tỉnh Y-ta-li (nước Ý), có lẽ tại thành phố **Rô-ma**. Điều này có nghĩa là sách này có thể được viết sớm nhất là vào <sup>7</sup>42 S.C khi sứ đồ Phê-rơ mới tới Rô-ma lần đầu tiên. Tuy nhiên, <sup>8</sup>đa số học giả Kinh Thánh nghĩ Phúc Âm Mác

---

<sup>1</sup> Trong Tân Ước chỉ nhắc đến một người tên Mác.

<sup>2</sup> Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ ông Mác là người thanh niên trần truồng chạy trốn khỏi Vườn Ghết-sê-ma-nê trong Mác 14:51-52.

<sup>3</sup> Mẹ của ông Mác có vẻ như là chủ gia đình ở trong Công Vụ 12:12, hàm ý rằng bà là một quả phụ.

<sup>4</sup> Vì sứ đồ Ba-na-ba thuộc về chi tộc Lê-vi (Công Vụ 4:36), nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ là ông Mác cũng thuộc về chi tộc Lê-vi nữa.

<sup>5</sup> Mặc dù chúng ta không biết lý do tại sao ông Mác trở về nhà, một số học giả Kinh Thánh cho rằng ông ta nhớ nhà.

<sup>6</sup> Phê-rơ nhắc đến “Ba-by-lôn” trong 1 Phi-e-rơ 5:13 có lẽ muốn nói đến thành phố Rô-ma.

<sup>7</sup> Theo một trong các tổ phụ của hội thánh, sứ đồ Phê-rơ ở thành Rô-ma vào khoảng năm đầu tiên hay năm thứ nhì của triều đại Cơ-lâu. Cơ-lâu là Hoàng Đế từ năm 41-54 S.C.

<sup>8</sup> Một phần rắc rối là một trong những tổ phụ của hội thánh, ông Cơ-lê-mã ở thành phố A-lich-son (150-215 S.C), đã nói rằng ông Mác viết Phúc Âm này trong khi sứ đồ Phê-rơ còn sống, nhưng một tổ phụ khác của hội thánh viết (vào khoảng 175 S.C) rằng ông Mác đã viết sau “sự ra đi” (chết? hay đi khỏi thành Rô-ma?) của sứ đồ Phê-rơ và Phao-lô. Theo truyền thống Hoàng Đế Nê-rô xử tử sứ đồ Phê-rơ vào khoảng 64-65 S.C. và sứ đồ Phao-lô vào khoảng 66-68 S.C. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng sách Mác được viết sau khi thành Giê-ru-sa-lem bị tàn phá vào năm 70 S.C, bởi vì những lời tiên tri của Chúa Giê-su về sự tàn phá của thành này ở chương 13. Tuy nhiên, các chi tiết trong

được viết vào khoảng 60-70 S.C , nhất là vào khoảng 64-70 S.C, để khích lệ các con dân Chúa đang <sup>9</sup>bị bắt bớ bởi Hoàng Đế La-mã Nê-rô. Tuy nhiên, nếu ông Lu-ca viết Công Vụ vào khoảng 62-63 S.C <sup>10</sup>(như là nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ), và nếu ông Lu-ca đã tham khảo Phúc Âm Mác trong khi viết Phúc Âm Lu-ca (như đa số học giả đồng ý), thì Phúc Âm Mác được viết sớm hơn là 60 S.C nghe có vẻ thích hợp hơn. Khoảng thời gian đó cũng phù hợp với truyền thống nói là ông Mác đã chết ở tại thành phố <sup>11</sup>A-lich-son, thủ đô của nước Ai-cập, trong năm thứ tám của <sup>12</sup>triều đại của Hoàng Đế Nê-rô, vào khoảng <sup>13</sup>62 S.C.

### Độc Giả

Có vẻ như là ông Mác viết Phúc Âm này chính là để dành cho **người ngoại quốc**, vì ông giải thích các phong tục của người Do Thái (7:2-4, 19; 14:12, 15:42) và chuyển ngữ các nhóm từ <sup>14</sup>tiếng A-ram (3:17, 5:41, 7:11, 34; 9:43, 10:46, 14:36, 15:22, 34). Theo truyền thống thì ông Mác đã viết sách này theo lời yêu cầu của nhiều người nghe ông Phê-rô giảng. Nếu ông đã viết cho <sup>15</sup>các con dân Chúa đang bị bắt bớ (xem đoạn trước), thì đức tin của họ chắc sẽ được khích lệ vì gương chịu khổ của Chúa Giê-su.

### Mục Đích Và Chủ Đề

Ông Mác muốn tất cả mọi người biết và tin rằng Chúa Giê-su là Chúa Cứu Thế, Con của Đức Chúa Trời. Có lẽ đó cũng là **chủ đề chính** của sách Mác và **mục đích** mà ông viết sách này. Trong câu 1, ông giới thiệu Chúa Giê-su như là Con của Đức Chúa Trời. Ông cũng thường xuyên nhắc nhở chúng ta về Chúa Giê-su là ai. Đức Chúa Trời gọi Ngài là Con Ta (1:11, 9:7), và Chúa Giê-su gọi Đức Chúa Trời là Cha Ta (8:38, 10:40, 13:32) và “A-ba/Cha” (14:36). Ngay cả các <sup>16</sup>ma quỷ đã biết

chương 13 rất là khác biệt với điều chúng ta biết thật sự xảy ra vào 70 S.C nên dường như việc sách Mác được viết sau năm 70 S.C là không hợp lý.

<sup>9</sup> Vào mùa hè năm 64 S.C có một trận hoả hoạn tàn phá hầu hết thành Rô-ma. Có tin đồn là Hoàng Đế Nê-rô ra lệnh đốt thành; vậy nên, để tránh bị người ta đổ thừa cho ông, ông đổ cho những Cơ Đốc Nhân và bắt đầu bắt bớ họ dữ dội. Ông đã ra lệnh tra tấn và giết hàng ngàn Cơ Đốc Nhân.

<sup>10</sup> Hãy xem lời giới thiệu của Công Vụ để thảo luận kỹ càng hơn.

<sup>11</sup> A-lich-son là thành phố quan trọng thứ nhì trong Đế Quốc La-mã chỉ sau thành phố Rô-ma. Sau khi ông Mác làm thông dịch viên cho ông Phê-rô ở tại thành Rô-ma, ông đi tới thành phố A-lich-son và đã thiết lập hội thánh ở đó.

<sup>12</sup> Nê-rô là Hoàng Đế của Đế Quốc La-mã từ năm 54-68 S.C, cho tới khi ông tự kết liễu đời mình vào năm 30 tuổi.

<sup>13</sup> Chúng ta không biết chắc Mác đã chết vào lúc nào. Thí dụ, trong 2 Ti-mô-thê 4:11 Phao-lô yêu cầu Ti-mô-thê đem Mác đến với ông. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Phao-lô viết 2 Ti-mô-thê vào khoảng năm 66-67 S.C trong khi ông bị tù ở thành Rô-ma lần thứ nhì. Tuy nhiên, các học giả khác nghĩ rằng 2 Ti-mô-thê được viết khi ông Phao-lô bị ở tù lần trước.

<sup>14</sup> Mặc dù tiếng Hy-lạp được dùng trong khắp Đế Quốc La-mã vào lúc đó, tiếng mẹ đẻ của đa số người Do Thái là tiếng A-ram. Tiếng A-ram rất gần với tiếng Hy-bá là tiếng của người Do Thái.

<sup>15</sup> Một số câu Kinh Thánh có vẻ đặc biệt liên hệ đến những người này kể cả Mác 1:13; 3:21-30; 4:16-19, 40; 5:36; 8:14-21; 31-9:1; 9:12-13, 49; 10:17-31; 11:22; 13:5-13; 14:35-38; 15:15-20. Thật là thích thú khi Mác nhắc đến đã thú ở trong 1:13, vì Hoàng Đế Nê-rô cho các dã thú ăn sống các Cơ Đốc Nhân ở trong các câu trường. Cũng chú ý tới việc ông nhắc đến “các sự bắt bớ” trong 10:30.

<sup>16</sup> Trong một số lần Chúa Giê-su cấm dân chúng (1:44; 5:43; 7:36; 8:26, 30; 9:9) hay các ma quỷ (1:34; 3:11-12) nói cho những người khác biết về việc Ngài đã làm hay Ngài là ai. Điều đó càng nhấn mạnh sự kiện Ngài là Chúa Cứu Thế, Con Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-su là ai và kêu lên rằng Chúa là Con Đấng Chúa Trời (1:34, 3:11, 5:7). Khi vị trưởng tế hỏi Chúa Giê-su: “Anh có phải là Chúa Cứu Thế, Con Đấng Chúa Trời Phúc Lành không?” (14:61), Chúa Giê-su đã trả lời: “Phải”. Khi Chúa Giê-su bị chế nhạo và đóng đinh trên thập tự giá, Ngài được gọi là “Vua dân Do Thái” và “Chúa Cứu Thế, Vua dân Do Thái” (15:2, 9, 12, 17-20, 26, 31). Ở giữa sách, ông Mác thách thức đọc giả của ông với câu hỏi mà Chúa Giê-su hỏi các môn đệ của Ngài: “Còn *các con* nói Ta là ai?” (8:29, cũng hãy xem câu hỏi của các môn đệ ở trong 4:41). Sứ đồ Phê-rô trả lời: “Chúa là Chúa Cứu Thế.” Ông Ba-ti-mê gọi Chúa Giê-su là “<sup>17</sup>Con/Dòng dõi vua Đa-vít” (10:47-48; hãy xem sự đáp ứng tương tự của đám đông ở trong 11:9-10). Người đội trưởng đã đóng đinh Chúa Giê-su trên thập tự giá đã nói: “Người này thật là Con Đấng Chúa Trời!” (15:39). Câu trả lời của bạn là gì? Hãy nhớ đến chủ đề này trong khi bạn chuyển ngữ.

Sách Mác đầy những thí dụ chứng tỏ và xác nhận Chúa Giê-su là ai. Ông Mác đặc biệt nhấn mạnh đến <sup>18</sup>quyền năng lạ lùng và thẩm quyền <sup>19</sup>đạy dỗ; chỉ có Chúa Cứu Thế, Con Đấng Chúa Trời, có thể làm được những điều đó và dạy dỗ một cách có thẩm quyền như vậy!

Có nhiều **chủ đề** khác và **các phụ đề** trong sách này hỗ trợ cho chủ đề chính:

Qua suốt sách Mác, Chúa Giê-su hoàn toàn nắm giữ và nhận thức kế hoạch của Đấng Chúa Trời để cứu nhân loại khỏi sự trừng phạt đời đời vì tội lỗi của họ. Trong 8:31 Chúa Giê-su bắt đầu giải thích cho các môn đệ của Chúa rằng vì Ngài là Chúa Cứu Thế Ngài sẽ phải bị phản bội, bị các môn đệ bỏ rơi, <sup>20</sup>chịu đau khổ, bị chế nhạo, chết và sống lại từ kẻ chết (9:1, 9-10, 12, 30-32; 10:32-34, 45; 14:8, 18-21, 25, 27-31, 35-36, 39, 41, 49; cũng hãy xem 2:20). Ông Mác muốn mọi người biết rằng sự chết của Chúa Giê-su không phải là một tai nạn và không có điều gì về Chúa Giê-su đáng để xấu hổ (8:38). Chúa Giê-su vâng theo ý của Cha Ngài (14:35-36) và đã chết trên thập tự giá để trả giá chuộc mà chúng ta không thể trả được. Ngài là Vua của chúng ta, nhưng cũng là Đầy Tớ của chúng ta (10:45)!

Ông Mác thường hay nhắc đến các đám đông đi theo Chúa Giê-su (1:28, 32-34, 37, 45; 2:2, 13, 15; 3:7-8, 20, 32; 4:1, 5:20, 21, 24; 6:31, 33-34, 44, 55-56; 7:14, 17; 8:1, 34; 9:15, 25; 10:1, 13; 11:8, 18; 12:37; 1:5 cũng tương tự). Ông cũng ghi lại sự kinh ngạc của đám đông về Chúa Giê-su (1:22, 27; 2:12; 5:20, 42; 6:2; 7:37; 11:18), sự kinh ngạc của các môn đệ của Chúa Giê-su (4:41; 6:51; 10:24; 26), và ngay cả sự kinh ngạc của kẻ thù của Chúa Giê-su (12:17, 32; 15:5). Ông

<sup>17</sup> “Con/Dòng dõi Vua Đa-vít” là một tước vị khác của Chúa Cứu Thế. Đấng Chúa Trời đã hứa với Vua Đa-vít một người trong dòng dõi của Vua sẽ cai trị dân của Đấng Chúa Trời đời đời (2 Sa-mu-ên 7:11b-13).

<sup>18</sup> Chúa Giê-su làm phép báp-tem bằng Đấng Thánh Linh cho người ta (1:8), sống giữa dã thú mà không bị hại (1:13), chữa lành bệnh cho người ta (1:29-31, 32-34, 40-45; 2:3-12; 3:1-6, 10; 5:22-43; 6:5, 55-56; 7:31-37; 8:22-26; 10:46-52), đuổi các quỷ ra khỏi người ta (1:23-27, 32-34, 39; 3:11; 5:1-20; 7:24-30; 9:14-29), sai các môn đệ của Ngài đi ra với quyền năng (6:7, 13; 16:17-18, 20), hoá bánh ra nhiều cho hàng ngàn người ăn (6:30-44, 8:1-13), tha thứ tội lỗi cho người ta (2:5, 10), đi trên mặt nước (6:48-49), và làm cho bão êm lặng (4:35-41; 6:47-52), được hoá hình (9:2-13), sống lại từ kẻ chết (16:6-7), và sẽ trở lại trên các đám mây ở bên tay phải của Đấng Chúa Trời (8:38; 13:26-27; 14:62).

<sup>19</sup> Sự dạy dỗ của Chúa Giê-su đầy quyền năng (1:27), không giống như các chuyên gia kinh luật (1:22). Chúa đã dạy các môn đệ của Ngài, các đám đông và các nhà lãnh đạo Do Thái nhiều điều (2:18-22, 23-27; 3:23-30; 4:2-9, 13-20, 23-34; 7:1-23; 8:14-21, 31-9:1, 23, 33-50; 10:13-31, 35-45; 11:12-14, 20-25; 12:1-13:37). Ngài thường dùng các câu chuyện ngụ ngôn.

<sup>20</sup> Người Do Thái, kể cả các môn đệ của Chúa Giê-su, mong đợi Chúa Cứu Thế là một người đánh trận hùng mạnh như vua Đa-vít. Họ mong đợi Ngài lật đổ người La-mã đang cai trị họ vào lúc đó và Ngài sẽ cai trị thế giới. Cho tới khi Chúa Giê-su sống lại từ kẻ chết các môn đệ của Chúa mới hiểu rằng Chúa Cứu Thế phải chịu đau khổ và chết.

Mác muốn cho các đọc giả của ông cũng kinh ngạc về Chúa Giê-su và đi theo Ngài như đám đông đã làm.

Mặc dù có nhiều người đã đi theo Chúa Giê-su, một số người từ khước Ngài. Ngài bị từ khước bởi các nhà lãnh đạo Do Thái (2:6-8, 16-17, 23-27; 3:1-6, 22-30; 7:1-13; 8:11-13; 10:2-12; 11:15-19, 27-33; 12:12-35; 14:1-2, 10-11), những người đã bắt đầu lên kế hoạch để giết Ngài; có lẽ chính gia đình Ngài (3:21, 6:4); những người ở thị trấn Giê-ra-sê (5:17); những người ở nhà Giai-ru (5:40); những người ở thị trấn Na-xa-rét, quê của Ngài (6:1-6); Vua Hê-rốt (6:14-29); thế hệ của Ngài (9:19); chính môn đệ của Ngài, <sup>21</sup>Giu-đa (14:10-11); các môn đệ khác của Ngài (14:50-51), đặc biệt là ông Phê-rơ (14:66-72). Mỗi trường hợp Chúa bị từ khước thách thức đọc giả của Ngài tự quyết định cho chính họ Chúa Giê-su là ai. Thí dụ, có phải Chúa là Bê-ê-xê-bun, như những chuyên gia kinh luật nói ở trong 3:22, hay Ngài là Chúa Cứu Thế, Con Đức Chúa Trời?

Ông Mac muốn các đọc giả của ông đáp lời kêu gọi ăn năn, đi theo Chúa Giê-su, vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời và giữ lòng trung tín dù có bất cứ điều gì xảy ra (1:15, 17; 2:14, 17; 3:13-19, 33-35; 4:9, 23-25, 40; 5:34, 36; 6:50; 8:34-38; 9:43-50; 10:52; 11:22; 13:5, 9, 13, 23, 33, 35, 37; 16:16). Ngoài gương của Chúa Giê-su, sách Mac cho chúng ta nhiều gương khác để theo, kể cả người bị bại và các bạn hữu của anh ta (2:3-5), các hạt giống rơi vào đất tốt (4:8, 20), ông Giai-ru (5:22-24, 35-43), người đàn bà bị xuất huyết (5:25-34), người đàn bà ngoại quốc (7:24-30), cha của đứa trẻ bị quỷ ám (9:17-27), các đầy tớ và các nô lệ (9:35, 10:43-45), các trẻ em (10:13-16), bà goá (12:41-44), và ông Ba-ti-mê (10:46-52). Sách Mac cũng kèm theo những gương mà chúng ta không nên theo như các hạt giống rơi trên đường mòn, đất đá sỏi và giữa bụi gai (4:4-7, 15-19), các nhà lãnh đạo Do Thái và vua Hê-rốt (8:15; 12:38-40), một người giàu có (10:17-22), các người lãnh đạo của thế giới này (10:42-45), một cây vả (11:12-14, 20-26), những người buôn bán ở đền thờ (11:15-19), sự thiếu đức tin và chậm chạp trong việc hiểu Ngài của các môn đệ (4:13, 40-41; 6:37, 49-52; 7:17-23; 8:4, 14-21, 31-33; 9:32), những người tá điền và thợ xây nhà gian ác (12:1-12). (Hãy xem đoạn trước để xem địa chỉ của các điều được trích dẫn khác).

Chúa Giê-su đã nói một số lời tiên tri mà <sup>22</sup>đã được ứng nghiệm trong sách Mac. Sau khi thấy quyền năng và thẩm quyền tuyệt đối của Chúa Giê-su qua suốt sách này, chúng ta chắc chắn (13:30-31) rằng các lời tiên tri khác mà Ngài đã phán, đặc biệt là những lời tiên tri về ngày tận thế và sự trở lại của Ngài (8:38, cả chương 13, nhất là 13:10, 26-27; 14:25, 62), cũng sẽ được <sup>23</sup>ứng nghiệm. Ngài đã bảo chúng ta phải canh chừng và sẵn sàng/chuẩn bị cho sự trở lại của Ngài (13:5, 9, 23, 33, 35, 37)!

Chúa Giê-su đã đến thế gian để kêu gọi người ta ăn năn tội lỗi của mình và tin sứ điệp của Đức Chúa Trời (1:15; 2:17). Đó là lý do tại sao Ngài đã để nhiều thì giờ để giảng và dạy sứ điệp của Đức Chúa Trời cho người ta (1:14, 17, 38-39; 2:2, 13; 4:1; 6:2, 6b-13, 34; 10:1, 13-16; 12:35-40). Ngài muốn chúng ta cũng làm như vậy, rao giảng Phúc Âm cho đến tận cùng trái đất, nói cho mọi người (kể cả người Do Thái lẫn người ngoại quốc) về việc Đức Chúa Trời đã làm để cứu họ khỏi sự trừng phạt đời đời (4:21-23, 5:19; 13:10; 16:15)!

<sup>21</sup> Tuy nhiên, hãy chú ý Đức Chúa Trời đã dùng tội lỗi của Giu-đa và các nhà lãnh đạo Do Thái trong kế hoạch của Ngài để cứu nhân loại (9:12, 14:21, 36, 48-49).

<sup>22</sup> Tất cả các lời tiên tri về sự chịu đau khổ của Chúa, sự chết và sự sống lại (8:31; 9:9, 12, 30-32; 10:32-34; 14:8) đều được ứng nghiệm. Lời tiên tri về bữa ăn Lễ Vượt Qua (14:12-15) được ứng nghiệm trong 14:16; lời tiên tri về người sẽ phản nộ Ngài (14:18-21) được ứng nghiệm ở trong 14:43-46; lời tiên tri về tất cả các môn đệ của Chúa sẽ vấp ngã (14:27-28) được ứng nghiệm trong 14:50-52; lời tiên tri về việc Phê-rơ chối Chúa (14:29-31) được ứng nghiệm trong 14:66-72.

<sup>23</sup> Chúa Giê-su nói những lời tiên tri khác ở trong 12:39 và 14:9.

## Dàn Bài

Trong khi bạn nhớ đến các chủ đề của Phúc Âm Mác, xem dàn bài của cách sách <sup>24</sup> được cấu trúc cũng là một điều ích lợi.

**Mác 1:1-1:13:** Sự chuẩn bị cho chức vụ của Chúa Giê-su

Chúa Giê-su được giới thiệu như là Chúa Cứu Thế, Con Đức Chúa Trời

Giăng Người Làm Phép Báp-tem:

chuẩn bị dân chúng cho sự đến của Chúa Giê-su

làm phép báp-tem cho Chúa Giê-su

Sa-tan cố gắng cám dỗ Chúa Giê-su phạm tội

**Mác 1:14-10:52:** Chức vụ đầy quyền năng của Chúa Giê-su ở chung quanh và trong Tỉnh Ga-li-lê

1:14-3:35: Chúa Giê-su kêu gọi các môn đệ

Chúa Giê-su chữa bệnh cho nhiều người và đuổi quỷ ra khỏi người ta

Đám đông đi theo Chúa Giê-su

Chúa Giê-su đi vòng quanh tỉnh Ga-li-lê rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời

Bắt đầu có xung đột với các nhà lãnh đạo Do Thái

4: Chúa Giê-su kể một số chuyện ngụ ngôn

Chúa Giê-su làm bão êm lặng

5: Chúa Giê-su đuổi quỷ ra khỏi một người

Đức Chúa Giê-su khiến cho con gái ông Giai-ru sống lại và chữa lành bệnh cho một người đàn bà

6-10: Dân chúng ở thị trấn Na-xa-rét từ khước Chúa Giê-su

Chúa Giê-su sai mười hai môn đệ ra đi

Vua Hê-rốt chặt đầu Giăng Báp-tít

Chúa Giê-su cung cấp thức ăn cho dân chúng ăn (hai lần)

Chúa Giê-su đi bộ trên mặt nước

Chúa Giê-su chữa lành bệnh cho nhiều người nữa và đuổi quỷ ra khỏi người ta

Thêm xung đột với các nhà lãnh đạo Do Thái

Đức tin mạnh mẽ của một người đàn bà ngoại quốc

Ông Phê-rô xưng nhận Chúa Giê-su là Chúa Cứu Thế

---

<sup>24</sup> Có rất nhiều dàn bài khác nhau được đề nghị cho sách Mác, chỉ một số ít dàn bài là giống nhau. Một vài nhà giải kinh không cố gắng ngay cả làm dàn bài cho sách này, ngoại trừ dàn bài rất là tổng quát. Họ nghĩ rằng không có dàn bài đầy đủ cho sách Mác bởi vì cách ông Mác đã pha trộn các đề tài. Người ta thường nói rằng các sách Phúc Âm là những câu chuyện về Sự Khổ Nạn của Chúa Giê-su với lời giới thiệu được kéo dài.



Chúa Giê-su mấy lần nói tiên tri về sự chết và sự sống lại của Ngài  
Chúa Giê-su dạy dỗ các môn đệ của Ngài về việc làm đầy tớ  
Chúa Giê-su hoá hình  
Chúa Giê-su và các môn đệ bắt đầu đi lên thành phố Giê-ru-sa-lem  
Chúa Giê-su ban phước cho các em nhỏ  
Chúa Giê-su dạy về sự sống đời đời (câu hỏi của người giàu có)

**Mác 11-13:** Chức vụ đầy quyền năng của Chúa Giê-su ở chung quanh và trong thành Giê-ru-sa-lem

11-12: Đám đông đi cùng với Chúa Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem

Chúa Giê-su rửa sả cây vả và dạy về đức tin  
Chúa Giê-su đuổi người buôn bán ra khỏi sân đền thờ  
Xung đột với các nhà lãnh đạo Do Thái tăng cường độ  
Các mệnh lệnh quan trọng nhất của Đức Chúa Trời  
Bà goá dâng tiền

13: Chúa Giê-su dạy các môn đệ về:

sự hủy phá đền thờ  
tận thế  
sự trở lại của Ngài

**Mác 14-15:20:** Các biến cố dẫn đến sự chết của Chúa Giê-su

Các nhà lãnh đạo Do Thái lên kế hoạch giết Chúa Giê-su và Giu-đa đề nghị giúp họ  
Một người đàn bà xúc dầu thơm cho Chúa Giê-su  
Chúa Giê-su dự bữa ăn Lễ Vượt Qua với các môn đệ  
Chúa Giê-su cầu nguyện trong Vườn Ghết-sê-ma-nê  
Giu-đa phản nộ Chúa Giê-su cho các nhà lãnh đạo Do Thái  
Chúa Giê-su bị xét xử trước Hội Đồng Quốc Gia Do Thái và bị kết tội vì đồng ý rằng  
Ngài là Chúa Cứu Thế, Con của Đấng Phúc Lành  
Phê-rơ chối không biết Chúa Giê-su ba lần  
Bôn-xơ Phi-lát nhượng bộ đám đông và ra lệnh đóng đinh Chúa Giê-su trên cây thập  
tự  
Chúa Giê-su bị đánh đòn, chế nhạo, bị đánh và nhổ nước bọt

**Mác 15:21-15:47:** Sự chết và sự chôn của Chúa Giê-su

Chúa Giê-su bị đóng đinh trên thập tự giá như là Vua của dân Do Thái  
“Thật người này là Con Đức Chúa Trời!”  
Giô-sép người A-ri-ma-thê đặt xác Chúa Giê-su vào một ngôi mộ

**Mác 16:** Chúa Giê-su sống lại! Hãy đi và nói cho mọi người nghe sứ điệp của Ngài!

Một thiên sứ báo tin vui cho các người đàn bà

[[Kết luận ngắn của sách Mác]]

Kết luận dài của sách Mác

Chúa Giê-su hiện ra với dân chúng

Chúa Giê-su ra lệnh cho các môn đệ của Ngài (và chúng ta) đi khắp mọi nơi và nói cho mọi người nghe tin mừng về Ngài

Đức Chúa Trời đem Chúa Giê-su về thiên đàng

# <sup>1</sup>[Phúc Âm ⇔ Sách Chép Về <sup>2</sup>Tin Mừng] (Về Chúa Giê-su Christ) <sup>3</sup>{Theo ⇔ Viết Do ⇔ Kể Lại Bởi} (Môn Đệ) <sup>4</sup>Mác

*Phân Đoạn I. (Chúa) Giê-su Chuẩn Bị Cho  
Mục Vụ/Việc Làm Của Ngài  
Chương 1:1-13*

*1:1-8 Giảng <sup>5</sup>{Báp-tít ⇔ Gọi Là “Người Làm Phép Báp-tem”  
⇔ Người Làm Báp-tem Cho Dân Chúng} Chuẩn Bị {Con Đường  
Cho (Chúa) Giê-su ⇔ Dân Chúng Cho (Chúa) Giê-su Đến}*

*Ma-thi-ơ 3:1-12; Lu-ca 3:1-9, 15-17; Giảng 1:19-28*

**1** <sup>GTK6</sup>{(Đây là) khởi đầu Phúc Âm của/về (Chúa) Giê-su <sup>GTK7</sup>Christ, (là) Con của Đức Chúa Trời: ⇔ Phúc Âm/Tin Mừng về (Chúa) <sup>GTK</sup>Cứu Thế Giê-su, Con Đức Chúa

<sup>1</sup> (Tên Sách) Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BCG) dùng nhóm từ “**Phúc Âm Theo Môn Đệ Má**” làm tên của sách. Tuy nhiên, có nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) chỉ dùng các nhóm từ “**Dựa Theo Môn Đệ Má**”. Đa số các bản thảo Hy-lạp chính của Phúc Âm Má **không có tiêu đề** nhưng đa số các bản dịch **thêm** tiêu đề để **cho người đọc** biết ý tổng quát của mỗi tiểu đoạn.

<sup>2</sup> (Tên Sách) Nếu “**Phúc Âm**” được chuyển ngữ là “**Tin Mừng**” không có nghĩa là hay **không nên** hàm ý là ông Má cũng viết “tin xấu” về Chúa Giê-su nữa.

<sup>3</sup> (Tên Sách) Một tên rất đơn giản có thể là: “Ông Má **Kể/Viết Về** Chúa Giê-su Cứu Thế/Christ”. Nếu tên sách được chuyển ngữ là “**Phúc Âm của Môn Đệ Má**,” nó **không nên** có nghĩa là hay hàm ý là “**Phúc Âm về Môn Đệ Má**” hay “**Môn Đệ Má là chủ của Phúc Âm**”.

<sup>4</sup> (Tên Sách) Nhiều bản chuyển ngữ cố gắng chuyển ngữ **tên** của các sách Phúc Âm thế nào đó để tất cả đều **giống nhau**. Các sứ đồ Ma-thi-ơ và Giảng là môn đệ trực tiếp của Chúa Giê-su, nhưng ông Má và bác sĩ Lu-ca thì không phải là sứ đồ. Tất cả bốn người có thể gọi là “**Môn Đệ**”. Một bản dịch cho hội thánh của mọi giáo phái **cần tránh** dùng tên “**Thánh**”.

<sup>5</sup> (Tiêu Đề) Bản chuyển ngữ nhóm từ “**Giảng Báp-tít/Người làm Báp-Tem**” như thế nào? Điều đó tùy thuộc vào, nếu bạn: (1) Đánh vần càng giống ngôn ngữ của bạn càng tốt theo cách đọc của tiếng Hy-lạp, tiếng Việt, hay nếu bạn: (2) Chuyển ngữ nó như là chức vụ về việc làm của ông Giảng (hãy xem lời chú thích về từ “**lễ báp-tem**” ở câu số 4). Dù trong trường hợp nào đi nữa, nó **không nên** có nghĩa ông là một hội viên của hội thánh Báp-tít.

<sup>6</sup> **1:1** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng câu 1 đóng vai trò **tóm tắt** cả sách Má. Nếu theo cách nghĩ này bạn có thể nói: “(Quyển sách này kể về) sự khởi đầu...” Tuy nhiên, cũng có nhiều người khác nghĩ câu 1 có nhiệm vụ **giới thiệu** các câu 2 đến câu 8, 13 hay 15 như là phần đầu của Phúc Âm về Chúa Giê-su.

<sup>7</sup> **1:1** Nhiều chuyển ngữ giả thích phân biệt khi “**Christ**” được dùng như một **tên** với khi được dùng như một **danh hiệu**. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ trong câu này **Christ** được dùng trong câu 1 như là một phần của **tên** của Chúa Giê-su, nên họ đánh vần càng giống **ngôn ngữ của người đọc** càng tốt theo như cách đọc của tiếng Hy-lạp, ví dụ BCG dùng “**Ki-tô**”. Tuy nhiên, cũng có nhiều học giả Kinh Thánh

Trời} bắt đầu <sup>2</sup> *GTK*<sup>8</sup> như {đã được viết trong (sách của/bởi) ông <sup>9</sup> Ê-sai, <sup>10</sup> tiên tri (của Đức Chúa Trời) ↔ <sup>11</sup> [các tiên tri] (của Đức Chúa Trời) đã viết} <sup>12</sup> (rằng Đức Chúa Trời đã bảo

ngữ “Christ” ở đây được dùng như một **danh hiệu**, và do đó họ **chuyển ngữ** theo ý nghĩa của nó (hãy xem lời chú thích ở câu 34 về ý nghĩa của từ “Christ”). Ví dụ BDM chuyển ngữ là Chúa Cứu Thế Giê-su. Tuy nhiên, có một số người chuyển ngữ có thể quyết định **luôn luôn chuyển ngữ** theo ý nghĩa của từ “Christ”, bởi vì khi nó được dùng như một tên hay một danh hiệu, nó vẫn mang cùng một ý nghĩa như nhau. Để định nghĩa của một nguyên tắc quan trọng như “Christ”, hãy xem **Danh Sách Các Từ Ngữ Cho Người chuyển ngữ** trong phần cuối của sách này.)

<sup>8</sup> **1:2** Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDM, BCG) nghĩ các câu 2–3 **tiếp nối** từ câu 1. Đó là cách mà tác giả đã dùng giới từ để bắt đầu câu 2 được tìm thấy ở nhiều nơi khác trong sách Mác. Tuy nhiên, có nhiều học giả Kinh Thánh khác (và BDC, BDY) nghĩ rằng câu 2 là **bắt đầu** một câu mới và chấm dứt tại phần cuối của câu 4. Nó có thể nói: “**2** Như có chép... **4** (do đó) Giảng Báp-tít xuất hiện...”

Khi các học giả Kinh Thánh có **các sự giải thích khác nhau** (<sup>GTK</sup>) trong một đoạn kinh văn, thường thường, nhưng không phải luôn luôn, sự giải thích được **đưa số** các học giả Kinh Thánh chấp nhận là cách đúng nhất để đưa vào trong bản dịch. Ban chuyển ngữ có thể quyết định để những cách giải thích chính khác vào trong lời chú thích, đặc biệt là những cách giải thích được **nhiều** học giả Kinh Thánh chấp nhận. Hay họ có thể quyết định không để một cách giải thích nào khác vào trong lời chú thích. Đôi khi các học giả Kinh Thánh **chia đều nhau, một cách ngẫu nhiên**, trong việc **hỗ trợ** vài ba cách giải thích khác nhau. Trong trường hợp này, một cách có thể để vào trong bản dịch và để phần còn lại vào trong lời chú thích. Những cách giải thích chỉ có **một vài** học giả Kinh Thánh hỗ trợ không nên cho vào trong lời chú thích, dựa theo những gì ban chuyển ngữ quyết định cho mỗi trường hợp. Sau cùng, những cách giải thích chỉ được sự ủng hộ của một **vài** hay **rất ít** học giả Kinh Thánh, thông thường chẳng bao giờ được để vào trong một bản dịch, mặc dù có thể có một vài đoạn, ban chuyển ngữ quyết định cho những cách giải thích đó vào trong lời chú thích. Trong trường hợp, rất ít khi xảy ra, một ban chuyển ngữ có thể quyết định rằng một cách giải thích chỉ được một vài, ít hay rất ít học giả Kinh Thánh hỗ trợ là cách giải thích đúng để đưa vào trong bản dịch. Trong những trường hợp như thế, những cách giải thích khác được phần lớn học giả Kinh Thánh hỗ trợ nên để vào trong lời chú thích. Tại mỗi <sup>GTK</sup> tốt nhất là nên coi lại bản dịch nào trong tiếng Việt có cách giải thích khác và các sách giải kinh bình luận gì về vấn đề đó.

<sup>9</sup> **1:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thực ra câu 2 được trích dẫn từ trong Cựu Ước, Ma-la-chi 3:1, và câu 3 được trích dẫn từ trong Cựu Ước, Ê-sai 40:3. Các tác giả Do Thái thường kết hợp những đoạn văn có những từ hay những nhóm từ giống nhau (trong trường hợp này “sửa soạn đường”), nhưng chỉ nhắc đến một tác giả (trong trường hợp này là Ê-sai).

<sup>10</sup> **1:2 Một tiên tri** là một người **nói thay cho** một người khác. Tiên tri Ê-sai đã nói thay cho Đức Chúa Trời và đã nói hay viết những gì Đức Chúa Trời muốn ông nói hay viết. **Nên tránh** chuyển ngữ chú trọng đến việc các tiên tri nói trước về tương lai, đó chỉ là một công việc trong những việc mà một tiên tri có thể làm.

<sup>11</sup> **1:2** Có nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có nhóm từ “**tiên tri Ê-sai**” ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản dịch khác (và Văn Bản Đa Số) chỉ có từ “**các tiên tri**”. **Mỗi ban chuyển ngữ** phải tự quyết định những gì họ sẽ làm trong những trường hợp mà ở đó có **cách viết khác nhau** trong bản Hy-lạp, có nghĩa là, không có sự đồng nhất về **cách viết** trong các bản thảo Hy-lạp chính. Bạn có thể: (1) ghi một cách viết vào trong bản dịch của bạn và ghi các cách viết còn lại vào LỜI CHÚ THÍCH ở cuối trang (cùng với có hay không có sự giải thích); hay (2) chỉ để một cách viết vào trong bản dịch của bạn và không ghi các cách còn lại vào LỜI CHÚ THÍCH. Muốn biết thêm về điều này, hãy xem mục số 6 về phần **Chú Giải Ký Hiệu** trong phần đầu của sách và “**cách viết khác nhau**” trong **Danh Sách Từ Ngữ của người chuyển ngữ** ở phần cuối của sách.

<sup>12</sup> **1:2** Cần nên chuyển ngữ cho rõ rằng ở đây **Đức Chúa Trời** nói chuyện với **Đấng Christ** trong lời tiên tri theo sau. **Không** nên chuyển ngữ như là Ê-sai nói chuyện với thánh giả. Nếu chuyển ngữ câu số 2 theo từng từ một, có thể nên dùng LỜI CHÚ THÍCH dưới đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong lời tiên tri này Đức Chúa Trời đang nói chuyện với Đấng Christ/Cứu Thế (Con của Ngài).

Chúa Cứu Thế Giê-su ⇔ rằng Ngài đã bảo Con của Ngài): “{Này ⇔ Hãy nghe đây}, Ta (Đức Chúa Trời) {đang sai ⇔ sẽ gọi} sứ giả Ta {trước mặt Con ⇔ đến trước Con} {người ấy sẽ <sup>13</sup>dọn ⇔ chuẩn bị} {đường cho Con <sup>14</sup>[trước Con] ⇔ đường cho Con ⇔ (tấm lòng của dân chúng) cho Con đến}. **3** <sup>15</sup>{Tiếng kêu (của người ấy) ⇔ Người ấy ⇔ Sứ giả đó} (sẽ) <sup>16</sup>lớn tiếng/loan báo (với dân chúng là những người tìm đến với ông ta) trong <sup>17</sup>{đồng hoang ⇔ sa mạc ⇔ những vùng quê}: <sup>18</sup>{Hãy sửa soạn đường của/cho Chúa/Chủ (đến với các người) ⇔ Hãy chuẩn bị (tấm lòng của) các người vì Chúa/Chủ (của các người đang) đến} (và) {đắp thẳng các lối của Ngài ⇔ sang bằng những con đường mà Ngài sẽ đi đến đó ⇔ hãy sẵn sàng để đón Ngài}!” (Ma-la-chi 3:1, Ê-sai 40:3) **4** <sup>19</sup>(Do đó ⇔ Để được ứng nghiệm <sup>20</sup>lời tiên tri đó,) <sup>21</sup>{Giăng [Báp-tít/Người-Làm-Báp-Tem] đã xuất hiện/đã sống ⇔ Giăng đã xuất hiện/sống [(và) làm báp-tem cho (dân chúng)]} trong <sup>22</sup>đồng vắng/sa mạc <sup>23</sup>(của tỉnh Giu-đê) và/tại đó (ông) giảng/rao truyền/công bố (sứ điệp

<sup>13</sup> **1:2** Từ “**dọn đường cho Con**” là một thành ngữ nó có nghĩa là “chọn/chuẩn bị (tấm lòng của dân chúng) cho sự đến của Con”. Nó có liên hệ đến một phong tục của việc dọn các con đường dẫn đến một thành phố để nghinh đón một nhân vật quan trọng đến thăm viếng. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này nó **không** phải thực sự nói đến việc dọn các con đường.

<sup>14</sup> **1:2** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có các từ “**trước con**” ở đây. Tuy nhiên, **đa số** (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không có** các từ này, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>15</sup> **1:3** Nên chuyển ngữ cho rõ ràng rằng “**sứ giả Ta**” trong câu 2 và, “**tiếng kêu (của người ấy)**” nói đến cùng một nhân vật. Trong câu số 4 sứ giả được nhận diện là Giăng Báp-tít. Đối với một số ngôn ngữ chỉ con người mới có thể làm chủ động từ “kêu vang” (hay “nói”) và tiếng vang thì không.

<sup>16</sup> **1:3** Khi chuyển ngữ từ “**lớn tiếng**” **không** nên hàm ý hay có ý rằng Giăng Báp-tít giận dữ hay mất trí. Đám đông dân chúng đi ra đồng hoang/sa mạc để nghe Giăng Báp-tít giảng, do đó ông phải **kêu (lên)** để mọi người nghe rõ sứ điệp của ông.

<sup>17</sup> **1:3** “**đồng vắng/sa mạc**” là một vùng đất khô rất có ít cây cối và rất ít người ở.

<sup>18</sup> **1:3** “Hãy sửa soạn đường...đắp thẳng các lối...” là một thành ngữ mang ý nghĩa: “Các người hãy chuẩn bị...hãy sẵn sàng...”, **không** thực sự nói đến việc xây đắp hay sửa soạn các đường phố hay xa lộ. Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ thành ngữ tương tự như thế trong câu 2 như thế nào. Nếu **không** chuyển ngữ thành ngữ này theo từng từ một, thì cần phải để nguyên văn vào **LỜI CHÚ THÍCH** ở cuối trang.

<sup>19</sup> **1:4** Cần nên rõ ràng **Giăng Báp-tít** là “sứ giả” và “tiếng kêu,” cả hai cùng được nhắc lại trong các câu 2–3.

<sup>20</sup> **1:4** Nếu bạn dựa theo các bản Hy-lạp có cụm từ “**tiên tri**” trong câu 2, bạn có thể nói “**các lời tiên tri đó**” ở đây thay vì “lời tiên tri đó”.

<sup>21</sup> **1:4** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có các từ: “(Ông)Giăng xuất hiện/sống (và) **làm báp-tem (cho dân chúng)** trong đồng hoang/sa mạc...” Nếu bạn chuyển ngữ theo các bản Hy-lạp đó, bạn có thể nói: “... (ông) Giăng xuất hiện trong đồng hoang/sa mạc (của tỉnh Giu-đê) (và/nơi ông ta) **làm báp-tem (cho dân chúng)** và giảng...” Tuy nhiên, có nhiều bản thảo Hy-lạp chính khác (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) có các từ: “Giăng **Báp-tít/người làm Báp-tem** xuất hiện/sống trong đồng hoang/sa mạc...” Hãy xem cách bạn đã chuyển ngữ “Giăng Báp-tít” trong tiểu đề ở trên.

<sup>22</sup> **1:4** Hãy xem cách bạn đã chuyển ngữ “**đồng hoang/sa mạc**” trong câu 3.

<sup>23</sup> **1:4** Có thể rõ ràng hơn nếu giới thiệu “**tỉnh Giu-đê**” ở đây hơn là ở câu 5.

của Đức Chúa Trời) (cho họ/dân chúng) (về) <sup>NTT</sup>{một <sup>24</sup> phép báp-tem <sup>25</sup> theo sự ăn năn để được (sự) <sup>26</sup> tha thứ <sup>27</sup> tội lỗi ⇔ thế nào họ/dân chúng nên <sup>28</sup> ăn năn tội lỗi (của họ) và chịu báp-tem (bởi <sup>29</sup> ông ấy) để (Đức Chúa Trời) tha tội (cho họ) ⇔ thế nào/dân chúng nên nhận phép báp-tem (bởi Giăng) để chứng tỏ rằng họ <sup>30</sup> ăn năn tội lỗi (của họ) và Đức Chúa Trời tha tội (cho họ)}. 5 <Và> <sup>31</sup>tất cả (dân chúng từ tỉnh) {(tỉnh) Giu-đê ⇔ tỉnh đó}

<sup>24</sup> **1:4** Vì phải đối diện sự khó khăn trong việc chuyển ngữ từ “báp-tem”, từ này thường được **phiên âm** từ trong tiếng Hy-lạp (đó là, đánh vần càng giống ngôn ngữ của bạn chừng nào càng tốt chừng ấy dựa theo cách đọc trong tiếng Hy-lạp, hay tiếng Việt). Đó là cách mà các BDM, BDC, BCG, BDY đã làm. Ý nghĩa của từ này được dạy bởi từng giáo hội tùy theo cách họ giải nghĩa từ này như thế nào. Các giáo phái khác nhau có những cách giải thích khác nhau về cách làm phép báp-tem. Theo tiếng Hy-lạp, “báp-tem” có nghĩa là “rửa” hay “xối nước”. Một số giáo phái nói rằng đây chỉ có nghĩa là chìm xuống nước (nghĩa là, chìm toàn thân của một người xuống dưới nước). Một số giáo phái khác nói rằng nó có thể có nghĩa là chìm xuống nước, rảy nước, hay xối nước. Nên tránh một bản dịch chỉ quy định một trong những cách vừa kể. Thay vì, nếu ý nghĩa của từ “báp-tem” cần chuyển ngữ thì nên chuyển ngữ theo một cách **tổng quát** để có thể bao gồm mọi sự giải thích ở trên. Thí dụ, BCG đã dùng từ “rửa tội” ở đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đối với người Do Thái thời bấy giờ, báp-tem không phải là một ý tưởng mới. Khi có một người, không phải người Do Thái muốn gia nhập Do Thái giáo, người đó cần phải tự làm báp-tem trước một số nhân chứng. Tuy nhiên, người Do Thái cũng phải ăn năn và được làm báp-tem, đó là điều mới lạ (có thể làm cho người ta phải ngạc nhiên).

<sup>25</sup> **1:4** Bạn có thể nói: “Một phép báp-tem dựa theo sự ăn năn...”

<sup>26</sup> **1:4** “**tha thứ tội lỗi**” có nghĩa là “không trừng phạt vì tội lỗi của họ, mặc dù họ đáng bị trừng phạt” hay “xoá bỏ lỗi lầm của họ”. Sau khi Đức Chúa Trời **tha thứ** cho một người nào đó, Ngài không còn kết tội người đó nữa; vấn đề tội lỗi được giải quyết, mối quan hệ giữa người đó và Đức Chúa Trời được tái thiết lập hay trở nên tốt đẹp. Nhiều ngôn ngữ có một **thành ngữ** cho từ “tha thứ”. **Tránh** dùng những từ như “bỏ qua”, “không để ý đến hay làm ngơ” hay “che giấu”, vì Đức Chúa Trời nhận thức đến mọi sự vi phạm của chúng ta và **không** bỏ qua hay che giấu những tội lỗi đó.

<sup>27</sup> **1:4** Trong cả Tân Ước bạn nên chuyển ngữ từ “**tội lỗi**” thế nào để nó có thể nói đến bất cứ điều gì con người không làm hay làm nghịch lại với ý chỉ của Đức Chúa Trời. Nói một cách khác, **tội lỗi** là bất cứ điều gì trái lại hay không đạt đúng tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời có thể khác với tiêu chuẩn của một nền văn hoá nào đó. Trong tiếng Hy-lạp động từ này cũng là một từ ngữ diễn tả việc bán tên, nó có nghĩa là “không đạt mục tiêu”. Ý chỉ của Đức Chúa Trời là “mục tiêu” của chúng ta. Khi chúng ta phạm tội, chúng ta “không đạt mục tiêu.” Phải chắc chắn rằng bạn chuyển ngữ từ “**tội lỗi**” theo một cách tổng quát để có thể bao gồm những tội lỗi mà con người thường gọi là “tội nhẹ” (như nói dối, nói hành, ghét, thềm thuồng, thềm khát, và những suy nghĩ hay những thái độ sai lầm) cũng như những “trọng tội” (giết người, ăn cắp, hiếp dâm, tà dâm, phù phép), nhưng **không** bao gồm việc vô tình/không cố ý gây nên tội, và những lỗi lầm không ngược lại ý chỉ của Đức Chúa Trời.

<sup>28</sup> **1:4** Ý nghĩa chính của “ăn năn” “là không phạm tội nữa và hầu việc/vâng lời Đức Chúa Trời”. Ý nghĩa phụ của “ăn năn” là “buồn rầu/ân hận về tội lỗi”. Cố gắng thông tin cả hai phần trong một cách rõ ràng. Tránh nói những gì không được rõ, chẳng hạn như, “thay đổi đường lối của bạn” nó có thể có nghĩa là “thay đổi từ cách tốt qua xấu”.

<sup>29</sup> **1:4** Nếu “(bởi ông ấy)” được dùng trong một bản dịch, phải chắc chắn rằng (ông ấy) chỉ về ông Giăng **không phải** Đức Chúa Trời.

<sup>30</sup> **1:4** Bạn có thể chuyển ngữ là “**ăn năn** tội lỗi (của họ)” như “từ bỏ những điều ác/tội lỗi, những sự suy nghĩ và các lối sống (của họ) để **trở lại** với Đức Chúa Trời”.

<sup>31</sup> **1:5** Trong hầu hết các ngôn ngữ người ta có thể dùng “**tất cả**” và “mọi người”, ngay cả khi không phải tất cả mọi người. Trong ngữ cảnh này, không phải tất cả mọi người ở tỉnh Giu-đê hay ở thành phố Giê-ru-sa-lem đều đến với ông Giăng, nhưng **nhieu** (hay **hầu hết**) dân chúng đã đến với ông Giăng. Nói một cách khác: “**tất cả** (dân chúng từ) (tỉnh) Giu-đê... tất cả người Giê-ru-sa-lem” là một lối nói phóng đại ở

<sup>32</sup>và/kể cả {<sup>33</sup>[tất cả] người Giê-ru-sa-lem đi ra ⇔ [tất cả mọi người] đi ra khỏi (thành) Giê-ru-sa-lem} đến (các nơi hoang dã/sa mạc) với ông ấy/Giăng (để nghe ông giảng). <Và>/Tại đó <sup>34</sup>{họ ⇔ nhiều người trong đám dân chúng} được ông/Giăng <sup>35</sup>làm phép báp-tem dưới <sup>36</sup>Sông Giô-đanh <sup>GTK37</sup>(và/khi/sau khi họ) <sup>NTT</sup>{xung <sup>38</sup>tội của họ (với Đức Chúa Trời) <sup>39</sup>(một cách công khai) ⇔ xin Đức Chúa Trời <sup>40</sup>tha thứ cho họ (một cách công khai) về những việc họ đã làm nghịch lại ý chỉ của Ngài/Đức Chúa Trời}.

**6** <Và> Giăng đã mặc <sup>41</sup>áo (đơn sơ/giản dị) (được làm bằng) lông của <sup>42</sup>lạc đà/thú vật và (ông thốt) một giây nịt da <vòng quanh hông của ông>./ {và ⇔ Về đồ ăn,} ông ăn

đây. Nói **phóng đại** là một cách nói để làm tăng tầm quan trọng của điều được nói ra. Thí dụ, người ta diễn tả một cái gì đó to hơn, tốt hơn, hay xấu hơn, v.v. với mục đích để nhấn mạnh.

<sup>32</sup> **1:5** Cần nên hiểu rõ rằng thành phố Giê-ru-sa-lem nằm trong tỉnh Giu-đê.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vua Đa-vít dùng thành phố Giê-ru-sa-lem làm thủ đô của nước Y-sơ-ra-ên. Trong thời Tân Ước người Do Thái vẫn coi Giê-ru-sa-lem là trung tâm tôn giáo và chính trị của họ.

<sup>33</sup> **1:5** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS] BDM, BDC, BCG) nói **“tất cả người Giê-ru-sa-lem”** ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản thảo Hy-lạp chính khác (và Văn Bản Đa Số) dùng từ **“tất cả”** sau đó trong câu số 5 và nói: **“...và tất cả (mọi người) được (ông) Giăng làm phép báp-tem...”**

<sup>34</sup> **1:5** Có lẽ không phải tất cả mọi người đều nhận phép báp-tem, do đó **“nhiều người trong đám dân chúng”** có lẽ chính xác hơn.

<sup>35</sup> **1:5** Hãy coi lại bạn đã chuyển ngữ từ **“báp-tem”** trong câu số 4 như thế nào, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>36</sup> **1:5 HÌNH ẢNH đề nghị:** Giăng Báp-tít giảng cho một đám đông dân chúng trong đồng hoang gần bờ sông Giô-đanh.

<sup>37</sup> **1:5** Thì của động từ **“xung tội”** được dùng trong bản Hy-lạp cho thấy là dân chúng xung tội **trong khi** họ được làm báp-tem. Do đó **“(và/khi họ) (công khai) xung tội...”** có lẽ đây là cách chuyển ngữ khá chính xác nhất. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng, dân chúng **xung tội lỗi** của họ ra trước và sau đó được làm phép báp-tem. Họ chuyển ngữ câu này là **“(sau khi họ) (công khai) xung tội...”** Những người dùng cách chuyển ngữ này thường đổi **thứ tự** của các mệnh đề thành **“xung tội...và được làm báp-tem...”** do đó các diễn tiến được viết theo thứ tự mà họ nghĩ nó đã thực sự xảy ra.

<sup>38</sup> **1:5** Hãy xem bạn đã chuyển ngữ **“tội lỗi”** trong câu 4 như thế nào.

<sup>39</sup> **1:5** Dân chúng xung tội của họ một cách **công khai**, tức là trước sự hiện diện của nhiều người, **không** phải chỉ riêng họ. Có lẽ họ đã xưng nhận rằng họ là những tội nhân và xin Đức Chúa Trời tha thứ cho họ và giúp họ không phạm tội nữa. Có lẽ họ **không** làm một danh sách về tất cả mọi tội mà họ đã phạm.

<sup>40</sup> **1:5** Hãy xem bạn đã chuyển ngữ từ **“tha thứ”** trong câu 4 như thế nào.

<sup>41</sup> **1:6** Có lẽ ông Giăng mặc một cái **áo choàng** dài và rộng được làm bằng lông lạc đà. Đó là loại áo mà những người sống trong đồng hoang/sa mạc dùng. **Không nên** để người đọc hiểu lầm rằng ông Giăng là một người giàu có, mặc áo đắt tiền.

<sup>42</sup> **1:6 Áo choàng của ông Giăng** được dệt bằng lông lạc đà, **không phải bằng** da lạc đà còn nguyên lông. Nếu trong địa bàn của bạn không có lạc đà, bạn có thể nói, chẳng hạn như: **“lông từ một loài vật to lớn gọi là lạc đà”**. Nếu nhắc đến lạc đà sẽ làm mất đi trọng tâm của câu chuyện nói đến một loại áo rẻ tiền/đơn sơ, bạn có thể nói một cách tổng quát là **“lông của một loài thú”**.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ông Giăng mặc đồ giống như Ê-li tiên tri của Đức Chúa Trời đã mặc trong thời Cựu Ước (2 Các Vua 1:8, Xa-cha-ri 13:4). Người Do Thái đang mong đợi một ngày nào đó tiên tri Ê-li sẽ trở lại thế gian để chuẩn bị (tắm lông) dân chúng cho ngày của Đấng Christ/Cứu Thế đến thế gian (Ma-la-chi 3:1, 4:5-6; Mác 9:12-13).

<sup>43</sup> châu chấu/cào cào và <sup>44</sup>{mật ong rừng ⇔ mật ong (ông tìm được)}. 7 <Và> ông <sup>45</sup>giảng/rao truyền/công bố (cho dân chúng) (và) <sup>46</sup>nói: “(Có) một Đấng {quý trọng ⇔ quan trọng ⇔ đầy quyền thế} hơn ta đến <sup>47</sup>{sau ta ⇔ nay mai}. <sup>TD48</sup>Ta không <sup>49</sup>{xứng đáng ⇔ quan trọng ⇔ tốt đủ} để {cúi/khom xuống (để) <sup>50</sup>mở/cởi <quai> dép của Ngài { (như một dây tơ sẽ làm) ⇔ như dây tơ của Ngài}. 8 Ta làm phép báp-tem cho các con bằng nước, nhưng Ngài sẽ <sup>51</sup>báp-tem cho các con bằng (Đức) <sup>52</sup>Thánh Linh.”

<sup>43</sup> **1:6** Phải nói rõ về “**châu chấu/cào cào**” là loại côn trùng có thể ăn được, và **không có** nọc độc. Nếu châu chấu/cào cào **không có** trong địa bàn của bạn, bạn có thể nói: “(Loại côn trùng gọi là) châu chấu”. Hay bạn chỉ cần nói “côn trùng”.

<sup>44</sup> **1:6** Nếu trong địa bàn của bạn người ta **không** nuôi ong để lấy mật, nên biết rằng tất cả ong và mật ong đều ở trong “**rừng**” và do đó “rừng” có thể để trong hàm ý. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng, ở đây bản văn nói đến **mật** do các con ong làm ra. Tuy nhiên, có một vài người nghĩ “mật” ở đây thật sự là một loại nhựa cây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ ông Giảng tìm được mật ong từ trong những hang đá hay trong những bông cây. Dân chúng sống ở đồng hoang/sa mạc ăn cùng một loại thức ăn giống như Giảng đã ăn.

<sup>45</sup> **1:7** Ông Giảng **thường** giảng sứ điệp này, **chứ không phải** chỉ giảng một lần. Coi lại trong câu số 4 bạn đã chuyển ngữ từ “**giảng**” như thế nào.

<sup>46</sup> **1:7** Trong một số ngôn ngữ động từ “**giảng**” và “**nói**” không thể đi chung với nhau, có nghĩa là, một người không thể làm cả hai việc cùng một lúc. Trong trường hợp như thế có thể loại bỏ “**nói**” khỏi bản văn.

<sup>47</sup> **1:7** Khi chuyển ngữ cụm từ “**đến sau ta**” **không nên** hàm ý rằng Chúa Giê-su sẽ chạy theo ông Giảng hay trở thành môn đệ của ông.

<sup>48</sup> **1:7** Trong bản Hy-lạp câu này được **liên kết** với câu trước và nói: “...đang đến sau ta là **Đấng** ta không xứng đáng cúi/khom xuống (và) mở/cởi <quai> dép của Ngài (như một người đẩy tơ sẽ làm).”

<sup>49</sup> **1:7** Trong ngữ cảnh này nhóm từ “**không xứng đáng**” nói đến tình trạng của Giảng Báp-tít, **không** phải nói đến bản chất. Nên cẩn thận **đừng** hàm ý rằng ông Giảng đã phạm những lầm lỗi hay Giảng là một can phạm. Bạn có thể nói: “So sánh với sự quý trọng của Ngài, ta còn tệ hơn là một tên **nô lệ!**” Có thể để nguyên văn vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH** ở cuối trang.

<sup>50</sup> **1:7** Để làm sáng tỏ **mục đích** của việc cởi dây giày, bạn có thể nói: “để giúp/Ngài cởi dép/giày của Ngài...”

<sup>51</sup> **1:8** “**báp-tem... bằng Đức Thánh Linh**” là một thành ngữ quan trọng trong Tân Ước, do đó nó cần được chuyển ngữ theo từng chữ một, nếu có thể được, và giải thích ý nghĩa trong **LỜI CHÚ THÍCH** ở cuối trang. Nếu việc chuyển ngữ theo từng từ một **không** thể chấp nhận được trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói: “Ngài sẽ **sai** Thánh Linh {đến với các con ⇔ để ở trong các con}.” Trong những trường hợp như thế, nên để nguyên văn vào **LỜI CHÚ THÍCH** ở cuối trang.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “báp-tem... bằng Đức Thánh Linh” là một thành ngữ nói đến việc Đức Chúa Trời ban phước cho những người ăn năn tội và Ngài sai Đức Thánh Linh ở trong họ. Đức Thánh Linh rửa sạch tội lỗi của họ, hướng dẫn họ, thêm sức để họ vâng theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, và giúp họ trong nhiều cách khác. Trong Cựu Ước Đức Chúa Trời đã dùng thành ngữ như thế, khi Ngài hứa “đổ Thần Ta trên” (có nghĩa là, “sai”) trên dân sự của Ngài (Ê-sai 44:3, Ê-xê-chi-ên 36:25–27, 39:29; Giô-ên 2:28–29 và Xa-cha-ri 12:10).

<sup>52</sup> **1:8** Khi chuyển ngữ từ “**Đức Thánh Linh**” điều quan trọng là coi lại Kinh Thánh dạy chúng ta điều gì về Đức Chúa Trời. Chỉ có một Đức Chúa Trời với ba ngôi (Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh). Có nhiều người chuyển ngữ, “**Đức Thánh Linh**” là “Thần của Đức Chúa Trời” hay “Thánh Linh của Đức Chúa Trời”, vì “**thánh**” nói đến những vật, bằng một cách nào đó, có liên hệ đến Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, **không nên** để người đọc hiểu rằng Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh là một Thần Vị



## 1:9–11 Giảng Làm Phép Báp-tem Cho (Chúa) Giê-su, Con Của Đức Chúa Trời

*Ma-thi-ơ 3:13–17; Lu-ca 3:21–22*

9 {<Rồi,> trong thời gian đó ⇔ Trong thời gian mà (ông Giảng làm phép báp-tem cho dân chúng) ⇔ Một ngày kia} (Chúa) Giê-su từ (thành) Na-xa-rét thuộc/trong <sup>53</sup>(tỉnh) Ga-li-lê <sup>54</sup>đến/đi (gặp ông Giảng) và {được (ông) Giảng/ông ấy làm báp-tem ⇔ (ông) Giảng làm phép báp-tem cho Ngài/(Chúa) Giê-su} dưới (sông) Giô-đanh. 10 <Và> vừa khi (Ngài/(Chúa) Giê-su) bước ra/lên <sup>55</sup>khỏi/[từ] nước, <sup>GTK56</sup>Ngài/(Chúa) Giê-su thấy <sup>GTK57</sup>{thiên đàng ⇔ bầu trời} <sup>GTK58</sup>{xé (ra) (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ mở (ra) ⇔ tự nhiên

và cũng **không nên** để người đọc hiểu rằng Thánh Linh là một linh có Đức Chúa Trời làm chủ nhưng không phải thực sự là Đức Chúa Trời. [Một **thần linh** là một linh vật sống có nhân tính, nhưng không có thân thể.] Một số ngôn ngữ (chẳng hạn như tiếng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp) **không có** từ đặc biệt dành cho “linh”, nhưng dùng các từ như “gió” hay “hơi thở” làm một ẩn dụ/thành ngữ để chỉ về các linh.

“**Thánh**” diễn tả những bản chất **công bình/tinh khiết/toàn hảo** và những bản chất Đức Chúa Trời đòi hỏi dân sự của Ngài phải có. Nó cũng diễn tả con người hay đồ vật được **thánh hoá**, có nghĩa là, **dâng hiến/dành riêng** để phục vụ Đức Chúa Trời. Trong tiếng Hy-bá từ “**thánh**” có nghĩa là “**biệt riêng**”, nhưng hãy tránh cách chuyển ngữ mang ý nghĩa “khai trừ/tẩy chay”. Tốt hơn bạn có thể **tránh** từ ngữ như “cấm kỵ/kiêng cử”, nếu những từ đó hàm ý rằng con người phải tránh Thánh Linh của Đức Chúa Trời hay không được làm phiền Ngài. Phải chắc chắn rằng việc chuyển ngữ từ ngữ “Thánh Linh” **không hàm ý** rằng cũng có một “Linh Xấu/không thánh”. Bạn có thể nói “Linh **Thanh Tẩy**” hay “Linh Đấng thanh tẩy (tấm lòng của con người)”, để mà hướng về việc làm của Thánh Linh, nhưng đây có một nghĩa bóng (hình thái từ) và **không** nói về việc tẩy cho dân chúng. **Tránh** mượn những từ ngữ của những ngôn ngữ khác mà nó chỉ có ít hoặc không có ý nghĩa. Phải cẩn thận **không** được hàm ý rằng Thánh Linh là một tà linh hay linh hồn của người chết.

<sup>53</sup> 1:9 Để quốc La-mã được chia thành nhiều **tỉnh**. Những tỉnh này được gọi khác nhau tùy thuộc vào việc bạn đang ở đâu trên phần đất của thế giới. Những từ đã được dùng gồm có “tỉnh”, “vùng”, “quận”. Nên có sự đồng nhất trong việc chọn lựa các từ này cho suốt trong Tân Ước. Coi lại bạn đã dùng như thế nào trong câu 5.

<sup>54</sup> 1:9 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong thời điểm này Chúa Giê-su độ 30 tuổi (Lu-ca 3:23).

<sup>55</sup> 1:10 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS] BDM, BDC, BDY) dùng từ “**ra khỏi**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Văn Bản Đa Số, BCG) dùng từ “**từ**”.

<sup>56</sup> 1:10 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**Ngài**” chỉ về **Giê-su**. Tuy nhiên, có một vài học giả nghĩ đây chỉ về **Giăng** (như trong Giảng 1:32–34. Rõ ràng là cả hai người đều thấy những điều này, nhưng Chúa Giê-su là trọng tâm của câu chuyện ở đây).

<sup>57</sup> 1:10 Tiếng Hy-lạp dùng cùng một từ (cả cho số ít lẫn số nhiều) để nói về “**thiên đàng**” và “**bầu trời**”, để hàm ý nơi có Đức Chúa Trời ngự và trị vì, (đó là thiên đàng) cũng là nơi có mặt trời, mặt trăng và các vì tinh tú (đó là bầu trời). Nhiều học giả Kinh Thánh muốn phân biệt hai nơi này. Nếu như thế, có lẽ từ “thiên đàng” chỉ nên dùng trong ngữ cảnh nói đến nơi có Đức Chúa Trời hay có sự hiện diện của Đức Chúa Trời và “bầu trời” cần nên dùng vào trong các ngữ cảnh khác.

<sup>58</sup> 1:10 Động từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn một ý nghĩa. Nó có thể có nghĩa “xé (mở) (bởi Đức Chúa Trời)” (dạng thụ động) hay “bầu trời mở ra”. Ý nghĩa của mỗi trường hợp rất phù hợp với ngữ cảnh. Điều **không rõ** là <sup>GTK</sup>Giê-su/Giăng thấy điều gì xảy ra, nhưng bản dịch **không nên** có nghĩa là thiên đàng (hay bầu trời) bị phá hủy. Bạn có thể nói: “một **khoảng trống** tự nhiên bày ra trên bầu trời”.

mở ra} và <sup>59</sup>(Thánh) Linh (của Đức Chúa Trời) giáng xuống (và đậu) <sup>60</sup>trên Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>GTK61</sup>{giống như một con <sup>62</sup>chim bồ câu ⇔ trong một hình dạng một con chim bồ câu ⇔ một cách (nhẹ nhàng như cách) mà chim bồ câu bay xuống}. **11** <Rôi> <sup>63</sup>{tiếng của Đức Chúa Trời vọng xuống ⇔ Đức Chúa Trời nói} từ <sup>GTK</sup>{thiên đàng ⇔ trời} (và nói với Chúa Giê-su): <sup>64</sup>“Con là <sup>GTK65</sup>{Con yêu dấu của Ta. ⇔ Con <sup>66</sup>mà Ta yêu mến. ⇔ Con của Ta, Con Yêu Dấu. ⇔ Con (duy nhất). Ta yêu Con (và)} Ta {rất <sup>67</sup>vừa ý về Con ⇔ vui thích với Con}.”

**1:12–13 Sa-tan Cố Gắng Cám Dỗ/Làm Cho  
(Chúa) Giê-su {Phạm Tội ⇔ Không Vâng Lời Đức Chúa Trời}**

*Ma-thi-ơ 4:1–11; Lu-ca 4:1–13*

**12** <Và> lập tức (sau đó, ⇔ sau khi Chúa Giê-su chịu báp-tem,) (Thánh) Linh (của Đức Chúa Trời) <sup>68</sup>{đưa/dẫn Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ khiến Ngài/(Chúa) Giê-su đi} <sup>69</sup>{vào

<sup>59</sup> **1:10** Xem bạn đã chuyển ngữ “**Thánh Linh**” như thế nào trong câu 8.

<sup>60</sup> **1:10** Trong bản Hy-lạp **không** cho biết bồ câu đậu **chỗ nào** trên người Chúa Giê-su. Nhiều ngôn ngữ có thể để hàm ý ở đây. Tuy nhiên, nếu bạn cần nói rõ, bạn có thể nói: “**trên đầu/trên vai**” của Ngài.

<sup>61</sup> **1:10** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ nhóm từ “**giống như một con chim bồ câu**” nghĩa là “trong hình dáng của một con bồ câu”, đó là điều bác sĩ Lu-ca nói một cách rõ hơn trong Lu-ca 3:22. Tuy nhiên, có một số học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa “một cách (nhẹ nhàng như cách) mà chim bồ câu bay xuống”.

<sup>62</sup> **1:10** Nếu **bồ câu** không được **biết** hay **không có** trong địa bàn hoạt động của bạn, bạn có thể nói “một con chim gọi là bồ câu” hay “một con chim giống như...” theo tên một con chim rất quen thuộc giống như một con chim bồ câu.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Báp-tem của Chúa Giê-su, kể cả cảnh bầu trời mở ra một con chim đậu trên Ngài trong khi Ngài đứng dưới sông Giô-đanh có Giăng bên cạnh.

<sup>63</sup> **1:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Đức Chúa Cha, Con Ngài, và Đức Thánh Linh) đều hiện diện khi Giăng làm báp-tem cho Chúa Giê-su.

<sup>64</sup> **1:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những gì Đức Chúa Trời nói ở đây giống như điều Ngài nói về Đấng Christ/Cứu Thế trong Thi Thiên 2:7 và trong Ê-sai 42:1.

<sup>65</sup> **1:11** Nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý trong ngữ cảnh này. Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) giải nghĩa là “Con Ta là Con **Yêu Dấu**” hay “Con của Ta người Ta yêu”. Tuy nhiên, có nhiều học giả Kinh Thánh khác nghĩ đó là danh hiệu của Đấng Cứu Thế, “Con Yêu Dấu của Ta”. Nếu theo cách chuyển ngữ này, bạn nên có lời giải thích trong **LỜI CHÚ THÍCH** ở cuối trang.

<sup>66</sup> **1:11** Khi chuyển ngữ nhóm từ “**Con mà Ta yêu**” bạn **không** nên hàm ý rằng Đức Chúa Trời có những người con khác mà Ngài không yêu hay Ngài không hài lòng về những người con đó.

<sup>67</sup> **1:11** Khi dùng nhóm từ “**vừa ý về Con**” bạn **không** nên hàm ý bất cứ điều gì về tình dục hay nói đến việc hài lòng về những thức ăn.

<sup>68</sup> **1:12** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có hay không có mang ý nghĩa ép buộc, điều đó tùy thuộc vào ngữ cảnh. Trong trường hợp này, **không bao gồm sự ép buộc**. Phải chắc chắn là **không nên** hàm ý rằng Chúa Giê-su chống lại Thánh Linh hay Chúa Giê-su không muốn đi.

⇔ vào xa hơn} trong <sup>70</sup>đồng hoang/sa mạc ((của tỉnh Giu-đê)). **13** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su ở {<sup>71</sup>[đó] trong đồng hoang/sa mạc ⇔ đó} <sup>72</sup>bốn mươi <sup>73</sup>ngày <sup>74</sup>{chịu <sup>GTK75</sup>cám dỗ/thử thách bởi <sup>76</sup>Sa-tan ⇔ tại đó Sa-tan cố gắng cám dỗ/làm cho Ngài phạm tội}, <sup>77</sup>và Ngài ở <sup>78</sup>với/giữa thú rừng,/. <sup>GTK79</sup>{<và> ⇔ Sau đó,} (và) <sup>80</sup>thiên sứ (của Đức Chúa Trời)

<sup>69</sup> **1:12** Chúa Giê-su đã ở trong đồng hoang/sa mạc khi Giảng làm báp-tem cho Ngài (câu số 4), do đó bạn có thể nói “xa hơn” ở đây.

<sup>70</sup> **1:12** Hãy xem bạn đã chuyển ngữ “đồng hoang” như thế nào trong các câu 3–5.

<sup>71</sup> **1:13** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “đó” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) không có, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>72</sup> **1:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mặc dù mục đích chính của sách Mác được viết không phải cho người Do Thái, bốn mươi ngày Chúa Giê-su ở trong đồng hoang/sa mạc có thể làm cho người Do Thái nhớ lại tổ phụ của họ, dân Y-sơ-ra-ên đã sống trong đồng hoang/sa mạc trong bốn mươi năm và chịu thử thách bởi Đức Chúa Trời như thế nào (Phục Truyền 8:2–3). Nó cũng có thể làm cho họ nhớ lại chuyến đi bốn mươi ngày trong đồng hoang của tiên tri Ê-li (1 Các Vua 19:4–8) và việc Môi-se đã ở trên núi Si-na-i hai lần, mỗi lần là bốn mươi ngày và bốn mươi đêm như thế nào, khi Đức Chúa Trời ban cho ông Mười Điều Răn (Xuất 24:18, 34:28).

<sup>73</sup> **1:13** Nên nói rõ là “ngày” nói đến khoảng thời gian có 24 tiếng đồng hồ, cả ngày lẫn đêm, không phải chỉ 12 tiếng của ban ngày. Có một số ngôn ngữ, người ta cần nói rõ “bốn mươi ngày và (bốn mươi) đêm”.

<sup>74</sup> **1:13** So sánh các câu 12–13 với Ma-thi-ơ 4:1–11 cho thấy rằng ông Mác không quan tâm về tất cả những chi tiết cũng như kết quả của mọi biến cố khi Chúa Giê-su ở trong đồng hoang/sa mạc. Ông Mác chỉ ghi lại một danh sách ngắn của một số điều đã xảy ra trong thời gian đó. Bắt đầu một câu mới ở đây có thể rõ ràng hơn, và nói: “(Trong thời gian đó,) Ngài/Giê-su bị cám dỗ/thử thách bởi Sa-tan, <và> Chúa Giê-su sống chung với thú rừng, và các thiên sứ (của Đức Chúa Trời đến và) giúp đỡ Ngài.”

<sup>75</sup> **1:13** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa “bị cám dỗ” (BDM, BDC, BCG, BDY) hay “thử thách”. Mỗi cách chuyển ngữ được dùng trong nhiều bản dịch, tùy thuộc theo quan điểm hoặc là Đức Thánh Linh hay Sa-tan trong ngữ cảnh. Đức Thánh Linh giục Chúa Giê-su vào đồng hoang để chịu thử thách. Đức Thánh Linh không muốn Chúa Giê-su phạm tội. Tuy nhiên, Sa-tan đã cố gắng để cám dỗ Chúa Giê-su phạm tội. Khi chuyển ngữ từ “cám dỗ” không nên hàm ý rằng Sa-tan đã thành công trong việc làm cho Chúa Giê-su phạm tội. Sa-tan đã cố gắng làm cho Chúa Giê-su phạm tội, nhưng đã không thành công. Hãy coi lại bạn đã chuyển ngữ tiểu đề ở trên như thế nào.

<sup>76</sup> **1:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sa-tan là tên của quỷ vương bằng tiếng Do Thái có nghĩa là “đối phương/kẻ thù”. Tên “quỷ vương” trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “vu khống”. Cũng được gọi là Bê-ên-xê-bun, Sa-tan đã một lần là thiên sứ của Đức Chúa Trời, nhưng nó đã phản nghịch, bị Đức Chúa Trời đuổi khỏi thiên đàng và nó trở thành kẻ lãnh đạo của mọi tà linh (xem Ma-thi-ơ 13:38–40, Lu-ca 11:15, Giu-đê câu 6, Khải-huyền 12; cũng hãy xem trong Ê-sai 14:12–15 và trong Ê-xê-chi-ên 28:11–19 nhiều học giả Kinh Thánh tin rằng những đoạn Kinh Thánh này nói về Sa-tan hay một vua bị điều khiển bởi Sa-tan).

<sup>77</sup> **1:13** Bạn có thể bắt đầu bằng một câu mới ở đây và nói: “Cũng có thú rừng ở đó <sup>GTK</sup>và các thiên sứ...”

<sup>78</sup> **1:13** Có lẽ ông Mác nhắc đến thú rừng để nhấn mạnh quyền năng của Chúa Giê-su đối với sự nguy hiểm, hay để nhấn mạnh Chúa Giê-su ở một mình với quỷ vương và thú rừng.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lúc bấy giờ có rất nhiều thú dữ sống trong đồng hoang/sa mạc gồm có các con báo và các con sư tử. Chúa Giê-su có uy quyền trên những sự nguy hiểm như thế.

<sup>79</sup> **1:13** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng các thiên sứ hầu việc Chúa Giê-su trong suốt bốn mươi ngày đêm. Tuy nhiên có nhiều người khác nghĩ các thiên sứ chỉ giúp Chúa Giê-su (có thể là giúp Ngài trong việc ăn uống) trong thời gian cuối của bốn mươi ngày có lẽ giống như Ma-thi-ơ bày tỏ trong 4:1–11.

(đến với Ngài/(Chúa) Giê-su và) <sup>GTK81</sup>{săn sóc/giúp đỡ ⇔ cung cấp thức ăn cho} Ngài/(Chúa) Giê-su.

*Phân Đoạn II.* <sup>82</sup>{Việc Làm Đây Quyền Năng Của (Chúa) Giê-su  
⇔ (Chúa) Giê-su Làm Việc Đây Uy Quyền} Trong Và  
Chung Quanh Tỉnh Ga-li-lê  
Chương 1:14–10:52

*1:14–15 (Chúa) Giê-su Bắt Đầu {Chức Vụ Của Ngài ⇔ Chức Vụ  
Một Cách Công Khai}*

*Ma-thi-ơ 4:12–17; Lu-ca 4:14–15*

**14** <sup>83</sup>{<Rồi> ⇔ Sau đó}, <sup>84</sup>sau khi (ông) Giảng bị {bắt ⇔ giam trong tù} <sup>85</sup>(bởi kẻ thù của ông ta), (Chúa) Giê-su đến/tới (tỉnh) Ga-li-lê (để) <sup>NTT86</sup>giảng/công bố (với dân chúng) {Phúc Âm <sup>GTK87</sup>của/từ/về <sup>88</sup>Nước Đức Chúa Trời ⇔ Sứ điệp/tin tốt [về quyền tể trị

<sup>80</sup> **1:13** Cách bạn chuyển ngữ từ “**thiên sứ**” nên khác với cách chuyển ngữ từ “**tiên tri**” (xem câu 2) và “**sứ đồ**” (xem Mác 3:14) cho cả Tân Ước. Một **thiên sứ** là một sứ giả/kẻ hầu việc cho Đức Chúa Trời. Thiên sứ không phải là ma quỷ hay linh của người chết. Thiên sứ có thể hiện ra bằng nhiều hình dạng khác nhau, kể cả trong hình dạng một con người. Trong bản Hy-lạp từ được dùng để chỉ về thiên sứ có nghĩa là “sứ giả”. Do đó có sứ giả tốt, tức là sứ giả đến từ Đức Chúa Trời, cũng có sứ giả xấu, là sứ giả đến từ quỷ vương. Trong Ma-thi-ơ 25:41, từ “quỷ sứ” mà BDM, BDC, BDY dùng, theo bản Hy-lạp từ này có nghĩa là “sứ giả”.

<sup>81</sup> **1:13** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn là một ý nghĩa trong ngữ cảnh này. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó có ý nghĩa tổng quát “**săn sóc/giúp đỡ**”. Tuy nhiên, có một số khác nghĩ nó mang ý nghĩa chính xác hơn và đó là “**cung cấp thức ăn**”.

<sup>82</sup> (**Chủ Đề của Phân Đoạn**) “Chúa Giê-su là ai?” Đó là câu hỏi mà ông Mác muốn mọi người có thể trả lời cùng một cách giống như Phê-rô trong Mác 8:29 (xem Lời Giới Thiệu về sách Mác để biết thêm về vấn đề này). Để truyền đạt chủ đề của sách Mác trong chủ đề của phân đoạn này, bạn có thể nói: “Dựa Theo Việc Làm Đây Quyền Năng Của Chúa Giê-su Trong Tỉnh Ga-li-lê Và Các Vùng Phụ Cận, **Bạn Nói Ngài Là Ai?**”

<sup>83</sup> **1:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giảng Báp-tít đã bị giam trong tù (câu 14) khoảng một năm rưỡi sau khi Sa-tan cố gắng cám dỗ Chúa Giê-su phạm tội (câu 13).

<sup>84</sup> **1:14** Nếu được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói: “Sau đó, Giảng bị bắt (bởi những người chống đối ông). **Rồi sau đó** Chúa Giê-su đến...”

<sup>85</sup> **1:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vua Hê-rốt An-ti-pa bỏ Giảng vào tù vì Giảng nói mãi với Hê-rốt rằng vua phạm tội. Xem Mác 6:14–29 về vấn đề này.

<sup>86</sup> **1:14** Đây là việc giảng dạy **thường xuyên, không phải** chỉ một lần. Coi lại bạn đã chuyển ngữ “**giảng/công bố**” trong câu số 4 như thế nào.

<sup>87</sup> **1:14** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ ý nghĩa nhóm từ này là “Phúc Âm **từ** Đức Chúa Trời”. Tuy nhiên, có một số rất ít nghĩ nhóm từ này có nghĩa là “Phúc Âm **về** Đức Chúa Trời”. Đây có thể có cả **hai** ý. BDM, BDC, BCG, BDY dùng từ “của”. Tốt hơn bạn nên nói: “Phúc Âm **về** nước của Đức Chúa Trời”.

<sup>88</sup> **1:14** Có nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) dùng nhóm từ “**Nước của Đức Chúa Trời**” ở đây, để nói đến “quyền tể trị của Đức Chúa Trời”. Tuy nhiên, có nhiều bản dịch khác (và Văn Bản Thánh

của Ngài (trên nhân loại))} **15** {và phán: ⇔ Đây là điều Ngài/(Chúa) Giê-su giảng/nói:} “Thì giờ<sup>89</sup> (được ấn định) đã trọn/đến khi<sup>GTK90</sup> {nước của Đức Chúa Trời đến gần ⇔ Đức Chúa Trời đang ở đây để trị vì/điều khiển (nhân loại/các người) ⇔ đã đến lúc Đức Chúa Trời trị vì/điều khiển (nhân loại/các người)! (Vì thế)<sup>91</sup> {hãy ăn năn tội lỗi ⇔ trở lại với Ngài/Đức Chúa Trời từ bỏ các ý nghĩ, các đường lối ác của các anh} và tin <nhận> {Phúc Âm ⇔ sứ điệp tốt ⇔ những tin tức tốt} (của Ngài).”

**1:16–20 (Chúa) Giê-su<sup>NTT92</sup> Gợi/Mời Bốn Người Đánh Cá  
Để {Theo Ngài ⇔ Trở thành<sup>93</sup> Môn Đệ Của Ngài}**

*Ma-thi-ơ 4:18–22; Lu-ca 5:1–11*

**16** <Và> (một hôm) trong khi (Ngài/(Chúa) Giê-su) đi dọc theo bờ<sup>94</sup> Biển/Hồ Ga-li-lê, Ngài thấy {<sup>95</sup> Si-môn và An-rê,<sup>96</sup> em trai của Si-môn, đang<sup>97</sup> thả lưới xuống hồ/nước, vì

Kinh Hội [UBS], BCM, BDC, BCG, BDY) chỉ có từ “**Đức Chúa Trời**”. Hãy xem **lời chú thích** quan trọng ở câu số 2 nói đến việc phải làm trong trường hợp có sự cách viết khác nhau.

<sup>89</sup> **1:15** “**thì giờ đã trọn**” hàm ý rằng Đức Chúa Trời chọn thời điểm. Để cho rõ ràng bạn có thể nói: “Bây giờ là thì giờ mà Đức Chúa Trời **đã ấn định** {cho Vương Quốc của Ngài bắt đầu ⇔ cho chính Ngài bắt đầu trị vì (nhân loại)}!” Hay bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời<sup>GTK</sup> {đang hiện diện ⇔ sắp đến đây nay mai} để trị vì/hướng dẫn các anh em, (như Ngài<sup>NTT</sup> **đã hứa/nói** Ngài sẽ đến)!”

<sup>90</sup> **1:15** Đa số các học giả Kinh Thánh giải thích “Nước của Đức Chúa Trời **đã đến gần**” có nghĩa là “Đức Chúa Trời **đang ở đây** để trị vì các anh!” Tuy nhiên, có một số nghĩ đây có nghĩa là “Đức Chúa Trời **sắp** trị vì các anh!”

<sup>91</sup> **1:15** Xem bạn đã chuyển ngữ “**sự ăn năn**” trong câu 4 như thế nào, và xem **Lời Chú Thích** về điều này ở đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Câu 15 là một lời tóm tắt khá thích hợp cho cả sách Mác.

<sup>92</sup> (Tiểu Đề) “**Gợi**” không có nghĩa là “kêu lớn tiếng” ở đây, nhưng mà là “**mời họ làm những môn đệ**”.

<sup>93</sup> (Tiểu Đề) Nhiều bản dịch có sự khác biệt giữa **sứ đồ** và **môn đệ**, dù trong bản Hy-lạp dùng cùng một từ cho cả hai từ ngữ này. Sự khác biệt thường là “**sứ đồ**” chỉ về những môn đệ thân cận và được Ngài trực tiếp dạy dỗ để làm những công việc của Ngài, và “**môn đệ**” chỉ về tất cả những người theo Chúa Giê-su kể cả những người chưa từng gặp Ngài. Bạn có thể chuyển ngữ “**sứ đồ**” như là “**những người học việc**” hay “**những học trò**”. Tuy nhiên, **không nên** để người đọc hiểu như những cậu bé học trò.

<sup>94</sup> **1:16** “**Biển Ga-li-lê**” là tên của hồ nước trong tỉnh Ga-li-lê. Đây là một hồ nước ngọt, **không phải** nước mặn, hồ thông thương với sông Giô-đanh. Tiếng Hy-lạp dùng cùng một từ để chỉ về biển, hồ và đại dương, nhưng có nhiều ngôn ngữ không giống như thế. Hãy dùng đúng từ trong ngôn ngữ của bạn để nói về Hồ Ga-li-lê cho đồng nhất trong suốt Tân Ước. **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây cho biết về kích thước của hồ.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nước Hồ Ga-li-lê rất sâu, 20 cây số chiều dài 11 cây số chiều ngang. Có độ cao 210 mét so với mặt biển.

<sup>95</sup> **1:16** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Si-môn còn có tên khác là Phê-rô (Mác 3:16).

<sup>96</sup> **1:16** Người ta không biết chắc **An-rê** là anh hay là em của Si-môn. Thông thường người anh lớn nhất luôn đứng đầu trong một danh sách. Tên Phê-rô được đặt trước trong Ma-thi-ơ 4:18, 10:2 và Mác 1:16, 3:18, nhưng điều này có thể vì vị thế quan trọng của ông hơn là tuổi tác. **An-rê** được đặt trước trong sách Giảng, 1:40, 44.

hai người <sup>98</sup> làm nghề đánh cá. ⇔ (hai) dân chài đang thả lưới xuống hồ/nước (để bắt cá). (Họ là) Si-môn và em của Si-môn là An-rê.} **17** <Và> (Chúa) Giê-su nói với họ: “<sup>99</sup>{Hãy đến với Ta ⇔ Hãy theo Ta} (và làm môn đệ/học trò của Ta),/. <sup>100</sup>{và Ta sẽ khiến các con trở nên những tay đánh lưới người. ⇔ Các con giỏi về nghề đánh cá, nhưng Ta sẽ dạy các con giỏi về việc đem/hướng dẫn dân chúng tin Ta. ⇔ Các con sẽ không còn làm nghề (chính) của các con là nghề đánh cá, thay vào đó Ta sẽ dạy các con làm thế nào để hướng dẫn dân chúng trở thành/làm những môn đệ của Ta.}” **18** <Và> lập tức họ <sup>101</sup>{bỏ <sup>102</sup>lưới (của họ) lại/ở đó ⇔ bỏ nghề/công việc đánh cá} (và) <sup>103</sup>{đi theo/với Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ trở thành môn đệ/học trò (của Ngài)}.

**19** <Và> trong khi <sup>104</sup>[từ đó] (họ) đi bộ (dọc theo bờ) một quãng nữa, Ngài/(Chúa) Giê-su thấy <sup>105</sup>{(ông) Gia-cơ con trai của (ông) Xê-bê-đê, và <sup>106</sup>em của ông/(ông) Gia-cơ là Giăng ⇔ (các ông) Gia-cơ và Giăng hai người là con trai của (ông) Xê-bê-đê}. <Và> họ <sup>GTK107</sup>{đang vá ⇔ chuẩn bị} lưới (của họ) (ở) trong một <sup>108</sup>{chiếc thuyền ⇔ thuyền của họ}. **20** <Và> {lập tức ⇔ ngay sau khi (Ngài/(Chúa) Giê-su thấy <sup>109</sup>họ.}}

<sup>97</sup> **1:16 “thả lưới”** đây là một mảnh lưới tròn có chì gắn chung quanh viền lưới. Lưới có đường kính 3–5 thước, lưới có thể ném ra và kéo lại bởi một người. Một sợi dây được buộc vào ngay trung tâm điểm của lưới dùng để kéo lưới vào. Có lẽ Si-môn và An-rê đang đợi hay đứng trong một chiếc thuyền đang đậu gần bờ.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một vài người đang thả lưới (ném chài) xuống nước.

<sup>98</sup> **1:16** Bạn có thể nói: “... vì họ sinh sống bằng nghề **đánh cá**.”

<sup>99</sup> **1:17** Bạn có thể nói: “Hãy đến làm môn đệ/học trò của Thầy...”

<sup>100</sup> **1:17** Khi chuyển ngữ nhóm từ “**Thầy sẽ khiến các con trở nên những tay đánh lưới người**” không nên hàm ý rằng môn đệ của Chúa Giê-su sẽ được dạy làm thế nào để đuổi bắt người ta cho Chúa Giê-su, bằng câu hay lưới, hay bắt nhốt, hay giết, hay bắt làm nô lệ.

<sup>101</sup> **1:18** Phê-rô và An-rê bỏ nghề/công việc đánh cá để đi theo Chúa Giê-su **trọn thời gian**. Không phải chỉ bỏ việc làm của họ trong nội buổi chiều hôm đó.

<sup>102</sup> **1:18** Từ Hy-lạp được dùng ở đây cho chữ “**lưới**” có ý nghĩa tổng quát và kể cả lưới chài (như trong câu 16) và những lưới lớn dùng để kéo bằng thuyền.

<sup>103</sup> **1:18** Phải chắc chắn rằng khi chuyển ngữ “**đi theo Ngài**” không được hàm ý rằng Si-môn và An-rê đi theo sau Chúa Giê-su một đôi xa làm như họ không có sự thích thú trong Ngài hay tránh né Ngài hay có vẻ như họ đang theo dõi Ngài.

<sup>104</sup> **1:19** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**từ đó**” ở đây. Tuy nhiên, có một vài (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BDY, BCG) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>105</sup> **1:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Lu-ca 5:10, Gia-cơ và Giăng là những người đồng đánh cá chung (đồng bạn) với Si-môn và An-rê.

<sup>106</sup> **1:19** Giăng là **em trai** Gia-cơ. Trong một số ngôn ngữ cần nên nói rõ điều này.

<sup>107</sup> **1:19** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể đặc biệt mang ý nghĩa là “**đang vá lưới**” (BDM, BDC, BCG, BDY cùng dùng một từ giống nhau) hay có thể có ý nghĩa tổng quát là “**đang chuẩn bị**” có thể bao gồm đang vá lưới, làm cho sạch và xếp lưới lại. Bạn có thể nói: “...**chuẩn bị** lưới của họ **được sẵn sàng** (cho lần đánh cá tới).”

<sup>108</sup> **1:19** **Thuyền** có thể lớn đủ để chở từ 10–15 người. Đây **không** phải là một chiếc tàu.

<sup>109</sup> **1:20** “**họ**” ở đây nói về Gia-cơ và Giăng.

{Ngài/(Chúa) Giê-su<sup>NTT</sup> gọi/mời họ<sup>110</sup> (làm/trở thành môn đệ/học trò),/. ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su nói với họ: <sup>111</sup>“Hãy đến với Ta (và làm môn đệ/học trò của Ta).”} <Và>/Do đó họ <sup>112</sup>để <Xê-bê-đê> cha của họ <sup>113</sup>với/và những {người làm công ⇔ những người đàn ông làm việc cho ông} trên thuyền (và) <sup>114</sup>{đi/theo sau/với Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ theo Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ trở thành môn đệ/học trò (của Ngài)}.

1:21–28 (Chúa) Giê-su<sup>NTT</sup> **Ném/Khiến/Đuổi Một Uế/Tà Linh Ra khỏi Một Người**

*Lu-ca 4:31–37*

**21** {<Rồi> ⇔ Từ đó} {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} đi/đến <sup>115</sup>vào trong/đến (thành) <sup>116</sup>Ca-bê-na-um. <Và> ngay trong ngày (kế/tiếp theo) (Ngày) <sup>117</sup>Sa-bát/Nghỉ, Ngài/(Chúa) Giê-su đi vào/đến <sup>118</sup>{hội đường (của họ) ⇔ nhà cầu nguyện/thờ phượng/nhóm} (và) (bắt đầu) dạy (Lời/sứ điệp của Đức Chúa Trời) <sup>119</sup>[cho họ ⇔ cho dân chúng (những người có mặt ở đó)]. **22** <Và> {họ ⇔ dân chúng} đã {sửng sốt ⇔ ngạc

<sup>110</sup> **1:20 Không phải** Chúa Giê-su chỉ có lời chào đón Gia-cơ và Giăng ở đây. Ngài **mời** họ trở thành môn đệ.

<sup>111</sup> **1:20** Hãy xem bạn đã chuyển ngữ câu giống như thế trong câu 17 như thế nào.

<sup>112</sup> **1:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Si-môn và An-rê, Gia-cơ và Giăng từ bỏ một công việc có nhiều tiền để theo Chúa Giê-su.

<sup>113</sup> **1:20 Không nên** có ý rằng những người làm công cũng theo Chúa Giê-su và các môn đệ. Những người làm công ở lại với Xê-bê-đê trong thuyền đánh cá.

<sup>114</sup> **1:20** Hãy xem lại bạn đã chuyển ngữ “**Hãy theo Ta**” ở câu 17 như thế nào.

<sup>115</sup> **1:21** Các từ “**Đi vào trong** (thành) Ca-bê-na-um” chứng tỏ rằng các thành có tường vây chung quanh. Đối với một số ngôn ngữ có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “{đi/đến **tới** ⇔ đến trong} (thành) Ca-bê-na-um”.

<sup>116</sup> **1:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thành Ca-bê-na-um nằm trên bờ hồ phía tây bắc của Biển/Hồ Ga-li-lê (xem bản đồ ở các trang đầu/cuối của sách này).

<sup>117</sup> **1:21** Bạn có thể chuyển ngữ “(Ngày) **Sa-bát**” như “ngày Nghỉ Ngôi/thờ phượng của người Do Thái” hay “Ngày của Đức Chúa Trời”, nhưng phải biết chắc rằng đây **không phải** là ngày Chúa nhật. Có một cách nữa có thể chuyển ngữ là “Sa-bát”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ngày Sa-bát là ngày thứ Bảy trong tuần, là ngày mà người Do Thái nghỉ làm việc để thờ phượng Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời thiết lập ngày thứ Bảy trong tuần là ngày nghỉ cho nhân loại, vì chính Ngài đã làm việc trong sáu ngày để tạo dựng thế gian, và rồi Ngài không làm việc trong ngày thứ bảy (Xuất 20:8–11).

<sup>118</sup> **1:21** Phải chắc chắn phân biệt cách bạn chuyển ngữ “**hội đường**” với cách bạn chuyển ngữ “**Đền Thờ**” (xem Mác 11:11), “**đền**” (xem Mác 2:26) và “**nhà của Đức Chúa Trời**”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hội đường là nơi người ta nhóm lại để thờ phượng Đức Chúa Trời, cầu nguyện và học Lời của Đức Chúa Trời. Nó cũng là nơi để toà án địa phương giải quyết những vụ kiện cáo. Nó là trung tâm sinh hoạt của người Do Thái. Có rất nhiều hội đường. Mỗi thành hay làng có một hội đường địa phương.

<sup>119</sup> **1:21** Có một vài bản thảo Hy-lạp chính có từ “**họ**” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) **không có** từ này, nhưng chỉ hàm ý. Hãy Chuyển ngữ thế nào để được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

nhiên ⇔ cảm động} về/bởi <sup>GTK120</sup>{sự dạy dỗ của Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ cách/những điều Ngài/(Chúa) Giê-su đã dạy dỗ họ}, vì Ngài dạy họ giống (người) có quyền uy <sup>121</sup>(rất lớn) (để nói những gì Ngài đã nói),/. {<và> không ⇔ Ngài không dạy dỗ} giống như <sup>122</sup>những chuyên gia Kinh Luật (những người đó không dạy với uy quyền như thế).

**23** <Và> <sup>123</sup>(trong khi Chúa Giê-su còn ở đó,) <sup>124</sup>[thình lình] một người đàn ông <sup>125</sup>bị điều khiển bởi một <sup>126</sup>uế/tà linh đã ở trong {hội đường ⇔ nhà cầu nguyện/nhóm} của họ <sup>GTK127</sup> và {kêu ⇔ la lên} **24** <nói>: “<sup>128</sup>[Chà!] <sup>GTK129</sup>{(Có) điều gì với/giữa chúng tôi và Ông ⇔ Ông (muốn) gì ở chúng tôi ⇔ <sup>CH130</sup>Tại sao Ông làm phiền chúng tôi ⇔ Hãy để chúng tôi yên}, <sup>131</sup>(Chúa) Giê-su {(công dân) của/từ ⇔ là người đến từ} (thành)

<sup>120</sup> **1:22** “Sự dạy dỗ của Ngài” có thể đề cập đến “Ngài đã dạy dỗ như thế nào” hay “Ngài đã dạy những gì”, hay cả hai.

<sup>121</sup> **1:22** Các chuyên gia Kinh Luật có **quyền uy** để dạy dỗ dân chúng, nhưng Chúa Giê-su có **đầy quyền uy** hơn nhiều.

<sup>122</sup> **1:22** “các chuyên gia Kinh Luật” là những “người dạy (các) Luật Pháp Môi-se”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các chuyên gia Kinh Luật là các học giả Kinh Thánh người Do Thái đã học, thông giải, và dạy dân chúng các luật pháp trong Cựu Ước và những truyền thống đến từ những luật pháp đó. Những luật pháp thường được gọi chung là “Kinh Luật” mà Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se để cho người Do Thái vâng theo (Xuất 20–31). Nhiều thầy thông giáo là thành viên của những nhóm/đảng phái tôn giáo, gồm có Pha-ri-si, Sa-đu-sê. Để biết thêm về hai nhóm người này xin xem trong Mác 2:16 và 12:18.

<sup>123</sup> **1:23** Bạn có thể nói: “Ngay lúc đó có một người đàn ông...”

<sup>124</sup> **1:23** Có nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) dùng ý “thình lình” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Văn Bản Đa Số, BDY) **không** có từ đó ở đây.

<sup>125</sup> **1:23** Bị điều khiển bởi một tà linh có nhiều cách để nói, tùy theo ngôn ngữ trong địa bàn của bạn. Có một số người nói tà linh ở đằng sau một người; một số khác nói tà linh ở với một người; và một số khác nữa nói tà linh ở trong một người. Nghiên cứu để biết dân chúng trong địa bàn của bạn tin gì về tà linh.

<sup>126</sup> **1:23** Một “uế/tà linh” là linh của ác quỷ kẻ làm việc cho Sa-tan, là lãnh đạo của chúng. Đây **không** phải là linh hồn của người đã chết.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi một người bị điều khiển bởi một tà linh, người đó bị coi là “ô uế/không thanh sạch”. Một người “ô uế/không thanh sạch” không có nghĩa là thân thể của người đó dơ bẩn, nhưng tâm linh người đó không phù hợp để sống/giao tế với những người khác hay thờ phượng Đức Chúa Trời cho đến khi được tà linh buông thả và dâng một lễ vật để được trở nên thanh sạch trở lại. Ai đụng vào một người “ô uế/không thanh sạch” người đó cũng sẽ bị “ô-uế/không thanh sạch”.

<sup>127</sup> **1:23** Có một số bản dịch bắt đầu từ câu 24 ở đây, kể cả BDC.

<sup>128</sup> **1:24** Có nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “Chà” ở đây, nó bày tỏ sự **sợ hãi** trong ngữ cảnh này. Tuy nhiên, đa số (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có từ đó.

<sup>129</sup> **1:24** Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BDY) nghĩ mệnh đề này được dùng trong bản Hy-lạp để chứng tỏ tà linh **sợ hãi** và mang ý nghĩa: “Ông (muốn) gì ở chúng tôi?” Tuy nhiên, nhiều người khác (và BCG) nghĩ đây là một câu hỏi tu từ để bày tỏ sự **chống đối** và ý nói rằng “hãy để chúng tôi yên!” hay “Hãy lo việc riêng của Ông!” (như trong 2 Sa-mu-ên 16:10 và 19:22).

<sup>130</sup> **1:24** Về cách làm thế nào để chuyển ngữ câu hỏi **tu từ**, hãy xem <sup>CH</sup> trong bản **Chú Giải Ký Hiệu** ở phía trước của sách này.

<sup>131</sup> **1:24** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu đặt cách xưng hô “**Giê-su người Na-xa-rét**” ở đầu câu nói.



Na-xa-rét?! Có phải Ngài/ông đã đến (đây) để huỷ diệt/giết chúng tôi? <sup>132</sup>Tôi/[Chúng tôi] biết Ngài/ông là ai, (Ngài/ông là) <sup>133</sup>{<sup>134</sup>Đấng/Con <sup>135</sup>Thánh của Đức Chúa Trời ⇔ Đấng Thánh (Cứu Thế) là Đấng <sup>136</sup>đã đến từ Đức Chúa Trời!}” <sup>137</sup>25 Nhưng (Chúa) Giê-su {quở trách/ngăn chặn ⇔ nghiêm trách} {nó ⇔ ấ/tà linh} <sup>NGT138</sup><bằng cách> nói (với nó): “Hãy nín đi/im lặng và xuất/khỏi ra {ông ấy ⇔ người đàn ông này}!” 26 <Rồi> ấ/tà linh vật người ấy, <và> la/thét lớn tiếng, (và) {ra khỏi ⇔ lia} {ông ấy ⇔ người đàn ông}. 27 <Và> mọi người (ở đó) ngạc nhiên/kinh hoàng, họ {bàn luận với nhau về (những gì đã xảy ra) (và) nói với/hỏi ⇔ nói với/kêu nhau}: “(Ồ!) <sup>CH139</sup>{(Những) điều này là gì? ⇔ (Mọi điều (Chúa) Giê-su nói và làm thật là) kỳ diệu! ⇔ Điều này (ý nghĩa của tất cả điều này) là gì?} <sup>140</sup>{(Đây là) một sự dạy dỗ mới/khác <sup>GTK141</sup>với quyền năng (trong đó)! ⇔ Cách Ngài dạy thật mới lạ và <sup>GTK</sup>đây uy quyền! ⇔ [<sup>CH</sup>Sự dạy dỗ mới này (là) gì <sup>GTK</sup>mà (Ngài dạy) với uy quyền (như thế)]} {Ngài/(Chúa) Giê-su ra lệnh cả <sup>NTT</sup>đến ấ/tà linh, và chúng vâng lệnh Ngài! ⇔ Ngay cả đến ấ/tà linh cũng vâng lệnh Ngài/(Chúa) Giê-su khi Ngài bảo/ra lệnh chúng <sup>NTT142</sup>ra khỏi người ta!” 28 <Và> tức thì/ngay sau đó những tin

<sup>132</sup> 1:24 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) và có từ “**Tôi**” ở đây. Tuy nhiên, có một số có từ “**Chúng tôi**”. Có một tà linh (xem câu 23, 26) nó nói qua người đàn ông, có nghĩa là, người đàn ông nói những gì mà tà linh muốn ông nói. Ban đầu tà linh dùng từ “**chúng tôi**”, đây có lẽ nói về cả hai, người đàn ông và tà linh, sau đó nó đổi thành “**Tôi**”, đây nói đến riêng tà linh.

<sup>133</sup> 1:24 Mặc dù “**Đấng Thánh của Đức Chúa Trời**” không được dùng trong Cựu Ước, đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ đây là **tước hiệu của Đấng Cứu Thế**.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phê-rô dùng cùng tước hiệu này để chỉ về Chúa Giê-su trong Giăng 6:69.

<sup>134</sup> 1:24 Đối với một số ngôn ngữ, có thể cần nên chi tiết hơn và nói “**Con Thánh**” hay “**Đấng Thánh Cứu Thế**”.

<sup>135</sup> 1:24 Hãy xem bạn đã chuyển ngữ từ “**Thánh**” trong câu 8, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>136</sup> 1:24 Bạn có thể nói: “...Đấng mà Đức Chúa Trời **sai** (đến thế gian)!”

<sup>137</sup> 1:24 Mỗi ban phiên dịch phải quyết định chỗ nào để bắt đầu **phân đoạn mới**. Một số bản dịch bắt đầu **sau mỗi lời trích dẫn** để giúp cho người đọc thấy được khi nào lời trích dẫn chấm dứt. Tuy nhiên, một số khác bắt đầu phân đoạn mới chỉ khi nào có sự **thay đổi đề tài** để giúp cho người đọc biết sự cấu trúc của bản văn.

<sup>138</sup> 1:25 Nhiều bản dịch chỉ hàm ý nhóm từ “**bằng cách nói (với nó)**” ở đây.

<sup>139</sup> 1:27 Xem <sup>CH</sup> trong **Chú Giải Ký Hiệu** ở phần đầu của sách này để biết làm thế nào để chuyển ngữ một **câu hỏi tu từ** (câu hỏi không cần câu trả lời).

<sup>140</sup> 1:27 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có “(đây là) một sự dạy dỗ mới lạ <sup>GTK</sup>{với ⇔ có} uy quyền!” Tuy nhiên, đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “<sup>CH</sup>Sự dạy dỗ mới này (là) gì <sup>GTK</sup>{(Ngài làm/dạy) với uy quyền (như thế)? ⇔ đây? Vì với uy quyền} Ngài...ngay cả...!”

<sup>141</sup> 1:27 Từ trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý nghĩa ở đây. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “**với uy quyền**” bổ nghĩa cho “sự dạy dỗ mới”. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó bổ nghĩa “Ngài ra lệnh cả đến tà linh” trong câu kế tiếp. Hãy xem lời chú thích trước đây về cách viết khác nhau (<sup>GTK</sup>).

<sup>142</sup> 1:27 Coi lại bạn đã chuyển ngữ “**ra khỏi**” trong câu 25 như thế nào.

tức về {Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ những gì Ngài đã làm} <sup>143</sup>{đôn ra <sup>144</sup>[khắp mọi nơi] trong ⇔ lan ra} <sup>GTK145</sup>{khắp tất cả các vùng chung quanh (tỉnh) Ga-li-lê ⇔ khắp (tỉnh) Ga-li-lê}.

### 1:29–34 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Cho Nhiều Người

*Ma-thi-ơ 8:14–17; Lu-ca 4:38–41*

29 <Và> ngay sau khi (họ ⇔ (Chúa) Giê-su và một vài người khác) rời {hội đường ⇔ nhà cầu nguyện/nhà nhóm}, <sup>146</sup>họ/[Ngài] <sup>147</sup>đi <sup>TD148</sup>cùng với (các môn đệ) Gia-cơ và Giăng đến nhà của (các môn đệ) <sup>149</sup>Si-môn và An-rê. 30 <Và>/Tại đó {má vợ của (môn đệ) Si-môn ⇔ mẹ của vợ (môn đệ) Si-môn} đã <sup>150</sup>{nằm trên giường ⇔ nằm trên giường bệnh} vì một cơn sốt. <Và> ngay sau khi <sup>GTK151</sup>{họ ⇔ những người ở đó ⇔ môn đệ (của Chúa Giê-su)} nói với Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>{về <sup>152</sup>bà ta ⇔ rằng bà ta bị đau}, 31 <và> Ngài/(Chúa) Giê-su đi <sup>GTK153</sup>{gặp (bà ta) ⇔ vào trong (phòng của bà ta)}, cầm <sup>154</sup>tay (của

<sup>143</sup> 1:28 Bạn có thể nói: “<Và> chẳng bao lâu dân chúng khắp <sup>GTK</sup>tất cả tỉnh Ga-li-lê đôn về Chúa Giê-su (và sự dạy dỗ của Ngài).”

<sup>144</sup> 1:28 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS] và BDM, BDC, BDY, BCG) có “mọi nơi” ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản dịch khác (và Văn Bản Đa Số) **không** có nhóm từ này nhưng chỉ hàm ý.

<sup>145</sup> 1:28 Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDY) nghĩ nhóm từ này có nghĩa rằng những tin về Chúa Giê-su đôn lan khắp cả **tỉnh Ga-li-lê**. Tuy nhiên, có một vài (và BDC, BCG) nghĩ rằng tin đôn lan khắp “tất cả các vùng chung quanh Ga-li-lê” (Ma-thi-ơ 4:24 có nhắc đến tỉnh Sy-ri) hay khắp “tất cả vùng thuộc tỉnh Ga-li-lê”, đó là, phần đất của Ga-li-lê gần thành Ca-bê-na-um (như bác sĩ Lu-ca đã nói trong Lu-ca 4:37).

<sup>146</sup> 1:29 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Thánh Kinh Hội, [UBS], Văn Bản Đa Số, BDC, BDY) có từ “**họ**” ở đây. Tuy nhiên, một số khác (kể cả BCG, BDM) có từ “**Ngài**”. Sự lựa chọn của bạn sẽ ảnh hưởng đến điều bạn nói trong nửa phần đầu của câu 29.

<sup>147</sup> 1:29 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Chúa Giê-su và môn đệ vào nhà của Si-môn và An-rê để dùng bữa (câu 31). Theo tục lệ của người Do Thái trong Ngày Sa-bát, người ta dùng bữa ăn chính ngay sau khi lễ tại hội đường chấm dứt.

<sup>148</sup> 1:29 Trong bản Hy-lạp “**với Gia-cơ và Giăng**” ở trong phần cuối của câu 29. Tuy nhiên, **không** nên để người đọc hiểu Gia-cơ và Giăng cũng là chủ căn nhà.

<sup>149</sup> 1:29 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Si-môn còn có tên là Phê-rơ (Mác 3:16).

<sup>150</sup> 1:30 Bạn có thể nói: “...đang nằm trên giường vì bị một cơn sốt.”

<sup>151</sup> 1:30 **Không rõ ai** đã nói với Chúa Giê-su là mẹ vợ của Si-môn bị đau. Một số học giả Kinh Thánh (và BDY), nghĩ rằng môn đệ của Chúa Giê-su đã nói điều đó. Một số khác nghĩ một người nào khác ở tại nhà của Si-môn nói. Nếu có thể được, tốt nhất là nói giống như trong bản Hy-lạp, **không cần** phải chi tiết. Bạn có thể nói: “<Và> ngay sau khi Chúa Giê-su {**nghe** ⇔ khám phá ra}...”

<sup>152</sup> 1:30 Có một số ngôn ngữ có thể cần nói chi tiết ở đây: “**Mẹ vợ của Si-môn**”.

<sup>153</sup> 1:31 Từ trong bản Hy-lạp ở đây có thể hiểu theo nhiều là hơn một ý nghĩa. Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) nghĩ nó có nghĩa “**đến với (bà ta)**”. Tuy nhiên, một vài nghĩ rằng nó có nghĩa là “**đi vào trong** (phòng của bà ta)”.

<sup>154</sup> 1:31 Có một số ngôn ngữ cần nói rõ Chúa Giê-su dùng tay **nào** để đỡ. Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ điều này, do đó tay nào cũng được.

bà và) <sup>155</sup>{đỡ bà ta dậy ⇔ giúp bà đứng/ngồi dậy}. <sup>156</sup>[Lập tức] {con sốt liền dứt ⇔ bà qua khỏi cơn sốt ⇔ bà khoẻ trở lại} và/rồi bà (bắt đầu) <sup>157</sup>{hầu việc họ ⇔ (dọn thức ăn) mời họ}.

**32** <Rồi> đến chiều, sau khi mặt trời lặn <sup>158</sup>(và Ngày Sa-bát/Nghỉ đã qua), <sup>159</sup>họ/dân chúng (bắt đầu) đem đến (cho) Ngài/(Chúa) Giê-su {tất cả những ai bị bệnh nặng và (mọi người) ⇔ tất cả mọi người đang bị đau hay} <sup>160</sup>{bị quỷ ám ⇔ bị điều khiển bởi uế/tà linh} (để Ngài sẽ chữa lành cho họ nữa). **33** <Và> ⇔ Thực ra,} <sup>161</sup>{cả ⇔ tất cả mọi người trong} thành tụ tập tại/ngay trước cửa nhà. **34** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su chữa lành {<sup>GTK162</sup>nhiều người ⇔ tất cả mọi người ⇔ tất cả những ai} <sup>163</sup>bị bệnh nặng từ những chứng bệnh <sup>164</sup>khác nhau và Ngài <sup>NTT165</sup>đuổi/trừ nhiều {quỷ dữ ⇔ uế/tà linh} ra (khỏi

<sup>155</sup> **1:31 “đỡ bà ta dậy”** có nghĩa là “giúp bà ta đứng dậy”.

<sup>156</sup> **1:31** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG, BDY) có từ “**lập tức**” ở đây. Tuy nhiên, có nhiều (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC) **không có** nhưng chỉ hàm ý.

<sup>157</sup> **1:31 Không nên** hàm ý rằng mẹ vợ của Phê-rô nấu các thức ăn.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thức ăn này đã được nấu sẵn ngày trước đó, vì người Do Thái không được phép làm công việc như thế trong Ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi.

<sup>158</sup> **1:32 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái bắt đầu một ngày mới từ 6 giờ tối mỗi ngày.

Luật của người Do Thái cấm dân chúng làm việc, mang bất cứ việc gì hay đi xa trong Ngày Sa-bát/Nghỉ, đó là những ngày thứ Bảy (Sáng-thế Ký 2:3, Xuất 20:8–11, Giê-rê-mi 17:21–22). Lúc đó vừa bắt đầu ngày Chủ nhật, người ta có thể đem những người bệnh đến với Chúa Giê-su và Ngài có thể chữa lành cho họ một cách hợp pháp.

<sup>159</sup> **1:32 “họ”** ở đây nói về dân chúng ở Ca-bê-na-um, **không phải** chỉ là những người ở tại nhà của Phê-rô và An-rê trong các câu 29–31.

<sup>160</sup> **1:32** Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ nhóm từ tương tự trong câu 23.

<sup>161</sup> **1:33 “cả thành”** nói hơi thái quá (ngoa dụ). Hãy xem bạn đã chuyển ngữ những trường hợp tương tự (“**Tất cả** người Giu-đê...[**tất cả**] dân chúng thành Giê-ru-sa-lem”) trong câu số 5 như thế nào.

<sup>162</sup> **1:34** Mặc dù đa số các bản dịch đều dùng từ “**nhiều**” ở đây, đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ đây là một thành ngữ vay mượn từ tiếng A-ram hay tiếng Hê-bơ-rơ. Nó có nghĩa là “**mọi người**” (giống như đã nói trong Ma-thi-ơ 8:16 không dùng thành ngữ. Thành ngữ này nhấn mạnh đến dữ kiện số những người được Chúa Giê-su chữa lành thật là nhiều; nó không giới hạn là bao nhiêu người được chữa lành. Tuy nhiên, có một số học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) nghĩ đây thực sự có nghĩa là “**nhiều**”, do đó Chúa Giê-su đã chữa lành cho nhiều người, nhưng **không phải tất cả**, số người bị bệnh, có lẽ vì không có đủ thời gian. Phải chắc chắn **không** hàm ý rằng có một số người bệnh Chúa Giê-su không thể chữa lành cho họ được. Vì **đa số** các bản dịch có từ “nhiều” ở đây, cách tốt nhất là chuyển ngữ theo từng từ một trong bản văn và để các cách giải thích khác vào trong một **Lời Chú Thích**. Nếu bản văn không chuyển ngữ theo từng từ một, thì có thể để nguyên văn vào trong Lời Chú Thích.

<sup>163</sup> **1:33** Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ “**những ai bị bệnh nặng**” trong câu 32 như thế nào.

<sup>164</sup> **1:34** Bản văn cho biết có rất nhiều người mắc phải nhiều loại bệnh tật khác nhau. Đây **không** có nghĩa là mỗi người được đem đến với Chúa Giê-su mang nhiều bệnh tật khác nhau.

<sup>165</sup> **1:34 “đuổi nhiều tà linh ra (khỏi người ta)”** là một thành ngữ có nghĩa Chúa Giê-su ra lệnh nhiều tà linh ra khỏi người ta và chúng đã ra khỏi. Mỗi ngôn ngữ thường có những thành ngữ khác nhau để diễn tả ý nghĩa này. Phải chắc chắn là tà linh **vàng lệnh** Chúa Giê-su.

người ta). Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su không <sup>NTT166</sup> cho phép {uế/tà linh ↔ chúng} nói (bất cứ điều gì), vì chúng biết <sup>167</sup> {Ngài là ai ↔ [(rằng) Ngài/(Chúa) Giê-su là <sup>168</sup> Đấng Cứu Thế (từ Đức Chúa Trời)]}.

**1:35–39 (Chúa) Giê-su Giảng/Loan Báo Sứ Điệp  
Của Đức Chúa Trời Với Dân Chúng Ở Tỉnh Ga-li-lê**

*Lu-ca 4:42–44*

**35** <Và> sáng sớm (hôm sau), trời vừa mờ sáng, Ngài/(Chúa) Giê-su thức dậy (và ↔ <Rồi> Ngài) đi <sup>GTK169</sup> {ra ngoài ↔ ra (ngoài thành) (Ca-bê-na-um)} <và đi> đến một {một nơi vắng vẻ ↔ một nơi Ngài có thể ở một mình} {và ở đó Ngài ↔ và} (bắt đầu) câu nguyện/thưa chuyện (với Đức Chúa Trời). **36** <Và>/Nhưng (sau một lúc,) Si-môn và <sup>170</sup> {những người ở cùng ông/Si-môn ↔ các cộng tác viên/những người bạn của ông/Si-môn} (thấy (Chúa) Giê-su không có ở đó ↔ đã đi khỏi đó, cho nên họ) <sup>171</sup> đi tìm Ngài/(Chúa) Giê-su. **37** <Và> (khi) họ tìm được Ngài/(Chúa) Giê-su, <và> họ {nói với ↔ hỏi} Ngài: “(Thầy đã ở đâu? ↔ Thầy đã làm gì?) {Mọi người ↔ Chúng tôi tất cả đã} {tìm ↔ cố gắng tìm} Thầy!” **38** <Và/Nhưng> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ: <sup>172</sup> “{Chúng ta

<sup>166</sup> **1:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su biết rằng nếu Ngài cho phép tà linh nói Ngài là Đấng Cứu Thế, thì Ngài được nổi tiếng. Điều đó sẽ làm trở ngại cho sứ mạng mà Đức Chúa Trời đã giao cho Ngài. Và lại, nếu để tà linh loan tin tốt về Chúa Giê-su thực là một điều không thích hợp.

<sup>167</sup> **1:34** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và BDY) có nhóm từ “**đã biết (rằng) Ngài/(Chúa) Giê-su là Christ/Đấng Cứu Thế (từ Đức Chúa Trời)**”. Tuy nhiên, có nhiều bản khác (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], các Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có các từ “**đã biết Ngài**”, đây **không** có nghĩa là chúng biết tên Chúa Giê-su, nhưng chúng biết Ngài là Đấng Christ/Đấng Cứu Thế (hãy xem các câu 1, 24; 8:29) và Con Đức Chúa Trời (xem các câu 1, 11; 3:11, 5:7).

<sup>168</sup> **1:34 “Đấng Cứu Thế”** được dùng như một danh hiệu ở đây. Một danh hiệu đề cập đến việc làm hay chức vụ của một người đang có. Ý của danh hiệu thường được chuyển ngữ. Danh hiệu “**Đấng Cứu Thế/Christ**” thường được chuyển ngữ là “{Đấng Xức Dầu của Đức Chúa Trời ↔ Đấng Được Chọn ↔ Vua}” hay “{Đức Chúa Trời Chọn ↔ Đấng Cứu Thế Đã Hứa}”. Một người được **xức dầu** ô-liu (có nghĩa là xoa dầu trên đầu của người đó) để bày tỏ rằng Đức Chúa Trời **đã chọn** người ấy cho một công việc (xem 1 Sa-mu-ên 16:13). Sứ mạng của Chúa Giê-su là **cứu vớt** nhân loại khỏi sự trừng phạt vì tội lỗi của họ và điều khiển dân sự của Đức Chúa Trời. “**Christ**” là tiếng Hy-lạp thay cho tiếng Hy-bá (Do Thái) là “**Mê-si-a**”. “Mê-si-a” thường được dùng trong các bản dịch khi “Christ” chỉ về danh hiệu của Chúa Giê-su, nhưng có nhiều người không biết “Mê-si-a” hay “Christ” có nghĩa là gì. Một cách khác bạn có thể chuyển ngữ “Christ/Mê-si-a là {Đấng Xức Dầu của Đức Chúa Trời ↔ Đấng/Vua Được Chọn ↔ Đấng Cứu Thế Đã Hứa}” để cứu nhân loại. Hay bạn có thể nói “Đấng/Vua Đức Chúa Trời sai đến để cứu nhân loại”.

<sup>169</sup> **1:35** Động từ trong bản Hy-lạp được dùng ở đây có thể hàm ý rằng Chúa Giê-su đi ra khỏi **nhà** (như trong BDC, BDY, BCG) hay ra khỏi **thành**, hay cả hai.

<sup>170</sup> **1:36** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**những người ở cùng ông/Si-môn**” chỉ về Gia-cơ, An-rê, và Giăng (câu 29). Tuy nhiên, đây cũng có thể gồm cả những người khác trong (các câu 32–33), kể cả các môn đệ khác (như trong Phúc Âm Giăng 1:43–45), do đó tốt nhất là **không nên** nói quá chi tiết ở đây.

<sup>171</sup> **1:36** Khi chuyển ngữ động từ “**đi tìm**” **không nên** hàm ý rằng có sự thù nghịch.

<sup>172</sup> **1:38** Câu trả lời của Chúa Giê-su **không nên** có vẻ kém nhã nhận.

phải đi ⇔ (Có, Ta có biết, nhưng) chúng ta phải đi} {một nơi khác, đến hàng xóm ⇔ đến gần các làng/các tỉnh/thành phố ⇔ đến những thành khác chung quanh đây}, để Thầy cũng <sup>173</sup>giảng/công bố/loan báo (sứ điệp của Đức Chúa Trời) (cho dân chúng những người sống) {ở đó ⇔ trong những làng đó}. <Vi> <sup>174</sup>{điều đó ⇔ đó là lý do tại sao} Ta đã đến <sup>GTK175</sup>{ở (đây) ⇔ đây}.” 39 <Rôi>/Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su di chuyển <sup>TD176</sup>(đến các làng/các thành) {khắp tất cả ⇔ khắp vùng} (tỉnh) Ga-li-lê,/. (Ngài) giảng/công bố/loan báo (sứ điệp của Đức Chúa Trời) trong <sup>177</sup>{các hội đường ⇔ nhà cầu nguyện/nhà nhóm} {của họ ⇔ người Do Thái} và <sup>NTT</sup>đuổi/trừ {quỷ dữ ⇔ các uế/tà linh} ra (khỏi rất nhiều người).

**1:40–45 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Một <sup>178</sup>{Người Phung ⇔ Người Đàn Ông Bị Bệnh Phung ⇔ Người Đàn Ông Bị Bệnh Khủng Khiếp/Hay Lây Ở Da}**

*Ma-thi-ơ 8:1–4; Lu-ca 5:12–16*

**40** <Rôi> (một ngày kia) một {người phung ⇔ người đàn ông bị bệnh phung ⇔ người đàn ông bị bệnh khủng khiếp/hay lây ở da} đến với Ngài/(Chúa) Giê-su, quỳ bằng đầu gối (trước mặt Ngài/(Chúa) Giê-su) (để bày tỏ sự kính trọng), <sup>TD179</sup>và <sup>180</sup>{xin ⇔ nài xin} Ngài <và nói với Ngài>: <sup>181</sup>“(Thầy/Ngài,) (tôi biết rằng) nếu thầy muốn/đồng ý để

<sup>173</sup> **1:38** Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ từ “giảng” trong câu 4.

<sup>174</sup> **1:38** Bạn có thể nói: “<Vi> đó là việc mà ta đã đến để làm.”

<sup>175</sup> **1:38** Trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý nghĩa ở đây. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ đây là một cách nói gián tiếp “đã đến từ (thiên đàng)” (như Lu-ca 4:43 hàm ý; cũng hãy xem Phúc Âm Giảng 8:42, 13:3, 16:27–30; 17:8). Dù Chúa Giê-su có thể đã có ý nghĩ đó trong đầu, trong Phúc Âm Ngài không công khai tuyên bố Ngài là ai hay Ngài từ đâu đến cho mãi đến về sau (thí dụ, Ngài không nói Ngài là Con của Đức Chúa Trời cho mãi đến Mác 13:32 hay Ngài là Đấng Christ/Cứu Thế cho mãi đến Mác 14:61), do đó không nên quá chi tiết ở đây. Nhiều học giả Kinh Thánh khác nghĩ đây có nghĩa “đã đi ra khỏi (Ca-bê-na-um) (để cầu nguyện)”. Điều tốt nhất là nên nói một cách tổng quát (như bản Hy-lạp) và nói “đã đến {ở (đây) ⇔ đây}.”

<sup>176</sup> **1:39** Thứ tự của các mệnh đề trong bản Hy-lạp cho câu 39 là “Do đó Ngài/Giê-su đã di chuyển giảng trong các hội đường của họ khắp cả trong (tỉnh) Ga-li-lê và đuổi/trừ tà linh ra (khỏi người ta).”

<sup>177</sup> **1:39** Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ “hội đường” trong các câu 21, 23, 29.

<sup>178</sup> (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bệnh phung là một trong nhiều loại bệnh ngoài da hay lây. Người mắc bệnh phung được kể như là người ô uế/không thánh sạch theo nghi lễ tôn giáo. Có nghĩa là họ không được sống chung và không được thờ phượng Đức Chúa Trời với những người khác là những người không có bệnh. Người nào đụng đến một người phung người đó trở nên “ô uế/không thánh sạch”. Những trại phung được thành lập để cách biệt người phung với những người khác. Luật lệ về những người phung được tìm thấy trong Dân-số Ký 5:1–3, Lê-vi Ký 13–14 và Phục-truyền Luật-lệ Ký 24:8. Người Do Thái cho rằng chữa lành một người phung khó khăn như cứu người chết sống lại (Dân-số Ký 12:10–13; 2 Các Vua 5:7), chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể chữa lành cho người có bệnh phung.

<sup>179</sup> **1:40** Trong bản Hy-lạp nhóm từ “nài xin với” đứng trước từ “quỳ xuống”.

<sup>180</sup> **1:40** Không nên chuyển ngữ có nghĩa là người này đang xin tiền Chúa Giê-su.

<sup>181</sup> **1:40** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần thiết để bắt đầu xưng hô như “Thưa Thầy/Thưa Ngài”.

<sup>182</sup>(làm ⇔ giúp tôi), thầy có thể <sup>183</sup>làm sạch/chữa lành cho tôi ((nhờ đó tôi sẽ có thể sống gần những người khác như trước và cùng thờ phượng Đức Chúa Trời với họ tại Đền Thờ)). <sup>184</sup>(Xin Thầy làm sạch/chữa lành cho tôi.)” **41** <Và> (Ngài/(Chúa) Giê-su) cảm thấy thương xót/đáng thương (cho người đàn ông,) (do đó,) <sup>185</sup>(cho dù mọi người khác tránh không đụng đến người bị bệnh phong,) Ngài/(Chúa) Giê-su đưa tay của Ngài ra, sờ (ông ấy ⇔ người phong/dàn ông) và nói với ông ta: “Ta muốn/bằng lòng (làm sạch/chữa lành cho con). {Hãy ⇔ Bây giờ con ⇔ ta làm cho con} được sạch/lành.” **42** <Và> {lập tức ⇔ ngay sau khi (Ngài/(Chúa) Giê-su đã nói điều đó),} <sup>186</sup>{bệnh <sup>187</sup>phong biến mất và ông ta được sạch/chữa lành (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời làm sạch/chữa lành cho người đàn ông, do đó bệnh phong biến mất}. **43** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su (và) <sup>188</sup>liên *GTK*<sup>189</sup> cho ông ấy đi và <sup>NTT</sup>ngghiêm dặn {ông ấy ⇔ người phong}: **44** “{Hãy nhớ (rằng) con không được ⇔ Đứng} <sup>190</sup>nói cho bất cứ ai điều gì (về việc này ⇔ về thế nào con được lành), nhưng đi (đến Đền Thờ Giê-ru-sa-lem) (và) {trình diện với một <sup>191</sup>thầy tế lễ ⇔ để

<sup>182</sup> **1:40** Đối thứ tự của câu này có thể sẽ được tự nhiên hơn: “...nếu Thầy muốn làm sạch/chữa lành cho tôi, Thầy có thể làm điều đó.”

<sup>183</sup> **1:40** Để giúp cho việc chuyển ngữ từ “**làm sạch**” xem Lời Chú Thích về “tà linh” ở câu 23.

<sup>184</sup> **1:40** Người phong mong muốn được Chúa Giê-su nhưng không nói thẳng bằng lời cầu xin. **Không phải** ông chỉ nói việc Chúa Giê-su có khả năng để làm điều đó. Trong một số ngôn ngữ, nói lên lời yêu cầu rõ ràng có thể là một sự cần thiết.

<sup>185</sup> **1:41** Thay vì để **thông tin hàm ý** này rõ ràng vào trong bản văn, có lẽ tốt hơn nên bao gồm LỜI CHÚ THÍCH sau đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc Chúa Giê-su đụng đến người phong là một hành động đầy ý nghĩa, vì theo Lê-vi Ký 13:45–46 ai đụng đến một người phong, người đó sẽ trở nên “ô uế/không thánh sạch”.

<sup>186</sup> **1:42** “bệnh phong biến mất, và ông ta **được chữa lành** (bởi Đức Chúa Trời)” là cách bày tỏ một ý tưởng bằng hai lối khác nhau để làm tăng tầm quan trọng của sự việc. Nếu có thể được và tự nhiên, một bản dịch cần nên giữ cả hai cụm từ vì chúng không hoàn toàn giống nhau. Nếu không thể được, hãy tìm một lối khác để gia tăng tầm quan trọng của việc người đàn ông được chữa lành.

<sup>187</sup> **1:42** Để chuyển ngữ từ “**bệnh phong**” coi lại bạn đã chuyển ngữ “người phong” như thế nào trong câu 40.

<sup>188</sup> **1:43** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “Rồi Ngài/Chúa Giê-su **liên cho người đi** và nghiêm dặn, **44** nói:...”

<sup>189</sup> **1:43** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể hàm ý hoặc không hàm ý việc dùng **áp lực** ở đây dựa theo ngữ cảnh. Đa số hết các học giả Kinh Thánh (và BDC, BDM, BDY) nghĩ rằng Chúa Giê-su **không** dùng áp lực ở đây. Tuy nhiên, có một vài người (và BCG) cho rằng Chúa Giê-su có dùng **áp lực** (coi lại bạn đã chuyển ngữ như thế nào trong câu 12).

<sup>190</sup> **1:44** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sau đó Chúa Giê-su thực sự bảo cho dân chúng bàn tán về Ngài (Mác 5:19, 6:7–13). Trong trường hợp này, có lẽ Chúa Giê-su đã biết rằng nếu để cho người đàn ông loan tin này ra, Ngài sẽ gặp khó khăn trong việc thi hành chức vụ của Ngài. Đó là điều đã thực sự xảy ra trong câu 45.

<sup>191</sup> **1:44** Cả trong Tân Ước, cách bạn chuyển ngữ từ “**thầy tế lễ**” cần nên khác với cách bạn chuyển ngữ “**thượng tế**” (xem Mác 8:31 “BDC”), “**trưởng tế**” (xem Mác 2:26 “BDC”) và “**Người Lê-vi**” (đó là những người từ chi phái Lê-vi phụ giúp thầy tế lễ). Việc làm chính của **thầy tế lễ** là đại diện dân chúng dâng lời cầu nguyện và dâng tế lễ lên Đức Chúa Trời. Một số bản dịch gọi họ là “người trung gian

cho một thầy tế lễ xem xét con} <sup>192</sup> (để xác nhận rằng con đã được sạch/lành bệnh),/ <và>/<Rồi> <sup>NTT193</sup> (nhờ thầy tế lễ) dâng (các tế lễ) như Môi-se đã dặn/ra lệnh/đòi hỏi <sup>194</sup> (trong sách Kinh Luật của ông ấy) {cho sự sạch/lành bệnh của con, ⇔ (để tạ ơn Đức Chúa Trời) vì đã chữa sạch/lành cho con (và)} {như một nhân chứng với ⇔ để bày tỏ cho} <sup>GTK195</sup> {họ/mọi người ⇔ các thầy tế lễ ⇔ các nhà lãnh đạo} (rằng con được sạch/lành bệnh).” <sup>45</sup> <sup>196</sup> (Người đàn ông đi gặp một thầy tế lễ và dâng các lễ vật,) nhưng (thay vì giữ kín,) {ông ấy ⇔ người đàn ông} đi ra/vòng quanh (và) bắt đầu <sup>NTT</sup> {tuyên bố/nói rất nhiều (với mọi người/dân chúng) (về việc đã xảy ra) và rao truyền ⇔ nói (với mọi người/dân chúng) (về thế nào ông ta được chữa lành). Ông ấy loan} tin/chuyện (khắp mọi nơi ⇔ khắp cả tỉnh Ga-li-lê) <sup>197</sup> kết quả là Ngài/(Chúa) Giê-su không thể vào thành {một cách công khai ⇔ trong khi dân chúng theo dõi Ngài} (mà không bị quá nhiều sự chú ý). Thay vì/Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su (phải) ở {ngoài ngoại ô ⇔ những nơi không có nhiều người}. Dù vậy, họ/dân chúng {đến ⇔ tiếp tục đến} với Ngài từ khắp mọi nơi.

---

(giữa Đức Chúa Trời và dân chúng)”. Cứ mỗi 6 tháng mỗi thầy tế lễ phải làm việc tại Đền Thờ một tuần.

<sup>192</sup> **1:44 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo luật của Môi-se, một thầy tế lễ phải chính thức xác nhận khi một người bị bệnh phong được lành (Lê-vi Ký 14:1–32, Phục-truyền Luật-lệ Ký 24:8).

<sup>193</sup> **1:44** Tế lễ được dâng lên bàn thờ do **thầy tế lễ, không phải** bởi người mang tế vật đến.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lê-vi Ký 14:1–32 nói về những của lễ mà những người phong phải dâng cho Đức Chúa Trời khi họ được lành bệnh. Trong thời của Chúa Giê-su, các thầy tế lễ thiếu các lễ vật như thế tại Đền Thờ ở Giê-ru-sa-lem.

<sup>194</sup> **1:44 Không nên** chuyển ngữ có nghĩa là Môi-se đang còn sống trên đất.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Môi-se đã chết hàng trăm năm trước khi Chúa Giê-su đến thế gian. Môi-se viết năm sách đầu trong Cựu Ước, bao gồm những luật pháp của Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên để vâng theo.

<sup>195</sup> **1:44** Đại danh từ “**họ**” trong bản Hy-lạp không xác định rõ là chỉ về ai. Nhiều học giả Kinh Thánh cho rằng đại danh từ này chỉ về **các thầy tế lễ**, vì một thầy tế lễ vừa được nhắc đến. Tuy nhiên, đại danh từ “**họ**” số nhiều **không** phù hợp với “**thầy tế lễ**” số ít, do đó có nhiều học giả Kinh Thánh khác nghĩ “**họ**” nói về các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên, hay những người **chống đối** Chúa Giê-su, hay **dân chúng** (BDY, BCG) nói chung. Mục đích là người đàn ông được chấp nhận trở lại vào trong cộng đồng giáo dân, do đó “**mọi người**” có vẻ phù hợp với ngữ cảnh.

<sup>196</sup> **1:45** Có lẽ trong bản Hy-lạp hàm ý rằng người đàn ông **đã đi** gặp một thầy tế lễ và **dâng** những tế vật. Anh ta sẽ phải làm điều đó trước khi anh ta có thể trở lại sống chung với cộng đồng và nói cho họ về Chúa Giê-su. Có lẽ tốt hơn hết nên để những tin tức này hàm ý trong bản văn và ghi nó vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>197</sup> **1:45** Bạn có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “Kết quả là Ngài/Chúa Giê-su không được...”

2:1–12 {(Chúa) Giê-su Có Thảm Quyền Tha Thứ Tội Lỗi Của Con Người ⇔ (Chúa) Giê-su Chữa Lành Một Người Bại Và Tha Thứ Tội Lỗi Của Anh Ấy}

*Ma-thi-ơ 9:1–8; Lu-ca 5:17–26*

2 <Và> <sup>TD198</sup>{trong thời gian (đó) ⇔ một (vài) ngày sau} (Ngài/Chúa Giê-su) <sup>199</sup>trở lại (thành) Ca-bê-na-um, <sup>200</sup>[và] {người ta nghe ⇔ tin tức đồn} <sup>NTT</sup>rằng Ngài/(Chúa) Giê-su ở <sup>201</sup>trong/tại một cái nhà. 2 <Và> <sup>202</sup>[tức thì] vô số (dân chúng) tụ tập (ở đó ⇔ tại nơi Chúa Giê-su đang ở) và {không còn chỗ trống (cho bất cứ ai nữa) ⇔ chẳng còn đủ chỗ ở (cho tất cả mọi người)} (trong căn nhà),/. {ngay cả (ngoài đường/chỗ trống) bên cạnh/phía ngoài lối đi vào. ⇔ ngay cả (ngoài đường/chỗ trống) bên cạnh/phía ngoài lối đi vào (đã đầy áp dân chúng).} <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su (bắt đầu) {<sup>203</sup>nói với họ Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) ⇔ giảng/công bố lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) với họ}. 3 <Rồi> (trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su đang giảng,) <sup>204</sup>{họ ⇔ ba bốn người} <sup>205</sup>đi/đến (căn nhà) để đem <sup>206</sup>{một người đàn ông bại ⇔ một người đàn ông không cử động được} đến với Ngài/(Chúa) Giê-su (để Ngài sẽ chữa lành cho anh ta). (Anh ấy ⇔ Người đàn ông) được khiêng (trên một cái chõng/cáng) bởi bốn người (đàn ông). 4 <sup>207</sup>Nhưng (họ) không thể <sup>208</sup>{khiêng/dem (người đàn ông) đến ⇔ [đến gần]} Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>209</sup>vì

<sup>198</sup> 2:1 Trong bản Hy-lạp “trong thời gian (đó)” đi sau danh từ “Ca-bê-na-um”.

<sup>199</sup> 2:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trước (đó) Chúa Giê-su đã đi vào thành Ca-bê-na-um, Mác 1:21.

<sup>200</sup> 2:1 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có từ “và” ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) không có, nhưng chỉ hàm ý. Chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>201</sup> 2:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Có lẽ Chúa Giê-su ngụ tại nhà của Phê-rô và An-rê khi Ngài ở tại thành Ca-bê-na-um (Mác 1:29).

<sup>202</sup> 2:2 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có từ “tức thì” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) không có từ này.

<sup>203</sup> 2:2 Từ ngữ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp khác với từ được dùng trong 1:14, nhưng có ý nghĩa gần giống.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Mác 1:15 tóm tắt sứ điệp Chúa Giê-su đã giảng cho dân chúng.

<sup>204</sup> 2:3 “họ” ở đây chỉ về những người mới đến, không phải những người đã được nhắc đến trong câu 2.

<sup>205</sup> 2:3 Có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “...{họ ⇔ đôi ba người} khiêng một người đàn ông bị bệnh bại (đến nhà đó) (để Ngài/Chúa Giê-su chữa lành cho anh ta). Bốn người đàn ông khiêng {anh ấy ⇔ người bại} (trên một cái chõng/cáng).”

<sup>206</sup> 2:3 Ngữ cảnh không cho chúng ta biết người đàn ông bị bệnh bại từ bao lâu rồi.

<sup>207</sup> 2:4 Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn để bắt đầu câu 4 bằng cách nói: “Nhưng {vì đông người ⇔ có rất nhiều người ở đó nên} (họ) không thể...”

<sup>208</sup> 2:4 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có nhóm từ “khiêng/dem (người đàn ông) đến” ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDC, BDM) dùng từ “đến gần” BCG dùng cả hai.

<sup>209</sup> 2:4 Có lẽ đặt “vì đông người” ở đầu câu số 4 và ở sau từ “Nhưng” nghe tự nhiên hơn.



<sup>210</sup> {đám đông ⇔ có vô số người đông nghẹt (vây quanh Ngài) ⇔ không có một chỗ trống nào để chen vào}. (Do đó) họ (leo lên cầu thang ở phía ngoài để lên <sup>211</sup> mái nhà bằng và) dỡ (một phần của) mái nhà (ngay trên chỗ) Ngài/(Chúa) Giê-su đang ở/ngồi. <Rồi/Và> sau đó (họ) <sup>212</sup> {đục ⇔ làm cho trống} một chỗ (đủ lớn), họ <sup>GTK213</sup> dùng {chống/cáng người đau bại đang nằm qua ⇔ người đàn ông đau bại đang nằm trên chiếu/cáng của anh ta qua} (lỗ trống). **5** <Và> khi (Chúa) Giê-su {thấy đức tin/quyết tâm (mạnh mẽ) <sup>214</sup> của họ ⇔ nhận thấy rằng họ đã tin} (nơi Ngài ⇔ rằng Ngài sẽ chữa lành người bại), Ngài nói với {người bại ⇔ người đàn ông ⇔ anh ta}: “{Hỡi con/anh bạn <sup>215</sup> (của Thầy) ⇔ Này con}, <sup>216</sup> {tội lỗi của con <sup>217</sup> đã được tha <sup>218</sup> [con] ⇔ tội lỗi của anh [được] tha ⇔ Thầy tha thứ [cho con] những tội lỗi của con}.”

**6** <Và/Bấy giờ> một số <sup>219</sup> các chuyên gia Kinh Luật đang ngồi tại đó {và ⇔ (Khi họ nghe Chúa Giê-su nói như thế,) họ bắt đầu} nghĩ/hỏi/nói {<sup>220</sup> trong lòng của họ ⇔ với

<sup>210</sup> **2:4** Không nên chuyển ngữ nghe giống như đám đông đang náo loạn nên không thể đem người bại đến gần Chúa Giê-su.

<sup>211</sup> **2:4** **HÌNH ẢNH** được đề nghị: Bốn người đàn ông ở trên một mái nhà (bằng) đang giơ một người đàn ông khác nằm trên chống/cáng qua một chỗ trống của mái nhà xuống trước mặt Chúa Giê-su và đám đông người.

Ngay sau khi bắt đầu chuyển ngữ, suy nghĩ đến những hình ảnh mang những ý nghĩa bạn cần, nếu bạn có được một họa sĩ tại chỗ, do đó người này sẽ có đủ thì giờ để vẽ những hình ảnh cần thiết cho bạn.

<sup>212</sup> **2:4** Theo Lu-ca 5:19, mái nhà này được làm bằng gỗ. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng động từ “đục” hàm ý rằng mái nhà làm bằng đất và cây. Có lẽ những người này dùng xẻng để dỡ gỗ.

<sup>213</sup> **2:4** Ngữ cảnh không cho biết những người đàn ông đã dùng chống/cáng của người bại xuống bằng cách nào. Có lẽ họ trao nó cho những người bên trong, và những người đó sẽ để xuống sàn nhà. Nhưng cũng có thể người ta dùng những sợi dây để dùng chống/cáng xuống. Tốt nhất nên để những chi tiết này hàm ý trong bản dịch, trừ phi người đọc trong ngôn ngữ bạn đòi hỏi.

<sup>214</sup> **2:5** “của họ” nói đến người bại và cả đến những người bạn của anh ta.

<sup>215</sup> **2:5** “Con (Ta)” là một cách xưng hô lễ phép khi một người có thẩm quyền cao hơn nói với người có thẩm quyền thấp hơn. Không nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su nói chuyện với một cậu bé hay con ruột của Ngài.

<sup>216</sup> **2:5** Coi lại bạn đã chuyển ngữ “tội lỗi” và “tha tội” như thế nào trong Mác 1:4, và xem các lời chú thích ở đó.

<sup>217</sup> **2:5** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có từ “đã được tha tội” ở đây. Tuy nhiên, có một vài bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDY) có từ “được tha tội” thay vào đó. Trên căn bản cả hai có gần cùng một ý nghĩa.

<sup>218</sup> **2:5** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có đại danh từ “con” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) không có từ này, nhưng chỉ hàm ý. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>219</sup> **2:6** Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ “các chuyên gia Kinh Luật” trong Mác 1:22 và xem lời chú thích ở đó.

<sup>220</sup> **2:6** Đối với người Do Thái con tim của họ là trung tâm/nguồn của sự suy nghĩ và cảm xúc. Có lẽ bạn cần một sự thay thế thích hợp với văn hoá của bạn. Cho một số ngôn ngữ khác, các từ “trong lòng của họ” là quá đủ, tốt hơn nên để trong hàm ý.

chính họ}: 7 <sup>CH</sup>{Sao (ông) <sup>221</sup> này nói như vậy? ⇔ (Ông) này chẳng bao giờ nên nói điều như thế! ⇔ Sao (người đàn ông này) dám nói những điều như thế!} Ông ta đang <sup>222</sup> phạm thượng với (Đức Chúa Trời)! <sup>CH223</sup>{Ai ⇔ Không ai} có thể tha tội (của con người) ngoại trừ Đức Chúa Trời mà thôi?/!” 8 <Và> ngay lập tức (Chúa) Giê-su <sup>224</sup> biết <sup>225</sup> <trong tâm linh/trong lòng của Ngài> họ tự nghĩ gì, (do đó) Ngài {nói với ⇔ hỏi} họ: “<sup>CH226</sup>{Tại sao các ông ⇔ Các ông không nên} nghĩ/hỏi/nói <trong trí/lòng của các ông> những điều (ác/dối) như thế?/!” 9 <sup>CH</sup>{Điều nào thì <sup>GTK227</sup> dễ hơn, nói với người bại này (và cho việc xảy ra), ⇔ Có phải dễ hơn là nói với người bại này:} ‘{Tội lỗi con được tha ⇔ Thầy tha những tội lỗi của con},’ hay <nói ⇔ bảo (ông ta)>: ‘Đứng dậy, <và> vác chiếu/cáng của con mà đi?’ 10 <sup>GTK228</sup> <Nhưng/Bây giờ> {(Ta sẽ làm một việc) để cho các ông có thể/sẽ

<sup>221</sup> 2:7 Trong ngữ cảnh ở đây “(ông) này” bày tỏ sự không kính trọng của họ đối với Chúa Giê-su.

<sup>222</sup> 2:7 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các chuyên gia Kinh Luật đã không tin Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời hay Ngài có thẩm quyền từ Đức Chúa Trời để tha tội cho con người. Đó là lý do tại sao họ tố cáo Ngài phạm thượng Đức Chúa Trời. Phạm thượng Đức Chúa Trời là tội đáng chết (Lê-vi Ký 24:13–16, 1 Các Vua 21:13).

<sup>223</sup> 2:7 Hay bạn có thể nói: “(Mọi người biết điều đó) {chẳng có ai, chỉ có Đức Chúa Trời ⇔ Đức Chúa Trời là Đấng duy nhất} có thể tha thứ tội lỗi (của dân chúng)!”

<sup>224</sup> **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chỉ có Đức Chúa Trời biết lòng/ý tưởng của con người (1 Các Vua 8:39, 1 Sa-mu-ên 16:7, Công Vụ 1:24). Đây chứng tỏ rằng Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời.

<sup>225</sup> 2:8 Người Do Thái coi **tâm linh** của họ là trung tâm/nguồn của sự hiểu biết, cảm xúc và ý chí của con người. **Không nên** chuyển ngữ nghe có vẻ như Chúa Giê-su bị điều khiển bởi tà linh, hay Ngài dùng bùa chú.

<sup>226</sup> 2:8 Chúa Giê-su dùng câu hỏi tu từ này để **trách** các chuyên gia Kinh Luật và cho thấy rằng Ngài **thất vọng** đối với họ. Nếu nói như thế **không rõ**, bạn có thể nói: “Các ông nghĩ **sai** rồi!”

<sup>227</sup> 2:9 Nếu câu hỏi tu từ **không được** hiểu đúng trong ngôn ngữ của bạn, và nếu bạn quyết định theo cách chuyển ngữ **thứ nhất** đã ghi trong Lời Chú Thích được đề nghị ở dưới, bạn có thể chấm dứt câu số 9 bằng một câu **trả lời** chẳng hạn như: “Cả hai đều khó khăn như nhau và chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể thực hiện được những điều đó.” Hay bạn có thể thay thế câu hỏi tu từ bằng một **câu nói thường** chẳng hạn như: “Các ông biết rằng duy chỉ có Đức Chúa Trời có thể ban cho một người thẩm quyền để tha tội lỗi của con người và chữa lành người bại!” Nếu bạn chuyển ngữ theo cách **thứ hai**, bạn có thể nói: “Để dàng cho Ta để bảo người đàn ông này: ‘Ta tha tội lỗi của con,’ vì các ông không thể thấy điều Ta nói đã xảy ra. Nhưng rất khó cho Ta để bảo người đàn ông này: ‘Đứng dậy và bước đi,’ vì các ông có thể thấy người này được chữa lành hay không được chữa lành.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một số học giả Kinh Thánh giải thích câu hỏi tu từ của Chúa Giê-su là, vì chỉ mình Đức Chúa Trời có thể tha tội hay chữa lành cho người bại, cả hai đều không dễ để thực hiện, con người không thể thực hiện cả hai điều này nhưng cả hai đều dễ dàng đối với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, có một số khác nghĩ, Chúa Giê-su có ý rằng, nói với một người rằng, tội lỗi của người đó được tha thì “dễ dàng hơn” vì không một ai có thể chứng minh được rằng tội lỗi của người đó có thực sự được tha hay không. Bảo một người bại đứng dậy và đi là việc rất khó làm, vì ngay lúc đó người ta có thể chứng kiến người bại có được chữa lành hay không. Kết luận của hai sự giải thích này giống nhau—nếu Chúa Giê-su có thể chữa lành một người nào đó, có nghĩa là Ngài cũng có quyền năng từ Đức Chúa Trời để tha tội cho người đó nữa.

<sup>228</sup> 2:10 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ câu 10a là **lời Chúa Giê-su nói** để trả lời câu hỏi của Ngài trong câu số 9. Tuy nhiên, có một vài nghĩ đó là lời chỉ dẫn hay cảm tưởng của **ông Mác** nói với thánh giả của ông. Theo cách giải thích đó bạn có thể nói: “<Nhưng> phải biết rằng...” hay “Rồi (việc này xảy ra) để các ông biết rằng...”

biết ⇔ Ta muốn các ông biết ⇔ Ta sẽ xác chứng cho các ông} rằng {(Ta,) <sup>229</sup> Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở thành người} có thẩm quyền (của Đức Chúa Trời) trên thế gian để <sup>230</sup> tha tội lỗi (của con người)!” (Rồi) Ngài/(Chúa) Giê-su (xoay) qua người (đàn ông) bại (và) nói (với anh ta): **11** “Ta bảo con ⇔ Hãy nghe Ta}, đứng dậy, vác chông/cáng của con, và đi/trở về nhà của con!” **12** <Và> <sup>TD231</sup> tức thì {anh ấy ⇔ người đàn ông} đứng dậy, vác chông/cáng (của anh ta), và đi ra khỏi (căn nhà) {trước sự hiện diện của mọi người ⇔ trong khi mọi người nhìn theo} kết quả là tất cả mọi người {trố mắt nhìn ⇔ hoàn toàn ngạc nhiên} và tôn vinh/ngợi khen Đức Chúa Trời <bằng cách> nói/kêu lên: “(Chà!/Ồ! ⇔

**229** **2:10** Hãy chuyển ngữ theo từng từ một trong bản Hy-lạp là “Con Của Con Người”. (BDM, BDC, BCG đều chuyển ngữ là “**Con Người**”). Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những người đang nghe Chúa Giê-su nói họ hiểu rõ “**Con Người**” là một **danh hiệu của Đấng Cứu Thế (Christ)**, đặc biệt là các nhà lãnh đạo của người Do Thái những người hiểu rất rõ Thánh Kinh Cựu Ước. Tuy nhiên, đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng, người Do Thái **không** coi nó là một danh hiệu của Đấng Cứu Thế. Bên cạnh đó, “con người” là một thành ngữ trong tiếng A-ram (Do Thái cổ) mà người ta có thể dùng để nói đến chính mình một cách khiêm tốn. Có lẽ đây là cách mà hầu hết những thánh giả của Chúa Giê-su hiểu về từ “con người”. Chúa Giê-su đã dùng “Con Người” như một danh hiệu để tiết lộ cho các môn đệ rằng, Ngài là Chúa Cứu Thế, nhưng cùng một lúc Ngài không tiết lộ cho những người từ chối không tin nhận Ngài. Hãy để ý các câu chuyện ngụ ngôn của Chúa Giê-su có một mục đích giống như mục đích Chúa Giê-su kể trong (Ma-thi-ơ 13:10–13). Trong một số ngôn ngữ “Con Người” (Con Của Con Người) có thể không có ý nghĩa hay mang một ý nghĩa thông thường, vì tất cả mọi người đều là các con trai hay các con gái của con người/của một người nào đó. Điều **tốt nhất** là chuyển ngữ danh hiệu này theo từng từ một (giống như tác giả Hy-lạp đã chuyển ngữ thành ngữ trong tiếng A-ram cổ theo từng từ một) và thêm LỜI CHÚ THÍCH để giải thích nghĩa đôi của nó — hay/và các tin tức này có thể để trong Danh Sách Từ Ngữ. Một cách khác nữa bạn có thể nói giống như “Ta đấng **đã trở thành** một người”, điều này có thể giúp để truyền đạt rằng Chúa Giê-su đã hiện hữu trước khi trở thành một người khác thường. Cần nên làm cho **rõ ràng** rằng khi dùng nhóm từ này Chúa Giê-su nói về Chính Ngài, **không** phải một người nào khác. Đối với một số ngôn ngữ, nói “(Ta,) Con Người” là một sự cần thiết. **Không nên** để người đọc hiểu lầm rằng Chúa Giê-su muốn nói rõ rằng Ngài là Chúa Cứu Thế đến từ Đức Chúa Trời, cũng cần phải chắc chắn rằng danh hiệu này **không** mang ý nghĩa là Chúa Giê-su được sanh ra bởi một người nam thay vì một người nữ.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Con Người” là một thành ngữ trong tiếng A-Ram (Do Thái cổ) người ta có thể dùng để chỉ về chính họ một cách khiêm tốn — nó có ý nghĩa “Ta”. Giê-su cũng đã dùng nó như một danh hiệu cho chính Ngài để bày tỏ một cách kín đáo rằng Ngài là Đấng Cứu Thế. Ngài lấy danh hiệu này từ trong Đa-ni-ên 7:13–14 lời tiên tri về Chúa Cứu Thế. Những kẻ thù của Chúa Giê-su có lẽ chỉ hiểu rằng Chúa Giê-su dùng danh hiệu này để chỉ về Ngài một cách khiêm tốn, nhưng các môn đệ (thực ra) đã hiểu đó là danh hiệu của Đấng Cứu Thế. Nên ghi nhận rằng danh hiệu này có mục đích giống như mục đích trong chuyện ngụ ngôn mà Chúa Giê-su đã kể trong (Ma-thi-ơ 13:10–13).

**230** **2:10** **Không nên** hàm ý rằng Chúa Giê-su chỉ có thẩm quyền từ Đức Chúa Trời để tha tội nhưng không chữa lành bệnh cho bất cứ ai. Cần nên rõ ràng rằng việc chữa lành người bại đã **xác nhận** rằng Chúa Giê-su cũng có thẩm quyền của Đức Chúa Trời để tha tội cho người đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tất cả những bệnh tật, đau đớn và kể cả sự chết đều là kết quả của tội lỗi trong thế gian (Sáng-thế Ký 3). Bởi vậy, khi nào Chúa Giê-su chữa lành cho dân chúng, Ngài cũng chữa lành triệu chứng của tội lỗi. Những sự chữa lành đó có liên hệ chặt chẽ với một sự chữa lành vĩ đại khác, đó là sự tha thứ những tội lỗi, mà Chúa Giê-su đã ban cho mọi người bằng cách chết trên thập tự giá (Ma-thi-ơ 26:28; cũng hãy xem Thi Thiên 41:4, 103:3; Ê-sai 53:24).

**231** **2:12** **Thứ tự** trong bản Hy-lạp là: “<Và> người bại đứng dậy, <và> **liền/nhanh nhen** vác/mang chông/cáng của anh ta, (và) <anh ta> đi/đi bộ ra...”

Kinh ngạc thật/quá!) Chúng ta chưa từng thấy {(những điều) như <sup>232</sup>thế này ⇔ ai chữa lành cho một người bại} (bao giờ)!”

2:13–17 <sup>233</sup>(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>Gọi/Mời {Lê-vi Làm  
Môn Đệ/Học Trò Của Ngài ⇔ Những Kẻ Có Tội Theo Ngài}

*Ma-thi-ơ 9:9–13; Lu-ca 5:27–32*

13 {<Rời> ⇔ Sau đó,} Ngài/(Chúa) Giê-su đi ra <sup>GTK234</sup>(khỏi thành Ca-bê-na-um ⇔ khỏi căn nhà) <sup>235</sup>lần nữa <sup>236</sup>{đọc theo ⇔ đến bờ biển của} <sup>237</sup>Biển/Hồ Ga-li-Lê. <Và> <sup>238</sup>{tất cả đám đông/dân chúng ⇔ một đám rất đông người} <sup>GTK239</sup>{(cứ tiếp tục) đến/tới với Ngài ⇔ theo Ngài}, do đó Ngài <sup>GTK</sup>(tiếp tục) dạy họ (Lời/sứ điệp của Đức Chúa Trời).  
14 <Và> trong khi (Ngài/(Chúa) Giê-su) đi/đi bộ đọc (theo bờ hồ), Ngài thấy <sup>240</sup>Lê-vi (con) của An-phê đang ngồi/đang làm việc trong/tại <sup>241</sup>một văn phòng/trạm thu thuế của

<sup>232</sup> 2:12 “thế này” có lẽ đây nói đến việc chữa lành người bại, nhưng cũng có thể kể cả việc tha thứ tội lỗi của người ấy.

<sup>233</sup> (Tiểu Đê) Mỗi ban chuyển ngữ cần coi lại các tiểu đề cần phải như thế nào trong bản dịch của họ. Các tiểu đề có cần phải là những câu văn đầy đủ văn phạm, hay sẽ là những nhóm chữ? Các động từ trong tiểu đề cần dùng ở thì nào? Có một số ban chuyển ngữ dùng ở thì quá khứ, một số khác dùng thì hiện tại. Sau khi đã chuyển ngữ xong một đoạn Kinh Thánh, nên coi lại để biết chắc là tiểu đề phù hợp với đoạn Kinh văn. Cách in của các tiểu đề cũng cần được để ý đến. Các tiểu đề sẽ in đậm, bằng chữ xiên, ở ngay trung tâm của trang giấy, ở ngay phía bên trái, hay một cách nào khác? Tiểu đề sẽ được in cùng một cỡ chữ với bản văn hay lớn hơn? Có một số bản dịch viết hoa chữ đầu của mỗi từ trong tiểu đề để người đọc phân biệt được giữa tiểu đề và những phần trong bản văn. Một số khác chỉ viết hoa chữ đầu của các tên và từ đầu tiên của tiểu đề vì như thế sẽ dễ đọc hơn.

<sup>234</sup> 2:13 Bản Hy-lạp không xác định rõ là Chúa Giê-su “đi ra khỏi” nơi nào. Ngài đi ra khỏi nhà đó, thành phố đó, hay cả hai (xem lời chú thích kế tiếp). Ca-bê-na-um nằm ngay bên cạnh Hồ Ga-li-lê.

<sup>235</sup> 2:13 “lần nữa” có lẽ đây nói đến lần thứ hai Chúa Giê-su đi bộ đọc theo bờ Hồ Ga-li-lê (xem Mác 1:16) và lần thứ hai Chúa rời khỏi Ca-bê-na-um (xem Mác 1:21, 38 và “lần nữa” được tìm thấy trong 2:1) và căn nhà ở đó (xem Mác 1:35).

<sup>236</sup> 2:13 Bạn có thể nói: “(đi bộ) {đọc theo ⇔ đọc theo mẹ của}...”

<sup>237</sup> 2:13 Coi lại bạn đã chuyển ngữ “Biển/Hồ Ga-li-lê” trong Mác 1:16 như thế nào.

<sup>238</sup> 2:13 Mặc dù đám đông gia tăng, đây có lẽ cùng một đám đông mà Chúa Giê-su đã dạy trong đoạn trước (xem các câu 2, 4, 12).

<sup>239</sup> 2:13 Ý nghĩa của động từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý nghĩa “(tiếp tục) đến”, “đến/đi” hay “(đã bắt đầu) đến”. Một trong hai ý nghĩa đầu tiên có lẽ gần đúng theo ngữ cảnh (xem lời chú thích ngay ở trên).

<sup>240</sup> 2:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Lê-vi là một tên khác của Ma-thi-ơ (Ma-thi-ơ 9:9). Có một số người có nhiều hơn là một tên. Nếu gia đình của An-phê được nhắc đến ở đây cũng là người được nhắc trong 3:1 là cha của Gia-cơ, Lê-vi là anh em của Gia-cơ.

<sup>241</sup> 2:14 Cần nên rõ rằng Lê-vi làm việc tại phòng thuế của ông ta. Ông không phải là người đến để đóng thuế hay đến để thăm một người nào ở đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chính quyền La-mã đánh thuế người Do Thái và những giống dân khác thuộc quyền cai trị của họ. Họ cho đầu thu cái quyền được thu thuế trong mỗi khu vực thuộc quyền cai trị của họ. Quyền đó sẽ thuộc về người đầu giá cao nhất. Người thắng được quyền thuê người tại mỗi địa phương để thu các thứ thuế. Có nhiều loại thuế, kể cả thuế thân, thuế tài sản, thuế trên

dân chúng ((cho chính quyền La-mã)),/. {và/<Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ và} đã nói với ông ấy/Lê-vi: “{Hãy theo Ta. ⇔ Hãy làm môn đệ/học trò của Ta.}” <Và><sup>242</sup> (ngay lập tức) ông ấy/Lê-vi {đứng dậy ⇔ bỏ việc (thâu thuế) của ông ta} (và)<sup>243</sup> {đi theo Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ đến với Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ trở thành môn đệ/người học trò (của Ngài)}.

**15** {<Rồi> việc đó đã xảy ra ⇔ Sau đó}, {Ngài/(Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) đã ngồi (ăn) tại <sup>GTK</sup><sup>244</sup> nhà của ông ấy/Lê-vi ⇔ (Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) đi đến <sup>GTK</sup> nhà của ông ấy/Lê-vi để dùng bữa},/. {<và> có nhiều ⇔ Có nhiều} người thâu thuế và (những người khác)<sup>245</sup> {những kẻ có tội ⇔ những người (Pha-ri-si) bị kể/bị gọi là những tội nhân/vô đạo ⇔ những người mang tiếng xấu} (cùng cùng) ăn (ở đó) với {(Chúa) Giê-su/Ngài và môn đệ/học trò (của Ngài) ⇔ họ}, vì có nhiều người như thế <và họ thì> theo/ở với Ngài/Chúa Giê-su. **16** <Và> khi (một số)<sup>246</sup> các chuyên gia Kinh Luật {(những thành viên của giáo hội/nhóm gọi là) ⇔ [và] những <sup>247</sup> người} Pha-ri-si này thấy rằng Ngài/(Chúa) Giê-su đang ăn với {(những người mà họ kể là) những người có tội và/đặc biệt là/kể cả những người thâu thuế ⇔ những người thâu thuế và (những người khác mà họ coi là) những kẻ có tội}, họ hỏi/bảo <sup>248</sup> môn đệ (của Ngài): <sup>CH</sup>“{Tại sao <sup>249</sup>Thầy/(Chúa) Giê-su lại ⇔ Thầy/(Chúa) Giê-su không nên ⇔ [Thầy của các anh]

---

những loại thực phẩm và hàng hoá, cũng như những thứ thuế khác. Có rất nhiều nhân viên thâu thuế (kể cả người Lê-vi) là những người Do Thái. Họ bị những người Do Thái khác khinh miệt/gắt và bị coi là những người không trung thành/yêu nước và là một trong những người đáng tội nhất. Họ thâu thuế của người Do Thái cho chính quyền La-mã, mặc dù điều đó ngược lại với Luật của người Do Thái là đóng thuế cho những người ngoại quốc. Những người thâu thuế cũng là những người không thành thật và họ thường bắt dân chúng đóng thuế nhiều hơn những gì do chính quyền La-mã đã ấn định. Nhờ đó họ có thể giữ lại phần dư thừa cho họ. Việc làm của họ đưa họ đến chỗ là họ phải đi đến với những người ngoại quốc/không phải là người Do Thái, cho nên người Do Thái coi họ là những người “ô uế/không thánh sạch”.

<sup>242</sup> **2:14** Cần nên rõ ràng rằng Lê-vi đã không trì hoãn việc trở thành môn đệ/học trò của Chúa Giê-su.

<sup>243</sup> **2:14** Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ từ “đi theo Ngài” trong Mác 1:18, 20.

<sup>244</sup> **2:15** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ đây là nhà của Lê-vi, vì Lu-ca 5:29 cho chúng ta biết như thế. Tuy nhiên có một vài người cho rằng đây là nhà của Chúa Giê-su, nhưng cách giải nghĩa này không phù hợp với Ma-thi-ơ 8:20.

<sup>245</sup> **2:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Pha-ri-si rất nghiêm nhặt và chi tiết trong việc gìn giữ/vâng theo Luật Pháp của Đức Chúa Trời đã truyền cho Môi-se để ban cho người Do Thái. Họ cũng cẩn thận gìn giữ/tuân theo những truyền thống/luật lệ bắt nguồn từ Kinh Luật Môi-se. Người nào không làm theo những điều đó được kể là một “tội nhân”. Xem lời chú thích về Pha-ri-si ở câu 16.

<sup>246</sup> **2:16** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có “của những người Pha-ri-si” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số) có “và những người Pha-ri-si” thay vào đó.

<sup>247</sup> **2:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Pha-ri-si là một đảng (giáo hội) tôn giáo lớn chính trị lớn nhất của người Do Thái thời bấy giờ và có 6,000 hội viên. Họ cho rằng họ là những người công bình hơn bất cứ một người nào khác. Tên “Pha-ri-si” có nghĩa là “Biệt Lập”.

<sup>248</sup> **2:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thầy dạy Luật có trách nhiệm về những hành động của các môn đệ của họ và ngược lại.

<sup>249</sup> **2:16** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và BDY) có các từ “Thầy của các anh” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) không có các từ đó, nhưng chỉ hàm ý.

không nên} ăn <sup>250</sup>[và uống] với {<sup>251</sup>những người thu thuế và những kẻ có tội (khác) ⇔ những kẻ có tội, đặc biệt là những người thu thuế ⇔ những kẻ ác/tội lỗi như thế ⇔ những người như thế} <sup>252</sup>(có vẻ như Thầy làm bạn với họ ⇔ có vẻ như Ngài đồng ý với cách sống tội lỗi của họ)?/!” **17** <Và> (Chúa) Giê-su nghe (câu hỏi/lời nhận xét ⇔ những gì các chuyên gia Kinh Luật [và những người Pha-ri-si] hỏi/nói), (và ⇔ do đó Ngài) trả lời họ (bằng một câu châm ngôn/khó hiểu): “Những người mạnh khoẻ không {cần ⇔ đi tìm} một <sup>253</sup>thầy thuốc, nhưng/chỉ có những người <sup>254</sup>đang bị bệnh nặng (cần một (thầy thuốc) ⇔ cần/đi (tìm). (Cùng một lẽ ấy,) <sup>255</sup>{Ta không đến <sup>GTK256</sup>(đây) ⇔ việc làm của Ta không phải} để <sup>257</sup>gọi/khuyên <sup>GTK258</sup>(những người cho họ là) công chính <sup>TD259</sup>[để <sup>260</sup>ăn năn ⇔ xây bỏ những ý nghĩ/tám lòng và những đường lối ác/tội lỗi của họ], nhưng <sup>261</sup>(Ta đến để gọi/khuyên/mời) những kẻ có tội [(ăn năn)].”

- 
- <sup>250</sup> **2:16** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BCG, BDY) có “và uống” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC) **không** có hai từ đó, nhưng chỉ hàm ý.
- <sup>251</sup> **2:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái tin rằng nếu họ ăn chung với “kẻ có tội” họ sẽ trở nên “ô-uế/không thánh sạch”.
- <sup>252</sup> **2:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo văn hoá của người Do Thái, ăn chung với nhau bày tỏ một sự hiệp nhất và hoàn toàn chấp nhận lẫn nhau. Dữ kiện Chúa Giê-su ăn chung với Lê-vi và những kẻ “có tội” khác có thể cho thấy rằng Ngài đã tha thứ tội lỗi của họ. Có cùng một ý như lời của Ngài trong câu 5.
- <sup>253</sup> **2:17** Nên chuyển ngữ từ “**thầy thuốc**” một cách kính trọng. Nó có thể nói đến hoặc một đồng y sĩ hay một bác sĩ chuyên nghiệp.
- <sup>254</sup> **2:17** Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**bị bệnh nặng**” trong Mác 1:32, 34.
- <sup>255</sup> **2:17** Có lẽ cần thiết để nói: “**Ta đã đến** <sup>GTK</sup>(đây) để ⇔ Công việc của Ta là} kêu gọi/khuyên/mời kẻ có tội [bày tỏ sự hối hận/ăn năn], **không phải** <sup>GTK</sup>{những người công chính ⇔ những người nghĩ rằng họ công chính}.”
- <sup>256</sup> **2:17** Đối với một số ngôn ngữ cần nên nói rõ Chúa Giê-su đã đến **nơi nào**. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng ở đây Chúa Giê-su nói về việc đến dự **buổi tiệc**. Tuy nhiên, có một số khác cho rằng Chúa Giê-su nói đến **thế gian này**. Tốt nhất là nên chuyển ngữ một cách tổng quát, nếu có thể được (xem một trường hợp tương tự trong Mác 1:38).
- <sup>257</sup> **2:17** **Không nên** chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su đang mời dân chúng đến để dùng một bữa ăn. Ngài **gọi/khuyên** dân chúng **ăn năn** và theo Ngài.
- <sup>258</sup> **2:17** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su **miã mai** “(những người **nghĩ** họ là) người công chính”, nhưng thực sự họ không phải (xem Rô-ma 3:10). Tuy nhiên, có một số khác nghĩ Ngài **không miã mai** “(những người) công chính”.
- <sup>259</sup> **2:17** Có một vài bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có các từ “**ăn năn**” ở cuối câu. Tuy nhiên, đa số các bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) **không** có, nhưng chỉ hàm ý.
- <sup>260</sup> **2:17** Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ “**ăn năn**” trong Mác 1:4, và xem lời chú thích ở đó.
- <sup>261</sup> **2:17** Đối với một số ngôn ngữ cần nên **nhắc lại** “(Thầy **đã đến** để kêu gọi/khuyên)” ở đây, để cho câu văn được đầy đủ. Tuy nhiên, có những ngôn ngữ khác có thể chỉ cần **hàm ý** giống như trong bản Hy-lạp. Cũng có thể làm như thế đối với các từ “(ăn năn)” trong câu này. Hãy chuyển ngữ thế nào để cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

2:18–22 <sup>262</sup>{**Sự Dạy Dỗ Mới Của (Chúa) Giê-su Phá Vỡ** ⇔  
**Đừng Pha Trộn Sự Dạy Dỗ Của (Chúa) Giê-su Với**} **Những Truyền Thống Cũ**

*Ma-thi-ơ 9:14–17; Lu-ca 5:33–39*

**18** <Và> <sup>GTK263</sup>(một ngày kia) {các <sup>264</sup>môn đệ của ⇔ những người đi theo} Giảng <sup>265</sup>(Báp-tít/Người làm báp-tem) và những người Pha-ri-si <sup>266</sup>{đang kiêng ăn ⇔ nhịn đói (để cầu nguyện/tĩnh nguyện)}, (nhưng các môn đệ của Chúa Giê-su thì không). Do đó <sup>GTK267</sup>{họ ⇔ môn đệ của Giảng (Báp-tít) và những người Pha-ri-si ⇔ một số người} đã đến (gặp Chúa Giê-su) và hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su: <sup>268</sup>“Tại sao <sup>GTK269</sup>{các môn đệ của

<sup>262</sup> (Tiểu Đề) Một cách khác nữa cho tiểu đề là “Thời Đại Mới Của Sự Cứu Rỗi Đã Đến Rồi! Hãy Vui Mừng! Đừng Kiêng ăn/Than Khóc!”

<sup>263</sup> **2:18** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ câu này nói đến việc kiêng ăn đã được thực hiện **trong ngày** mà Chúa Giê-su hỏi về điều đó. Tuy nhiên, có một vài nghĩ Chúa Giê-su nói về **phong tục** của sự kiêng ăn. Dựa theo cách chuyển ngữ này, bạn có thể nói: “<Và> các môn đệ... (có tục lệ của) việc kiêng ăn...”

<sup>264</sup> **2:18** Có **hai nhóm** người kiêng ăn: (1) các môn đệ của Giảng và (2) các người Pha-ri-si. Không nên chuyển ngữ nghe giống như những môn đệ này là của cả Giảng và những người Pha-ri-si. Có thể đổi **thứ tự** và nói “những người Pha-ri-si và các môn đệ của Giảng (Báp-tít)”.

<sup>265</sup> **2:18** Cần nên rõ ràng ở đây là Giảng **Báp-tít, không phải** Giảng con của Xê-bê-đê. Chi tiết này có thể để vào một LỜI CHÚ THÍCH. Cho lời chú thích về việc chuyển ngữ tiểu đề này, xem tiểu đề ở Mác 1:1.

<sup>266</sup> **2:18** Người ta có ý **kiêng ăn**, đặc biệt là để cầu nguyện/tĩnh nguyện. Hãy chuyển ngữ từ “**kiêng ăn**” thế nào để **không** nghe giống như một người ở trong tình trạng nhịn ăn để xuống cân hay người ấy đang bị đau buồn hay bệnh, và không thể ăn được.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Kiêng ăn có nghĩa là tình nguyện không ăn hay không ăn những loại thực phẩm nào đó. Người Do Thái kiêng ăn với nhiều lý do: để tôn kính Đức Chúa Trời, để bày tỏ sự buồn rầu vì tội lỗi, để than khóc một người chết, để tưởng niệm Ngày Lễ Chuộc Tội và những tai họa của đất nước. Kiêng ăn được thực hiện để đặc biệt chú tâm đến Đức Chúa Trời trong một thời gian tĩnh nguyện (đó là, sự thật tâm suy nghĩ) và cầu nguyện. Trong thời Chúa Giê-su những người Do Thái sùng đạo/đứng đắn kiêng ăn ít nhất hai lần trong một tuần lễ, vào ngày thứ Hai và thứ Năm (như trong Lu-ca 18:12).

<sup>267</sup> **2:18** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**họ**” chỉ về **các môn đệ** của Giảng và những người Pha-ri-si. Tuy nhiên, có nhiều người khác nghĩ đây nói về **dân chúng** một cách tổng quát.

<sup>268</sup> **2:18** **Không** nên chuyển ngữ để nghe giống như <sup>GTK</sup>các môn đệ của Giảng và người Pha-ri-si không biết tại sao họ kiêng ăn. Họ muốn hiểu tại sao các môn đệ của Chúa Giê-su không kiêng ăn giống như họ. Để cho được rõ ràng, bạn có thể nói: “Tại sao các môn đệ của Ngài <sup>GTK</sup>không {kiêng ăn ⇔ nhịn ăn (để cầu nguyện/tĩnh nguyện)} **giống như** <sup>GTK</sup>{các môn đệ của Giảng và các môn đệ của người Pha-ri-si ⇔ chúng tôi} kiêng ăn?” Hay bạn có thể nói: “<sup>GTK</sup>{Các môn đệ của Giảng và các môn đệ của người Pha-ri-si ⇔ Chúng tôi} <sup>GTK</sup>kiêng ăn, nhưng các môn đệ của Ngài lại không. {**Tại sao không? ⇔ Ai là người đứng đây?**}”

<sup>269</sup> **2:18** Cách bạn chuyển ngữ lời tuyên bố này tùy thuộc vào cách bạn đã chuyển ngữ từ “**họ**” trong câu 18 trước đó. Coi lời chú thích về điều này ở đó.

Giăng (Báp-tít) và những môn đệ của người Pha-ri-si ⇔ chúng tôi} <sup>GTK270</sup>phải <sup>271</sup>{kiêng ăn ⇔ nhịn đói (để cầu nguyện/tĩnh nguyện)}, nhưng các môn đệ của Thầy không <kiêng ăn>?” <sup>19</sup> <sup>272</sup>{<Và> (Chúa) Giê-su trả lời họ <sup>273</sup>(với/dùng một vài minh hoạ/ví dụ. Ngài nói): ⇔ Do đó (Chúa) Giê-su hỏi họ: ⇔ Do đó (Chúa) Giê-su nói/trả lời họ:} <sup>CH274</sup>“(Khi có một tiệc cưới,) <sup>GTK275</sup>{các người con trai của tiệc cưới ⇔ các bạn của chú rể ⇔ những khách của tiệc cưới} <sup>276</sup>không có thể <sup>277</sup>kiêng ăn/than khóc trong khi {chú rể ⇔ anh ấy} còn ở với họ (ở tiệc cưới), có phải không? (Không thể nào! ⇔ Dĩ nhiên là không!) {Khi nào chàng rể còn ở với họ, họ không thể kiêng ăn/buồn rầu ⇔ Điều đó thực không hợp lý/không có thể để họ kiêng ăn/buồn rầu trong khi anh ấy còn ở với họ}, (vì họ vui mừng.) <sup>20</sup> <sup>278</sup>(Đối với môn đệ của Thầy cũng vậy vì/khi Thầy còn ở với họ.) Nhưng ngày/thời kỳ

<sup>270</sup> **2:18** Trong bản Hy-lạp ý câu này có thể có nhiều hơn một ý. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ ý của câu này “Tại sao... **phải** kiêng ăn, nhưng các môn đệ của Ngài **không** <kiêng ăn>?” Tuy nhiên, có một số nghĩ “Tại sao ... **đang**...kiêng ăn, nhưng các môn đệ của Ngài **không** (**đang**) <kiêng ăn>?” Mỗi cách giải thích đều rất phù hợp với ngữ cảnh.

<sup>271</sup> **2:18** Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ **kiêng ăn** trước đó trong câu 18.

<sup>272</sup> **2:19** Cần chắc chắn những sự **chọn lựa** của bạn trong các câu 18–19 **phù hợp** với nhau.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đưa ra những minh hoạ để giải thích sự dạy dỗ mẽ mẽ của Ngài, không nên pha trộn nó với những sự dạy dỗ của một người nào khác hay những phong tục/luật lệ tôn giáo chẳng hạn như việc kiêng ăn.

<sup>273</sup> **2:19** Có thể bạn cần nên đưa ra “(một vài ví dụ)” rõ ràng để câu trả lời của Chúa Giê-su **không** nghe có vẻ như thô lỗ hay không liên hệ gì đến câu hỏi người ta đã hỏi Ngài. Chỉ làm cho những **thông tin hàm ý** được sáng tỏ khi nào cần.

<sup>274</sup> **2:19** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “(Mọi người biết rằng) <sup>GTK</sup>{các bạn của chú rể ⇔ những người khác của tiệc cưới} không thể kiêng ăn khi chú rể còn ở với họ. Chú rể còn ở với họ bao lâu...”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tiệc cưới của người Do Thái kéo dài độ một tuần lễ. Kiêng ăn trong thời gian có đầy sự vui mừng như thế là chuyện không thể nghĩ tới được.

<sup>275</sup> **2:19** Theo nghĩa đen trong bản Hy-lạp là “**các người con trai của tiệc cưới**”. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ thành ngữ này đặc biệt nói đến những người phụ rể (đó là những người **đi bên cạnh** chú rể). Tuy nhiên, có nhiều người khác nghĩ ở đây nói một cách tổng quát hơn và nói về **những người bạn** hay **khách dự tiệc cưới**. Mỗi cách giải thích đều phù hợp với ngữ cảnh. Hãy chuyển ngữ thành ngữ này thế nào để chắc chắn rằng đây **không** nói đến các em bé ra đời ngoài hôn nhân hay hàm ý về liên hệ tình dục. Cần phải làm gì khi có sự khác nhau về **các sự giải thích** của các học giả Kinh Thánh trong một đoạn văn, hãy xem Mác 1:2.

<sup>276</sup> **2:19** Bạn có thể nói: “...không **muốn** kiêng ăn...có phải không?”

<sup>277</sup> **2:19** Cần nên rõ ràng rằng việc “**kiêng ăn**” được thực hiện để bày tỏ sự đau buồn. Nếu việc kiêng ăn không được thực hiện cho mục đích như thế trong văn hoá của bạn, tốt hơn nên dùng từ “**buồn rầu**” cho cả đoạn kinh văn này.

<sup>278</sup> **2:20** Cần nên nói rõ ràng là Chúa Giê-su đang **so sánh** chính Ngài với chú rể và Ngài so sánh các môn đệ của Ngài với những bạn bè/các khách dự tiệc cưới.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su so sánh Ngài với chú rể, sẽ bị cất đi trong một ngày nào đó, đó là bị giết (xem Ê-sai 53:8). Ngài so sánh môn đệ của Ngài với <sup>GTK</sup>{những chú rể phụ ⇔ những khách của tiệc cưới} (xem Giăng 16:16–20). Thật là thích thú, trong Cựu Ước đôi khi Đức Chúa Trời được so sánh như một chàng rể, hay một người chồng (Ê-sai 54:4–5, 62:4–5; Ô-sê 2:16–20).



khi {chú rể ⇔ anh ấy} sẽ được <sup>279</sup> {đem đi/dẫn đi xa khỏi họ ⇔ bị giết}. <Và> {lúc bấy giờ ⇔ lúc đó} họ sẽ kiêng ăn/buồn rầu (để bày tỏ họ đau buồn) <trong/tại ngày/thì giờ đó>.

**21** “{Không ai vá/dùng ⇔ Không thích hợp <sup>280</sup> cho một ai/người vá/dùng} một miếng vải mới (để vá một chỗ rách) lên quần áo cũ/mòn rách, vì nếu người đó/họ làm như vậy, miếng vải mới vá/đắp lên sẽ (bị rút lại sau khi giặt và) chằng rách (vải) cũ và (còn) làm cho chỗ rách tệ/lớn hơn trước. **22** {<Và> ⇔ Cùng một cách ấy,} {không ai đổ ⇔ nó chẳng thích hợp để chế/đổ} <sup>281</sup> rượu {mới ⇔ vừa mới cất} vào <sup>282</sup> {bầu da cũ/sờn mòn ⇔ bầu chứa rượu} (giòn/cứng), vì nếu người ấy/họ làm, (như vậy) (khi) rượu (mới) (lên men và có sức ép, nó) sẽ làm nứt/bể bầu da/bầu chứa rượu {và ⇔ kết quả là} {rượu sẽ hư bầu (cũng sẽ như thế) ⇔ (cả hai) rượu và bầu/bình chứa rượu sẽ hư ⇔ rượu <sup>283</sup> [sẽ chảy ra] và bầu da/bình chứa rượu cũng sẽ hư}. Không, rượu mới <sup>284</sup> [phải/nên (luôn luôn) được chứa/đổ] vào bầu da/bầu chứa rượu mới (để nó sẽ không nứt/bể ⇔ để nó dễ thích ứng).”

<sup>279</sup> **2:20** “**đem đi/dẫn đi xa khỏi họ**” là một thành ngữ mang ý nghĩa “**bị giết**”. Có một số ngôn ngữ văn phạm **không có thể thụ động**. Tuy nhiên, tất cả ngôn ngữ có một cách truyền thông về sự **quan trọng** của các nhân vật hay người dự phần ở mỗi thời điểm trong câu chuyện. Có một số ngôn ngữ dùng thứ tự của cách dùng từ để làm điều đó, thí dụ, bạn có thể nói: “**chú rể**, (người ta) sẽ {đem đi/dẫn đi xa ⇔ giết}”, thứ tự của các từ cho thấy thêm đặc tính quan trọng của “chàng rể” mà bản Hy-lạp đã cho thấy. Một số ngôn ngữ khác dùng những từ đặc biệt ghép sau danh từ hay dùng cả hai, thứ tự của các từ và danh từ đặc biệt để nói lên cùng một vấn đề. **Phải chắc chắn** trong cả Tân Ước, cần chuyển ngữ các mệnh đề thụ động một cách **tự nhiên** trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>280</sup> **2:21** Chúa Giê-su đang nói đến một **nguyên tắc tổng quát** ở đây. Có một số ngôn ngữ có thể cần thiết để dùng “chúng ta” và “các anh em” để nói về những việc mà mọi người làm hay biết.

<sup>281</sup> **2:22 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Rượu được làm từ trái nho, một thức uống thông dụng của người Do Thái. Nó có chút ít men.

<sup>282</sup> **2:22** Nếu thí dụ về việc đổ **rượu mới** vào **bầu da cũ không** thể hiểu đúng ý nghĩa trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói một cách tổng quát “một chất có sức ép” và “một bình cũ/sờn mòn (giòn/cứng)”. Hay bạn có thể thêm LỜI CHÚ THÍCH và/hay HÌNH ẢNH ở dưới. Hay bạn có thể dùng một sự thay thế thích hợp với văn hoá của bạn để thay thế, đó là, nói về hai vật mà người ta không thể để chung với nhau vì nó **không** thích hợp và sẽ làm hư cả hai. Tuy nhiên, **phải chắc chắn rằng** người ta sẽ chấp nhận sự **thay thế thích hợp với văn hoá** có thể dùng trong việc chuyển ngữ Kinh Thánh, do đó bản dịch của bạn sẽ được coi là chính xác và sẽ **không** bị từ chối. Tốt hơn là nên để nguyên văn vào trong LỜI CHÚ THÍCH.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bầu da được làm bằng da của nguyên con dê.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một người đang đổ rượu vào bầu da.

<sup>283</sup> **2:22** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDY) có nhóm từ “**sẽ chảy ra**” (BDC và BCG dùng “mất”). Tuy nhiên, một số khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không có** các từ này nhưng chỉ hàm ý.

<sup>284</sup> **2:22** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDY) có các từ “**phải/nên (luôn luôn) được chứa**” ở đây. Tuy nhiên, một số khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG) **không** có nhưng chỉ hàm ý. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

2:23–28 <sup>285</sup>Các Người Pha-ri-si <sup>NTT</sup>{Chỉ Trích Các Môn Đệ Của (Chúa) Giê-su ⇔ Tố Cáo Các Môn Đệ Của (Chúa) Giê-su Phạm Luật Về Ngày Sa-bát/Nghỉ}, <sup>286</sup>Nhưng (Chúa) Giê-su {Là Chúa/Cầm Quyền ⇔ Có Thẩm Quyền Để Quyết Định Điều Gì Có Thể Làm Trong} {Ngày Sa-bát/Nghỉ ⇔ Ngày Đó}

*Ma-thi-ơ 12:1–8; Lu-ca 6:1–5*

23 <Và việc đã xảy ra> {trong ngày ⇔ một} (Ngày) <sup>287</sup>Sa-bát/Nghỉ Ngài/(Chúa) Giê-su (và môn đệ) đang đi/đang đi bộ <sup>288</sup>(trên một con đường xuyên) qua (một vài) đám ruộng <sup>289</sup>lúa mì/lúa mạch. <Và> (trong khi họ đang đi,) các môn đệ (của Ngài) {rẽ lối bứt ⇔ bắt đầu bứt} (một vài) bông lúa mì/lúa mạch (và ăn). 24 <Và>/Nhưng (những người/một vài) người Pha-ri-si (thấy điều đó ⇔ thấy việc họ đang làm) (và) {hỏi ⇔ nói với} Ngài/(Chúa) Giê-su: “Kìa/Hãy xem/Này! <sup>CH290</sup>{Tại sao họ ⇔ Môn đệ (của Ngài)} <sup>291</sup>(làm việc ⇔ bứt bông lúa mì) điều đó {không đúng/theo luật pháp ⇔ luật pháp không cho phép (làm) ⇔ là sai/bị cấm} trong (Ngày) Sa-bát/Nghỉ?/!” 25 Nhưng <sup>292</sup>Ngài/(Chúa) Giê-su {nói/phản ứng với ⇔ trả lời} {họ ⇔ các người Pha-ri-si}: <sup>CH293</sup>“{Các ông có bao

<sup>285</sup> (Tiểu Đề) Một tiểu đề ngắn gọn hơn có thể là “Mục đích Của Đức Chúa Trời Cho Ngày Sa-bát Là Để Nghỉ Ngơi”.

<sup>286</sup> (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Pha-ri-si hiểu rằng Đức Chúa Trời lập nên Ngày Sa-bát là để tôn vinh Đức Chúa Trời bằng cách tuân theo những luật pháp. Tuy nhiên, Chúa Giê-su dạy rằng trong Ngày Sa-bát tôn vinh Đức Chúa Trời bằng cách làm những việc lành giúp đỡ những người đang có nhu cầu.

<sup>287</sup> 2:23 Xem lại cách bạn đã chuyển ngữ “(Ngày) Sa-bát” trong Mác 1:21, và Lời Chú Thích ở đó.

<sup>288</sup> 2:23 Chúa Giê-su và các môn đệ đang đi trên con đường xuyên qua một cánh đồng lúa mì. Họ **không** vi phạm luật pháp.

<sup>289</sup> 2:23 Nếu trong địa bàn hoạt động của bạn không có **lúa mì/lúa mạch**, bạn có thể nói “(một sản phẩm gọi là) lúa mì/lúa mạch”. **Không** nên nói “bắp” hay “lúa gạo” vì nó sẽ thay đổi dữ kiện lịch sử trong Kinh Thánh.

<sup>290</sup> 2:24 Người Pha-ri-si dùng câu hỏi tu từ (câu hỏi không cần câu trả lời) để tố cáo môn đệ của Chúa Giê-su vi phạm luật của Ngày Sa-bát/Nghỉ.

<sup>291</sup> 2:24 Không phải môn đệ của Chúa Giê-su ăn cắp lúa mì, người Pha-ri-si tức giận vì môn đệ của Chúa Giê-su **làm công việc** không được phép làm trong Ngày Sa-bát/Nghỉ. Về cách chuyển ngữ câu hỏi tu từ, hãy xem **Chú Giải Ký Hiệu** ở phần đầu của sách.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Luật của người Do Thái cho phép dân chúng lấy tay rút bông lúa khi đi ngang qua đồng lúa mì (Phục-truyền Luật-lệ Ký 23:25). Người Pha-ri-si tức giận vì môn đệ của Chúa Giê-su làm công việc gặt lúa, đó là một trong ba mươi chín việc không được phép làm trong Ngày Sa-bát đã được ghi chi tiết trong (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:8–11; 34:21; Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:12–15).

<sup>292</sup> 2:25 Đừng quên dùng các **đại danh từ** và **các tên** theo như cách mà người ta dùng trong ngôn ngữ của bạn. **Không nên** sao y theo cách mà tiếng Hy-lạp hay tiếng Việt dùng trong bản văn. Sau khi đã chuyển ngữ xong một tiểu đoạn, nên **có thói quen tốt** là đọc kỹ lại đoạn vừa chuyển ngữ xong, phải biết chắc là đoạn văn nói về những nhân vật nào, những công việc hay vấn đề gì, những điều đó nghe có được rõ ràng và tự nhiên không.

<sup>293</sup> 2:25 Chúa Giê-su biết là người Pha-ri-si thường đọc (trong lời Kinh Thánh) những điều Vua Đa-vít đã làm. Chúa dùng một **câu hỏi tu từ** để chỉ trích họ về việc họ bỏ qua những gì họ đã từng đọc.

giờ ⇔ Các ông đang bỏ qua việc các ông đã ⇔ Các ông nói/hành động dường như các ông chưa từng} đọc (trong <sup>294</sup>Lời Kinh Thánh) điều <sup>295</sup>(Vua) Đa-vít đã làm (khi xưa) khi <sup>TD296</sup>vua và {những người cùng đi với vua ⇔ những cận vệ/quân sĩ của vua} bị đối và <vua/họ> <sup>297</sup>cần (một vật gì đó để ăn)?/! **26** <sup>CH</sup>(Không/Chắc chắn các ông biết) thế nào vua/Đa-vít đã đi vào <sup>298</sup>{nhà/đền/lều của Đức Chúa Trời ⇔ lều tạm nơi mà tổ tiên chúng ta thờ phượng Đức Chúa Trời} <sup>GTK299</sup>{đến với ⇔ và <sup>NTT</sup>xin} <sup>300</sup>A-bi-tha, (là) <sup>301</sup>thượng tế, (một số đồ ăn/bánh mì) <sup>302</sup>và/Đa-vít <sup>303</sup>đã ăn (một ít) <sup>304</sup>{bánh mì dâng ⇔ bánh mì để dâng lên (Đức Chúa Trời)} <sup>305</sup>{mà luật pháp không cho phép (bất cứ ai) được ăn, ngoại trừ

<sup>294</sup> **2:25** Bạn có thể chuyển ngữ từ “**Lời Kinh Thánh**” như “**Lời/Sách của Đức Chúa Trời**”. Trong Tân Ước từ “**Lời Kinh Thánh**” chỉ về Cựu Ước, do đó bạn **nên tránh** dùng những từ như “**Kinh Thánh**” vì nó hàm ý nói về cả Cựu Ước và Tân Ước. Cũng **không được** nói “**Cựu Ước**”, vì từ này cũng chưa được nhắc đến mãi cho đến khi Tân Ước được viết.

<sup>295</sup> **2:25 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Câu chuyện về Vua Đa-vít được tìm thấy trong 1 Sa-mu-ên 21:1–6.

<sup>296</sup> **2:25 Thứ tự** thật của mệnh đề trong bản Hy-lạp là, “...vua đã cần (một vật gì đó để ăn) và vua và {những người đi với vua ⇔ cận vệ/quân sĩ} đang đói?/!”

<sup>297</sup> **2:25** Bạn có thể nói: “...và **đã không có** {đồ ăn ⇔ bất cứ vật gì để ăn}?/!”

<sup>298</sup> **2:26** Khi chuyển ngữ “**nhà của Đức Chúa Trời**” **không** nên chỉ về thiên đàng. Cũng không phải là “**hội đường**” (xem Mác 1:21) và “**Đền Thờ**” (xem Mác 11:11).

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “**Nhà của Đức Chúa Trời**” chỉ về lều tạm được dựng bằng vải nơi người Do Thái dâng lễ vật lên Đức Chúa Trời trước khi Vua Sa-Lô-môn xây Đền Thờ để thay thế.

<sup>299</sup> **2:26** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý nghĩa. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa “**đến**” ở đây. Tuy nhiên, vì A-hi-mê-léc, không phải là A-bi-tha, thực sự là thượng tế khi vua Đa-vít đã ăn bánh mì dùng để dâng cho Đức Chúa Trời (xem lời chú thích tiếp theo), nó có thể có nghĩa “**trong đoạn kinh văn/câu chuyện về**” (cùng một từ với ý nghĩa này trong Mác 12:26). Dựa theo cách chuyển ngữ này, bạn có thể nói: “...trong đoạn kinh văn/câu chuyện về A-bi-tha (người sau đó trở thành) thượng tế, và đã ăn...”

<sup>300</sup> **2:26 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thực ra, khi Đa-vít làm điều này, A-bi-tha cha của A-hi-mê-léc vẫn còn là thượng tế (1 Sa-mu-ên 21:1–6). A-bi-tha có lẽ đã giúp con mình để trao bánh mì cho Đa-vít. Tuy nhiên, cũng có thể A-bi-tha và A-hi-mê-léc mỗi người đều có cả hai tên (xem 2 Sa-mu-ên 8:17 và 1 Sử ký 18:16, 24:3, 6, 31 ở đó A-hi-mê-léc gọi là con của A-bi-tha; và 1 Sa-mu-ên 21–22 ở đó A-bi-tha gọi là con của A-hi-mê-léc).

<sup>301</sup> **2:26** Mỗi lần chỉ có một **trưởng tế**. Ông là người quan trọng nhất trong các thầy tế lễ và các nhà lãnh đạo Do Thái, tức là chủ tọa của Hội Đồng Quốc Gia (đó là tòa thượng phẩm tối cao của người Do Thái). Ông là người duy nhất có thể vào nơi Chí Thánh của đền tạm mỗi năm một lần để dâng tế lễ lên Đức Chúa Trời cho dân chúng trong ngày Chuộc Tội. Xem cách bạn chuyển ngữ “**thầy tế lễ**” trong Mác 1:44, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>302</sup> **2:26** Câu 26 là một **câu dài** trong bản Hy-lạp. Thông thường nó có thể chia ra thành hai hay nhiều câu ngắn.

<sup>303</sup> **2:26** Trong bản Hy-lạp **hàm ý rằng** A-bi-tha **đưa** bánh mì cho Đa-vít. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nên nói rõ điều này.

<sup>304</sup> **2:26 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mỗi Ngày Sa-bát/Ngủ mười hai ổ bánh mì được đặt lên một bàn thờ bằng vàng trong nơi Chí Thánh để dâng lên Đức Chúa Trời. Các thầy tế lễ sẽ ăn các ổ bánh mì cũ. (Lê-vi Ký 24:5–9)

<sup>305</sup> **2:26** Có thể sẽ rõ ràng hơn nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “(Theo Luật của Đức Chúa Trời,) (bánh mì) <sup>TVST</sup>(không ai) được ăn ngoại trừ các thầy tế lễ, nhưng vua/Đa-vít còn cho cả...”

các thầy tế lễ ⇔ mà chỉ có các thầy tế lễ (của Đức Chúa Trời) mới được phép ăn},/. {(và) sau đó vua/Đa-vít ⇔ vua/Đa-vít} cũng/còn cho {những người đi với vua ⇔ cận vệ/quân sĩ} (một ít bánh mì) (và họ cũng ăn nữa)?/! (Dù vậy, Đức Chúa Trời vẫn kể Đa-vít vô tội khi làm điều đó. ⇔ Nhưng Đa-vít không phạm tội trong việc làm trái luật dưới con mắt/sự nhận xét của Đức Chúa Trời.)” 27 <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su nói/kết luận với {họ ⇔ các người Pha-ri-si}: “(Ngày) <sup>306</sup>Sa-bát/Nghỉ được đặt ra/dựng nên (bởi Đức Chúa Trời) <sup>307</sup>{vì lợi ích của ⇔ để giúp} nhân loại/con người, <và> không phải nhân loại/con người được (làm ra/dựng nên) {cho sự ích lợi của (Ngày) Sa-bát/Nghỉ ⇔ để tuân theo những luật lệ của (Ngày) Sa-bát/Nghỉ}. 28 <sup>GTK308</sup>Bởi vậy/Vì thế <sup>309</sup>{(Ta,) Con Người ⇔ Ta Đấng đã trở thành một người/con người} <sup>310</sup>{là Chúa/Chủ tể ngay cả/cũng của/trên ⇔ cũng có thẩm quyền (quyết định điều gì cần phải thi hành trong) ⇔ có thẩm quyền (quyết định mọi sự) ngay cả/bao gồm (những gì cần phải làm trong)} (Ngày) Sa-bát/Nghỉ.

**3:1–6 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Tay Của Một Người  
Trong Ngày Sa-Bát/Nghỉ, Do Đó Người Pha-ri-si Lập Mưu  
Hủy Diệt/Giết Ngài/(Chúa) Giê-su**

*Ma-thi-ơ 12:9–14; Lu-ca 6:6–11*

**3** 1 <Rồi> <sup>311</sup>{lần nữa ⇔ vào một ngày/dịp khác} Ngài/(Chúa) Giê-su đi vào/tới <sup>312</sup>{hội đường ⇔ nhà hội/câu nguyện của người Do Thái},/. {và ⇔ Lần này} tại đó có một người đàn ông bị <sup>313</sup>teo/liệt/què tay ((phải)). 2 <Và> <sup>GTK314</sup>{họ ⇔ một đôi người ⇔ các người Pha-ri-si ⇔ dân chúng ở đó} đang/đã theo dõi Ngài/Giê-su một cách

<sup>306</sup> 2:27 Coi cách bạn chuyển ngữ “(Ngày) Sa-bát” trong câu 23.

<sup>307</sup> 2:27 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời thiết lập Ngày Sa-bát/Nghỉ để dân sự của Ngài có thể nghỉ ngơi và thờ phượng Ngài sau 6 ngày làm việc (Sáng Thế Ký 2:2–3; Xuất Ê-díp-tô Ký 20:8–11, 23:12; Phục Truyền Luật-lệ Ký 5:12–15). Người Pha-ri-si rất quan tâm đến việc vâng lời Đức Chúa Trời và gìn giữ các Luật Pháp cũng như các truyền thống/luật lệ, đến nỗi họ quên đi mục đích của Ngày Sa-bát/Nghỉ và làm cho những điều đó trở thành những gánh nặng cho mọi người (Ma-thi-ơ 23:4).

<sup>308</sup> 2:28 Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ câu 28 là **Lời Chúa Giê-su**. Tuy nhiên, có một vài học giả nghĩ rằng đó là lời của **ông Mác**.

<sup>309</sup> 2:28 Xem cách bạn chuyển ngữ từ “Con người” trong câu 10.

<sup>310</sup> 2:28 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi nói điều này Chúa Giê-su xưng Ngài là Đức Chúa Trời hay đại diện của Đức Chúa Trời.

<sup>311</sup> 3:1 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lần đầu tiên Chúa Giê-su đi đến hội đường trong thành Ca-bê-na-um được nói đến trong Mác 1:21.

<sup>312</sup> 3:1 Xem lại cách bạn đã chuyển ngữ từ “hội đường” trong Mác 1:21.

<sup>313</sup> 3:1 Có lẽ tay của người đàn ông đã hoàn toàn **bị teo**, có nghĩa là, hầu hết các bắp thịt của tay không còn nữa do đó nó chỉ còn thấy da bọc xương và người đàn ông không còn cử động nó được nữa.

<sup>314</sup> 3:2 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**họ**” ở đây chỉ nói đến **một số** trong những người ở tại hội đường, chắc là những người Pha-ri-si (xem câu 6). Tuy nhiên, có một vài học giả Kinh Thánh nghĩ đây nói đến **mọi người** có mặt trong hội đường.

cẩn thận (để xem) nếu/thử Ngài có chữa lành {người đó ⇔ người đàn ông này} trong (Ngày) Sa-bát/Nghỉ./.<sup>315</sup> {để họ có thể ⇔ Nếu Ngài làm, họ sẽ} <sup>NTT316</sup> {chính thức buộc tội Ngài ⇔ kết tội Ngài làm một điều sai ⇔ kết tội Ngài vì làm việc trong (Ngày) Sa-bát/Nghỉ}. **3** {Do đó ⇔ (Ngài/(Chúa) Giê-su đã biết những điều họ đang nghĩ,) nên} Ngài/(Chúa) Giê-su nói với người đàn ông, người bị teo/liệt/què tay: “Hãy đứng/đến (đây) {giữa (mọi người) ⇔ nơi mọi người có thể nhìn thấy anh}.” **4** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi {họ ⇔ dân chúng}: “Có phải {là đúng/hợp luật pháp ⇔ Đức Chúa Trời cho phép/phán dạy chúng ta} {làm việc lành hay là làm việc xấu/ác (cho dân chúng) ⇔ giúp đỡ hay làm hại (dân chúng)} trong (Ngày) Sa-bát/Nghỉ? <sup>317</sup> (Có phải là đúng/hợp luật pháp ⇔ Có phải Đức Chúa Trời cho phép/phán dạy chúng ta) cứu/giải cứu {một mạng sống ⇔ một người} (khỏi sự chết) hay giết (người đó)?” Nhưng {họ ⇔ người Pha-ri-si} {vẫn im lặng ⇔ không trả lời (Chúa) Giê-su}, <sup>318</sup> (vì họ biết Ngài/Chúa Giê-su đúng ⇔ vì họ biết họ sai). **5** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su {nhìn quanh mọi người với vẻ tức giận ⇔ tỏ vẻ tức giận trong khi nhìn quanh mọi người}, (nhưng Ngài cũng) cảm thấy thương/buồn (cho họ) vì {sự cứng/bướng bỉnh trong lòng/tâm trí của họ ⇔ họ từ chối không tin Ngài}. (Rồi) Ngài/(Chúa) Giê-su bảo người đàn ông: “Hãy duỗi thẳng/giơ thẳng tay <sup>319</sup> <[của anh]> ra.” Do đó anh ta duỗi thẳng/giơ thẳng (tay của anh ấy ra ⇔ nó) ra, và (tức thì) {tay của anh ấy ⇔ nó} {được phục hồi/chữa lành (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ trở nên lành lặn/khoẻ mạnh}. **6** <Rồi> <sup>320</sup> các người Pha-ri-si bỏ (hội đường ⇔ nhà cầu nguyện/nhà hội) đi (và) ngay lập tức <sup>321</sup> {bàn định kế hoạch ⇔ bắt đầu âm mưu} chống lại Ngài/(Chúa) Giê-su

<sup>315</sup> **3:2** Đối với một số ngôn ngữ có thể sẽ rõ ràng hơn nếu đổi **thứ tự** của câu 2 và nói: “<Và> (cũng có một số người/Pha-ri-si ở đó) họ (**muốn**) kết tội Ngài/Chúa Giê-su, **do đó** họ canh chừng Ngài/Chúa Giê-su một cách cẩn thận (để xem) nếu/hoặc Ngài sẽ chữa lành cho {anh ta ⇔ người đàn ông này} trong Ngày Sa-bát/Nghỉ.”

<sup>316</sup> **3:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Luật Pháp của người Do Thái, chữa lành cho một người bệnh được kể là một công việc và do đó không ai được phép làm trong Ngày Sa-bát/Nghỉ, trừ phi tình trạng người bệnh không thể sống đến ngày hôm sau. Vi phạm luật này là một trọng tội (Xuất Ê-díp-tô Ký 31:14–17).

<sup>317</sup> **3:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Câu hỏi của Chúa Giê-su gây sự tương phản giữa việc Chúa Giê-su muốn giúp một người và việc kẻ thù của Ngài muốn giết Ngài— họ là những người vi phạm luật của Ngày Sa-bát.

<sup>318</sup> **3:4** Có lẽ tốt nhất là nên để những thông tin này hàm ý trong bản dịch và để **LỜI CHÚ THÍCH sau đây**.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người Pha-ri-si vẫn im lặng, vì họ không thể trả lời câu hỏi của Chúa Giê-su mà không thừa nhận rằng họ sai về việc chữa lành người bệnh trong Ngày Sa-bát/Nghỉ.

<sup>319</sup> **3:5** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**của anh**” ở đây. Tuy nhiên, có một vài bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>320</sup> **3:6** Bạn có thể bắt đầu câu số 6 bằng cách nói: “<Và> **liền sau khi** những người Pha-ri-si (thấy điều đó ⇔ thấy Chúa Giê-su đã chữa lành cho người đàn ông), họ rời (hội đường ⇔ nhà cầu nguyện nhà nhóm) (và) lập kế...”

<sup>321</sup> **3:6** Bạn có thể nói: “...ngay lập tức (**hợp**) với những người thuộc phe Hê-rốt (và) {bàn kế hoạch ⇔ bắt đầu mưu kế} {làm thế nào họ có thể huỷ diệt/giết Ngài/Giê-su ⇔ cho người huỷ diệt/giết Ngài}.”

cùng với <sup>322</sup>{những người của Hê-rốt ⇔ những người ủng hộ/những bạn bè của Vua Hê-rốt} làm cách nào {để huỷ diệt/giết Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ cho người/tìm cách huỷ diệt Ngài/(Chúa) Giê-su}.

### 3:7–12 Đám Đông Dân Chúng Theo (Chúa) Giê-su

7 {<Rồi> ⇔ Sau đó,} (Chúa) Giê-su với/và môn đệ (của Ngài) {rút lui ⇔ đi khỏi đó} tới <sup>323</sup>Biển/Hồ (Ga-li-lê), và/nhung có một đám đông dân chúng <sup>324</sup>{đi theo ⇔ cùng đi với} Ngài/họ. (Trong đám đông có những người) từ <sup>325</sup>(tỉnh) Ga-li-lê và <từ> (tỉnh) Giu-đê, <sup>326</sup>8 và/kể cả (những người) <từ> (thành) Giê-ru-sa-lem,/. {và ⇔ Có những người khác} từ (tỉnh) I-đơ-mia, và (từ vùng) ở bên kia/phía đông của (Sông) Giô-đanh và (từ) (miền) chung quanh (thành) <sup>327</sup>Ty-rơ và Sy-đôn. {Đám đông (này) ⇔ Họ} đến với Ngài/(Chúa) Giê-su, (vì/khi) họ <sup>NTT</sup>nghe về {tất cả (những việc/phép lạ) ⇔ mọi việc} Ngài/(Chúa) Giê-su đã làm. <sup>9</sup> <Và> vì {có đám đông, ⇔ đám đông đường ấy} Ngài/(Chúa) Giê-su bảo các môn đệ (của Ngài) <sup>NTT</sup>chuẩn bị/tìm một chiếc ghe/thuyền cho Ngài (để Ngài ngồi trong ghe) do đó <sup>328</sup>{họ ⇔ đám đông/dân chúng} sẽ không đè/chen lấn Ngài. <sup>10</sup> <Vì> <sup>329</sup>Ngài đã (đặt tay và) chữa lành vô số dân chúng nên mọi người {bệnh tật ⇔ đau ốm} đã (hăm hở) nhào/chen lấn đến gần Ngài (để) sờ vào Ngài (nhờ đó họ cũng được lành bệnh). <sup>11</sup> <Và> khi nào (những người đó/dân chúng bị <sup>330</sup>uế/tà linh chiếm hữu/điều khiển) gặp Ngài/(Chúa) Giê-su, họ <sup>331</sup>{cúi/quỳ xuống ⇔ sấp mình

<sup>322</sup> **3:6 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người thuộc phe Hê-rốt là một nhóm người Do Thái có uy quyền, những người này ủng hộ luật của người La-mã, họ là những người bạn của Vua Hê-rốt Anti-pa, người lãnh đạo chính quyền của hai tỉnh Ga-li-lê và Bê-rê. Những người Pha-ri-si không phải là bạn của phe Hê-rốt, do đó họ chỉ làm việc với nhau trong những trường hợp đặc biệt. Cả hai đều lo sợ ảnh hưởng của Chúa Giê-su đối với dân chúng.

<sup>323</sup> **3:7** Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**biển**” trong Mác 2:13.

<sup>324</sup> **3:7** Từ ngữ “**theo**” ở đây **không nên** chuyển ngữ nghe giống như người ta theo dõi Chúa Giê-su.

<sup>325</sup> **3:7** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn để nói “(Hai **tỉnh**) Ga-li-lê và Giu-đê.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Danh sách tên của các vùng cho thấy đám đông dân chúng là những người đến từ mọi hướng.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một bản đồ có tên của những nơi được ghi trong câu 7–8.

<sup>326</sup> **3:8** Giê-ru-sa-lem nằm trong tỉnh Giu-đê.

<sup>327</sup> **3:8 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ty-rơ và Si-đôn là hai thành phố lớn của người ngoại quốc (không phải gốc Do Thái) nằm dọc theo bờ Biển Địa Trung Hải. Ty-rơ cách thành Ca-bê-na-um độ 48 cây số về hướng đông bắc. Trong thời Cựu Ước người ở Ty-rơ đã hướng dẫn người Do Thái đi vào việc thờ thần tượng, kể cả việc thờ thần Ba-anh và Át-tạt-tê (1 Các Vua 16:31–33, 2 Các Vua 23:13).

<sup>328</sup> **3:9** Hay bạn có thể nói: “...để Ngài sẽ khỏi bị {họ ⇔ đám đông/dân chúng} đè/chen lấn”

<sup>329</sup> **3:10** Đối với một số ngôn ngữ, có thể cần đổi thứ tự của các câu 10–12 đến **trước** câu 9 vì những sự việc thực sự đã xảy ra theo thứ tự đó.

<sup>330</sup> **3:11** Xem cách bạn đã chuyển ngữ từ “**uế/tà linh**” trong Mác 1:23, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>331</sup> **3:11** Những người bị uế/tà linh chiếm hữu/điều khiển **có ý** cúi/quỳ xuống sát đất trước mặt Chúa Giê-su để bày tỏ sự **kính trọng** Ngài. Phải chắc chắn chuyển ngữ thế nào để **khỏi** nghe giống như tình cờ chúng bị té xuống trước mặt Chúa Giê-su.

xuống} trước mặt Ngài (để bày tỏ sự kính trọng) và chúng kêu to/gào lên <nói rằng>: “Thầy là <sup>332</sup>Con Đức Chúa Trời!” **12** Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su nghiêm cấm (mỗi người trong bọn) {chúng ⇔ những uế/tà linh} <sup>NTT333</sup>{tiết lộ về Ngài ⇔ không được nói với dân chúng <sup>334</sup>điều đó}.

### 3:13–19 (Chúa) Giê-su Chọn Mười Hai Người Đàn Ông Để Làm Sứ Đồ/Sứ Giả Cho Ngài

*Ma-thi-ơ 10:1–4; Lu-ca 6:12–16*

**13** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>335</sup>{đi lên trên ⇔ trèo lên} một <sup>GTK336</sup>núi/đồi <sup>337</sup>(gần đó) và <sup>NTT338</sup>gọi/mời <cho (Ngài)> {những người ⇔ những người đàn ông} mà Ngài <sup>339</sup>muốn/chọn (để gia nhập với Ngài ⇔ để trở thành những môn đệ thân cận nhất của Ngài ⇔ để trở thành những môn đệ/học trò của Ngài), và họ từ (đám đông) đến với Ngài. **14** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>đề cử/chọn mười hai <sup>GTK340</sup>(người đàn ông ⇔ trong những người đàn ông đó), <sup>341</sup>[mà Ngài cũng gọi là <sup>342</sup>các sứ đồ/sứ giả,] do đó họ có thể {ở

<sup>332</sup> **3:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ông Mác muốn chúng ta biết rằng Chúa Giê-su là Con của Đức Chúa Trời (1:1). Điều đáng chú ý là trong sách Mác chỉ có Đức Chúa Trời (1:11, 9:7), Chúa Giê-su (13:32), ma quỷ (1:24, 3:11, 5:7) và một viên đội trưởng (15:39) nói đến Chúa Giê-su là Con của Đức Chúa Trời (cũng hãy xem 14:60–62).

<sup>333</sup> **3:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Xem lời chú thích cho trường hợp tương tự ở trong Mác 1:34.

<sup>334</sup> **3:12** Bạn có thể nói: “...{Ngài là ai ⇔ về Ngài ⇔ rằng Ngài là Con của Đức Chúa Trời}.”

<sup>335</sup> **3:13** Đồi này không dốc lắm, nhưng đối với một số ngôn ngữ vẫn được kể là **trèo lên**.

<sup>336</sup> **3:13** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý nghĩa. Nó có thể là “**núi**”, “**đồi**” hay “**vùng đồi núi**”. Đa số các bản dịch dùng cách chuyển ngữ thứ nhất và thứ hai. BDM, BDC, BCG, BDY dùng từ “núi”. Nếu bạn theo cách chuyển ngữ thứ ba, bạn có thể nói: “Rồi Ngài/Giê-su đi lên **vùng đồi núi**...” Nơi mà trong văn hoá của bạn gọi là **núi những chỗ khác có thể gọi là đồi**. Đồi/núi có lẽ cao độ 30–60 thước, do đó **không nên** chuyển ngữ nghe có vẻ như Chúa Giê-su trèo lên một đồi cao hàng ngàn thước.

<sup>337</sup> **3:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Địa điểm chính xác của đồi/núi này không được chắc chắn. Có lẽ nó ở gần thành Ca-bê-na-um bên cạnh Hồ Ga-li-lê.

<sup>338</sup> **3:13** Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ “**gọi/mời**” trong Mác 1:20.

<sup>339</sup> **3:13** Phải chắc chắn khi chuyển ngữ từ “**muốn**” **không** có một hàm ý nào về tình dục.

<sup>340</sup> **3:14** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng các câu 14–15 giải thích thêm về sự kêu gọi của Chúa Giê-su trong câu 13, do đó mười hai người đàn ông trong câu 14 là **những người** Chúa Giê-su đã gọi trong câu 13. Tuy nhiên, có một số khác (BDM, BCG) nghĩ, mười hai người đàn ông này chỉ là **một số** trong số những người Chúa Giê-su đã gọi (giống như trong Lu-ca 6:13).

<sup>341</sup> **3:14** Có nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC) có nhóm từ “**mà Ngài cũng gọi là các sứ đồ**” ở đây. Tuy nhiên, có một số khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG, BDY) **không** có nhóm từ này.

<sup>342</sup> **3:14** Tên “**sứ đồ**” có nghĩa đen là “**những người được sai đi**”. Một “người được sai đi” có đầy đủ uy quyền của người sai. Sau đó Chúa Giê-su gởi các môn đệ đi với sứ mạng là rao giảng cho mọi người về Nước của Đức Chúa Trời. Bạn có thể chuyển ngữ “những người được sai đi” như “**những giáo sĩ**”. Tuy nhiên, có những nơi trên thế giới từ ngữ “**giáo sĩ**” mang những ý nghĩa tiêu cực, tốt hơn bạn nên dùng

với Ngài (thường xuyên) ⇔ học hỏi từ Ngài ⇔ làm môn đệ (của Ngài)} và để Ngài có thể <sup>343</sup>sai họ đi ra để <sup>344</sup>truyền giảng/công bố/loan báo (Phúc Âm ⇔ sứ điệp của Đức Chúa Trời) (cho dân chúng/những người khác) **15** và (họ) có/dùng <sup>345</sup>uy quyền/năng lực (của Ngài/Đức Chúa Trời) <sup>346</sup>[để chữa lành bệnh tật (của nhiều người) và] để <sup>NTT347</sup>quăng/sai/bắt {ma quỷ ⇔ uế/tà linh} ra khỏi (người ta). **16** <Và> <sup>348</sup>(các tên của) <sup>349</sup>mười hai (môn đệ) Ngài/(Chúa) Giê-su đề cử/chọn (là:) (Ông) <sup>350</sup>Si-môn {người mà Ngài/Giê-su cũng thêm/cho một tên ⇔ người mà Ngài/(Chúa) Giê-su cũng đặt tên/gọi} <sup>351</sup>Phê-rô, **17** <sup>352</sup><và> {(ông) Gia-cơ (con trai) của Xê-bê-đê và (ông) Giăng là <sup>353</sup>em của

---

những từ ngữ có thể giống như “những người mang tin/những người đại diện/những sứ giả”. Tuy nhiên, điều tốt nhất là nên **tránh** dùng những từ mang tính chất chính trị. Xem cách bạn đã chuyển ngữ tiêu đề. Phải phân biệt rõ cách bạn chuyển ngữ “**sứ đồ**” với cách bạn chuyển ngữ từ “**thiên sứ**” và “**tiền tri**” trong Kinh Thánh (xem lời chú thích về điều này trong Mác 1:13).

<sup>343</sup> **3:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su sai các môn đệ đi ra trong Mác 6:7–13.

<sup>344</sup> **3:14** Xem cách bạn chuyển ngữ từ “**giảng**” trong Mác 1:4.

<sup>345</sup> **3:15** Khi chuyển ngữ các từ “**uy quyền/năng lực**” **không nên** nói về một tài năng học hỏi được hay sức lực của thân thể.

<sup>346</sup> **3:15** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có các từ “**chữa lành bệnh tật (của nhiều người)**” ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**.

<sup>347</sup> **3:15** Xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ tương tự trong Mác 1:34.

<sup>348</sup> **3:16** **Không nên** nghe giống như đây là một danh sách của ma quỷ mà môn đệ của Chúa Giê-su đã đuổi ra khỏi người ta trong câu 15, hay là một danh sách của những người mà Chúa Giê-su đã ban uy quyền cho môn đệ để đuổi ma quỷ ra khỏi họ.

<sup>349</sup> **3:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong bản Hy-lạp mười hai môn đệ đầu tiên Chúa Giê-su chọn được nói đến với một danh hiệu bằng số “Mười Hai” và nghe không tự nhiên trong tiếng Việt. Dân Do Thái cũng có mười hai tổ phụ, trong đó có một số có cùng tên giống như tên của các môn đệ của Chúa Giê-su.

<sup>350</sup> **3:16** Hãy chuyển ngữ theo từng từ một trong bản Hy-lạp: “và Ngài thêm/cho cái tên Phê-rô cho Si-môn...”

Khi **đánh vần (viết) các tên** trong Tân Ước, bạn có ba sự chọn lựa: (1) Bạn có thể đánh vần các tên giống y cách các bản dịch trong **quốc ngữ** chuyển ngữ, ngay cả nếu nó có nghĩa là dùng những mẫu tự và giọng đọc **không** thể dùng được trong ngôn ngữ của người đọc. Điều đó được thực hiện trong những vùng ở đó có nhiều người biết quốc ngữ và quen thuộc với cách dùng của nó. (2) Một cách chọn lựa khác là chuyển ngữ tên theo sát **mẫu tự**, đó là, đánh vần các tên cho thật gần giống cách tiếng Hy-lạp hay trong ngôn ngữ của quốc gia hay ngôn ngữ thương mại **chỉ có dùng** mẫu tự và âm thanh được thường dùng trong ngôn ngữ của người đọc. Thí dụ, một ngôn ngữ không có mẫu tự “r” có thể chuyển ngữ tên theo sát mẫu tự “Mark” như “Mak”. (3) Cách thứ ba là **phối hợp** cách 1 và 2. Dùng ngôn ngữ quốc gia hay thương mại để đánh vần những tên quen thuộc, như “Mác”, “Phê-rô” và “Giê-su”, và chuyển ngữ theo sát mẫu tự những tên không quen thuộc như “Giô-sa-phát” và “Xô-rô-ba-bên”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Phê-rô” tiếng Hy-lạp là “Kê-pha” tiếng A-ram (Do Thái cổ) là “Đá” (Giăng 1:42). Từ đây trở đi, trong sách Mác, Si-môn được gọi là Phê-rô (ngoại trừ Mác 14:37).

<sup>352</sup> **3:17** Có thể tự nhiên hoặc không tự nhiên để dùng từ “**và**” giữa mỗi tên trong danh sách này giống như trong bản Hy-lạp. Dùng những liên từ một cách tự nhiên cho một danh sách của các tên/người trong ngôn ngữ của bạn. **Không được** rập khuôn theo các liên từ của tiếng Hy-lạp hay tiếng Việt. Trong một số bản dịch tên của các sứ đồ được viết trong một cột (theo một hàng dọc) mỗi tên trong một dòng riêng biệt.



(ông) Gia-cơ ⇔ (ông) Gia-cơ và (ông) Giăng, là hai người con trai của Xê-bê-đê,} hai người mà Ngài/Giê-su cũng {đặt thêm/cho (những) tên (này) ⇔ đặt tên/biệt danh/gọi} Bô-a-nết có nghĩa là Con/Người của/giống như sự<sup>354</sup> sấm sét, **18** <và> (cũng/sau đó) (ông) An-rê, <và> (ông) Phi-líp, <và> (ông)<sup>355</sup> Ba-thê-lê-my, <và> (ông)<sup>356</sup> Ma-thi-ơ, <và> (ông) Tho-ma, <và> (ông)<sup>357</sup> Gia-cơ (con trai) của (ông) An-phê, <và> (ông)<sup>358</sup> Tha-đê, <và> (ông)<sup>359</sup> Si-môn<sup>GTK360</sup> {(người) Xê-lốt/cách mạng ⇔ tranh đấu cho tự do ⇔ là thành viên của một nhóm người đấu tranh giành tự do cho người Do Thái khỏi ách đô hộ của người La-mã}, **19** và (cuối cùng,) (ông) Giu-đa<sup>GTK361</sup> {Ích-ca-ri-ốt ⇔ từ (thành) Kê-ri-giốt} {<sup>362</sup> <cũng là> người ⇔ chính là người} <sup>363</sup> (sau này) {đã phản Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ đã giao Ngài/(Chúa) Giê-su cho} (kẻ thù của Ngài).

**353 3:17 Môn đệ Giăng** có lẽ là em trai của môn đệ Gia-cơ. Đối với một số ngôn ngữ cần nên nói rõ điều này.

**354 3:17** Cách chuyển ngữ các từ “Con của sấm sét” không nên chuyển ngữ nghe giống như các ông Giăng và Gia-cơ là những người siêu nhiên.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Con của Sấm Sét” có thể nói đến lối giảng hùng mạnh của ông Giăng và ông Gia-cơ hay có thể hàm ý hai người có tánh nóng nảy.

**355 3:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tên Bê-thê-lê-my có nghĩa “Con của Thê-lê-my”. Tên riêng của anh có lẽ là Na-tha-na-ên (xem Phúc Âm Giăng 1:43–51).

**356 3:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sứ đồ Ma-thi-ơ còn có tên khác là Lê-vi (xem Mác 2:14–15).

**357 3:18** Ông Gia-cơ này khác với người được nhắc đến trong câu 17. Đối với một số ngôn ngữ bạn có thể cần nói một “Gia-cơ (khác)”, nhưng không nên nghe giống như ông An-phê có nhiều con cùng có tên là Gia-cơ.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ông Gia-cơ này có thể là anh em của ông Lê-vi (xem Mác 2:14). Chúa Giê-su có hai môn đệ cùng tên là Gia-cơ và hai người có cùng tên là Si-môn.

**358 3:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ông Tha-đê (Ma-thi-ơ 9:3, Mác 3:18) và ông Giu-đa con trai của ông Gia-cơ (Lu-ca 6:16, Công Vụ 1:13) có lẽ chỉ là một.

**359 3:18** Đây là một Si-môn khác với người đã được nhắc đến trong câu 16. Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ “Gia-cơ” trong câu 18.

**360 3:18** Từ ngữ thực sự trong bản Hy-lạp là “đảng Ca-na” ở đây mà tiếng Do Thái cổ là “(thuộc nhóm) Quá Khích” hay “người sốt sắng”. Nó không có nghĩa là “người Ca-na-an” hay “người này từ (thành) Ca-na”. Có lẽ nó được dùng ở đây để phân biệt rõ hai người cùng có tên là Si-môn trong một danh sách.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Đảng Xê-lốt” diễn tả sự hứa nguyện hầu việc Đức Chúa Trời của Si-môn hay là tên của một nhóm du kích quân người Do Thái muốn được độc lập khỏi sự cai trị của người La-mã. Đảng Xê-lốt bắt đầu thành lập tại tỉnh Giu-đê khoảng năm thứ 6 S.C. để nổi dậy chống đối việc đóng thuế cho Sê-sa. Họ coi việc đóng thuế cho chính quyền ngoại bang là một trọng tội chống lại Đức Chúa Trời. Người La-mã đã đè bẹp/đánh bại sự nổi dậy đó, nhưng đến năm 66 S.C. đảng Xê-lốt một lần nữa nổi dậy chống chính quyền La-mã kết quả là thành Giê-ru-sa-lem hoàn toàn bị phá hủy vào năm 70 S.C.

**361 3:19** Đa số các bản dịch, chuyển ngữ theo mẫu tự “Ích-ca-ri-ốt” là một phần trong tên của Giu-đa. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “từ thành Kê-ri-giốt”. Có hai thành trong Kinh Thánh mang cùng tên đó (Giô-suê 15:25, Giê-rê-mi 48:24). Tuy nhiên, có một số khác nghĩ nó có nghĩa là “kẻ nói dối”, “sự lừa đảo” hay “kẻ ám sát”.

**362 3:19** Theo ngữ cảnh ở đây “cũng” có nghĩa “cũng là một trong mười hai (môn đệ)”. Nó không có nghĩa là những người khác ngoài Giu-đa phản Chúa Giê-su.

**363 3:19** Không nên chuyển ngữ nghe giống như Giu-đa đã phản Chúa Giê-su rồi.

3:20–30 <sup>364</sup>Những Người Pha-ri-si Kết Tội (Chúa) Giê-su  
Dùng Quyền Lực Của Bê-ên-xê-bun/Sa-tan/quỷ vương

*Ma-thi-ơ 12:22–32; Lu-ca 11:14–23; 12:10*

20 <Rồi> <sup>365</sup>{Ngài/(Chúa) Giê-su/[họ] ⇔ (Chúa) Giê-su [và môn đệ (của Ngài)]} đã tới/đến <sup>GTK366</sup> trong/một căn nhà <sup>367</sup> (trong thành Ca-bê-na-um) <sup>368</sup> và <sup>369</sup> {lần nữa một đám đông người ⇔ một đám đông người khác} đã nhóm họp (ở đó), do đó <sup>370</sup> {họ ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} (rất bận rộn đến nỗi họ) {không thể ⇔ ngay cả không có cơ hội để} ăn <bánh mì/đồ ăn>. 21 <Và> khi <sup>GTK371</sup> {những thân nhân của Ngài ⇔ gia đình của Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ một số bà con các bạn bè của Ngài/(Chúa) Giê-su} nghe <sup>NTT, GTK372</sup> (về điều đó ⇔ rằng Ngài/(Chúa) Giê-su có mặt tại Ca-bê-na-um), họ <sup>GTK373</sup> {đến <từ (nhà/thành của họ)> ⇔ rời <sup>374</sup> (Na-xa-rét) (để đi/tới đó)}

<sup>364</sup> (Tiểu Đề) Một tiểu đề ngắn có thể là “Chúa Giê-su Đánh Bại Quỷ Vương”.

<sup>365</sup> 3:20 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có từ “**họ**” ở đây, nó chỉ về Chúa Giê-su và các môn đệ. Tuy nhiên, một số khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) có từ “**Ngài/Người**” thay vào đó, nhưng vẫn hàm ý rằng môn đệ của Chúa Giê-su đang hiện diện.

<sup>366</sup> 3:20 Nhà ở đây có lẽ nói đến nhà của Phê-rô tại thành Ca-bê-na-um (xem Mác 1:29). Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su có nhà riêng của Ngài tại Ca-bê-na-um.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhà này ở tại thành Ca-bê-na-um. Có lẽ nó là nhà của Phê-rô và An-rê, cũng là cái nhà đã được đề cập đến trong Mác 1:29 và 2:1.

<sup>367</sup> 3:20 Nếu bạn quyết định nói rõ ràng về thành **Ca-bê-na-um** trong tiểu đoạn này, hãy quyết định cách tốt nhất để nói về nó. Đối với một số ngôn ngữ, ghi vị trí cùng tên của “**thành**” là một sự cần thiết. Đối với một số ngôn ngữ khác “**thành**” được kể vào lần đầu tiên (hay lần thứ hai) rằng “**thành**” được nói đến trong một chương hay trong một tiểu đoạn, nhưng sau đó chỉ được hàm ý và chỉ còn dùng tên của thành. Đó cũng là sự thật đối với thành **Na-xa-rét** trong tiểu đoạn này.

<sup>368</sup> 3:20 Có một số bản dịch bắt đầu câu 20 ở đây, nhưng cũng bắt đầu tiểu đoạn cùng một chỗ.

<sup>369</sup> 3:20 Đây là một **đám đông** khác, không phải đám đông đã được nói đến trong câu 7.

<sup>370</sup> 3:20 “**họ**” ở đây nói về Chúa Giê-su và môn đệ, **không phải** đám đông dân chúng.

<sup>371</sup> 3:21 Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDY) nghĩ rằng “**những thân nhân của Ngài**” ở đây nói đến những người trong **gia đình** của Chúa Giê-su được đề cập trong câu 31. Tuy nhiên, có một số khác (và BDM, BDC, BCG) nghĩ đây nói đến những người **bà con** khác của Ngài, và có một số khác nữa nghĩ đây nói đến các môn đệ hay **các bạn bè** của Chúa Giê-su.

<sup>372</sup> 3:21 Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ họ đã nghe **điều gì**. Nếu “**những thân nhân của Ngài**” ở tại Ca-bê-na-um hay một thành nào gần bên: “**đã nghe về điều đó**” rất phù hợp. Nếu họ ở Na-xa-rét, cách xa khoảng 32 cây số, “**đã nghe rằng Ngài/Giê-su ở tại Ca-bê-na-um**” thích hợp hơn.

<sup>373</sup> 3:21 Trong bản Hy-lạp **không** nói “**những thân nhân của Ngài**” **từ đâu** đến. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng họ đến từ **Na-xa-rét** nơi gia đình của Chúa Giê-su ở (Mác 1:9). Tuy nhiên, gia đình của Ngài có lẽ đang thăm viếng **Ca-bê-na-um** hay ở một **thành nào gần đó** trong thời gian này. Nếu những người này là một số bà con khác của Chúa Giê-su hay những bạn hữu của Ngài, có thể họ ở (sinh sống) tại Ca-bê-na-um hay một thành nào gần đó. Nếu có thể được, tốt hơn nên chuyển ngữ giống như trong bản Hy-lạp và **không** quá chi tiết.

<sup>374</sup> 3:21 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Na-xa-rét và Ca-bê-na-um cách nhau độ 32 cây số.

⇔ đã bắt đầu đi/di chuyển (đến đó)} để <sup>375</sup> bắt/lấy/bảo vệ Ngài (tránh khỏi đám đông),/. vì <sup>GTK376</sup>{họ/dân chúng ⇔ người nhà/bà con/bạn bè của Ngài} đã nói <sup>NTT</sup> rằng Ngài {bị mất trí ⇔ sắp sửa điên} (vì làm việc quá nhiều ⇔ vì có quá nhiều người đến với Ngài).

22 <Và/Nhưng> (một số) <sup>377</sup> các chuyên gia Kinh Luật những người đã đến/đi từ (thành) Giê-ru-sa-lem <sup>378</sup> <xuống> (Ca-bê-na-um) <sup>GTK379</sup> {nói (với nhau) ⇔ bảo (dân chúng)}: {“Ngài/(Chúa) Giê-su có <sup>380</sup> Bê-ên-xê-bun (trong Ngài),” và (họ cũng nói: “Bởi (năng lực/uy quyền/sự giúp đỡ của) kẻ cầm quyền/lãnh đạo của ma quỷ Ngài/(Chúa) Giê-su đang <sup>NTT</sup> đuổi/trừ ⇔ “Bê-ên-xê-bun, kẻ cầm quyền/lãnh đạo của uest/tà linh, điều khiển Ngài/(Chúa) Giê-su và <sup>381</sup> Ngài/(Chúa) Giê-su đang dùng năng lực/uy quyền/sự giúp đỡ của Bê-ên-xê-bun để <sup>NTT382</sup> đuổi/trừ} {ma quỷ ⇔ uest/tà linh} (khác) ra khỏi (người ta).”

23 Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su đã kêu <sup>GTK383</sup> {họ ⇔ các chuyên gia Kinh Luật} nhóm lại (và) {nói với họ dùng ⇔ bảo họ nhiều} <sup>384</sup> ngụ ngôn/minh hoạ (nói): “<sup>CH</sup>{Có thể nào <sup>385</sup> Sa-tan ⇔ Tại sao Sa-tan có thể ⇔ Thật vô lý để Sa-tan lại} <sup>NTT</sup> đuổi/trừ (uest/tà linh phuc

<sup>375</sup> 3:21 Trong ngữ cảnh này “bắt” nói đến những việc làm cần thiết để **bảo vệ** (tánh mạng) Chúa Giê-su từ đám đông dân chúng. Phải chắc chắn rằng nó **không** có nghĩa là họ đối xử với Chúa Giê-su một cách thô bạo hay họ giận dữ với Ngài hay Ngài đã làm những điều sai trái.

<sup>376</sup> 3:21 Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**họ**” ở đây chỉ về <sup>GTK</sup> **gia đình**/những bà con/những bạn bè của Chúa Giê-su là những người vừa mới được nhắc đến. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó chỉ về **những người** khác nói chung. Hãy chuyển ngữ theo cách đó, đặt phần còn lại của câu 21 ở **đầu câu** có lẽ tự nhiên hơn.

<sup>377</sup> 3:22 Coi cách bạn đã chuyển ngữ “**các chuyên gia Kinh Luật**” trong Mác 1:22, và xem lời chú thích ở đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các chuyên gia Kinh Luật này có lẽ được sai đến bởi những người lãnh đạo của họ để xem xét những điều Chúa Giê-su đang nói và đang làm.

<sup>378</sup> 3:22 Vì Giê-ru-sa-lem được xây cất trên đồi, “**xuống**” nói về mức độ cao thấp khác nhau giữa hai nơi, không nói về phương hướng. Ca-bê-na-um cách Giê-ru-sa-lem độ 110 cây số về hướng bắc.

<sup>379</sup> 3:22 Trong bản Hy-lạp không cho biết các chuyên gia Kinh Luật nói với ai ở đây. Có lẽ họ nói **với nhau** (xem Ma-thi-ơ 12:24) hay với **dân chúng** nói chung. Chỉ khi nào cần thiết mới chuyển ngữ chi tiết những tin tức này.

<sup>380</sup> 3:22 Cần nên chuyển ngữ rõ “**Bê-ên-xê-bun**” và “**kẻ lãnh đạo của ma quỷ**” chỉ là một, **không** phải hai.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Bê-ên-xê-bun” là một tên khác của quỷ vương. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ nó là chúa của quỷ vương là “kẻ cầm quyền/lãnh đạo của ma quỷ”. Tuy nhiên, những người khác nghĩ nó là danh hiệu bày tỏ sự coi thường/khinh bỉ và có nghĩa là “chúa của phân thú vật”. Thần đứng đầu của Phi-li-tin thành Éc-rôn tên là “Ba-anh-Xê-bụt” có nghĩa là “chúa của các ruồi” (2 Các Vua 1:2).

Bạn có thể nói: “...và Bê-ên-xê-bun {cho Ngài/Giê-su quyền năng ⇔ ban/giúp Ngài/Chúa Giê-su} để đuổi...”

<sup>382</sup> 3:22 Xem cách bạn đã chuyển ngữ nhóm từ tương tự trong câu 15.

<sup>383</sup> 3:23 Mặc dù **các chuyên gia Kinh Luật** là những người được nhắc đến sau cùng (câu 22), “**họ**” ở đây có lẽ chỉ về **tất cả** những người đã tụ tập tại căn nhà (câu 20), kể cả các chuyên gia Kinh Luật.

<sup>384</sup> 3:23 “**Ngụ ngôn**” là một ví dụ/minh hoạ (thường là một câu chuyện) mà Chúa Giê-su dùng để dạy dân chúng về một điều quan trọng. Nó cũng được định nghĩa như “một câu chuyện với một ý nghĩa/áp dụng cho vấn đề thuộc linh”.

<sup>385</sup> 3:23 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Xem lời chú thích về Sa-tan trong Mác 1:13.

vụ) chính nó ra khỏi (dân chúng)?/! **24** {<Và> ⇔ Thí dụ,} nếu (người của) một vương quốc/quốc gia chia rẽ {tự chống đối nhau ⇔ thành những nhóm chống đối nhau}, {vương quốc/quốc gia đó ⇔ nó} {không thể đứng vững/tồn tại ⇔ sẽ không tiếp tục tồn tại ⇔ sẽ tan rã ⇔ sẽ chấm dứt}. **25** <Và> nếu (những thành viên/người của) một nhà/gia đình chia rẽ tự chống lấy nó/họ, {những người trong nhà/gia đình đó ⇔ nó} {sẽ không thể đứng vững/tồn tại (nữa) ⇔ (cũng) sẽ tan rã}. **26** {<Và> ⇔ Cùng một thể ấy,} nếu (vương quốc của) Sa-tan tự <sup>386</sup>{nổi dậy nghịch ⇔ chống đối/tấn công} chính mình/chính nó và <sup>387</sup>(vương quốc của nó/các quý của nó) đã bị chia rẽ (thành những nhóm chống đối lẫn nhau), {nó/hắn không thể <sup>388</sup>đứng vững/tồn tại, nhưng ⇔ nó sẽ tan rã và} <sup>389</sup>{nó ⇔ uy quyền/năng lực/cai trị chúng} sẽ dẫn đến một sự cuối cùng. **27** {Thực ra ⇔ Nói một cách khác ⇔ Dùng một thí dụ/minh hoạ khác}, <sup>390</sup>không một ai có thể đi/vào trong nhà của một người mạnh <sup>391</sup>((giống như nhà của Sa-tan/Bê-ên-xê-bun)) để/và cướp/lấy đồ đạc/đồ dùng của người ấy trừ phi (đánh bại) người mạnh (và) (dùng dây thừng ⇔ dây xích) trói (người ấy) lại trước. <Rồi> sẽ/có thể {cướp ⇔ lấy đi} (mọi vật trong) nhà {của người ấy ⇔ của người mạnh}. **28** <sup>392</sup>{A-men/Phải, (đó là lý do tại sao Ta có thể <sup>NTT</sup>đuổi/trừ uế/tà linh của hắn ra khỏi người ta,) (và) Ta bảo cho các ông, ⇔ Quả thật Ta bảo các ông,} <sup>393</sup>{mọi tội lỗi sẽ/có thể được Đức Chúa Trời tha cho <các <sup>394</sup>con cái của> loài người ⇔ Đức Chúa Trời sẽ/có thể tha thứ con người về tất cả tội lỗi (của họ),} và/kể cả <sup>GTK395</sup>{(tất cả) những lời phạm thượng (của họ) mà họ có thể phạm không bất cứ là bao nhiêu ⇔ cứ mỗi lần họ phạm thượng/xem thường/vu khống Đức Chúa Trời/Ngài}, **29** nhưng bất cứ ai

<sup>386</sup> **3:26** Vì điểm Chúa Giê-su muốn nói là Sa-tan **không** tự chống đối lẫn nhau, dùng điều kiện cách tương phản sự việc ở đây có thể sẽ được rõ ràng hơn giống như trong BDM đã dùng.

<sup>387</sup> **3:26 Không nên** chuyển ngữ nghe giống như Sa-tan bị chia rẽ thành từng mảnh vụn.

<sup>388</sup> Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**đứng vững/tồn tại**” trong các câu 24–25.

<sup>389</sup> **3:26 Không nên** chuyển ngữ nghe giống như Sa-tan không còn hiện hữu nữa, bạn có thể nói: “...nó sẽ **không còn** cai trị trên chúng nữa.”

<sup>390</sup> **3:27** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nên nói: “...**người ta/anh** không thể đi/vào trong...” Đối với một số ngôn ngữ khác có thể cần nói: “...một người **không thể...trừ phi nếu** người đó trước tiên...”

<sup>391</sup> **3:27 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su dùng minh hoạ này để bày tỏ rằng Ngài đã đánh bại Sa-tan (nó giống như một người đàn ông mạnh mẽ) và đó là lý do Ngài có thể đuổi/trừ tà linh ra khỏi người ta. Chúa Giê-su đã làm điều Đức Chúa Trời đã hứa sẽ làm trong Ê-sai 49:24–26.

<sup>392</sup> **3:28 A-men** là tiếng Hy-bá có nghĩa “điều đó là thật” hay “hãy đồng ý như thế” suốt trong Cựu Ước và Tân Ước, ngoại trừ khi Chúa Giê-su dùng.

<sup>393</sup> **3:28** Bạn có thể nói: “...tất cả (các loại) **tội lỗi** sẽ/có thể...”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong câu 28–29 Giê-su tương phản tội phạm thượng Đức Thánh Linh với tất cả những loại tội lỗi khác. Chúa không nói rằng Đức Chúa Trời sẽ tha cho con người tất cả tội lỗi của họ bất chấp họ ăn năn hay không ăn năn.

<sup>394</sup> **3:28 “con cái loài người”** là một thành ngữ chỉ về tất cả nhân loại, **không** phải chỉ con cái.

<sup>395</sup> **3:28** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “**phạm thượng**” ở đây nói về bất cứ những gì một người nói **tôn thương** đến danh Đức Chúa Trời coi thường/vu khống **Đức Chúa Trời**, một số khác nghĩ nó nói đến việc **vu khống người ta**. Có thể có cả hai ý trong ngữ cảnh này.

<sup>396</sup> {phạm thượng ⇔ xem thường/vu khống ⇔ nói điều gì chống} Đức Thánh Linh {sẽ mãi mãi không được sự tha thứ (của Đức Chúa Trời) ⇔ sẽ không bao giờ được tha thứ (bởi Đức Chúa Trời)}, nhưng/vì <sup>397</sup> {người ấy bị phạm tội vĩnh viễn/tội không được tha ⇔ người đó đã phạm tội trong một cách mà Đức Chúa Trời sẽ chẳng bao giờ tha cho người ấy ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người ấy vì tội lỗi đó}.” **30** (Ngài/(Chúa) Giê-su đã nói vậy) vì <sup>398</sup> {họ/người ta ⇔ các chuyên gia Kinh Luật} đã nói: <sup>NGT</sup>“Ngài/(Chúa) Giê-su {có ⇔ bị ám/điều khiển bởi} một uế/tà linh.”

### 3:31–35 {Mẹ Và Các Em Thật Của (Chúa) Giê-su ⇔ Làm/Vâng Theo Ý Của Đức Chúa Trời}

*Ma-thi-ơ 12:46–50; Lu-ca 8:19–21*

**31** <Rồi> mẹ của Ngài/(Chúa) Giê-su và <sup>GTK399</sup> các em <của Ngài> đã đến/tới và đứng bên ngoài <sup>GTK400</sup> (căn nhà ⇔ đám đông đang bao vây Chúa Giê-su) (và) <sup>401</sup> nhắ (tin vào bên trong) cho Ngài <sup>NTT</sup> {mời ⇔ yêu cầu} Ngài (ra ngoài). **32** <Và> <sup>GTK402</sup> (họ không thể vào bên trong vì ⇔ họ không thể đến gần Ngài/Chúa Giê-su hơn vì) (đã) có một đám đông đang ngồi quanh Ngài/(Chúa) Giê-su. Do đó {họ ⇔ một người trong bọn ⇔ một vài người trong đám đông} bảo Ngài/(Chúa) Giê-su: “<sup>403</sup> {Kìa/Hãy xem ⇔ Xin lỗi chúng

<sup>396</sup> **3:29 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Thánh Linh là Đấng ban cho Chúa Giê-su quyền năng để đuổi/trừ các tà linh ra khỏi những người bị chúng ám. Các nhà lãnh đạo Do Thái phạm thượng/xem thường Đức Thánh Linh bằng cách nói rằng Bê-ên-xê-bun/Sa-tan đã cho Chúa Giê-su quyền năng để đuổi quỷ.

<sup>397</sup> **3:29 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phạm thượng/Xem thường Đức Thánh Linh có lẽ là “tội dẫn đến sự chết” được nói đến trong 1 Giăng 5:16.

<sup>398</sup> **3:30 “họ”** ở đây có lẽ nói về các chuyên gia Kinh Luật (câu 22), nhưng cũng có thể bao gồm nhiều người (các câu 20, 23).

<sup>399</sup> **3:31** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**các em**” ở đây nói về những người con trai khác mà ông bà Ma-ri và Giô-sép có sau khi sanh Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 13:56 và Mác 6:3). Tuy nhiên, có một số học giả Kinh Thánh khác nghĩ Chúa Giê-su là con duy nhất của ông bà Ma-ri và Giô-sép và “**các em**” có lẽ nói về các anh em họ của Chúa Giê-su hay cũng có thể nói về những người con của ông Giô-sép đã có trong một hôn nhân trước mà chúng ta không biết đến.

<sup>400</sup> **3:31** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ Chúa Giê-su và đám đông ở trong một căn nhà hay ở phía bên ngoài. Dựa theo các câu 20 và 32 đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ họ **ở trong** một căn nhà và mẹ và các anh em của Chúa Giê-su vừa mới đến từ Na-xa-rét để đưa Chúa Giê-su ra khỏi đám đông (xem câu 21). Tuy nhiên, có một số học giả Kinh Thánh khác nghĩ rằng đám đông này là đám đông được nói đến trong câu 4:1 có nghĩa là **ở ngoài**, nhưng theo Ma-thi-ơ 13:1 Chúa Giê-su rời căn nhà trước khi dạy đám đông dân chúng ở ngoài trời. Có lẽ cần nên nói đám đông **ở đâu**, do đó chúng ta sẽ thấy rõ nơi mẹ và các anh em Chúa Giê-su đang đợi trong câu 31 là chỗ nào.

<sup>401</sup> **3:31** Bạn có thể nói: “...đưa/nhắ (tin) cho Ngài để đi ra ngoài {gặp họ ⇔ để nói chuyện với họ} (một chốc lát).”

<sup>402</sup> **3:32** Sự lựa chọn của bạn ở đây sẽ tùy thuộc theo sự lựa chọn của bạn trong câu 31. Hãy xem Lời Chú Thích ở đó.

<sup>403</sup> **3:32** Bởi sự ngắt lời của người đưa tin gây nên Chúa Giê-su đã trả lời (các câu 33, 34) chuyển ngữ thế nào để sự ngắt lời của người đưa tin **không** có vẻ là kém nhã nhận.

tôi/tôi} (Thưa Thầy), mẹ của Thầy và các em của Thầy <sup>404</sup>[và các em gái của Thầy] (ở ngoài <sup>NTT</sup>{đang hỏi Thầy ⇔ (và) họ muốn (nói chuyện với) Thầy ⇔ (và) họ muốn Thầy đi ra ngoài}.” **33** Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>405</sup>{hỏi ⇔ trả lời với} {họ ⇔ đám đông/người đưa tin} <nói>: <sup>CH406</sup>“{Ai ⇔ Ta nói cho các ông ai} <sup>407</sup>(thực) là mẹ của Ta và các anh em của Ta?/.” **34** <Rôi> Ngài/(Chúa) Giê-su nhìn về <sup>408</sup>{những người đó ⇔ đám đông dân chúng/các môn đệ ⇔ các môn đệ (của Ngài)} là những người đang ngồi <trong một vòng tròn> chung quanh Ngài (và) nói: “{Đây ⇔ Đây/Các con (là)} {mẹ Ta và anh em Ta ⇔ gia đình thật của Ta}, **35** <sup>409</sup>[vì] hể người nào làm/vâng theo {ý của Đức Chúa Trời ⇔ điều Đức Chúa Trời muốn (người ấy làm)}, {người ấy là ⇔ họ là} {anh em/hay chị em gái (của Ta) và/hay mẹ (của Ta) ⇔ một phần tử trong gia đình của Ta}.”

4:1-9 <sup>410</sup>Ngụ Ngôn/Minh Hoạ Về <sup>411</sup>{Một Người Gieo Giống/Nông Dân ⇔ Những Hạt Giống ⇔ Các Loại Đất/Con Người Khác Nhau}

*Ma-thi-ơ 13:1-9; Lu-ca 8:4-8*

**4** **1** <sup>412</sup>{<Rôi>/Sau đó} Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>413</sup>lại bắt đầu dạy (dân chúng) {bên cạnh ⇔ trên bờ của} <sup>414</sup>Biển/Hồ Ga-li-lê. <Và> một đoàn dân rất đông tụ tập quanh Ngài

<sup>404</sup> **3:32** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BCG) có từ “và các em gái của Ngài” ở đây. Tuy nhiên đa số các bản và (và BDM, BDC, BDY) **không** có nhóm từ này.

<sup>405</sup> **3:33** Cho nguyên cả bộ Tân Ước nên cẩn thận khi bạn chuyển ngữ những **công thức trích dẫn** (đó là, đó là những từ giới thiệu lời trích dẫn). Đối với một số ngôn ngữ có **nhieu** công thức trích dẫn khác nhau. Tại mỗi chỗ trích dẫn họ nói rõ cách người ta đối thoại với nhau, đó là, chúng cho thấy, hoặc người nói đang trả lời, đang nói, đang ra lệnh, đang hỏi hay đang trả lời một người nào khác. Có những ngôn ngữ khác chỉ có **một** cách hay, **một vài** cách, để giới thiệu các câu trích dẫn. Họ để cho nội dung/những từ của lời trích dẫn tự bày tỏ rõ cách người nói đối thoại với nhau. Có một số ngôn ngữ đòi hỏi **hai** công thức trích dẫn: một ở đầu và một ở cuối. Thí dụ, “Giê-su đã nói với họ: ‘...’ Giê-su/Ngài đã nói.” Hãy chuyển ngữ công thức trích dẫn theo một cách tự nhiên và phải biết chắc nó phù hợp với ngữ cảnh. Một khi đối thoại đã được bắt đầu, một số ngôn ngữ **rút ngắn** công thức trích dẫn để hàm ý người nói và người nghe. Thí dụ, nó sẽ được tự nhiên hơn để nói: “Nhưng Ngài/Chúa Giê-su trả lời” thay vì nói “Nhưng Ngài/Chúa Giê-su trả lời họ”, tùy thuộc vào ngữ cảnh.

<sup>406</sup> **3:33** Khi chuyển ngữ câu hỏi tu từ (câu hỏi nhằm gây ấn tượng) **không** nên có ý rằng Chúa Giê-su không biết ai là mẹ và các em của Ngài hay những người ngoài đó không phải là mẹ và các em của Ngài.

<sup>407</sup> **3:33** Nếu không được rõ ràng để nói rằng các môn đệ của Chúa Giê-su **là** mẹ thật và anh em thật của Ngài thì có lẽ tốt hơn trong các câu 33-35 nên nói: “...**(như ⇔ quý mến đối với Ta như ⇔ hạng người mà có thể là) mẹ của Ta và/[hay] các em [của Ta]**”.

<sup>408</sup> **3:34** “**những người ngồi chung quanh**” ở đây nói về **đoàn dân đông** đang theo Ngài (xem câu 32), **không phải** chỉ 12 sứ đồ.

<sup>409</sup> **3:35** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDY) có từ “**vì**” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản (và Văn Bản Đa Số, BCG, BDC) **không** có từ đó.

<sup>410</sup> (Tiểu Đề) Xem lời chú thích về “**ngụ ngôn**” trong Mác 3:23.

<sup>411</sup> (Tiểu Đề) Tiểu đoạn này thường có tên “Ngụ Ngôn Về Người Gieo Giống/Nông Dân”. Tuy nhiên, tiểu đoạn này nói hầu hết về **những hạt giống** và những loại đất khác nhau.

nên Ngài phải xuống một chiếc thuyền (và) ngồi <sup>415</sup> (trong nó) {trong/trên mặt biển/hồ ⇔ ở gần bờ} <sup>416</sup> (để Ngài khỏi bị chen lấn), và/trong khi {cả đám đông ⇔ tất cả dân chúng ⇔ họ} ở/đứng trên bờ hồ (gần đó) (nghe Ngài). **2** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su dạy {họ ⇔ dân chúng} nhiều điều/bài học với/dùng <sup>417</sup> ngụ ngôn/minh hoạ. {<Và> Ngài nói với họ trong sự dạy dỗ của Ngài ⇔ Trong khi Ngài đang dạy họ Ngài nói}: **3** “Hãy nghe (câu chuyện này). Có một người {gieo giống ⇔ nông dân} đi ra (ruộng của ông ta) để gieo (giống). **4** <Và chuyện xảy ra (thế này)> trong khi người ấy <sup>418</sup> gieo/rãi (các hạt giống ⇔ chúng), một số (hạt giống) rơi <sup>GTK419</sup> trên/dọc theo con đường <sup>GTK420</sup> (bên cạnh/băng qua ruộng) (ở đó nó/chúng để mà nhận thấy), {và ⇔ do đó} các chim trời <sup>421</sup> [ ] đến và {ăn chúng (tất cả hạt giống) ⇔ ăn chúng hết}. **5** <Và/Nhưng> (những hạt giống) khác rơi trên <sup>422</sup> vùng đá ở đó {không có nhiều ⇔ chỉ có một lớp mỏng} đất (phủ ở trên). <Và>

<sup>412</sup> **4:1** Theo Ma-thi-ơ 13:1, Chúa Giê-su kể câu chuyện ngụ ngôn này **cùng một ngày** với những sự việc trong tiểu đoạn trước.

<sup>413</sup> **4:1** **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: “lại” nhắc lại trong Mác 2:13.

<sup>414</sup> **4:1** Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**Biển Ga-li-lê**” trong Mác 1:16, 2:13, và 3:7.

<sup>415</sup> **4:1** Nên nói rõ là Chúa Giê-su ngồi trong thuyền, **không** phải trên mặt nước gần thuyền. Cũng đừng chuyển ngữ nghe giống như thuyền nằm trên bờ hay có đầy nước bên trong.

<sup>416</sup> **4:1** Chúa Giê-su vào ngôi trong thuyền để Ngài có thể giảng dạy mà không bị đám đông chen lấn. Ngài **không** bỏ đi.

<sup>417</sup> **4:2** Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**ngụ ngôn**” trong tiểu đề, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>418</sup> **4:4** Nếu **phương cách gieo giống** trong địa bàn của ngôn ngữ người đọc không phải là **vãi/rãi** chúng (những hạt giống) trên mặt đất như người Do Thái, bạn có thể nói: “<Và> trong khi người ấy gieo (những hạt giống) (tuỳ theo **cách của họ** gieo), một số (những hạt giống)...” Hay bạn có thêm **LỜI CHÚ THÍCH** đưa ra dưới đây. Nếu một loại hạt giống được gieo theo cách này trong địa bàn của ngôn ngữ người đọc, có thể tốt hơn, nếu nói rõ loại hạt giống trong bản dịch. Phải chắc chắn là bạn không chuyển ngữ nghe giống như người ta gieo giống vào trong những cái lỗ hay anh ta lười biếng, ngày thợ hay dốt nát mà vãi giống trên mặt đất.

**LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Để gieo giống, người Do Thái vãi các hạt giống trên mặt đất trước khi cày xới đất. Đôi khi họ cày đất hai lần. Lần thứ nhất là để giết cỏ và dọn đất sẵn sàng để gieo. Lần thứ hai là cày để đất che phủ các hạt giống.

**HÌNH ẢNH** được đề nghị: Một nông dân gieo giống trên một đám ruộng có chim trời, đường đi, và những bụi gai cũng như đất tốt ở gần đó.

Nếu in trọn bốn Phúc Âm trong một quyển sách, có lẽ bạn sẽ chỉ muốn dùng hầu hết **mỗi hình ảnh** một lần, ngay cả cùng câu chuyện được kể lại trong tất cả (hay trong một vài) sách Phúc Âm. Có lẽ bạn cũng muốn chia đều hình ảnh ra nhiều chỗ để tránh việc **đồn chung lại với nhau** trong một chỗ hay trong một sách/Phúc Âm.

<sup>419</sup> **4:4** Từ được dùng ở đây trong tiếng Hy-lạp có thể có nghĩa là “**trên**” hay “**bên cạnh**”. Mỗi cách giải thích đều rất phù hợp với ngữ cảnh.

<sup>420</sup> **4:4** Con đường có thể nằm “**bên cạnh**” đám ruộng, hay nó có thể đi xuyên “**qua**” đám ruộng.

<sup>421</sup> **4:4** Đây là các chim trời, **không phải** chim nuôi trong nhà. thực ra, chỉ có một số rất ít bản thảo Hy-lạp chính có từ “**của trời**” ở đây, nó là một thành ngữ chỉ về các con chim hoang ngoài đồng. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có thành ngữ đó.

<sup>422</sup> **4:5** Đây “**đất đầy đá**” này có lẽ chỉ có một lớp đất mỏng phủ trên đá, **không phải** là đất trộn với đá. Bạn có thể nói: “...rơi trên vùng **toàn đá** chỉ có một lớp đất mỏng phủ ở trên.”

chẳng bao lâu chúng nảy mầm (và bắt đầu lớn lên), vì {không có một lớp đất dày ⇔ đất mỏng} (do đó mặt trời làm ấm đất nhanh chóng). **6** Nhưng khi <sup>423</sup>{mặt trời mọc (lên cao) ⇔ mặt trời ngày càng trở nên nóng bức}, {chúng bị sém ⇔ mặt trời làm sém mầm non} {và ⇔ do đó} chúng <bi> héo/khô, vì {chúng không có rễ (tốt/sâu/đủ) ⇔ rễ của chúng chưa đâm sâu đủ vào đất}. **7** <Và/Còn> (những hạt giống) khác rơi vào <sup>424</sup>những bụi gai (những hạt/rễ), {và ⇔ do đó} (khi những hạt giống mọc lên,) các bụi gai (cũng) {lớn lên ⇔ nảy mầm lớn lên} và <sup>GTK425</sup>làm nghẹt ngào/chết {chúng (cây giống) ⇔ những cây giống} do đó nó không thể sinh hoa lợi (được). **8** Nhưng một số (những hạt giống) rơi trên đất tốt/đất màu mỡ và chúng <sup>TD426</sup>lớn lên/nảy nở và sinh hoa lợi tốt. <Và> <sup>427</sup>một số (những hạt giống/cây đó) {sinh sản ⇔ kết quả với} <sup>428</sup>ba chục <sup>429</sup>(hạt mỗi cây), <và> một số (khác) (sinh/kết quả/có) sáu chục (hạt mỗi cây), và một số/những cây khác (nữa) (sinh/kết quả/có) một trăm (hạt mỗi cây).” **9** <Rồi> ⇔ Sau khi Ngài/(Chúa) Giê-su kể xong câu chuyện ngụ ngôn này,} Ngài/(Chúa) Giê-su nói (với đám đông dân chúng): <sup>GTK430</sup>“{Ai có tai hãy nghe ⇔ Ai muốn hiểu (những điều Ta nói) ⇔ Mọi người} nên nghe (Ta) (một cách cẩn thận)!”

<sup>423</sup> **4:6** “Khi mặt trời **mọc lên**” nói đến những ngày nắng gắt xảy ra lúc **cây còn non**. Đây **không** nói đến thời gian sau khi mặt trời mọc, hay ngày hôm sau, sau khi hạt giống được gieo. Bạn có thể để tin tức này trong **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>424</sup> **4:7** Câu số 7 cho chúng ta biết các bụi gai **chưa** mọc lên. Do đó tốt hơn nên nói “(hạt/rễ) bụi gai”.

<sup>425</sup> **4:7** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ “**làm nghẹt ngào**” hàm ý rằng các cây (lúa) vẫn **còn sống** và lớn lên một cách chậm chạp, nhưng chúng không sinh hoa quả. Bạn có thể nói: “**chặn đứng** sự phát triển của chúng”. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh khác nghĩ “**làm nghẹt ngào**” hàm ý rằng các cây (lúa) đã chết hay chẳng hề mọc lên, vì các bụi gai đã lấy tất cả những dinh dưỡng/thức ăn chúng cần. Xem lời chú thích trong Mác 1:2 về việc cần làm khi có **các sự giải thích khác** nhau của các học giả Kinh Thánh về một đoạn văn.

<sup>426</sup> **4:8** Thứ tự của các mệnh đề trong bản Hy-lạp là: “...và/nơi mà chúng {sinh bông trái ⇔ lớn lên} và kết quả, {mọc lên ⇔ nảy nở} và lớn lên.”

<sup>427</sup> **4:8** Bạn có thể nói: “<Và> (**người ta**) **thu/gặt** một số mỗi cây sinh ba chục hạt, một số mỗi cây sinh sáu chục hạt, một số khác nữa mỗi cây sinh cả đến một trăm hạt.”

<sup>428</sup> **4:8** Đối với những ngôn ngữ không dùng được **những con số**, bạn có thể nói giống như: “một số (hạt giống/cây) sinh/kết quả một số (hạt), một số (sinh/kết quả/có) nhiều (hạt) và một số (sinh/kết quả/có) rất nhiều (hạt).”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tất cả những hoa lợi (kết quả) trong câu chuyện Chúa Giê-su kể đều được coi là trúng mùa. Vì hoa lợi (kết quả) trung bình ở tỉnh Ga-li-lê và Giu-đê là mười hạt cho mỗi hạt giống được gieo. Kết quả một trăm lần là việc có thể xảy ra nhưng đó là trường hợp ngoại lệ.

<sup>429</sup> **4:8** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu **không** lặp lại “(hạt mỗi cây)”. Tuy nhiên, đối với một số ngôn ngữ khác việc lặp lại “**sinh/kết quả/có**” có lẽ là sự cần thiết. Hãy chuyển ngữ câu này thế nào để được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của người đọc.

<sup>430</sup> **4:9** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su khuyến khích **mọi người** nhận lãnh những điều Chúa Giê-su vừa mới nói một cách đúng đắn. Nếu bạn theo cách chuyển ngữ này, bạn **không nên** hàm ý rằng có một số người không có lỗi tai hay có một số người tai họ không thể nghe được. Đối với một số ngôn ngữ dùng một câu hỏi tu từ rất thích hợp ở đây. Ví dụ, “<sup>CH</sup>{Các người có tai không? ⇔ Các con có tai, phải không?} Thì hãy lắng nghe...” Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng một người “**có tai**” là người **muốn** hiểu những gì Chúa Giê-su nói về Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời (xem các câu 10–12, 33–34).



4:10–12 (Chúa) Giê-su Giải Thích {Mục Đích Của ⇔  
Tại Sao Thầy Dùng/Kể} Ngụ Ngôn/Minh Hoạ

*Ma-thi-ơ 13:10–17; Lu-ca 8:9–10*

**10** <Rồi> <sup>431</sup> khi Ngài/(Chúa) Giê-su ở một mình, (có một số) {những người (đã ở) với Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ các môn đệ (của Ngài)} với/và/kể cả mười hai (môn đệ) hỏi Ngài <sup>NTT</sup> (về ⇔ lý do của ⇔ giải thích) <sup>432</sup> những ngụ ngôn/minh hoạ (Ngài vừa mới kể cho họ). **11** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su {bảo ⇔ giải thích cho} họ: “{Các con đã được ban cho (để hiểu về) <sup>433</sup> sự mâu nhiệm của/về <sup>434</sup> Nước/quyền cai trị của Đức (Chúa) Trời ⇔ Đức Chúa Trời cho các con biết sự mâu nhiệm của/về Nước/quyền cai trị của Ngài ⇔ Đức Chúa Trời bày tỏ những sự bí mật về Nước/quyền cai trị của Ngài cho các con}, nhưng (sự mâu nhiệm này đã không ban cho ⇔ Ngài không bày tỏ nó/chúng cho) những người {ở ngoài (Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời/Ngài) ⇔ không tin sứ điệp của Đức Chúa Trời/của Ngài},/. <sup>435</sup> (và do đó ⇔ Đó là lý do) {(họ) được (Ta kể) tất cả những điều này (cho) ⇔ Ta kể cho họ mọi điều (về Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời/Ngài)} trong/với/bằng các ngụ ngôn/minh hoạ **12** để <sup>436</sup> (như Lời Kinh Thánh nói): ‘Họ có thể/sẽ nhìn {(và) nhìn ⇔ lần nữa và lần nữa ⇔ một cách cẩn thận} (đến việc Ta làm), <sup>437</sup> và/nhưng {chẳng hề ⇔ từ chối} nhận thấy/hiểu (ý nghĩa của nó là gì ⇔ sự thật), và họ sẽ nghe {đi và nghe lại nữa ⇔ một cách kỹ lưỡng} (những gì Ta nói), và/nhưng {chẳng hề ⇔ từ chối} hiểu (sứ điệp/dạy dỗ của Ta),/. <sup>GTK438</sup> {(Việc đó xảy ra) để cho họ sẽ

---

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc Chúa Giê-su phán hãy nghe Ngài hàm ý một lời cảnh cáo rằng ai không nghe Ngài sẽ vô cùng hối tiếc.

<sup>431</sup> **4:10** Có lẽ Chúa Giê-su đang dạy cùng một đám đông dân chúng mà Ngài đã dạy họ lúc Ngài ở trong một chiếc thuyền trong các câu 1–9 và 21–36 (so sánh câu 1 với các câu 33–36). Đám đông dân chúng có lẽ vẫn còn **hiện diện** trong các câu 10–20, nhưng rõ ràng là Chúa Giê-su đã **ngủ** nói chuyện với mọi người trong chốc lát để giải thích điều gì đó cho các môn đệ một cách **riêng tư**. Để làm sáng tỏ điều này bạn có thể nói: “Rồi trong vài giây phút Chúa Giê-su nói chuyện **riêng/chỉ** với mười hai sứ đồ/môn đệ (của Ngài) và một số {những người (khác) (ở) với Ngài ⇔ những môn đệ khác}, (vì họ hỏi Ngài...” Hay bạn có thể nói: “Trong lúc **ngủ** Chúa Giê-su dạy, mười hai môn đệ/sứ đồ (của Chúa Giê-su) và một số {(khác) những người (ở) với Ngài/Giê-su ⇔ các môn đệ khác} hỏi **riêng** Ngài/Chúa Giê-su...”

<sup>432</sup> **4:10** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có từ “các...” ở đây, (và BCG ghi “các ngụ ngôn”, BDC ghi “các thí dụ”). Tuy nhiên có nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDY) **không có**.

<sup>433</sup> **4:11** Bạn có thể chuyển ngữ “**sự mâu nhiệm**” như “những điều không được biết trước đây”.

<sup>434</sup> **4:11** Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**Nước của Đức Chúa Trời**” trong Mác 1:14–15.

<sup>435</sup> **4:11** Nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây có lẽ sẽ được rõ ràng hơn, thay vì cứ tiếp tục cho đến hết câu 12.

<sup>436</sup> **4:12** Thính giả của Chúa Giê-su biết Ngài **trích dẫn** trong Sách của Ê-sai.

<sup>437</sup> **4:12** Có thể sẽ được tự nhiên hơn, nếu bắt đầu trích dẫn này với “**Cho dù** họ nhìn..., họ sẽ không bao giờ..., và **cho dù** họ nghe..., họ chẳng bao giờ...”

<sup>438</sup> **4:12** Liên từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý nghĩa. Đa số các học giả Kinh Thánh chuyển ngữ nó để cho thấy mục đích tiêu cực (muốn có một kết quả tiêu cực) và nói: “**do**

không/chẳng bao giờ ⇔ <Ngược lại> họ sẽ/có thể} {trở lại (với Đức Chúa Trời) ⇔ ăn năn tội} và được <sup>439</sup>tha <sup>440</sup>[các tội lỗi (của họ)] (bởi Ngài/Đức Chúa Trời).’ ” (Ê-sai 6:9–10)

4:13–20 (Chúa) Giê-su Giải Thích Ngụ Ngôn/Minh Hoạ Về  
<sup>441</sup>{Người Gieo Giống/Người Làm Ruộng ⇔ Các Loại Giống/Người}

*Ma-thi-ơ 13:18–23; Lu-ca 8:11–15*

13 <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su {hỏi ⇔ nói với} <sup>442</sup>{họ ⇔ môn đệ (của Ngài)}:  
 “<sup>CH</sup>{Các con có hiểu không ⇔ Thầy e rằng các con không hiểu} ngụ ngôn/minh hoạ này?/, <sup>CH</sup>{(Nếu các con không hiểu,) thì thế nào các con sẽ/có thể ⇔ vì đó có nghĩa là các con sẽ không} hiểu {tất cả những ngụ ngôn (khác) ⇔ bất cứ một ngụ ngôn (nào khác)}?/!  
 14 (Thầy sẽ giải thích cho các con: ⇔ Đây là sự giải thích:) Người {gieo giống/làm ruộng ⇔ đi gieo giống} <sup>443</sup>đại diện cho người nói với những người khác sứ điệp/Lời (của Đức Chúa Trời) (về Nước/quyền tể trị của Đức Chúa Trời). 15 <sup>444</sup>{<Và> một số (người) là (giống như) các đất <sup>GTK</sup><sup>445</sup>trên/dọc theo con đường ở đó Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) được rao giảng. ⇔ Việc gì xảy ra đối với một số (người) nghe sứ điệp/Lời (của Đức Chúa Trời) thì (giống như) những gì xảy ra cho (những hạt giống rơi) <sup>GTK</sup>trên/bên cạnh đường (<sup>GTK</sup>dọc theo/trong đám ruộng).} Ngay sau khi họ nghe xong (sứ điệp/Lời của Đức Chúa Trời), <sup>446</sup>Sa-tan ((kẻ lãnh đạo/cầm quyền quý vương)) đến và {cướp lấy Lời/sứ điệp đã

---

đó họ sẽ không/chẳng bao giờ quay lại...” Đó là những gì Giảng 12:40 nói rõ ràng (không tối nghĩa). Tuy nhiên, có nhiều học giả Kinh Thánh giải thích ý nghĩa phần còn lại của câu 12: “{Một cách khác ⇔ Nếu họ hiểu được ⇔ Nếu không bằng cách đó (bằng chẳng vậy)}, họ <sup>TVST</sup>sẽ quay lại...” Họ nghĩ rằng có một sự so sánh giữa các mệnh đề trước và các mệnh đề theo sau.

<sup>439</sup> 4:12 Xem cách bạn đã chuyển ngữ “được tha” trong Mác 2:5.

<sup>440</sup> 4:12 Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có nhóm từ “các tội lỗi (của họ)” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) không có từ đó, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>441</sup> (Tiểu Đề) Bạn có thể nói: “Chúa Giê-su Giải Thích Sự Khác Biệt Của Các Loại Đất Giống Như Sự Khác Biệt Của Các Hạng Người (Tám Lòng) Như Thế Nào”. Xem cách bạn chuyển ngữ tiểu đề trong Mác 4:1.

<sup>442</sup> 4:13 “họ” chỉ về những người trong câu 10.

<sup>443</sup> 4:14 Bạn có thể chuyển ngữ “đại diện” như “giống như”.

<sup>444</sup> 4:15 Những hạt giống đại diện cho Lời của Đức Chúa Trời, không phải đại diện cho con người. Những loại đất khác nhau đại diện cho những hạng người/tám lòng khác nhau. Những gì xảy ra cho những hạt giống đại diện cho những sự đáp ứng khác nhau của con người đối với sứ điệp của Đức Chúa Trời về Nước/quyền cai trị của Ngài. Để có thể được rõ ràng, bạn có thể sửa đổi các câu 15–20 và nói: “Một số người nghe sứ điệp (của Đức Chúa Trời) thì giống như con đường (<sup>GTK</sup>dọc theo/xuyên qua đám ruộng) mà các hạt giống đã rơi lên trên đó. Chẳng bao lâu Sa-tan đến và {cướp lấy Lời/sứ điệp đã gieo [trong (lòng) họ] ⇔ làm cho họ quên/bỏ qua những gì họ đã nghe}...”

<sup>445</sup> 4:15 Cần phải nhất quán trong cách chuyển ngữ các từ “trên/dọc theo” trong câu 4.

<sup>446</sup> 4:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nếu cần chú thích về Sa-tan xem Mác 1:13.

gieo <sup>447</sup> [trong (lòng) họ] ⇔ làm cho họ quên/bỏ qua những gì họ đã nghe}. **16** <Và> {những (người) khác thì <sup>448</sup> [giống như] ⇔ những gì xảy ra cho những (người) khác thì [giống như] (những gì xảy ra cho)} (những hạt giống) {đã được gieo ⇔ rơi} trên <sup>449</sup> đất đầy đá. Ngay sau khi họ nghe Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời), họ nhận/tin lấy nó {với sự vui mừng ⇔ một cách vui mừng/sung sướng ⇔ và hân hoan}. **17** {Nhưng họ không có rễ (tốt/sâu/đủ) <trong họ>, nhưng/<và> ⇔ Nhưng họ (không có đức tin mạnh/sâu đậm, do đó họ) (giống như những cây) không có đủ rễ và} họ {thì (chỉ) tạm thời ⇔ không lâu bền ⇔ (chỉ) tin Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) trong một thời gian ngắn}. <Rồi> {khi <sup>450</sup> khổ cực/đau đớn và <sup>451</sup> bất bớ xảy đến (với họ) ⇔ khi họ gặp hoạn nạn và bị bất bớ (bởi con người)} vì {có ⇔ tin/vâng theo} Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời), họ lập tức <sup>GTK452</sup> {vấp ngã (trong đức tin của họ) ⇔ từ bỏ đức tin của họ (trong Đức Chúa Trời) ⇔ không còn tin (Lời/sứ điệp của Đức Chúa Trời) ⇔ có đức tin yếu (trong Đức Chúa Trời)}. **18** <Và> {những (người) khác thì (giống như) ⇔ những gì xảy ra cho những người khác thì (giống như những gì xảy ra cho)} những (hạt giống) {đã gieo ⇔ rơi} trong <sup>453</sup> bụi gai (những rễ/những hạt). Họ là những người nghe Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời), **19** <sup>454</sup> nhưng những sự lo lắng/quan tâm về {đời/thế gian (này) ⇔ sự sống hằng ngày} (cướp lấy/chi phối sự chú ý của họ về Lời đó) và {sự thu hút/say mê của giàu sang và ao ước/ham muốn những thứ khác đi vào (đời sống/lòng của họ) (và) làm nghẹt ngòi/cản trở Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) để ⇔ họ dùng thì giờ/đời sống của họ cố gắng tạo nên những gì họ muốn/khao khát và họ tự lừa dối mình để nương cậy trên sự giàu sang/vật chất (thay vì nương cậy Đức Chúa Trời) do đó họ bỏ qua/làm ngơ Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) và} {nó ⇔ Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời)} <sup>GTK455</sup> {không sinh bông trái ⇔ không sinh sản ⇔ không thể ảnh hưởng đến lối sống/đời sống ⇔ chết đi}. **20** Nhưng {một số (người) khác thì (giống) ⇔ những gì xảy ra đối với một số người khác thì (giống

<sup>447</sup> **4:15** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) có từ “**trong/nơi họ**” ở đây. Tuy nhiên, có một số bản (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có từ “**trong/vào lòng**” thay vào đó. Chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>448</sup> **4:16** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**giống như**” ở đây. Tuy nhiên, có một vài bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có** từ này, nhưng hàm ý.

<sup>449</sup> **4:16** Cần thống nhất cách chuyển ngữ các từ “**đất đầy đá**” trong câu số 5.

<sup>450</sup> **4:17** Bạn có thể chuyển ngữ “**khó cực**” như “những hoàn cảnh khó khăn”.

<sup>451</sup> **4:17** **Bất bớ** là bị đau, bị phiền toái, bị lên án, bị từ chối bởi những kẻ thù của Đức Chúa Trời.

<sup>452</sup> **4:17** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ thành ngữ Hy-lạp “**vấp ngã**” có nghĩa “từ bỏ đức tin (trong Đức Chúa Trời)” trong ngữ cảnh này. Tuy nhiên, một số nghĩ nó có nghĩa họ vẫn còn đức tin, nhưng đức tin bây giờ thì yếu hơn trước đây.

<sup>453</sup> **4:18** Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**bụi gai**” trong câu 7.

<sup>454</sup> **4:19** Để cho được rõ ràng rằng người ta chịu **trách nhiệm** cho việc không kết quả/không vâng lời, bạn có thể nói: “...nhưng **họ** bắt đầu lo lắng về những việc họ cần cho đời sống hằng ngày và **họ** muốn giàu sang và cần những thứ khác vô cùng nên **họ** quên sứ điệp của Đức Chúa Trời và không vâng lời/tin cậy Ngài.”

<sup>455</sup> **4:19** Bạn đã chuyển ngữ kết quả của sự **nghẹt ngòi** trong Mác 4:7 như thế nào thì nó sẽ quyết định cách bạn sẽ chuyển ngữ kết quả nghẹt ngòi ở đây. Một lời chú thích ở câu 7 giải thích quan niệm khác biệt liên quan đến ở đây.

những gì đã xảy ra cho)) những (hạt giống) {đã được gieo ⇔ rơi} trên đất tốt. Họ nghe Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời), <và> chấp nhận/tin (nó) và {sinh bông trái ⇔ làm theo}. (Họ giống như những cây đã sinh sản) mỗi cây <sup>456</sup>ba chục (hạt), <và> (mỗi cây) sáu chục (hạt) và (mỗi cây) một trăm (hạt).”

4:21–25 {Ngụ Ngôn/Minh Hoạ Về Cây Đèn ⇔  
(Chúa) Giê-su là Cây Đèn/Sự Sáng}

*Lu-ca 8:16–18*

21 <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su bảo <sup>GTK457</sup>{họ/mọi người ⇔ đám đông ⇔ đám đông và các môn đệ (của Ngài)}: <sup>CH458</sup>“{<sup>459</sup>Cây Đèn/Sự Sáng <sup>460</sup>không phải (được đem) đến để đặt/giấu ⇔ Một cây đèn/đèn lồng không được đem đến/thắp lên để đặt/giấu ⇔ Không một ai đem/thắp một cây đèn/đèn lồng để đặt/giấu nó ⇔ Sau khi con thắp một cây đèn cây, con sẽ không đặt/giấu nó} dưới một cái <sup>461</sup>thùng/lon hay dưới một cái <sup>462</sup>giường, có phải không? <sup>CH</sup>{Nó đã (được đem) đến không phải để đặt ⇔ Có phải (nó được đem đến) để đặt ⇔ Người ấy không đặt nó/sẽ không đặt nó ⇔ Không, họ/các con đặt nó} {trên một

<sup>456</sup> 4:20 Xem cách bạn đã chuyển ngữ một mệnh đề như thế trong câu 8.

<sup>457</sup> 4:21 Mặc dù những người sau cùng được nhắc đến là môn đệ của Chúa Giê-su trong các câu 10, (11, 13), “**họ**” ở đây có lẽ nói về tất cả **đám đông dân chúng** đang có mặt tại đó (xem lời chú thích về điều này trong câu 10). Chúa Giê-su có thói quen kể chuyện ngụ ngôn với dân chúng, nhưng chỉ giải thích ý nghĩa của những ngụ ngôn đó cho các môn đệ một cách riêng tư (xem các câu 10–12, 33–34).

<sup>458</sup> 4:21 Có lẽ Chúa Giê-su nói về chính Ngài như “**Cây Đèn**” đã đến, vì thông thường các cây đèn không tự nó “đến”, nhưng “được đem đến”. Tuy nhiên, đa số các bản dịch có một trong những cách chọn đã được ghi trong bản văn ở trên. Nếu câu hỏi tu từ/gây ấn tượng sẽ bị hiểu sai ở đây, bạn có thể dùng một **câu nói thường** và nói: “(Mọi người hiểu điều đó) một cây đèn/đèn lồng không phải được đem đến/thắp để đặt/giấu dưới một cái thùng hay một cái giường.” Đối với một số ngôn ngữ một sự thật thường tình như thế có thể diễn tả bằng ngôi thứ hai: “(Mọi người biết điều đó) **các anh** sẽ không thắp một cây đèn/đèn lồng để...**các anh** đặt trên chân đèn...”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Chúa Giê-su nói về Ngài như một “Cây Đèn” đã đến. Đức Chúa Trời được nói đến như một cây đèn trong 2 Sa-mu-ên 22:29, và Lời Chúa dùng như ngọn đèn trong Thi Thiên 119:105.

<sup>459</sup> 4:21 Nếu **đèn dầu** không được biết đến trong ngôn ngữ của người đọc, bạn có thể nói “**đèn lồng**” hay “**đèn cây**”, nhưng **không phải** đèn bin.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một cái đèn dầu.

<sup>460</sup> 4:21 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nên nói: “{Cây Đèn/Đèn Lồng **đã đến**, ⇔ người ta đem/thắp đèn/đèn lồng,} **không phải** để đặt/giấu...”

<sup>461</sup> 4:21 Từ được dùng ở đây trong tiếng Hy-lạp chỉ về một **cái thùng/lon** được dùng để lường thóc lúa và những loại thực phẩm khác. Cái thùng này chứa được độ 8 lít. Điểm nói đến ở đây là một cái thùng lớn đủ để che cái đèn bên dưới (mà không bị cháy). Có lẽ bạn cần nên chọn một sự thay thế thích hợp với văn hoá cho điều này, như một cái “**hộp**” chẳng hạn. Phải chắc chắn rằng nó **không** làm bằng thủy tinh hay bằng chất gì khác có thể nhìn xuyên qua được một cách dễ dàng.

<sup>462</sup> 4:21 Cái **giường** ở đây có đủ khoảng trống ở dưới để khỏi bị cháy. Nó không phải là một cái chõng (giống cái chõng trong Mác 2:4). Nếu loại giường này không có trong văn hoá của bạn, bạn có thể nói một cách tổng quát “**để đèn ở một nơi mà ánh sáng của nó bị che khuất**”.

<sup>463</sup> chân đèn ⇔ đặt ở chỗ trống} (để mọi người có thể thấy ⇔ để nó sáng cả nhà)?!  
**22** {Vì ⇔ Cũng như vậy,} <sup>464</sup> {chẳng có <sup>465</sup> [điều gì] giấu kín/bí mật (về sứ điệp/quyền cai trị của Đức Chúa Trời) ngoại trừ nó được bày tỏ (bởi Ngài/Đức Chúa Trời), và không có điều gì bí mật mà không được đưa ra ánh sáng. ⇔ mọi sự được giấu kín hay bí mật (về sứ điệp/quyền cai trị của Đức Chúa Trời) sẽ được bày tỏ (bởi Ngài/Đức Chúa Trời). ⇔ Ngài/Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ mọi việc (về Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời/Ngài) đã được giấu kín hay bí mật.} **23** <sup>GTK466</sup> {Nếu ai có tai hãy nghe, người ấy ⇔ Nếu một người nào muốn hiểu (những gì Ta đang nói đến), người ấy ⇔ Mọi người} nên lắng nghe (Ta) (một cách cẩn thận)!”

**24** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su đã nói với <sup>GTK467</sup> {họ/mọi người ⇔ đám đông ⇔ môn đệ (của Ngài) và tất cả đám đông}: “{Hãy cân nhắc ⇔ Hãy nghĩ về ⇔ Hãy chú tâm đến} {những gì các con nghe (thầy nói) ⇔ Điều thầy dạy các con}. <sup>GTK468</sup> {Tuỳ theo số lượng các con lường, <sup>GTK469</sup> Đức Chúa Trời cũng sẽ lường lại cho các con, và ban cho các con (những người nghe) bội phần. ⇔ Các con càng chú tâm (đến Ta) và làm/vâng theo điều Ta dạy các con bao nhiêu, <sup>GTK470</sup> Đức Chúa Trời càng làm cho các con hiểu (sứ điệp/quyền cai trị của Ngài) bấy nhiêu}. Vâng, Ngài/Đức Chúa Trời sẽ làm tăng sự hiểu biết của các con một cách vô kể! ⇔ Mức độ mà các con [nghe (Ta) và] làm/vâng theo những gì Ta nói <sup>GTK471</sup> là mức độ mà Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho các con, và Ngài sẽ ban phước cho

<sup>463</sup> **4:21** Nếu “chân đèn” không được dùng hay không có trong văn hoá của bạn, bạn có thể nói đến một chỗ **trống** để mọi người có thể thấy được ánh sáng.

<sup>464</sup> **4:22** Câu này là cách nói về hai ý nghĩa tương tự bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh, xem Mác 1:42.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời có chương trình cho Chúa Giê-su để bày tỏ những sự bí mật về Nước/quyền cai trị của Ngài, nhưng Ngài muốn thực hiện điều đó trong đường lối của Ngài (Mác 4:10–12, 33–34).

<sup>465</sup> **4:22** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có “chẳng... gì/chi” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không có** các từ đó, nhưng chỉ hàm ý. Riêng BDY chuyển ngữ là “tất cả những việc...”

<sup>466</sup> **4:23** Hãy xem cách bạn đã chuyển ngữ trong câu 9 vì nó giống câu 23.

<sup>467</sup> **4:24** Hãy xem lời chú thích và từ “**họ**” ở câu 21. Có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “{Rồi Chúa Giê-su tiếp tục, ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ và nói,}...”

<sup>468</sup> **4:24** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “**Số lượng các con lường**” nói về việc **vâng lời** Chúa Giê-su. Cách chuyển ngữ đó rất phù hợp với ngữ cảnh. Tuy nhiên, có vài học giả Kinh Thánh nghĩ nó nói đến việc phán xét người khác. Theo cách chuyển ngữ này, bạn có thể nói: “Cùng một luật lệ mà các con dùng để phán xét người khác sẽ được dùng để phán xét các con một cách nặng nề.”

<sup>469</sup> **4:24** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ “Đức Chúa Trời sẽ lường lại cho các con” **cái gì**. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa “Đức Chúa Trời sẽ khiến cho các con **hiểu** (sứ điệp/quyền cai trị của Ngài)” (xem các câu 11, 13, 22). Tuy nhiên, một số khác nghĩ, điều Đức Chúa Trời nói tổng quát hơn, và có nghĩa là “Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho các con” (xem Mác 3:35, 4:8, 20).

<sup>470</sup> **4:24** Hay bạn có thể nói: “...Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho các con càng nhiều; vâng, Ngài sẽ ban phước một cách dư dật!”

<sup>471</sup> **4:24** Hay bạn có thể nói: “...là mức độ mà từ đó Đức Chúa Trời sẽ ban cho các con sự hiểu biết (về sứ điệp và quyền cai trị của Ngài),/. {nhiều hơn là các con có thể tưởng tượng! ⇔ Ngài sẽ ban cho các con sự hiểu biết sâu rộng!}”

các con một cách dư dật!} **25** Vì người nào có (sự ao ước hiểu và vâng theo quyền cai trị của Đức Chúa Trời) sẽ được ban cho (thêm sự hiểu biết) (bởi Đức Chúa Trời), nhưng người nào không có (nhiều ao ước hiểu biết luật lệ/ý chỉ của Đức Chúa Trời ⇔ nhiều sự hiểu biết mà người ấy đáng có), ngay cả (một chút ít hiểu biết) mà người ấy có sẽ bị lấy hết đi (bởi Đức Chúa Trời).”

**4:26–29 {Ngụ Ngôn/Minh Hoạ Về Các Hạt Giống/Cây Phát Triển  
Như Thế Nào ⇔ Sự Phát Triển/Mở Rộng Nước Của  
Đức Chúa Trời Chỉ Tuỳ Thuộc Riêng Đức Chúa Trời}**

**26** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su nói <sup>GTK472</sup>(với họ ⇔ đám đông): “<Vậy nên> {nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời ⇔ đường lối Đức Chúa Trời cai trị (nhân loại)} <sup>473</sup> giống như (những gì xảy ra khi) một người đàn ông/nhà nông <sup>474</sup> gieo/rãi những hạt giống {trên đất ⇔ trong ruộng của ông ta}. **27** <Và> <sup>475</sup>{ông ta ngủ và làm việc đêm và ngày ⇔ người đàn ông/nông dân làm việc mỗi ngày (trong ruộng của ông ta) và mỗi đêm ông ngủ}. <Và> (trong khi đó) các hạt giống ông gieo đang nảy mầm và lớn lên, (nhưng) ông ta không biết {thế nào (việc đó xảy ra) ⇔ cái gì làm cho các hạt giống nảy mầm lớn lên}. **28** {Một cách tự động ⇔ Không cần sự giúp đỡ của người đàn ông/nông dân}, <sup>476</sup>đất làm cho các {hạt giống ⇔ các cây (lúa) lớn lên}. <sup>477</sup>Trước nhất các mầm non (cây lúa lớn lên), rồi {trổ hoa (bông lúa xuất hiện) ⇔ nó tạo thành một hạt lúa non (sữa)}, và sau đó hạt lúa non/sữa {lớn lên ⇔ phát triển}. **29** <Rồi>/Cuối cùng, <sup>478</sup>khi hạt lúa {chín ⇔ chín vàng}, {ông ấy ⇔ người đàn ông/nông dân} lập tức {gởi những <lưỡi liềm> ra ⇔ gởi người ra để gặt lúa/thu hoạch nó} vì {mùa gặt (thì giờ) đã đến ⇔ đây là lúc thu hoạch lợi}.”

<sup>472</sup> **4:26** Xem lời chú thích về “họ” ở câu 21.

<sup>473</sup> **4:26** **Không nên** chuyển ngữ nghe giống như Đức Chúa Trời là một người làm việc và ngủ và không biết điều gì đã làm cho các mầm non của Ngài lớn lên.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ người đàn ông trong ngụ ngôn này không tượng trưng cho một người nào rõ ràng. Trọng tâm của câu chuyện là các hạt giống tượng trưng cho Phúc Âm và đất tượng trưng cho tấm lòng của người nghe Phúc Âm. Sự phát triển của các cây non có lẽ tượng trưng cho sự phát triển của các môn đệ, và vụ mùa có lẽ tượng trưng cho ngày phán xét. Qua Lời của Ngài, Đức Chúa Trời trang bị cho các môn đệ và rao truyền Nước của Ngài mặc dù chúng ta không hiểu bằng cách nào.

<sup>474</sup> **4:26** Xem lời chú thích các câu 3-4 để biết cách người Do Thái **gieo giống**.

<sup>475</sup> **4:27** Nên nói rõ ràng là người đàn ông làm việc ban ngày và ngủ ban đêm. **Không nên** chuyển ngữ nghe giống như ông ấy làm việc và ngủ cả ban ngày lẫn ban đêm hay ông ấy mất ngủ.

<sup>476</sup> **4:28** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nên nói: “...**mầm non** mọc lên từ đất.” Hay bạn có thể nói: “...**Cây** mọc lên <từ đất>.”

<sup>477</sup> **4:28** Diễn tả 3 tiến trình sau đây qua sự phát triển của cây (lúa) một cách tự nhiên và rõ ràng trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>478</sup> **4:29** Bạn có thể nói: “Rồi/cuối cùng, **ngay sau khi** lúa chín/sẵn sàng, ông ấy sai...”

4:30–34 <sup>479</sup>**Ngụ Ngôn/Bài Học Về {Một Hạt Cải/Hạt Rất Nhỏ ⇔ Nước Của Đức Chúa Trời Phát Triển Như Thế Nào}**

*Ma-thi-ơ 13:31–35; Lu-ca 13:18–19*

**30** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su nói *GTK* (với họ ⇔ với đám đông): <sup>CH480,481</sup>{Chúng ta/Ta so sánh <sup>482</sup>Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời như thế nào ⇔ Chúng ta/Ta có thể so sánh Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời với gì} ⇔ Chúng ta/Thầy có thể nói quyền cai trị của Đức Chúa Trời trên con người giống như cái gì}, hay/và chúng ta/Ta (dùng) <sup>483</sup>ngụ ngôn/minh hoạ nào <sup>484</sup>để diễn tả/[ví] nó? **31** (Nước Đức Chúa Trời/Nó) giống (việc xảy ra cho) một <sup>485</sup>hạt cải/rất nhỏ, nó {nhỏ hơn tất cả/hầu hết các loại hạt (khác) ⇔ nhỏ nhất ⇔ là một trong những hạt nhỏ nhất} trên trái đất khi/trước khi {nó được trồng ⇔ các con/chúng ta trồng nó ⇔ một người nào trồng nó} <trong đất>. **32** Nhưng sau khi {trồng nó ⇔ các con/chúng ta trồng nó}, nó <sup>486</sup>{nảy mầm và lớn lên ⇔ trở nên một cây cải} lớn hơn/cao hơn tất cả loại rau cải (khác/trong vườn). {<Và> ⇔ Thật ra,} <sup>487</sup>các

<sup>479</sup> (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su có thể dùng ngụ ngôn này để dạy hai điều: (1) cách Đức Chúa Trời hướng dẫn đời sống của một người thuộc về Ngài, từ từ lớn lên và trưởng thành; và (2) cách Đức Chúa Trời cai trị thế giới, mỗi ngày mỗi đem nhiều người đến trong sự trung tín với Ngài. Cách Đức Chúa Trời bắt đầu cai trị nhân loại qua đời sống và sự chết của Chúa Giê-su, nó có vẻ nhỏ bé, yếu đuối, và không quan trọng (đặc biệt là đối với người Do Thái là những người có kỳ vọng ngược lại), nhưng một ngày nào đó mọi người sẽ thấy tất cả sự vĩ đại vinh hiển/quyền năng của Ngài.

<sup>480</sup> **4:30** Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ **không** thể dùng câu hỏi **tu từ** ở đây. Trong trường hợp như thế, bạn có thể nói: “Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời giống như thế này. Ngụ ngôn/minh hoạ này diễn tả điều này.”

<sup>481</sup> **4:30** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDY) có từ **“cách nào...”** ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có từ **“gì/chi...”** thay vào đó.

<sup>482</sup> **4:30** Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ **“nước của Đức Chúa Trời”** trong câu 11.

<sup>483</sup> **4:30** Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ **“ngụ ngôn”** trong câu 2.

<sup>484</sup> **4:30** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDY) có từ **“diễn tả”** ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có từ **“sánh/ví”** thay vào đó.

<sup>485</sup> **4:31** Nếu **hạt cải không có** trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói một cách tổng quát “một loại hạt **rất nhỏ**” hay “một hạt gọi là hạt cải” và thêm **LỜI CHÚ THÍCH** để giải thích hạt cải rất nhỏ trở thành cây cải to lớn. Hay bạn có thể dùng một sự thay thế thích hợp với văn hoá ở đây, có nghĩa là, nói về một loại hạt giống nhỏ nhất mà người ta trồng nhưng lớn lên thành một cây rất to đến nỗi chim trời có thể làm tổ trong các nhánh cây của nó. Tuy nhiên, phải chắc chắn rằng người đọc sẽ chấp nhận sự thay thế này như một điều có thể nói trong Kinh Thánh. Cần làm cho rõ ràng trong các câu 31–32 nói rõ sự thật về hạt cải, **không** phải chỉ một hạt, có lẽ cần thiết cho một số ngôn ngữ để chỉ về **“hạt cải”** trong suốt đoạn Kinh Thánh này.

<sup>486</sup> **4:32** **Không nên** chuyển ngữ nghe giống như hạt cải nhỏ bé trở thành một hạt khổng lồ.

<sup>487</sup> **4:32** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một cây cải lớn, cao độ 2.5 đến 4 thước.

nhánh của nó sum sê đến nỗi <sup>488</sup> các chim <trời> có thể làm tổ (của chúng) <sup>489</sup> (trên các nhánh).”

**33** <Và> {Ngài/(Chúa) Giê-su đã kể nhiều ngụ ngôn/minh họa, ⇔ (Chúa) Giê-su đã dùng nhiều ngụ ngôn/minh họa tương tự để kể} <sup>490</sup> {cho họ ⇔ cho đám đông/dân chúng} {sứ điệp ⇔ về Nước/quyền cai trị} (của Đức Chúa Trời) <sup>GTK491</sup> {cách họ có thể <sup>GTK492</sup> nghe (nó) ⇔ trong một cách mà họ có thể <sup>GTK</sup> nghe được ⇔ Họ có thể <sup>GTK</sup> nghe được bao nhiêu (Ngài kể cho họ bấy nhiêu)}. **34** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su {không kể cho họ/dân chúng (bất cứ điều gì về Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời) mà không (dùng) một ngụ ngôn/minh họa ⇔ chỉ/luôn luôn dùng ngụ ngôn/minh họa để kể cho họ/dân chúng (về Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời)}. (Nhưng) khi ở riêng (với môn đệ của Ngài), Ngài/(Chúa) Giê-su sẽ giải thích cho {môn đệ (của Ngài) ⇔ họ} {mọi điều ⇔ tất cả các ngụ ngôn/minh họa} (có nghĩa là gì).

#### 4:35–41 (Chúa) Giê-su Dẹp Yên/Chận Đứng Một Con Bão

**35** <Và> <sup>493</sup> {cùng trong ngày đó ⇔ chiều hôm ấy}, {khi <sup>494</sup> trời tối ⇔ khi mặt trời lặn}, Ngài/(Chúa) Giê-su nói với {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: “Chúng ta hãy qua bờ bên kia/phía đông (của hồ ⇔ của Biển/Hồ Ga-li-lê).” **36** Do đó họ <sup>GTK495</sup> {để đám đông ở lại ⇔ giải tán đám đông} (và) <sup>GTK496</sup> {đưa Ngài/(Chúa) Giê-su (đi) với (họ) trong một <sup>497</sup> chiếc thuyền <như/chỗ> Ngài đã ở trên đó ⇔ đến với Ngài/(Chúa) Giê-su trong một chiếc thuyền mà Ngài đã ở trên đó}. <Và> (năm bảy) thuyền khác (của dân chúng) {cũng

<sup>488</sup> **4:32** Từ “chim trời” trong bản Hy-lạp là một thành ngữ chỉ về các loại chim rừng. Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ trong câu 4.

<sup>489</sup> **4:32** Chim làm tổ trên các nhánh của cây cải, không phải dưới đất hay trong bông cây.

<sup>490</sup> **4:33** Hãy coi lại bạn đã bắt đầu các câu 21, 24, 26, 30 như thế nào. Xem các lời chú thích về điều này trong các câu 10, 21.

<sup>491</sup> **4:33** “cách” có thể hoặc nói đến hình thức của các ngụ ngôn (kể cả việc các ngụ ngôn đó khó và hấp dẫn như thế nào) hay số của các ngụ ngôn.

<sup>492</sup> **4:33** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa “nghe” hay “hiểu”. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này có lẽ có nghĩa là “nghe”, vì ý nghĩa của các ngụ ngôn này đã được giải thích (xem câu 34).

<sup>493</sup> **4:35** Nhóm từ “cùng trong ngày đó” nói về cùng một ngày đã được nói đến trong Mác 3:20, khi Chúa Giê-su kể nhiều ngụ ngôn.

<sup>494</sup> **4:35** “Tối” có lẽ nói đến khoảng thời gian giữa lúc mặt trời lặn và tối mịt.

<sup>495</sup> **4:36** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều ý nghĩa. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “họ để đám đông ở lại”. Tuy nhiên, có một vài học giả nghĩ “họ giải tán đám đông”. Cả hai ý đều phù hợp với ngữ cảnh.

<sup>496</sup> **4:36** Khi chuyển ngữ từ “đưa” không nên hàm ý rằng Chúa Giê-su bị bắt buộc. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “đưa...trong một chiếc thuyền...Ngài đã ở trên đó” có ý nghĩa rằng họ đi vội vàng, không có thì giờ chuẩn bị cho chuyến đi. Tuy nhiên, có một số khác nghĩ rằng Chúa Giê-su vẫn còn ở trong chiếc thuyền khi Ngài giảng dạy (xem câu 1) và các môn đệ đến cùng Ngài ở đó.

<sup>497</sup> **4:36** Chiếc thuyền này có lẽ lớn đủ để chứa độ 15 người. Xem cách bạn đã chuyển ngữ trong Mác 1:19.



đi cùng ⇔ đi theo} Ngài/họ. **37** <Rồi> (trong khi họ đi ngang qua hồ,) một con <sup>498</sup> bão lớn/khủng khiếp {nổi dậy ⇔ bắt đầu (thối)} và sóng đánh/bổ vào <sup>499</sup> thuyền do đó {chiếc thuyền ⇔ nó} bị {ngập (nước) ⇔ tràn đầy (nước) ⇔ gập chìm}. **38** <Và>/Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su ở phía <sup>500</sup> đuôi/sau (của chiếc thuyền và) đang ngủ (đầu của Ngài) dựa trên một <sup>501</sup> cái gối. <Rồi>/Do đó {họ ⇔ môn đệ (của Ngài)} đánh thức Ngài dậy và <sup>502</sup> nói/hỏi Ngài (một cách khẩn cấp): “Thưa Thầy, <sup>CH503</sup> {Thầy không lo ⇔ Thầy làm như Thầy không quan tâm} rằng chúng ta đang/sắp sửa chết chìm?!” **39** Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su thức dậy (và) <sup>504</sup> quở trách/ra lệnh cho gió và nói với hồ/nước/sóng: “{Hãy êm đi! ⇔ Đừng thổi nữa (và) <sup>505</sup> hãy lặng đi!}” (Ngay lập tức) gió ngừng (thối) và <sup>506</sup> nó/hồ/nước trở nên hoàn toàn/thật là yên lặng. **40** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su {nói với ⇔ hỏi} <sup>507</sup> {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: “<sup>CH508</sup> {Tại sao các con sợ hãi <sup>509</sup> [như thế]? ⇔ Các con không nên sợ hãi!} <sup>CH510</sup> {Các con vẫn chưa ⇔ [Tại sao các con không] ⇔ Đến bây giờ các con nên} {có đức tin ⇔ tin cậy} (trong <sup>GTK511</sup> Ta/Đức Chúa Trời ⇔ rằng <sup>GTK</sup> Ta/Đức Chúa Trời

- <sup>498</sup> **4:37 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bão dữ dội thường từ những núi chung quanh thổi ra hồ một cách bất chợt/thình lình.
- <sup>499</sup> **4:37 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cơ Đốc nhân thời trước so sánh chiếc thuyền với hội thánh và bão tố với quyền năng của ma quỷ đe dọa hội thánh. Cùng một cách giống như thế Thi Thiên 107:23–32 cho chúng ta biết thế nào Đức Chúa Trời chăm sóc chúng ta trong những giông bão của cuộc đời.
- <sup>500</sup> **4:38** Chúa Giê-su ở trong thuyền, **không** phải ở dưới nước.
- <sup>501</sup> **4:38** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng **gối** này chỉ đủ lớn để cho Chúa Giê-su gối đầu, **không** phải cho cả thân người.
- <sup>502</sup> **4:38** Bạn có thể nói: “...và **quát**,...”
- <sup>503</sup> **4:38** Nên chuyển ngữ cho rõ là môn đệ của Chúa Giê-su đang **trách** Ngài ở đây. Một vài học giả Kinh Thánh nghĩ câu này nên chuyển ngữ là: “Thầy ơi, <sup>CH</sup>Thầy không lo là <sup>GTK</sup>chúng ta {đang chết/sắp chết chìm ⇔ sắp chết/chìm}, **sao?** (**Hãy tìm cách để cứu chúng tôi!**)”
- <sup>504</sup> **4:39** Đối với một số ngôn ngữ cần ra lệnh cho gió **khác** với ra lệnh cho nước. Trong trường hợp như thế bạn có thể nói như: “Do đó Ngài/Chúa Giê-su quở gió (bằng cách nói): ‘Ngừng thổi!’ và Ngài nói với hồ/nước: ‘Hãy yên lặng!’”
- <sup>505</sup> **4:39 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đã nói cùng một cách như thế với ma quỷ trong Mác 1:25.
- <sup>506</sup> **4:39** Bạn có thể nói: “...và {**không còn sóng** ⇔ mặt nước của hồ hoàn toàn yên lặng}.”
- <sup>507</sup> **4:40** Nên làm cho rõ rằng rằng từ “**họ**” chỉ về các môn đệ của Chúa Giê-su, **không** phải là gió hồ/nước.
- <sup>508</sup> **4:40 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nếu chúng ta có đức tin trong Chúa Giê-su, không cần sợ hãi bất cứ điều gì. Chúng ta có thể ngủ yên (Thi Thiên 4:8). Mệnh lệnh phổ thông nhất trong Kinh Thánh là: “Đừng sợ chi!”
- <sup>509</sup> **4:40** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG, BDY) có từ “**như thế**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC) **không** có.
- <sup>510</sup> **4:40** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG) có “**Các con chưa/... chưa có lòng/đức tin...**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDY) có “**không** có đức tin sao”.
- <sup>511</sup> **4:40** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nên nói rõ những môn đệ của Chúa Giê-su không có đức tin trong ai. Hoặc là “Đức Chúa Trời” hay “Ta” (chỉ về Chúa Giê-su) đều phù hợp với ngữ cảnh.

sẽ chăm sóc cho các con)?/!” **41** Nhưng họ đã {sợ hãi ⇔ khiếp sợ ⇔ đầy kính sợ} và nói với nhau: “Chà! <sup>CH512</sup>{Người (đàn ông) này là ai mà (mọi sự,) ⇔ (Chúa) Giê-su thuộc loại người nào mà (mọi sự,) ⇔ Người này thật là kỳ lạ/khác thường! (Mọi vật,,) ngay cả gió và hồ/nước/sóng đều vâng lời Ngài?/!”

5:1–20 <sup>513</sup>(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>Đuổi/Trừ  
Nhiều Tà Linh Ra khỏi Một Người Đàn Ông

*Ma-thi-ơ 8:28–34; Lu-ca 8:26–39*

**5** 1 <Và> {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và môn đệ (của Ngài)} đến/đã tới phía bên kia/phía đông/bờ của Biển/Hồ Ga-li-lê, đất {của ⇔ kiểm soát bởi ⇔ làm chủ bởi} <sup>GTK514</sup>{người Giê-ra-sê/[Ga-da-ra] ⇔ những người của/từ (thành/phố của) <sup>GTK</sup>Giê-ra-sê/Giê-sa/[Ga-da-ren]}. **2** <Và> vừa khi Ngài/(Chúa) Giê-su ra khỏi thuyền, một người đàn ông bị điều khiển bởi một <sup>515</sup>uế/tà linh (đi) ra từ <sup>516</sup>{các mộ mả/nghĩa địa ⇔ nơi chôn người chết} để đối chất/gặp Ngài/(Chúa) Giê-su./ **3** <sup>517</sup>{Anh ta ⇔ Người đàn ông} {có một chỗ ở (của anh ta) ⇔ đang ở} trong nghĩa địa./ {và là/người ⇔ Anh ta} <sup>518</sup>(rất bạo động dù người ta đã trói/cùm/nhốt anh ta, nhưng) (anh ta rất mạnh đến nỗi) không ai có

<sup>512</sup> **4:41** Môn đệ của Chúa Giê-su **thốt lên** về sự vĩ đại của Chúa Giê-su ở đây, **không phải** hỏi tên Ngài là gì.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ông Mác mong đợi thánh giá/đọc giả của ông trả lời rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu thế, Con Đức Chúa Trời (Mác 1:1). Thực ra, phép lạ này cho thấy Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời, vì chỉ có Đức Chúa Trời có quyền năng điều khiển gió và biển (Thi thiên 65:7, 89:9, 93:3–4, 107:25, 29).

<sup>513</sup> **(Tiểu Đề)** Cách tốt nhất là thỉnh thoảng nên **xem lại** dàn bài của sách Mác và những **tiểu đề chính** của sách được trình bày trong phần giới thiệu của sách này. Làm điều đó sẽ giúp bạn thấy rõ ngữ cảnh bạn đang chuyển ngữ và giúp cho bạn có được một cấu kết chặt chẽ và tự nhiên hơn trong bản dịch.

<sup>514</sup> **5:1** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC) có “**Giê-ra-sê**” ở đây (xem Lu-ca 8:26). Tuy nhiên, có nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “**Ga-da-ren**” (xem Ma-thi-ơ 8:28). **Không rõ là “Giê-sa-rê”** chỉ về chỗ nào. Có thể là một làng nhỏ ở phố **Giê-sa** (và cũng còn gọi là **Gê-ga-sa**) đó nằm trên bờ phía đông của hồ (xem 14–15). Hay nó có thể là thành **Ge-ra-sa** nó cách Hồ Ga-li-lê 56 cây số về phía đông nam. Ge-ra-sa là một trong những thành phố chính trong một vùng giáp với Hồ. Thành **Ga-da-ren** cách Hồ Ga-li-lê độ 8 cây số về hướng đông nam, và dân thành Ga-da-ren kiểm soát/làm chủ vùng đất chạy dài đến hồ. (Có lẽ kể cả thành Gê-sa). Cách bạn chuyển ngữ các thành **không nên** nghe giống như Giê-ra-sê/[Ga-da-ren]” là tên của một bộ lạc.

<sup>515</sup> **5:2** Câu số 9 nói rằng người đàn ông bị kiểm soát **bởi** rất nhiều tà linh. Đối với một số ngôn ngữ người ta có thể cần dùng **số nhiều** để chỉ về các tà linh trong suốt đoạn Kinh Thánh này để khỏi gây bối rối cho người đọc.

<sup>516</sup> **5:2** Một cái mộ có lẽ hoặc là một chỗ trong một cái hang hay một cái huyệt đục trong đôi đá dùng để chôn người chết. **Không nên** chuyển ngữ nghe giống như một cái mộ đào sâu dưới đất.

Phong tục của người Do Thái là chôn người chết trong hang đá tự nhiên hay những cái mộ nhỏ đục trong triền núi đá. Người Do Thái coi tà linh, mộ mả, heo/lợn và những vùng của người ngoại quốc ở, tất cả được kể là “không thánh sạch/ô uế”.

<sup>517</sup> **5:3** Các câu 2–4 là một câu **dài** trong bản Hy-lạp. Đối với một số ngôn ngữ, chia thành những câu ngắn sẽ dễ dàng cho người đọc hơn.

<sup>518</sup> **5:3** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ cần nói rõ **tại sao** người ta muốn **trói/cùm/nhốt** người đàn ông.

thể {giữ trói/cùm/nhốt anh ta được nữa ⇔ làm điều đó}, ngay cả đến việc dùng một/những dây xích. 4 {Vì ⇔ Thực ra,} nhiều lần {anh ta đã bị cùm chân (tay) bằng những dây xích ⇔ họ/người ta dùng dây xích buộc chân tay của anh lại}, nhưng (lần nào) {dây xích buộc tay chân cũng bị anh ta bẻ gãy ⇔ anh ta bẻ gãy dây xích buộc tay của anh và bẻ gãy những thanh sắt/xích cùm chân anh}. <Và> không một người nào đủ sức để giữ anh lại. 5 <Và> {suốt ngày đêm ⇔ cả ngày cả đêm} anh đi lang thang trong {mồ mả ⇔ những hang để chôn xác người chết} và những đồi/núi (chung quanh) la/hét và <sup>GTK519</sup> tự dùng đá rạch/làm bầm thân thể mình.

6 <Và> khi (anh ấy ⇔ người đàn ông) thấy (Chúa) Giê-su ở đằng xa, anh ấy chạy, <và> <sup>520</sup> {té/quỳ xuống ⇔ sấp mình xuống} trước mặt Ngài (để bày tỏ sự kính trọng), 7 và kêu lớn lên <(và) nói>: <sup>TD521</sup> “Giê-su, Con của Đức Chúa Trời <sup>522</sup> {Tối Cao/Vĩ Đại ⇔ Chỉ Có Một ⇔ Đây Uy Quyền Nhất}, <sup>GTK523</sup> {(có) điều gì giữa tôi và Ngài? ⇔ Ngài (muốn) gì ở tôi? ⇔ <sup>CH</sup> tại sao Ngài cản trở tôi? ⇔ hãy để tôi yên!} <sup>GTK524</sup> {Tôi khẩn nài/xin Ngài bởi Đức Chúa Trời, đừng ⇔ Tôi xin Ngài trong Danh của Đức Chúa Trời không ⇔ Hãy xin tề trong (Danh) Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ không} hành hạ/phạt tôi!” 8 (Nó nói thế) vì Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>GTK525</sup> đã/bắt đầu nói <với nó/anh ta>: “Uế/Tà linh, hãy ra khỏi người đàn ông này!” 9 Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi {anh ta ⇔ người

<sup>519</sup> 5:5 Động từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa hoặc là “rạch” hay “bầm”. Mỗi ý nghĩa đều phù hợp với ngữ cảnh, nhưng đa số các bản dịch nói “rạch”. Cần nên nói rõ ràng là người đàn ông có ý làm điều đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mục đích của ma quỷ là làm cho những người bị chúng điều khiển/ám đau đớn và huỷ hoại họ (xem câu 13 và Mác 9:20–22).

<sup>520</sup> 5:6 Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ “té/quỳ xuống ⇔ sấp mình xuống” trong Mác 3:11, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>521</sup> 5:7 Trong bản Hy-lạp, lời nói “Giê-su, Con của Đức Chúa Trời Tối Cao” được đặt ở cuối câu. Chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>522</sup> 5:7 “Tối Cao” có nghĩa là **Vĩ Đại Nhất** trong ngữ cảnh này.

<sup>523</sup> 5:7 Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ một câu giống như thế này trong Mác 1:24, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>524</sup> 5:7 “Tôi khẩn nài ông bởi Đức Chúa Trời” cùng một cách mà một số người Do Thái dùng để đuổi/trừ cho các tà linh xuất khỏi người bị ám/điều khiển (xem Công Vụ 19:13 cùng một cách được dùng trong Danh của Chúa Giê-su). Tà linh (dùng người đàn ông để phát ngôn) có lẽ là để lấy sự điều khiển Chúa Giê-su bằng cách kêu Đức Chúa Trời điều khiển Ngài. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ đây có nghĩa là các tà linh muốn Chúa Giê-su tề với Đức Chúa Trời như một nhân chứng của Ngài. Trong cách đó, nếu Chúa Giê-su làm hại các tà linh, Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt Ngài.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một số người Do Thái tin rằng họ có thể chiến thắng ma quỷ bằng cách gọi tên (chức tước) của tà linh, hay bằng cách gọi (người) có uy quyền cao hơn để điều khiển tà linh (xem Công Vụ 19:13 làm thí dụ). Ở đây các tà linh dùng cả hai cách để chiến thắng Chúa Giê-su, nhưng chúng đã thất bại.

<sup>525</sup> 5:8 Thì của động từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp (ở thì quá khứ chưa hoàn tất) và có thể có nhiều hơn một ý nghĩa trong ngữ cảnh này. Nó có thể có nghĩa là “**đã bắt đầu nói**” (có lẽ phù hợp với ngữ cảnh nhất và bằng chứng là trong những trường hợp khác tà linh luôn luôn vâng theo lệnh của Chúa Giê-su ngay.), “**đang nói**” hay “**đã nói**”. Bạn có thể nói: “...đã bắt đầu ra lệnh {nó ⇔ tà linh} xuất ra khỏi người đàn ông.”

đàn ông/tà linh}: “Tên mày là gì?” <Và> nó trả lời Ngài: “Tên tôi/chúng tôi (là) <sup>526</sup>Quân Đoàn/Đạo Binh, vì chúng tôi rất đông.” **10** <Rồi> <sup>GTK527</sup>{nó/chúng nó ⇔ các uest/tà linh} <sup>528</sup>{xin ⇔ khẩn xin} Ngài/(Chúa) Giê-su {một cách khẩn thiết/một cách tuyệt vọng ⇔ cứ lặp lại} <sup>NTT529</sup>đừng đuổi chúng <sup>530</sup>{ra khỏi khu vực này/đó ⇔ khỏi đó ⇔ khỏi vùng đó (chung quanh thành/thị trấn <sup>GTK531</sup>Giê-ra-sê/[Ga-đa-ren])}. **11** <Và/Bây giờ> có một đàn <sup>532</sup>heo rất đông đang ăn ở đó/gần đó trên một ngọn (sườn) đồi. **12** Do đó <sup>533</sup>{chúng ⇔ [tất cả ma quỷ] ⇔ uest/tà linh} <sup>534</sup>{xin ⇔ nài xin} Ngài/(Chúa) Giê-su <bằng cách nói>: “(Xin) sai/cho chúng tôi đến/nhập vào bầy heo này/đó {để chúng tôi có thể ⇔ (Xin) để chúng tôi} đến với chúng!” **13** <Và> <sup>535</sup>[ngay tức khắc] Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>{cho phép ⇔ chấp nhận cho chúng} (đi ⇔ làm như thế), do đó {các uest/tà linh ⇔ chúng} rời (người đàn ông) (và) đi đến nhập vào đàn heo. Lúc đó đàn heo (có) <sup>TD536</sup>độ 2,000 (con heo) tuông/chạy qua triền/đồi/bờ/ xuống hồ/nước và <sup>GTK537</sup><chúng ⇔ đàn heo ⇔ đàn heo và các uest/tà linh> chết chìm/chết đuối <dưới hồ/nước>.

**14** <Và> (khi) {những người chăn heo ⇔ những người đàn ông đang <sup>538</sup>canh giữ đàn heo} (thấy những điều đã xảy ra, họ sợ hãi và) chạy trốn/chạy vào <sup>539</sup>thành và những đồng

<sup>526</sup> **5:9 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong một quân đoàn của quân đội La-mã có từ 3,000 đến 6,000 người (đàn ông).

<sup>527</sup> **5:10** Vì người đàn ông bị tà linh ám, ở trong các câu này thực **khó** để phân biệt giữa tiếng nói của người đàn ông và của ma quỷ (xem câu 9). Ma quỷ nói qua người đàn ông.

<sup>528</sup> **5:10** Xem cách bạn chuyển ngữ **“xin”** trong Mác 1:40.

<sup>529</sup> **5:10** Đối với một số ngôn ngữ cần dùng lời nói trực tiếp ở đây. Bạn có thể nói: “(Xin) đừng đuổi <sup>GTK</sup>{họ/chúng tôi ⇔ các tà linh}...”

<sup>530</sup> **5:10 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lu-ca 8:31 cho thấy rằng các tà linh sợ Chúa Giê-su liệng chúng xuống vực thẳm để trừng phạt. Vực thẳm có lẽ là một tên khác chỉ về địa ngục.

<sup>531</sup> **5:10** Sự chọn lựa của bạn ở đây và trong câu 1 cần có sự nhất quán.

<sup>532</sup> **5:11** Đây là những con heo **có người chăn (gia súc)**, **không phải** heo hoang. Nếu trong văn hoá của bạn **không có** heo, bạn có thể nói “(một loại súc vật gọi là) heo” hay dùng một nhóm từ để diễn tả. Nên nhớ đừng bao giờ thay đổi bối cảnh lịch sử của Kinh Thánh.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một đàn heo ở gần Hồ Ga-li-lê, Chúa Giê-su, và một vài môn đệ. Người đàn ông bị quỷ ám đứng gần đó.

<sup>533</sup> **5:12** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có từ **“chúng”** ở đây. Tuy nhiên, một số khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có nhóm từ giống như **“tất cả ma quỷ”** thay vào đó. Nói đến các tà linh thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của người đọc.

<sup>534</sup> **5:12** Xem cách bạn chuyển ngữ **“xin”** trong câu 10.

<sup>535</sup> **5:13** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có **“ngay tức khắc”** ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**.

<sup>536</sup> **5:13** Nguyên **thứ tự** trong bản Hy-lạp là: “Rồi đàn heo tuông/chạy xuống triền/đồi/bờ rơi xuống hồ/mước, (có) **độ 2,000** (con heo) (tất cả), và chúng chết chìm...”

<sup>537</sup> **5:13** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng **“chúng”** chỉ nói về đàn heo. Tuy nhiên, một vài học giả Kinh Thánh nghĩ nó kể cả các tà linh. Người Do Thái có truyền thuyết rằng các tà linh có thể bị chết hay bị giam giữ.

<sup>538</sup> **5:14** Bạn có thể chuyển ngữ **“canh giữ”** như “chăm sóc”.

ruộng (quanh đó) và bảo (mọi người <sup>NTT</sup> việc vừa xảy ra). Do đó họ/mọi người đi (ra) để xem điều gì <đã> xảy ra cho họ. **15** <Và> (khi) {họ ⇔ dân chúng trong thành} đã đến chỗ (Chúa) Giê-su và <họ> thấy <sup>540</sup>{(người đàn ông) <sup>TD541</sup> đã từng bị ướ/tà linh ám/điều khiển bởi ⇔ người (đàn ông trước đó) bị ám/điều khiển bởi} <sup>GTK542</sup>{quân đoàn/đạo binh (của ướ/tà linh) ⇔ Quân Đoàn/Đạo Binh} đang ngồi (ở đó) (tỉnh táo), {mặc quần áo ⇔ quần áo hần hoi} và suy nghĩ sáng suốt, <và> họ trở nên <sup>543</sup>{sợ hãi ⇔ đầy ngạc nhiên kính sợ}. **16** <Và> <sup>544</sup>{những người đó ⇔ những người đàn ông chăn heo} đã thấy/chứng kiến (việc đã xảy ra) kể lại cho {họ ⇔ dân chúng} <sup>545</sup>nghe (thêm về) <sup>NTT</sup> những gì đã xảy ra cho (người đàn ông) <bị ướ/tà linh kiểm soát> và <cũng về> đàn heo <nữ>. **17** <Và> (khi dân chúng nghe điều đó,) họ bắt đầu <sup>546</sup>xin/yêu cầu {Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup> rời khỏi vùng/đất của họ. ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su: “Xin rời khỏi vùng/đất của chúng tôi!”}

**18** <Và> khi Ngài/(Chúa) Giê-su đang đi (trở lại) thuyền (để đi đến nơi khác), người đàn ông đã từng bị ướ/tà linh điều khiển xin/yêu cầu Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT547</sup>{cho anh ta đi ⇔ nếu anh ta có thể cùng đi} với Ngài/(Chúa) Giê-su. **19** Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup> đã không cho {anh ta ⇔ người đàn ông} (cùng đi). Thay vì Ngài/(Chúa) Giê-su bảo anh ta: “Hãy đi {về nhà của con ⇔ về} cùng (gia đình và bạn bè) của con và <sup>548</sup>kể cho họ <sup>NTT</sup>(về) việc vĩ đại mà {Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ (Đức Chúa Trời) Chúa (của con)} đã

**539** **5:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vị trí của thành này chắc phải ở trong vùng của những người ngoại quốc/không phải Do Thái, vì đối với người Do Thái heo là những con vật “không tinh sạch” và do đó họ không nuôi heo (Lê-vi Ký 11:7–8, Phục-truyền Luật-lệ Ký 14:8). Người Do Thái tin rằng nếu một người đụng đến hay ăn thịt heo, người đó sẽ bị trở nên “không tinh sạch” về thuộc linh. Có nghĩa là người ấy không được liên hệ hay thờ phượng Đức Chúa Trời với những người khác cho đến khi dâng tế lễ thanh tẩy để được “tinh sạch” trở lại.

**540** **5:15 Không nên** chuyển ngữ nghe giống như người đàn ông còn bị tà linh điều khiển.

**541** **5:15** Nhóm từ “**người đã từng bị** <sup>GTK</sup>**quân đoàn**” đứng sau các từ “suy nghĩ sáng suốt” trong bản Hy-lạp. Bạn có thể nói: “—(chính người này) đã từng bị quân đoàn”.

**542** **5:15** Nhóm từ này trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý nghĩa. Nó có thể chuyển ngữ hoặc là “**quân đoàn/đạo binh**” hay như một tên “**Quân Đoàn/Đạo Binh**”.

**543** **5:15** Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ trong câu Mác 4:41.

**544** **5:16** Có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “<Và> những người đã thấy việc đã xảy ra cho (người đàn ông) <bị tà linh ám> và việc đàn heo (chết chìm) giải thích (mọi sự) cho {họ ⇔ dân chúng}”.

**545** **5:16** Những người đàn ông chăn heo nói cho dân chúng việc đã xảy ra (xem câu 14). Lần này có lẽ họ nói **chi tiết hơn**.

**546** **5:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong bản Hy-lạp không cho biết tại sao dân chúng xin/yêu cầu Chúa Giê-su rời khỏi vùng của họ. Có lẽ họ sợ quyền năng của Ngài. Hay họ tức giận Ngài về việc đàn heo chết chìm và lo rằng Ngài có thể làm thiệt hại thêm tài sản của họ.

**547** **5:18** Cần nói rõ rằng người đàn ông xin được cùng đi với Chúa Giê-su. Anh ta **không** yêu cầu Chúa Giê-su ở lại tại đó.

**548** **5:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đây là lần đầu tiên trong sách Mác Chúa Giê-su khuyến khích mọi người nói cho người khác về Ngài (ngược lại với Mác 1:34, 44; 3:12, 5:43, 7:36, 8:26, 30). Có lẽ sẽ được an toàn khi rao những tin như thế trong vùng người ngoại quốc, vì những người ngoại quốc không biết về Chúa Cứu Thế/Đấng Christ như người Do Thái đã biết và họ không có ý nghĩ cũng như kỳ vọng sai lầm về Đấng Cứu Thế/Christ như người Do Thái (xem lời chú thích về điều này trong Mác 8:31).

làm cho con và {Ngài đã <sup>549</sup> thương xót con (như thế nào) ⇔ Ngài đã ban cho con sự tử tế/tốt lành (như thế nào)}.” **20** Do đó {anh ta ⇔ người đàn ông} rời (và đi khắp) (tỉnh) <sup>550</sup> {Đê-ca-bô-lơ ⇔ Mười Thành} {và bắt đầu công bố/loan báo (cho dân chúng) ⇔ nói cho (dân chúng)} <sup>NTT</sup>(về) <sup>551</sup> {thế nào ⇔ việc vĩ đại mà} Ngài/(Chúa) Giê-su đã làm cho anh ta. <Và> mọi người (hễ ai nghe đến) <sup>NTT</sup>{(đều cho là) ngưỡng mộ ⇔ đều kinh ngạc/cảm kích}.

### 5:21–43 (Chúa) Giê-su Cứu Sống Con Gái Của Giai-ru Một Người Đàn Bà Bị Bệnh Xuất Huyết

*Ma-thi-ơ 9:18–26; Lu-ca 8:40–56*

**21** <Rời> (Chúa) Giê-su <sup>552</sup> (và môn đệ của Ngài) {<sup>553</sup> [lại] vượt qua ⇔ trở lại} <sup>554</sup> [trong thuyền] qua bờ <sup>555</sup> bên kia/phía tây (của hồ ⇔ của Biển/Hồ Ga-li-lê), (và) có một đoàn dân đông tụ tập quanh Ngài/(Chúa) Giê-su. <Và> (trong khi) <sup>GTK556</sup> Ngài/(Chúa) Giê-su ở (đó) {bên cạnh ⇔ trên bờ của} hồ, **22** <và> <sup>557</sup> [kia/đột nhiên,] một trong những <sup>558</sup> lãnh đạo/trưởng lão {hội đường (địa phương) ⇔ nhà cầu nguyện/nhà hội của người Do

<sup>549</sup> **5:19** Mặc dù “đã **thương xót**...” bao gồm thái độ của một người đối với một người khác, nó chính là một hành động của sự tử tế.

<sup>550</sup> **5:20** Đê-ca-bô-lơ có riêng người lãnh đạo thành phố (Thị Trưởng) (giống như thống đốc của các tỉnh Giu-đê và Sa-ma-ri) và chịu dưới quyền của Thống Đốc tỉnh Sy-ri.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tỉnh Đê-ca-bô-lơ (có nghĩa là “Mười Thành”) tên của tỉnh này căn cứ vào việc nó có mười thành mà dân chúng ở trong đó nổi tiếng Hy-lạp và chính quyền La-mã cho phép tự trị (mỗi thành đều tự trị). Hầu hết những người sinh sống tại những thành đó không phải là người Do Thái.

<sup>551</sup> **5:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Thế nào Đức Chúa Trời đã làm cho anh” trong câu 19 và “thế nào Chúa Giê-su đã làm cho anh ta” trong câu 20 cho thấy rằng Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời.

<sup>552</sup> **5:21** Trong bản Hy-lạp “**môn đệ của Chúa Giê-su**” không được nhắc đến ở đây, chỉ hàm ý, vì câu chuyện chỉ tập trung vào Chúa Giê-su. Tuy nhiên, đối với một số ngôn ngữ, cần **giới thiệu** họ ở đây để khỏi nghe giống như Chúa Giê-su đang di chuyển một mình và để người đọc khỏi bối rối khi thấy môn đệ của Chúa Giê-su đột nhiên xuất hiện trong câu 31.

<sup>553</sup> **5:21** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDC, BCG, BDY) có từ “**lại/trở lại**” ở đây. Tuy nhiên, có một số bản để nó vào trong mệnh đề kế và nói: “...(và) **lần nữa** một đoàn dân đông tụ tập...”

<sup>554</sup> **5:21** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có từ “**trong thuyền**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và BDM, BDC, BCG, BDY) không có, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>555</sup> **5:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su và các môn đệ có lẽ đã trở lại Ca-bê-na-um hay vùng phụ cận.

<sup>556</sup> **5:21** Từ trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn một ý nghĩa ở đây và có thể chỉ về **đám đông**, nhưng đa số các bản dịch chỉ về Chúa Giê-su.

<sup>557</sup> **5:22** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**kia**” ở đây. Tuy nhiên, có một số bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) **không có từ đó**.

<sup>558</sup> **5:22 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cai/quản lý/lãnh đạo hội đường không phải là thầy tế lễ. Họ là những người gìn giữ và tu bổ cơ sở và có trách nhiệm chuẩn bị cho các buổi nhóm. Thông thường mỗi

Thái}, <sup>559</sup>(một người đàn ông) có tên là Giai-ru, đến. <Và> khi (ông ta/Giai-ru) thấy Ngài/(Chúa) Giê-su, ông ta <sup>560</sup>{té/quỳ ⇔ cúi xuống sát đất} dưới chân Ngài/(Chúa) Giê-su (với vẻ kính trọng) **23** và <sup>561</sup>{xin ⇔ nài xin} Ngài một cách khẩn thiết/khẩn cấp <bằng cách> nói rằng: <sup>562</sup>“(Thưa Chúa/Thầy/Ngài,) <sup>563</sup>con trẻ/bé gái/con gái của tôi {sắp chết ⇔ đau nặng}. Xin vui lòng đến (với tôi ⇔ nhà tôi) (và) {đặt tay (Thầy/Ngài) trên con gái tôi ⇔ đụng đến nó} để nó sẽ {được cứu/lành bệnh ⇔ bình phục} {và sống (một đời sống bình thường) ⇔ và khỏi chết}!” **24** Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su (<sup>NTT</sup>bằng lòng và) (Ngài và các môn đệ của Ngài) {rời đó ⇔ bắt đầu đi bộ} với ông ấy/Giai-ru (để đến nhà của ông ta).

<sup>564</sup><Và> (trong khi họ đi bộ,) (tại đó) có một đoàn dân (rất) đông đi theo/với Ngài/(Chúa) Giê-su và họ chen/ép/lấn chung quanh Ngài/(Chúa) Giê-su. **25** <Và> (cũng có) một người đàn bà (trong đám đông) đã bị <sup>565</sup>{xuất huyết ⇔ bệnh kinh nguyệt} đã mười hai năm nay. **26** <Và> <sup>566</sup>bà đã bị đau đớn khủng khiếp dưới/từ (sự chữa trị của) nhiều bác sĩ và đã tốn hết tiền của bà để (trả cho họ), {và không có kết quả gì nhưng ⇔ nhưng thay vì bệnh nhẹ đi, nó} lại tệ hơn. **27** Vì bà {(có) <sup>NTT</sup>nghe ⇔ biết} <sup>GTK567</sup>{về (Chúa) Giê-su ⇔ điều (Chúa) Giê-su có thể làm ⇔ về những phép lạ (Chúa) Giê-su đã làm ⇔ rằng (Chúa) Giê-su đi qua đó}, bà ta {đến/đi tới bên sau (Ngài) ⇔ đến từ phía

---

hội đường có một lãnh đạo, nhưng cũng có một số hội đường có nhiều hơn một người lãnh đạo (như trong Công Vụ 13:15 cho biết).

- <sup>559</sup> **5:22** Không nên chuyển ngữ nghe giống như có nhiều hơn một người lãnh đạo hội đường có tên là Giai-ru. Cần được rõ ràng hơn khi bắt đầu câu 22 bằng cách nói: “...<và> [kia/đột nhiên,] (có một người đàn ông) tên là **Giai-ru** là người lãnh đạo/trưởng lão hội đường đến.”
- <sup>560</sup> **5:22** Giai-ru cúi xuống sát đất trước mặt Chúa Giê-su **một cách cố ý** để bày tỏ sự kính trọng đối với Ngài. Phải chắc chắn là **không** chuyển ngữ nghe giống như tình cờ anh ta bị té xuống trước mặt Chúa Giê-su. Xem cách bạn chuyển ngữ câu giống như thế trong Mác 3:11.
- <sup>561</sup> **5:23** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**xin**” trong sách Mác. Xem Mác 1:40, 5:10, 12, 23, và xem lời chú thích về điều này trong Mác 1:40.
- <sup>562</sup> **5:23** Hãy xem cách bạn bắt đầu câu trích dẫn trong Mác 1:40, và xem lời chú thích ở đó.
- <sup>563</sup> **5:23** Câu 42 nói rằng em bé gái này được 12 tuổi.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Lu-ca 8:42, đây là con gái duy nhất của Giai-ru.

- <sup>564</sup> **5:24** Có một số bản dịch bắt đầu đoạn này từ câu 25 và để câu 24 vào đoạn trước.
- <sup>565</sup> **5:25** Chuyển ngữ từ “**xuất huyết**” ở đây cũng như trong tiểu đề thế nào để **không làm** cho người đọc ngỡ ngàng hay ghê tởm. Cũng **không nên** chuyển ngữ nghe giống như huyết chảy mãi ra. Bà gặp khó khăn trong thời kỳ kinh nguyệt làm cho bà bị đau đớn.
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Điều ngạc nhiên là một người đàn bà mang bệnh xuất huyết mà dám chen lấn vào đám đông mà không sợ va chạm đến người khác. Theo Lê-vi Ký 15:25–33, người đàn bà này bị coi là “không thánh sạch/ô uế” trong suốt mười hai năm bị bệnh. Bất cứ người nào đụng đến bà cũng bị coi là “không thánh sạch/ô uế”.
- <sup>566</sup> **5:26** Trong bản Hy-lạp các câu 25–27 là một câu **dài**. Có thể ngắt ra thành nhiều câu ngắn thì rõ ràng hơn.
- <sup>567</sup> **5:27** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “**về Chúa Giê-su**” ở đây nói đến những tin đồn về **những phép lạ** mà Chúa Giê-su đã thực hiện. Tuy nhiên, có rất ít người nghĩ đây nói về việc Chúa Giê-su sẽ **đi ngang qua** vùng đó.

đằng sau của Ngài} trong đám đông (do đó Ngài không nhận ra bà) (và) <sup>568</sup> sờ <sup>569</sup> áo/áo choàng của Ngài./ 28 (Bà làm như thế) vì bà <sup>570</sup> {đã tự nhủ ⇔ nghĩ/tin}: <sup>NGT571</sup> {“Nếu/Khi tôi sờ (Ngài/(Chúa) Giê-su, hay) ngay cả (chỉ) áo/áo choàng của Ngài, Tôi sẽ được cứu/lành bệnh (bởi Ngài/Đức Chúa Trời).” ⇔ rằng nếu/khi nàng sờ (Ngài/(Chúa) Giê-su, hay) ngay cả (chỉ) áo/áo choàng của Ngài, nàng sẽ được cứu/lành (bởi Ngài/Đức Chúa Trời).} 29 <Và> ngay sau khi (nàng đã sờ Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ nàng đã sờ áo/áo choàng của Ngài), <sup>572</sup> {máu ⇔ bệnh kinh nguyệt} của bà {cầm lại ngay ⇔ ngừng hẳn} và bà ta {nhận thấy ⇔ có cảm nhận} <trong người (của bà)> rằng bà {được lành bệnh/sự đau đớn của bà ⇔ được bình phục}. 30 <Và> ngay tức khắc (Chúa) Giê-su <tự> biết/nhận ra (rằng) <sup>573</sup> {(có một) <sup>574</sup> nguồn năng lực vừa ra khỏi Ngài (để chữa lành cho một người nào đó) ⇔ Quyền năng của Ngài đã tạo nên một phép lạ xảy ra ⇔ Ngài vừa mới làm một phép lạ}. (Do đó) Ngài xoay {vòng quanh ⇔ lại} đám đông (và) hỏi (họ): “Ai đã sờ áo/áo choàng của Ta?” 31 <Và> môn-đệ của Ngài {nói với Ngài ⇔ trả lời}: “Thầy coi/biết đám đông chen/ép chung quanh/va chạm Thầy <sup>CH</sup> {và (nhưng) Thầy hỏi ⇔ Tại sao Thầy hỏi ⇔ Không cần phải hỏi}: <sup>NGT</sup> Ai sờ Ta?’ (Nhiều người đang đụng Thầy.)” 32 Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su cứ nhìn quanh để {tìm (người đàn bà/người) ⇔ tìm xem} ai đã {làm điều đó ⇔ sờ Ngài}. 33 <Rồi> <sup>575</sup> người đàn bà {sợ và đang run ⇔ đang run và sợ hãi} (vì) bà biết điều gì đã xảy ra cho bà. (Nhưng/Cuối cùng) bà đến/đi <sup>576</sup> té/quỳ xuống đất trước mặt Ngài/(Chúa) Giê-su (để bày tỏ sự kính trọng) và thưa với Ngài {tất cả sự thật ⇔ mọi việc (đã xảy ra)}. 34 <Rồi>/Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su nói với {bà ⇔ người đàn bà}: “{<sup>577</sup> Con gái/bạn (của Ta) ⇔ Con}, {đức tin của con (về Ta) đã <sup>578</sup> cứu/chữa lành (căn

<sup>568</sup> 5:27 Cần phải nói rõ ràng là người đàn bà cố ý đụng nhẹ áo choàng của Chúa Giê-su. Đây **không phải** là việc vô tình.

<sup>569</sup> 5:27 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thông thường những người đàn ông mặc áo choàng tay dài và thân áo dài đến bàn chân.

<sup>570</sup> 5:28 Khi chuyển ngữ nhóm từ “bà ta đã (tự nhủ)” **không nên** hàm ý rằng bà ta mất trí.

<sup>571</sup> 5:28 Bạn có thể nói: “Nếu/khi tôi chỉ cần đụng đến áo/áo choàng của Chúa Giê-su...”

<sup>572</sup> 5:29 “**bệnh kinh nguyệt**” là một thành ngữ khác chỉ về bệnh “**xuất huyết**”. Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ thành ngữ giống như thế trong câu 25.

<sup>573</sup> 5:30 Trong bản Hy-lạp nói nghe giống như Chúa Giê-su đã **không** cố ý làm phép lạ này, nhưng Ngài biết khi việc đó xảy ra. Cố gắng chuyển ngữ giống như thế trong bản dịch của bạn.

<sup>574</sup> 5:30 Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**nguồn năng lực**” (nói về quyền năng Chúa Giê-su làm phép lạ) hay “**một phép lạ**” trong ngữ cảnh này. Khi chuyển ngữ các từ “nguồn năng lực vừa ra khỏi Ngài” **không nên** hàm ý bất cứ điều gì về tình dục hay hàm ý rằng thể chất của Chúa Giê-su lúc này thật yếu đuối hay quyền năng làm phép lạ đã ra khỏi Ngài.

<sup>575</sup> 5:33 Hay bạn có thể nói: “<Rồi> (**mặc dù**) người đàn bà (đã) {sợ và đang run ⇔ đang run vì lo sợ}, **bà ta** biết việc gì đã xảy ra cho bà, (**do đó**) bà đến/đi...”

<sup>576</sup> 5:33 Hãy xem cách bạn đã chuyển ngữ từ “**té xuống**” trong câu 22, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>577</sup> 5:34 “**con gái/bạn (của Ta)**” là một cách nói lễ phép mà một người có thẩm quyền dùng để nói với người ít thẩm quyền hơn. Không nên chuyển ngữ nghe giống như người đàn bà này là con ruột của Chúa Giê-su, hay giống như Chúa Giê-su đang nói với một em bé gái, phải chắc chắn là **không** hàm ý lãng mạn hay tình dục ở đây. Đối với một số ngôn ngữ không biết làm thế nào để nói cho đúng cách và do đó phải **hàm ý**. Xem cách bạn đã chuyển ngữ “con (của Ta)” trong Mác 2:5:



bệnh đau đớn) cho con ⇔ Con đã được cứu/chữa lành/khoẻ mạnh vì con tin/tin cậy rằng Ta sẽ/có thể chữa lành/giúp con}. (Con có thể) đi (về nhà) <sup>579</sup>{trong sự bình an ⇔ được bình an (với Đức Chúa Trời) ⇔ và nguyện xin Đức Chúa Trời ban phước cho con và đừng lo sợ/hãy vui mừng},/. {và <được> khoẻ/chữa lành căn bệnh/sự đau đớn của con. ⇔ Con sẽ không còn mang căn bệnh/sự đau đớn đó nữa.}

**35** Trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su còn đang nói (với người đàn bà), <sup>GTK580</sup>{họ ⇔ một vài người/người đem tin} đến/đi từ (nhà) <sup>581</sup>{người lãnh đạo/trưởng lão của hội đường ⇔ của (ông) Giai-ru} (và) nói (với ông ta/Giai-ru): “Con gái của ông vừa /đã chết. <sup>CH582</sup>{Tại sao ⇔ Không cần phải} làm phiền/bận tâm {Thầy ⇔ (Chúa) Giê-su} thêm (nữa) <sup>583</sup>(bằng cách mời Thầy đến nhà của ông)?/. (Quá trễ rồi.)” **36** Nhưng (Chúa) Giê-su <sup>GTK584</sup>{chẳng quan tâm ⇔ tình cờ nghe được ⇔ [đã nghe]} {tin tức vừa mới nói/đưa ra ⇔ những gì họ nói} (và) bảo {người lãnh đạo/trưởng lão <hội đường> ⇔ (ông) Giai-ru}: “{Đừng sợ/ngại ngờ ⇔ Đừng lo lắng}, chỉ (tiếp tục) tin/tin cậy (trong Đức Chúa Trời ⇔ rằng Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ ông).” **37** <Và> <sup>585</sup>(Chúa) Giê-su và ông Giai-ru tiếp tục bước đi, nhưng {Ngài/(Chúa) Giê-su không cho phép ai theo/đi với <sup>586</sup>Ngài/họ, ngoại trừ ⇔ những người

<sup>578</sup> **5:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể nói đến được cứu rỗi về phần tâm linh hay được cứu về phần thể xác (được lành bệnh). Chúa Giê-su có thể có cả hai ý trong ngữ cảnh này. Từ này có thể cũng có hai ý nghĩa (hay ít ra cũng đối với độc giả của ông Mác) trong Mác 5:23, 28; 6:56 và 10:52.

<sup>579</sup> **5:34 “đi trong sự bình an”** là một lối nói dùng thành ngữ để **từ giả**, nhưng nó không đơn giản như chào tạm biệt. Nó là một **lời chúc**, có nghĩa là, cầu mong được **khỏe mạnh** hay nói một cách tổng quát là **được thịnh vượng**. Trong ngữ cảnh này nó cũng có thể còn hàm ý là bình an **với Đức Chúa Trời**.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ngay cả ngày hôm nay khi người Do Thái chào tạm biệt nhau, họ nói: “Shalom (Chúc bình an)”, mà tiếng Hy-bá là “Bình an”. “Shalom” đây ý nghĩa hơn là chỉ tạm biệt; nó là một lời cầu chúc, xin Đức Chúa Trời ban cho một người sự khoẻ mạnh/thịnh vượng, nói một cách tổng quát.

<sup>580</sup> **5:35** Đa số các học giả Kinh Thánh giải thích mệnh đề này là “{họ ⇔ một vài người ⇔ những người đưa tin} đến/đi từ (nhà) của người lãnh đạo hội đường (và) nói...” Tuy nhiên, có một số nghĩ đây có nghĩa là “(một vài) (người nhà/người trong gia đình) của người lãnh đạo hội đường đến/đi (và) nói...” Cả hai trường hợp, những người đã đến **không phải** là những người đầy tớ.

<sup>581</sup> **5:35** Cần nên nói rõ rằng người **lãnh đạo** hội đường này là **Giai-ru**, người được nói đến trong câu 24.

<sup>582</sup> **5:35** Bạn có thể nói: “Chỉ phí thì giờ để mời {Thầy ⇔ (Chúa) Giê-su} đến nhà của ông trong lúc này.” Hay bạn có thể nói: “Ông chỉ phung phí thì giờ {của Thầy ⇔ (Chúa) Giê-su} nếu bây giờ còn muốn mời Ngài đến nhà ông.”

<sup>583</sup> **5:35** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nói chi tiết người đưa tin **nào** đã nghĩ là sẽ **làm phiền/bận tâm** Chúa Giê-su.

<sup>584</sup> **5:36** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BDY) có một từ ở đây có thể có ý nghĩa hoặc là “**chẳng quan tâm**” (như đa số các học giả Kinh Thánh giải thích) hay “**tình cờ nghe được**”. Tuy nhiên, đa số (và Văn Bản Đa Số, BCG) có từ “**nghe**” thay vào đó và hàm ý rằng Chúa Giê-su làm ngạc nhiên những gì người ta nói —có nhiều trong số những bản đó cũng nói “**Nhưng ngay sau khi** Chúa Giê-su đã nghe...”

<sup>585</sup> **5:37** Bạn có thể nói: “Rồi Ngài/Chúa Giê-su <sup>NTT</sup>**chặn** mọi người khác để họ không theo/đi với Ngài/họ (đến nhà ông Giai-ru), ngoại trừ (môn đệ) Phê-rơ...”

<sup>586</sup> **5:37** Phải nói rõ rằng ông **Giai-ru** cùng đi với Chúa Giê-su.

mà (Chúa) Giê-su chỉ cho phép cùng đi với Ngài/họ là} (các sứ đồ) Phê-rô, {<và> Gia-cơ và Giăng, người <sup>587</sup> em của Gia-cơ ⇔ hai anh em Gia-cơ và Giăng}. **38** <Và> (khi) họ đến/đã tới nhà của người lãnh đạo/trưởng lão <hội đường> ⇔ Giai-ru} <và> Ngài/(Chúa) Giê-su/họ thấy (sự) <sup>588</sup> huyền não {và (nghe) (người ta) đang khóc ⇔ — (người ta) đang khóc} và than khóc rất lớn. **39** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su đi vào (căn nhà) và Ngài nói với {họ ⇔ người ta}: “<sup>CH</sup>{Tại sao các con ⇔ Các con không cần phải} gây {sự huyền não ⇔ rối} và than khóc? Cháu <sup>589</sup> bé/gái này không chết đâu, {nhưng chỉ ⇔ cháu chỉ} <sup>590</sup> ngủ thôi.” **40** <Và>/Nhưng (khi họ nghe điều đó,) họ <sup>NTT</sup> {cười Ngài/(Chúa) Giê-su (một cách chế nhạo) ⇔ nhạo báng Ngài/(Chúa) Giê-su} (vì bé gái đã chết ⇔ vì họ biết bé gái đã chết). <Rồi>/Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup> tống/sai/để mọi người ở phía ngoài (của căn nhà). (Sau đó,) Ngài dẫn cha mẹ của em bé và {những người ⇔ ba môn đệ của Ngài} là những người (ở) với Ngài <và đi> vào (trong phòng) nơi {bé/gái ⇔ xác của em bé/gái} đang <sup>591</sup> [nằm]. **41** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su cầm <sup>592</sup> tay (của em bé/gái) (và) nói với em bé (bằng ngôn ngữ riêng của Ngài): <sup>593</sup> “Ta-li-tha <sup>594</sup> cum/cu-mi”, có nghĩa là: “Bé gái, Ta bảo con, <sup>GTK595</sup> {hãy dậy ⇔ hãy thức dậy}!” **42** <Và> lập tức <sup>596</sup> em bé <sup>GTK597</sup> {thức dậy ⇔ sống trở lại} và (bắt đầu) bước đi vòng quanh. <Vì> em đã được mười hai tuổi. <Và>

<sup>587</sup> **5:37** Có lẽ môn đệ Giăng trẻ hơn môn đệ Gia-cơ. Hãy xem Mác 1:19 về một ví dụ khác.

<sup>588</sup> **5:38 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các nhạc sĩ và những người khóc thuê chuyên nghiệp được mướn cho đám tang để hướng dẫn mọi người than khóc. Ngay cả những người nghèo nhất cũng đòi hỏi có ít nhất là hai người thổi sáo và một người đàn bà khóc mướn ở một đám tang. Có thể có nhiều hơn thế nữa đối với đám tang con gái của lãnh đạo/trưởng lão hội đường.

<sup>589</sup> **5:39** Câu 42 nói rằng người con gái đó **được mười hai tuổi**. Nói thế nào để phù hợp với một bé gái ở tuổi đó.

<sup>590</sup> **5:39 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su biết rằng bé gái đó đã chết, nhưng chết thì giống như ngủ đối với Ngài. Ngài/Chúa Giê-su nói về cái chết của La-sa-rơ trong một trường hợp như thế trong Giăng 11:11–14 (cũng hãy xem trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13–14, 5:10).

<sup>591</sup> **5:40** Có nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có từ “**nằm**” ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>592</sup> **5:41** Một lần nữa bản Hy-lạp **không** nói rõ Chúa Giê-su cầm tay nào của em gái. Xem cách bạn đã chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong Mác 1:31, 3:1.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Luật Pháp của người Do Thái, nếu ai đụng đến thi thể của người chết, người đó sẽ trở nên “không thánh sạch/ô uế” (Dân-số Ký 19:11–22).

<sup>593</sup> **5:41 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đã nói bằng tiếng Hy-bá cổ ở đây, Ngài không dùng những lời ma thuật. Ngài và môn đệ có lẽ cũng nói được tiếng Hy-bá và tiếng Hy-lạp.

<sup>594</sup> **5:41** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) có từ “**kum/cum**” (giống đực hay trung tính mệnh lệnh cách) ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDC) có từ “**Cu-mi**” (giống cái mệnh lệnh cách) thay vào đó. Trên căn bản ý nghĩa vẫn giống nhau.

<sup>595</sup> **5:41** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “{hãy dậy ⇔ hãy thức dậy} (từ sự **chết/ngủ**)” hay “**đứng dậy**” hay kết hợp cả hai ý trên. Theo ý nghĩa mà Chúa Giê-su đã nói về sự chết trong câu 39, có lẽ tốt nhất chỉ nên nói thế nào đó, chẳng hạn giống như thế này “**hãy dậy**” ở đây, trong ngữ cảnh hàm ý rằng em bé đã sống lại.

<sup>596</sup> **5:42** Hay bạn có thể nói: “...em bé gái **nó** đã được mười hai tuổi <sup>GTK</sup> {hãy thức/đứng dậy...”

<sup>597</sup> **5:42** Một từ ngữ **khác** được dùng ở đây trong bản Hy-lạp so với câu 41, nhưng có **cùng** một ý nghĩa.

<sup>598</sup> [ngay lập tức ⇔ ngay sau khi (mọi người ở đó thấy <sup>NTT</sup> em bé này sống trở lại),] {họ ⇔ mọi người ở đó} {không thể che giấu được sự kinh ngạc vô cùng của họ ⇔ hoàn toàn kinh ngạc}, **43** nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su ra lệnh/khuyến cáo/dẫn họ một cách nghiêm khắc <sup>NTT</sup> {rằng không nên để cho một người nào (khác) biết (được) ⇔ không được nói cho ai (khác) (hết)} về <sup>599</sup> {việc này/nó ⇔ điều đã xảy ra ⇔ việc Ngài đã làm}. <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su {nói <sup>NTT</sup> cần được cho em bé (rằng một chút gì/đồ ăn) ⇔ bảo (họ) <sup>NTT</sup> cho em bé (một chút đồ ăn)} để ăn, (và người ta đã làm như thế). <sup>600</sup>

**6:1–6a Dân Chúng (Thành) Na-xa-rét {Từ khước (Chúa) Giê-su ⇔ Không Tin Rằng (Chúa) Giê-su Là Đấng Cứu Thế}**

*Ma-thi-ơ 13:53–58; <sup>601</sup>Lu-ca 4:16–30*

**6** 1 <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su đi từ <sup>GTK602</sup> đó/Ca-bê-na-um ⇔ nhà của Giai-ru} <và> đến/về <sup>603</sup> quê hương của Ngài ((là Na-xa-rét)) {và các môn đệ cùng đi với Ngài ⇔ với các môn đệ (của Ngài)}. **2** <Và> đến/nhằm (Ngày) Sa-bát/Nghỉ Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>604</sup> bắt đầu giảng/dạy (Lời/sứ điệp của Đức Chúa Trời) (cho dân chúng/người Do Thái) trong {hội đường ⇔ nhà cầu nguyện/nhóm} (địa phương) (của họ). <Và> {<sup>GTK605</sup> có nhiều

<sup>598</sup> **5:42** Có nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có từ “lập tức/liên/tức thì” ở đây. Tuy nhiên, nhiều (và Văn Bản Đa Số) **không có** từ đó. Nếu bạn quyết định theo cách nói đó ở đây bạn có thể nói: “<Và> (**Khi** mọi người nghe/thấy...”

<sup>599</sup> **5:43 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dường như người ta có thể kể cho người khác rằng em bé gái này đã sống lại (vì điều đó rất rõ ràng), nhưng họ chưa được phép kể cho bất cứ ai rằng, đó là Chúa Giê-su người đã cứu em bé sống lại từ kẻ chết.

<sup>600</sup> **5:43** Để có thể có được bản dịch tốt nhất, điều rất quan trọng là thỉnh thoảng cần ngưng chuyển ngữ để coi và sửa lại bản dịch của bạn một cách cẩn thận **tất cả những gì bạn đã chuyển ngữ** cho tới lúc đó. Như thế mọi việc đều được cập nhật hoá trong một tình trạng tốt đẹp.

<sup>601</sup> (**Tiểu Đề**) Có quá nhiều sự khác biệt giữa Mác 6:1–6a và Lu-ca 4:16–30 khiến người ta nghĩ có lẽ bác sĩ Lu-ca kể lại về một chuyến đi Na-xa-rét khác.

<sup>602</sup> **6:1** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “ở đó” ở đây nói đến thành Ca-bê-na-um (xem Mác 5:21). Tuy nhiên, một số khác nghĩ đây nói đến nhà của Giai-ru, nơi Chúa Giê-su vừa ở đó trong Mác 5:38–43. Nhà của Giai-ru có lẽ ở trong hay ở gần thành Ca-bê-na-um. Tốt nhất nên chuyển ngữ theo nguyên văn giống như trong bản Hy-lạp và thêm LỜI CHÚ THÍCH dưới đây vào phần lời chú thích.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Chúa Giê-su và môn đệ đang rời khỏi thành Ca-bê-na-um hay một nơi gần đó. Đó có lẽ là nơi có nhà của Giai-ru (Mác 5:21).

<sup>603</sup> **6:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mặc dù Chúa Giê-su đã được sinh ra tại thành Bết-lê-hem, nhưng Na-xa-rét trở thành quê hương của Ngài (Mác 1:9, 24). Đó là lý do Ngài được gọi là “Giê-su người Na-xa-rét”. Na-xa-rét cách Ca-bê-na-um độ 32 cây số về hướng tây nam.

<sup>604</sup> **6:2** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nên nói: “...Ngài/Chúa Giê-su (**đi vào**) hội đường (địa phương) (và) bắt đầu giảng dạy (Lời/sứ điệp của Đức Chúa Trời) (cho dân chúng có mặt ở đó).”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đây là lần cuối cùng ông Mác kể việc Chúa Giê-su giảng dạy trong một hội đường.

<sup>605</sup> **6:2** Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDY) nghĩ từ “**nhiều**” được dùng ở đây là một thành ngữ Do Thái, có nghĩa là **tất cả** những người nghe Chúa Giê-su đều kinh ngạc; thành ngữ này nhấn mạnh rằng tất cả những người nghe Chúa Giê-su là nhiều. Tuy nhiên, nhiều người khác (và BDM, BCG) chuyển ngữ đây

(dân chúng) nghe (Ngài/Chúa Giê-su) (và) ⇔ <sup>GTK</sup> nhiều/tất cả (người) nghe (Ngài/Chúa Giê-su)} đã <sup>606</sup> {sửng sốt ⇔ ngạc nhiên ⇔ hoàn toàn kinh ngạc/cảm kích} <sup>607</sup> (và ⇔ nhưng họ) hỏi (lẫn nhau): “{(Ông/Người) <sup>608</sup> này (đã nhận/học) <sup>GTK609</sup> ở đâu ⇔ Làm sao Thầy Giê-su biết} những điều (Thầy đang dạy)?! <Và> sao Thầy được khôn ngoan như thế?! {<Và> (làm thế nào) <sup>610</sup> những phép lạ như thế được thực hiện qua tay Thầy?! ⇔ <Và> Thầy đã lấy uy quyền/khả năng ở đâu để làm những phép lạ như thế?!}”

**3** <sup>CH611</sup> Chẳng phải Thầy (chỉ) là người/một <sup>612</sup> thợ mộc, con của Ma-ri và anh của <sup>613</sup> Gia-cơ, <và> Giô-sê, <và> Giu-đa, và Si-môn sao? <Và> <sup>CH</sup> chẳng phải các em gái của Thầy (đang sống) ở đây với chúng ta sao? (Một người như thế không thể là một người đặc biệt/quan trọng.)” Bởi vậy/Do đó họ <sup>614</sup> {xúc phạm đến ⇔ từ khước ⇔ từ chối không tin}

---

như một mệnh đề có nghĩa là “nhiều”, nhưng **không phải tất cả**, những người nghe Chúa Giê-su đều kinh ngạc. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “nhiều/tất cả” trong Mác 1:34.

<sup>606</sup> **6:2** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ thành ngữ “**sửng sốt**” trong Mác 1:22.

<sup>607</sup> **6:2** Dân chúng ngạc nhiên về Chúa Giê-su, **nhưng** họ đặt những nghi vấn về Ngài với đầy sự nghi ngờ và cuối cùng họ từ khước Ngài (các câu 2–3).

<sup>608</sup> **6:2** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**Ông/Người này**” bày tỏ sự khinh dể/không kính trọng Chúa Giê-su ở đây (như trong Mác 2:7).

<sup>609</sup> **6:2** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng ba câu theo sau thực sự là những câu hỏi. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ đó là những câu hỏi tu từ dùng như **những lời thốt lên** của sự ngạc nhiên. Trong ngữ cảnh này có lẽ tốt nhất nên chuyển ngữ những câu này như những câu hỏi thực sự (mà không có ai trả lời nó) nó **cũng** được dùng như những thán từ. Nhiều người khác nhau trong đám đông đặt câu hỏi không phải một người đặt tất cả các câu hỏi.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ê-sai 11:1–3 trả lời những câu hỏi này.

<sup>610</sup> **6:2** Ngay lúc mới bắt đầu chuyển ngữ, bạn nên cân nhắc nếu bạn muốn phân biệt cách chuyển ngữ các từ “**phép lạ**”, “**dấu lạ**” và “**kỳ lạ**” trong suốt Tân Ước. Một số người chuyển ngữ chọn chuyển ngữ tất cả ba tiếng Hy-lạp này một cách giống nhau vì ý nghĩa của nó rất gần giống nhau. Một số khác nghĩ sự chú trọng của mỗi từ có chút ít khác nhau do đó cần giữ nguyên cả ba trong bản văn “**phép lạ**”

(“*dunamis*” trong tiếng Hy-lạp, nó cũng được chuyển ngữ là “việc làm đầy quyền năng/vĩ đại”) chú trọng đến quyền năng siêu nhiên của một phép lạ; “**dấu lạ**” (“*semeion*” trong tiếng Hy-lạp, cũng còn được chuyển ngữ là “dấu kỳ” hay “phép lạ được xác nhận/bày tỏ”) chú trọng đến ý nghĩa của một phép lạ, tức là điều nó muốn gây sự chú ý; “**kỳ lạ**” (“*teras*” trong tiếng Hy-lạp, cũng chuyển ngữ là “bằng chứng lạ lùng”) chú trọng đến ảnh hưởng của phép lạ trên người nghe. Nó tác động tất cả sự sợ hãi, kỳ lạ, kinh ngạc và ngạc nhiên cùng một lúc.

<sup>611</sup> **6:3** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần thiết để đổi các **câu hỏi tu từ** trong câu 3 thành các câu nói. Thí dụ, bạn có thể nói: “(Chúng tôi biết Ngài là ai). Ngài (chỉ) là người thợ mộc,...”

<sup>612</sup> **6:3** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cha (về phân xác) của Chúa Giê-su, Giô-sép, cũng là một người thợ mộc (Ma-thi-ơ 13:55). Một người cha truyền nghề/việc làm của mình cho con trai là chuyện thường tình.

<sup>613</sup> **6:3** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ngay cả dù Giô-sép cha (nuôi) của Chúa Giê-su không được nhắc đến ở đây, nhưng có lẽ ông vẫn còn sống (Giăng 6:42). Gia-cơ, em Chúa Giê-su trở thành một người lãnh đạo trong hội thánh (Ga-la-ti 1:19) và Gia-cơ đã viết một Thư Tín. Giu-đa, em Chúa Giê-su (không phải Giu-đa người đã phản Chúa) có lẽ là người đã viết sách Giu-Đe (xem Giu-Đe 1:1). Si-môn, em Chúa Giê-su không phải là Si-môn Phê-rô.

<sup>614</sup> **6:3** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy để ý sự tương phản giữa việc thiếu đức tin trong Chúa Giê-su của người Na-xa-rét (6:1–6) và đức tin (mạnh mẽ) của Giai-ru (5:21–24a, 35–43) và người đàn bà bị bệnh xuất huyết trong (5:24b–34).

{Ngài ⇔ sứ điệp của Ngài}. 4 <Rồi>/Do đó (Chúa) Giê-su kể cho họ (một câu châm ngôn): “Có một <sup>615</sup>{tiên tri ⇔ phát ngôn viên} (của Đức Chúa Trời) (giống như Ta) {không bị (dân chúng bất cứ ở nơi nào) xem thường hay khinh dể ngoại trừ ở quê hương của người ấy <và> trong vòng bà con của người ấy <và trong (chính) nhà (của người ấy)> ⇔ được vinh dự/kính trọng bởi mọi người ngoại trừ những người từ quê hương của người ấy và/kể cả bà con người ấy!” 5 <Và> (vì họ không tin Ngài/(Chúa) Giê-su, ⇔ vì người ta từ chối Ngài/(Chúa) Giê-su,) Ngài/(Chúa) Giê-su {không thể làm được phép lạ nào <sup>616</sup>ở đó, ngoại trừ ⇔ chỉ làm một vài phép lạ ở đó;} Ngài <sup>617</sup>{đặt tay (Ngài) trên ⇔ đặng} một <sup>618</sup>số ít (người) bệnh (và) chữa lành (cho họ). 6 <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>ngạc nhiên {về sự chẳng tin <sup>619</sup>của họ ⇔ rằng dân chúng (Na-xa-rét) đã không tin} (Ngài ⇔ sứ điệp của Ngài).

**6:6b–13 (Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>Sai Mười Hai Môn Đệ Đi Nói  
Cho Dân Chúng <sup>NTT</sup>Về {Nước ⇔ Quyền Cai Trị} Của Đức Chúa Trời**

*Ma-thi-ơ 9:35, 10:1, 5–15; Lu-ca 9:1–6*

<Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>620</sup>(với các môn đệ của Ngài) đi <quanh> các làng/thị trấn gần/chung quanh (đó/Na-xa-rét) (và ⇔ trong khi họ di chuyển, Ngài/(Chúa) Giê-su) dạy (dân chúng) (Lời/Sứ điệp của Đức Chúa Trời). 7 <sup>621</sup><Rồi> Ngài gọi mười hai (môn đệ) lại và <sup>NTT</sup>{bắt đầu sai ⇔ sai} họ (đi) ra (khắp nơi) <sup>622</sup>{từng đôi (một) ⇔ từng nhóm hai (người)}. <Và> <sup>623</sup>(ngay trước khi họ ra đi,) Ngài <sup>NTT624</sup>ban cho {(mỗi người của) họ ⇔

<sup>615</sup> 6:4 Xem cách bạn chuyển ngữ từ “**tiên tri**” trong Mác 1:2, và xem lời chú thích ở đó. Điều Chúa Giê-su nói ở đây là đúng với sự thật về các tiên tri. Để cho được rõ ràng, bạn có thể nói: “{các tiên tri ⇔ phát ngôn viên} (của Đức Chúa Trời) (như Ta) không được...”

<sup>616</sup> 6:5 Có thể phải nói “**tại Na-xa-rét**” ở đây.

<sup>617</sup> 6:5 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đặt tay Ngài trên**” trong Mác 5:23.

<sup>618</sup> 6:5 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúng ta không biết những người được Chúa Giê-su chữa lành đã tin Ngài chưa (xem một trường hợp tương tự trong Mác 3:1–6). Tuy nhiên, rõ ràng là họ đã không từ khước Chúa Giê-su giống như những người khác tại Na-xa-rét đã làm.

<sup>619</sup> 6:6 Cần nên nói rõ ràng rằng từ “**của họ**” ở đây chỉ về những người ở Na-xa-rét. Nó có thể hay không bao gồm vài người mà Chúa Giê-su đã chữa lành trong câu 5 (xem lời chú thích về vấn đề này ở đó).

<sup>620</sup> 6:6 Đối với một số ngôn ngữ, có thể cần phải giới thiệu môn đệ của Chúa Giê-su ở đây (thay vì trong câu 7) để tránh sự hiểu lầm. Xem cách bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong Mác 5:21.

<sup>621</sup> 6:7 Một số bản dịch bắt đầu tiểu đoạn này từ câu số 7 và để câu số 6 ở tiểu đoạn trước.

<sup>622</sup> 6:7 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong Ma-thi-ơ 10:2–4 tên các môn đệ của Chúa Giê-su được ghi thành từng đôi. Danh sách đó có lẽ phản ánh được cách Chúa Giê-su chia các môn đệ thành từng đôi ở đây cũng như ở trong những trường hợp khác. Có lẽ Chúa Giê-su sai các môn đệ đi ra từng đôi một vì trong Luật Pháp của Môi-se luôn đòi hỏi hai người chứng (Phục-truyền Luật-lệ Ký 17:6, 19:15; Dân-Số Ký 35:30).

<sup>623</sup> 6:7 Môn đệ của Chúa Giê-su thực sự bắt đầu đi ra trong câu số 12. **Không nên** chuyển ngữ nghe giống như cả các câu 7–11 đã xảy ra sau khi họ rời Chúa Giê-su.

mỗi cặp} <sup>625</sup>thảm quyền/quyền năng {(trên) uế/tà linh ⇔ để <sup>NTT</sup>đuổi/trừ những uế/tà linh ra (khỏi người ta)}, **8** và Ngài truyền/bảo họ <sup>NTT</sup><sup>626</sup>đừng đem gì theo khi đi đường, ngoại trừ <chỉ> một <sup>627</sup>cây gậy (của người) đi đường. Không được mang theo bánh/đồ ăn, túi xách, tiền kềm/giấy <trong dây lưng/túi đựng tiền (của các con)>. **9** <Tuy nhiên,> (các con có thể) mang dép/giày, nhưng đừng mang/đem theo {hai <sup>628</sup>áo chèn/áo cánh ⇔ quần áo để thay đổi}.” **10** <sup>629</sup><Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su dặn họ:> “<sup>630</sup>Khi nào các con (được <sup>NTT</sup>mời) {đi vào ⇔ tạm trú ở} nhà (của một người nào), <sup>631</sup>ở lại/tạm trú tại đó cho tới khi các con rời khỏi đó. **11** <Và> <sup>632</sup>{bất cứ nơi nào mà (người ta) không tiếp/mời các con và/hay (nếu) họ không nghe ⇔ khi nào người ta từ chối tiếp/mời các con hay (từ chối) nghe} {các con ⇔ sứ điệp của các con}, hãy rời {khỏi đó ⇔ thị trấn của họ} (và) <sup>633</sup>{giũ/phủi bụi khỏi ⇔ lau bụi} <dưới> bàn chân của các con {như một bằng chứng

<sup>624</sup> **6:7** Thì của động từ “**ban**” ở đây trong bản Hy-lạp hàm ý rằng Chúa Giê-su ban quyền năng cho mỗi môn đệ hay cặp một cách riêng rẽ.

<sup>625</sup> **6:7** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thảm quyền/quyền năng**” trong Mác 3:15.

<sup>626</sup> **6:8** Trong bản Hy-lạp bắt đầu dùng đối thoại trực tiếp từ câu số 9, nhưng đối với nhiều ngôn ngữ, có thể cần thiết để bắt đầu từ câu 8. Có thể rõ ràng hơn nếu nói: “**Chỉ** đem theo một cây gậy. Đừng đem theo bánh mì...”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su muốn các môn đệ đi lại một cách dễ dàng/nhanh nhẹn và tùy thuộc vào Đức Chúa Trời cung cấp những gì họ cần.

<sup>627</sup> **6:8** Không nên chuyển ngữ nghe giống như các môn đệ của Chúa Giê-su là những người già yếu đi đứng rất khó khăn.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Gậy đi đường rất công dụng cho việc đi trên những con đường đá, và xuyên qua các vùng gồ ghề lồi lõm. Nó cũng có thể dùng như một vũ khí để chống thú dữ và quân cướp.

<sup>628</sup> **6:9** Một áo cánh là một áo ngắn tay nhưng thân áo dài đến hai đầu gối. Nó được buộc ngang hông với một sợi giây lưng bằng vải. Có thể hoặc cần, hoặc không cần mặc áo choàng bên ngoài. Ý Chúa Giê-su ở đây là họ **không nên** đem thêm quần áo gì cả.

<sup>629</sup> **6:10** Nếu bạn bắt đầu đối thoại trực tiếp từ câu 8, bạn có thể bỏ các từ “**Rồi Ngài/Chúa Giê-su dặn họ**” ở đây. Bạn có thể nói: “(Hãy nhớ rằng) khi nào...”

<sup>630</sup> **6:10** Bạn có thể nói: “Khi nào các con đi/đến (một thành và có ai <sup>NTT</sup>đón tiếp/mời các con ở lại/tạm trú tại) nhà (của họ), (hãy) ở lại/tạm trú ở đó...”

<sup>631</sup> **6:10** Khi chuyển ngữ từ “ở lại tại đó” **không nên** có ý rằng môn đệ của Chúa Giê-su phải ở trong nhà suốt thời gian họ ở trong một thành nào đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Không rõ/không biết chắc tại sao Chúa Giê-su bảo môn-đệ của Ngài tạm trú trong nhà một người trong suốt thời gian họ ở trong một làng. Nếu họ đi từ nhà này sang nhà khác, họ có thể dễ dàng ở lại trong một thành/chỗ một thời gian lâu. Một lý do khác có thể là họ sẽ không làm xúc phạm gia chủ, hay họ sẽ không bị mất thì giờ để tìm chỗ tốt hơn. Họ có một công việc quan trọng cần phải hoàn tất.

<sup>632</sup> **6:11** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su kinh nghiệm được sự từ khước trong suốt khoảng thời gian thi hành chức vụ của Ngài. Môn đệ của Ngài cũng có những kinh nghiệm đó. Trong khi chúng ta hầu việc Đức Chúa Trời và chia sẻ cho người khác về Chúa Giê-su, chúng ta không nên ngạc nhiên khi có người từ khước chúng ta; việc đó sẽ xảy ra.

<sup>633</sup> **6:11** Không nên dùng sự thay thế thích hợp với văn hoá cho “**phủi bụi khỏi bàn chân của các con**”, vì nó có thể thay đổi những dữ kiện lịch sử. Nếu cần thiết, tốt hơn nên giải thích lý do cho hành động này một cách rõ ràng hay để những tin tức này trong một LỜI CHÚ THÍCH.

**GTK634** nghịch cùng họ ⇔ để bày tỏ/cảnh cáo họ rằng Đức Chúa Trời không hài lòng với họ ⇔ để tỏ cho họ biết rằng Đức Chúa Trời đã từ khước họ ⇔ để khuyến cáo họ ăn năn}. ” **12** <Rồi>/Do đó {họ ⇔ môn đệ của (Chúa) Giê-su ⇔ từng cặp môn đệ} {đi ra ⇔ rời (Chúa) Giê-su/Ngài} (theo nhiều hướng khác nhau) (và) giảng/rao truyền/công bố (sứ điệp của Đức Chúa Trời) (cho dân chúng) <sup>NTT</sup> rằng **635** {họ ⇔ dân chúng} nên **636** ăn năn (tội lỗi của họ). **13** {Họ ⇔ Các môn đệ của (Chúa) Giê-su} cũng <sup>NTT637</sup> đuổi/trừ nhiều {ma quỷ ⇔ uế/tà linh} ra (khỏi người ta) và **638** thoa/xức dầu (ô-liu) (trên đầu) của nhiều người bệnh.

### 6:14–29 Giảng {Báp-tít ⇔ Người Làm Báp-tem} Bị {Chặt Đầu ⇔ Xử Tử}

*Ma-thi-ơ 14:1–12; Lu-ca 9:7–9*

**14** <Và> (trong thời gian đó) Vua **639** Hê-rốt ((An-ti-ba)) nghe (về Ngài/Chúa Giê-su) vì **640** {danh của Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su} {được đồn (ra nhiều nơi) ⇔

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sau khi người Do Thái từ trong vùng đất của người ngoại quốc đi ra, họ phủ bụi trên quần áo và giày dép của họ một cách cẩn thận, vì họ cho người ngoại quốc và lãnh thổ của người ngoại quốc là “ô-uế/không tinh sạch”. Chúa Giê-su đang bảo các môn đệ làm như thế đối với những người Do Thái từ khước sứ điệp của Đức Chúa Trời, để bày tỏ cho họ rằng Đức Chúa Trời coi họ “ô-uế/không tinh sạch” và sẽ trừng phạt họ nếu họ không ăn năn. Xem một thí dụ khác trong Công Vụ 18:6.

**634 6:11** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một nghĩa. Đa số học giả Kinh Thánh (và BCG) nghĩ nó có nghĩa “**ngịch lại họ**”. Tuy nhiên, một vài (và BDC, BDM dùng ... cảnh cáo họ.).

**635 6:12** “**họ**” ở đây nói về “dân chúng” **không phải** môn-đệ của Chúa Giê-su.

**636 6:12** Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ từ “**ăn năn**” và “**sự ăn năn**” trong sách Mác, hãy xem Mác 1:4, 15; 2:17, (3:28), 4:12, 6:(11), 12, và xem lời chú thích ở Mác 1:4.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sứ điệp của các môn đệ tương tự sứ điệp của Chúa Giê-su (Mác 1:15). Sứ mạng/Việc làm của họ ứng nghiệm lời hứa của Chúa Giê-su nói rằng Ngài biến họ thành những tay {cứu người/đánh lưới người ⇔ thầy giáo của dân chúng} (Mác 1:17).

**637 6:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**đuổi** nhiều quỷ ra khỏi” trong Mác 1:34.

**638 6:13** Các môn đệ **xức dầu** chỉ ở một chỗ nào đó trên thân thể của một người (có lẽ trên đầu), **không phải** trên toàn thân thể. Đây **không phải** thoa dầu để đấm bóp. Dầu ô-liu được dùng ở đây, **không phải** dầu nhớt xe hơi.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Môn-đệ của Chúa Giê-su biết rằng đó là Đức Chúa Trời chữa lành cho người bệnh, không phải nhờ dầu. Dầu chỉ là một biểu tượng rằng Đức Chúa Trời đang hiện diện và đang làm việc (xem Gia-cơ 5:14–15).

**639 6:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hê-rốt này là Hê-rốt An-ti-ba. Cha của ông là Hê-rốt Đại Đế người đã tìm cách để giết Chúa Giê-su khi còn là một em bé (Ma-thi-ơ 2:16–18). Hê-rốt An-ti-ba là một vua chư hầu, đó là một nhà cầm quyền La-mã cai trị một phần tư lãnh thổ mà cha của ông đã cai trị. Ông cai trị tỉnh Ga-li-lê và tỉnh Bê-rê từ thế kỷ thứ 4 T.C. cho đến năm 39 S.C.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một biểu đồ cho thấy những Hê-rốt khác nhau, họ đã liên hệ với nhau như thế nào và những tỉnh nào họ đã cai trị.

**640 6:14** Có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “...**danh tiếng của Ngài** vang ra và...” Hay bạn có thể nói: “...**mọi người** đang bàn tán về Ngài/Chúa Giê-su và nói: ‘(Có lẽ...’”

trở thành nổi tiếng} và <sup>641</sup>{họ/dân chúng đang ⇔ [Vua/Hê-rốt]} nói (về Ngài/Chúa Giê-su): <sup>NGT</sup>“(Có lẽ Ngài là ⇔ Chắc Ngài là) Giăng (Báp-tít) <sup>642</sup>{người làm báp-tem ⇔ người làm báp-tem cho dân chúng} đã sống lại từ (kẻ) chết! <Và> đó là lý do Ngài đang làm <sup>643</sup>{các phép lạ/quyền năng ⇔ Ngài có thể làm những phép lạ}.” **15** <Và> những người khác đang nói (về Chúa Giê-su/Ngài): <sup>NGT</sup>“(Có thể) Ngài là (tiên tri) <sup>644</sup>Ê-li <sup>645</sup>((người đã trở lại trên đất))!” Còn những người khác nói: “(Ngài là) một tiên tri giống như một trong những tiên tri (khác) <sup>646</sup>(từ trong quá khứ ⇔ người đã sống từ xưa).” **16** <Rồi/Và> khi (vua) Hê-rốt nghe (rằng ⇔ những điều người ta nói về Chúa Giê-su), ông ta nói: <sup>647</sup>“(Có lẽ) Ngài/(Chúa) Giê-su (là) Giăng (Báp-tít) mà Ta đã <sup>NTT648</sup>{(cho) chém đầu ⇔ cho (đao phủ/quân lính) của ta chém đầu}. Ông ấy/Giăng đã <sup>GTK649</sup>{được sống lại (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ sống lại} <sup>650</sup>[từ (kẻ) chết]!” **17** <sup>651</sup>Số là Hê-rốt/chính ông ta đã <sup>NTT</sup>sai (quân lính

<sup>641</sup> **6:14** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BDY) có từ “**Vua bàn tán**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) có từ “**họ nói**” thay vào đó. Hãy dùng từ nào có vẻ hợp với ngữ cảnh hơn (xem các câu 15–16).

<sup>642</sup> **6:14** Hãy nhất quán ở đây và ở trong tiểu đề với cách mà bạn đã chuyển ngữ “Giăng **Báp-tít**” trong tiểu đề Mác 1:1, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>643</sup> **6:14** Không nên chuyển ngữ nghe giống như những phép lạ được thực hiện **bên trong** thân thể của Chúa Giê-su.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giăng Báp-tít không thực hiện một phép lạ nào trong suốt cuộc đời của ông (Giăng 10:41). Có lẽ Hê-rốt nghĩ rằng nếu Giăng đã sống lại từ trong kẻ chết (phép lạ khó khăn nhất có thể xảy ra) ông có thể làm những phép lạ khác một cách dễ dàng.

<sup>644</sup> **6:15** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tiên tri Ê-li hiện diện trên mặt đất khoảng 850 T.C. Đức Chúa Trời đã đem ông về thiên đàng trong một cơn gió lốc (2 Các Vua 2:11). Người Do Thái mong đợi tiên tri Ê-li trở lại thế gian để chuẩn bị con đường cho Đấng Cứu Thế (Ma-la-chi 3:1, 4:5–6).

<sup>645</sup> **6:15** Có lẽ tốt nhất là để những tin tức này trong một **LỜI CHÚ THÍCH**, thay vì trong bản văn. Tuy nhiên, nếu bạn quyết định làm cho rõ ràng, hãy nhớ rằng tiên tri Ê-li đã được cất lên thiên đàng lúc đang còn sống, do đó những từ như “sống lại từ kẻ chết” hay “sống lại” **không** phù hợp ở đây.

<sup>646</sup> **6:15** Các nhà tiên tri này không còn sống trong khi các điều này được nói đến.

<sup>647</sup> **6:16** Vua Hê-rốt không chắc chắn rằng Chúa Giê-su là Giăng Báp-tít. Ông chỉ đoán.

<sup>648</sup> **6:16** Vua Hê-rốt **không** tự mình chém đầu Giăng Báp-tít, nhưng ông ra lệnh cho đao phủ/lính của ông làm điều đó (xem câu 27).

<sup>649</sup> **6:16** Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**sống lại từ kẻ chết**” trong câu 14.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người ta tin rằng người chết sẽ được sống lại ngay trước Ngày Phán Xét. Có lẽ Hê-rốt An-ti-ba sợ rằng chẳng bao lâu Vua sẽ bị Đức Chúa Trời trừng phạt về việc ra lệnh giết Giăng Báp-tít.

<sup>650</sup> **6:16** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**từ (kẻ) chết**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>651</sup> **6:17** Các câu 17–20 nói về những việc xảy ra trước những biến cố trong câu 14. Đối với một số ngôn ngữ có thể là việc cần thiết để đặt các câu 14–29 theo **thứ tự** của những sự việc đã thật sự xảy ra và nói: “Trong thời gian này, vua Hê-rốt (An-ti-ba) là người lãnh đạo đế quốc La-mã (cai trị tỉnh Ga-li-lê và tỉnh Bê-rê) và đã cưới bà Hê-rô-đi-a, vợ của em trai Vua là Phi-líp dù Phi-líp vẫn còn sống. Giăng (Báp-tít) bảo vua Hê-rốt (nhiều lần) <sup>NTT</sup>rằng cưới vợ của em vua là việc ngược lại với Luật Pháp/ý chỉ của Đức Chúa Trời. Bởi vậy (bà) Hê-rô-đi-a đã/giữ sự bực tức ông/Giăng và muốn giết ông/Giăng. {Vì sự nài xin (khẩn thiết) của nàng, ⇔ Do đó} (vua) Hê-rốt <sup>NTT</sup>đã cho lính bắt Giăng (Báp-tít), xiềng ông và bỏ ông vào ngục. Do đó (bà) Hê-rô-đi-a không thể thuyết phục vua Hê-rốt giết (ông) Giăng/ông ấy.



của ông) bắt Giăng (Báp-tít) và <sup>GTK652</sup>xiềng/trói/nhốt ông ấy trong <sup>653</sup>ngục,/. (Vua/Hê-rốt đã làm như thế) <sup>GTK654</sup>{vì có ⇔ để làm vừa lòng ⇔ để bảo vệ ông ấy/Giăng khỏi} <sup>655</sup>Hê-rô-đia, {vợ của <sup>656</sup>em vua là Phi-líp, vì <sup>657</sup>Vua/Hê-rốt đã cưới nàng ⇔ vì Vua/Hê-rốt đã cưới nàng/Hê-rô-đia <sup>658</sup>trong khi em của vua (là) Phi-líp vẫn còn sống và đang là chồng (hợp pháp) của nàng}, **18** <sup>659</sup>(và) <vì> (ông) Giăng cứ can Hê-rốt: <sup>NGT660</sup>“{Điều đó không <sup>661</sup>đúng/hợp pháp ⇔ Điều đó sai ⇔ Điều đó là tội lỗi} nếu vua cưới vợ của em vua!”

**19** Bởi vậy bà Hê-rô-đia {đã/giữ sự bực tức ⇔ căm giận} ông ấy/Giăng và muốn giết ông ấy/Giăng. Nhưng nàng/Hê-rô-đia không (làm điều đó ⇔ xin vua Hê-rốt xử tử (ông) Giăng/ông ấy, **20** vì vua Hê-rốt biết (rằng) (ông) Giăng/ông ấy {là một (người) <sup>662</sup>công chính và (một) người <sup>663</sup>thánh thiện/trong sạch/hoàn toàn ⇔ vâng phục Đức Chúa Trời và

---

(để các câu 21–29 ở đây) **14** Sau thời gian đó, (chúa) Giê-su đã trở nên nổi tiếng và khi (vua) Hê-rốt đã nghe <sup>NTT</sup>(những gì người ta nói về Ngài), vua nghĩ/nói: “Đây chính là Giăng (Báp-tít) mà ta đã truyền chém, nay sống lại (trong hình thể của chúa Giê-su)! Đó là lý do tại sao ông ấy làm được những phép lạ.” (để câu 5 ở đây).

<sup>652</sup>**6:17** Trong bản Hy-lạp **không** nói là Giăng Báp-tít bị trói bằng dây thừng hay bằng dây xích, và nó cũng không nói phần nào của thân thể ông bị trói. Đối với một số ngôn ngữ nói chi tiết về những tin tức này là một sự cần thiết. Có lẽ quân lính của vua Hê-rốt trói hai tay của Giăng Báp-tít, nhưng họ cũng có thể trói cả hai chân của ông từ mắt cá chân này với mắt cá chân kia. Đối với một số ngôn ngữ khác có thể nói một cách tổng quát như trong bản Hy-lạp.

<sup>653</sup>**6:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo ông Giô-su-phê, một sử gia Do Thái sống trong thời bấy giờ thì Giăng Báp-tít đã bị tù và bị chém đầu tại Pháo Đài Ma-kê-rút ở về hướng đông của Biển Mặn thuộc tỉnh Bê-rê.

<sup>654</sup>**6:17** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “vì có (bà) Hê-rô-đia” có nghĩa là “vì sự đòi hỏi của bà Hê-rô-đia” hay “làm vừa lòng bà Hê-rô-đia”. Tuy nhiên, nó cũng có thể có nghĩa là “bảo vệ ông ấy khỏi (âm mưu) của bà Hê-rô-đia (dường như câu 19-20 hỗ trợ cho ý kiến này).

<sup>655</sup>**6:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bà Hê-rô-đia là cháu nội của Vua Hê-rốt Đại Đế. Bà lập gia đình với chú của bà, Hê-rốt Phi-líp I, là anh em cùng cha khác mẹ với Hê-rốt An-ti-ba và Hê-rốt Phi-líp II (Lu-ca 3:1). Sa-lôm, là con gái của bà Hê-rô-đia và Phi-líp I, lập gia đình với chú của bà, Phi-líp II. Hê-rốt An-ti-ba cưới con gái của Vua Aretas IV, nhưng rồi yêu bà Hê-rô-đia. Bà Hê-rô-đia bỏ Phi-líp để làm vợ của An-ti-ba. Điều đó làm cho con gái của Aretas phải trở về nhà với cha của nàng. Rồi cha của nàng tuyên chiến với An-ti-ba và đánh bại ông ấy. Đế quốc La-mã can thiệp và trật tự được vãn hồi.

<sup>656</sup>**6:17** Ông Phi-líp là em trai của vua Hê-rốt.

<sup>657</sup>**6:17** Phải chắc chắn và rõ ràng ở đây là vua Hê-rốt cưới bà Hê-rô-đia không phải ông Giăng.

<sup>658</sup>**6:17** Hay bạn có thể nói: “...ngay cả em trai của ông ấy...”

<sup>659</sup>**6:18** Có lẽ bắt đầu một **câu mới** và nói: “(Ông) Giăng (đã) nói...” nghe tự nhiên hơn.

<sup>660</sup>**6:18** Bạn có thể nói: “Vì lấy/cưới vợ của em vua, vua **phạm** Luật Pháp của Đức Chúa Trời!”

<sup>661</sup>**6:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời cấm người ta không được lấy vợ của em trai hay anh trai của mình (Lê-vi Ký 18:16, 20:21). Trừ phi nếu anh hay em trai của người đó qua đời trước khi có con (Phục-truyền Luật-lệ Ký 25:5–6).

<sup>662</sup>**6:20** Bạn có thể dịch “**công chính**” như là “vâng lời Đức Chúa Trời” hay “làm điều công chính (trước mặt Đức Chúa Trời)”. Xem cách bạn đã chuyển ngữ trong Mác 2:17.

<sup>663</sup>**6:20** Trong ngữ cảnh này “**thánh thiện**” nói về một người có phẩm hạnh tốt và hết lòng hầu việc Đức Chúa Trời, **không phải** một người hoàn toàn/vô tội.

đã tận tụy hầu việc Đức Chúa Trời/Ngài}, (và do đó) <sup>TD664</sup>Vua/Hê-rốt <sup>665</sup>{sợ ⇔ rất kính nể} ông ấy/ông Giăng và {bảo vệ ⇔ cho quân lính bảo vệ} ông/(ông) Giăng (khỏi bà Hê-rô-đia). <Và> Vua/Hê-rốt nghe lời ông/Giăng {(và) <sup>GTK666</sup>rất là bối rối/lo lắng (bối những điều ông/Giăng nói), nhưng ⇔ <sup>GTK</sup>thường/thường xuyên, (và ngay cả) nó (đã làm cho vua) bối rối/lo lắng,} {Vua đã nghe ông/(ông) Giăng một cách vui vẻ ⇔ Vua thích nghe ông/(ông) Giăng}.

**21** Cuối cùng {thời cơ đã đến ⇔ bà Hê-rô-đia nắm lấy cơ hội của nàng ⇔ bà Hê-rô-đia có một cơ hội} (để ông Giăng bị giết). Nhằm ngày sinh nhật của Vua/Hê-rốt, Vua/Hê-rốt mở/tổ chức một buổi tiệc/lễ {cho ⇔ và <sup>NTT</sup>mời} {những người quan trọng ⇔ những nhân viên cao cấp} của Vua, <và> các nhà lãnh đạo/chỉ huy trong quân đội và (những người) {giàu có nhất ⇔ quan trọng nhất} (khác) (dân chúng/công dân đang sống) trong (tỉnh) Ga-li-lê. **22** <Và> (trong tiệc/lễ) <sup>667</sup>{con gái của (bà) Hê-rô-đia <chính cô ta> ⇔ [con gái (ghê) của Vua/Hê-rốt (đó là con gái của) (bà) Hê-rô-đia]} đến/đi vào (nơi đãi tiệc) và <sup>668</sup>nhảy múa (cho vua Hê-rốt và khách của Vua),/. (và ⇔ Cô gái nhảy múa làm <sup>669</sup>đẹp lòng {(vua) Hê-rốt và khách của Vua ⇔ họ} (rất nhiều đến nỗi) Vua/Hê-rốt nói với <sup>670</sup>cô gái/ta: “{Hãy xin ta ⇔ Nói cho ta} bất cứ điều gì con muốn và ta sẽ ban (điều đó) cho con.” **23** <Rồi> Vua/Hê-rốt <sup>671</sup>thề <sup>GTK672</sup>[nhiều lần ⇔ một cách trịnh trọng] với cô

<sup>664</sup> **6:20** Thứ tự thật của các mệnh đề trong bản Hy-lạp là: “... vì vua Hê-rốt sợ (ông) Giăng (vì vua) đã biết (rằng) (ông) Giăng là một người công chính và thánh thiện/trong sạch/ngay thẳng, và (do đó) Vua bảo vệ (ông) Giăng (khỏi âm mưu của bà Hê-rô-đia).”

<sup>665</sup> **6:20** Trong ngữ cảnh này “sợ” có nghĩa là Hê-rốt rất kính trọng ông Giăng, không phải sợ hãi ông Giăng.

<sup>666</sup> **6:20** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp bỏ nghĩa cho “bối rối/lo lắng” và có nghĩa là “rất là bối rối/phân vân”. Tuy nhiên, có một số nghĩ nó bỏ nghĩa cho từ “nghe” và có nghĩa là “thường nghe ông Giăng”.

<sup>667</sup> **6:22** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có “con (gái) ghê của Hê-rốt (có nghĩa là con gái của) Hê-rô-đia”. Tuy nhiên, đa số các bản thảo (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “con gái của Hê-rô-đia”, nó được hỗ trợ bởi câu 24 và Ma-thi-ơ 14:6. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ đây là con gái Hê-rô-đia với chồng trước. Bấy giờ Hê-rô-đia đã lấy Hê-rốt, con gái của bà cũng được coi là con gái của Hê-rốt.

<sup>668</sup> **6:22 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một người quan trọng như con gái của bà Hê-rô-đia nhảy múa trong một buổi tiệc như thế này là một trường hợp ngoại lệ—thông thường đây là công việc của các vũ nữ. Có lẽ đó là lý do mà Vua Hê-rốt có phản ứng như thế.

<sup>669</sup> **6:22** Trong bản Hy-lạp “đẹp lòng” có ý nghĩa bao hàm về dục vọng ở đây. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ con gái của Hê-rô-đia nhảy múa một cách không đoan trang.

<sup>670</sup> **6:22** “cô gái” có lẽ ở vào tuổi thiếu nữ.

<sup>671</sup> **6:23** Khi một người nào đó thề/hứa, người đó xin Đức Chúa Trời làm nhân chứng cho người ấy rằng anh ta sẽ làm một điều gì đó hay một điều gì đó là thật, và anh xin Đức Chúa Trời trừng phạt anh nếu anh bội lời thề hay thề dối. Hứa/thề được dùng để gia tăng sự tin tưởng của người khác rằng người hứa/thề sẽ làm một điều gì đó hay buộc phải làm một điều gì đó. Đối với một số ngôn ngữ có lẽ cần thiết để lời thề là một phần của lời Hê-rốt nói. Thí dụ, bạn có thể nói: “Rồi ông/Hê-rốt nói với cô ta: ‘Xin ta bất cứ điều gì con muốn, ngay cả đến nửa giang sơn của ta, và ta thề/hứa rằng ta sẽ ban điều đó cho con. Xin Đức Chúa Trời trừng phạt ta nếu ta không làm.’”

ta: “Ta sẽ ban cho con bất cứ điều gì con xin ta <sup>673</sup>{ngay cả ⇔ ngay cả nếu con muốn} <sup>674</sup>{nửa giang san/gia sản của ta ⇔ nửa xứ ta cai trị}.” **24** Do đó {cô ⇔ người con gái} rời (phòng tiệc) {(và) hỏi mẹ của cô ⇔ kể cho mẹ của cô <sup>NTT</sup>(những gì đã xảy ra và hỏi bà)}: <sup>NGT</sup>“{Con nên ⇔ Mẹ muốn con} xin (Vua Hê-rốt) điều gì?” <Rồi> {bà ⇔ mẹ cô} trả lời: <sup>675</sup>“(Hãy xin ⇔ Nói với Vua con muốn) cái đầu của Giăng {Báp-tít ⇔ người làm báp-tem cho dân chúng}.” **25** <Và> ngay lập tức {cô ta ⇔ người con gái} {vội vã đi ⇔ chạy trở lại} vào phòng (nơi có) {Vua ⇔ vua (Hê-rốt)} (và khách của Vua) (và) {yêu cầu (Vua/Hê-rốt) <nói rằng> ⇔ bảo (Vua/Hê-rốt)}: “Con muốn Vua {cho con cái đầu của Giăng <sup>676</sup>Báp-tít (để) trên một cái mâm/khay ⇔ (chặt) đầu của Giăng Báp-tít} (để) trên một cái mâm/khay (và) trao (nó cho) con ngay bây giờ <sup>677</sup>(để con biết ông ấy/Giăng đã chết ⇔ để chứng minh rằng ông ấy đã chết).” **26** <Và> (khi) Vua/Hê-rốt <sup>678</sup>(nghe điều đó, ⇔ nghe lời yêu cầu của người con gái,) Vua rất buồn/thật đau buồn, (nhưng) vì <sup>679</sup>những lời thề/hứa (Vua đã thề) <sup>680</sup>{và (vì) ⇔ trước mặt} những quan khách trong buổi tiệc (của Vua), Vua không muốn {từ chối/làm thất vọng cô ta ⇔ không giữ lời/lời thề với cô}. **27** Do đó, lập tức Vua <sup>NTT</sup>{sai một đao phủ/người lính (và) truyền (người ấy) đem đầu của ông ấy/Giăng ⇔ ra lệnh cho một người đao phủ/lính đi (và) chặt đầu của ông ấy/Giăng (và) đem nó} (cho người con gái). Do đó {người ấy ⇔ người đao phủ/lính} đi đến ngục, chặt đầu ông ấy/Giăng (bằng một thanh kiếm), **28** <sup>681</sup>và (rồi) đem/mang {đầu của ông ấy ⇔ nó} trên một cái <sup>682</sup>mâm/khay (đến cho người con gái) và trao nó cho

<sup>672</sup> **6:23** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có một từ ở đây có thể có nghĩa là “nhiều lần” hay “một cách trịnh trọng”. Tuy nhiên, có nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Đa Số) không có. BDM, BDC, BCG có “lại thề”.

<sup>673</sup> **6:23** Bạn có thể nói: “...ngay cả nếu con muốn **cai trị** nửa {giang sơn của ta ⇔ phần đất/dân chúng ta cai trị}.”

<sup>674</sup> **6:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vua Hê-rốt nói thái quá ở đây. Đóng vai một nhà cai trị của chính quyền La-mã, ông không có quyền cho bất cứ một phần “giang sơn” nào của ông.

<sup>675</sup> **6:24** Bạn có thể nói: “(Xin **chặt**) đầu của Giăng Báp-tít (và **đưa** nó cho tôi).”

<sup>676</sup> **6:25** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Giăng **Báp-tít**” trong các câu 14, 16 và 24.

<sup>677</sup> **6:25** Bà Hê-rô-đia muốn nhìn thấy đầu của Giăng để trên một cái mâm để bà biết rằng ông đã chết. Có lẽ không cần thiết phải nói rõ thông tin này một cách chi tiết, nhưng **không được** hàm ý rằng bà ta muốn ăn đầu của ông Giăng. Có lẽ cách tốt nhất là để **thông tin hàm ý** này vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>678</sup> **6:26** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ cần thiết để nói rõ rằng vua Hê-rốt buồn/thật đau buồn về **điều gì**. Thí dụ, bạn có thể nói: “<Và> vua/Hê-rốt thật buồn/thật đau buồn (vì người con gái **xin** giết ông Giăng), (nhưng)...”

<sup>679</sup> **6:26** Xem lời chú thích về việc “**thề**” trong câu 23.

<sup>680</sup> **6:26 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vua Hê-rốt không muốn bị “mất mặt”.

<sup>681</sup> **6:28** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu bắt đầu câu 28 bằng một câu **mới**.

<sup>682</sup> **6:28** Hãy nhất quán ở đây với cách bạn đã chuyển ngữ “**mâm/khay**” trong câu 25.

<sup>683</sup>{người con gái ⇔ cô ta}. <Rồi> {người con gái ⇔ cô} (đi và) đưa nó cho mẹ của cô. **29** <Và> khi <sup>684</sup>các môn đệ của ông ấy/Giăng <sup>NTT</sup>nghe (việc đã xảy ra), họ đi <sup>685</sup>(vào ngục ⇔ gặp Hê-rốt, <sup>NTT</sup>xin Vua cho phép để lấy xác/thân thể của Giăng,) và đem {xác ông/Giăng ⇔ nó} và đặt xác vào một cái <sup>686</sup>{mộ ⇔ hang dùng để chôn (người chết)}.

### 6:30–44 (Chúa) Giê-su Cung Cấp Đồ Ăn Cho 5,000 Người Đoàn Ông Ăn

*Ma-thi-ơ 14:13–21; Lu-ca 9:10–17; Giăng 6:1–14*

**30** <Và> ⇔ Trong khi đó, {<sup>687</sup>các sứ đồ (của Chúa Giê-su) ⇔ các môn đệ mà (Chúa Giê-su) sai đi} (đã trở lại và) họp lại với (Chúa) Giê-su/Ngài <sup>NTT</sup>{để báo cáo cho Ngài ⇔ tường trình/nói lại với Ngài về} <sup>688</sup>tất cả mọi điều họ đã làm và tất cả mọi điều họ đã dạy (dân chúng). **31** {<Rồi>/Sau đó ⇔ Trong khi họ (Chúa Giê-su và các môn đệ) còn ở đó,} có rất nhiều dân chúng <sup>689</sup>{đến và đi ⇔ đến (để gặp họ)} nhiều đến nỗi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và môn đệ (của Ngài)} <sup>690</sup>không có cơ hội (thì giờ) để ăn. Do đó <sup>TD691</sup>Ngài/(Chúa) Giê-su nói/bảo {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: <sup>692</sup>“{Các con hãy đi (với Ta) ⇔ Chỉ riêng chúng ta hãy đi} đến một nơi vắng vẻ/yên tĩnh, để chúng ta có thể nghỉ

<sup>683</sup> **6:28** Coi lại cách bạn nói về con gái của bà Hê-rô-đia suốt trong các câu 22–28. Đối với một số ngôn ngữ **không** có thể đối tới đối lui việc gọi giữa “con gái của Hê-rô-đia” và “người con gái”. Xem lời chú thích về tuổi của người **con gái** này trong câu 22.

<sup>684</sup> **6:29 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Được biết rằng sau cái chết của Giăng Báp-tít, các môn đệ của ông tiếp tục làm việc từng nhóm nhỏ trong một thời gian (Công Vụ 18:24–25, 19:1–3).

<sup>685</sup> **6:29 Không nên** chuyển ngữ nghe giống như môn đệ của Giăng Báp-tít ăn cắp xác của ông Giăng hay dùng áp lực để lấy xác ông từ vua Hê-rốt.

<sup>686</sup> **6:29** Xem cách bạn đã chuyển ngữ từ “mộ” trong Mác 5:2, và xem lời chú thích ở đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cái chết của Giăng Báp-tít (các câu 17–29) làm cho chúng ta nghĩ đến cái chết sau đó của Chúa Giê-su (15:1–47). Vua Hê-rốt kính trọng Giăng Báp-tít; Thông đốc Phi-lát kính trọng Chúa Giê-su. Bà Hê-rô-đia thù ghét Giăng Báp-tít và muốn ông chết; những người lãnh đạo Do Thái thù ghét Chúa Giê-su và muốn Ngài chết. Hê-rốt bị áp lực và Giăng bị xử tử; Phi-lát bị áp lực và ra lệnh đóng đinh Chúa Giê-su. Giăng Báp-tít được chôn trong một cái mộ; Chúa Giê-su được chôn trong một cái mộ. Tuy nhiên, hãy để ý sự khác biệt giữa môn đệ của Giăng Báp-tít ở đây và môn đệ Chúa Giê-su trong Mác 15:42–47.

<sup>687</sup> **6:30** Coi lại cách bạn chuyển ngữ “sứ đồ” trong sách Mác. Xem Mác [3:14] và tiểu đề; (4:10), 6:(7), 30, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Mác 3:14.

<sup>688</sup> **6:30 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các câu 12–13 cho biết môn đệ Chúa Giê-su đã làm gì và đã dạy gì cho dân chúng.

<sup>689</sup> **6:31 “đến và đi”** là một thành ngữ có nghĩa dân chúng tiếp tục đến với Chúa Giê-su và môn đệ với nhiều lý do; có lẽ họ ở một hồi rồi đi.

<sup>690</sup> **6:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một việc tương tự đã xảy ra trong Mác 3:20.

<sup>691</sup> **6:31 Thứ tự** thật của mệnh đề này trong bản Hy-lạp là: “Rồi Ngài/Chúa Giê-su nói với họ: ‘Hãy đến... một chút (một lúc).’ (Chúa Giê-su/Ngài nói rằng) bởi vì có rất nhiều dân chúng đến và đi (với họ) đến nỗi {họ ⇔ Chúa Giê-su/Ngài và môn đệ} không có cơ hội để ăn.”

<sup>692</sup> **6:31** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ cần thiết để bắt đầu câu nói trực tiếp này như “**Môn đệ của Ta**”.

ngôi một chút (một lúc).” **32** Do đó {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)}<sup>693</sup> {ra khơi ⇔ rời (bến)} {trong một chiếc thuyền ⇔ bằng thuyền} (đi) đến một <sup>694</sup> nơi vắng vẻ/yên tĩnh. **33** Nhưng rất nhiều (đàn chúng) thấy họ đi và <sup>GTK695</sup> {nhận ra/thấy [họ] ⇔ biết/đoán được (nơi họ đang đi đến)}. Do đó <sup>696</sup> dân chúng ở những thành (chung quanh) chạy bộ đến đó trước {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} <sup>697</sup> [và đã tụ tập/trước Ngài ]. **34** <Và> khi Ngài/(Chúa) Giê-su bước ra khỏi (thuyền) (đặt chân trên đất/bờ), Ngài thấy (một) đám đông (đàn chúng) thì <sup>698</sup> động lòng thương xót/tội nghiệp cho họ, vì họ (không có người chăm sóc/lãnh đạo thuộc linh) giống như (một đàn/nhóm) <sup>699</sup> chiên không có {người chăn/chăm sóc/hướng dẫn ⇔ người hướng dẫn và chăm sóc cho họ}. <Rồi> Ngài {bắt đầu dạy ⇔ dạy} họ rất nhiều (điều) <sup>700</sup> (về nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời).

**35** <Và> đến lúc đó trời bắt đầu <sup>701</sup> xế chiều, (do đó) môn đệ của (Chúa) Giê-su đến (và) nói với Ngài: <sup>702</sup>“Đây là một nơi {vắng vẻ ⇔ xa xôi ⇔ không có người ở} và trời

<sup>693</sup> **6:32** Đối với một số ngôn ngữ, cần phải nói: “Do đó họ (vào trong) <sup>GTK</sup> thuyền (của họ) (và) {ra khơi ⇔ rời bến} (để đi)...”

<sup>694</sup> **6:32 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sau khi so sánh các câu trong Mác 6:32, Lu-ca 9:10 và Giăng 6:1 người ta đề nghị rằng Chúa Giê-su và môn đệ đã đi đến một nơi vắng vẻ/yên tĩnh ở về phía đông bắc của bờ Hồ Ga-li-lê, không cách xa thành Bết-sai-đa mấy.

<sup>695</sup> **6:33** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC) **không** xác định rõ đàn chúng nhận thấy gì. Nó có thể hoặc là ai ở trong thuyền hay nơi họ đang đi đến. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác xác định rõ là “**họ**” và có một vài (và Văn Bản Đa Số) nói rõ là “**Ngài**”, (BCG ghi “nhiều người hiểu ý”), (BDY ghi “đoán biết chỗ Ngài định đi”).

<sup>696</sup> **6:33** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu đổi **thứ tự** của câu này và nói: “Do đó dân chúng từ tất cả các thành (chung quanh) chạy bộ (đến) chỗ đó...”

<sup>697</sup> **6:33** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có nhóm từ “**và đã tụ tập/trước Ngài**” ở đây. Tuy nhiên, đa số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) **không** có.

<sup>698</sup> **6:34** Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**động lòng thương xót**” trong Mác 1:41.

<sup>699</sup> **6:34** Khái niệm về loài **chiên** rất phổ thông và rất quan trọng trong Kinh Thánh, nên cố gắng dùng từ “chiên” ở đây (và những chỗ khác) trong bản dịch của bạn (không nên thay thế bằng một loài vật nào khác). Nếu **chiên** không được biết trong ngôn ngữ bạn, bạn có thể nói “(những con vật gọi là) chiên”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều đoạn Kinh Thánh trong Cựu Ước ví dân sự của Đức Chúa Trời như là “chiên” và Đức Chúa Trời là “người chăn” của họ. Ví dụ như trong Thi Thiên 23 và Ê-xê-chi-ên 34:11–16. Người chăn chiên là một người trông coi/chăm sóc đàn chiên. Người ấy chu cấp mọi nhu cầu của chiên, như dẫn chiên đến đồng cỏ xanh tươi và suối nước, và ngày và đêm bảo vệ chiên khỏi các loài thú dữ. Làm một người chăn là một công việc rất thông thường trong văn hoá của người Do Thái và được thường dùng trong Kinh Thánh để cho thấy Đức Chúa Trời luôn chăm sóc chúng ta như những con chiên như thế nào.

<sup>700</sup> **6:34** Không nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su đang dạy họ những môn học phổ thông như toán hay tập đọc.

<sup>701</sup> **6:35** Lúc đó có lẽ độ **3 giờ** chiều. Bạn có thể nói: “{Khoảng xế chiều ⇔ giữa buổi chiều} môn đệ (của Ngài/Chúa Giê-su)...”

<sup>702</sup> **6:35** Đối với một số ngôn ngữ cần bắt đầu câu nói trực tiếp ở đây một cách lễ phép, chẳng hạn như “**Thưa thầy**”.

(thì) đã xế chiều. **36** <sup>703</sup> (Có lẽ Thầy nên) <sup>NTT</sup> {bảo họ đi ⇔ giải tán dân chúng} để họ có thể đi vào các làng xóm chung quanh đây (và) mua gì để họ ăn, <sup>704</sup> [vì họ không có gì để ăn]./?” **37** Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời <(và) nói với họ>: “Các con cung cấp (thức ăn) cho họ ăn.” <Và>/Nhưng họ nói/hỏi Ngài: <sup>GTK705, CH706</sup> “{Sao (Thầy) nghĩ chúng con ⇔ Thầy không nghĩ là chúng con có thể} đi (và) dùng {200 <sup>707</sup> đơ-ni-ê ⇔ tám tháng lương} mua bánh mì/đồ ăn để cho họ ăn chứ?/! (Đó là việc không thể xảy ra!)” **38** Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su nói/hỏi {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: “Các con có bao nhiêu ổ bánh mì? Hãy đi (và) xem/tìm (trong vòng dân chúng).” <Và> sau khi (họ) tìm được, họ nói/trả lời (Ngài): “(Chúng con có ⇔ Có) năm ổ <sup>708</sup> (bánh mì) và hai con cá <sup>709</sup> (nướng/khô).” **39** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su bảo/chỉ dẫn <sup>710</sup> {họ ⇔ môn đệ (của Ngài)} <sup>NTT</sup> <<sup>711</sup> khiến> tất cả (dân chúng) ngồi xuống thành từng nhóm/hàng trên <sup>712</sup> cỏ xanh/non/mềm (ở đó). **40** Do đó họ/dân chúng ngồi xuống theo từng nhóm/hàng (một cách thứ tự), có những nhóm một trăm (người), có những nhóm năm chục (người). **41** <sup>713</sup> <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-

<sup>703</sup> **6:36** Yêu cầu của các môn đệ nên nghe cho được **lễ phép, không** phải đòi hỏi.

<sup>704</sup> **6:36** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có nhóm từ “**vì họ không có gì để ăn**”. Tuy nhiên, đa số các bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>705</sup> **6:37** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ môn đệ của Chúa Giê-su dùng **câu hỏi tu từ** nó hàm ý rằng họ cho ý kiến của Chúa Giê-su là điều không thể xảy ra (hoặc họ không có nhiều tiền, hay vì rất khó khăn để tìm được nhiều đồ ăn trong vùng đó, hay vì đã quá trễ để đi tìm được nhiều thức ăn trong lúc đó). Tuy nhiên, có một vài môn đệ của Chúa Giê-su thuận phục **hỏi**, nếu Chúa Giê-su có ý rằng Ngài muốn họ đi mua 200 đơ-ni-ê bánh mì. Theo cách chuyển ngữ đó bạn có thể nói: “Có phải Thầy muốn chúng tôi đi...?”

<sup>706</sup> **6:37** Về cách chuyển ngữ câu hỏi tu từ, hãy xem <sup>CH</sup> trong **Chú Giải Ký Hiệu** ở phía trước của sách này.

<sup>707</sup> **6:37** Một “**đơ-ni-ê**” là tiền công trung bình của một ngày làm việc. Một số người chuyển ngữ dùng giá trị của tiền bản xứ ở đây cũng như những chỗ khác trong khắp Tân Ước. Tuy nhiên, trước khi bạn làm như thế, bạn cần nên coi lại, vì làm như vậy bạn lấy đi tiền tệ trong ngữ cảnh của Kinh Thánh họ đã dùng. Và lại giá trị của đồng bạc địa phương thay đổi rất nhanh chóng và sẽ làm cho bản dịch không còn hợp thời trong một thời gian đôi ba năm. Do đó, có lẽ tốt hơn là nên chuyển ngữ theo cách đánh vần của “**đơ-ni-ê**” ở trong bản dịch và để lời chú thích dưới đây vào trong LỜI CHÚ THÍCH.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hai trăm đơ-ni-ê có giá trị bằng tám tháng lương.

<sup>708</sup> **6:38** Phải chắc chắn là bạn không đổi dữ kiện lịch sử của **bánh** và **cá** được nói đến ở đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bánh và cá là thức ăn chính của người Do Thái. Ổ bánh có hình tròn và đẹp giống như hình cái đĩa. Năm ổ bánh đủ một bữa ăn cho hai người.

<sup>709</sup> **6:38** Người Do Thái không ăn cá sống, nhưng cá được nấu chín, phơi khô, hay ướp muối hoặc dầm trong nước muối và giấm để dự trữ.

<sup>710</sup> **6:39** Bản Hy-lạp (và BDM, BDC, BCG) nói rõ là Chúa Giê-su sai các **môn đệ** bảo tất cả dân chúng ngồi xuống. Tuy nhiên, có một số bản dịch khác (và BDY) có các chữ: “...Chúa Giê-su **ra lệnh cho tất cả mọi người** ngồi xuống cò...” thay vào đó.

<sup>711</sup> **6:39** Hãy chuyển ngữ từ “**khiến** tất cả (dân chúng) **ngồi xuống**” **không nên** hàm ý dùng áp lực.

<sup>712</sup> **6:39** Trong bản dịch của bạn nên chọn loại “**cỏ**” mềm có thể ngồi lên trên được. Đối với một số ngôn ngữ, tốt nhất nên hàm ý “**trên cỏ xanh**”.

<sup>713</sup> **6:41 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ăn chung với nhau là biểu tượng của sự hợp nhất, như trong một gia đình. Đó là một bổn phận quan trọng của người cha Do Thái cảm ơn Đức Chúa Trời cho thức

su cầm năm ổ (bánh mì) và hai con cá (trong hai tay Ngài), ngược mắt nhìn lên trời (câu nguyện) (và) <sup>NTT, GTK714</sup>{chúc phước (cho chúng) ⇔ ngợi khen/cảm tạ (Đức Chúa Trời về chúng)}. <Rồi> Ngài bẻ các ổ (bánh mì) (ra thành nhiều miếng nhỏ) và <sup>715</sup>{trao ⇔ tiếp tục trao} (chúng ⇔ những miếng bánh mì đó) cho các môn đệ (của Ngài) để phân phát/trao cho {họ ⇔ dân chúng/các nhóm} (để cho họ ăn). Ngài cũng <sup>716</sup>bẻ hai con cá (và <sup>NTT</sup>sai các môn đệ phân phát những miếng cá đó) cho mọi người (để họ ăn). **42** <Và> <sup>717</sup>(Chúa Giê-su đã hoá bánh mì và cá ra thật nhiều <sup>718</sup>đến nỗi) mọi người đã ăn {và được no nê ⇔ cho đến khi no ⇔ bao nhiêu tùy ý muốn}. **43** {<Rồi>/Sau đó ⇔ Sau khi họ ăn xong,} <sup>GTK719</sup>{họ ⇔ môn đệ (của Ngài) ⇔ một số dân chúng} <sup>720</sup>thu lượm <sup>721</sup>những miếng (bánh mì) và (những miếng) cá còn thừa/dư <sup>722</sup>được mười hai giỏ đầy. **44** <Và> có năm ngàn người <sup>723</sup>đàn ông đã ăn <sup>724</sup>[bánh mì (và cá)].

ăn và phân phát nó, giống như Chúa Giê-su làm ở đây. Nhiều học giả Kinh Thánh cũng nghĩ việc Chúa Giê-su cho 5,000 người ăn như việc giới thiệu trước về buổi tiệc trọng đại sẽ xảy ra ở thiên đàng trong một ngày nào đó, như đã được nói đến trong Ê-sai 25:6-9, Ma-thi-ơ 8:11 và Mác 14:25.

- <sup>714</sup>**6:41** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**chúc phước**” hay “**ngợi khen**”, tùy thuộc vào ngữ cảnh (xem lời chú thích về điều này trong Mác 11:9). Mặc dù đa số các bản dịch có “chúc phước (chúng)” ở đây, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng, trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa là ngợi khen/cảm tạ (Đức Chúa Trời về chúng)”. Người Do Thái **không** xin Đức Chúa Trời chúc phước cho thức ăn mỗi khi ăn, thay vì họ **ngợi khen/cảm tạ** Ngài về thức ăn mà Ngài đã cung cấp cho họ. Hãy xem 1:2 về việc bạn phải làm gì khi có **các sự giải thích khác** của các học giả Kinh Thánh trong một đoạn Kinh Thánh.
- HÌNH ẢNH được đề nghị:** Chúa Giê-su chúc phước cho thức ăn như đã nói trong câu 41.
- <sup>715</sup>**6:41** Thì của động từ ở đây được dùng trong tiếng Hy-lạp có thể có nghĩa hoặc là “**bắt đầu trao**”, “**tiếp tục trao**” hay “**trao**”. Mỗi ý đều phù hợp với ngữ cảnh, nhưng hai ý đầu có vẻ phù hợp nhất, vì nó truyền thông việc Chúa Giê-su hoá bánh ra nhiều.
- <sup>716</sup>**6:41** Chúa Giê-su **không** phân phát cá trực tiếp đến dân chúng; môn đệ làm điều đó, như họ phát bánh mì.
- <sup>717</sup>**6:42** Cần phải nói rõ ràng rằng Chúa Giê-su vừa mới thực hiện một **phép lạ**. Một số bản dịch cần chuyển ngữ rõ ở đây hay ở trong câu 41 khi Ngài bẻ bánh mì và cá ra thành nhiều miếng nhỏ. Hay tốt nhất có lẽ nên để các thông tin này vào một **LỜI CHÚ THÍCH**. **Không nên** nghe giống như dân chúng ăn những miếng bánh mì vụn/nát và cá, và rồi phép lạ xảy ra, làm cho họ cảm thấy no.
- <sup>718</sup>**6:42** Bạn có thể nói: “...do đó) có đủ cho mọi người ăn {cho đến khi no nê ⇔ bao nhiêu tùy ý/nhu cầu}.”
- <sup>719</sup>**6:43** Đa số học giả Kinh Thánh cho rằng “**họ**” ở đây nói về **môn đệ của Chúa Giê-su**, như điều Giăng nói trong 6:12-13 (và xem trong Mác 8:19). Tuy nhiên, một số khác nghĩ nó mang ý nghĩa tổng quát hơn và kể cả những người khác nữa.
- <sup>720</sup>**6:43** Môn đệ của Chúa Giê-su lượm **đầy** các giỏ chứ không phải các giỏ đã đầy sẵn. Bạn có thể nói: “...và/rồi <sup>GTK</sup>họ thu lượm những miếng bánh mì và những miếng cá (còn thừa) (từ dân chúng), **đủ** chứa đầy mười hai giỏ.”
- <sup>721</sup>**6:43** Đây là những miếng bánh mì còn **thừa lại**, **không** phải những mảnh vụn.
- <sup>722</sup>**6:43** Loại giỏ được dùng ở đây sau khi Chúa Giê-su đã cho 5,000 người ăn; là một loại giỏ mang thực phẩm để ăn, hay để bán. Chúng ta **không** biết chính xác loại giỏ này bao lớn, có lẽ nó có hình dáng và kích thước khác nhau. Có lẽ nó cũng khá lớn, nhưng nhỏ hơn những giỏ được dùng sau khi đã cho 4,000 trong Mác 8:8.
- <sup>723</sup>**6:44 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ma-thi-ơ 14:21 cho chúng ta biết rằng có rất nhiều đàn bà và trẻ em cũng ăn, nhưng chỉ có những người đàn ông được đếm.

## 6:45–52 (Chúa) Giê-su Đi Trên {Nước ↔ Biển/Hồ Ga-li-lê}

*Ma-thi-ơ 14:22–33; Giăng 6:15–21*

45 <Và> ngay (sau đó ↔ sau khi ăn xong), Ngài/(Chúa) Giê-su<sup>NTT</sup> ra lệnh/bảo các môn đệ (của Ngài) trở (lại) vào<sup>725</sup> thuyền (của họ) và đi trước (Ngài) đến bờ<sup>GTK726</sup> bên kia (của<sup>GTK</sup> vịnh/hồ) về hướng (của thành)<sup>727</sup> Bết-sai-đa, trong khi Ngài<sup>NTT728</sup> {cho đám đông/dân chúng về nhà ↔ giải tán đám đông/dân chúng}. (Do đó họ ra về.) 46 <Rồi> sau khi Ngài/(Chúa) Giê-su<sup>NTT</sup> {chào từ già ↔ giải tán}<sup>GTK729</sup> {họ/mọi người ↔ đám đông/dân chúng}, Ngài {rời (chỗ đó) (và đi/trèo) ↔ đi/trèo} lên (ngọn/đỉnh) của một núi/đồi (gần đó) (một mình)<sup>730</sup> để/và cầu nguyện.

47 <Và> khi trời<sup>731</sup> tối<sup>732</sup> {chiếc thuyền (mà môn đệ của Ngài/Chúa Giê-su ở trong/đang chèo) ↔ môn đệ của (Chúa) Giê-su đang ở trong thuyền} giữa khơi của hồ, và Ngài/(Chúa) Giê-su (còn ở) một mình trên đất liền. 48 <Và> (Ngài/(Chúa) Giê-su) {thấy ↔ có thể thấy} (rằng) {họ ↔ môn đệ (của Ngài)} {đang vất vả chèo thuyền ↔ đang gặp

<sup>724</sup> 6:44 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có “ổ (bánh mì)” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản thảo (và BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có nhưng chỉ hàm ý. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>725</sup> 6:45 Trong bản Hy-lạp có lẽ chỉ về **chiếc thuyền** được nói trong các câu 32, (34).

<sup>726</sup> 6:45 Ý nghĩa của “**đi...đến bờ bên kia**” **không** rõ ở đây. Nó có thể bao gồm một khoảng cách ngắn vượt qua một vịnh trên hồ hay khoảng dài từ giữa bờ hồ bên này vượt qua bờ bên kia. Chúa Giê-su và môn đệ hẳn là đã đến bờ phía đông của hồ gần thành Bết-sai-đa (xem lời chú thích trong câu 32). Sự bối rối xuất hiện vì môn đệ của Chúa Giê-su đã đi về hướng thành Bết-sai-đa (câu 45) nhưng thay vào đó lại cập bến tại Ghê-nê-xa-rét nằm về phía tây (câu 53). Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ chỉ có **một Bết-sai-đa**, nằm trên bờ đông bắc của hồ (xem Mác 8:13, 22). Có thể Chúa Giê-su có ý định cho các môn đệ đón Ngài tại đó (sau khi vượt qua một cái vịnh) và từ đó tiếp tục đi Ghê-nê-xa-rét (xem câu 45), nhưng vì Chúa Giê-su đã gặp họ trên thuyền nên không cần phải dừng lại ở Bết-sai-đa. Hay cơn bão đã đẩy thuyền trôi về bên bờ phía tây của hồ. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh khác nghĩ có một Bết-sai-đa **khác** nằm trên bờ phía tây của hồ (hay gần) đồng bằng Ghê-nê-xa-rét. Vì không có bằng chứng để xác nhận có Bết-sai-đa thứ hai, có lẽ tốt nhất là nên thừa nhận chỉ có một. Theo quan điểm này, có lẽ tốt nhất nên hàm ý “đến bờ bên kia” như BDM, BDY), để nó không nghe giống như Bết-sai-đa là một nơi rất xa.

<sup>727</sup> 6:45 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bết-sai-đa là một làng đánh cá nằm trên bờ đông bắc của Hồ Ga-li-lê.

<sup>728</sup> 6:45 Hãy chuyển ngữ từ “**cho đám đông dân chúng về nhà**” không nên hàm ý rằng Chúa Giê-su thô lỗ và cố gắng đuổi dân chúng đi về. Nếu đó là một nan đề, bạn có thể thêm LỜI CHÚ THÍCH dưới đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đây là một phong tục cho một thầy giáo giải tán thính giả của mình khi xong việc dạy dỗ.

<sup>729</sup> 6:46 Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**họ**” ở đây nói “**đám đông/dân chúng**”. Tuy nhiên, có một vài học giả nghĩ nó chỉ về “**các môn đệ**”. Đây có thể nói đến **cả hai**.

<sup>730</sup> 6:46 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**cầu nguyện**” trong Mác 1:35.

<sup>731</sup> 6:47 Có lẽ lúc đó đã sau 6 giờ tối. Thời gian nói đến ở đây nên **trễ** hơn là thời gian được dùng trong câu 35.

<sup>732</sup> 6:47 **Không** nên nghe giống như thuyền không người.



khó khăn để chèo} (chiếc thuyền) vì {có một cơn gió (dữ dội/mạnh) (thổi) (ngược lại) họ ⇔ họ đang đi ngược với chiều gió thổi (mạnh/dữ dội)}.

<sup>733</sup> <[Và]> {khoảng chừng <sup>734</sup> canh tư ⇔ giữa 3 và 6 giờ sáng ⇔ trước khi trời sáng}, Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>735</sup> (từ trên núi/đồi đi xuống và) {đi bộ đến với họ ⇔ đi bộ về hướng các môn đệ (của Ngài)} trên <sup>736</sup> (mặt) hồ/nước. <Và> Ngài {muốn/có ý ⇔ sắp sửa} <sup>737</sup> đi vượt qua {họ ⇔ môn đệ (của Ngài)}, **49** nhưng <sup>738</sup> khi họ thấy Ngài/(Chúa) Giê-su đang đi bộ trên (mặt) hồ/nước, họ {tưởng: <sup>NGT</sup> “Đó là một <sup>739</sup> bóng ma!” ⇔ nghĩ rằng Ngài là ma.} Do đó họ la lên, **50** vì tất cả mọi người thấy Ngài và khiếp sợ. Nhưng ngay lập tức Ngài <sup>NGT</sup> nói với họ: “{Hãy can đảm! ⇔ Hãy bình tĩnh!} <sup>740</sup> Ta đây. Đừng sợ!” **51** <Rồi> Ngài bước lên thuyền với họ và gió ngừng (thổi). <Và> {họ ⇔ các môn đệ (Chúa) Giê-su} <sup>NTT741</sup> {vô cùng kinh ngạc ⇔ hoàn toàn kinh ngạc},/. **52** <sup>742</sup> (Họ không hiểu thế nào (Chúa) Giê-su có thể làm được điều đó, ⇔ Họ không hiểu thế nào (Chúa) Giê-su có thể đi bộ trên mặt nước hay khiến cho gió yên lặng,) vì họ không hiểu (thế nào Chúa Giê-su/Ngài đã hoá ra nhiều ⇔ điều đó có nghĩa gì khi Chúa Giê-su/Ngài hoá ra nhiều) ở

<sup>733</sup> **6:48** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**Và**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có. Hãy chuyển ngữ thế nào tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>734</sup> **6:48 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người La-mã chia ban đêm ra làm bốn canh, mỗi canh 3 tiếng đồng hồ. Người Do Thái chia ban đêm ra làm ba canh, mỗi canh bốn tiếng đồng hồ. Cho cả người La-mã và người Do Thái canh thứ nhất của ban đêm bắt đầu lúc 6 giờ tối.

<sup>735</sup> **6:48** Đối với một số ngôn ngữ cần bao gồm dữ kiện Chúa Giê-su **đi xuống** từ núi/đồi. Chỉ khi nào cần thiết mới nên nói rõ những chi tiết này.

<sup>736</sup> **6:48** Chúa Giê-su đi trên **mặt** nước giống như chúng ta đi trên đất liền. Phải chắc chắn **không** hàm ý rằng Chúa Giê-su đang lội trong nước hay đang đi trong một chiếc thuyền khác hay Ngài đi trên không, chân không đụng nước. Nước Hồ Ga-li-lê thì rất sâu.

<sup>737</sup> **6:48 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đi trên mặt nước và Ngài đi ngang qua các sứ đồ của Ngài giống như trường hợp Đức Chúa Trời đi ngang qua Môi-se trong Xuất Ê-díp-tô Ký 33:19, 22; 34:6 và Ngài đi ngang qua Ê-li trong 1 Các Vua 19:11.

<sup>738</sup> **6:49** Vì mệnh đề này chứa đựng **thông tin mới**, nó có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “...nhưng họ thấy...(và) nghĩ...”

<sup>739</sup> **6:49** Một **bóng ma** có thể là hồn của người chết hay một loại thần linh nào khác mà các môn đệ của Chúa Giê-su sợ bị nó làm hại. Một số ngôn ngữ có tên rõ ràng chẳng hạn như “**hà bá**”, tên này rất phù hợp với ngữ cảnh ở đây.

<sup>740</sup> **6:50 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp cũng có thể có nghĩa “Ta đây” hay “Đấng Tự-Hữu Hằng-Hữu” là Danh của Đức Chúa Trời bằng tiếng Hy-bá (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14). Có lẽ điều mà Chúa Giê-su muốn môn đệ hiểu ở đây là Ngài là Đức Chúa Trời (xem câu hỏi của họ trong 4:41).

<sup>741</sup> **6:51** Coi lại cách bạn chuyển ngữ “kinh ngạc” trong Phúc Âm Mác. Xem Mác 2:12, 5:42, 6:51. So sánh cách bạn chuyển ngữ những từ tương tự trong Mác 10:24, 11:18, 15:5).

<sup>742</sup> **6:52** Hay bạn có thể nói: “**Vì** họ không hiểu (thế nào Chúa Giê-su đã hoá ra nhiều ⇔ ý nghĩa khi Ngài hoá ra nhiều) ở (bánh mì) (trước đó), (**họ** cũng không hiểu thế nào Chúa Giê-su có thể đi trên mặt nước), thay vì/[vì]...”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những bằng chứng Chúa Giê-su đã hoá bánh mì cho rất nhiều người ăn và Ngài đã đi bộ trên mặt nước và khiến gió im lặng cho thấy Ngài là Con của Đức Chúa Trời, nhưng môn đệ vẫn không hiểu được điều đó.

(bánh mì) (trước đây), <sup>743</sup>[vì] <sup>744</sup>{lòng/trí của họ cứng cỏi/khép kín ⇔ họ cứng cổ ⇔ họ từ chối không muốn hiểu ⇔ họ không thể hiểu}.

### 6:53–56 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Nhiều Người Bệnh

*Ma-thi-ơ 14:34–36*

**53** <Rồi> <sup>745</sup> sau khi (Chúa Giê-su và môn đệ của Ngài) đã vượt qua (Biển/Hồ Ga-li-lê), họ {đến bờ ⇔ cập bến} ở <sup>GTK746</sup>(nơi gọi là) Ghê-nê-xa-rét và/ở đó họ <sup>GTK747</sup>{neo (thuyền) ⇔ cập bến}. **54** <Và> ngay sau khi họ ra khỏi thuyền, (họ ⇔ một vài người) nhận ra Ngài/(Chúa) Giê-su. **55** (Do đó) <sup>748</sup>{họ ⇔ dân chúng} chạy ngược xuôi khắp cả vùng đó <sup>NTT</sup>(loan tin Chúa Giê-su đến ⇔ báo cho mọi người rằng Chúa Giê-su đã đến) <sup>749</sup>và/do đó họ/dân chúng bắt đầu khiêng/đem/dẫn những người <sup>750</sup>{có (bệnh) nặng ⇔ đang bị đau/bệnh} trên những <sup>751</sup>chiếc chiếu/cáng (đến) (để cho Ngài có thể chữa lành họ). **56** <Và> cứ bất nơi nào Ngài/(Chúa) Giê-su đến, dù thành phố làng mạc hay thôn quê, {họ ⇔ dân chúng} đều đem những người bệnh đến những nơi {công cộng ⇔ dân chúng tụ tập} và xin/yêu cầu Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>(để cho) {họ ⇔ những người bệnh} sờ đến (Ngài dù) chỉ (sờ đến) <sup>GTK752</sup>tua/viên của áo choàng/quần áo của Ngài (nhờ đó họ

<sup>743</sup> **6:52** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có “**thay vì**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có từ “**vì**” thay vào đó.

<sup>744</sup> **6:52** Xem cách bạn đã chuyển ngữ một **thành ngữ** tương tự trong Mác 3:5.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thái độ của môn đệ Chúa Giê-su gần giống như thái độ của kẻ thù Chúa Giê-su Mác 3:5.

<sup>745</sup> **6:53** Vì mệnh đề này chứa đựng **thông tin mới**, có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “<Rồi> (Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài) vượt qua (Hồ Ga-li-lê) (và) đến/lên bờ tại...”

<sup>746</sup> **6:53 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su bảo các môn đệ đợi Ngài tại thành Bết-sai-đa nằm ở phía đông bắc của Hồ Ga-li-lê (câu 45). Chương trình của họ có lẽ là cứ tiếp tục đi từ Bết-sai-đa về phía tây của hồ sau khi Chúa Giê-su gia nhập với họ. Hay cơn bão có lẽ đẩy họ lạc hướng nên họ quyết định dừng lại ở bờ phía tây. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ Ghê-nê-xa-rét ở đây chỉ về đồng bằng màu mỡ (khoảng chừng 5 cây số chiều dài và 5 cây số chiều ngang) nằm bên cạnh Hồ Ga-li-lê giữa thành Ma-ga-dan và Ca-bê-na-um (xem bản đồ).

<sup>747</sup> **6:53** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa hoặc là “**buộc**” hay “**neo**” như BDY. Bạn có thể dùng từ “cập bến” như BDM, “ghé vào” như BDC, BCG). Mỗi ý đều rất phù hợp với ngữ cảnh.

<sup>748</sup> **6:55** Phải chắc chắn “**họ**” ở đây chỉ về những người đã nhận biết Chúa Giê-su trong câu 54, **không phải** các môn đệ của Chúa Giê-su.

<sup>749</sup> **6:55** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “{**Bất cứ nơi nào** họ/dân chúng nghe <sup>NTT</sup>ràng ⇔ Bất cứ khi nào dân chúng <sup>NTT</sup>khám phá ra} Ngài/Chúa Giê-su ở đâu, họ bắt đầu khiêng/đem/dẫn những người {có bệnh nặng ⇔ bị đau đớn/bệnh} (đến với Ngài) trên những cái chiếu/cáng (để Ngài chữa lành cho).”

<sup>750</sup> **6:55** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**bệnh nặng**” trong Mác 1:32, 34; 2:17.

<sup>751</sup> **6:55** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**chiếu/cáng**” trong Mác 2:4.

<sup>752</sup> **6:56** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể hoặc nói đến “**viên**” áo choàng của Chúa Giê-su (như BDM, BDC, BDY) hay một trong những cái “**tua**” mà những người Do Thái sùng đạo quàng bên ngoài áo choàng của họ như (BCG). Cả hai đều rất phù hợp với ngữ cảnh. **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:**

sẽ được lành bệnh). <Và> mọi người hể ai đụng đến <sup>GTK753</sup>{Ngài/(Chúa) Giê-su/nó ⇔ quần áo của Ngài ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su hay quần áo của Ngài} {thì <sup>754</sup>được cứu ⇔ được chữa lành (khỏi bệnh) ⇔ trở nên khoẻ mạnh}.

### 7:1–13 Các Truyền Thống/Luật Lệ của Các Trưởng Lão Do Thái/Tổ Tiên Làm Cho Dân Chúng Không Vâng Theo Các Điều Răn Của Đức Chúa Trời

*Ma-thi-ơ 15:1–9*

**7** **1** {<Và> (một ngày kia) ⇔ <Rồi>} (một số) người <sup>755</sup>Pha-ri-si và một số các chuyên gia Kinh Luật <sup>756</sup>(là những người) đã <sup>757</sup>đến từ (thành) Giê-ru-sa-lem tụ tập quanh Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>758</sup>(để nghe Ngài). **2** {<Và> ⇔ Trong khi họ ở đó,} họ đã thấy/nhận ra rằng một số môn đệ của (Chúa) Giê-su đang ăn <sup>GTK759</sup>bánh mì với đôi bàn tay <sup>760</sup>không tinh sạch, {có nghĩa là ⇔ nói một cách khác}, (họ ăn) <sup>761</sup>{mà không rửa tay

---

Người đàn ông Do Thái mang tua màu xanh ở bốn góc ở tròn áo của họ để bày tỏ rằng họ đang hầu việc Đức Chúa Trời và để nhắc họ vâng theo các mệnh lệnh của Ngài. Đức Chúa Trời dạy họ mang những tua này trong Dân Số-ký 15:37–41 và Phục-truyền Luật-lệ Ký 22:12.

<sup>753</sup>**6:56** Đại danh từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ nó chỉ về Chúa Giê-su. Tuy nhiên, có nhiều người nghĩ nó chỉ về áo của Ngài.

<sup>754</sup>**6:56 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bệnh tật là dấu hiệu/kết quả của tội lỗi. Khi Chúa Giê-su cứu người ta khỏi bệnh tật của thân thể (đó là, chữa lành cho họ), nó là biểu tượng cho sứ mạng trọng đại của Ngài là cứu nhân loại khỏi hình phạt đời đời vì tội lỗi của họ (những căn bệnh thuộc linh của họ). Xem lời chú thích về từ “cứu chuộc” trong Mác 5:34.

<sup>755</sup>**7:1** Xem cách bạn chuyển ngữ “Pha-ri-si” và “các chuyên gia Kinh Luật” trong Mác 2:16.

<sup>756</sup>**7:1** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “(những người) đã đến từ Giê-ru-sa-lem” chỉ về cả hai, các người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó chỉ nói đến các chuyên gia Kinh Luật.

<sup>757</sup>**7:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các chuyên gia Kinh Luật và các người Pha-ri-si này có lẽ là một nhóm khác được sai đến bởi những người lãnh đạo của họ để điều tra những điều Chúa Giê-su nói và làm (giống như trong Mác 3:22).

<sup>758</sup>**7:1** Khi chuyển ngữ “tụ tập chung quanh” không nên hàm ý rằng những người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật có ý định tấn công Chúa Giê-su. Hãy nhớ **chỉ** nói rõ những **thông tin hàm ý** trong bản dịch của bạn khi nào **văn phạm** của ngôn ngữ bạn đòi hỏi, hay để cho người đọc **không** hiểu sai/khác hay không hiểu được ý nghĩa.

<sup>759</sup>**7:2** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**ăn bánh mì**” là một thành ngữ nói đến việc ăn **thức ăn** một cách tổng quát; bánh mì là món ăn chính, nhưng không phải là món ăn duy nhất (xem cách bạn chuyển ngữ thành ngữ này trong Mác 3:20).

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các môn đệ của Chúa Giê-su có lẽ đã ăn một ít bánh mì còn thừa sau khi Chúa Giê-su/Ngài cho hơn 5,000 người ăn (Mác 6:43–44).

<sup>760</sup>**7:2** “**hai tay không tinh sạch**” là những bàn tay không “rửa” theo nghi lễ hay không thể chấp nhận. Đây **không** nói đến những bàn tay dơ bẩn vì bụi đất hay những cử chỉ xấu.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người Do Thái tin rằng nếu một người đụng một vật gì đó “ô uế/không tinh sạch”, thì hai tay của họ trở nên “không tinh sạch”. Nếu sau đó họ đụng vào thức ăn, thức ăn trở nên “không tinh sạch”. Nếu họ ăn thức ăn không “tinh sạch”, thì cả con người của họ trở nên “không tinh sạch”. Bởi vậy cho nên những người Do Thái có truyền thống rửa tay của họ trước

(trước khi ăn) ⇔ mà không theo tục lệ (rửa tay trước)}. **3** <sup>762</sup><Vì> {các người Pha-ri-si và tất cả những người Do Thái (khác) ⇔ Tất cả những người Do Thái, đặc biệt là những người Pha-ri-si,} chỉ ăn sau khi họ rửa tay (của họ) (một cách cẩn thận) <sup>GTK763</sup>{rửa (tới) cổ/khuỷu tay ⇔ (với) một bụm (nước) ⇔ theo đúng cách ⇔ theo một cách đặc biệt}. (Họ làm như thế để) giữ/tuân theo <sup>764</sup>các truyền thống/luật lệ (truyền lại cho họ) từ các trưởng lão/tổ tiên (của họ). **4** <Và> <sup>GTK765</sup>(khi họ/những người Do Thái từ chợ về nhà), họ {không ăn trừ phi ⇔ chỉ ăn sau khi} họ <sup>GTK766</sup>{thanh tẩy/[rảy] nước (chúng) ⇔ rửa (chúng) theo nghi thức ⇔ rửa (chúng) đúng cách} (trước). <Và> có nhiều (truyền thống/luật lệ) khác mà họ đã học để giữ/vâng theo, (chẳng hạn như) {thanh tẩy ⇔ rửa theo nghi thức như thế nào ⇔ rửa đúng cách} các chén, <và> (rửa) bình, {các ấm ⇔ các nồi nấu ăn} (bằng đồng/sắt/đất) <sup>767</sup>[và các trường kỷ (ăn)] (để chúng khỏi bị ô uế khi họ dùng đến). **5** <Rồi>/Do đó những người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su: <sup>GTK768</sup>“{Tại sao các môn đệ của Thầy không ⇔ Các môn đệ của Thầy nên} {ăn ở/sống theo ⇔ giữ/vâng theo} những truyền thống/luật lệ (đã truyền lại

---

mỗi bữa ăn xối/đổ nước (trên hai tay) <sup>GTK</sup>{rửa tới cổ, khuỷu tay ⇔ theo một cách đặc biệt} để tẩy sạch sự “ô uế/không tinh sạch”.

- 761** **7:2** Những người Pha-ri-si giận dữ vì các môn đệ của Chúa Giê-su đã **không** rửa tay của họ **đúng cách, không phải** vì họ không thực sự rửa tay.
- 762** **7:3** Các câu 3–4 là **lời tuyên bố thêm vào** của ông Mác để giải thích **phong tục** của việc rửa tay. Bạn có thể để tin tức này trong dấu ngoặc đơn để làm cho rõ ràng. Vì các câu 3–4 cung cấp tin tức về **bối cảnh** cho tiểu phân đoạn này, đối với một số ngôn ngữ đây là việc cần thiết để đặt các câu 3–4 trước câu 1.
- 763** **7:3** Ý nghĩa của từ được dùng ở đây trong đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) **không** được biết chắc. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là rửa “bàn tay/khuỷu tay” hay “(với) **một bụm (nước) đầy**”. Tuy nhiên, nhiều bản thảo Hy-lạp chính có “**một cách thường xuyên**” thay vào đó. Dù bằng cách nào, điểm chính là có một cách **chắc chắn/đặc biệt** cho người Do Thái làm theo khi rửa tay của họ (trước khi ăn).
- 764** **7:3 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những “truyền thống” này phát xuất bằng những lời truyền khẩu/không văn tự, những luật lệ được đặt ra để thi hành trong đời sống hằng ngày. Chúng bắt nguồn từ (và thêm vào) Luật Pháp của Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên qua Môi-se. Trong khoảng 200 S.C. chúng được viết ra thành sách và được gọi là Mishnah.
- 765** **7:4** Trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý ở đây. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ câu này mang ý nghĩa những gì nói ở đoạn trên. Cũng có cả một vài bản thảo Hy-lạp chính có các từ “khi họ về (nhà)”. Tuy nhiên, một vài học giả Kinh Thánh (và BCG) nghĩ nó có nghĩa “<Và> họ không ăn (**bất cứ vật gì/thức ăn**) ở chợ trừ phi/trước khi nó (trước tiên) được báp-tem/[xối nước].”
- 766** **7:4** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có từ “**báp-tem**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản và BCG có từ “**rảy nước**” thay vào đó. BDM dùng “**nhúng**”, BDC dùng “**rửa**”. Từ “**Báp-tem**” trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là nhúng, xối, rảy nước.  
**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái có phong tục/truyền thống này vì ở chợ va chạm/đụng người khác, đặc biệt là những người ngoại quốc, họ không “tinh sạch/ô uế”.
- 767** **7:4** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDY) có các từ “**và các trường kỷ (ăn)**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và BDM, BDC, BCG) **không có**.
- 768** **7:5** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ đây là một câu hỏi cần có câu trả lời. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ đây là **câu hỏi tu từ** câu hỏi có thể hiểu hoặc là một lời tố cáo: “Các môn đệ của thầy phạm...” hay một mệnh lệnh: “Các môn đệ của thầy nên ngừng phạm...”

cho chúng ta) từ những trưởng lão/tổ tiên (của chúng ta), mà lại ăn bánh mì/thức ăn với hai (bàn) tay <sup>769</sup>{không tinh sạch ⇔ rửa không đúng cách}?!” **6** <Rôi> Ngài/(Chúa) Giê-su {trả lời ⇔ nói với} họ: “(Tiên tri) Ê-sai thật đúng (khi ông ấy) nói tiên tri/sứ điệp của Đức Chúa Trời (từ xưa) về các ông <sup>770</sup>{những kẻ đạo đức giả ⇔ những người hầu việc Đức Chúa Trời giả mạo} <sup>771</sup>{như đã chép từ xưa ⇔ và đã chép/nói}: <sup>772</sup>{Dân/Nước này ⇔ Những người này ⇔ Những người giống thế này} {tôn vinh/ngợi khen <sup>773</sup>Ta/Đức Chúa Trời bằng môi miệng/lời nói (của họ) ⇔ nói/tự cho là họ kính trọng/vâng lời Ta/Đức Chúa Trời}, nhưng <sup>774</sup>{tấm lòng/tâm trí của họ thì thật xa Ta/Ngài ⇔ họ không (sống) theo điều họ nói ⇔ họ không muốn vâng lời/hầu việc Ta/Đức Chúa Trời ⇔ họ không yêu mến Ta}. **7** <Và> {họ thờ phượng/tôn vinh Ta/Đức Chúa Trời một cách vô ích ⇔ sự thờ phượng của họ không có ý nghĩa đối với Ta/Đức Chúa Trời ⇔ sự thờ phượng Ta/Đức Chúa Trời của họ thì trống không/không có giá trị}, vì <sup>775</sup>họ dạy (đàn chúng) những luật lệ con người đặt ra (giống như những luật lệ đó ⇔ và gọi chúng) là những giáo lý/luật lệ (của Ta/Ngài)’ ” (I-sa 29:13)

**8** <sup>776</sup>(<Rôi> Chúa Giê-su nói/tiếp tục:) “(Trong một cách đó, ⇔ Các người thật giống như thế,) các người {bỏ ⇔ từ chối ⇔ không vâng theo} (các) điều răn/luật pháp của Đức Chúa Trời (và/nhưng) giữ/vâng theo các truyền thống/luật lệ do con người đặt ra.”

**9** <sup>777</sup><Rôi Ngài/(Chúa) Giê-su nói với họ:> “Các ông (có một) (thói quen) <sup>778</sup>{tốt ⇔ sáng

<sup>769</sup> **7:5** Xem cách bạn chuyển ngữ từ “**không tinh sạch**” trong câu 2.

<sup>770</sup> **7:6** **Đạo đức giả** là một người giả vờ, đóng vai người khác. Thí dụ, người đó hành động giống như ông ta tin một điều gì đó, nhưng thực sự không tin. Người đó cố gắng làm cho người khác nghĩ ông là một người tốt, nhưng thực ra ông là một kẻ ác. Ông ấy có thể khuyên người khác một điều gì đó, nhưng rồi chính ông ta làm ngược lại. Trong Tân Ước đạo đức giả thường là những người **công nhận** mình là con cái Đức Chúa Trời nhưng thực ra họ không phải, vì họ bỏ qua hay từ chối ý chỉ của Ngài. Một số ngôn ngữ có thành ngữ cho “đạo đức giả”, chẳng hạn như “hai lòng” hay “hai mặt”, “chỉ tốt ở bề ngoài”.

<sup>771</sup> **7:6** **Đừng** hàm ý rằng tiên tri Ê-sai sống trong thời Chúa Giê-su còn ở thế gian.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tiên tri Ê-sai chết gần bảy trăm năm trước khi Chúa Giê-su ra đời.

<sup>772</sup> **7:6** Mặc dù từ “**Dân này**” nói về nước Y-sơ-ra-ên trong sách Ê-sai, Chúa Giê-su có ý nói về các nhà lãnh đạo Do Thái ở đây.

<sup>773</sup> **7:6** Cần nên làm cho rõ ràng rằng từ “**Ta**” ở đây chỉ về Đức Chúa Trời, **không phải** Ê-sai. Tiên tri Ê-sai ghi lại Lời của Đức Chúa Trời.

<sup>774</sup> **7:6** Người Do Thái coi **tấm lòng** là trung tâm suy nghĩ; cảm xúc và ý chí của con người, tức là trung tâm bản tính của con người. Có thể cần thiết để dùng một sự thay thế thích hợp với văn hoá trong bản dịch của bạn. Thí dụ, đối với một số ngôn ngữ “gan”, “dạ dày”, “ruột” hay “đầu” được coi như có cùng một nhiệm vụ như “tấm lòng” ở đây. Xem **Danh Sách Từ Ngữ** ở trong phần cuối của sách này về sự định nghĩa của một “sự thay thế thích hợp với văn hoá” và những từ ngữ khác.

<sup>775</sup> **7:7** Bạn có thể nói: “...họ **thay thế** những giáo lý/luật lệ (của Ta/Ngài) với những luật lệ của con người.”

<sup>776</sup> **7:8** Chúa Giê-su còn đương nói với những người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật ở đây, nhưng cần nên nói rõ ràng rằng Ngài **không còn dẫn chúng** trong Cựu Ước nữa.

<sup>777</sup> **7:9** Nếu bạn dùng những từ tương tự ở đầu câu số 8, bạn **không** cần lặp lại các từ “Rôi Ngài/Chúa Giê-su nói với họ” ở đây.

suốt ⇔ khùng khiếp ⇔ xấu} là {bỏ qua một bên ⇔ từ khước ⇔ không vâng theo} những <sup>779</sup>điều răn/Luật Pháp của Đức Chúa Trời/Ngài để <sup>780</sup>giữ/vâng theo/[thiết lập] truyền thống/luật lệ của các ông! **10** Vì (thí dụ), (tiên tri) Môi-se đã nói/viết (rằng Đức Chúa Trời ra lệnh cho mọi người): <sup>NGT781</sup>‘Hãy hiếu kính {cha <của người> và mẹ ⇔ cha mẹ} của người,’ (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:12, Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:16) và ‘Ai {nói điều ác về/chống lại ⇔ chửi rủa} {cha hay mẹ ⇔ cha mẹ} (của người ấy) nên/phải {bị kết án/giết ⇔ chắc chắn chết}.’ (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:17, Lê-vi Ký 20:9) **11** Nhưng các ông nói: {‘Nếu một người nói cha hay mẹ (của người ấy): <sup>NGT782</sup>“Điều gì cha mẹ <sup>TVST</sup>(đáng) nhận (được) từ con <sup>783</sup>(thì) ‘Co-ban’ (rồi).” Một người thưa với cha mẹ rằng những gì mình có để phụng dưỡng cha mẹ thì đã kể là ‘Co-ban’ rồi.} <sup>784</sup>Co-ban (theo tiếng Hê-bê-rơ) có nghĩa là {‘(nó đã được) (dâng cho Đức Chúa Trời)}. ⇔ người ấy đã hứa dâng cho Đức Chúa Trời. <Rồi>} (do đó người ấy không thể dùng chúng cho những việc gì khác ⇔ do đó người ấy không thể báo hiếu cha mẹ),/. **12** (<rồi> ⇔ Sau đó người ấy nói/làm như vậy,) các ông <sup>785</sup>không còn cho/đòi hỏi người ấy làm bất cứ việc gì (khác) {cho ⇔ để giúp} {cha hay mẹ ⇔ cha mẹ} (của người ấy). **13** (Trong cách đó) khi các ông đi theo những <sup>786</sup>truyền thống/luật lệ mà các ông {truyền xuống ⇔ dạy} (những người khác),

<sup>778</sup> **7:9** Cần nên làm cho rõ ràng là Chúa Giê-su đang nói một cách **mĩa mai** ở đây, có nghĩa là, ý của Ngài ngược lại với những gì Ngài nói. Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ sẽ được rõ hơn nếu dùng một câu hỏi **tu từ** và nói: “Các người nghĩ rằng mình cao trọng/khôn ngoan/đúng về việc bỏ qua một bên...?”

<sup>779</sup> **7:9** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ các từ “**điều răn/Luật Pháp**” trong câu 8.

<sup>780</sup> **7:9** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**giữ**” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có từ “**thiết lập**” thay vào đó.

<sup>781</sup> **7:10** “**Hãy hiếu kính** cha mẹ (các người)” là một điều răn cho con cái của mọi lứa tuổi, kể cả những người trưởng thành có cha mẹ còn sống. “Hãy hiếu kính cha mẹ người” đặc biệt kể cả **làm** những việc bày tỏ rằng các người kính trọng họ.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái cho rằng điều răn này là một trong các điều răn quan trọng nhất từ Đức Chúa Trời.

<sup>782</sup> **7:11** Hay bạn có thể nói: “Điều gì tôi <sup>TVST</sup>có thể/sẽ **cho** (cha mẹ)...”

<sup>783</sup> **7:11** Hay bạn có thể nói: “...**Tôi** đã {**cho** ⇔ hứa dâng} nó cho Đức Chúa Trời, (và do đó không thể dùng nó cho bất cứ điều gì khác ⇔ và do đó **tôi** không thể dâng nó cho **cha mẹ**).” Có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>784</sup> **7:11** Phần còn lại của câu 11 thì **không phải** lời nói của Chúa Giê-su, nhưng là **lời tuyên bố thêm vào** của ông Mác để giải thích ý nghĩa của từ “**Co-ban**”. Bạn có thể để tin tức này vào trong dấu ngoặc để làm cho rõ ràng. Đối với một số ngôn ngữ **không** thể làm gián đoạn lời Chúa Giê-su nói ở đây do đó những tin tức này có thể để ngay sau câu 12 hay câu 13.

<sup>785</sup> **7:12** Bạn có thể nói: “...Các ông không để cho người ấy hoàn thành **trách nhiệm** giúp đỡ cha và mẹ (của người ấy).”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phong tục/truyền thống này được căn cứ trong Dân Số Ký 30:1–2 đòi hỏi dân chúng giữ lời hứa của họ. Nhưng phong tục này giữ một điều luật này lại phá bỏ một điều luật khác và bỏ qua mục đích của cả hai điều luật có lợi ích cho con người. Đức Chúa Trời muốn con cái hiếu kính cha mẹ, kể cả việc giúp đỡ tài chánh khi họ cần (xem Châm Ngôn 28:24 và 1 Thi-mô-thê 5:4).

<sup>786</sup> **7:13** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ các người Pha-ri-si nghĩ rằng điều Chúa Giê-su nói ở đây giống như một người Sa-đu-sê, vì các người Sa-đu-sê cũng từ chối những phong tục/truyền thống của

(các ông) hủy bỏ/không vâng theo Lời/Luật Pháp của Đức Chúa Trời. <Và> các ông làm nhiều việc (khác) giống như thế!”

7:14–23 {Điều Làm Ô Uế Một Người ⇔  
(Chúa) Giê-su Dạy Về Điều Làm Ô Uế Một Người}

*Ma-thi-ơ 15:10–20*

**14** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup> gọi đám đông/dân chúng lại (và) nói với họ: “{Mọi người hãy (cẩn thận) nghe Ta ⇔ Hãy chú tâm}, {và ⇔ để các con} hiểu/học (điều này ⇔ điều Ta sắp sửa bảo các con). **15** <sup>787</sup> Không có gì <sup>788</sup> {từ bên ngoài vào trong <sup>789</sup> người ⇔ một người ăn hay uống} lại có thể làm cho con người ra ô ւế được; nhưng những gì <sup>790</sup> {từ trong (tấm lòng/tâm trí) của một người ⇔ người ấy nói và làm} {mới làm cho người ô ւế ⇔ làm cho người ấy đầy tội lỗi}. **16** <sup>GTK791</sup> [{Nếu ai có tai hãy nghe, ⇔ Nếu ai muốn hiểu (Ta đang nói về điều gì), người ấy ⇔ Mọi người} nên nghe (Ta) (một cách cẩn thận)!”

**17** Sau đó, <sup>792</sup> sau khi Ngài/(Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) {đi vào một căn nhà cách xa dân chúng ⇔ rời đám đông và đi vào trong/nhà}, các môn đệ (của Ngài) hỏi Ngài <sup>NTT</sup> về (ý nghĩa của) ngụ ngôn/ẩn dụ/bài học (về điều gì làm <sup>793</sup> ô ւế người ta).

**18** <Và> Ngài {nói với họ ⇔ trả lời}: “<sup>CH</sup> Ngay cả các con cũng không hiểu sao? ⇔ (Như thế) các con giống như mọi người khác và cũng không hiểu (Ta) nữa?/! (Ta thất vọng!) <sup>CH</sup> Các con không hiểu sao? {Không có gì từ ngoài vào bên trong một <sup>794</sup> người ⇔ Không có vật gì một người ăn hay uống} có thể {làm ô ւế người ấy ⇔ làm cho người ấy đầy tội

---

các trưởng lão. Tuy nhiên, những người Sa-đu-sê không tin rằng Đức Chúa Trời sẽ làm cho những người chết sống lại (Ma-thi-ơ 22:23).

<sup>787</sup> **7:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật có vô số những luật lệ và truyền thống về việc ăn uống, thức ăn (xem câu 5) và điều gì làm ô ւế (đầy tội lỗi) một người. Điều Chúa Giê-su dạy ở đây ngược lại sự dạy dỗ của họ và Ngài nói điều gì làm một người ô ւế theo cách nhìn/quan niệm của Đức Chúa Trời.

<sup>788</sup> **7:15** Phải chắc chắn khi chuyển ngữ nhóm từ này **không** đề cập đến các vấn đề như thờ, chích ngừa, cũng như truyền máu. Đây chỉ nói đến những gì một người **ăn hay uống**.

<sup>789</sup> **7:15** Cần nên nói rõ ràng ở đây rằng Chúa Giê-su **không** nói riêng đến một cá nhân nào, nhưng Ngài nói chung cho mọi người. Để cho rõ bạn có thể nói “**chúng ta/người ta/các ông**”. Hãy nhất quán trong sự chọn lựa của bạn trong suốt câu 15.

<sup>790</sup> **7:15** Phải chắc chắn rằng khi chuyển ngữ nhóm từ này **không** nói đến việc đi vào cầu tiêu, ói mửa hay hỉ mũi. Đây nói đến những gì một người **nói và làm**.

<sup>791</sup> **7:16** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG) có **câu 16** (xem cách bạn chuyển ngữ câu như thế trong Mác 4:23). Tuy nhiên, nhiều (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BDY) **không có** câu này.

<sup>792</sup> **7:17** Vì mệnh đề này chứa đựng **thông tin mới**, có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “Sau đó, Ngài/Chúa Giê-su (và môn đệ của Ngài) đi vào trong/nhà cách xa dân chúng (và) môn đệ (của Ngài) hỏi Ngài...”

<sup>793</sup> **7:17** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**ô ւế**” trong câu 15.

<sup>794</sup> **7:18** Phải chắc chắn rằng suốt trong các câu 18–23 những gì Chúa Giê-su dạy áp dụng cho **tất cả mọi người, không phải** chỉ riêng cho một người nào. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ câu 15.

lỗi}, **19** vì nó/đồ ăn không vào trong <sup>795</sup>lòng/tâm trí, nhưng (nó vào) trong bụng của người đó (và) rồi <nó đi> ra <sup>796</sup>{vào trong nhà cầu ⇔ khỏi người}?/!” <sup>GTK797</sup>(Chúa Giê-su muốn nói/tuyên bố rằng) {tất cả đồ ăn là sạch ⇔ tất cả đồ ăn đều có thể ăn được ⇔ bãi bỏ sự cách biệt giữa đồ ăn sạch và không sạch}.

**20** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su {nói (với các môn đệ của Ngài) ⇔ tiếp tục}: “Những điều <sup>798</sup>ra {từ (tấm lòng/tâm trí của) một người ⇔ bên trong của một người} mới {làm một người ô ứ ⇔ làm cho người ấy đầy tội lỗi} (đối với cái nhìn/ý niệm của Đức Chúa Trời), **21** vì {từ <sup>799</sup>trong tấm lòng/tâm trí của con người, ra/bắt đầu ⇔ tấm lòng/tâm trí của con người là nguồn của} <sup>GTK800</sup>{những ác tưởng, ⇔ những ác tưởng (làm họ)} <sup>801</sup>gian dâm, trộm cắp, giết người, **22** <sup>802</sup>ngoại tình, tham lam, độc ác, {lừa dối ⇔ không thành

<sup>795</sup> **7:19** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “lòng/tâm trí” trong câu 6, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>796</sup> **7:19** Hãy chuyển ngữ các từ “vào trong nhà cầu” thế nào để người đọc **không** bị ngượng.

<sup>797</sup> **7:19** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ câu này là **lời tuyên bố thêm vào** của ông **Mác**. Tuy nhiên, một vài người nghĩ nó là lời Chúa Giê-su tiếp tục theo câu trước và có nghĩa là “làm cho sạch tất cả đồ ăn”, đây nói đến diễn tiến kết quả của việc tiêu hoá.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời ban cho dân sự của Ngài nhiều luật lệ về thức ăn, đặc biệt là thức ăn nào làm ô ứ (đầy tội lỗi) một người (Lê-vi Ký 11, Phục-truyền Luật-lệ Ký 14:1–21). Vì những người ngoại quốc không làm theo các luật lệ đó, người Do Thái và Ngoại quốc không thể giao thiệp với nhau. Người Do Thái sợ bị trở nên “không tinh sạch” bởi đụng đến người ngoại quốc hay đồ ăn của họ. Điều Chúa Giê-su nói trong các câu 15, 18–19 chuẩn bị cho người Do Thái và Ngoại quốc có sự giao thiệp với nhau, điều đó sẽ mở đường cho việc rao giảng Lời Đức Chúa Trời cho người ngoại quốc (xem Công Vụ 11:1–18). Đã phải tốn một thời gian để cho hội thánh giải quyết vấn đề này (xem Ga-la-ti 2:11–16, Rô-ma 14:13–23, 1 Cô-rinh-tô 8, Cô-lô-se 2:20–23). Một điều đáng để ý là Chúa Giê-su tố cáo các nhà lãnh đạo Do Thái về việc bỏ qua các luật pháp của Đức Chúa Trời (các câu 6–13), nhưng chính Ngài huỷ bỏ các luật của Đức Chúa Trời về việc thức ăn (các câu 14–19). Sự khác nhau là Chúa Giê-su có thẩm quyền của Đức Chúa Trời.

<sup>798</sup> **7:20** Xem cách bạn chuyển ngữ một mệnh đề **tương tự** trong câu 15.

<sup>799</sup> **7:21** Đối với một số ngôn ngữ **không** thể chuyển từ số ít (“**một người**”) trong câu 20 sang số nhiều (“**người ta**”) ở đây, và rồi trở lại số ít (“**một người**”) trong câu 23. Bạn phải lựa chọn dùng số nhiều hay số ít cho suốt cả câu.

<sup>800</sup> **7:21** Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDY) nghĩ rằng “**những ác tưởng**” là điều **dẫn** người ta đến những hành động ác được ghi theo sau. Tuy nhiên, nhiều người khác (và BDM, BDC, BCG) nghĩ “**những ác tưởng**” **trước nhất** ở trong danh sách của các việc đến từ tấm lòng của con người. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần dùng động từ trong danh sách này, thay vì dùng các danh từ. Bạn cũng có thể cần những liên từ như “và” trong danh sách này. Thí dụ, bạn có thể nói: “... vì chính họ là những người <sup>GTK</sup>{**nghĩ** ác, (điều đó làm cho họ)} phạm tội gian dâm, **trộm cắp** (đồ vật) (của người khác), **giết** (người), phạm tội ngoại tình, {tham lam ⇔ thêm muốn (đồ vật) (mà người khác có)}, làm điều độc ác/hiểm độc (với người khác), {**lừa dối**/gian lận (với người khác) ⇔ không thành thật}, sống {phóng dăng ⇔ bừa bãi về tình dục một cách công khai}, ganh ghét, phỉ báng (những người khác), kiêu ngạo và **ngông cuồng** (chối bỏ ý chỉ của Đức Chúa Trời).”

<sup>801</sup> **7:21** Từ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có một ý nghĩa **tổng quát** và kể cả những tội gian dâm.

<sup>802</sup> **7:22** Hãy chuyển ngữ từ “**ngoại tình**” bằng một cách nào đó không làm cho người đọc ngượng. Đối với người Do Thái, **ngoại tình** xảy ra khi một người đàn ông (độc thân hay có vợ) có liên hệ tình dục với vợ của một người đàn ông khác; nếu một người đàn ông có liên hệ tình dục với một người nữ độc thân được kể là gian dâm, không phải là ngoại tình, ngay cả khi người đàn ông đã có vợ. Trong nhiều văn hoá (và trong nhiều bản dịch) ngoại tình cũng bao gồm tội tà dâm giữa một người đàn ông có vợ và



thật,} <sup>803</sup>{phóng dăng ⇔ không đứng đắn ⇔ bừa bãi về tình dục một cách công khai}, <sup>804</sup>{con mắt độc ác ⇔ ganh ghét}, <sup>GTK<sup>805</sup></sup>phỉ báng (người khác) ⇔ nói xấu về (người khác)}, kiêu căng (và) ngông cuồng. **23** Tất cả mọi {điều ⇔ bản chất và hành động} {ra từ bên trong (từ tấm lòng/tâm trí của một người) ⇔ là kết quả của tấm lòng/tâm trí độc ác của một người} và <sup>806</sup>{làm cho con người ô uế ⇔ làm cho người ấy đầy tội lỗi ⇔ làm cho người ấy không thể chấp nhận được đối với Đức Chúa Trời}.”

### 7:24–30 **Đức Tin Lớn/Mạnh Mẽ Của Một Người Đàn Bà Ngoại Quốc**

*Ma-thi-ơ 15:21–28*

**24** <Rời> Ngài/(Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) {đứng dậy ⇔ rời} khỏi <sup>807</sup>chỗ đó (và) đi đến vùng/gân/chung quanh (thành/[các thành]) Ty-ro <sup>808</sup>[và Si-đôn]. <Và>/Tại đó Ngài đi {vào ⇔ (để ở) trong} nhà (của một người),/. (và) Ngài không muốn một ai biết (Ngài ở đó), nhưng không thể {giữ để khỏi bị chú ý ⇔ giữ để người ta khỏi tìm ra},/. **25** <sup>809</sup>{Thay vì, ngay lập tức ⇔ Thực ra, ngay lập tức ⇔ [vì]} một người đàn bà (ở đó) (có) một đứa con gái nhỏ {bị ám bởi ⇔ điều khiển bởi} một <sup>810</sup>uế/tà linh <sup>NTT</sup>nghe {về Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ rằng (Chúa) Giê-su ở đó}. {Bà ta ⇔ Người đàn bà} đến (và) <sup>811</sup>{té/quỳ xuống ⇔ cúi xuống sát đất} dưới chân Chúa (Giê-su) (để bày tỏ sự kính trọng).

---

một người nữ độc thân. Chúa Giê-su mở rộng ý nghĩa của từ “ngoại tình” kể cả những tội như thế trong Mác 10:11. Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) để “ngoại tình” ở đầu câu 22. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDY) để trong câu 21.

<sup>803</sup> **7:22 “phóng dăng”** là cử chỉ tự do về tình dục. Nhiều ngôn ngữ có một **thành ngữ** cho cử chỉ này, chẳng hạn như “sống buông thả”.

<sup>804</sup> **7:22 “con mắt độc ác”** là một thành ngữ có nghĩa là “ganh ghét”. Nó không có nghĩa là người đó dùng bừa chú để hại người khác.

<sup>805</sup> **7:22** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**phỉ báng**” ở đây nói đến việc vu khống cho **người khác**, vì tất cả những tội liệt kê trong câu 21–22 là chống đối người khác. Một số ngôn ngữ có một **thành ngữ** cho ý này, chẳng hạn như “bêu xấu người khác”. Tuy nhiên, có thể có lẽ là Chúa Giê-su nói đến việc phỉ báng Đức Chúa Trời (ý nghĩa của từ “phỉ báng” trong Cựu Ước), hay vu khống Đức Chúa Trời hay người khác, do đó tốt nhất là nên chuyển ngữ một cách tổng quát nếu có thể được.

<sup>806</sup> **7:23** Coi lại cách bạn chuyển ngữ “**ô uế**” trong sách Mác. Xem Mác 7:2, 5, 15, (17), 18, 20, 23, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Mác 7:2.

<sup>807</sup> **7:24 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong bản Hy-lạp không cho biết Chúa Giê-su rời/đi từ nơi nào (hãy so sánh các câu 6:53, 56 và 7:17). Có thể là từ thành Ghê-nê-sa-rét hay Ca-bê-na-um.

<sup>808</sup> **7:24** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BDY) có “**và Si-đôn**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) **không có** các từ này.

<sup>809</sup> **7:25** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) có từ “{**Thay vào đó** ⇔ **Thực ra/Thật vậy**}, **ngay lập tức/vừa nghe**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDC) có từ “**Vì**” thay vào đó. (BDY không có cả hai).

<sup>810</sup> **7:25** Xem cách bạn chuyển ngữ từ “**uế linh**” trong Mác 6:7.

<sup>811</sup> **7:25** Xem cách bạn chuyển ngữ “**té xuống**” trong Mác 5:33.

26 <sup>812</sup><Và> <sup>813</sup>{người đàn bà ⇔ bà ta} là một người <sup>814</sup>{Hy-lạp ⇔ Ngoại Quốc ⇔ không phải gốc Do Thái ⇔ thuộc sắc dân Sy-ri} gọi là <sup>815</sup>Phê-ni-xi. <Và> bà yêu cầu/xin Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>đuổi/trừ {quỷ ⇔ uế/tà linh} ra khỏi con gái của bà. 27 Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời bà (bằng một câu châm ngôn): “Trước nhất {hãy cho con cái ăn/no đủ ⇔ hãy để Ta hầu việc dân sự của Ta}, vì {ấy là việc không tốt/đúng để lấy <sup>816</sup>bánh mì/thức ăn/phước hạnh <sup>817</sup>của con cái/dân sự (của Ta) và liêng/ban nó cho gia súc/chó (ăn). ⇔ nếu Ta giúp con, một người ngoại quốc, thì chẳng khác gì một người cha lấy bánh mì/thức ăn của con cái mình và cho gia súc/chó của ông ta ăn. Điều đó sẽ không tốt/đúng.}” 28 <sup>818</sup>(Người đàn bà hiểu Chúa Giê-su ví rằng những người Ngoại Quốc như những con chó và người Do Thái là những con cái/con người,) do đó bà phản ứng/trả lời <và nói với Ngài>: “<sup>819</sup>{Thưa Thầy, Thầy nói đúng ⇔ Thưa <sup>820</sup>[Thầy/Chủ/Ngài, vâng]}

<sup>812</sup> 7:26 Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu **đòi** câu này lại ngay trước câu 25 để **giới thiệu** về người đàn bà này được nói đến lần đầu tiên ở đó.

<sup>813</sup> 7:26 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo truyền thống/truyền khẩu của hội thánh, tên của người đàn bà này là Giu-ta và tên con gái của bà ta là Bê-ní.

<sup>814</sup> 7:26 Điều quan trọng ở đây là người đàn bà này là một người ngoại quốc, có nghĩa là, bà ta **không phải** là một người Do Thái. Trên thế giới thời bấy giờ có nhiều nhóm sắc tộc, kể cả nhóm sắc tộc của người đàn bà này, đã học ngôn ngữ và phong tục của Hy-lạp. Đó là lý do tại sao người Do Thái dùng từ ngữ “**một người Hy-lạp**” để nói đến bất cứ một người ngoại quốc nào. Không nên chuyển ngữ nghe giống như người đàn bà này đến từ nước Hy-lạp và cũng không nên chuyển ngữ nghe giống như Sy-rô-phô-ni-cia là một bộ lạc Hy-lạp.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cũng ở tại vùng này, hàng trăm năm trước, tiên tri Ê-li làm phép lạ cho một quả phụ người ngoại quốc (1 Các Vua 17:7-24).

<sup>815</sup> 7:26 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khoảng 600 T.C. Phê-ni-xi là một quốc gia tự trị, nhưng sau đó bị chinh phục bởi người Ba-by-lôn. Sau khi bị chinh phục nhiều lần bởi những quốc gia khác, người La-mã chiếm quốc gia này và biến nó trở thành một phần của tỉnh Sy-ri. Ty-rô và Si-đôn là thành phố vĩ đại nhất trong tỉnh Phê-ni-xi và là những thành phố có hải cảng quan trọng trên bờ biển Địa Trung Hải (xem lời chú thích ở Mác 3:8).

<sup>816</sup> 7:27 **Không nên chuyển ngữ** nghe giống như trẻ con/dân chúng mua bánh mì/phước hạnh này. Bạn có thể nói: “bánh mì/thức ăn/phước hạnh đó {đã được **ban cho rồi** ⇔ đã được **chuẩn bị**} cho con cái/dân sự (Ta)”.

<sup>817</sup> 7:27 **Không nên chuyển ngữ** nghe giống như Chúa Giê-su có con riêng của Ngài.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái tưởng rằng họ tốt hơn người ngoại quốc và lắm khi người Do Thái gọi người ngoại quốc là những con chó hoang/rừng. Bằng cách so sánh người Do Thái là những “con cái” và người ngoại quốc là những “gia súc/chó nhà” Chúa Giê-su làm nhẹ đi sự sỉ nhục này. Thực ra, có lẽ Ngài đang cười hay đổi giọng nói của Ngài để đảo ngược ý nghĩa của sự sỉ nhục này. Mục đích của Ngài/Chúa Giê-su là thử đức tin của người đàn bà, không phải sỉ nhục bà.

<sup>818</sup> 7:28 Cần nên làm cho rõ ràng rằng Chúa Giê-su **không** nói về “**con cái**” và “**chó**” thật trong câu 27.

<sup>819</sup> 7:28 Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp *kurios* có nghĩa đen là “**Chủ**” hay “người có trọn quyền kiểm soát”. Nó được dùng để **xung hô** với một người một cách **rất kính trọng**. Trong tiếng Hy-lạp có thể dùng để xung hô với Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su, thiên sứ, hay với con người. Một số ngôn ngữ có từ tương tự (chẳng hạn như “**Ngài**”) nó có thể dùng để xung hô cho tất cả ở trên. Tuy nhiên, có nhiều ngôn ngữ cần phải dùng sự xung hô khác nhau cho từng tước vị. Điều này có thể gây khó khăn cho việc chuyển ngữ, vì khi người ta gọi Chúa Giê-su là “*kurios*”, nhưng nó **không** luôn luôn cho thấy rõ là liệu họ có nhận thức rằng Ngài cao trọng hơn một con người bình thường (có nghĩa là, **Chúa** của họ) hay họ chỉ kính cẩn xung hô với Ngài như một người (thí dụ, “**Thưa Thầy**”). Tuy nhiên, người Do Thái **không** mong đợi Đấng Cứu Thế/Mê-si là Đức Chúa Trời (đó là lý do chẳng có ai có thể trả lời

(nhưng) ngay cả <gia súc> những con chó dưới bàn (được phép) ăn <sup>821</sup>{những bánh mì vụn của con cái ⇔ bánh mì vụn/thừa/bỏ từ thức ăn của con cái} <sup>GTK822</sup>(mà nó đã rơi khỏi bàn ⇔ mà gia chủ cho chúng). <sup>823</sup>(Xin hãy giúp đỡ tôi một chút thôi!)” **29** <Rôi> Ngài/(Chúa) Giê-su nói với bà ta: “<sup>824</sup>{Căn cứ theo lời nói/sự trả lời (của đức tin) như thế ⇔ Vì điều bà nói ⇔ Vì bà có đức tin (nơi Ta) như thế}, (bà có thể) đi/trở về (nhà) (trong sự bình an ⇔ vui mừng). Quý/Tà linh đã {ra khỏi ⇔ lìa} {con gái bà ⇔ con của bà}.”

**30** Do đó {bà ⇔ người đàn bà} đi về nhà (và) <sup>825</sup>tìm thấy/nhận ra <sup>826</sup>đứa bé/con gái (của bà) đang nằm trên giường (khoẻ mạnh/tỉnh táo) và {quỷ ⇔ tà linh} đã {rời ⇔ đi khỏi} nó.

### 7:31–37 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Một Người Đàn Ông <sup>GTK827</sup>Điếc Và Ngọng

**31** <Rôi> Ngài/(Chúa) Giê-su lại (tiếp tục di chuyển) (với các môn đồ của Ngài) (và) rời khỏi vùng của/chung quanh <sup>828</sup>(thành) Ty-rơ (và) đi <xuyên qua> (thành) Si-đôn <sup>TD829</sup>(và) <sup>GTK830</sup><qua> tỉnh <sup>831</sup>{Đê-ca-bô-lơ ⇔ Mười Thành} (trở lại) Biển/Hồ Ga-li-lê.

---

Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 22:41–46), do đó ngay cả đến môn đệ của Chúa Giê-su cũng **không** biết Ngài là Đức Chúa Trời cho đến sau khi Chúa Giê-su sống lại (Giăng 20:28). Cho nên đối với những ngôn ngữ có cách xưng hô riêng cho Đức Chúa Trời, có lẽ tốt nhất là **không** dùng nó để xưng hô với **Chúa** Giê-su cho đến sau khi Ngài sống lại từ cõi chết. Đối với một số ngôn ngữ có lẽ cần thiết để nói rõ là Chúa **của ai**, và nói là “Chúa của tôi”.

<sup>820</sup> **7:28** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có từ “**Thưa vàng**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không có** (BDM, BDC, BCG, có các từ “Lạy Chúa/Thưa Ngài”. Từ ngữ này cho thấy người đàn bà đồng ý với điều Chúa Giê-su vừa nói. Đối với một số ngôn ngữ cùng một ý nghĩa được truyền thông bằng cách nói: “**Không**, Thưa Chúa/Ngài, (điều đó không thể nào tốt/đúng,) (nhưng)...”

<sup>821</sup> **7:28** Đây **không phải** là những bánh mì vụn dành riêng cho trẻ em ăn, nhưng là bánh mì vụn từ trong thức ăn của họ.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người đàn bà bày tỏ đức tin của bà rằng chỉ cần một chút quyền năng của Ngài để chữa lành con gái của bà ta. Bà đồng ý rằng đóng vai một người ngoại quốc bà không có ân huệ/quyền giống như người Do Thái, nhưng vì “ăn bánh mì vụn” sẽ không làm gián đoạn/ảnh hưởng đến “bữa ăn của con cái”, bà nghĩ Chúa Giê-su nên chữa lành cho con gái của bà.

<sup>822</sup> **7:28** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ bánh mì vụn đến từ đâu. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ nó rơi từ trên bàn. Tuy nhiên, một số khác nghĩ người chủ **cho** bánh mì cho chó. Nếu có thể, tốt nhất nên hàm ý những tin tức này.

<sup>823</sup> **7:28** Nên làm cho rõ ràng rằng người đàn bà vẫn còn đang xin Chúa Giê-su **giúp** bà.

<sup>824</sup> **7:29 Không chuyển ngữ** nghe giống như Chúa Giê-su mắng người đàn bà. Ngài **khen** bà về điều bà vừa mới nói, vì điều đó cho thấy bà có đức tin lớn trong Ngài.

<sup>825</sup> **7:30** Hãy chuyển ngữ từ “**tìm thấy**” **không** nên hàm ý rằng con gái của bà đã bị lạc mất.

<sup>826</sup> **7:30** Xem cách bạn chuyển ngữ từ ngữ tương tự “**đứa bé**” trong Mác 5:39.

<sup>827</sup> (Tiểu Đê) Xem lời chú thích về “**ngọng**” trong câu 32.

<sup>828</sup> **7:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Si-đôn cách thành Ty-rơ độ 40 cây số về hướng bắc.

<sup>829</sup> **7:31 Thứ tự** thực sự trong bản Hy-lạp là “...đến Biển Ga-li-lê <sup>GTK</sup>xuyên qua tỉnh Đê-ca-bô-lơ.”

<sup>830</sup> **7:31** Nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “{**xuyên qua ⇔ bằng đường của**} tỉnh Đê-ca-bô-lơ” và Biển Ga-li-lê là nơi Chúa Giê-su đến. Tuy nhiên, một vài người khác nghĩ rằng nó có nghĩa là “{**trong giữa ⇔ ở trong**} tỉnh Đê-ca-bô-lơ”, ngay cả xuyên qua Biển Ga-li-lê **không phải** giữa của tỉnh Đê-ca-bô-lơ. Một vài học giả

**32** <Và>/Tại đó {họ ⇔ một số người} mang/đem đến cho Ngài/(Chúa) Giê-su một <sup>832</sup> người đàn ông (bị) điếc và <sup>GTK833</sup> {ngọng nói rất khó khăn ⇔ câm}, và xin/yêu cầu Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>834</sup> {đặt tay (của Ngài) trên ⇔ đụng đến} anh ta (để chữa lành cho anh ta). **33** Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su dẫn {anh ta ⇔ người đàn ông} ra khỏi đám đông {ra riêng ⇔ để ở một mình (với anh ta)}. (Rồi) Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>835</sup> {đặt (đầu) ngón tay của Ngài vào ⇔ đụng đến} lỗ tai <sup>836</sup> của người ấy/đàn ông, rồi Ngài/(Chúa) Giê-su nhỏ (nước miếng) <sup>GTK837</sup> (trên những ngón tay của Ngài) (và) và đụng đến lưỡi {của ông ấy ⇔ của người đàn ông}. **34** {<Rồi> ⇔ Sau đó} Ngài/(Chúa) Giê-su nhìn lên <sup>838</sup> trời (và) <sup>GTK839</sup> thở dài/than (trong lời cầu nguyện), rồi Ngài bảo {anh ta ⇔ người đàn ông}: <sup>840</sup> “É-pha-ta!” (tiếng A-ram/Hy-bá) nó có nghĩa là: “Hãy mở ra!” **35** <Và> lập tức <sup>841</sup> {hai tai của người ấy được mở ra ⇔ người đàn ông có thể nghe được} và {<sự cứng của> lưỡi anh ấy được tự do/chữa lành ⇔ anh ta có thể cử động lưỡi một cách dễ dàng}, <và>/do đó anh ta (bắt đầu

---

Kinh Thánh khác nữa nghĩ nó có nghĩa là “vào trong giữa của tỉnh Ê-ca-bô-lô” và giữa Ê-ca-bô-lô là nơi đến của Chúa Giê-su, không phải là Biển Ga-li-lê.

<sup>831</sup> **7:31** Xem cách bạn chuyển ngữ “**tỉnh Ê-ca-bô-lô**” trong Mác 5:20, và xem lời chú thích ở đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tỉnh Ê-ca-bô-lô ở về phía đông và đông nam của Hồ Ga-li-lê. Chúa Giê-su đã đến đó lần trước trong Mác 5:1–20.

<sup>832</sup> **7:32 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người đàn ông này có lẽ là một người ngoại quốc.

<sup>833</sup> **7:32** Từ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có thể có nghĩa hoặc là “**ngọng**” (như BDM, BDC, BDY, BCG) hay “**câm**”. Mỗi ý đều rất phù hợp với ngữ cảnh và được dùng trong nhiều bản dịch. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ nó trong tiểu đề.

<sup>834</sup> **7:32** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đặt tay...trên**” trong Mác 5:23.

<sup>835</sup> **7:33** Có lẽ Chúa Giê-su chỉ **đặt** một hay hai ngón tay của Ngài bên ngoài hai lỗ tai của người đàn ông. Không nên chuyển ngữ nghe giống như Ngài đưa tất cả các ngón tay của Ngài vào tận bên trong lỗ tai của anh ta, hay Ngài để các ngón tay của Ngài trong hai lỗ tai của người đàn ông.

<sup>836</sup> **7:33** Cần nên nói rõ ràng rằng Chúa Giê-su đặt đầu ngón tay của Ngài trên hai tai của người đàn ông, **không** phải trên lỗ tai của Ngài.

<sup>837</sup> **7:33** Trong nguyên bản Hy-lạp **không** nói nơi Chúa Giê-su nhỏ nước miếng. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ Ngài nhỏ nước miếng lên ngón tay của Ngài rồi đụng trên lưỡi của người đàn ông (như được hàm ý ở trong BDM, BDC, BDY, BCG). Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh khác nghĩ rằng Ngài nhỏ trên **đất** và không dùng nước miếng. Rất ít người nghĩ Ngài nhỏ ngay trên lưỡi của người đàn ông.

<sup>838</sup> **7:34** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**trời**” trong Mác 6:41.

<sup>839</sup> **7:34** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su **thở dài/than** để bày tỏ sự **thông cảm** với người đàn ông. Những học giả khác nghĩ đây là sự bày tỏ quyền năng. Tuy nhiên, Chúa Giê-su thở dài/than trong khi Ngài ngước mắt lên trời, do đó, nó có vẻ như là Chúa cầu nguyện với cảm xúc (xem Mác 6:41).

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thở dài/Than còn có liên hệ đến việc cầu nguyện trong Xuất Ê-díp-tô Ký 2:23–24; 6:5 và Rô-ma 8:26.

<sup>840</sup> **7:34** **Không nên chuyển ngữ** nghe giống như Chúa Giê-su làm bùa phép ở đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su nói bằng tiếng A-ram hay tiếng Hê-bơ-rơ ở đây. “É-Pha-ta” được tìm thấy trong cả hai thứ tiếng và Chúa Giê-su biết cả hai thứ tiếng. Ngài không dùng bùa chú.

<sup>841</sup> **7:35** Trong ngữ cảnh này “**hai tai...được mở ra**” là một thành ngữ, có nghĩa là “có thể nghe”. Nó **không** có nghĩa là lỗ tai của người đàn ông trước đó bị đóng lại, bị che hay bít bởi một vật gì đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi Chúa Giê-su chữa lành cho người đàn ông này và những người khác, Ngài làm ứng nghiệm lời tiên tri của Đức Chúa Trời trong Ê-sai 29:18–19, 35:5–6.

⇔ có thể) nói rõ ràng/rành mạch. **36** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>842</sup>ra lệnh/căn dặn {họ ⇔ dân chúng ở đó} <sup>NTT</sup>không được nói với ai (về việc đó ⇔ rằng Ngài đã chữa lành cho người đàn ông), nhưng Ngài <sup>843</sup>càng ra lệnh/căn dặn họ (không được nói), thì họ càng háng hái/hón hờ rao truyền/loan tin/nói (những tin đó) (cho nhiều người khác). **37** <Và> {họ ⇔ mọi người} hoàn toàn <sup>844</sup>{sửng sốt ⇔ ngạc nhiên} (về điều Ngài/(Chúa) Giê-su đã làm ⇔ về những phép lạ Ngài/(Chúa) Giê-su thực hiện) (và) nói/thốt lên (với nhau): “(Ồ/Kinh ngạc thật!) <sup>845</sup>{Ngài/(Chúa) Giê-su đã làm mọi việc một cách tuyệt diệu/tuyệt vời! ⇔ Mọi việc (Ngài/(Chúa) Giê-su làm) Ngài làm một cách tuyệt diệu/tuyệt vời! ⇔ Mọi việc Ngài/(Chúa) Giê-su làm thì tốt lành/xuất sắc!} Ngay cả việc Ngài {làm cho người điếc nghe được và [người] câm nói được ⇔ chữa lành cho người câm do đó họ có thể nói được}!”

### 8:1–10 (Chúa) Giê-su Cung Cấp Đồ Ăn Một Cách Lạ Lùng Cho <sup>846</sup>4,000 Người Ăn

*Ma-thi-ơ 15:32–39*

**8** **1** {Trong khoảng thời gian đó ⇔ Một ngày kia}, một lần nữa có một đám đông (vì (Chúa) Giê-su) và họ đã {không có gì ⇔ hết đồ ăn} để ăn. (Do đó) Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>gọi các môn đệ <sup>847</sup>[của Ngài] (lại) (và) nói với họ: **2** “Ta <sup>848</sup>chạnh lòng thương xót {đoàn dân này ⇔ những người này}, bởi vì <sup>849</sup>{(đến) lúc này họ đã ở ⇔ sau khi đã ở} (đây) với Ta ba ngày <và> {họ không (còn) gì để ăn ⇔ thức ăn của họ đã hết}. **3** <Và> nếu Ta cho họ về <sup>NTT</sup>nhà của họ {với bụng đói ⇔ trước khi cho họ ăn}, họ sẽ/có thể bị ngất xỉu {ở dọc đường ⇔ trước khi họ về đến nhà} (vì yếu ⇔ vì thiếu đồ ăn), {và ⇔ đặc biệt là} có một số người {đã từ xa đến ⇔ phải đi rất xa ⇔ ở rất xa}.” **4** <Rồi> môn đệ (của Ngài) {trả lời <Ngài> ⇔ hỏi Ngài}: <sup>CH850</sup>“*Ồ đây> trong vùng/nơi xa xôi/hoang*

<sup>842</sup> 7:36 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “ra lệnh/căn dặn” trong Mác 5:43.

<sup>843</sup> 7:36 Đối với một số ngôn ngữ **không** có thể nói “...càng nhiều...càng nhiều...” Trong trường hợp như thế bạn có thể nói: “...mặc dù Ngài ra lệnh/căn dặn **rất nhiều lần** (không được nói...), nhưng họ cứ rao truyền/loan tin/nói (những tin tức đó) (cho những người khác) một cách **thật là** háng hái/hón hờ.”

<sup>844</sup> 7:37 Xem cách bạn chuyển ngữ “sửng sốt” trong Mác 1:22 và 6:2.

<sup>845</sup> 7:37 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc làm của Chúa Giê-su được mô tả ở đây y như cách Đức Chúa Trời đã làm trong Sáng Thế Ký 1:31.

<sup>846</sup> (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vì Chúa Giê-su đã cung cấp đồ ăn cho 4,000 người ăn trong một vùng mà hầu hết dân chúng sống ở đó là những người ngoại quốc, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng 4,000 (hay hầu hết những người đó) có lẽ là người ngoại quốc.

<sup>847</sup> 8:1 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**của Ngài**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>848</sup> 8:2 Xem cách bạn chuyển ngữ “chạnh lòng thương xót” trong Mác 1:41 và 6:34.

<sup>849</sup> 8:2 Cần phải nói rõ ràng rằng Chúa Giê-su thương xót dân chúng vì họ không còn thức ăn, **không** phải vì họ đã ở với Ngài trong ba ngày.

<sup>850</sup> 8:4 Nếu không thể dùng một **câu hỏi tu từ** ở đây được, bạn có thể nói: “Chẳng có cách nào {ai ⇔ (kể cả) chúng ta.} có thể (tìm đủ) bánh mì/thức ăn ở nơi hoang vắng (này) đủ cho nhiều (người) như thế này!” Hay bạn có thể nói: “Thực là **vô phương cách** để một ai/chúng ta (tìm...”

vắng (này) làm sao {ai ⇔ chúng ta} có thể (tìm đủ) bánh (mì)/đồ ăn cho {(tất cả) những người ⇔ vô số} (người này)?/!” 5 <Rôi>/Do đó (Ngài/Chúa Giê-su) hỏi họ: “<sup>851</sup>Các con có bao nhiêu ổ (bánh mì)?” <Rôi> <sup>852</sup>họ trả lời <sup>853</sup>(Ngài): <sup>854</sup>“Bảy (ổ bánh mì).”

6 <Rôi>/Ngài (Chúa) Giê-su (quay sang đám đông và) ra lệnh/bảo {đám đông ⇔ họ} <sup>NTT</sup>ngồi xuống trên đất. {<Rôi> ⇔ Trong khi họ làm điều đó, ⇔ Sau đó,} (Ngài) cầm bảy ổ bánh (mì) (trong tay Ngài), <sup>NTT</sup>cầm tạ (Đức Chúa Trời), (và) bẻ (bánh mì ra từng miếng nhỏ). <Rôi> Ngài trao (bánh mì ⇔ những miếng bánh mì) cho các môn đệ (của Ngài) <để phân phát/ban cho> và họ phân phát (chúng ⇔ những miếng bánh mì) cho đám đông/dân chúng (để ăn). 7 <sup>855</sup>{Họ ⇔ Môn đệ của (Chúa) Giê-su} cũng có một vài con cá <sup>856</sup>(nướng/khô) nhỏ. Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT, GTK857</sup>{chúc phước ⇔ tạ ơn Đức Chúa Trời về} <sup>858</sup>[chúng ⇔ những con cá] (và) {nói <sup>NTT</sup>(rằng) họ cũng (nên) phân phát/ban cá ⇔ bảo (môn đệ của Ngài) <sup>NTT</sup>cũng phân phát/ban cá} (cho dân chúng). 8 <Và> <sup>859</sup>họ/mọi người đã ăn {và được no ⇔ đầy đủ như họ muốn}. {<Rôi> ⇔ Sau đó ⇔ Sau khi họ đã ăn xong,} <sup>GTK860</sup>{họ ⇔ các môn đệ của (Chúa) Giê-su ⇔ một số người} thu/lượm <sup>861</sup>những miếng (bánh mì và cá) còn thừa (từ dân chúng) (đựng đầy) bảy <sup>862</sup>giỏ

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy để ý sự khác biệt về đức tin trong Chúa Giê-su của các môn đệ Ngài và đức tin của người đàn bà ngoại quốc (7:24–30), các bạn của người đàn ông điếc (7:31–37), và những người bạn của người đàn ông mù (8:22–26).

<sup>851</sup> 8:5 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ câu hỏi này trong Mác 6:38, và xem lời chú thích về **bánh mì** ở đây.

<sup>852</sup> 8:5 Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu để công thức trích dẫn ở phần cuối câu này và nói: “ ‘Bảy,’ họ trả lời.”

<sup>853</sup> 8:5 Đối với một số ngôn ngữ, chắc sẽ được tự nhiên hơn nếu hàm ý từ “Ngài” ở đây giống như trong bản Hy-lạp. Đối với một số ngôn ngữ khác từ “Ngài” cần nên được nói rõ ràng. Làm thế nào để cho được tự nhiên nhất cho một đối thoại giống như thế này trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>854</sup> 8:5 Đối với nhiều ngôn ngữ, có thể chỉ nói “Bảy” ở đây. Tuy nhiên, đối với một số ngôn ngữ, cần phải có câu trả lời để làm trọn các câu văn. Ví dụ, “(Chúng tôi có) bảy (ổ bánh mì).”

<sup>855</sup> 8:7 “Họ” có lẽ nói về các môn đệ của Chúa Giê-su, vì họ là những người có bánh mì trong câu 5. Ma-thi-ơ 15:34 xác nhận điều này.

<sup>856</sup> 8:7 Xem lời chú thích về “cá” trong Mác 6:38.

<sup>857</sup> 8:7 Xem cách bạn chuyển ngữ từ “chúc phước” trong Mác 6:41, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>858</sup> 8:7 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có từ “chúng” ở đây và chỉ về cá, không phải môn đệ của Chúa Giê-su, BCG dùng từ “cá cá”. Tuy nhiên, có một vài bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) không có, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>859</sup> 8:8 Cần nên nói rõ ràng “họ” ở đây chỉ về mọi người, không phải chỉ riêng môn đệ của Chúa Giê-su.

<sup>860</sup> 8:8 Đa số các học giả Kinh Thánh cho rằng “họ” ở đây nói về môn đệ của Chúa Giê-su (xem Mác 8:20 và một trường hợp tương tự trong Mác 6:43 và Giảng 6:12–13). Tuy nhiên, một số học giả (và BDM, BDC, BDY, BCG) nghĩ từ này nói tổng quát hơn và kể cả những người khác nữa.

<sup>861</sup> 8:8 Có những miếng bánh mì thừa, không phải là những miếng bánh mì vụn. Có lẽ họ đã thu lại từ dân chúng. Bạn có thể nói “thức ăn còn dư”. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ trong Mác 6:43.

<sup>862</sup> 8:8 Từ được dùng trong bản Hy-lạp nói về một loại giỏ khác hơn là loại giỏ được dùng trong Mác 6:43. Đây là từ được dùng trong Công Vụ 9:25 nói về cái giỏ đủ lớn để cho Sứ đồ Phao-lô có thể trốn đi. Do đó những cái giỏ được dùng ở đây để đựng bánh mì thừa sau khi 4,000 đã ăn no có lẽ lớn hơn những cái giỏ được dùng để đựng bánh mì thừa sau khi 5,000 người ăn no trong Mác 6:43.

(lớn). **9** <Và> có độ 4,000 (người) <sup>863</sup> [đã ăn]. <Và> (sau khi ăn xong,) Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>864NTT</sup> {cho họ về ⇔ giải tán họ}. **10** <Rồi> (Ngài/Chúa Giê-su) lập tức xuống một chiếc thuyền cùng với môn đệ (của Ngài) (và) <Ngài/họ> đi (băng qua hồ ⇔ băng qua Biển/Hồ Ga-li-lê) đến những vùng <sup>865</sup> {của/gần ⇔ kiểm soát/làm chủ bởi (những người dân của)} <sup>GTK866</sup> (thành) Đa-ma-nu-tha.

8:11–13 **Những Người Pha-ri-si** <sup>GTK</sup> **Đòi Hỏi/Yêu Cầu** <sup>NTT</sup> {(Chúa) Giê-su Làm Một <sup>GTK</sup> **Phép Lạ** ⇔ (Chúa) Giê-su Chứng Minh/Bày Tỏ Cho Họ Rằng Đức Chúa Trời Đã Sai Ngài Đến}

*Ma-thi-ơ 16:1–4*

**11** {<Rồi> những người Pha-ri-si ⇔ Khi (một số) người Pha-ri-si nghe <sup>NTT</sup> rằng (Chúa) Giê-su đã đến, họ} đi <ra> (gặp Ngài/Chúa Giê-su) và bắt đầu {tranh luận với Ngài ⇔ chất vấn Ngài} <sup>NTT</sup> {tìm kiếm/xin một <sup>GTK867</sup> dấu lạ/phép lạ chứng tỏ là Ngài từ <sup>GTK</sup> trời/Đức Chúa Trời ⇔ và <sup>GTK</sup> yêu cầu/đòi hỏi Ngài <sup>NTT</sup> để Đức Chúa Trời chứng minh/bày tỏ cho họ rằng Đức Chúa Trời đã sai (Chúa) Giê-su/Ngài ⇔ và <sup>GTK</sup> yêu cầu/đòi hỏi Ngài làm một dấu lạ/phép lạ từ trời}. (Họ) đang <sup>GTK868</sup> {thử Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ (cố

<sup>863</sup> **8:9** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có “**ăn**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) **không** có, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>864</sup> **8:9** Khi chuyển ngữ nhóm từ “**cho họ về**” **không** nên hàm ý rằng Chúa Giê-su từ khước dân chúng hay Ngài đối xử thô lỗ hay chống đối họ. Bạn có thể nói: “...Ngài/Chúa Giê-su bảo họ <sup>NTT</sup> rằng (Ngài đã dạy dỗ xong trong ngày, do đó) họ có thể về nhà.”

<sup>865</sup> **8:10** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một nhóm từ tương tự trong Mác 5:1.

<sup>866</sup> **8:10** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đa-ma-nu-tha có thể là một tên khác của thành Ma-ga-đan (hay Ma-đơ-len) được nhắc đến trong Ma-thi-ơ 15:39. Hay có thể là một thành hay một chỗ gần đó/Ma-ga-đan. Mặc dù không ai biết chính xác vị trí thành Đa-ma-nu-tha, đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ vị trí của nó ở bên bờ phía tây của Hồ Ga-li-lê cuối phía nam của đồng bằng Ghê-nê-sa-rét.

<sup>867</sup> **8:11** Trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn một ý nghĩa ở đây. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**một dấu lạ...từ trời**” có nghĩa là “**một phép lạ...trên bầu trời**”. Tuy nhiên, đa số nghĩ rằng “**trời**” là một cách gián tiếp nói về Đức Chúa Trời mà người Pha-ri-si muốn có “**chứng cứ**” hay “**xác nhận**” hay “**bằng chứng thuyết phục**” chính từ **Đức Chúa Trời**, hoặc là bởi phép lạ hay một vài phương tiện khác, là Ngài đã sai Chúa Giê-su (xem thí dụ trong 2 Các Vua 20:1–11). Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ tiểu đề. Cần biết về cách chuyển ngữ “**dấu lạ**” xem lời chú thích về “**các phép lạ**” ở Mác 6:2.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đã nói và làm rất nhiều việc chứng tỏ/cho thấy Ngài là Đấng Cứu Thế. Những người Pha-ri-si hiểu biết Lời Đức Chúa Trời nhiều hơn bất cứ một người nào khác, do đó đáng lẽ họ đã nhận ra Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế mà Lời Đức Chúa Trời đã nói. Nhưng họ từ chối không tin.

<sup>868</sup> **8:11** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa hoặc là “**đang thử**” (như BDM, BDC, BCG) hay “**đang (cố gắng) gài bẫy**” (BDY). Những người Pha-ri-si đã từ khước Chúa Giê-su và đang tìm cách để giết Ngài (xem Mác 3:6, 22). Có lẽ họ cố gắng **gài bẫy/hạ uy tín của Ngài** bằng những lời nói của chính Ngài để họ có thể chứng minh Ngài không phải từ Đức Chúa Trời đến.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người Pha-ri-si đã từ khước Chúa Giê-su và không còn thử để biết nếu Ngài từ Đức Chúa Trời đến (như trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 13:2–6, 18:18–22). Họ muốn làm hại danh tiếng của Ngài và tìm chứng cứ để có thể giết Ngài (xem Mác 3:6, 22). Có lẽ họ

gắng) gài bẫy Ngài/(Chúa) Giê-su (một cách công khai) (để dân chúng sẽ không tin/đi theo Ngài nữa) ⇔ (cố gắng) làm cho Ngài nói điều gì đó (sẽ tổn thương/hại đến danh tiếng của Ngài)}. **12** <Và> (khi Chúa Giê-su nghe yêu cầu/đòi hỏi của họ,) Ngài/Chúa Giê-su than/thở ra trong lòng một cách sâu đậm (trong nỗi thất vọng) (và) nói (với họ): “*CH*{Tại sao <sup>GTK869</sup>thế hệ này ⇔ Tại sao các người ⇔ Những người này không nên} {tìm một dấu lạ ⇔ cố gắng đòi Ta làm một dấu/phép lạ ⇔ cố gắng đòi Ta chứng minh một điều gì}?/! <sup>GTK870</sup>{A-men/Phải, (điều đó thật là nực cười). Ta báo cho các con (rằng) ⇔ Thật, Ta nói cho các người, ⇔ Ta đoán chắc với các người rằng} <sup>871</sup>{<nếu> một dấu/phép lạ sẽ (chẳng bao giờ) ⇔ không một dấu/phép lạ nào sẽ} được ban cho/bày tỏ (bởi Đức Chúa Trời) cho <sup>GTK872</sup>{thế hệ này ⇔ họ/các người ⇔ những người như chúng/các người (từ chối không tin Ta)}!” **13** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su rời khỏi {họ ⇔ các người Pha-ri-si} (và) {lên thuyền trở lại ⇔ trở lại} lên thuyền <sup>873</sup>(với các môn đệ của Ngài) (và bắt đầu đi đến phía đông bắc (của hồ ⇔ của Biển/Hồ Ga-li-lê).

8:14–21 (Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>Báo Trước Cho Các Môn Đệ Của Ngài Về {Men ⇔ Ảnh Hưởng Xấu} Của Người Pha-ri-si Và Vua Hê-rốt (An-ti-ba)

*Ma-thi-ơ 16:5–12*

**14** <Và> <sup>874</sup>{họ ⇔ các môn đệ (của Chúa Giê-su)} đã quên không đem theo (đủ) bánh (mì)/đồ ăn (với họ), {ngoại trừ một <sup>875</sup>ổ (bánh mì) họ không có (bất cứ đồ ăn nào khác) trên thuyền ⇔ họ chỉ đem theo một ổ bánh mì lên thuyền với họ}. **15** <Rồi> (trong khi họ vượt qua hồ,) Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>876</sup>ra lệnh/cảnh cáo/báo trước <bằng cách nói>:

---

nghĩ rằng họ đã gài bẫy được Ngài; nếu Ngài từ chối thách thức của họ, Ngài sẽ bị mất đi nhiều môn đệ; nếu Ngài chấp nhận, họ nghĩ Ngài sẽ thất bại.

- <sup>869</sup> **8:12** Trong ngữ cảnh này “**thế hệ này**” có lẽ nói về những người Pha-ri-si hay tất cả những người **không tin** rằng Đức Chúa Trời sai Chúa Giê-su đến. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ nó chỉ về những người sống trong **thời bấy giờ** hay **tất cả** nhân loại.
- <sup>870</sup> **8:12** Xem lời chú thích về cách chuyển ngữ “**Amen**” trong Mác 3:28.
- <sup>871</sup> **8:12** “**Nếu**” được dùng ở đây như một thành ngữ để truyền đạt một sự tiêu cực mạnh mẽ. Bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời **sẽ không bao giờ** cho/bày tỏ một dấu hiệu...”
- <sup>872</sup> **8:12** Sự chọn lựa của bạn ở đây cần phù hợp với sự chọn lựa trước của bạn trong câu 12.
- <sup>873</sup> **8:13** Môn đệ của Chúa Giê-su ở cùng với Ngài trong thuyền (xem câu 14).
- <sup>874</sup> **8:14** Có thể **viết lại** câu 14 để cho rõ ràng hơn và nói: “<Và> khi môn đệ của Chúa Giê-su vào trong thuyền, họ quên không đem theo bánh mì/thức ăn với họ ngoại trừ một ổ bánh mì (nhỏ).”
- <sup>875</sup> **8:14** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc nhắc lại ổ bánh mì này là điều quan trọng. Môn đệ của Chúa Giê-su đã thấy Chúa Giê-su hoá năm ổ bánh mì cho 5,000 người ăn (Mác 6:41) và bảy ổ bánh mì cho 4,000 người ăn (Mác 8:6). Dầu vậy, họ vẫn không hiểu điều Chúa Giê-su khuyến cáo (trong câu 15) chứng tỏ rằng đức tin của họ trong Chúa Giê-su vẫn còn yếu/nhỏ. Đến lúc này, đáng lẽ họ đã biết rằng với một ổ bánh mì đó Chúa Giê-su có thể cho tất cả mọi người ăn no đủ (chắc Ngài đang nói về một vấn đề gì khác khi Ngài khuyến cáo họ về men (của người Pha-ri-si), nhưng họ không hiểu/nhận ra Ngài là ai, đó là Đấng Cứu Thế, Con Đức Chúa Trời.
- <sup>876</sup> **8:15** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**ra lệnh**” trong Mác 5:43.



“<sup>877</sup>{Hãy coi chừng (và) hãy để ý ⇔ Phải rất cẩn thận} về <sup>878</sup>men của người Pha-ri-si và men của <sup>879</sup>{(Vua) Hê-rốt ⇔ [đảng Hê-rốt]}.” **16** <Và> {họ ⇔ các môn đệ của (Chúa) Giê-su} bàn luận với nhau về (điều Chúa Giê-su/Ngài nói) {<sup>880</sup>[(và) nói/quyết định] <sup>NTT</sup>(rằng Chúa Giê-su/Ngài nói <sup>NTT</sup>vậy) <sup>GTK</sup>bởi vì <sup>881</sup>[họ] không mang theo (đủ) bánh mì. ⇔ [(và) nói]: “(Ngài/Chúa Giê-su chắc đã nói <sup>NTT</sup>vậy) <sup>GTK</sup>bởi vì [chúng ta] không mang theo (đủ) bánh mì (đi đường).” **17** <Và> (Ngài/Chúa Giê-su) biết (điều họ đang nói), (do đó) Ngài {nói với họ ⇔ hỏi họ}: “<sup>CH882</sup>{Tại sao các con ⇔ Các con không nên} bàn luận/quan tâm rằng các con không có (đủ) bánh mì?! <sup>CH</sup>{Các con vẫn chưa ⇔ Đến bây giờ các con nên} <sup>883</sup>biết hay/và hiểu thấu (điều do/Ta)?! <sup>CH</sup>{Lòng/Tâm trí của các con <sup>884</sup>cứng cỏi/khép kín có phải không? ⇔ Đùng quá cứng đầu như vậy!} **18** <sup>CH885</sup>{(Các con) có mắt, mà/nhưng không thấy sao? <Và> (các con) có tai, mà/nhưng không nghe ư?

<sup>877</sup> **8:15** “**Hãy coi chừng (và) phải rất cẩn thận**” là cách nói về hai ý nghĩa tương tự bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh.. Đối với một số ngôn ngữ có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu chỉ dùng một trong hai cách và nhấn mạnh bằng một cách khác.

<sup>878</sup> **8:15** Tốt nhất là nên chuyển ngữ từ **men** theo nghĩa đen ở đây, để thấy rõ lý do các môn đệ của Chúa Giê-su không thể hiểu Ngài.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái dùng từ “men” như một thành ngữ để nói về sự lan ra/tràn ra của một sự ảnh hưởng nào đó, dù tốt hay xấu (chẳng hạn như trong Ma-thi-ơ 13:33). Chúa Giê-su dùng nó ở đây để nói đến ảnh hưởng xấu về sự vô tín của người Pha-ri-si và Hê-rốt (kể cả việc dạy dỗ sai của người Pha-ri-si và những đường lối gian ác của Hê-rốt) đối với số đông dân chúng. Tuy nhiên, các môn đệ của Chúa Giê-su không hiểu Ngài muốn nói gì.

<sup>879</sup> **8:15** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BCG) có các từ “men của **Hê-rốt**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và BDM, BDC, BDY) có “men **Hê-rốt**” thay vào đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đây là Hê-rốt An-ti-ba (như trong Mác 6:14–29).

<sup>880</sup> **8:16** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BCG) có “(và) **nói với nhau**” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BDY) **không** có. Theo cách giải thích này bạn có thể nói: “<Và> {họ ⇔ môn đệ của Chúa Giê-su} bàn với nhau (về việc) [họ] không có/đem (đủ) bánh mì.”

<sup>881</sup> **8:16** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) dùng cách nói gián tiếp trong câu 16 và do đó có từ “**họ**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDC, BDY) dùng cách nói **trực tiếp** và do đó có từ “**chúng ta**” ở đây. BDM có từ “**mình**” ở đây. Hãy dùng cách tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Hãy xem trong **Danh Sách Từ Ngữ** cho người chuyển ngữ ở phía sau của sách về định nghĩa của các từ “lời đối thoại trực tiếp” và “lời đối thoại gián tiếp”.

<sup>882</sup> **8:17** Cần nên nói rõ ràng trong các câu 17–21 rằng Chúa Giê-su trách các môn đệ.

<sup>883</sup> **8:17** “**biết hay/và hiểu**” là cách nói cùng một việc bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh sự thiếu hiểu biết của các môn đệ Chúa Giê-su. Nếu có thể và được tự nhiên, người dịch cần nên giữ cả hai vì nó không phải hoàn toàn giống nhau. Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu dùng một động từ, và nhấn mạnh bằng một cách khác. Thí dụ, bạn có thể nói: “Các con vẫn chưa hiểu thấu (Ta) **sao?**” Hay bạn có thể nói: “Đến bây giờ, đáng lý ra các con không còn nan đề gì trong việc hiểu (Ta)!”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su hỏi các môn đệ những câu hỏi tương tự trong 4:13, 40 và 7:18 (và cũng xem 6:52).

<sup>884</sup> **8:17** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**lòng...cứng cỏi**” trong Mác 6:52.

<sup>885</sup> **8:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su dùng những từ như thế này trong Mác 4:12 để nói đến những người ở ngoài Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su chỉ trích ở đây vì các môn đệ giống như họ. Xem những sự diễn tả giống nhau về những người như thế trong Ê-sai 6:9–10, 44:18; Giê-rê-mi 5:21 và Ê-xê-chiên 12:2.

⇔ Đừng làm giống như các con làm bơ và từ chối điều Thầy làm và nói! (Hãy chú ý!)}  
<sup>CH</sup>{Hay các con không nhớ ⇔ Hay các con đã quên ⇔ Chắc chắn các con nhớ}  
 19 khi/lúc Ta bẻ/chia/làm thêm nhiều (từ) năm cái bánh (mì) (đủ) cho 5,000 (người đàn ông) ăn?! Các con thu lại được bao nhiêu <sup>886</sup>giò đây bánh mì (còn thừa lại)?” <sup>887</sup>Họ trả lời Ngài: <sup>888</sup>“Mười hai (giò đây).” 20 <sup>889</sup>(Rồi Ngài hỏi họ: <sup>890</sup>[Và] khi (Thầy bẻ/chia/làm thêm nhiều (từ) bảy (cái bánh mì) cho 4,000 (người) ăn, các con thu lại được bao nhiêu <sup>891</sup>giò (lớn) đây bánh (mì) (còn thừa lại)?” <Và> họ trả lời [Ngài]: <sup>892</sup>“Bảy (giò đây).” 21 <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su {hỏi ⇔ nói với} họ: <sup>CH893</sup>“{Các con còn chưa hiểu sao? ⇔ [Tại sao] các con vẫn không hiểu (Ta)? ⇔ Đến bây giờ các con <sup>TVST</sup>nên hiểu Ta nói gì về men}!”

### 8:22–26 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Một Người Mù

22 <Rồi> <sup>894</sup>{họ/[Ngài/(Chúa) Giê-su] ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} đến (thành) <sup>895</sup>Bết-sai-đa và/ở đó {họ ⇔ một số người} đem đến cho Ngài/(Chúa) Giê-su một người (đàn ông) mù và yêu cầu/xin Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>{đụng đến người ấy (để người ấy được lành) ⇔ (chữa lành cho người ấy bằng cách) đụng đến người ấy}. 23 Do đó/Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su nắm tay dắt người mù ra khỏi làng. <Rồi> (Ngài/Chúa Giê-su) nhỏ nước miếng vào/trên <sup>896</sup>mắt của người ấy, <sup>897</sup>{đặt tay (của Ngài) trên người ấy ⇔ che

<sup>886</sup> 8:19 Hãy nhất quán trong cách chuyển ngữ “giò” ở đây và ở trong Mác 6:43.

<sup>887</sup> 8:19 Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu để **công thức trích dẫn** ở cuối câu và nói: “ ‘Bảy,’ họ trả lời <Ngài>.” Hãy xem cách bạn đã chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong câu 5.

<sup>888</sup> 8:19 Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ cần phải dùng một **câu đầy đủ** ở đây. Thí dụ: “(Chúng tôi thu lượm) mười hai (giò đây bánh mì còn thừa).”

<sup>889</sup> 8:20 Trong bản Hy-lạp **công thức trích dẫn** được hàm ý ở đây. Đối với nhiều ngôn ngữ có thể làm như vậy. Đối với một số ngôn ngữ khác có thể cần phải nói rõ ràng công thức trích dẫn. Hãy chuyển ngữ thể nào cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>890</sup> 8:20 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BCG) có “**Và**” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BDY) **không có**. Hãy chuyển ngữ thể nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>891</sup> 8:20 Hãy nhất quán cách chuyển ngữ “giò” ở đây và trong Mác 8:8, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>892</sup> 8:20 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Mười hai** (giò đây)” trong câu 19, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>893</sup> 8:21 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**Tại sao các con vẫn không hiểu**” ở đây. Tuy nhiên, một số khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS] BDM, BDC, BDY, BCG) có “**Các con còn chưa hiểu sao?**”.

<sup>894</sup> 8:22 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có “**họ**” (BDM, BDC, BCG ghi “**Chúa Giê-su và môn đồ**” ở đây). Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “**Ngài/Chúa**” thay vào đó. Tiểu đoạn này hướng về Chúa Giê-su, nhưng các môn đệ của Chúa Giê-su cũng có mặt (xem câu 27).

<sup>895</sup> 8:22 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cuối cùng Chúa Giê-su và môn đệ Ngài đã đến Bết-sai-đa (xem Mác 6:45, 53) là quê của các ông Phi-líp, An-rê và Phê-rô (Giăng 1:44). Các ông An-rê và Phê-rô hoặc đã dời đến Ca-bê-na-um hay có một cái nhà nữa ở đó (Mác 1:29).

<sup>896</sup> 8:23 Có lẽ mắt của người đàn ông mở.

mắt của người ấy bằng hai tay (của Ngài)} (và rồi) hỏi người ấy: <sup>898</sup>{“Anh thấy gì?” ⇔ “Anh có thấy được gì không?”} **24** <Và> người ấy/đàn ông nhìn lên/chung quanh (và) nói: <sup>899</sup>(Vâng,) Tôi thấy (cái gì chắc là) người ta, <sup>GTK900</sup>{vì tôi thấy (những vật) ⇔ nhưng chúng trông (lờ mờ)} giống như {những cây ⇔ những gốc cây} đang đi vòng quanh.”

**25** Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>901</sup>{đặt hai tay (của Ngài) trên ⇔ che} mắt của người đàn ông lần nữa. {<Rồi> ⇔ Lần này} {ông ấy ⇔ người đàn ông} {nhìn một cách chăm chú mà ⇔ thấy rõ ràng. <Và> ⇔ mở lớn đôi mắt của người ấy ra và} {(hai mắt của người ấy) được <sup>902</sup>hồi phục/lành ⇔ mắt của người ấy sáng trở lại} {và ⇔ do đó} người ấy (có thể) thấy <sup>903</sup>mọi vật/[mọi người] một cách rõ ràng. **26** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT904</sup>bảo người ấy/đàn ông về nhà của người ấy (và) dặn: “Đừng đi trở lại <ngay cả đến> làng/Bết-sai-đa <sup>905</sup>(ngay bây giờ ⇔ trước khi con về nhà).

<sup>897</sup> **8:23** Theo câu 25 chúng ta biết rằng Chúa Giê-su dùng tay che mắt người mù. Có lẽ Ngài để mỗi bàn tay trên mỗi mắt.

<sup>898</sup> **8:23** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) dùng một câu nói trực tiếp ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDC) dùng câu nói gián tiếp, thay vào đó. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>899</sup> **8:24** Phải chắc chắn rằng cách bạn bắt đầu câu trả lời của người đàn ông **phù hợp** sự chọn lựa của bạn ở cuối câu 23.

<sup>900</sup> **8:24** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó có nghĩa “vì”, giới thiệu lý do người đàn ông biết anh nhìn thấy người ta (BDM, BDC, BDY, BCG chỉ hàm ý). Tuy nhiên, nhiều bản khác nghĩ nó có nghĩa là “**nhưng**”, chứng minh người đàn ông thấy rõ như thế nào. Mỗi cách chuyển ngữ đều phù hợp với ngữ cảnh và được dùng trong nhiều bản dịch. Con người **không** đi giống như cây cối, nhưng **xem giống như** cây cối đang đi qua lại. Theo cách giải thích thứ hai bạn có thể nói: “Tôi nhìn thấy người ta **đi** qua lại, nhưng họ trông (mờ mờ) giống như {những cây ⇔ những gốc cây}.”

<sup>901</sup> **8:25 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đây là phép lạ duy nhất mà Chúa Giê-su thực hiện bằng hai bước. Chúa Giê-su có thể chữa lành người đàn ông ngay lần đầu tiên khi Chúa đụng anh ấy, nhưng Ngài đã không làm, do đó Ngài có thể dạy các môn đệ và chúng ta một bài học về sự hiểu biết nước Đức Chúa Trời/quyền tể trị của Ngài. Trước tiên chúng ta không biết gì, kể đến chúng ta biết chút ít (cám ơn Chúa Giê-su/Đức Chúa Trời đã hành động trong đời sống chúng ta), sau đó chúng ta hiểu một cách rõ ràng hơn. Hãy ghi nhận rằng môn đệ của Chúa Giê-su thì “mù” trong câu 18, “thấy lờ mờ” trong các câu 29, 33, và có thể thấy một cách rõ ràng sau khi Chúa Giê-su sống lại từ kẻ chết (9:9). Chúa Giê-su chữa lành người điếc (7:31–37) có thể cũng là một bài học tương tự.

<sup>902</sup> **8:25 “hồi phục”** hàm ý rằng trước kia người đàn ông có thể thấy, nhưng bằng cách nào đó anh bị mù.

<sup>903</sup> **8:25** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) có “**mọi vật/mọi sự**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Văn Bản Đa Số) có “**mọi người**” thay vào đó. (BDC cho từ “cả thầy”).

<sup>904</sup> **8:26** Bạn có thể nói: “Rồi Ngài/Chúa Giê-su nói với {anh ấy ⇔ người đàn ông}: ‘**Hãy đi thẳng về nhà** đừng trở vào làng [và...’ ”

<sup>905</sup> **8:26 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người đàn ông có thể trở lại làng Bết-sai-đa sau này, nhưng ngay lúc đó thì không. Có vẻ người đàn ông sống ở một làng khác và có thể đang đi ăn xin ở Bết-sai-đa.

8:27–30 **Phê-rô Tuyên BỐ/Làm Chứng**  
<sup>NTT</sup>**Rằng (Chúa) Giê-su Là Đấng Cứu Thế**

*Ma-thi-ơ 16:13–20; Lu-ca 9:18–21*

27 <Rồi> (Chúa) Giê-su và môn đệ (của Ngài) rời khỏi (đó/Bết-sai-đa và đi) đến các làng/chung quanh (thành) <sup>906</sup>Sê-sa-rê Phi-líp. <Và> (trong khi họ đang đi đường), Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi {các môn đệ (của Ngài) ⇔ họ} <bằng cách nói với họ>: “(Khi dân chúng nói về Ta,) họ nói/nghĩ Ta là ai?” 28 <Rồi> {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)} trả lời <Ngài> <nói>: <sup>GTK</sup><sup>907</sup>“(Một số nói) <sup>NTT</sup>rằng (Thầy là) Giảng Báp-tít (đã sống lại từ kẻ chết), <và/nhưng> một số người (nói <sup>NTT</sup>Thầy là) <sup>908</sup>(tiên tri) Ê-li, và/nhưng một số khác (nói) <sup>NTT</sup>rằng (Thầy là) một trong những tiên tri (khác) (của Đức Chúa Trời) <sup>909</sup>(từ xa xưa và/nhưng bây giờ trở lại thế gian).” 29 <Rồi> Chúa/(Chúa) Giê-su {hỏi họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: “Nhưng/Và (còn) các con? Các con nói/nghĩ Ta là ai?” Phê-rô <phản ứng> trả lời Ngài: “Thầy là <sup>910</sup>{Đấng Cứu Thế ⇔ Cứu Chúa/Vua Đấng (Đức Chúa Trời) đã Xức Dầu/Hứa/Chọn}!” 30 <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>911</sup>ngghiêm cấm họ không nên <sup>912</sup>(chưa được) nói với một ai {về Ngài ⇔ Ngài là Đấng Cứu Thế}.

<sup>906</sup> **8:27 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sê-sa-rê Phi-líp là một thành phố quan trọng, cách Hồ Ga-li-lê độ 40 cây số về phía bắc (hãy xem bản đồ ở phía sau của Kinh Thánh). Người Do Thái cho rằng nó nằm ở ranh giới phía bắc giữa đất hứa/Do Thái và vùng đất của người ngoại quốc. Có một thành khác có tên là thành Sê-sa-rê trong tỉnh Sa-ma-ri.

<sup>907</sup> **8:28** Mặc dù đa số các bản dịch giống đoạn văn ở trên, có vẻ bản Hy-lạp cho thấy rằng **những môn đệ khác nhau** báo cáo những nhận xét khác nhau. Thí dụ, bạn có thể nói: “<Rồi> một vài người trả lời Ngài <nói rằng>: ‘Giảng Báp-tít.’ <Và> những người khác (trả lời): ‘(tiên tri) Ê-li.’ Những người khác nói: ‘Một trong những người tiên tri (khác) (của Đức Chúa Trời).’”

<sup>908</sup> **8:28 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trả lời của các môn đệ tương tự như trong Mác 6:14–16. Hãy xem lời chú thích về Ê-li ở đó.

<sup>909</sup> **8:28** Hãy nhớ rằng Ê-li được cất lên thiên đàng khi còn sống, do đó nếu nói “đã chết từ xưa” **không** phù hợp ở đây. Chỉ nói rõ **thông tin hàm ý** này trong bản dịch của bạn **nếu cần**.

<sup>910</sup> **8:29** Hãy xem lời chú thích về việc chuyển ngữ “**Đấng Cứu Thế**” trong Mác 1:34. Coi lại cách bạn chuyển ngữ trong tiểu đề.

<sup>911</sup> **8:30** Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ “**ngghiêm dặn**” trong Mác 1:43, (5:43), (6:11), (7:36), (8:15 và tiểu đề, 30), (13:4–5), và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:43.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Xem lời chú thích trong Mác 5:19 về lý do tại sao Chúa Giê-su ra lệnh cho dân chúng chưa được nói cho người khác về Ngài.

<sup>912</sup> **8:30** Xem cách bạn đã làm cho một trường hợp tương tự trong Mác 5:43.

8:31–33 {(Chúa) Giê-su<sup>913</sup> Nói/Cho Biết Trước Về Sự Chết Và Sự Sống Lại  
Của Ngài ⇔ (Chúa) Giê-su Nói Với Các Môn Đệ Của Ngài<sup>NTT</sup> Rằng  
Ngài Sẽ Bị Giết, Nhưng Rồi Ngài Sẽ Sống Lại Từ Kẻ Chết}

*Ma-thi-ơ 16:21–23; Lu-ca 9:22*

**31** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su bắt đầu dạy {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}<sup>NTT</sup>,  
<sup>GTK914</sup> rằng<sup>915</sup> {đó/ấy là một sự cần thiết ⇔ đó/ấy là ý chỉ/chương trình của Đức Chúa  
Trời} cho {(Ngài,) <sup>916</sup>Con Người ⇔ Ngài}<sup>917</sup> phải chịu {nhiều điều đau đớn/khốn khổ ⇔  
đau đớn một cách khủng khiếp}. <Và><sup>918</sup> (Ngài phải/sẽ) bị từ chối/lên án bởi <sup>919</sup> các  
trưởng lão/lãnh đạo (của người Do Thái) và/kẻ cả <sup>920</sup> các thượng tế và các chuyên gia Kinh  
Luật, <sup>921</sup> và <sup>922</sup> {(Ngài phải/sẽ) bị giết/xử tử ⇔ (người ta phải/sẽ) giết/xử tử Ngài},

<sup>913</sup> (Tiểu Đề) Chúa Giê-su nói/cho biết trước điều sẽ xảy ra, đó là, Ngài bày tỏ điều sẽ xảy ra trước khi  
những điều đó thực sự xảy ra. **Không phải** Chúa đoán trước những gì sẽ xảy ra. Đối với Ngài sẽ không  
có việc nhầm lẫn vì Ngài biết những gì sẽ xảy ra.

<sup>914</sup> **8:31** Đa số các bản dịch (và BDC, BDY, BCG) dùng thể văn **gián tiếp**. Tuy nhiên, có lẽ ông Mác đã  
dùng thể văn **trực tiếp** (như BDM) ở đây. Hãy chuyển ngữ thể nào cho được phù hợp với ngôn ngữ của  
bạn.

<sup>915</sup> **8:31** Bạn có thể nói: "...rằng Đức Chúa Trời đã **quyết định/định trước** rằng {(Ngài,) Con Người ⇔  
Ngài} phải chịu đau đớn..."

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su nói trước với môn đệ về sự chết và sự sống lại của  
Ngài để cho họ (và chúng ta) sẽ biết rằng điều đó đã được hoạch định bởi Đức Chúa Trời.

<sup>916</sup> **8:31** Xem cách bạn chuyển ngữ "**Con Người**" trong Mác 2:10, và xem lời chú thích ở đó. Cần nên nói  
rõ rằng danh hiệu này chỉ nói về Chúa Giê-su, **không** phải một người nào khác. Nếu nó **không** được tự  
nhiên để dùng danh hiệu này ở đây, bạn có thể để trong một LỜI CHÚ THÍCH. Những lời chú thích  
như thế này sẽ giúp cho người đọc cảm thấy **tự tin** về phẩm chất cao của bản dịch **hơn, không phải**  
cầu thả. Bạn **không cần** phải để nguyên văn vào lời chú thích mỗi lần bạn không chuyển ngữ theo từng  
từ, nhưng chỉ khi nào cần thiết.

<sup>917</sup> **8:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái mong muốn Đấng Cứu Thế/Christ sẽ là một  
ông vua vĩ đại để đánh bại tất cả kẻ thù của họ và cai trị một cách đầy vinh hiển/quyền năng. Có lẽ  
môn đệ của Chúa Giê-su rất ngạc nhiên (như phản ứng của Phê-rô) khi nghe Chúa Giê-su nói rằng,  
việc làm chính của Ngài như là Đấng Cứu Thế là chịu đau đớn.

<sup>918</sup> **8:31** Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ cần nên dùng câu văn ở dạng **chủ động** ở đây và nói: "<Và> các  
trưởng lão/lãnh đạo (người Do Thái) kể cả các thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật (phải/sẽ) từ  
chối/lên án Ngài và ra lệnh giết Ngài, và/nhung..."

<sup>919</sup> **8:31 "trưởng lão"** là tên dành cho tất cả những nhà lãnh đạo Do Thái. Các thượng tế và các chuyên gia  
Kinh Luật cũng là những người lãnh đạo. Họ được nói đến một cách rõ ràng ở đây có lẽ là để nhấn  
mạnh vai trò của họ trong việc ra lệnh giết Chúa Giê-su.

<sup>920</sup> **8:31** Hãy chuyển ngữ "**các thượng tế**" thế nào đó để phân biệt được với "**các thầy tế lễ**" (xem  
Mác 1:44) và "**các trưởng tế**" (xem Mác 2:26).

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các thượng tế, một uỷ ban điều hành/lãnh đạo của Hội Đồng  
Quốc Gia gồm có 71 hội viên gọi là Hội Đồng Quốc Gia. Các thượng tế kể cả trưởng tế đương nhiệm,  
những người khác trong gia đình của ông ta, những người có quyền thế/quan trọng trong các gia đình  
thầy tế lễ, những sĩ quan lãnh đạo lính canh Đền Thờ, và cựu trưởng tế.

<sup>921</sup> **8:31** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu bắt đầu một câu mới ở đây và nói: "(Ngài phải/sẽ) **cũng** bị giết/xử  
án, và/nhung..."

và/nhưng <sup>923</sup>{sau ba ngày ⇔ đến ngày thứ ba} (Ngài phải/sẽ) sống lại (từ kẻ chết).  
**32** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su {nói điều này ⇔ nói cho họ mọi điều} <sup>924</sup>{một cách thẳng thắn ⇔ một cách công khai}, và/do đó Phê-rơ đem/mời Ngài/(Chúa) Giê-su riêng ra (và) bắt đầu <sup>NTT925</sup>trách/can gián Ngài <sup>926</sup>(vì Ngài nói đến việc chịu đau đớn và sẽ bị giết).  
**33** Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su quay <sup>GTK927</sup>(lại ⇔ sang Phê-rơ ⇔ khỏi Phê-rơ), <và> {thấy ⇔ nhìn về} các môn đệ (còn lại) của Ngài (và) trách/mắng/phán Phê-rơ {và nói ⇔ <bằng cách> nói}: “<sup>GTK928</sup>Hãy <sup>929</sup>lui ra đằng sau Ta, <sup>930</sup>hỡi Sa-tan! ⇔ Tránh xa khỏi Ta, Sa-tan! ⇔ Sa-tan, đừng cám dỗ Ta! ⇔ Đừng cám dỗ Ta như Sa-tan làm!} <bởi vì> <sup>931</sup>các con không nghĩ {những điều/ý nghĩ của Đức Chúa Trời ⇔ theo cách Đức Chúa Trời nghĩ} nhưng (các con) nghĩ {những điều/ý nghĩ của thế gian ⇔ theo cách người ta/con người làm/nghĩ}!”

<sup>922</sup> **8:31 Không được hàm ý** rằng những người lãnh đạo Do Thái sẽ giết Chúa Giê-su.

<sup>923</sup> **8:31 “sau ba ngày”** có cùng một ý nghĩa như “đến ngày thứ ba”, được dùng trong các sách Ma-thi-ơ và Lu-ca. Người Do Thái có thể tính một phần trong ngày như cả một ngày. Vì Chúa Giê-su bị giết trên thập giá trong ngày Thứ Sáu và sống lại vào ngày Chúa Nhật, người Do Thái nói: “Ngài đã sống lại sau ba ngày”. Cũng hãy xem Ma-thi-ơ 12:40 ở đó nói “ba ngày và ba đêm”.

<sup>924</sup> **8:32** Bạn có thể nói: “...**công khai đến nỗi Phê-rơ**...”

<sup>925</sup> **8:32** Bạn có thể nói: “...(và) bảo Ngài: ‘Đừng nói như thế!’ ”

<sup>926</sup> **8:32** Chỉ nói rõ tin tức này nếu **không rõ** tại sao Phê-rơ trách/can gián Chúa Giê-su.

<sup>927</sup> **8:33** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ là Chúa Giê-su quay sang Phê-rơ hay quay sang chỗ khác. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su quay về phía Phê-rơ để nói với ông ta. Tuy nhiên, một số nghĩ Ngài quay sang **chỗ khác** để bày tỏ việc Ngài không hài lòng với Phê-rơ. Có lẽ cách tốt nhất là không nói Ngài quay sang hướng nào cả, trừ khi ngôn ngữ của bạn đòi hỏi.

<sup>928</sup> **8:33** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su thực sự đang nói với **Sa-tan** vì nó đang dùng Phê-rơ để cám dỗ Ngài. Tuy nhiên, một số khác nghĩ rằng Chúa Giê-su nói với Phê-rơ rằng ông đang hành động **giống như Sa-tan** khi ông cố can gián Ngài/Chúa Giê-su thực hiện chương trình của Đức Chúa Trời.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phê-rơ không có ý cám dỗ Chúa Giê-su để Ngài không làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. Sa-tan đã muốn làm điều giống như thế trong Mác 1:13.

<sup>929</sup> **8:33** “Hãy lui ra đằng sau Ta” có lẽ được dùng như một thành ngữ ở đây có nghĩa là “tránh cho khuất mắt Ta” hay “Tránh xa khỏi Ta”. Chúa Giê-su **không muốn** Sa-tan trở thành môn đệ, nhưng muốn nó **đừng** cám dỗ Ngài.

<sup>930</sup> **8:33** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu để “**Sa-tan**” ở đầu câu nói.

<sup>931</sup> **8:33** Bạn có thể nói: “...ngươi không quan tâm điều Đức Chúa Trời **muốn** nhưng quan tâm điều con người **muốn**.” Hay nó có thể tự nhiên hơn để đổi **thứ tự** của mệnh đề này và nói: “...ngươi đang nghĩ theo cách của con người/người đời nghĩ {thay vì ⇔ không phải} cách Đức Chúa Trời nghĩ!”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ý nghĩ của Đức Chúa Trời thật vô cùng khác với ý nghĩ của con người (Ê-sai 55:8–9).

8:34–9:1 {**Giá Phải Trả Để Theo (Chúa) Giê-su ⇔  
Những Người Theo (Chúa) Giê-su Phải Sẵn Sàng/Bằng Lòng Chịu Đau Đớn}**}

*Ma-thi-ơ 16:24–28; Lu-ca 9:23–27*

**34** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>gọi/mời <sup>932</sup>đám đông (dân chúng gần đó) <sup>933</sup>{cùng đến ⇔ gia nhập} với các môn đệ (của Ngài) (và) nói với họ (tất cả): “Nếu <sup>934</sup>một người/người nào muốn <sup>935</sup>{theo Ta ⇔ làm môn đệ Ta}, người ấy phải <sup>936</sup>{từ bỏ chính mình ⇔ từ bỏ những dự định và những mong muốn của người đó ⇔ để các dự định các mong muốn của người ấy phải là thứ yếu so với (những chương trình của) Ta} và <sup>937</sup>{(rồi) vác thập tự giá của người ấy và theo Ta ⇔ phải bằng lòng/sẵn sàng chịu đau đớn ngay cả đến chết vì theo Ta}. **35** <sup>938</sup><Bởi vì> người nào (không theo Ta vì người ấy) muốn <sup>GTK939</sup>{cứu sự sống của người ấy ⇔ giữ để khỏi bị giết ⇔ chạy theo những sự ham thích/ước muốn của người ấy ⇔ tiếp tục sống theo cách người ấy muốn sống} sẽ <sup>940</sup>{mất

<sup>932</sup> **8:34** Đây là lần đầu tiên **đám đông dân chúng** được nhắc đến ở đây. Có vẻ như là có một đám đông theo **bên cạnh** Chúa Giê-su. Giới thiệu đám đông thế nào để cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>933</sup> **8:34** Các môn đệ của Chúa Giê-su đã cùng ở với Ngài. Lúc này Chúa Giê-su mời những người khác gia nhập với họ.

<sup>934</sup> **8:34** Điều Chúa Giê-su nói trong tiểu đoạn này áp dụng cho **tất cả mọi người**. Đối với một số ngôn ngữ có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu dùng số nhiều và nói: “Nếu **người ta/các con** muốn theo Ta, **họ/các con** phải...” Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>935</sup> **8:34** Xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ tương tự trong Mác 1:17.

<sup>936</sup> **8:34** “**từ bỏ chính mình**” không có nghĩa là từ bỏ nhân cách của người đó hay từ bỏ thức ăn và của cải.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mục tiêu của chúng ta là phải hầu việc Đức Chúa Trời và phục vụ người khác (Mác 12:30–31), không phải chú trọng về những ao ước riêng của chúng ta.

<sup>937</sup> **8:34** “**vác thập tự giá người ấy mà theo Ta**” là một thành ngữ có nghĩa là “**hãy sẵn sàng chịu đau đớn ngay cả đến chết để theo Ta**”. Nếu chuyển ngữ theo từng từ một (nghĩa đen), thì có thể dùng một LỜI CHÚ THÍCH để giải thích ý nghĩa. Nếu không chuyển ngữ theo từng từ một, thì cần để nguyên văn vào trong một LỜI CHÚ THÍCH.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su không nói tất cả mọi người phải chịu chết trên thập tự giá giống như Ngài. Ngài nói rằng mỗi người trong chúng ta phải thuận phục theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, nó có thể hay không có thể bao gồm sự nhục nhã, đau đớn và bị giết vì danh Ngài.

<sup>938</sup> **8:35 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong các câu 35–38 mỗi câu cho biết lý do tại sao chúng ta nên làm môn đệ của Chúa Giê-su.

<sup>939</sup> **8:35** Nhiều học giả Kinh Thánh hiểu “**muốn cứu sự sống mình**” theo nghĩa đen có nghĩa là “không muốn bị giết/tử vì đạo”. Bạn có thể nói: “không muốn {bị giết ⇔ nguy hiểm đến tánh mạng}”. Tuy nhiên, nhiều người khác hiểu nó như một **thành ngữ** có nghĩa là “làm theo những điều mình ưa thích/mong muốn” hay “tiếp tục sống theo ý riêng của mình”.

<sup>940</sup> **8:35** Bạn có thể nói: “...là đánh mất/bỏ mất {nó ⇔ sự sống (đời đời/vĩnh cửu) của người ấy}” hay “...sẽ (đời đời) **hư mất**.” Có thể tốt nhất là chuyển ngữ theo nghĩa đen trong bản dịch và thêm LỜI CHÚ THÍCH dưới đây ở trong phần lời chú thích.

⇔ không có} {nó ⇔ sự sống (đời đời)}. Nhưng người nào <sup>GTK<sup>941</sup></sup>{mất/hy sinh mạng sống của người ấy ⇔ từ bỏ những vui thích/ước muốn của người ấy ⇔ bằng lòng chết ⇔ bị giết} {vì cơ Ta và (vì cơ của Phúc Âm) ⇔ vì người ấy theo/phục vụ Ta và (nói/dạy những người khác) Phúc Âm} sẽ {được cứu ⇔ có sự sống (đời đời) ⇔ được Đức Chúa Trời ban cho sự sống (đời đời)}. **36** <Vi> <sup>CH<sup>942</sup></sup>nếu một người được {cả thế gian ⇔ tất cả những sự giàu sang/tài sản trong thế gian ⇔ mọi điều người ấy muốn} {và/nhưng ⇔ nếu điều đó làm cho người ấy} bị mất/mất sự sống <sup>943</sup>{(đời đời) của người ấy ⇔ linh hồn} thì ích lợi gì? **37** {<Vi> ⇔ Nói một cách khác,} <sup>CH<sup>944</sup></sup>{người ta có thể/sẽ làm gì ⇔ chẳng có gì để một người có thể cho/trả} {để đổi lấy ⇔ để mua lại} {sự sống (đời đời) ⇔ linh hồn} của mình (sau khi người ấy bị mất nó)?/! **38** {<Vi> ⇔ (Theo Ta bằng mọi giá,) vì} <sup>945</sup>người nào <sup>NTT</sup>{hở thẹn ⇔ từ chối} Ta và lời/sứ điệp/sự dạy dỗ của Ta giữa vòng/trước {thế hệ ⇔ những người (sống trong thế giới/thời đại)}, <sup>946</sup>{gian dâm ⇔ không trung tín ⇔ vô đạo} và đây tội lỗi này, (Ta,) <sup>947</sup>Con Người cũng sẽ <sup>NTT</sup>{hở thẹn về người ấy ⇔ từ chối rằng

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su nhắc đi nhắc lại cuộc sống về thể xác ở trần gian và cuộc sống tâm linh trong nước của Đức Chúa Trời. Nếu một người không làm theo điều Chúa Giê-su dạy vì người ấy muốn sống theo ý riêng của mình, người ấy sẽ mất sự sống đời đời.

<sup>941</sup> **8:35** Sự chọn lựa của bạn ở đây cần giống như cách bạn chuyển ngữ “muốn cứu sự sống của người ấy/của mình” trước đó cùng trong câu 35. Nhiều học giả Kinh Thánh hiểu “**mất sự sống mình**” theo nghĩa đen nói đến việc tử vì đạo, có nghĩa là, chết vì Danh Chúa Giê-su. Tuy nhiên, nhiều người khác hiểu nó như một thành ngữ có nghĩa là “từ bỏ những ưa thích/mong muốn của mình/người ấy” hay “để những điều ưa thích/mong muốn của người ấy sau của Ta” hay “sẵn sàng chết”. Có lẽ cách chuyển ngữ này phù hợp với ngữ cảnh và cũng kể cả việc tử vì đạo. Một bản dịch **không** nên hàm ý rằng người ta nên tự tử hay người ta nên đánh giá thấp chính mình. Nếu bạn chuyển ngữ “cứu sự sống của người ấy” và “mất sự sống của người ấy” theo nghĩa đen, có thể để cách chuyển ngữ khác trong một LỜI CHÚ THÍCH cùng với sự giải thích. Nếu bạn **không chuyển ngữ** theo nghĩa đen, có thể để nghĩa đen trong một LỜI CHÚ THÍCH.

<sup>942</sup> **8:36 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi một người chết, người đó chẳng đem gì theo, mặc dù người ấy giàu có bao nhiêu (Thi Thiên 49:6–20). Điều quan trọng là mối quan hệ giữa người ấy với Đức Chúa Trời.

<sup>943</sup> **8:36** Nhiều bản dịch có “**linh hồn**” ở đây (và ở trong câu 37) như một thành ngữ cho “sự sống đời đời”. Tuy nhiên, sự đồng nhất trong các câu 35–37 có lẽ sẽ rõ ràng hơn nếu “(sự sống đời đời)” được dùng. Xem cách bạn chuyển ngữ trong câu 35.

<sup>944</sup> **8:37** Bạn có thể nói: “...(nếu một người **mất**) {sự sống (đời đời) ⇔ linh hồn của mình}, <sup>CH</sup>{người ấy có thể làm gì ⇔ không có gì người ấy có thể} cho/trả {để đổi nó lại được ⇔ để mua nó lại}?/!”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thi Thiên 49:7–9 xác nhận rằng không ai có thể mua được sự sống đời đời.

<sup>945</sup> **8:38** Điều Chúa Giê-su nói trong đoạn này áp dụng cho **tất cả mọi người** (xem lời chú thích về điều này ở câu 34). Đối với một số ngôn ngữ sẽ được tự nhiên hơn nếu dùng số nhiều ở đây và nói: “...nếu những người nào hở thẹn...Con người cũng sẽ <sup>NTT</sup>hở thẹn về các người ấy...” Coi lại cách bạn chuyển ngữ trong các câu 34–38.

<sup>946</sup> **8:38 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su gọi người ta là gian dâm không có nghĩa là Ngài tố cáo họ về tội tà dâm, nhưng Ngài nói rằng họ không trung tín với Đức Chúa Trời như một người vợ ngoại tình đối với chồng. Trong Cựu Ước, đôi khi các tiên tri nói về Y-sơ-ra-ên như một nước tà dâm vì dân sự không trung tín với Đức Chúa Trời. (Giê-rê-mi 3:8, Ê-xê-chiên 23:37, Ô-suê 2:2–10).

<sup>947</sup> **8:38** Xem Mác 2:10 về cách chuyển ngữ “Con Người”.



người ấy là môn đệ của Ta} khi Con Người/Ta {đến (lần nữa) ⇔ trở lại} (thế gian) <sup>GTK948</sup>{trong/với <sup>949</sup>sự vinh hiển của/từ (Đức Chúa Trời) Cha của Ngài/Ta ⇔ với cùng sự vinh hiển/vĩ đại mà (Đức Chúa Trời) Cha của Ngài/Ta có} (và) {với ⇔ cùng với} {các <sup>950</sup>thiên sứ <sup>951</sup>thánh ⇔ các thiên sứ của Đức Chúa Trời}.”

**9 1** <sup>952</sup><Rôi> Ngài/(Chúa) Giê-su nói với <sup>953</sup>{họ ⇔ đám đông và các môn đệ (của Ngài)}: “<sup>GTK954</sup>A-men/Phải, (đó là việc sẽ xảy ra,) (và) Thầy nói cùng các con (rằng) ⇔ Quả thật, Thầy nói cùng các con, ⇔ Thầy quả quyết với các con rằng} {có một số (người) đang đứng ở đây ⇔ vài ba người trong các con ở đây (hôm nay)} <sup>955</sup>{sẽ không ném sự chết trước khi ⇔ sẽ không chết trước khi ⇔ sẽ còn sống cho đến khi} họ/các con thấy/kinh nghiệm <sup>GTK956</sup>{nước của đức Chúa Trời đến với quyền năng ⇔ Đức Chúa Trời đến trong một cách đầy quyền năng để cai trị họ/loài người ⇔ rằng Đức Chúa Trời đã bắt đầu cai trị nhân loại một cách đầy quyền năng}!”

<sup>948</sup> **8:38** “trong sự vinh hiển của Cha Ta/Ngài” có thể hiểu theo nhiều hơn một ý nghĩa trong ngữ cảnh này. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ đây nói về sự vinh hiển và **Chúa Giê-su có** hay Đức Chúa Trời **ban** cho Ngài (xem Mác 13:26 và Giăng 17:24). Theo cách chuyển ngữ đó bạn có thể nói: “...bày tỏ sự vĩ đại/dây uy quyền mà (Đức Chúa Trời) của Ngài/Cha Ta **ban** cho Ngài/Ta (để xét đoán/cai trị mọi người).” Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ nó nói về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời khi Ngài ở cùng Chúa Giê-su. Theo cách chuyển ngữ đó bạn có thể nói: “...được ở cùng bởi Cha đầy vinh hiển/quyền năng (Đức Chúa Trời) của Ngài/của Ta.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mác 13:24–37 nói nhiều hơn về việc khi nào Chúa Giê-su sẽ trở lại để đoán xét và trị vì nhân loại.

<sup>949</sup> **8:38** “vinh hiển” có thể nói về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời (kể cả mọi bản tánh của Ngài) hay sự vĩ đại và quyền năng, sự hiện hữu hay sáng chói của Ngài. Vì ngữ cảnh về sự đoán xét, nhiều bản dịch nói “quyền năng/thẩm quyền” ở đây.

<sup>950</sup> **8:38** Xem cách bạn chuyển ngữ “các thiên sứ” trong Mác 1:13, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>951</sup> **8:38** Coi lại lần nữa cách bạn chuyển ngữ từ “**thánh khiết**” trong sách Mác. Xem Mác 1:24, 6:20, 8:38, [[16:8]], và xem lời chú thích về điều này trong Mác 1:8 và 6:20. Những từ “**Thánh Linh**” trong sách Mác được ghi riêng rẽ trong lời chú thích của Mác 13:11.

<sup>952</sup> **9:1** Trong 9:1 Chúa Giê-su đang nói với cùng một nhóm người ở trong câu 8:38. Đối với một số ngôn ngữ nếu bạn dùng **công thức trích dẫn** nó sẽ có vẻ như Chúa nói chuyện với một nhóm người khác. Nếu điều này là đúng trong ngôn ngữ của bạn, bạn cần phải dùng **công thức trích dẫn** ở đây.

<sup>953</sup> **9:1** “**họ**” chỉ về đám đông và môn đệ của Chúa Giê-su những người được nhắc đến trong Mác 8:34.

<sup>954</sup> **9:1** Xem lời chú thích về từ “**a-men/phải**” trong Mác 3:28.

<sup>955</sup> **9:1** “**sẽ không ném sự chết**” là một thành ngữ, có nghĩa là “sẽ không chết” hay “sẽ sống mãi”.

<sup>956</sup> **9:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su nói về sự sống lại của Ngài (xem Rô-ma 1:4) và/hay thăng thiên/lên thiên đàng của Ngài tiếp theo là việc Chúa Thánh Linh đến trong ngày lễ Ngũ Tuần. Tuy nhiên, có một số khác nghĩ Chúa Giê-su đang nói về việc hoá hình của Ngài một tuần lễ sau (Mác 9:2–8; xem 2 Phê-rơ 1:16–18), hay sự chết của Ngài, hay sự trở lại lần thứ hai của Ngài, hay việc đền thờ Giê-ru-sa-lem bị huỷ phá trong năm 70 S.C., hay sự phát triển của Hội Thánh, hay nhiều, hay tất cả những điều ở trên.

9:2–8 {Diện Mạo Của (Chúa) Giê-su Thay Đổi/Hóa Hình ⇔  
(Chúa) Giê-su Nói Chuyện Với Môi-Se Và Ê-li} Trên Một Đỉnh Núi

*Ma-thi-ơ 17:1–8; Lu-ca 9:28–36*

2 <Và> {sau sáu ngày ⇔ sáu ngày sau} (Chúa) Giê-su<sup>NTT1</sup> đem/dẫn Phê-rơ, <và> Gia-cơ và Giăng đi (với Ngài)<sup>2</sup> {<và đem/dẫn họ lên> ⇔ và trèo với họ} lên (đỉnh của) một<sup>3</sup> núi cao (họ ở đó) một mình <không có ai> (nữa). <Và>/ở đó<sup>4</sup> {Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ diện mạo của Ngài/(Chúa) Giê-su}<sup>5</sup> thay đổi/hóa hình {trước mặt họ ⇔ trong khi họ nhìn xem},<sup>3</sup> và áo/áo choàng của Ngài trở nên sáng chói/trắng tinh — {mà một<sup>6</sup> người thợ giặt đời này cũng không thể tẩy (chúng) trắng như thế ⇔ không có một ai trên thế gian có thể làm cho (quần áo) trắng như thế}.<sup>4</sup> <Rồi> {(tiên tri)<sup>7</sup> Ê-li với/và (tiên tri) Môi-se<sup>8</sup> hiện ra với họ ⇔ ba môn đệ (của Chúa Giê-su) thấy (ông) Ê-li và (ông) Môi-se hiện ra} và (bất đầu) nói chuyện với (Chúa) Giê-su/Ngài.<sup>5</sup> {<Rồi> ⇔ Khi Phê-rơ thấy điều đó,} Phê-rơ/ông ấy <phản ứng> nói/thưa với (Chúa) Giê-su/Ngài: “Thưa<sup>9</sup> Thầy,<sup>GTK10</sup> chúng ta/chúng con ở lại đây thì thật là tốt. Cho nên

<sup>1</sup> 9:2 Bạn có thể nói: “...Chúa Giê-su bảo Phê-rơ, Gia-cơ và Giăng cùng<sup>NTT</sup> đi với Ngài, do đó họ đi với Ngài và trèo lên (đỉnh...)” Hay bạn có thể nói: “...chỉ đem/dẫn Phê-rơ, <và> Gia-cơ và Giăng với (Ngài) lên (đỉnh của) một núi cao.”

<sup>2</sup> 9:2 Cần nên nói rõ ràng là Chúa Giê-su, Phê-rơ, Gia-cơ và Giăng trèo lên đỉnh cùng một lúc, không phải mỗi lần một người. Khi chuyển ngữ từ “đem” không nên hàm ý rằng Chúa Giê-su dùng áp lực để bắt Phê-rơ, Gia-cơ, Giăng đi với Ngài. Phải chắc chắn không dùng động từ chỉ về việc đem/dẫn trẻ con hay súc vật.

<sup>3</sup> 9:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Mặc dù chúng ta không biết chắc chắn là đồi/núi nào được nói đến trong câu chuyện ở đây. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ đó là núi Hết-môn. Núi này cách thành Sê-sa-rê Phi-líp 19 cây số về phía bắc (được nhắc đến ở trong Mác 8:27) và núi có độ cao 2,750 mét.

<sup>4</sup> 9:2 Chỉ có diện mạo/bề ngoài của Chúa Giê-su thay đổi, không phải cả bản tánh của Ngài. Tuy nhiên, hãy cẩn thận để không hàm ý rằng Chúa Giê-su bất đầu trông giống như một loài quái vật.

<sup>5</sup> 9:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Sự hoá hình kỳ diệu của Chúa Giê-su khi Ngài là Đức Chúa Trời mang thân thể của một con người (Phi-líp 2:6–7).

<sup>6</sup> 9:3 Một người thợ giặt là một người tẩy và giặt quần áo.

<sup>7</sup> 9:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Môi-se và Ê-li là những tiên tri trong Cựu Ước đã sống hàng trăm năm trước khi Chúa Giê-su giáng sanh. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng trong ngữ cảnh này Môi-se đại diện cho Luật Pháp (đó là năm sách mà ông đã viết) và Ê-li đại diện cho những sách còn lại của Cựu Ước mà đôi khi người Do Thái gọi là “Các sách Tiên Tri”.

<sup>8</sup> 9:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Môi-se và Ê-li đã đến từ thiên đàng để nói chuyện với Chúa Giê-su. Môi-se đã chết và được chôn bởi Đức Chúa Trời hàng trăm năm trước khi Chúa Giê-su đến thế gian, (Phục-truyền Luật-lê Ký 34:5–6). Đức Chúa Trời đem Ê-li lên thiên đàng bằng xe ngựa lửa trong một cơn gió lốc (2 Các Vua 2:11).

<sup>9</sup> 9:5 Đối với một số ngôn ngữ, cần phải nói: “Thầy (của tôi)”.

<sup>10</sup> 9:5 Đa số học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC) nghĩ “chúng ta” kể cả Chúa Giê-su ở đây và có nghĩa là “việc này tốt cho (tất cả) chúng ta (cùng) ở đây.” Tuy nhiên, một số khác (và BCG, BDY) nghĩ đây trừ Chúa Giê-su ra và có nghĩa là, “việc này thật tốt cho chúng tôi ở đây (nhờ đó chúng tôi có thể ở với Ngài, Môi-se và Ê-li).”

{hãy để <sup>11</sup> chúng con ⇔ nếu có thể chúng con} làm/dựng ba <sup>12</sup> {cái lều/trại ⇔ chỗ ở tạm}, một cho thầy, <và> một cho (ông) Môi-se và một cái nữa cho (ông) Ê-li./?” **6** Ông ấy/Phê-rơ (nói thế) vì <sup>TD13</sup> {họ ⇔ ông và hai môn đệ kia} đều (rất) khiếp sợ và ông/Phê-rơ không biết nói gì (cho đúng). **7** <Rồi> một <sup>14</sup> đám mây kéo đến/xuất hiện <sup>GTK15</sup> {bao phủ/ở trên ⇔ và bao bọc/chung quanh} {(tất cả) <sup>GTK16</sup> mọi người ⇔ (Chúa) Giê-su, (ông) Ê-li và (ông) Môi-se}, và <sup>17</sup> {có tiếng (của Đức Chúa Trời) phán ⇔ Đức Chúa Trời phán ⇔ (Các môn đệ nghe) Đức Chúa Trời nói (với họ)} từ (trong) đám mây: “Đây là <sup>GTK18</sup> {Con yêu dấu của Ta. ⇔ Con mà Ta yêu mến. ⇔ Con, Người Yêu Dấu. ⇔ Con (độc sanh). Ta yêu Người.} Hãy nghe/vâng lời Người!” **8** <Rồi> (họ ⇔ các môn đệ) nhìn quanh, (nhưng) thình lình/đột nhiên <sup>19</sup> họ không còn thấy một ai với họ ngoại trừ <mình> (Chúa) Giê-su.

### 9:9–13 Chút Vấn Về Ê-li

*Ma-thi-ơ 17:9–13*

**9** <Và> trong khi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và ba môn đệ (của Ngài)} từ trên núi đi xuống, Ngài/(Chúa) Giê-su ra lệnh/căn dặn họ <sup>NTT20</sup> {rằng họ không nên nói với bất cứ ai ⇔ không nói với một ai khác} về việc họ vừa thấy {ngoại trừ khi ⇔ cho đến sau khi} <sup>21</sup> {(Ngài,) Con Người ⇔ (Ngài) Đấng trở thành một người/con người ⇔ Ngài} <sup>22</sup> sống lại (từ kẻ) chết. **10** Do đó họ {vâng giữ điều này (và) bàn cãi với nhau ⇔ không nói với ai khác <sup>NTT</sup> về điều họ đã

<sup>11</sup> **9:5 “chúng con”** Ở đây nói đến ba môn đệ, **không kể** Chúa Giê-su, Ê-li hay Môi-se.

<sup>12</sup> **9:5** Các **lều/trại** này sẽ làm bằng những cành cây và lá mà các môn đệ có thể tìm được gần đó trên núi.

<sup>13</sup> **9:6 Thứ tự** thật sự của mệnh đề trong bản Hy-lạp là, “(Phê-rơ nói rằng) vì ông ấy/Phê-rơ đã không biết điều gì (cho thích hợp) để nói, vì {họ ⇔ ông ấy và hai môn đệ kia} trở nên/rất là khiếp sợ.”

<sup>14</sup> **9:7 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một đám mây cũng là dấu hiệu sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong Xuất Ê-díp-tô Ký 13:21–22, 16:10, 19:9, 24:15–18, 34:5, 40:34–38; Lê-vi Ký 16:2, Dân-số Ký 9:15–22; 11:25 và Thi Thiên 97:2.

<sup>15</sup> **9:7** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ đám mây xuất hiện **trên** mọi người đang có mặt. Tuy nhiên, nhiều người khác (và BDM, BDC, BDY, BCG) nghĩ đám mây che **chung quanh/bao phủ** mọi người, hay có thể chỉ mình Chúa Giê-su, Môi-se và Ê-li, vì tiếng của Đức Chúa Trời ra **từ** đám mây.

<sup>16</sup> **9:7 “họ”** đây nói về Chúa Giê-su, Ê-li và Môi-se.

<sup>17</sup> **9:7** Cần nên nói rõ rằng là **Đức Chúa Trời** đang nói ở đây, **không phải** một người nào đó hay một thiên sứ. Xem cách bạn đã chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong Mác 1:11.

<sup>18</sup> **9:7** Xem cách bạn đã chuyển ngữ một câu tương tự trong Mác 1:11, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>19</sup> **9:8** Hay bạn có thể nói: “...chẳng còn ai ở với họ nữa, ngoại trừ Chúa Giê-su.” Hay bạn có thể nói: “...Môi-se và Ê-li đã biến mất, và chỉ còn mình Chúa Giê-su ở với họ.”

<sup>20</sup> **9:9** Bạn có thể nói: “Hãy đợi cho đến sau khi (Ta,) Con Người sống lại (từ trong kẻ) chết **trước khi** các con nói cho dân chúng về điều các con vừa thấy/kinh nghiệm.”

<sup>21</sup> **9:9** Xem cách bạn đã chuyển ngữ “**Con Người**” trong Mác 8:31, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>22</sup> **9:9 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Môn đệ Chúa Giê-su không hiểu việc làm của Chúa Giê-su là việc làm của Con Đức Chúa Trời cho đến sau khi Chúa Giê-su đã chết và sống lại.

thấy/kinh nghiệm, (nhưng) (họ) bàn luận với nhau} <sup>NTT23</sup>{ý nghĩa của nó là gì ⇔ ý nghĩa/điều Ngài/(Chúa) Giê-su nói (khi Ngài nói <sup>NTT</sup>rằng Ngài sẽ)} {sống lại từ (kẻ) chết ⇔ chết và rồi sẽ sống lại}.

**11** <Rồi> (họ ⇔ các môn đệ của Chúa Giê-su) hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su <nói>: “Tại sao các chuyên gia Kinh Luật nói <sup>NTT</sup>rằng (tiên tri) Ê-li phải {đến ⇔ trở lại} (thế gian) <sup>24</sup>trước (và sau đó) (Đấng Cứu Thế sẽ đến)?” **12** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ ⇔ trả lời: “(Đó là thật ⇔ Đúng,) Ê-li phải đến trước (để) {phục hồi mọi việc ⇔ chuẩn bị lòng con người ⇔ cho mọi việc sẵn sàng} (cho Đấng Cứu Thế đến ⇔ cho sự đến của Ta). Nhưng/Vậy {tại sao điều đó (cũng) <sup>25</sup>đã được chép (trong lời Kinh Thánh) ⇔ tại sao Lời Đức Chúa Trời (cũng) nói} {về (Ta,) Con Người rằng Ngài/Ta ⇔ rằng (Ta,) Con Người ⇔ rằng Ta} phải chịu đau đớn {nhiều ⇔ vô cùng/khủng khiếp} và (bị người ta) khinh miệt/xem thường/từ chối? (Ê-sai 53:3) **13** Nhưng (thực ra) Ta bảo các con rằng <sup>26</sup>Ê-li đã đến (rồi), và/nhưng <sup>27</sup>{họ/người ta ⇔ có người} {đã đối xử với người bằng (bất cứ điều ác nào) họ muốn (làm) ⇔ đối xử với người tội tệ} <sup>28</sup>nghư {điều đã chép/tiên tri về người (trong lời Kinh Thánh) (từ xưa) ⇔ như Lời Đức Chúa Trời đã nói/tiên tri}.”

### 9:14–29 (Chúa) Giê-su <sup>29</sup>Chữa Lành Một Cậu Bé Bị Âm/Kiểm Soát Bởi Một Tà Linh, Và Ngài Dạy Về Sự Quan Trọng Của Đức Tin

*Ma-thi-ơ 17:14–21; Lu-ca 9:37–43a*

**14** {<Và> khi ⇔ <Rồi>} (Chúa Giê-su và ba môn đệ) ⇔ Chúa Giê-su và Phê-rô, Gia-cô và Giăng (xuống tới chân núi và) {đi đến ⇔ tới} (một nơi) chỗ những môn đệ (khác) (ở),/. {họ ⇔ (Ở đó) họ} thấy một đám đông bao quanh {họ ⇔ những môn đệ khác} và (một số) các

<sup>23</sup> **9:10 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái không mong đợi Chúa Cứu Thế bị thương khó và chết, nhưng họ (ngoại trừ người Sa-du-sê) mong đợi Đức Chúa Trời khiến mọi người từ cõi chết sống lại trong Ngày Đoán Xét (Đa-ni-ên 12:2, Giăng 11:24). Có lẽ các môn đệ của Chúa Giê-su nghĩ rằng Chúa Giê-su đang nói về ngày tận thế.

<sup>24</sup> **9:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dựa theo Ma-la-chi 3:1, 4:5–6 người Do Thái đang mong đợi Ê-li trở lại thế gian trước khi Đấng Cứu Thế sẽ đến. Tuy nhiên, họ không mong đợi Ê-li bị đau đớn (chịu khổ) khi ông trở lại.

<sup>25</sup> **9:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thi Thiên 22, 118:22 và Ê-sai 53 cho biết trước rằng Đấng Cứu Thế sẽ bị dân chúng từ chối/khinh rẻ bởi, bị đau đớn và chết.

<sup>26</sup> **9:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su nói Giăng Báp-tít giống như Ê-li (xem Ma-thi-ơ 11:13–14, 17:10–13).

<sup>27</sup> **9:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đặc biệt nghĩ về các nhà lãnh đạo Do Thái ở đây, họ không tin sứ điệp của Giăng Báp-tít. Đa số dân chúng tin rằng Giăng Báp-tít là tiên tri của Đức Chúa Trời (Mác 11:32), nhưng có lẽ họ không nhận ra rằng ông là Ê-li người mà Đức Chúa Trời đã nói sẽ sai đến.

<sup>28</sup> **9:13** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu bắt đầu một câu mới ở đây và nói: “Đó là điều Kinh Thánh đã nói/tiên tri sẽ xảy ra cho ông ấy.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vua A-háp và Giê-sa-bên là vợ vua tìm cách để giết Ê-li (1 Các Vua 19:2, 10). Hê-rôt An-ti-ba và Hê-rô-đia đã giết Giăng Báp-tít (Mác 6:14–29).

<sup>29</sup> **(Tiểu Đề)** Bạn có thể nói: “Chúa Giê-su <sup>NTT</sup>Đuổi/Trừ Một Tà Linh Ra Khỏi Một Em Bé Trai Và...”

chuyên gia Kinh Luật đang tranh luận với {họ ⇔ các môn đệ đó}. **15** <Rồi> ngay sau khi người ta thấy Ngài/(Chúa) Giê-su, họ rất là <sup>GTK30</sup>kinh ngạc/ngạc nhiên (và phấn khởi) (để gặp Ngài), và/do đó họ chạy đến để <sup>NTT</sup>chào/đón Ngài. **16** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi {<sup>31</sup>họ ⇔ dân chúng ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: “{Các con/ông cãi nhau về điều gì ⇔ Tại sao các con/ông cãi} với <sup>GTK32</sup>{họ ⇔ các môn đệ của Thầy ⇔ [các chuyên gia Kinh Luật]}?” **17** <Và> một người đàn ông từ/trong đám đông trả lời Ngài: “Thưa thầy, tôi đem <sup>33</sup>con trai của tôi để/cho thầy (chữa lành),/. (vì nó) bị ám/điều khiển bởi một (uế/tà) linh {câm/điếc ⇔ làm cho nó không nói được}. **18** <Và> bất cứ nơi/khi nào (uế/tà) linh bắt/tấn công {nó ⇔ con trai tôi}, (uế/tà) linh {vật/liệng nó ⇔ làm cho nó té} xuống đất, và nó bị xùi bọt mép và nghiêng răng rồi trở nên cứng đờ người ra. <Và> tôi yêu cầu/xin <sup>34</sup>(một vài) môn đệ của Thầy đuổi/trừ {nó ⇔ uế/tà) linh} ra (khỏi con trai tôi), nhưng họ không <sup>35</sup>thể (làm được ⇔ đuổi/trừ nó được)!” **19** {<Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su <phản ứng> ⇔ Khi Ngài/(Chúa) Giê-su nghe thế, Ngài} nói/kêu <sup>GTK36</sup>{họ/mọi người ⇔ đám đông và các môn đệ (của Ngài) ⇔ đám đông dân chúng}: {Hỡi <sup>GTK37</sup>thế hệ thiếu đức tin! ⇔ Các con không có đức tin (nơi Ta/Đức Chúa Trời)!} <sup>CH38</sup>Ta phải ở với các con cho đến chừng nào, (trước khi các con tin Ta)? Ta phải nhẫn nại/chịu đựng với {các con ⇔ sự vô tín của các con} <sup>CH</sup>bao lâu nữa? Hãy đem {nó ⇔ thằng bé} đến cho Ta!” **20** Do đó <sup>GTK39</sup>{họ ⇔ một số người ⇔ các môn đệ (của Ngài)} mang/đem

- 
- <sup>30</sup> **9:15** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng dân chúng **kinh ngạc/ngạc nhiên** bởi sự trở lại bất ngờ của Chúa Giê-su, bấy giờ Chúa Giê-su có thể giàn xếp việc tranh luận. Tuy nhiên, một vài người nghĩ **mặt** Chúa Giê-su sáng giống như mặt Môi-se trong Xuất Ê-díp-tô Ký 34:30. Bạn có thể để những tin tức này trong một LỜI CHÚ THÍCH.
- <sup>31</sup> **9:16** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “**họ**” nói đến “**dân chúng**” vì dân chúng chạy đến với Chúa và một người trong đám đông trả lời Ngài. Một số học giả (và BDM, BCG) nghĩ rằng “**họ**” nói đến “**các môn đệ**”. BDY, BDC để “**họ**” hàm ý.
- <sup>32</sup> **9:16** Bạn chuyển ngữ từ “**họ**” như thế nào ở đây sẽ tùy thuộc vào cách bạn chuyển ngữ trong câu 16 trước đó.
- <sup>33</sup> **9:17** Từ được dùng để nói về **thằng bé** trong câu 24 cho thấy có lẽ em nhỏ hơn 13 tuổi.
- <sup>34</sup> **9:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các môn đệ mà người đàn ông đã yêu cầu giúp là những người đã không đi với Chúa Giê-su lên núi.
- <sup>35</sup> **9:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trước đó các môn đệ của Chúa Giê-su có thể chữa lành bệnh tật cho dân chúng và đuổi/trừ tà linh ra khỏi người bị chúng ám/điều khiển (Mác 6:7, 13). Chúa Giê-su là “Đấng vĩ đại hơn” mà Giảng Báp-tít đã nói tiên tri ở trong Mác 1:7.
- <sup>36</sup> **9:19** Từ “**họ**” ở trong bản Hy-lạp không xác định rõ. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su đang nói chuyện với toàn **đám đông**, kể cả các môn đệ. Tuy nhiên, một số khác nghĩ Ngài chỉ nói với các **môn đệ**. Một vài người khác nghĩ Ngài chỉ nói với **đám đông**, **không** bao gồm các môn đệ, vì sau đó Chúa Giê-su không trách các môn đệ về việc không có đức tin (các câu 28–29), và trước đó chính Chúa Giê-su không thể thực hiện phép lạ được vì dân chúng không có đức tin (Mác 6:5). BDM, BDC, BDY, BCG không dùng từ “**họ**”.
- <sup>37</sup> **9:19** Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ từ “**thế hệ**” trong Mác 8:12, và xem lời chú thích ở đó.
- <sup>38</sup> **9:19** Nếu **câu hỏi tu từ không** thích hợp ở đây trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể chuyển ngữ thành **câu nói** từ hai câu hỏi kế và nói: “Thật là bực mình/nực cười rằng các con vẫn không tin Ta ngay cả/dù Ta đã ở với các con bấy lâu nay!”
- <sup>39</sup> **9:20** Trong bản Hy-lạp “**Họ**” không xác định rõ. Nó có thể nói đến hoặc là “**một số người**” trong đám đông hay nói đến “**các môn đệ của Chúa Giê-su**”. Bạn chuyển ngữ như thế nào sẽ tùy thuộc cách bạn chuyển ngữ từ “**họ**” ở gần đầu câu 19.

{nó ⇔ đứa trẻ} đến với Ngài/(Chúa) Giê-su. Nhưng ngay sau khi (uế/tà) linh thấy Ngài/(Chúa) Giê-su, nó <sup>40</sup> vật thẳng bé do đó nó té xuống (và) lăn lộn trên đất, xùi bọt mép.

21 <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi cha của {nó ⇔ thằng bé}: “{Con ông bị giạt kinh như thế ⇔ Con ông bị ám/tấn công (bởi uế/tà linh) như thế này} bao lâu rồi?” <Rồi> {ông ấy ⇔ người cha} trả lời (Ngài/Chúa Giê-su): <sup>41</sup>“Từ khi nó còn bé. 22 <Và> đã nhiều lần uế/tà linh cũng/còn <sup>42</sup>{ném nó ⇔ làm cho nó té} vào (bếp) lửa và xuống <sup>43</sup>nước để tiêu diệt/giết nó. <sup>44</sup>{Nhưng ⇔ Ôi! Thưa Thầy}, nếu Thầy có thể (làm được) bất cứ gì (cho chúng tôi), (xin vui lòng) thương xót chúng tôi (và) giúp {chúng tôi ⇔ con tôi và tôi}!” 23 <Rồi/Nhưng> (Chúa) Giê-su/Ngài nói với {ông ấy ⇔ cha của thằng bé}: “*GTK, CH45*{(Ông nói gì:) *NGT*‘Nếu Thầy có thể’? ⇔ Tại sao ông hồ nghi việc Ta có thể giúp con trai ông? ⇔ (Câu hỏi là) ‘Ông có thể <sup>46</sup>{tin (Ta/Đức Chúa Trời không)}?’} *GTK47*{Tất cả mọi việc (đều) được cả ⇔ Ta/Đức Chúa Trời có thể/sẽ làm bất cứ việc gì} cho (ai/người nào) tin (Ta/Đức Chúa Trời/Ngài ⇔ rằng Ta/Đức Chúa Trời/Ngài sẽ làm điều ông/họ cầu xin).” 24 <sup>48</sup><[Rồi]> ngay lập tức cha của đứa trẻ {kêu lên (một cách tuyệt vọng) ⇔ nói lớn} <sup>49</sup>đẩy nước mắt [với một giọng đẩy nước mắt]

<sup>40</sup> 9:20 Xem cách bạn chuyển ngữ “**làm cho thằng bé co giật**” trong Mác 1:26.

<sup>41</sup> 9:21 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải trả lời **đầy đủ hơn ở đây**. Ví dụ, “(Nó đã bị như thế ⇔ Nó đã bị tấn công như thế này từ lúc còn thơ ấu.”

<sup>42</sup> 9:22 Hay bạn có thể nói: “...cũng/ngay cả **cố gắng** để hủy diệt/giết nó bằng cách liệng nó vào (bếp) lửa và liệng xuống nước (sâu).”

<sup>43</sup> 9:22 Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp thì **tổng quát** và có thể nói về bất cứ chiều sâu nào của **nước**, kể cả ở sông, hồ, đầm và giếng.

<sup>44</sup> 9:22 Nhiều ngôn ngữ có một **thán từ** ở đây chẳng hạn như “**Ôi! (Thưa ngài)**” nó bày tỏ rằng người đàn ông đầy cảm xúc ở đây và coi tình trạng này rất là nguy cấp, nếu không phải là không có hy vọng. Hãy xem “**thán từ**” trong **Danh Sách Từ Ngữ**.

<sup>45</sup> 9:23 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su **nhắc lại** câu hỏi của người đàn ông để **khiểm trách** lòng nghi ngờ của ông ta. Tuy nhiên, một số khác nghĩ Chúa Giê-su đổi ngược câu hỏi và **hỏi** người đàn ông **nếu ông ta** có thể (tin). Thực ra, nhiều bản thảo Hy-lạp chính nói điều này một cách rõ ràng hơn (xem lời chú thích dưới đây về việc này).

<sup>46</sup> 9:23 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**tin**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS] và BDM, BDC, BDY, BCG) **không có** từ đó.

<sup>47</sup> 9:23 Câu “Tất cả mọi sự đều được cả **cho** (người nào) tin” có thể hiểu theo nhiều hơn là một ý nghĩa ở đây trong bản Hy-lạp. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là **Chúa Giê-su/Đức Chúa Trời** có thể làm bất cứ điều gì cho người nào tin Ngài. Tuy nhiên, một số khác nghĩ nó có nghĩa là: “Người nào có đức tin (trong Ta/Đức Chúa Trời) **sẽ tin** rằng Ta/Đức Chúa Trời có thể làm bất cứ điều gì.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Tất cả mọi sự” không nói đến bất cứ điều gì một người có thể nghĩ đến. Các môn đệ của Chúa Giê-su sẽ xin những điều phù hợp với ý chỉ của Đức Chúa Trời (Mác 14:36, Giăng 14:12–14; 1 Giăng 5:14–15).

<sup>48</sup> 9:24 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**Rồi**” ở đây. Tuy nhiên, một số khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>49</sup> 9:24 Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có các từ “**đẩy nước mắt**” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**.

<(và nói>: “<sup>50</sup>Tôi tin (Thầy/Đức Chúa Trời có thể giúp tôi)! <sup>51</sup>(Xin) giúp {sự vô tín của tôi ⇔ để tôi tin (Thầy) nhiều hơn ⇔ để tôi đừng nghi ngờ}!”

**25** <Rôi> <sup>52</sup>khi (Chúa) Giê-su nhìn/nhận thấy <sup>53</sup>{đám đông (đông hơn) trước ⇔ rất nhiều người} {đã tụ tập một cách nhanh chóng ⇔ đang chạy đến với Ngài}, Ngài quở trách/ra lệnh <sup>54</sup>uế/tà linh <bằng cách nói với nó>: “(Ngươi) {(uế/tà) linh điếc và câm ⇔ (uế/tà) linh (đang khiến thằng bé này) không thể nói và nghe}, Ta ra lệnh cho ngươi, ra khỏi thằng bé, và đừng bao giờ nhập (trở lại) vào trong nó (nữa)!” **26** <Rôi> uế/tà linh rú lên, <và> <sup>55</sup>vật thằng bé dữ dội (và) biến mất. <Và> sau đó thằng bé {trở nên như (người) chết ⇔ trông giống như nó đã chết}, do đó <sup>GTK56</sup>nhiều/đa số/tất cả (mọi người trong đám đông) nói <sup>NTT</sup>rằng nó {đã chết ⇔ chết rồi}. **27** Nhưng (Chúa) Giê-su cầm <sup>57</sup>tay nó, <sup>58</sup>{đỡ nó dậy ⇔ giúp nó (đứng) dậy}, và nó đứng dậy (và được lành).

**28** <Rôi>/Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) <sup>GTK59</sup>{đi vào một căn nhà ⇔ đi vào trong nhà} (và) các môn đệ hỏi riêng Ngài: “Tại sao chúng con không thể <sup>NTT</sup>đuổi/trừ {nó ⇔ uế/tà linh} ra (khỏi thằng bé)?” **29** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ:

<sup>50</sup> **9:24** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “Thưa Ngài” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần thiết để bắt đầu với những từ ngữ như “Thưa Ngài” để bày tỏ sự kính trọng.

<sup>51</sup> **9:24** Lời yêu cầu của người đàn ông cần nên có **lễ phép, không được** vô lễ hay đòi hỏi.

<sup>52</sup> **9:25** Vì mệnh đề này chứa đựng **thông tin mới**, nó sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “<Rôi> Chúa Giê-su thấy đám đông đang kéo đến nhanh chóng, **do đó** Ngài khiển trách/ra lệnh cho uế/tà linh...”

<sup>53</sup> **9:25** Một **đám đông** đã được nhắc đến trong câu 14. Bây giờ có nhiều người **hơn** đang kéo đến cùng Chúa Giê-su.

<sup>54</sup> **9:25** Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ “**uế linh**” trong sách Mác. Xem Mác 1:23, (25)–27 và tiểu đề; 3:11, (12), 30; 5:2, 8, (12), 13, (15) và tiểu đề; 6:7, 7:25, 9:25, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này trong Mác 1:23. So sánh với cách bạn chuyển ngữ “**ma quỷ**” (xem Mác 16:17). Cũng hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**không thanh sạch**” trong Mác 7:2, 5, 15, (17), 18, 20, 23 và cách bạn chuyển ngữ từ “**thanh sạch**” và “**lành**” trong Mác 1:40–42, 44; 7:19.

<sup>55</sup> **9:26** Xem cách bạn chuyển ngữ “vật thằng bé” trong câu 20.

<sup>56</sup> **9:26** Từ Hy-lạp trong ngữ cảnh này có thể hiểu theo nhiều hơn là một ý nghĩa. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “**nhiều**” hay “**đa số**”. Tuy nhiên, một số khác nghĩ nó có nghĩa là “**tất cả**”. Mỗi ý đều phù hợp với ngữ cảnh.

<sup>57</sup> **9:27** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ Chúa Giê-su cầm tay **nào** của thằng bé. Xem cách bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong Mác 5:41.

<sup>58</sup> **9:27** Chúa Giê-su giúp cho thằng bé đứng dậy. Ngài **không** dùng tay của Ngài nhắc bóng nó lên khỏi đất.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Được cứu khỏi quyền lực của Sa-tan giống như được cứu sống lại từ kẻ chết.

<sup>59</sup> **9:28** Mặc dù nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**đi về nhà**”, đa số học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “**đi vào trong nhà**”, vì Chúa Giê-su đang di chuyển (câu 30) và **không** về nhà tại Ca-bê-na-um mãi cho đến câu 33. Cùng một nhóm từ được dùng trong Mác 7:17, nhưng nó có thể có ý nghĩa khác ở đó.

“{<sup>GTK60</sup>Loại (uế/tà linh này) không thể <sup>61</sup>(làm cho nó) ra khỏi (người ta) bằng bất cứ (cách nào), trừ phi bởi (việc) cầu nguyện (với Đức Chúa Trời và <sup>62</sup>[kiêng ăn]). ⇔ <sup>63</sup>Không ai có thể <sup>NTT</sup>đuổi/trừ <sup>GTK</sup>loại (uế/tà linh đó) ra (khỏi người ta), trừ phi người đó [kiêng ăn và] cầu xin Đức Chúa Trời <sup>NTT</sup>đuổi/trừ nó ra.}”

9:30–32 **Lần Nữa (Chúa) Giê-su <sup>64</sup>{Nói Tiên Tri Về Sự Chết Và Sự Sống Lại Của Ngài ⇔ Bảo Các Môn Đệ Của Ngài <sup>NTT</sup>Rằng Ngài Sẽ Bị Giết, Nhưng Rồi Sống Lại Từ Cõi Chết}**

*Ma-thi-ơ 17:22–23; Lu-ca 9:43–45*

**30** <Rời> {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} rời khỏi <sup>GTK65</sup>{đó ⇔ vùng chung quanh (thành) Sê-sa-rê Phi-líp ⇔ căn nhà/núi đó} (và) đi/di chuyển băng ngang qua (tỉnh) Ga-li-lê. <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su không muốn một ai (khác) biết (nơi Ngài ở), **31** vì (Ngài không muốn bị quấy rầy trong khi) Ngài dạy các môn-đệ của Ngài {và bảo họ ⇔ (Trong lúc đó) Ngài bảo họ}: “<sup>66</sup>{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đáng trở thành một người/con người} {thì (sẽ bị) ⇔ sẽ (chẳng bao lâu) bị} <sup>GTK67</sup>(Đức Chúa Trời ⇔ người ta) nộp vào tay của

<sup>60</sup> **9:29** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “loại (tà linh đó)” nói chính xác về một loại tà linh nào. Tuy nhiên, một số khác nghĩ nó đề cập đến những loại tà linh một cách tổng quát và nói: “Những tà linh {không thể (bị đuổi) ⇔ sẽ không} ra khỏi...”

<sup>61</sup> **9:29** Bạn có thể nói: “... bị **đuổi/trừ** ra (khỏi người ta)...”

<sup>62</sup> **9:29** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**và kiêng ăn**” ở đây. Tuy nhiên, có một vài bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có. BDM, BDC để vào trong lời chú thích. Xem cách bạn chuyển ngữ “**kiêng ăn**” trong Mác 2:18, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>63</sup> **9:29** Đây là một lời tuyên bố tổng quát áp dụng cho mọi người. Đối với một số ngôn ngữ, nó sẽ được tự nhiên hơn nếu bắt đầu lời tuyên bố như thế bằng cách nói: “**Người ta/Các con không thể...trừ phi họ/các con...**”

<sup>64</sup> (**Tiểu Đề**) Xem cách bạn chuyển ngữ tiểu đề ở Mác 8:31.

<sup>65</sup> **9:30** Trong bản Hy-lạp **không** cho biết rõ “**đó**” là ở đâu. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ đó là **vùng** chung quanh thành Sê-sa-rê Phi-líp (Mác 8:27). Tuy nhiên, một số khác nghĩ đó là **nhà** (câu 28) hay **núi** (câu 9). Có lẽ tốt nhất là chuyển ngữ theo từng chữ/nghĩa đen và và thêm lời chú thích dưới đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Chúa Giê-su và các môn đệ đang rời khỏi vùng chung quanh thành Sê-sa-rê Phi-líp (Mác 8:27). Cái nhà được nói đến trong 9:28 và núi có vẻ cũng nằm trong vùng đó (xem lời chú thích ở đó ở 9:2).

<sup>66</sup> **9:31** Cần nên nói rõ ràng là Chúa Giê-su đang nói về chính Ngài là “**Con Người**”. Xem lời chú thích ở đó về Danh Hiệu này trong Mác 2:10. Coi lại cách bạn đã chuyển ngữ trong Mác 9:9, 12.

<sup>67</sup> **9:31** Trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn là một ý nghĩa. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa “**nộp (bởi Đức Chúa Trời)**”, ý này có vẻ phù hợp với ngữ cảnh này nhất, vì Chúa Giê-su đang bị nộp cho **người ta**. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó có nghĩa là “**bị phản bội (bởi người nào đó)**”, ý nói đến Giu-đa. Nó có thể có **cả hai** ý trên. Trong một trường hợp quan trọng như thế này có **nhiều** học giả Kinh Thánh ủng hộ cho mỗi cách chuyển ngữ, có lẽ cách tốt nhất là dùng **cả hai** để một vào trong bản dịch, và một vào trong LỜI CHÚ THÍCH.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn là một ý nghĩa ở đây. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa “bị phản bội (bởi người nào đó)”, ý chỉ về Giu-đa. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó có nghĩa là “bị nộp (bởi Đức Chúa Trời)”. Đức Chúa Trời là Đấng hy sinh Con của



người ta. <Và> họ sẽ giết/xử tử Ngài/Ta, nhưng <sup>68</sup>{sau ba ngày ⇔ [vào ngày thứ ba (sau khi)]} bị giết/xử tử Ngài/Ta sẽ sống lại (từ kẻ chết).” **32** <Và> {họ ⇔ các môn đệ của (Chúa) Giê-su} {không thể nào ⇔ đã không} hiểu {lời phán/tiên tri (của Ngài) ⇔ điều (Chúa Giê-su/Ngài) nói/tiên tri}, nhưng họ (quá) sợ để xin Ngài <sup>NTT</sup>(giải thích điều đó ⇔ cho biết ý nghĩa điều đó là gì).

**9:33–37 {Hãy Khiêm Nhường Và Hậu Việc Mọi Người  
⇔ Ai Cao Trọng Nhất Trước Mặt Đức Chúa Trời}**

*Ma-thi-ơ 18:1–5; Lu-ca 9:46–48*

**33** <Rồi> <sup>69</sup>{họ/[Ngài] ⇔ (Chúa) Giê-su và môn đệ (của Ngài)} đến/tới (thành) Ca-bê-na-um. <sup>70</sup>{<Rồi> trong khi (Ngài/họ) <sup>GTK71</sup>ở/vào <sup>72</sup>trong nhà, ⇔ <Rồi> (Ngài/họ) <sup>GTK</sup>về đến nhà (và)} Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi {họ ⇔ Các môn đệ (của Ngài)}: <sup>NGT</sup>“(Lúc này) (khi các con/chúng ta đang đi) đường, các con bàn luận/cãi <sup>73</sup>[với nhau] về điều gì?” **34** <Rồi/Nhưng> họ (ngượng và) {yên lặng/làm thinh ⇔ không trả lời Ngài}, vì {khi đi đường ⇔ trong khi đang đi} họ (đã) bàn luận/cãi với nhau <sup>NTT</sup>về (việc) ai (trong bọn họ) (là) {lớn nhất ⇔ quan trọng nhất}. **35** Do đó (Ngài/Chúa Giê-su) <sup>GTK74</sup>ngồi xuống, gọi {mười hai môn đệ (của Ngài) ⇔ họ} (lại) và nói với họ: “{Ai ⇔ Nếu một người trong các con} muốn làm đầu/lớn (trước mặt Đức Chúa Trời) người đó phải {đứng sau cùng ⇔ tự hạ mình xuống} và (giống như) một người <sup>75</sup>hậu việc/giúp việc (cho) mọi người (khác).” **36** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su (dùng tay)

---

Ngài là Chúa Giê-su, cho nhân loại. Ngài là Đấng nộp Chúa Giê-su vào tay/sự kiểm soát của con người (xem Giảng 3:16, Công Vụ 2:23, Rô-ma 8:32).

<sup>68</sup> **9:31** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có các từ “**sau ba ngày**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số) có các từ “**vào ngày thứ ba**” thay vào đó. Cả hai nhóm từ này có cùng một ý. Xem lời chú thích cho nhóm từ này trong Mác 8:31.

<sup>69</sup> **9:33** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM) có từ “**họ**” ở đây, nó chỉ về Chúa Giê-su và các môn đệ (BCG, BDY ghi rõ điều này). Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số) có từ “**Ngài**” thay vào đó và hàm ý Chúa Giê-su và theo ngữ cảnh cũng hàm ý môn đệ của Chúa Giê-su nữa. Riêng BDC không có cả hai.

<sup>70</sup> **9:33** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu **kết hợp** câu này với câu trước và nói: “...và khi/sau khi họ về nhà, Ngài/Chúa Giê-su hỏi...” Hay bạn có thể nói: “...và đã đi về nhà. Rồi Ngài/Chúa Giê-su hỏi...”

<sup>71</sup> **9:33** Động từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn là một ý nghĩa trong ngữ cảnh này. Nó có thể có một trong hai ý “**ở/vào trong nhà**” (như BDM, BDC, BDY) hay “**về đến nhà**” (như BCG).

<sup>72</sup> **9:33 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo như trong Mác 1:29, đây có thể là nhà của Phê-rô và An-rê tại thành Ca-bê-na-um.

<sup>73</sup> **9:33** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có các từ “**với nhau**” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>74</sup> **9:35** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su ngồi xuống **đạy** các môn đệ. Các thầy giáo người Do Thái luôn ngồi khi dạy các học trò của họ. Tuy nhiên, một vài người khác nghĩ Chúa Giê-su ngồi xuống **để nghỉ**. Có lẽ tốt nhất là hàm ý tin tức này trong bản dịch của bạn.

<sup>75</sup> **9:35 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúng ta phải theo gương Chúa Giê-su và hậu việc người khác (Mác 10:43–45, 12:31).

dắt một <sup>76</sup> em bé (gần đó) (và) {để nó ⇔ để nó đứng ⇔ bảo nó <sup>NTT</sup> đứng} (bên cạnh Ngài) giữa/trước {mọi người ⇔ các môn đệ (của Ngài)},/. <trôi>/Kế đó Ngài <sup>GTK77</sup> {quàng tay ôm đứa bé ⇔ ôm đứa bé ⇔ bồng đứa bé trên tay (trên đùi) của Ngài} (và) nói với {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: **37** “(Ví dụ,) ai (tự hạ mình xuống và) tiếp/đón <sup>78</sup> (một người không quan trọng, ngay cả) {một trong những đứa trẻ như thế này ⇔ một đứa trẻ như đứa trẻ này} <sup>GTK79</sup> {trong danh của Ta ⇔ vì danh Ta ⇔ vì đứa trẻ/một người tin/cậy Ta}, thì người đó (cũng) tiếp/đón Ta <Và> ai tiếp/đón Ta không phải (chỉ) tiếp/đón Ta nhưng (cũng ⇔ thì cũng tiếp/đón) {Đấng ⇔ Đức Chúa Trời Đấng} sai Ta (đến đây).”

9:38–50 <sup>GTK80</sup> {(Chúa) Giê-su Phân Biệt Ai Cùng Phe Với Ngài  
Và Ai Chống Ngài ⇔ Đùng Gậy Cho Một Ai <sup>81</sup> Vấp Phạm,  
Tốt Hơn Là Nên Sống Hoà Thuận Với Mọi Người}

*Ma-thi-ơ 18:6–9; Lu-ca 9:49–50, 17:1–2*

**38** (Rồi) <sup>82</sup> Giảng <[phản ứng và]> nói với Ngài/(Chúa) Giê-su: “Thưa Thầy, chúng con thấy có người <sup>83</sup> [không theo (Thầy) với chúng con ⇔ không phải một người cùng phe (chúng ta)] <sup>NTT84</sup> đuổi/trừ {quỷ ⇔ các uế/tà linh} ra khỏi (người ta) <sup>85</sup> {với/dùng danh/uy quyền của

<sup>76</sup> **9:36** Em “bé” này có lẽ 10 tuổi hay nhỏ hơn.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Em bé này có thể là con của Phê-rô hay An-rê.

<sup>77</sup> **9:36** Nhóm từ này trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn là một nghĩa. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “quàng tay ôm đứa bé” hay “ôm đứa bé”. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó có nghĩa là “bồng nó trong hai tay của Ngài (trên đùi của Ngài)”. Có thể để cách chuyển ngữ mà bạn không dùng trong bản dịch của bạn trong LỜI CHÚ THÍCH.

<sup>78</sup> **9:37** Những gì Chúa Giê-su nói áp dụng cho **mọi người** ở trong tầng lớp nghèo của xã hội, **không phải** chỉ cho trẻ em. Ngài dùng **trẻ em** làm thí dụ về những người không quan trọng. Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “...chấp nhận (bất cứ ai) <sup>GTK</sup> trong Danh của Ta, (ngay cả những người không quan trọng) như một trong những đứa trẻ này...” Phải chắc chắn rằng khi chuyển ngữ từ “**không quan trọng**” có nghĩa là “giai cấp thấp kém trong xã hội”, **không có nghĩa là** “không có giá trị” hay “vô giá trị”.

<sup>79</sup> **9:37** Thành ngữ “**trong Danh của Ta**” có thể hiểu theo nhiều hơn một ý nghĩa trong ngữ cảnh này. Nó có thể hoặc “**vì danh Ta**” (như BDM, BDC, BDY, BCG) hay “**vì đứa trẻ/người {tin/tin cậy Ta ⇔ là môn đệ/đại diện của Ta}**”. Mỗi cách chuyển ngữ đều phù hợp với ngữ cảnh.

<sup>80</sup> (Tiểu Đề) Vì các câu 33–50 có sự liên hệ chặt chẽ với nhau, bạn có thể **kết hợp** chúng vào một tiểu đoạn và dùng tiểu đề “Hãy Khiêm Nhường Và Hữu Việc Mọi Người Để Không Một Ai <sup>GTK</sup> Vấp Phạm Và Do Đó Bạn Có Thể Sống Hoà Thuận Với Mọi Người”.

<sup>81</sup> (Tiểu Đề) Xem lời chú thích về từ “**vấp phạm**” trong câu 42.

<sup>82</sup> **9:38 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có thể đây là môn đệ của Chúa Giê-su có tên là Giảng con của Xê-bê-đê và anh là Gia-cơ (Mác 3:17).

<sup>83</sup> **9:38** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có các từ “**không theo Thầy với chúng con**”. BDY để “không ở trong nhóm chúng ta”. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không có**.

<sup>84</sup> **9:38 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thật là mỉa mai các môn đệ đã cố gắng cấm người nào đó làm việc mà trước đó không lâu chính họ đã không thể làm được (Mác 9:18).

Thầy ⇔ bằng cách gọi tên Thầy (trước các quý)}, do đó chúng con <sup>NTT</sup>{(đã cố gắng) ngăn người ấy (làm điều đó) ⇔ bảo người ấy chấm dứt (làm điều đó)}, vì {người ấy không theo (Thầy) với chúng con ⇔ người ấy không thuộc về phe chúng ta}. <sup>86</sup>(Chúng con có nên làm điều đó không?)” **39** Nhưng (Chúa) Giê-su {trả lời ⇔ bảo họ}: “Đừng <sup>NTT</sup>{cấm (những người) như vậy ⇔ bảo (người như) người ấy ngưng}, vì <sup>87</sup>không có ai có thể <sup>NTT</sup>{dùng danh/uy quyền Ta ⇔ bằng cách gọi tên Ta} làm một <sup>88</sup>phép lạ rồi {(sau đó) ngay sau đó ⇔ rồi sau đó lại ⇔ cùng một lúc} {máng nhiếc Ta ⇔ không tôn trọng Ta},/. **40** {(Đừng cấm những người như ông ấy,) Vì ⇔ Vả lại, ⇔ Thật ra,} ai không {(làm điều) nghịch cùng chúng ta ⇔ chống đối chúng ta ⇔ là kẻ thù của chúng ta} thì {(thuận) với chúng ta ⇔ ở về phe của chúng ta ⇔ là bạn của chúng ta}. **41** <sup>GTK<sup>89</sup></sup>Ví dụ như, ai <sup>90</sup>cho các con <sup>91</sup>(bất cứ gì) ngay chỉ một ly nước lạnh {nhơn danh <sup>92</sup>[Ta] ⇔ Vì} các con là môn đệ của {Đấng Cứu Thế ⇔ Ta}, <sup>GTK<sup>93</sup></sup>{a-men/vâng, (nếu người ấy chỉ làm điều đó,) Ta bảo các con rằng ⇔ quả thật ta nói cùng các con, ⇔ Thầy quả quyết cùng các con rằng} <sup>94</sup>{người ấy sẽ chẳng bao giờ mất phần thưởng của mình (từ Đức Chúa Trời) ⇔ người ấy chắc chắn sẽ nhận được một phần thưởng (từ Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ thưởng người ấy} (về điều đó).

<sup>85</sup> **9:38** Có lẽ người đàn ông phán với ma quỷ: “**Trong Danh Chúa Giê-su**, ta ra lệnh cho người ra khỏi người này!” Xem điều Chúa Giê-su nói trong câu 25 và điều sứ đồ Phao-lô nói trong Công Vụ 16:8; 16:18.

<sup>86</sup> **9:38** Giảng **không** chỉ báo cáo với Chúa Giê-su điều ông và môn đệ khác đã làm. Có lẽ ông muốn biết ý kiến của Chúa Giê-su về việc họ đã làm.

<sup>87</sup> **9:39** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần thiết cho việc bỏ cách dùng **phủ định** và nói: “...vì nếu một người nào/bất cứ ai thực hiện một phép lạ trong/dùng danh/uy quyền của Ta, người ấy **không thể** tự nhiên/sau đó (thay đổi và) nói xấu Ta.”

<sup>88</sup> **9:39** Coi lại cách bạn chuyển ngữ “**phép lạ**” trong sách Mác. Xem Mác (3:8), (5:27, 30), 6:2, 5, 14; (7:37), 9:39, (16:20), và xem lời chú thích về điều này trong Mác 6:2. So sánh những chỗ đó với “**dấu kỳ**” (xem Mác 16:20).

<sup>89</sup> **9:41** Đa số học giả Kinh Thánh (giống như BDM, BDC, BDY) nghĩ câu 41 **tiếp tục** cùng đề tài trong câu 40. Tuy nhiên, một số khác (giống như BCG) nghĩ Chúa Giê-su **trở lại** điều Ngài đã nói trong câu 37 trước khi Giảng làm gián đoạn lời Ngài.

<sup>90</sup> **9:41** Đối với một số ngôn ngữ cần **phân biệt** việc ban cho có **mong mỏi** sự trả lại hay không, hay việc ban cho được thực hiện để **giúp đỡ** người nào có nhu cầu. Trong ngữ cảnh này, không mong đợi có sự trả lại, và có lẽ sự ban cho là để đáp ứng nhu cầu.

<sup>91</sup> **9:41** Chúa Giê-su **không phải** chỉ nói việc cho nước lạnh cho người nào đó, Ngài nói đến **bất cứ** nhu cầu nào và dùng nước lạnh như một thí dụ cho một việc làm rất nhỏ. Để cho được rõ ràng, bạn có thể nói: “...bất cứ người nào (làm bất cứ việc gì) cho các con <trong danh [của Ta]> vì các con là môn đệ Ta, a-men/vâng, ngay cả nếu chỉ cho con một ly nước lạnh, Ta bảo các con...”

<sup>92</sup> **9:41** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC) có “**Ta**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG, BDY) **không** có.

<sup>93</sup> **9:41** Xem cách bạn chuyển ngữ “**a-men**” trong Mác 3:28.

<sup>94</sup> **9:41** “người ấy sẽ **chẳng hề** mất phần thưởng của mình” là một mệnh đề phủ định có một ý nghĩa chắc chắn. Nó được dùng để gia tăng tầm quan trọng của mệnh đề này và có nghĩa là “người ấy **chắc chắn nhận được** phần thưởng”. **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su đang nói về một người nào để lộn chỗ phần thưởng.

42 “<Và>/Nhưng {một người ⇔ nếu người nào} gây/dẫn <sup>TD95</sup>(ai) tin [Ta] <sup>GTK96</sup>{vấp phạm (trong đức tin của họ) ⇔ phạm tội/lui đi ⇔ chối bỏ đức tin (nơi Ta) ⇔ không còn tin (Ta)}, (ngay cả) <sup>97</sup>{một trong những (đứa trẻ này) ⇔ một người nào giống như (đứa trẻ) này mà người ta kể là không quan trọng}, {thà là <sup>98</sup>để/buộc một <sup>99</sup>cối đá <quay bởi một con lừa> vào cổ người ấy mà quăng xuống biển (cho chết chìm) (còn hơn là để người ấy bị Đức Chúa Trời trừng phạt về tội gây cho người khác vấp phạm). ⇔ (Đức Chúa Trời sẽ phạt người ấy một cách nghiêm trọng hơn) là nếu ai/người ta để/buộc một cối/hòn đá lớn vào cổ và liệng người ấy xuống biển sâu (cho chết chìm).} 43 {<Và> ⇔ Thực ra, ⇔ Thêm vào đó,} {nếu tay của các con <sup>100</sup> làm cho các con ⇔ nếu các con bị cám dỗ dùng tay của mình là một điều gì đó mà nó có thể gây/khiến/cám dỗ các con} <sup>GTK101</sup>{vấp phạm (về đức tin nơi Ta) ⇔ phạm tội/lui đi ⇔ chối bỏ đức tin của các con (nơi Ta) ⇔ không còn (tin Ta) nữa}, <sup>102</sup>hãy chặt nó đi,/. <sup>103</sup>(vì) tốt hơn cho các con {<sup>104</sup>vào/có sự sống (đời đời) mà tàn tật ⇔ chịu tàn tật trong cuộc sống nhưng

<sup>95</sup> 9:42 Thứ tự thật sự trong bản Hy-lạp: “Và/Nhưng ai gây/dẫn một trong những đứa (trẻ) này là những đứa tin [Ta] <sup>GTK</sup>vấp phạm...” Chúa Giê-su dùng “**một trong những đứa trẻ này (trẻ con)**” để ám chỉ mọi người tin Ngài.

<sup>96</sup> 9:42 Thành ngữ Hy-lạp “**gây...vấp phạm**” có thể có nhiều hơn một ý nghĩa, tùy thuộc sự “vấp phạm” tệt hại đến mức độ nào. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “bỏ...đức tin (nơi Ta)”. Cách chuyển ngữ này có lẽ phù hợp với ngữ cảnh nhất của việc “bị quăng vào hoả ngục” (các câu 43–44). Nhiều người khác nghĩ nó có nghĩa là “phạm tội” hay “từ chối/không vâng lời Đức Chúa Trời”. Tuy nhiên, có lẽ Chúa Giê-su bao gồm mọi ý ở trên. Do đó, nếu có thể, tốt nhất, chuyển ngữ một cách tổng quát giống như trong bản Hy-lạp. Phải chắc chắn rằng nó **không** đề cập đến việc một người trượt chân té ngã. Hãy nhất quán trong sự lựa chọn của bạn trong suốt tiểu đoạn này. Coi lại cách bạn chuyển ngữ tiểu đề.

<sup>97</sup> 9:42 “**một trong những đứa trẻ này (trẻ con)**” nhắc lại những đứa trẻ trong các câu 36–37. Đứa trẻ tượng trưng cho người được coi là không quan trọng.

<sup>98</sup> 9:42 “**để/buộc... vào cổ người ấy**” nói đến việc đưa đầu của một người vào lỗ trống của cối đá giống như cổ áo.

<sup>99</sup> 9:42 Loại **cối xay bằng đá** này có một cang bằng gỗ nhờ nó một con lừa có thể đẩy tầng trên của cối xoay vòng để nghiền những hạt lúa giữa hai tầng thành bột. Cối xay đá có một lỗ ở giữa và nặng hàng trăm ki-lô. Nếu cối xay bằng đá **không có** trong văn hoá của bạn, bạn có thể để những tin tức ở trên vào một LỜI CHÚ THÍCH. Hay bạn có thể nói: “nếu một **hòn đá lớn/nặng cột vào cổ của**”, để bạn khỏi làm lạc ý chính.

<sup>100</sup> 9:43 Cần nói rõ ràng là **người này** chịu **trách nhiệm** về tội lỗi của anh ta. Tay (và chân) của anh ta **không** làm cho anh ta phạm tội. Bạn có thể nói: “Vậy nên nếu **con/các con** <sup>GTK</sup>vấp phạm/phạm tội vì tay mình làm một điều gì đó...”

<sup>101</sup> 9:43 Xem cách bạn chuyển ngữ từ “**vấp phạm**” trong câu 42.

<sup>102</sup> 9:43 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Trong các câu 43, 45 và 47 Chúa Giê-su dùng lối nói thổi phồng để nhấn mạnh mức độ quan trọng của tội lỗi. Không phải Chúa Giê-su muốn người ta thực sự cắt tay hay chân hay móc mắt ra. Làm như thế chẳng giải quyết được gì. Ngài muốn họ dứt bỏ căn nguyên của tội lỗi ở trong lòng/trí của họ. Nói một cách khác, họ phải ăn năn, trở lại với Đức Chúa Trời, và sống đúng theo ý chỉ của Ngài.

<sup>103</sup> 9:43 Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn, nếu **liên kết** phần cuối của câu 43 với câu 44 và nói: “**Điều tệ nhất** cho các con là bây giờ có đủ cả hai tay nhưng các con sẽ vào địa ngục nơi lửa chẳng hề tắt...thay vì thiếu một tay mà vào sự sống (đời đời)...” Có thể chuyển ngữ giống cách đó trong các câu 45–48.

<sup>104</sup> 9:43 Khi chuyển ngữ từ “**vào/có sự sống đời đời**” **không** nên mang ý nghĩa “được sanh”.

vẫn được vào thiên đàng} còn hơn có đủ hai tay (và/nhưng) đi vào <sup>105</sup>{địa ngục ⇔ sự hình phạt đời đời} nơi {lửa chẳng có thể dập tắt được ⇔ lửa cháy mãi mãi} (để nhận trừng phạt),/.  
**44** <sup>106</sup>{và ⇔ Ở đó ⇔ Trong địa ngục ⇔ Trong chỗ như thế} {sâu/giòi ⇔ <sup>107</sup>sâu/giòi sẽ ăn thân thể họ/mọi người} không bao giờ chết và lửa <sup>GTK108</sup>{chẳng hề bị dập tắt ⇔ không tắt ⇔ chẳng bao giờ ngừng cháy}.] **45** {<Và> ⇔ Cùng một thể ấy,} <sup>109</sup>{nếu chân (của con) gây/cắm đổ các con ⇔ nếu các con bị cắm đổ dùng chân/các chân <sup>110</sup>để làm một điều gì đó mà nó có thể gây cho các con} <sup>GTK</sup>{vấp phạm (trong đức tin của mình) ⇔ không còn tin (nơi Ta) ⇔ phạm tội/lui đi ⇔ từ bỏ đức tin của mình (nơi Ta)}, hãy chặt nó đi,/. {(vì) như vậy ⇔ Điều đó} thì/sẽ tốt hơn cho các con để {vào/có sự sống (đời đời) mà què chân ⇔ què chân trong cuộc sống nhưng vẫn được vào nước thiên đàng} còn hơn (là các con) có cả hai chân (và/nhưng) bị liệng vào địa ngục (bởi Đức Chúa Trời),/. **46** <sup>111</sup>{nơi ⇔ Ở đó ⇔ Trong địa ngục} {sâu/giòi ⇔ sâu/giòi ăn thân thể của họ/mỗi người} không bao giờ chết và lửa <sup>GTK</sup>{chẳng hề bị dập tắt ⇔ không tắt ⇔ chẳng bao giờ ngừng cháy}.] **47** {<Và>/Cũng, ⇔ Cũng một thể ấy} {nếu <sup>112</sup>mắt của con gây cho/cắm đổ con ⇔ nếu các con bị cắm đổ <sup>113</sup>dùng mắt của các con trong một cách mà nó sẽ làm cho các con} bị <sup>GTK114</sup>{vấp phạm (trong đức tin của các con) (nơi

<sup>105</sup> **9:43 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Địa ngục là nơi Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt quý vương, thiên sứ của quý vương và những ai không phải là dân sự của Ngài (Ma-thi-ơ 25:41, Khải Huyền 20:10–15). Từ “địa ngục” trong tiếng Hy-lạp nguyên nói về cái Thung Lũng Hin-nôm là một thung lũng hẹp và sâu gần Giê-ru-sa-lem nó đã trở thành hầm rác của thành phố là chỗ có lửa cháy không hề tắt. Sau đó từ này trở thành từ ngữ để chỉ chỗ cuối cùng/hình phạt đời đời.

<sup>106</sup> **9:44** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM) có **câu 44**. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG, BDY) **không có**. Ban biên dịch có thể:

(1) thêm câu 44 vào bản dịch;

(2) để câu 44 trong một LỜI CHÚ THÍCH; hay

(3) không thêm gì cả.

Nếu câu 44 được thêm vào trong bản dịch, bạn có thể:

(1) để nó vào trong ngoặc vuông ([ ]) (đánh dấu bằng một cách nào khác);

(2) thêm một LỜI CHÚ THÍCH để giải thích; hay

(3) không đánh dấu gì cả.

Muốn biết thêm về điều này xem số 6 trong bản **Chú Giải Ký Hiệu** ở phía trước của sách và sự “cách viết khác nhau” trong **Danh Sách Từ Ngữ Cho Người Dịch** ở phía sau sách này.

<sup>107</sup> **9:44** Trong ngữ cảnh này “sâu bọ” chỉ về những con giòi, đó là sâu bọ ăn xác chết mục nát, **không phải** sâu đất hay sâu trong ruột.

<sup>108</sup> **9:44** Thể của động từ trong bản Hy-lạp có thể có ý nghĩa “chẳng hề bị dập tắt” hay “chẳng hề ngừng cháy” trong ngữ cảnh này.

<sup>109</sup> **9:45** Xem cách bạn chuyển ngữ câu 43, nó rất tương tự câu 45.

<sup>110</sup> **9:45** Thay vì nói “...để làm một điều gì đó...”, bạn có thể nói: “...để đi đến một nơi nào đó...”

<sup>111</sup> **9:46** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM) có **câu 46**. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG, BDY) **không có**.

<sup>112</sup> **9:47** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nói “**hai con mắt**” ở đây, vì cả hai con mắt cùng cử động một lúc. Hay nó có thể tự nhiên hơn nếu nói: “Nếu các người **nhìn** một điều gì mà nó làm cho/dẫn các con phạm tội, hãy móc hai con mắt của các con...”

<sup>113</sup> **9:47** Bạn có thể nói: “...**nhìn** một điều gì mà...”

<sup>114</sup> **9:47** Xem cách bạn chuyển ngữ “**vấp phạm**” trong các câu 42–43, 45, và xem lời chú thích về điều đó ở câu 42.

Thầy) ⇔ phạm tội/lui đi ⇔ chối bỏ đức tin của các con (nơi Thầy) ⇔ không còn tin (nơi Thầy)},/. (hãy móc nó ra) liệng nó/chúng đi,/. {(vì) như thế ⇔ Điều đó} thì/sẽ tốt hơn <sup>115</sup>{(bị) mất một mắt ⇔ (chỉ có) một mắt ⇔ (bị) chột ⇔ (mất) mắt/ánh sáng của các con ⇔ (bị) mù} (nhưng còn được) {vào nước của Đức Chúa Trời ⇔ vào thiên đàng} còn hơn (là các con) {có cả hai mắt ⇔ có thể nhìn thấy rõ} (và/nhưng) bị liệng (bởi Đức Chúa Trời) vào <sup>116</sup>hoả ngục (bị trừng phạt),/. **48** <sup>117</sup>{nơi ⇔ Ở đó ⇔ Trong địa ngục} {sâu/giòi ⇔ sâu/giòi sẽ ăn thân thể của họ/mọi người} không bao giờ chết và lửa <sup>GTK</sup>{chẳng hề bị giập tắt ⇔ không tắt ⇔ chẳng bao giờ ngừng cháy}.

**49** “<Vi> <sup>GTK118</sup>{mọi người sẽ bị muối bằng lửa (để thử họ) ⇔ Đức Chúa Trời sẽ thử mọi người với nhiều kinh nghiệm đau đớn giống như bị lửa đốt ⇔ mọi người (ở đó) sẽ bị muối với lửa (là hình phạt của họ) ⇔ Đức Chúa Trời sẽ mưa lửa trên mọi người (trong địa ngục) giống như người ta ướp muối vào đồ ăn},/. <sup>119</sup>{và mọi tế lễ sẽ được ướp với muối. ⇔ Đó là việc cần thiết, giống như việc ướp muối mọi của tế lễ là cần thiết.}] **50** Muối thì quý/hữu dụng, nhưng nếu muối/nó <sup>TVST</sup>bị mất chất mặn, <sup>CH</sup>{lấy gì làm cho nó mặn lại? ⇔ không có gì có thể làm cho nó mặn/có thể dùng được nữa?! ⇔ không có gì có thể đem chất mặn của nó lại được?!} (Cùng một thể ấy,) <sup>GTK120</sup>{có/chia xẻ muối trong các con ⇔ hãy giống như muối ⇔ (hãy vàng

**115** **9:47** Sự chọn lựa của bạn ở đây cần phù hợp với cách bạn chuyển ngữ phần đầu của câu 47 (Xem lời chú thích về “hai con mắt). Bạn có thể nói: “... (đi vào/có sự sống đời đời) {một mắt ⇔ với chỉ một mắt ⇔ bị chột ⇔ không có ánh sáng của mắt ⇔ mù}...”

**116** **9:47** Coi cách bạn chuyển ngữ “địa ngục” trong các câu 43–48, và xem lời chú thích về điều đó ở câu 43.

**117** **9:48** Các câu 44, 46 và 48 thì **giống hệt nhau** theo bản Hy-lạp. Xem các lời chú thích trong câu 44.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các câu 44, 46, và 48 phản ảnh dự ngôn của Đức Chúa Trời trong Ê-sai 66:24 về việc Ngài sẽ trừng phạt kẻ thù của Ngài như thế nào.

**118** **9:49** Chúng ta **không** rõ câu 49 có liên hệ với các câu trước đó như thế nào. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ nó nói thêm về **lửa** trong địa ngục (câu 48) và “**mọi người**” chỉ về mọi người trong địa ngục. Nếu chuyển ngữ cách đó, câu 49 sẽ là một phần của đoạn trước và có ý nghĩa “<Vi> mọi người (ở đó ⇔ trong địa ngục) sẽ bị muối trong lửa (là hình phạt của họ)...” hay “<Vi> Đức Chúa Trời sẽ mưa lửa trên mọi người (ở đó ⇔ trong địa ngục) giống như có người rải muối trên đồ ăn...” Tuy nhiên, **đa số** học giả Kinh Thánh nghĩ câu 49 giải thích thêm về **gây cho** vấp phạm (các câu 43–48) và “**mọi người**” nói về mọi người trên thế gian. Muốn theo cách giải thích này, bạn có thể bắt đầu một phân đoạn **mới** và nói: “<Vi> mọi người sẽ bị muối với lửa (để thử họ) ...” hay “Đức Chúa Trời sẽ thử mọi người với nhiều kinh nghiệm đau đớn giống như bị lửa đốt...” Có thể cách tốt nhất là chuyển ngữ theo nghĩa đen và thêm **LỜI CHÚ THÍCH** để giải thích ý của câu. Hay bạn có thể để nghĩa đen vào **LỜI CHÚ THÍCH**.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời thử mọi người bằng nhiều kinh nghiệm đau đớn như bị lửa đốt. Đức Chúa Trời dùng những thử thách này để xác nhận ai là dân sự của Ngài, để làm cho họ tốt hơn, và làm cho mối liên hệ của Ngài với họ được vững mạnh (Ê-sai 48:10, Rô-ma 5:3–5; Gia-cơ 1:2–4; 1 Phê-rơ 1:6–7), và coi ai đã từ chối Ngài.

**119** **9:49** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có nhóm từ “**và mọi tế lễ sẽ được ướp với muối**”. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong thời Cựu Ước các tế lễ phải được ướp muối (Lê-vi Ký 2:13, Ê-xê-chi-ên 43:24). Mọi môn đệ của Chúa Giê-su phải là một của lễ sống dâng cho Đức Chúa Trời (Rô-ma 12:1). Nói một cách khác, Cơ-đốc nhân phải luôn trung tín và vâng lời Đức Chúa Trời, đặc biệt là trong lò lửa thử thách (1 Phê-rơ 4:12, 19).

**120** **9:50** Vì **muối** được dùng bằng nhiều cách trong các thời đại Kinh Thánh, có nhiều sự giải thích khác nhau của câu 50. Muối được dùng để nêm thức ăn và giữ cho thức ăn khỏi hư. Nó cũng được dùng với các tế lễ,

lời Đức Chúa Trời để) các con giống như muối ⇔ có sự thông công với nhau}, <sup>GTK121</sup>{và ⇔ đó là,} sống <sup>122</sup>trong hoà bình/hoà thuận với nhau.”

10:1–12 {Các người Pha-ri-si Hỏi (Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>Về Việc Ly Dị ⇔  
(Chúa) Giê-su Dạy Về Hôn Nhân Và Ly Dị}

*Ma-thi-ơ 19:1–12*

**10** Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su (và môn đệ của Ngài) {đứng dậy ⇔ rời} nơi <sup>123</sup>đó/Ca-bê-na-um (và) đi đến tỉnh Giu-đê băng qua (sông) Giô-đanh. <Và> một lần nữa <sup>124</sup>{<các> đám đông ⇔ (bất cứ nơi nào Ngài/(Chúa) Giê-su đến) một đám đông} {tập trung bên Ngài ⇔ tụ tập chung quanh Ngài} và Ngài <lại> dạy dỗ họ như {thông lệ của Ngài ⇔ Ngài thường làm}. **2** <Và/Rồi> (một ngày kia) (một số) các người Pha-ri-si đến với (Ngài/(Chúa) Giê-su) <sup>TD125</sup>(để mà ⇔ cố gắng để) <sup>126</sup>{thử Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ gài bẫy/hạ uy tín Ngài/(Chúa) Giê-su (một cách công khai) để (cho dân chúng sẽ không tin/đi theo Ngài nữa) ⇔ làm cho Ngài/(Chúa) Giê-su nói một điều gì đó (mà nó sẽ làm hại đến danh tiếng của Ngài)}. Họ hỏi Ngài: <sup>127</sup>“(Thầy nghĩ) một người đàn ông <sup>128</sup>{đuổi/bỏ ⇔ ly dị} vợ (của mình) có đúng/hợp pháp

có lẽ như một dấu hiệu Đức Chúa Trời không thay đổi giao ước của Ngài đối với dân sự Ngài. Nó cũng được dùng trong các bữa ăn là dấu hiệu của tình bạn, và đôi khi cũng là dấu hiệu của sự khôn ngoan. Cách tốt nhất là chuyển ngữ theo nghĩa đen và thêm LỜI CHÚ THÍCH để giải thích một số ý nghĩa của nó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Muối được dùng bằng nhiều cách trong thời đại Kinh Thánh và do đó nó được coi là rất cần thiết. “Phải có muối trong/trong vòng các con” là một thành ngữ có thể có nhiều ý nghĩa, kể cả việc “tiếp tục sống trong một cách có lợi cho xã hội” hay “sống tùy theo sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời” hay “thông công với nhau” hay “làm bạn với nhau”.

<sup>121</sup> **9:50** Từ này trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn một ý. Đa số các bản dịch có từ “và”, nhưng nó cũng có thể chuyển ngữ “đó là”.

<sup>122</sup> **9:50 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su muốn môn đệ phải khiêm nhường (các câu 35–37) vì thế họ: (1) ngừng tranh cãi về việc ai việc ai là người lớn hơn (các câu 33–34); (2) không còn nghĩ họ là một nhóm người đặc biệt (các câu 38–42); và (3) không tiếp tục làm cho chính họ và người khác <sup>GTK</sup>vấp phạm (các câu 43–49). Như thế họ có thể sống trong sự hoà thuận với nhau và với những môn đệ khác của Chúa Giê-su (câu 50). Rô-ma 12:16 có sứ điệp giống nhau.

<sup>123</sup> **10:1** “nơi đó” ở đây có lẽ nói đến **Ca-bê-na-um** (xem Mác 9:33).

<sup>124</sup> **10:1** “<các> đám đông tụ tập chung quanh Ngài” nói đến việc thường xảy ra nhiều hơn một lần. Đây không có nghĩa là có nhiều đám đông tụ tập cùng một lúc.

<sup>125</sup> **10:2** Thứ tự của mệnh đề này trong bản Hy-lạp là: “...đến với (Ngài/Chúa Giê-su) (và) **Hỏi** Ngài <sup>NTT</sup>nếu là một điều đúng/hợp pháp cho một người đàn ông để vợ của mình, {thử ⇔ cố gài bẫy/làm giảm uy tín} Ngài/Chúa Giê-su.”

<sup>126</sup> **10:2** Xem cách bạn chuyển ngữ “thử/gài bẫy Ngài” trong Mác 8:11.

<sup>127</sup> **10:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một số người Do Thái nghĩ rằng một người đàn ông chỉ có thể để vợ nếu nàng phạm tội ngoại tình. Tuy nhiên, những người Do Thái khác nghĩ một người có thể để vợ bất cứ lý do nào, ngay cả việc nấu cơm bị cháy. Có lẽ người Pha-ri-si nghĩ rằng, việc Chúa Giê-su trả lời câu hỏi như thế nào không quan trọng, vì Ngài sẽ xúc phạm/làm mất lòng nhiều người và sẽ mất nhiều môn đồ. Bên cạnh đó, có lẽ họ (người Pha-ri-si) hy vọng rằng câu trả lời của Chúa Giê-su sẽ gây cho Ngài gặp khó khăn với Hê-rốt An-ti-ba (tỉnh trưởng của tỉnh Ga-li-lê và Bê-rê) giống như Giăng Báp-tít trước đó (Mác 6:18).

<sup>128</sup> **10:2** Cần nên nói rõ ràng rằng “đuổi/bỏ vợ (của người ấy)” có nghĩa là “ly dị vợ (của người ấy)”. Nhiều ngôn ngữ có những thành ngữ cho điều này và phù hợp với ngữ cảnh.

không?” **3** Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su <trả lời> <sup>129</sup> hỏi họ: “(Từ xưa) Môi-se đã ra lệnh/phán {các ông (người Do Thái) ↔ tổ tiên các ông} (làm) gì?” **4** <Rồi> họ trả lời (Ngài/Chúa Giê-su): “Môi-se/Ông ấy <sup>NTT</sup> cho phép (một người đàn ông) viết <sup>130</sup> {một tờ giấy ly dị ↔ tờ giấy nói rằng ông ta ly dị vợ của mình} rồi {cho <sup>131</sup> (nàng) đi (với tờ giấy ly dị đó) ↔ ly dị (bà ta)} (nếu ông ấy muốn).” (Phục-truyền Luật-lệ Ký 24:1) **5** <Rồi> (Chúa) Giê-su nói với họ: “Ông ấy/Môi-se đã viết mạng lệnh/luật đó cho <sup>132</sup> {(tổ phụ của các ông và) các ông ↔ (dân sự) các ông} vì {lòng của các ông cứng cõi ↔ các ông quá cứng đầu/đây tội lỗi ↔ các ông từ chối không vâng lời Đức Chúa Trời}. **6** Nhưng {từ ↔ kể từ lúc} <sup>133</sup> {đầu sáng thế ↔ từ khi Đức Chúa Trời sáng tạo thế giới} (chương trình của Đức Chúa Trời thật là rõ ràng,) (như Môi-se cũng đã viết ↔ như lời Kinh Thánh nói): ‘Đức Chúa Trời/Ngài đã tạo ra {họ/loài người ↔ nhân loại} (là) (cả hai) nam/dàn ông và nữ/dàn bà. (Sáng Thế Ký 1:27, 5:2) **7** Đó là lý do (khi nào) một người đàn ông (cưới vợ, người đó) sẽ/phải {rời (nhà của) ↔ ngưng sống với} cha mẹ của người đó và {hiệp/kết hợp với ↔ sống với} vợ mình, **8** {và ↔ do đó} hai người sẽ trở nên (hiệp với nhau như họ chỉ là) <sup>134</sup> một thịt/người.’ ” (Sáng Thế Ký 2:24) <sup>135</sup> (Chúa Giê-su tiếp tục nói: ↔ Rồi Chúa Giê-su nói:) “Kết quả (là) họ không còn là hai (người) (dưới cái nhìn hay trong quan niệm của Đức Chúa Trời), nhưng (như là) một <thịt/người>. **9** Cho nên {những người Đức Chúa Trời đã phối hợp lại (trong hôn nhân), một <sup>GTK136</sup> người đàn ông/chồng không

<sup>129</sup> **10:3 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi Chúa Giê-su đáp ứng người Pha-ri-si bằng một câu hỏi, Ngài dùng một phương cách đối đáp thông thường của thời đó người ta dùng, không phải Ngài không nhã nhặn với họ.

<sup>130</sup> **10:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong văn hoá của người Do Thái, một người đàn bà không được ly dị chồng của mình, chỉ có người đàn ông có quyền để vợ. Mục đích của tờ giấy ly dị vợ không có nghĩa là việc ly dị vợ được/có thể chấp nhận, nhưng để bảo vệ người phụ nữ/vợ khỏi bị đối xử khắt khe/cay nghiệt/nhẫn tâm bởi người chồng. Nếu một người đàn ông bắt vợ mình ra khỏi nhà, thì nàng không thể tự lo liệu, do đó, giấy ly dị là phương tiện giúp cho nàng có thể lấy chồng khác.

<sup>131</sup> **10:4** Thay vì nói là “(nàng)” ở đây, có lẽ cần thiết để nói “vợ của ông ấy”.

<sup>132</sup> **10:5 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Môi-se đã qua đời cả hàng trăm năm trước khi những người Do Thái nhắc đến ở đây được sinh ra. Khi Môi-se cho phép tổ tiên của họ có quyền để vợ, ông cũng cho phép những thế hệ trong tương lai làm theo. Hãy xem quan niệm của Đức Chúa Trời về ly dị qua các câu 5-12.

<sup>133</sup> **10:6 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi nào lời Chúa có sự mâu thuẫn với nhau trong hai đoạn Kinh Văn, người Do Thái coi đoạn nào cũ hơn có thẩm quyền hơn. Bởi đó người Pha-ri-si tôn trọng những điều Chúa Giê-su nói về ly dị dựa trong Sáng Thế Ký như là cách giải thích đúng hơn về ý chỉ của Đức Chúa Trời cho hôn nhân và ly dị.

<sup>134</sup> **10:8 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “một thịt/người” là một thành ngữ nói về sự gắn gũi nhất có thể có. Nó không chỉ nói về mối quan hệ trong tình nghĩa vợ chồng/ái ân nhưng nó cũng nói đến sự trung tín với nhau và cả đến sự hiệp nhất cả ý nghĩ và hành động. Trong Ê-phê-sô 5:30-32 vợ chồng được dùng để nói lên mối quan hệ mật thiết giữa Chúa Giê-su và Hội Thánh của Ngài.

<sup>135</sup> **10:8** Cần nên làm cho rõ ràng là Chúa Giê-su đã **chấm dứt trích dẫn** trong Cựu Ước. Xem cách bạn chuyển ngữ trong Mác 7:8.

<sup>136</sup> **10:9** Không thể xác định rõ ý nghĩa của từ này trong bản Hy-lạp. Một số học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BDY, BCG) nghĩ nó nói đến **nhân loại/con người** một cách tổng quát, do đó, câu này đối ngược điều Đức Chúa Trời làm với điều nhân loại không nên làm. Tuy nhiên, đa số học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “**một người đàn ông/chồng**”. Cách giải thích này có lẽ phù hợp với ngữ cảnh nhất, vì đó là đề tài/trọng tâm của đoạn Kinh Thánh này (xem câu hỏi của người Pha-ri-si trong câu 2, và đó là những từ có cùng một ý nghĩa của từ được dùng trong câu 7. Theo phong tục của người Do Thái, chỉ có **người chồng** có quyền thực thi việc ly dị, **không phải** một quan toà hay một người nào khác. Ban chuyển ngữ đối diện sự lựa



được phân rẽ (ly dị) ⇔ sau khi Đức Chúa Trời đã phối hợp/đem một người nam và một người nữ lại với nhau (trong hôn nhân), <sup>GTK137</sup> người đàn ông không được ly dị vợ mình!”

**10** <Và>/Sau đó (khi Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài ở) <sup>138</sup> {trong căn nhà (nơi họ đang ở trọ) ⇔ trong một căn nhà}, {các môn đệ (của Ngài) ⇔ họ} hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su {lần nữa <sup>NTT</sup> về việc ly dị ⇔ <sup>NTT</sup> giải thích <sup>GTK</sup> lại điều Ngài đã nói (về việc ly dị)}. **11** <Và>/Do đó> Ngài bảo họ: “Người nào <sup>139</sup> {đuổi/bỏ ⇔ ly dị} vợ mình và (sau đó) cưới {một người (đàn bà) khác ⇔ người khác} thì phạm tội ngoại tình, phạm tội với {nàng ⇔ người vợ trước} (đối với quan điểm/cái nhìn của Đức Chúa Trời). **12** <Và> nếu người đàn bà ly dị chồng mình (và sau đó) lấy {một người (đàn ông) khác ⇔ một người khác}, bà ta (cũng) phạm tội <sup>140</sup> ngoại tình hay phạm tội (với chồng trước của bà).”

10:13–16 {(Chúa) Giê-su <sup>TT</sup> Ban Phước Cho Một Số Trẻ Em ⇔

<sup>141</sup> Bằng Lòng/Chấp Nhận Sự Cai Trị Của Đức Chúa Trời Giống Như Trẻ Em Làm

*Ma-thi-ơ 19:13–15; Lu-ca 18:15–17*

**13** Rồi {họ ⇔ một số người} (cố gắng ⇔ bắt đầu) đem/mang/dẫn (một số) <sup>GTK142</sup> {con trẻ ⇔ trẻ em} của họ đến với <sup>143</sup> Ngài/(Chúa) Giê-su để Ngài sẽ {đụng ⇔ đặt tay của Ngài trên} <sup>144</sup> {chúng ⇔ trên đầu/vai} của các em (và/để <sup>NTT</sup> ban phước cho chúng ⇔ và xin Đức Chúa Trời <sup>NTT</sup> ban phước cho chúng), nhưng các môn đệ (của Ngài/Chúa Giê-su) <sup>NTT</sup> {quở

---

chọn khó khăn ở đây. Trong tình trạng như thế này, nên để cách chuyển ngữ mà bạn **không** theo/dùng trong bản dịch vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

- <sup>137</sup> **10:9** Bạn có thể nói: “... họ không được ly dị!” hay nếu bạn theo cách chuyển ngữ khác (xem lời chú thích trước), bạn có thể nói: “... {không ai được ⇔ người khác không được} làm cho họ phân rẽ/ly dị!”
- <sup>138</sup> **10:10** “trong căn nhà” nói đến căn nhà mà Chúa Giê-su và các môn đệ ở tạm trong khi họ di chuyển (xem câu 1). Nó **không** có nghĩa “ở nhà” tại Ca-bê-na-um (mà đã được nói đến trong Mác 9:33).
- <sup>139</sup> **10:11** Coi cách bạn chuyển ngữ “đuổi/bỏ” trong các câu 2, 4 và 11. Một số bản dịch có cùng một từ ngữ cho cả ba câu này. Tuy nhiên, nhiều bản khác có cùng một từ ngữ cho các câu 2 và 11 (“ly dị”), và một từ ngữ khác trong câu 4 (“đuổi/bỏ”).
- <sup>140</sup> **10:12** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Điều Chúa Giê-su nói ở đây về vấn đề ly dị phù hợp với việc Giảng Báp-tít lên án Hê-rốt An-ti-ba và Hê-rô-đi-a trong Mác 6:18. Đức Chúa Trời ghét việc ly dị (Ma-la-chi 2:16).
- <sup>141</sup> **(Tiểu Đề)** Bạn có thể nói: “Phục Tùng Sự Cai Trị Của Đức Chúa Trời...” Xem lời chú thích về điều này ở câu 15.
- <sup>142</sup> **10:13** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể nói đến các em từ 8 ngày cho đến 12 tuổi.
- <sup>143</sup> **10:13** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các câu 10 và 17 cho thấy rằng những gì được đề cập trong các câu 13–16 đã xảy ra ở phía bên trong của một căn nhà.
- <sup>144</sup> **10:13** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ Chúa Giê-su đụng đến **chỗ nào** trên các em, nếu được tốt nhất là bạn cũng làm như thế trong bản dịch của bạn. Tuy nhiên, nếu ngôn ngữ của bạn cần nói rõ chi tiết này, bạn có thể nói: “Chúa Giê-su đặt tay của Ngài trên **đầu** các em” (xem Sáng Thế Ký 48:13–22). Nếu trong ngôn ngữ bạn việc đặt tay trên đầu của một người là việc không được phép làm hay là một hành động có ý xấu đến/làm thương tổn người khác thì bạn có thể nói “trên **vai** của chúng”. Xem cách bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong Mác 5:23, 7:32 và 8:22.

trách/mắng <sup>GTK145</sup> họ (vì họ đến với Ngài/Chúa Giê-su) ⇔ ra lệnh/bảo dân chúng ngưng làm phiền Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ ngăn cản dân chúng (đến với Ngài/Chúa Giê-su)}. **14** <Rồi/Tuy nhiên> khi (Chúa) Giê-su/Ngài thấy (điều đó ⇔ điều các môn đệ của Ngài làm), Ngài {không vui ⇔ tức giận} (với họ) và bảo/ra lệnh cho họ: “Hãy để/Cho phép <sup>146</sup> {con trẻ ⇔ trẻ em} {đến ⇔ được đem đến} với Ta! {Đừng ngăn cản/cản họ ⇔ Hãy để chúng} đến cùng Ta, vì {Nước của Đức Chúa Trời thuộc về (những người) như thế ⇔ họ là những loại người (khiêm nhường/tin cậy) những người được Đức Chúa Trời cai trị ⇔ Nước của Đức Chúa Trời (được lập nên) bởi (những người) như thế}. **15** <sup>GTK147</sup> {A-men/Phải, (đúng như thế! Thật ra,) Ta bảo các con (rằng) ⇔ Quả thật Ta bảo các con ⇔ Ta đoan chắc với các con rằng} ai không <sup>148</sup> {nhận/chấp nhận/tiếp đón ⇔ quy phục} Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời (trên họ) như một con trẻ (làm), chắc chắn (người đó) sẽ không (được) <sup>149</sup> {vào đó ⇔ được cai trị bởi Ngài/Đức Chúa Trời ⇔ hưởng những ơn huệ trong việc cai trị bởi Ngài/Đức Chúa Trời}.” **16** Rồi <sup>150</sup> (lần lượt từng đứa một) Ngài/(Chúa) Giê-su bế {chúng ⇔ các trẻ em} trên tay/đùi của Ngài, <sup>151</sup> đặt tay (của Ngài) trên {chúng ⇔ mỗi đứa ⇔ (đầu) mỗi đứa} (rồi) <sup>NTT</sup> {chúc phước ⇔ xin Đức Chúa Trời chúc phước} (cho chúng).

**10:17–31 {Một Người Giàu Hối (Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup> Về Sự Sống Đời Đời ⇔ Sự Giàu Có Khiến Người Ta Khó Vào Thiên Đàng}**

**17** <Và/Rồi> trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>152</sup> (và các môn đệ của Ngài) đã đi ra <sup>153</sup> (khỏi căn nhà) tới (một) con đường, {có một người ⇔ một người đàn ông} (hãng hái) chạy đến với (Ngài/(Chúa) Giê-su), <và> quỳ/cúi xuống (trước mặt của) Ngài (trong một cách kính trọng) (và) hỏi Ngài: “Thưa Thầy Nhân Lành, tôi có thể/phải làm <sup>154</sup> gì để {tôi sẽ <sup>155</sup> thừa hưởng/có

<sup>145</sup> **10:13** Mặc dù từ “**chúng**” ở đây có thể nói đến trẻ em, nhưng nó cũng có thể nói cả đến những người đem trẻ em đến với Chúa Giê-su, và những người đó có thể là cha mẹ hoặc anh chị của các em.

<sup>146</sup> **10:14** Hãy nhất quán trong cách bạn dùng từ ngữ này “**trẻ em/con trẻ**” trong câu 13.

<sup>147</sup> **10:15** Xem Mác 3:28 cho cách chuyển ngữ từ “**A-men**”.

<sup>148</sup> **10:15** “**Nhận/Chấp nhận Nước Đức Chúa Trời**” là một thành ngữ có nghĩa là **phục tùng** quyền cai trị của Đức Chúa Trời. Nó **không** có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ chết hay một người nào đó sẽ làm vua thế chỗ của Ngài.

<sup>149</sup> **10:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời đang cai trị chúng ta bây giờ và Ngài sẽ cai trị chúng ta mãi mãi ở thiên đàng.

<sup>150</sup> **10:16** Chúa Giê-su chúc phước cho trẻ em lần lượt **từng đứa một, không** phải tất cả cùng một lúc.

<sup>151</sup> **10:16** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ mệnh đề tương tự trong câu 13.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Chúa Giê-su ngồi trong một căn nhà, Chúa đang bế và chúc phước cho một đứa trẻ, chung quanh Ngài có nhiều cha mẹ và nhiều trẻ em.

<sup>152</sup> **10:17 các môn đệ** cùng ở với Ngài, **không** nên nói nghe như họ vừa mới xuất hiện trong câu 23.

<sup>153</sup> **10:17** Trong câu 10, Chúa Giê-su đã ở **trong** một căn nhà.

<sup>154</sup> **10:17** Chuyển ngữ nhóm từ “**tôi phải làm gì**” **không** nên hàm ý rằng người đàn ông này chưa từng làm điều tốt. Anh ta muốn biết rằng những điều tốt anh từng làm có đáp ứng/phù hợp với những đòi hỏi của Chúa Giê-su hay không.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người này và đa số người Do Thái nghĩ rằng nếu {họ tốt ⇔ làm những điều đúng/phải/công bằng}, họ sẽ được cứu khỏi hình phạt đời đời (Thi Thiên 15, 24). Chúa Giê-su

<sup>156</sup> sự sống đời đời ⇔ Đức Chúa Trời sẽ cho tôi sự sống đời đời ⇔ tôi sẽ sống mãi mãi} (với Đức Chúa Trời/Ngài) (ở thiên đàng)?” **18** <Rồi>/Nhưng (Chúa) Giê-su/Ngài hỏi/bảo {ông ấy ⇔ người đàn ông}: “<sup>CH157</sup>{Tại sao con ⇔ Hãy nghĩ về điều con vừa nói, con} gọi Ta là nhân lành?!” <sup>158</sup>{Không có một người nào nhân lành (một cách hoàn toàn/đủ) ngoại trừ chỉ một mình Đức Chúa Trời. ⇔ Đức Chúa Trời là Đấng nhân lành duy nhất.} **19** (Để trả lời câu hỏi của con), con biết {mệnh lệnh/luật pháp (của Đức Chúa Trời) <sup>159</sup>(bao gồm), ⇔ Đức Chúa Trời đã phán điều gì (với dân sự của Ngài):/. (Ví dụ,)} <sup>160</sup>Đừng <sup>161</sup>giết (bất cứ ai), {Đừng phạm tội <sup>162</sup>ngoại tình ⇔ Đừng có liên hệ tình dục với vợ hay chồng người khác ⇔ Phải trung tín với vợ hay chồng}. Đừng trộm cắp (bất cứ gì của bất cứ ai). <sup>163</sup>{Đừng làm chứng dối (trước tòa) ⇔ Đừng kết tội ai một cách giả dối. ⇔ Đừng nói dối.} <sup>164</sup>[Đừng gian lận/lừa gạt (bất cứ ai) (bất luận điều gì).] (và) <sup>165</sup>{Hiếu kính ⇔ Yêu thương và vâng phục} cha mẹ.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:12–16, Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:16–20) **20** <Nhưng> {ông ấy ⇔ người đàn ông}

---

chỉ ra rằng chỉ có Đức Chúa Trời là tốt lành/nhân lành (trong ý nghĩa là “vô tội”), điều đó hàm ý rằng không có một người nào (kể cả người đàn ông này) có thể tốt đủ để tự cứu chính mình được (Rô-ma 3:23). Đức tin trong Chúa Giê-su là điều kiện để một người được cứu và đức tin là quà tặng của Đức Chúa Trời chứ không thể tự tạo ra được (câu 15, Rô-ma 3:27–28, Ê-phê-sô 2:8–9). Chúa Giê-su muốn người đàn ông này nhận thức rằng sự sống đời đời tùy thuộc vào việc Đức Chúa Trời làm, không phải tùy thuộc việc con người làm (xem câu 27).

<sup>155</sup> **10:17** Khi chuyển ngữ từ “**thừa hưởng**” ở đây, **không** nên hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ chết trước để chúng ta có thể hưởng...

<sup>156</sup> **10:17** Khi chuyển ngữ nhóm từ “**thừa hưởng sự sống đời đời**” **không** nên có ý rằng người ta sẽ sống mãi mãi trên đất/không chết, thay vì sống đời đời với Đức Chúa Trời trên thiên đàng sau khi chết ở thế gian này.

<sup>157</sup> **10:18** Khi chuyển ngữ câu 18 **không** nên hàm ý rằng Chúa Giê-su không tốt.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su không nói rằng người đàn ông này không nên gọi Ngài là nhân lành. Chúa Giê-su muốn người đàn ông nghĩ về điều anh ta nói và anh ta đang nói với ai. Thực ra, một số học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su đang nói Ngài là Đức Chúa Trời.

<sup>158</sup> **10:18** Khi chuyển ngữ câu này **không** nên hàm ý rằng Đức Chúa Trời là con người.

<sup>159</sup> **10:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mệnh lệnh Chúa Giê-su nói đến ở đây nằm trong 10 điều răn Đức Chúa Trời ban cho Môi-se trên núi Si-na-i (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1–17 và Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:6–22) và nó liên hệ đến việc yêu mến người khác. Chúng tiêu biểu trong tất cả những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời.

<sup>160</sup> **10:19** Mệnh lệnh trong câu 19 áp dụng cho **tất cả** mọi người và cần nên diễn đạt như một **mệnh lệnh chung**. Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ cần phải nói: “Anh/Các anh không được...” hay “Một người không được...” hay “Người ta/Mọi người không được...” hay “Không ai được...”

<sup>161</sup> **10:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời cấm không được giết người ngoài luật pháp, đây không nói đến chiến tranh hay án tử hình.

<sup>162</sup> **10:19** Coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**ngoại tình**” trong sách Mác. Xem Mác 7:22, 10:11–12, 19, và xem **lời chú thích** về vấn đề này ở câu Mác 7:22.

<sup>163</sup> **10:19 “Đừng làm chứng dối”** đặc biệt nói đến việc làm chứng trước tòa. Tuy nhiên, nhiều bản dịch nói một cách tổng quát là “Đừng nói dối”.

<sup>164</sup> **10:19** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có từ tương tự như “**Đừng gian lận/lừa gạt (bất cứ ai, bất cứ gì)**”. Tuy nhiên, một vài bản khác **không có**.

<sup>165</sup> **10:19** Xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ “**Hiếu kính cha mẹ**” trong Mác 7:10.

<sup>166</sup> {<[phản ứng]> nói ⇔ trả lời} với Ngài/(Chúa) Giê-su: “Thưa Thầy, tôi đã <sup>167</sup> giữ/vâng theo tất cả những điều (mệnh lệnh/luật pháp) <sup>168</sup> {từ khi còn trẻ ⇔ từ khi tôi còn là một cậu bé}.”

**21** Rồi (Chúa) Giê-su {nhìn một cách chăm chú ⇔ nhìn thẳng} (vào mặt) anh ấy, (với đây) <sup>169</sup> thương mến và (Ngài) nói với anh ấy: “(Chỉ có) một việc (mà) con {thiếu ⇔ cần phải làm}. Hãy đi (và) <sup>170</sup> bán tất cả những gì con có/làm chủ và (đem) cho/phân phát (tiền bạc ấy) cho {kẻ nghèo ⇔ những người nghèo khổ}, rồi {con sẽ có một của quý/phần thưởng (từ Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời sẽ thưởng cho con} ở thiên đàng. {Rồi ⇔ Sau khi con làm những điều đó,} hãy đến mà {theo Ta ⇔ làm/trở nên môn đệ của Ta} <sup>171</sup> [(và) vác thập tự giá (của con) ⇔ (và) hãy sẵn sàng chịu đau đớn ngay cả đến chết (cho Thầy)].” **22** <Rồi> {qua lời/sự dạy dỗ (của Chúa Giê-su) ⇔ khi người đàn ông nghe những điều đó}, {anh ấy sùng sốt ⇔ nét mặt của anh ấy thay đổi} và anh ấy bỏ đi (và rất là) <sup>172</sup> buồn/thất vọng, <sup>173</sup> bởi vì anh ấy {có rất nhiều <sup>174</sup> tài sản (và không muốn cho bất cứ ai) ⇔ rất giàu có (và không muốn ban phát tài sản của mình)}.

<sup>166</sup> **10:20** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**phản ứng**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**. Chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>167</sup> **10:20** Để ý rằng đa số các mệnh lệnh trong câu 19 ở trong thể phủ định, do đó nó sẽ **không đúng** nếu nói một điều gì giống như “Tôi đã làm tất cả mọi điều đó”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sứ đồ Phao-lô nói điều tương tự như thế trong Phi-líp 3:6. Cả hai nói về việc vâng lời Đức Chúa Trời bằng hình thức bên ngoài, đó là, điều gì họ đã làm và điều họ đã không làm. Nhưng Đức Chúa Trời quan tâm nhiều đến việc vâng lời bên trong có nghĩa là tấm lòng và ý tưởng của mỗi người.

<sup>168</sup> **10:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ người giàu nói khi anh lên 13 tuổi, đó là tuổi mà một người con trai Do Thái bắt đầu có trách nhiệm cho việc vâng theo Luật Pháp Môi-se.

<sup>169</sup> **10:21** Phải chắc chắn khi chuyển ngữ từ “**thương mến**” **không có** bao hàm ý nghĩa về tình dục ở đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Từ “thương mến” được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có lẽ có nghĩa rằng Chúa Giê-su làm một điều gì đó, chẳng hạn như vòng tay của Ngài bên hông người đàn ông, để bày tỏ rằng Ngài thương mến anh ấy.

<sup>170</sup> **10:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mệnh lệnh này không phải cho những người giàu có, nhưng cho mọi người có nan đề giống như người giàu có. Chúa Giê-su thừa biết người đàn ông này yêu của cải mình nhiều hơn là yêu mến Đức Chúa Trời. Bảo người đàn ông bán hết tài sản của mình để phân phát cho người khác, Chúa Giê-su cố ý làm cho người đàn ông suy nghĩ về ưu tiên trong đời sống của anh ta và Ngài muốn anh nhận thức rằng mối quan hệ giữa anh và Đức Chúa Trời sẽ không được tốt đẹp cho đến khi anh đặt Đức Chúa Trời/công việc của Ngài là ưu tiên số một trong đời sống của anh ta.

<sup>171</sup> **10:21** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có nhóm từ “**vác thập tự giá của con**” ở đây (xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ tương tự trong Mác 8:34). Tuy nhiên, đa số các bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**.

<sup>172</sup> **10:22** Khi chuyển ngữ từ “**buồn**” ở đây **không nên** hàm ý có người qua đời/chết.

<sup>173</sup> **10:22** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần thiết để đổi **thứ tự** của câu 22 và nói: “<Rồi> người đàn ông này có rất nhiều tài sản (và không muốn ban phát cho người khác). **Do đó** khi anh ta nghe điều Chúa Giê-su nói, anh ta sùng sốt và bỏ đi và anh rất là thất vọng, buồn bực.”

<sup>174</sup> **10:22** Từ ngữ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp thường để nói đến **ruộng đất**, nhưng có thể kể cả những **tài vật** khác.

**23** Rồi (Chúa) Giê-su nhìn qua phía (các môn đệ của Ngài) (và) nói với {các môn đệ (của Ngài) ⇔ họ}: “{Thực khó vô cùng ⇔ Thực rất khó} cho {những người có (nhiều) <sup>175</sup> tài sản/giàu ⇔ những người giàu} để <sup>GTK176</sup>{vào Nước của Đức Chúa Trời ⇔ trở thành công dân của Nước Đức Chúa Trời ⇔ phục tùng sự cai trị của Đức Chúa Trời ⇔ để Đức Chúa Trời hướng dẫn họ ⇔ có sự sống đời đời ⇔ vào thiên đàng}.” **24** <Và> các môn đệ (của Chúa Giê-su) <sup>177</sup>ngạc nhiên bởi {lời/nhận xét của (Chúa) Giê-su ⇔ điều (Chúa) Giê-su nói}. Nhưng/Do đó (Chúa) Giê-su/Ngài <phản ứng> lại và nói với họ: <sup>178</sup>“Hỡi các con/bạn (của Thầy), thật là rất khó <sup>179</sup>[cho (người ta) những người tin cậy/tuỳ thuộc vào/nơi của cải/sự giàu có] để <sup>GTK180</sup>{vào Nước Đức Chúa Trời ⇔ [tự] phục tùng sự cai trị của Đức Chúa Trời ⇔ để Đức Chúa Trời cai trị họ ⇔ có sự sống đời đời ⇔ vào thiên đàng}. **25** (Thật ra,) <sup>181</sup>{thật một con <sup>182</sup>lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn là một người giàu có/một người <sup>183</sup>vào Nước Đức

<sup>175</sup> **10:23** Từ “tài sản” được dùng ở đây trong bản Hy-lạp khác với từ được dùng trong câu 22. Ở đây nó mang ý nghĩa tổng quát hơn, đặt biệt bao gồm cả tiền bạc.

<sup>176</sup> **10:23** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “vào Nước của Đức Chúa Trời” có nghĩa “tự thuận phục dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời” ở đây, hay “để Đức Chúa Trời cai trị/hướng dẫn họ.” Tuy nhiên, phải dựa theo ngữ cảnh, đặc biệt là câu 17 và câu 26, nhiều người khác nghĩ nó có nghĩa “có sự sống đời đời” hay “vào thiên đàng” (như trong Mác 9:47). Nếu không chuyển ngữ theo từng chữ/nghĩa đen, có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>177</sup> **10:24** Xem cách bạn chuyển ngữ từ “ngạc nhiên” trong Mác 1:27. Để cho được rõ tại sao các môn đệ của Chúa Giê-su ngạc nhiên điều Ngài nói về người giàu, bạn có thể bắt đầu câu 24 bằng cách nói: “<Bấy giờ/Và> (các người Do Thái tin/nghĩ rằng sự giàu có của một người là một dấu hiệu người đó được Đức Chúa Trời chấp nhận, vì thế) khi các môn đệ (của Ngài) nghe...” Tuy nhiên, nhiều người chuyển ngữ muốn chuyển ngữ sát với bản Hy-lạp hơn và do đó họ thêm **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái tin rằng sự giàu có là dấu hiệu của một người được Đức Chúa Trời chấp thuận và được phước (Thi Thiên 128, Châm Ngôn 10:22). Đó là lý do tại sao các môn đệ rất ngạc nhiên ở đây.

<sup>178</sup> **10:24** Cách Chúa Giê-su **xung hô** ở đây thì thật là thích hợp để nói với các môn đệ. Không nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su nói với các em bé thật sự. Xem cách bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong Mác 2:5 và 5:34.

<sup>179</sup> **10:24** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BDY) có từ “cho (người ta) người tin cậy/tuỳ thuộc vào/nơi của cải/sự giàu có”. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) không có và hàm ý rằng việc đó là khó cho mọi người (không chỉ riêng người giàu có) để vào Nước Đức Chúa Trời (giống như câu 27). Cách tốt nhất là nên dùng cả hai, một vào bản dịch và một vào **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>180</sup> **10:24** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ trong câu 23, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>181</sup> **10:25** Cần để ý rằng Chúa Giê-su dùng phương pháp so sánh phóng đại ở đây. Ngài không chỉ nói rằng người giàu không thể nào vào Nước Đức Chúa Trời được, Ngài nói rằng người giàu **khó có thể** làm điều đó được. Quyết định cách nào tự nhiên nhất để so sánh việc một con lạc đà chui qua lỗ kim với người giàu vào Nước Đức Chúa Trời. Thí dụ, đối với một số ngôn ngữ có thể cần nên nói một điều chẳng hạn như: “một con lạc đà không thể nào chui qua lỗ kim được, đối với người giàu vào Nước Đức Chúa Trời lại càng khó hơn...”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một con lạc đà (một con vật to lớn nhất ở xứ Do Thái) không thể chui vào lỗ kim. Chúa Giê-su dùng thí dụ này để nói rằng người giàu khó tự mình mà phục tùng quyền cai trị của Đức Chúa Trời, chỉ có Đức Chúa Trời làm được điều đó (câu 27).

<sup>182</sup> **10:25** Nếu lạc đà không được biết trong văn hoá của bạn, bạn có thể nói một cách tổng quát là, “một con vật khổng lồ/rất to lớn”. Hay nói “một con vật rất to lớn gọi là con lạc đà”. Hay bạn có thể để nguyên văn vào

Chúa Trời ⇔ một người giàu phục tùng sự cai trị/thẩm quyền của Đức Chúa Trời thật vô cùng khó hơn là một con lạc đà chui qua lỗ kim ⇔ một người giàu phục tùng quyền cai trị của Đức Chúa Trời là việc <sup>184</sup>khó có thể xảy ra.” 26 Rồi {họ ⇔ các môn đệ (của Chúa Giê-su)} lại còn <sup>185</sup>sùng sốt nhiều hơn (và) nói/hỏi <sup>186</sup>{lẫn nhau ⇔ [Ngài/(Chúa) Giê-su]}: <sup>CH</sup>“(Nếu điều Ngài/[Chúa] nói là sự thật, ⇔ Nếu quả thật khó cho một người được cứu,) <sup>CH</sup>{thì ai có thể ⇔ thì làm sao người ta có thể ⇔ thì chắc chắn không ai có thể} <sup>187</sup>{được cứu (khỏi sự trừng phạt vì tội lỗi của họ) ⇔ vào được Nước Đức Chúa Trời ⇔ có được sự sống đời đời ⇔ vào thiên đàng?}/!” 27 (Rồi) (Chúa) Giê-su/Ngài <sup>188</sup>{nhìn chăm chú ⇔ nhìn thẳng} đến họ (và) {nói (với họ) ⇔ trả lời (họ)}: “{Đối với con người (thì) không thể nào được ⇔ (Không) thể nào con người (tự cứu lấy mình)}, {nhưng đối với Đức Chúa Trời thì khác, vì <sup>189</sup>chẳng có gì khó đối với Đức Chúa Trời/Ngài ⇔ nhưng Ngài có thể cứu họ vì Ngài có thể làm bất cứ việc gì}.”

28 (Rồi) Phê-rô {bắt đầu nói ⇔ lên tiếng <sup>190</sup>nói} với Ngài/(Chúa) Giê-su: “[Hãy nhìn/Kìa, ⇔ Còn chúng con thì thế nào?] <sup>191</sup>(không giống như người đàn ông giàu ⇔ không giống như những người giàu) chúng con đã {bỏ lại ⇔ từ bỏ} tất cả (những gì chúng con có) {và theo Thầy ⇔ để trở thành các môn đệ (của Thầy)}. (Chúng con sẽ được cứu không? ⇔ Chúng con sẽ được thưởng vì làm điều đó không?)” 29 (Chúa) Giê-su nói (với các môn đệ của Ngài): “<sup>GTK192</sup>{A-men/Vâng, (các con đã từ bỏ tất cả,) (và) Ta bảo các con (rằng) ⇔ Quả thật Ta bảo

một LỜI CHÚ THÍCH và dùng một sự thay thế thích hợp với văn hoá vào trong bản dịch. Lạc đà to lớn hơn bò hay trâu. Khi nào bạn dùng một sự thay thế thích hợp với văn hoá, **phải chắc chắn** là người ta sẽ chấp nhận nó như là một điều có thể nói trong Kinh Thánh. Xem cách bạn chuyển ngữ “**lạc đà**” trong Mác 1:6.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một con lạc đà đứng gần một người để cho thấy được kích thước của nó. Hay một người ngồi trên lưng con lạc đà cùng với những hành lý.

<sup>183</sup> 10:25 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**vào Nước Đức Chúa Trời**” trong các câu 23–24.

<sup>184</sup> 10:25 Nếu sự chọn lựa này được dùng trong một bản dịch, nguyên văn cần để trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>185</sup> 10:26 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**sùng sốt**” trong Mác 1:22.

<sup>186</sup> 10:26 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDC, BCG) có từ tương tự như từ “**lẫn nhau**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác và BDM có từ “**Ngài**” thay vào đó. Riêng BDY không có cả hai, nhưng chỉ hàm ý từ “**Ngài**”.

<sup>187</sup> 10:26 **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như là các môn đệ chuyển đề tài từ chỗ Chúa Giê-su nói trong các câu 23–25.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “được cứu” là một cách khác để nói “vào Nước Đức Chúa Trời” (các câu 23–25) hay “được sự sống đời đời” (các câu 17 và 30). Mặc dù đời sống của những người tin nhận Chúa Giê-su bắt đầu ở thế gian này, nhưng ba nhóm từ nói về Nước Đức Chúa Trời trong sách Mác chú trọng đến đời sau sống bên cạnh Đức Chúa Trời ở thiên đàng.

<sup>188</sup> 10:27 Xem cách bạn chuyển ngữ “**nhìn chăm chú**” trong câu 21.

<sup>189</sup> 10:27 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Đức Chúa Trời có thể làm được mọi sự là đề tài trong cả Cựu Ước, bắt đầu từ Sáng Thế Ký 1:1 (được nói rõ trong Sáng Thế Ký 18:14 và Gióp 42:2). Chúa Giê-su nhắc lại những điều đó trong Mác 9:23 và 14:36.

<sup>190</sup> 10:28 Tùy thuộc vào cách bạn chuyển ngữ trích dẫn sau đây, bạn có thể nói: “...và **hỏi** Ngài/Chúa Giê-su...”

<sup>191</sup> 10:28 Thể của đại danh từ “**chúng con**” trong bản Hy-lạp cho thấy rằng Phê-rô **so sánh** chính ông và các môn đệ còn lại của Chúa Giê-su và với người giàu này, hay những người giàu nói chung.

<sup>192</sup> 10:29 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**A-men**” trong Mác 3:28.

các con, ⇔ Ta đảm bảo/hứa chắc với các con rằng<sup>193</sup> {không có một người nào ⇔ mọi người ai} {đã bỏ lại ⇔ từ bỏ} nhà cửa (của người đó), <hay><sup>194</sup> anh em hay chị em <hay> cha mẹ,<sup>195</sup> [hay vợ,] <hay> con cái hay ruộng đất<sup>196</sup> {vì có Ta ⇔ để theo/hầu việc Ta ⇔ để đặt những mong ước của Ta lên hàng đầu} và/hay {vì có ⇔ để nói/dạy dỗ (những người khác)} {Phúc Âm ⇔ tin tốt lành} (về Ta/sự cứu rỗi ⇔ về nước của Đức Chúa Trời), 30 người đó sẽ chắc chắn {nhận (từ Đức Chúa Trời) ⇔ được thưởng (bởi Đức Chúa Trời) với} {một trăm lần ⇔ nhiều} hơn bây giờ/ở đây trong đời này (hơn là người ấy đã từ bỏ).<sup>197</sup> (Người ấy/Họ sẽ nhận)<sup>198</sup> nhà cửa, <và> anh em và chị em, <và><sup>199</sup> mẹ và con cái và {ruộng/đất với<sup>200</sup> sự bắt bớ, ⇔ ruộng/đất. Người ta sẽ bắt bớ người ấy/họ,} và/nhưng trong đời sau/tương lai<sup>201</sup> {(người ấy/họ sẽ thừa hưởng/có sự sống đời đời ⇔ (Đức Chúa Trời sẽ cho người ấy/họ) sự sống đời đời ⇔ người ấy/họ sẽ sống mãi mãi} (với Đức Chúa Trời/Ngài) (trên thiên đàng). 31 <Và/Nhưng> nhiều người (đứng)<sup>202</sup> đầu/quan trọng (bây giờ), sẽ {trở thành cuối ⇔ không quan trọng}

<sup>193</sup> 10:29 Phải chắc chắn sự chọn lựa của bạn trong câu này **phù hợp** với nhau. Thí dụ, “**không có một người**” phải được dùng với “**chẳng không**” khi bắt đầu câu 30. Một cách khác, “**mọi người**” ở đây phải được dùng với từ “**sẽ**” trong phần đầu của câu 30.

<sup>194</sup> 10:29 “**các anh em hay các chị em**” được chuyển ngữ bằng những cách khác nhau, tùy thuộc vào hệ thống ngôi thứ/mối quan hệ trong ngôn ngữ của bạn. Thí dụ, đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói “già hơn hay trẻ hơn” hay “các anh trai hay các em trai, hay các chị gái hay các em gái”. Một số ngôn ngữ đòi hỏi phải chứng tỏ ngôi thứ/mối quan hệ (trong gia đình), thí dụ, “các anh trai (**của ông ấy**)”.

<sup>195</sup> 10:29 Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có từ “**hay vợ**” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) **không có**.

<sup>196</sup> 10:29 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ tương tự trong Mác 8:35.

<sup>197</sup> 10:30 Các câu 29–30 là một câu **dài** trong bản Hy-lạp. Đối với một số nhiều ngôn ngữ cần phải **chia** câu này thành hai hay nhiều câu ngắn.

<sup>198</sup> 10:30 Xem cách bạn chuyển ngữ **danh sách** đồ vật tương tự trong câu 29. Nghiên cứu xem trong ngôn ngữ của bạn **liên kết/liệt kê** những vật trong những danh sách giống như thế này như thế nào. Một số ngôn ngữ dùng những liên từ, một vài ngôn ngữ không dùng liên từ hay chỉ dùng một vài liên từ. Một số ngôn ngữ có một liên từ đặc biệt trước vật cuối cùng trong danh sách.

<sup>199</sup> 10:30 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Đức Chúa Trời ban phước cho chúng ta dựa theo như mối quan hệ của chúng ta đối với những Cơ-đốc nhân khác như thế nào. Thí dụ, xem Mác 3:31–35; Công Vụ 2:44–45; 4:32–37; Rô-ma 16:13, 1 Ti-mô-thê 5:1–2; và Ga-la-ti 4:19. Hãy để ý rằng “cha” không được nhắc đến, có lẽ vì Đức Chúa Trời là Cha của các môn đệ của Chúa Giê-su.

<sup>200</sup> 10:30 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**sự bắt bớ**” trong Mác 4:17.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Chúng ta không nên ngạc nhiên nếu chúng ta bị bắt bớ, thay vì chúng ta nên được khích lệ, vì chúng ta biết rằng chúng ta sẽ mãi mãi sống với Đức Chúa Trời trên thiên đàng.

<sup>201</sup> 10:30 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**hưởng/vào/có sự sống đời đời**” trong câu 17.

<sup>202</sup> 10:31 “**đầu...cuối...cuối...đầu**” đối nghịch với quan niệm của nhân loại về con người (nó đặt trên nền tảng của sự quan trọng/địa vị). Đối với quan niệm của Đức Chúa Trời về con người (được đặt trên nền tảng của đức tin/tin cậy nơi Ngài).

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Chúa Giê-su cho rằng các môn đệ có sự sống đời đời. Những người như thế, những người không được coi là quan trọng, sẽ trở thành “đầu” (có nghĩa là có sự sống đời đời), nhưng những người như người giàu (trong câu 22), những người được kể là quan trọng, sẽ trở thành “cuối” (có nghĩa là không có sự sống đời đời). Điều đó sẽ xảy ra vì nhiều người (giống như người giàu) sẽ từ chối tin cậy Đức Chúa Trời (so sánh điều đó với câu 27).

(rồi), và (nhiều người đứng) {cuối ⇔ không quan trọng} (bây giờ) (sẽ trở thành) hàng đầu/quan trọng.”

10:32–34 (Chúa) Giê-su Lại <sup>203</sup>{Tiên Tri Sự Chết Và Sự Sống Lại Của Ngài ⇔ Bảo Các Môn Đệ Của Ngài <sup>NTT</sup> Rằng Ngài Sẽ Bị Giết Nhưng Rồi Sẽ Sống Lại Từ Kẻ Chết}

*Ma-thi-ơ 20:17–19; Lu-ca 18:31–34*

32 <Rồi> (trong khi) <sup>GTK204</sup>{họ ⇔ (Chúa) Giê-su, các môn đệ (của Ngài) và một số người khác ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} <sup>205</sup>tiếp tục <trên đường> đi đến/di chuyển <sup>206</sup><lên> (thành) Giê-ru-sa-lem, <và> (Chúa) Giê-su/Ngài đang đi/đi bộ (một khoảng cách ngắn) trước {họ ⇔ những người khác}. <Và> <sup>GTK207</sup>{họ ⇔ các môn đệ (của Chúa Giê-su)} thì <sup>208</sup>ngạc nhiên <sup>209</sup>và những người (khác) đang theo (Ngài) thì sợ hãi/quan tâm. Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su đem mười hai môn đệ (của Ngài) ra <sup>210</sup>{riêng ⇔ một bên (đường)} lần nữa (và Ngài) {bắt đầu ⇔ bảo} họ (một cách riêng tư) (thêm về) <sup>NTT211</sup>những việc <sup>212</sup>{sẽ/sắp ⇔ phải ⇔ Đức Chúa Trời đã quyết định phải} xảy đến cho Ngài. 33 (Ngài nói:) “Này/Hãy nghe, chúng ta đang đi/di chuyển <lên> Giê-ru-sa-lem. <Và>/Tại đó <sup>213</sup>{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở thành một người} sẽ bị {phản ⇔ giao cho} thầy tế lễ/các thượng tế và các chuyên gia Kinh

<sup>203</sup> (Tiểu Đề) Xem cách bạn chuyển ngữ tiểu đề tương tự trong Mác 8:31 và 9:30. Đây **không phải chỉ** là lần thứ ba Chúa Giê-su nói tiên tri về sự chết và sự sống lại của Ngài (như một vài bản dịch nói); điều đó được nhắc đến một lần khác nữa trong Mác 9:9, 12.

<sup>204</sup> 10:32 Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng phần cuối trong câu 32 đó là các **môn đệ** của Chúa Giê-su **ngạc nhiên** và **những người khác** thì **sợ hãi**. Tuy nhiên, một số khác nghĩ các môn đệ là những người ngạc nhiên và sợ hãi.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người khác cùng đi với Chúa Giê-su và các môn đệ, có lẽ là họ đi lên Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt-qua.

<sup>205</sup> 10:32 Chúa Giê-su và các môn đệ bắt đầu chuyến đi này trước đó (trong các câu 1 và 17).

<sup>206</sup> 10:32 Chúa Giê-su và các môn đệ đang đi **“lên”** theo cao độ, đó là họ đi về hướng tây hay tây nam (từ chỗ gần thành Giê-ri-cô; câu 46). Nhiều bản dịch hàm ý những tin tức này. Thành Giê-ru-sa-lem được xây ngang qua trên hai ngọn đồi.

<sup>207</sup> 10:32 Xem lời chú thích về từ **“họ”** trước đó trong câu 32.

<sup>208</sup> 10:32 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong bản Hy-lạp không nói tại sao các môn đệ của Chúa Giê-su ngạc nhiên hay những người khác sợ hãi. Có lẽ trông thấy cử chỉ đặc biệt nào đó của Chúa Giê-su hay cách Ngài đi bày tỏ một sự khác thường (xem Lu-ca 9:51) điều đó làm ngạc nhiên các môn đệ và những người khác sợ hãi rằng một điều gì không tốt sắp xảy ra.

<sup>209</sup> 10:32 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) có các từ “...và **những người (khác)** đang theo (Ngài) thì sợ hãi...” Tuy nhiên, BDY không có.

<sup>210</sup> 10:32 Bản Hy-lạp **không cho biết** khi Chúa Giê-su nói chuyện với các môn đồ thì họ đang **đứng** hay **đang đi**. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ trong Ma-thi-ơ 20:17.

<sup>211</sup> 10:32 Đối với một số ngôn ngữ có lẽ cần phải nói: “...người ta sắp làm gì với Ngài.” hay “...Đức Chúa Trời quyết định người ta sẽ làm gì với Ngài.”

<sup>212</sup> 10:32 Từ trong bản Hy-lạp hàm ý **một cách chắc chắn** và rằng Đức Chúa Trời **quyết định** điều gì sẽ xảy ra.

<sup>213</sup> 10:33 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ **“Con Người”** trong Mác 2:10.



Luật <sup>GTK</sup>214 (bởi một người). <Và> họ sẽ (đưa Ngài/Ta ra toà,) <sup>NTT</sup> lên án/kết án <sup>215</sup> Ngài/Ta {tử hình ⇔ bị tử hình} và (rồi) giao Ngài/Ta cho người {Ngoại Quốc ⇔ không phải gốc Do Thái ⇔ La-mã}. **34** <Rồi> {họ ⇔ người Ngoại Quốc ⇔ không phải gốc Do Thái ⇔ La-mã} sẽ {máng nhếc ⇔ chế nhạo} Ngài/Ta, <và> nhỏ (nước miếng) trên (mặt) Ngài/Ta <sup>216</sup> (làm nhục/làm xấu Ngài/Ta), <và> <sup>217</sup> {gây thương tích ⇔ đánh} Ngài/Ta bằng roi và giết (Ngài/Ta), nhưng <sup>218</sup> sau ba ngày Ngài/Ta sẽ <sup>219</sup> sống (từ kẻ chết ⇔ trở lại).”

**10:35–45 {Gia-cơ Và Giăng Xin (Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup> Một Ân Huệ ⇔  
Chỗ Danh Dự Trong Nước Đức Chúa Trời ⇔ Hãy Khiêm Nhường  
Và Phục Vụ Người Khác}**

*Ma-thi-ơ 20:20–28*

**35** Rồi Gia-cơ và Giăng, (là) hai con trai của Xê-bê-đê, đến <sup>220</sup> (gần) Ngài/(Chúa) Giê-su (và) nói với Ngài: “Thưa Thầy, chúng con <sup>221</sup> muốn {Thầy làm bất cứ điều gì chúng con yêu cầu (Thầy làm) ⇔ Thầy ban cho chúng con một ân huệ ⇔ xin Thầy làm cho chúng con một điều}.” **36** {<Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi họ: <sup>222</sup> “Các con muốn <sup>223</sup> [Thầy] làm cho các con điều gì?” ⇔ “Điều gì thế?” (Chúa) Giê-su hỏi.} **37** <Rồi> họ nói/trả lời <Ngài>: <sup>TD</sup>224 “{Trong sự vinh hiển của Ngài ⇔ Khi Ngài cai trị nhân loại,} (xin vui lòng) <sup>225</sup> {ban

<sup>214</sup> **10:33** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ **Giu-đa** là người được hàm ý trong ngữ cảnh này, vì thầy tế lễ thượng phẩm và các chuyên gia Kinh Luật được nói đến. Xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ tương tự trong Mác 9:31, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>215</sup> **10:33** Trong các câu 33–34 Chúa Giê-su nói về chính Ngài trong ngôi thứ ba (“**Chúa, Ngài**”). Đối với một số ngôn ngữ có sự cần thiết để dùng ngôi thứ nhất (“**Ta**”). **Không nên** chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su đang nói với một người nào khác.

<sup>216</sup> **10:34** Có một số văn hoá **nhỏ nước miếng** là một phần trong nghi thức của sự chúc phước. Phải chắc chắn **không hàm ý** việc chúc phước ở đây.

<sup>217</sup> **10:34** Nếu cần lời chú thích về các từ “**gây thương tích/đánh bằng roi**” xem Mác 15:15.

<sup>218</sup> **10:34** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ những từ “**sau ba ngày**” Mác 8:31 và 9:31.

<sup>219</sup> **10:34** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ các từ “**sống (từ kẻ chết)**” trong Mác 8:31.

<sup>220</sup> **10:35** Chúa Giê-su và các môn đệ đang cùng nhau trên đường lên Giê-ru-sa-lem (câu 32). Gia-cơ và Giăng đến gần Chúa Giê-su.

<sup>221</sup> **10:35** Chuyển ngữ sự **yêu cầu** này thế nào đó để nghe **không** có vẻ khiếm nhã/vô lễ.

<sup>222</sup> **10:36** Câu hỏi của Chúa Giê-su cần nên nghe có vẻ từ tốn, **không nên** có vẻ khiếm nhã/vô lễ. Bạn có thể nói: “Các con cần xin [Ta] điều gì...”

<sup>223</sup> **10:36** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có từ tương tự “**Ta**” ở đây. Tuy nhiên có một số bản khác (và BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>224</sup> **10:37** Nhóm từ “**trong sự vinh hiển của Ngài**” đứng ở cuối câu 37 trong bản Hy-lạp.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy ghi nhận rằng các môn đệ (ngay cả những người thân cận nhất của Ngài, Phê-rô, Gia-cơ và Giăng) vẫn chưa hiểu được việc làm của Ngài và nó mang ý nghĩa gì cho việc làm của họ (Mác 8:32, 9:32, 38; 10:35–37). Chúng ta cần sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời để chúng sẽ không có hành động hay kém hiểu biết giống họ.

cho/hứa cho chúng con <sup>NTT</sup> rằng một (trong hai chúng con) sẽ ngồi ⇔ hãy để một (trong hai chúng con) ngồi} (một trên ngai) ở <sup>226</sup> bên phải của Ngài và {một ⇔ ngồi phía bên kia} (trên ngai) ở bên trái (của Ngài) (để cai trị với Ngài).” **38** Nhưng (Chúa) Giê-su nói với họ: “Các con không biết/hiểu (việc phải xảy đến cho các con <sup>227</sup> để nhận điều ⇔ loại chức vụ/trách nhiệm) mà các con xin (Ta) ban cho. <sup>228</sup> Các con có thể <sup>229</sup> {uống (từ) cái chén (đau đớn) Ta sắp uống ⇔ chịu đau đớn cách Ta chịu}, hay (các con có thể) <sup>230</sup> {chịu báp-tem mà Ta sắp chịu ⇔ có nhận lãnh nỗi sự khó khăn mà Ta sẽ nhận} không?” **39** <sup>231</sup> <Rồi> họ trả lời Ngài: <sup>232</sup> “{(Vâng,) chúng tôi có thể (làm điều đó). ⇔ Vâng, Thưa Thầy.}” Do đó (Chúa) Giê-su bảo họ: “(Thực ra) các con sẽ <sup>233</sup> {uống chén (của sự đau khổ) Ta sắp uống ⇔ đau đớn theo cách mà Ta sắp chịu đau đớn}, và các con sẽ {chịu báp-tem mà Ta sắp chịu ⇔ nhận lãnh sự đau đớn mà Ta sắp nhận}, **40** nhưng <sup>TD234</sup> {đó không phải việc của Ta để ban cho/quyết định/chọn lựa ⇔ Ta không phải là người quyết định/chọn lựa} ai sẽ ngồi {(trên ngai) ở bên phải (của Ta) hay (ai sẽ ngồi trên ngai) ở bên trái (của Ta) ⇔ trên các ngai sát bên Ta} (khi Ta cai trị ⇔ để cùng

- <sup>225</sup> **10:37** Bạn có thể nói: “...(xin) để chúng tôi ngồi (trên các ngai) **sát bên** {Ngài ⇔ ngai của Ngài} (để cùng cai trị với Ngài), **một** ở bên phải và **một** ở bên trái của Ngài.” Hay bạn có thể **rút ngắn** lại và nói: “...(xin) để chúng tôi ngồi (trên các ngai) **bên phải và bên trái** của Ngài.”
- <sup>226</sup> **10:37** Nếu trong ngôn ngữ của bạn, việc ngồi **bên phải** hay **bên trái** của một người có nghĩa là người đó kém quan trọng thay vì quan trọng nhất, bạn có thể nói một cách tổng quát hơn, “sát bên Ngài” hay “trong những chỗ danh dự nhất”.  
**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Địa vị thấp hơn một vị vua (trong trường hợp này là Chúa Giê-su) là những chỗ danh dự và uy quyền nhất.
- <sup>227</sup> **10:38** Hay bạn có thể nói: “...để {có những địa vị đó ⇔ ngai trên những ngai đó}.”
- <sup>228</sup> **10:38** Có thể Chúa Giê-su muốn dùng câu hỏi này như một câu hỏi **tu từ**. Tuy nhiên, vì các môn đệ trả lời Ngài như là một **câu hỏi thật**, bạn nên chuyển ngữ nó như vậy/câu hỏi thật.
- <sup>229</sup> **10:38** Thành ngữ “**uống (từ) cái chén** Ta sắp uống” có nghĩa là “**chịu đau đớn** giống như Ta chịu/sắp chịu đau đớn” hay “**kinh nghiệm** điều Ta phải kinh nghiệm”. Nếu trong bản văn **không** chuyển ngữ theo từng từ một, bạn nên để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.
- <sup>230</sup> **10:38** “**chịu báp-tem mà Ta sắp chịu**” là một thành ngữ có một ý nghĩa tương tự như thành ngữ trước đó “uống (từ) cái chén”. Có lẽ cách tốt nhất là nên chuyển ngữ theo từng từ một và thêm một **LỜI CHÚ THÍCH** để giải thích các thành ngữ đó.
- <sup>231</sup> **10:39** Có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của câu này và nói: “{Chúng tôi có thể, ⇔ Vâng,} họ trả lời”. Chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.
- <sup>232</sup> **10:39** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Gia-cơ và Giăng không hiểu cách đau đớn mà Chúa Giê-su nói đến là gì.
- <sup>233</sup> **10:39** Xem cách bạn chuyển ngữ “**uống từ cái chén...chịu báp-tem mà Ta sắp chịu...**” trong câu 38.  
**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Gia-cơ và Giăng cả hai đều chịu/bị bắt bớ vì hầu việc Chúa Giê-su. Giăng bị đày ra đảo Bát-mô (Khải Huyền 1:9) và sau đó chết (khi được 90 tuổi) tại thành Ê-phê-sô. Gia-cơ tử vì đạo tại Giê-ru-sa-lem (Công Vụ 12:2).
- <sup>234</sup> **10:40** **Thứ tự** thật của mệnh đề này trong bản Hy-lạp là: “...Nhưng ngai bên phải của Ta và/hay (ngai) bên trái (của Ta) [đó] không phải là việc Ta ban cho/quyết định.” Bạn có thể nói: “Ta không có quyền để quyết định/chọn lựa ai sẽ ngồi...” Hay bạn có thể nói: “Ta không phải là người quyết định/chọn lựa ai sẽ ngồi...”

cai trị với Ta). <Nhưng> <sup>235</sup> (những chỗ đó được dành sẵn) cho những người mà họ đã {chuẩn bị ⇔ bổ nhiệm} <sup>236</sup> [bởi (Đức Chúa Trời) Cha của Ta].”

**41** <Và> khi mười (môn đệ khác) (của Chúa Giê-su) nghe <sup>NTT</sup> (điều đó ⇔ điều Giảng và Gia-cơ yêu cầu Chúa Giê-su), họ đâm ra/nổi <sup>237</sup> giận với Gia-cơ và Giảng. **42** Rồi/Do đó (Chúa) Giê-su gọi {họ (tất cả) ⇔ (tất cả) các môn đệ (của Ngài)} lại (và) nói với họ: “Các con biết rằng <sup>238</sup> những người được {kê/đáng được cai trị ⇔ coi là những người cai trị/lãnh đạo} trên {người ngoại quốc ⇔ các dân (trên thế giới)} <sup>239</sup> {làm chủ ⇔ thống trị} và {cai trị (một cách nhẫn tâm/cứng rắn) ⇔ áp bức/bóc lột} <sup>240</sup> {họ ⇔ dân chúng của) họ}. **43** Nhưng {đối với các con <sup>241</sup> thì không phải như thế ⇔ đó không phải là đường lối các người nên làm ⇔ các con không được (tham quyền lực) giống như họ ⇔ các con không được tranh đấu cho quyền lực và sự quan trọng}. Thay vì, nếu ai trong các con muốn làm/trở nên lớn/quan trọng <sup>242</sup> (trong cái nhìn/quan niệm của Đức Chúa Trời), người đó/con phải (khiêm nhường và) {làm đầy tớ/kê giúp việc cho các con ⇔ phục vụ/giúp đỡ những người khác}. **44** <Và> nếu một người nào trong các con muốn được <sup>243</sup> {đứng đầu ⇔ coi là quan trọng}, {người ấy phải (hạ mình xuống giống như) một người <sup>244</sup> nô lệ/đầy tớ cho những người khác (trong các con) ⇔ con phải (hạ

<sup>235</sup> **10:40** Bạn có thể nói: “<Nhưng> [(Đức Chúa Trời) Cha Ta] **quyết định** ai sẽ ngồi vào những chỗ đó.”

<sup>236</sup> **10:40** Rất ít bản thảo Hy-lạp chính (và BCG, BDY) có các từ tương tự “**bởi (Đức Chúa Trời) Cha của Ta**” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC) **không** có, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>237</sup> **10:41 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mười môn đệ nổi giận có lẽ vì họ lo ngại rằng họ đã bị mất cơ hội để nhận lãnh một điều gì đó từ Chúa Giê-su.

<sup>238</sup> **10:42** Bạn có thể nói: “Các người biết rằng những người ngoại quốc **công nhận**/có toàn quyền trong việc cai trị của họ...”

<sup>239</sup> **10:42 “làm chủ họ”** là một thành ngữ mang ý nghĩa “**thống trị**”, hàm ý rằng các nhà lãnh đạo chỉ quan tâm đến những nguồn lợi cá nhân của họ, không phải những nhu cầu của dân chúng mà họ lãnh đạo. Thành ngữ đó kết hợp với “**cai trị (một cách nhẫn tâm/một cách cứng rắn) trên họ**” chỉ một ý mà được diễn tả bằng hai cách khác nhau để bày tỏ rằng các nhà lãnh đạo dân Ngoại cai trị dân chúng của họ rất **cứng rắn/ngghiêm khắc**. Bạn có thể rút ngắn câu văn này và nói: “Các con biết rằng các nhà cầm quyền/cai trị/lãnh đạo thế giới này **có toàn quyền** trên những kẻ bị lệ thuộc/dân chúng của họ **và làm bất cứ điều gì** họ muốn đối với những người đó.”

<sup>240</sup> **10:42 “họ”** nói về những người/dân chúng bị cai trị.

<sup>241</sup> **10:43** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có từ “**thì không như/thì không phải**” ở đây. Tuy nhiên, một số khác (và Văn Bản Đa Số) có các từ “**không nên/không được**” thay vào đó.

<sup>242</sup> **10:43** Có lẽ tốt nhất nên để những tin tức hàm ý này vào một LỜI CHÚ THÍCH.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đây Chúa Giê-su nói về ý nghĩa của việc được làm lớn/quan trọng trong quan niệm của Đức Chúa Trời. Ngài bàn đến cùng một vấn đề trong Mác 9:33–37.

<sup>243</sup> **10:44** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đứng đầu**” trong Mác 9:35 và 10:31.

<sup>244</sup> **10:44** Từ (“*doulos*”) được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có thể có nghĩa hoặc là “**nô lệ**” (như BDM, BDY) hay “**đầy tớ**” (như BDC, BCG) tùy thuộc vào ngữ cảnh hay ngôn ngữ. Một người “*doulos*” (nô lệ) thì dưới quyền làm chủ bởi một người khác và phải hầu việc chủ của mình với sự trung tín tuyệt đối/hoàn toàn. Đối với một số ngôn ngữ, “nô lệ” chứa đựng một ý nghĩa rất tiêu cực của sự tra tấn và đối xử tàn nhẫn/xấu. Trong những trường hợp như thế, tốt hơn là nên dùng một từ ngữ mang ý nghĩa tích cực chẳng hạn như “đầy tớ”.

mình xuống) phục vụ/giúp đỡ mọi người khác},/. 45<sup>245</sup> vì/<Bởi vì> {ngay cả ⇔ cùng một thể ấy,} 246 {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở thành người} 247 không đến (đây ⇔ thế gian này) {để được phục vụ ⇔ để bắt người khác phục vụ Ngài/Ta}, nhưng (Ngài/Ta đến) để 248 phục vụ (những người khác) và để {ban/hy sinh sự sống của Ngài/Ta ⇔ chết} {(như) một 249 giá chuộc/trả cho 250 nhiều (người) ⇔ thay thế cho nhiều người để họ được tha (khỏi sự trừng phạt vì tội lỗi của họ) ⇔ để trả án phạt (của sự chết) mà Đức Chúa Trời đòi hỏi cho các tội lỗi mà mọi người đã phạm/làm}.”

10:46–52 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Một Người Đàn Ông Mù Có Tên Là Ba-ti-mê

*Ma-thi-ơ 20:29–34; Lu-ca 18:35–43*

46 Rồi 251 {họ ⇔ (Chúa) Giê-su, các môn đệ (của Ngài) và một đám 252 đồng} {đến ⇔ đi tới} (thành) 253 Giê-ri-cô. <Và>/Sau đó trong khi {Ngài/(Chúa) Giê-su và các môn đệ (của

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong văn hoá của người Do Thái thông thường một người nô lệ/đầy tớ không có tự do và không được trả tiền cho công việc người đó làm. Người nô lệ bị lệ thuộc vào chủ của mình (giống như một đồ vật mà người chủ đã mua) và mục đích của người nô lệ là phục vụ chủ của mình một cách tuyệt đối và hết lòng. Cùng một thể ấy, chúng ta phải hầu việc Đức Chúa Trời (Chủ/Chúa của chúng ta) và hầu việc người khác (Mác 12:29–31, Giăng 15:9–17). Khi chúng ta hầu việc/phục vụ người khác, là chúng ta cũng hầu việc Đức Chúa Trời (Mác 9:37).

245 **10:45 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một số học giả Kinh Thánh coi/xem câu 45 như là đề tài của sách/Phúc Âm Mác.

246 **10:45** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “Con Người” trong câu 33.

247 **10:45** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “không đến” trong Mác 2:17. **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su không đến. Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói: “**đến** (đây ⇔ trong thế gian này) **không phải** để được hầu hạ/phục vụ (bởi những người khác), nhưng để hầu việc...” Hay bạn có thể nói: **công việc** của “{Con Người ⇔ Ta} là không phải để được phục vụ...”

248 **10:45 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi Chúa Giê-su chịu thương khó và chết thế cho nhân loại đầy tội lỗi, Ngài làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Ê-sai 53 đã nói về việc làm của Ngài như một người hầu việc của Đức Chúa Trời.

249 **10:45** Một **giá chuộc/tiền chuộc** là một giá phải được trả để cho một người được tự do/được tha. Thí dụ, nô lệ hay tù nhân của chiến tranh có thể được trả tự do/được tha nếu được trả tiền chuộc.

250 **10:45 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ từ “nhiều” được dùng ở đây như một thành ngữ Do Thái (đó là, một thành ngữ mượn từ tiếng Hy-bá hay A-ram) có nghĩa là “tất cả”. 1 Ti-mô-thê 2:6 cũng nói về sự chết của Chúa Giê-su như là một giá chuộc cho mọi người. Dù Đức Chúa Trời yêu thương mọi người và đã ban Con Một của Ngài cho họ, chỉ có những người tin cậy Chúa Giê-su sẽ được cứu khỏi sự trừng phạt đời đời vì tội lỗi của họ. Thí dụ, xem Giăng 3:16, 18, 36; Mác 16:15–16; Công Vụ 4:12, 16:31; 2 Cô-rinh-tô 5:14–15; Ê-phê-sô 2:8–9; 1 Ti-mô-thê 4:10 và 2 Phê-rô 3:9.

251 **10:46** Trong nguyên bản Hy-lạp có lẽ **không có các tiểu đề**, nhưng là một bản văn liên tục (xem lời chú thích về đề tài của sách này). Đó là lý do ở đây có đại danh từ “**họ**” thay vì “Chúa Giê-su, các môn đệ...” Bản Hy-lạp được phân ra làm nhiều tiểu đoạn để giúp cho người đọc dễ dàng theo dõi. Do đó, tốt nhất là nên **giới thiệu lại** những nhân vật và những địa danh và đưa vào trong mỗi tiểu đoạn để cho người đọc nhờ đó biết những gì sẽ được đề cập đến trong đoạn văn họ sắp đọc.

252 **10:46** Đám đồng này có lẽ đã bắt đầu tụ tập trong câu 32.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều người gia nhập đám đồng đang theo Chúa Giê-su có lẽ là trong số hàng ngàn người đang đi từ tỉnh Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua.

Ngài) và một đám đông ⇔ họ} rời {(thành) Giê-ri-cô ⇔ đó}, <sup>254</sup>{một người hành khát mù ⇔ (người) mù} (tên là) Ba-ti-mê, (có nghĩa là) “Con của Ti-mê”, đang ngồi bên cạnh/trên con đường [<sup>NTT</sup> xin (tiền của người qua lại)]. **47** <Và> khi (anh ấy/Ba-ti-mê) nghe (người ta nói) <sup>NTT</sup> rằng (Chúa) Giê-su của/từ thành Na-xa-rét {có (ở đó) ⇔ đang đến/đi (qua lối này)}, anh ấy bắt đầu <sup>255</sup> gọi/kêu lên <và nói>: “Giê-su, <sup>256</sup>{Con/Cháu của (Vua) Đa-vít ⇔ Người Thừa Kế nước của (Vua) Đa-vít}, {(xin) đủ lòng <sup>257</sup> thương xót con ⇔ (xin) tử tế với con} <sup>258</sup>(và giúp/chữa lành cho con)!” **48** <Và> nhiều (người) <sup>259</sup> bắt đầu <sup>NTT</sup> quở trách/cấm/rầy la/bảo <sup>260</sup>{anh ta/Ba-ti-mê ⇔ người đàn ông mù} (và <sup>NTT</sup> bảo anh ta) rằng anh ta cần im lặng. Nhưng (thay vì, ⇔ thay vì im lặng,) anh ta lại gọi/kêu lớn hơn: <sup>261</sup>“{Con/Cháu của (Vua) Đa-vít ⇔ Người Thừa Kế nước của (Vua) Đa-vít}, {(xin) đủ lòng <sup>262</sup> thương xót con ⇔ (xin) tử tế với

<sup>253</sup> **10:46 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thành Giê-ri-cô cách sông Giô-đanh độ 8 cây số về hướng tây và 24 cây số về hướng đông bắc của thành Giê-ru-sa-lem.

<sup>254</sup> **10:46** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM) có các từ “(người) mù...ăn xin...” Tuy nhiên, một số khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG, BDY) có các từ “người hành khát mù” thay vào đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ăn xin là việc thường tình trong thời Chúa Giê-su còn ở tại thế gian. Với một số đông người về Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua, là một cơ hội tốt/thuận lợi cho những người ăn xin.

<sup>255</sup> **10:47** Chuyển ngữ các từ “gọi/kêu lên” không hàm ý rằng Ba-ti-mê đã giận dữ. Người mù muốn Chúa Giê-su nghe tiếng kêu của anh, anh muốn nói lớn hơn tiếng ồn ào của đám đông.

<sup>256</sup> **10:47 “Con/Cháu của Vua Đa-vít”** là một danh hiệu đặc biệt được dùng để chỉ về Đấng Cứu Thế, Đấng mà những người Do Thái mong đợi sẽ thừa hưởng Ngôi Đa-vít, đó là, cai trị họ như Vua Đa-vít cai trị tổ tiên của họ từ xưa. Để cho rõ ràng bạn có thể nói: “Thừa hưởng ngôi/sự cai trị của (Vua) Đa-vít”. Chúa Giê-su không phải là con thật của Đa-vít, nhưng là một trong những hậu tự của ông.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi người mù gọi Chúa Giê-su “Con/cháu của Đa-vít”, ông ta dùng một danh hiệu mà tất cả người Do Thái đều công nhận nó nói đến Đấng Cứu Thế. Những người Do Thái mong đợi Đấng Cứu Thế chữa lành cho dân chúng và cai trị họ như Vua Đa-vít đã từng cai trị tổ tiên của họ từ xưa (Thi Thiên 89:3–37, Ê-sai 29:18–19, 35:5–6; Giê-rê-mi 23:5–6, Ê-xê-chi-ên 34:23–24).

<sup>257</sup> **10:47 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Xin đủ lòng thương xót con!” là lời yêu cầu thường xuyên với Đức Chúa Trời trong Thi Thiên. Thí dụ, xem Thi Thiên 4:1, 6:2, 41:4, 10; 51:1, 109:26, 123:3.

<sup>258</sup> **10:47** Cần nên nói rõ ràng là Ba-ti-mê yêu cầu Chúa Giê-su **giúp/chữa lành** cho ông ta.

<sup>259</sup> **10:48** Bạn có thể **rút ngắn** câu này và nói: “<Và> nhiều (người) **quở trách/bảo** {ông ấy/Ba-ti-mê ⇔ người mù} <sup>NTT</sup> im lặng.” Coi lại lần nữa cách bạn chuyển ngữ “**quở trách**” trong sách Mác. Xem Mác 1:25, 4:39, 8:32–33, 9:25, 10:13, 48. So sánh nó với cách bạn chuyển ngữ “**nói xấu**” trong Mác 9:39, 15:32 và “**trách**” trong Mác (14:5–6), và 16:14.

<sup>260</sup> **10:48** Câu 46 trong bản Hy-lạp anh Ba-ti-mê được nói đến bằng tên, trong các câu 49–52 anh được gọi là “**người đàn ông mù**” (có lẽ vì đám đông và các môn đệ của Chúa Giê-su chưa biết tên của người mù). Đối với một số ngôn ngữ giới thiệu/nói về một người bằng hai cách khác nhau như thế này là việc không thể làm được. Nói về anh Ba-ti-mê trong mỗi thời điểm trong tiểu đoạn này bằng một cách chính xác và tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>261</sup> **10:48** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ câu này với câu 47.

<sup>262</sup> **10:48** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**xin đủ lòng thương xót con...**” trong sách Mác. Xem Mác 5:19, 9:22, 10:47–48, và xem lời chú thích về điều này trong Mác 5:19.

con} (và giúp/chữa lành cho con)!” 49 Rồi/Do đó (Chúa) Giê-su dừng lại (và) bảo <sup>GTK263</sup>(các môn đệ của Ngài ⇔ dân chúng/đám đông): “{Hãy gọi anh ta đến ⇔ Bảo người mù đó <sup>NTT</sup> đến} (đây ⇔ với Ta).” Bởi thế họ gọi {người (đàn ông) mù ⇔ anh ta/Ba-ti-mê} <bằng cách> nói <với anh ta>: “{Hãy yên tâm ⇔ Hãy bình tĩnh}, đứng dậy, Ngài/(Chúa) Giê-su đang gọi/bảo anh (đến với Ngài)!” 50 Do đó {anh ta/Ba-ti-mê ⇔ người đàn ông mù} {liêng ⇔ nhanh nhẹn bỏ} <sup>264</sup>áo ngoài của anh ta (để anh có thể đi nhanh/để dàng), {đứng phất dậy ⇔ đứng dậy một cách nhanh chóng} (và) đến với (Chúa) Giê-su/Ngài. 51 Rồi (Chúa) Giê-su/Ngài <phản ứng> hỏi anh ta: <sup>265</sup>“Anh muốn Ta làm gì cho anh?” <Rồi> {người (đàn ông) mù ⇔ anh ta/Ba-ti-mê} trả lời <Ngài>: “<sup>266</sup>Thưa Thầy, (xin phiến Thầy) {con (muốn) được ⇔ làm cho con} <sup>GTK267</sup>{thấy ⇔ thấy lại}!” 52 Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su nói với anh ta: “(Anh có thể) <sup>268</sup>về (nhà) (bây giờ), <sup>269</sup>{đức tin của anh (trong Ta) đã cứu/chữa lành anh (khỏi sự đau đớn của anh) ⇔ Anh được cứu/lành/khoẻ mạnh vì anh tin/cậy (rằng Ta sẽ chữa lành/giúp đỡ anh)}.” <Và> ngay lập tức/tức khắc <sup>270</sup>{anh ta/Ba-ti-mê ⇔ người (đàn ông) mù} có thể <sup>GTK271</sup>{thấy ⇔ thấy lại} và anh ta {đi theo ⇔ đi với} Ngài/(Chúa) Giê-su {trên đường ⇔ Ngài tiếp tục đi/di chuyển} (về hướng Giê-ru-sa-lem).

<sup>263</sup> 10:49 Trong bản Hy-lạp **không** cho biết Chúa Giê-su nói với **ai** ở đây. Có thể là các môn đệ hay có thể với một vài người nào đó trong đám đông, đặc biệt là vài người trong đám đông được nói đến trong câu 48.

<sup>264</sup> 10:50 Xem cách bạn chuyển ngữ “áo ngoài” trong Mác 5:27. **Không nên** chuyển ngữ nghe giống như Ba-ti-mê cởi hết cả quần áo của anh ta. Anh ta chỉ cởi áo ngoài của anh mà thôi.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đàn ông và đàn bà thông thường mặc áo cụt, đó là một loại áo ngắn tay, thân áo dài đến hai đầu gối. Nó được buộc ngang hông bằng một sợi dây lưng vải. Người ta thường mặc ra ngoài áo ngắn một áo dài phủ tay và phủ gót.

<sup>265</sup> 10:51 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một câu hỏi tương tự trong câu 36.

<sup>266</sup> 10:51 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “Thưa Thầy” trong Mác 9:5.

<sup>267</sup> 10:51 Động từ dùng trong bản Hy-lạp có thể chuyển ngữ là “**thấy**” (BDC, BDY, BCG) hay “**thấy trở lại**” (BDM).

<sup>268</sup> 10:52 Chuyển ngữ động từ “**về**” **không nên** nghe có vẻ khiếm nhã/vô lễ. Nếu được bạn nên để ở phía sau cùng câu nói của Chúa Giê-su.

<sup>269</sup> 10:52 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đức tin của anh** (nơi Ta) đã cứu/chữa lành anh” trong Mác 5:34.

<sup>270</sup> 10:52 Hãy coi lại cách bạn nói về Ba-ti-mê trong suốt tiểu đoạn này. Phải chắc chắn là nó được rõ ràng rằng “**người đàn ông mù**” là Ba-ti-mê, **không phải** một người nào khác.

<sup>271</sup> 10:52 Phải chắc chắn sự lựa chọn của bạn ở đây phù hợp với sự lựa chọn của bạn ở trong câu 51.

*Phân Đoạn III. Sứ Mạng/Việc Làm Của (Chúa) Giê-su  
Ở Chung Quanh Và Trong Thành Giê-ru-sa-lem  
chương 11–13*

**11:1–11 (Chúa) Giê-su {Vào ⇔ Được Tiếp Đón} (Ở Thành) Giê-ru-sa-lem**

*Ma-thi-ơ 21:1–11; Lu-ca 19:28–38; Giăng 12:12–19*

**11** **1** <Và> khi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} đang {tiến đến ⇔ đến gần} (thành) Giê-ru-sa-lem, (họ đi) đến (làng) <sup>272</sup>Bê-pha-giê và Bê-tha-ni ở (về phía) <sup>273</sup>Núi/Đồi (gọi là) Ô-liu,/. (và/Rồi) Ngài/(Chúa) Giê-su sai <sup>274</sup>hai môn đệ (của Ngài) (đi trước) **2** và nói với họ: “Hãy đi đến <sup>275</sup>làng {ngay trước mặt các con/chúng ta ⇔ mà các con/chúng ta đang đi tới}. <Và> ngay sau khi các con vào đó các con sẽ thấy một <sup>276</sup>con lừa con {mà chưa ai từng cưỡi (nó trước đó) ⇔ chưa từng được ai cưỡi} cột/buộc <sup>277</sup>(vào một cây trụ). Hãy mở dây buộc và dẫn (nó) về (đây ⇔ cho Ta). **3** <Và> nếu có ai hỏi các con: <sup>NGT</sup>‘Tại sao các ông {làm điều đó ⇔ mở dây buộc con lừa}?’ Hãy bảo/trả lời (người ấy): <sup>NGT, GTK278</sup>‘Thầy (của chúng tôi) cần {nó ⇔ con lừa con này} và <sup>GTK279</sup>{Thầy sẽ gửi nó [lại]

<sup>272</sup> **11:1** Một làng ở nơi này có thể được kể là thành ở một nơi khác, điều đó tùy thuộc theo ngôn ngữ và văn hóa ở mỗi địa phương. Dân cư ở Bê-pha-giê có thể là từ 50–150 người.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Làng Bê-tha-ni cách Giê-ru-sa-lem độ 3 cây số, và Bê-pha-giê cách Giê-ru-sa-lem độ 1.6 cây số.

<sup>273</sup> **11:1** Một chỗ được gọi là núi ở nơi này, có thể được kể là đồi ở một nơi khác, điều đó tùy thuộc vào văn hoá của mỗi địa phương. Độ cao của núi Ô-liu chừng 830 mét so với mặt biển, nhưng nó chỉ cao hơn Giê-ru-sa-lem 60 mét. Phải chắc chắn rằng đó là một núi/đồi có tên là “Ô-liu”, không phải là một đồng ô-liu. Có lẽ người ta gọi là núi/đồi Ô-liu vì nó chỉ trồng toàn là những cây ô-liu.

<sup>274</sup> **11:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một điều đáng chú ý là Chúa Giê-su chưa bao giờ sai các môn đệ đi bất cứ nơi nào một mình (xem Mác 6:7, 14:13 cho hai trường hợp tương tự). Chương trình của Đức Chúa Trời cho chúng ta là cùng làm việc chung với nhau cho Ngài (1 Cô-rinh-tô 12:12–27, Giăng 17:20–23).

<sup>275</sup> **11:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Làng này có lẽ là Bê-pha-giê (so sánh với Ma-thi-ơ 21:1–2 và Giăng 12:1, 12, 14 cho thấy điều đó), nhưng nó cũng có thể là Bê-tha-ni.

<sup>276</sup> **11:2** Từ ngữ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có thể nói đến một con ngựa con hay một con lừa con. Theo Ma-thi-ơ 21:2 thì đó là một con lừa con. Nếu lừa không có trong ngôn ngữ bạn, bạn có thể thêm LỜI CHÚ THÍCH sau đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lừa là một con vật chỉ lớn bằng một con ngựa con/nhỏ. Người Do Thái coi lừa là con vật làm công việc thấp hèn, đó là chuyên chở người hay đồ vật. Hiếm khi có một ông vua cưỡi trên lưng lừa. Họ thường cưỡi trên một con ngựa chiến. Cưỡi trên lưng một con lừa là dấu hiệu bày tỏ Chúa Giê-su đến trong sự hoà bình như một Vua khiêm nhường.

<sup>277</sup> **11:2** Có lẽ con lừa có một sợi dây chung quanh cổ để buộc nó vào cây trụ. Không nên chuyển ngữ nghe giống như người ta cột các chân của lừa lại để cho nó khỏi di động được.

<sup>278</sup> **11:3** Không thể xác định rõ ý nghĩa của từ này trong bản Hy-lạp. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “Chúa” chỉ về “Chúa/Thầy của các môn đệ”.

<sup>279</sup> **11:3** Trong bản Hy-lạp từ dùng ở đây có thể dùng để chỉ “thầy” hay “người chủ (của con lừa)” nên mệnh đề này có thể giải thích theo hai cách. Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) giải thích là “Thầy (Chúa Giê-su) sẽ trả (lại) ngay” Tuy nhiên bản thảo Hy-lạp chính (và Văn

đây ngay/không lâu.’ ” ⇔ Ngài sẽ cho (người) đem nó lại ngay.’ ” ⇔ [ông ấy sẽ gọi nó lại đây (cho ông) lập tức.”] 4 Do đó {họ ⇔ hai môn đệ} đi (vào làng đó) và tìm thấy/thấy (con) lừa được cột/buộc {(vào một cây cột) trên đường gần ⇔ ở} <sup>GTK280</sup> {lối đi (của một căn nhà) ⇔ lối vào/cổng (làng)}. <Và> <sup>281</sup> (đương khi) họ đang mở dây buộc nó, 5 <và> có vài ba người <đàn ông> đang đứng ở đó hỏi họ: <sup>NGT</sup> “{Các ông làm gì đó ⇔ Tại sao các ông} mở dây buộc lừa đực/lừa con đó?” 6 Do đó {họ ⇔ môn đệ của (Chúa) Giê-su} trả lời (những người đàn ông) <sup>NTT</sup> y như (Chúa) Giê-su bảo (họ trả lời) và (những người đàn ông) <sup>NTT</sup> {để yên cho họ (làm điều đó) ⇔ cho phép họ (đem con lừa đi)}. 7 Rồi {họ ⇔ (hai) môn đệ} đem/dẫn con lừa (trở lại) với (Chúa) Giê-su, và trải/phủ <sup>282</sup> áo ngoài trên <sup>283</sup> {nó ⇔ lưng nó} (như cái yên/nệm ⇔ cho Ngài/(Chúa) Giê-su ngồi lên),/. và/Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>284</sup> {ngồi trên ⇔ leo lên} {nó ⇔ con lừa} (và bắt đầu cưỡi đi về hướng Giê-ru-sa-lem). 8 <Và> (trong khi Ngài/Chúa Giê-su cưỡi lừa đi,) nhiều (dân chúng) trải/phủ <sup>285</sup> áo ngoài của họ trên đường, và những người khác chặt <sup>286</sup> {các cành lá/nhánh chà là từ/trong ruộng/[cây (gân đó) và trải/phủ trên đường]} (để trang trí đường cho Chúa Giê-su ⇔ làm cho đường đi của Ngài trông đẹp mắt ⇔ để tôn vinh Ngài và chào đón Ngài). 9 <Và> những người đang đi trước (Ngài/Chúa Giê-su) và những người đi theo sau (Ngài) <sup>287</sup> {reo hò ⇔ hô to}: “<sup>GTK288</sup> {Hô-sa-na! ⇔ Ngợi khen <sup>GTK</sup> (Ngài/Chúa

---

Bản Đa Số, song song với Ma-thi-ơ 21:3, BDC) giải thích là Chúa Giê-su đã nói tiên tri trước, Chúa nói: “Ông ấy (người chủ của con lừa) sẽ cho nó đi (với các con)”.

<sup>280</sup> 11:4 Đa số học giả Kinh Thánh (và BDM, BDY, BCG) chuyển ngữ “lối đi (của một căn nhà)”. Tuy nhiên, nó có thể nói đến “lối vào/cổng (của thành)”.

<sup>281</sup> 11:4 Vì mệnh đề này chứa đựng **thông tin mới**, có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu nói “<Và> họ bắt đầu mở dây buộc nó, nhưng có người...”

<sup>282</sup> 11:7 Xem cách bạn chuyển ngữ “áo ngoài” trong Mác 10:50. **Không nên chuyển ngữ** nghe giống như các môn đệ cởi hết cả quần áo của họ. Họ chỉ cởi áo ngoài của họ.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người ta có thể chấp nhận mặc áo ngắn mà không cần áo ngoài. Xem lời chú thích ở Mác 10:50 về quần áo mà người Do Thái mặc.

<sup>283</sup> 11:7 **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như các môn đệ mặc quần áo cho con lừa giống như con người hay họ trùm cả đầu con lừa lại. Họ chỉ phủ áo trên **lưng** con lừa.

<sup>284</sup> 11:7 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Xa-cha-ri 9:9 tiên tri về Chúa Cứu Thế cưỡi trên lưng lừa con đi vào Giê-ru-sa-lem.

<sup>285</sup> 11:8 Người ta chỉ cởi **áo ngoài** của họ. Xem cách bạn chuyển ngữ trong câu 7.

<sup>286</sup> 11:8 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Giăng 12:13, đây là những lá của cây chà là.

<sup>287</sup> 11:9 Khi chuyển ngữ từ “reo hò” **không** nên hàm ý là dân chúng tức giận. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nên nói “reo hò **một cách vui mừng**”.

<sup>288</sup> 11:9 “**Hô-sa-na**” là một thành ngữ trong tiếng A-ram (Do Thái cổ), nguyên nghĩa của nó là “Cứu (chúng tôi) bây giờ”, nhưng sau đó nó được dùng để hoan hô và **ngợi khen** người ta. Một vài học giả Kinh Thánh nghĩ dân chúng xin Đức Chúa Trời cứu hay Chúa Giê-su cứu họ. Tuy nhiên, đa số và BDC, BDM, BCG, BDY nghĩ người ta ngợi khen **Chúa Giê-su** ở đây (đoạn Kinh Thánh song song Ma-thi-ơ 21:9 được rõ ràng hơn). Có một vài người khác nghĩ dân chúng ngợi khen **Đức Chúa Trời**, hay ngợi khen Đức Chúa Trời về việc sai Chúa Giê-su đến.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong các câu 9–10 dân chúng trích dẫn từ trong Thi Thiên 118 đó là một trong những Thi Thiên ngợi khen/tôn vinh được dùng trong các dịp Lễ Vượt Qua.



Giê-su)!} <sup>GTK289</sup>{Phước cho Ngài ⇔ Ngợi khen Ngài ⇔ <sup>290</sup>(Đức Chúa Trời) ban phước cho Ngài} Đấng {đến ⇔ đang đến} {nhân danh Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ với quyền thế/quyền lực của Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ như đại diện của Chúa (Đức Chúa Trời)}! **10** <sup>GTK291</sup>Phước cho nước của Đa-vít, tổ phụ của chúng ta, đang đến <sup>292</sup>[trong danh của Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ với thẩm quyền của Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ như người Đại diện của Chúa (Đức Chúa Trời)]! <sup>GTK293</sup>{Hô-sa-na trên nơi chí cao! ⇔ Ngợi khen (Đức Chúa Trời Đấng ở) thiên đàng! ⇔ Hãy để (cho mọi người) trên thiên đàng ngợi khen <sup>GTK</sup>(Ngài/Chúa Giê-su/Đức Chúa Trời!)}” (Thi Thiên 118:25–26) **11** Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su đi vào Giê-ru-sa-lem (với họ ⇔ với đám đông) vào (khuôn viên) <sup>294</sup>đền thờ và quan sát mọi sự (đang xảy ra) chung quanh. (Nhưng/Rồi) vì trời <sup>295</sup>đã tối, Ngài đi (trở) ra (khỏi thành) đến (làng) <sup>296</sup>Bê-tha-ni với mười hai môn đệ (của Ngài) (để nghỉ tối).

**289 11:9** Từ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có nghĩa là **“phước”** (BDM) khi Đức Chúa Trời hành động hướng về con người. Khi con người hành động hướng về Đức Chúa Trời hay một đại diện của Ngài, nó có nghĩa là **“Ngợi khen”** (như BDC, BDY, BCG). Nhóm từ **“trong danh của Chúa (Đức Chúa Trời)”** cho thấy rằng dân chúng nhận thức được Chúa Giê-su là từ Đức Chúa Trời, do đó “Ngợi khen” có lẽ tốt nhất ở đây. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “Xin Đức Chúa Trời ban phước cho Ngài...”

**290 11:9** Có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “Nguyện xin **Chúa (Đức Chúa Trời)** ban phước cho Ngài Đấng {đến ⇔ đang đến} {trong danh của Ngài ⇔ với thẩm quyền/quyền năng của Ngài ⇔ như một đại diện của Ngài}!”

**291 11:10** Xem cách bạn chuyển ngữ **“phước”** trong câu 9, và xem lời chú thích ở đó. Đấng Cứu Thế là hậu tự của Đa-vít, là Đấng đến để cai trị, **không phải** Đa-vít.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Từ xưa Đức Chúa Trời đã hứa với Vua Đa-vít rằng Ngài sẽ ban cho một trong những hậu tự của ông làm Vua người đó sẽ mãi mãi cai trị dân sự của Đức Chúa Trời (2 Sa-mu-ên 7:11–13). Người Do Thái mong đợi Vua ấy đến. Chúa Giê-su chính là Vua đó. Gia-cốp cũng đã tiên tri về Vua đó trong Sáng Thế Ký 49:10.

**292 11:10** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có các từ **“trong/nhân danh của Chúa (Đức Chúa Trời)”** ở đây, (BDC, BDM, BCG để nhóm từ này trong câu 9). Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDY) **không có**. Tốt nhất là nên để các từ này trong một **LỜI CHÚ THÍCH** (xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ này trong câu 9).

**293 11:10** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ **“Hô-sa-na ở trên nơi rất cao”** có nghĩa là “Ngợi khen (Đức Chúa Trời Đấng sống) trên thiên đàng!” Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó có nghĩa là “Hãy để (mọi người) ở thiên đàng ngợi khen <sup>GTK</sup>(Ngài/Chúa Giê-su/Đức Chúa Trời!)” Nó **không** có nghĩa là “Ngợi khen (Ngài) đến (mức độ) cao nhất!” Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **“Hô-sa-na”** trong câu 9.

**294 11:11** Trong ngữ cảnh này **“đền thờ”** chỉ về tất cả mọi cơ sở và các khuôn viên chung quanh, **không phải** chỉ nói riêng về thánh điện hay “điện thờ”. Trong Tân Ước, cách bạn chuyển ngữ **“đền thờ”** cần nên khác biệt với cách bạn chuyển ngữ **“hội đường”** (xem Mác 1:21), **“đền tạm”** (xem Mác 2:26) và **“nhà thờ”**. Chỉ có một **đền thờ** và nó được xây cất tại Giê-ru-sa-lem. Đó là một toà nhà rộng lớn xây bằng đá, nơi dùng để dâng tế lễ và cầu nguyện. Một số người chuyển ngữ gọi là “nhà của Đức Chúa Trời” hay “một nhà to lớn dùng cho việc dâng tế lễ và thờ phượng Đức Chúa Trời”. **Không nên** chuyển ngữ nghe giống như Đức Chúa Trời dâng tế lễ; các thầy tế lễ làm điều đó.

**295 11:11** Lúc đó độ 6–8 giờ tối, giữa lúc mặt trời lặn và tối.

**296 11:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su và các môn đệ có lẽ ở tại nhà của bà Ma-ri, Ma-thê và La-xa-rô ở làng Bê-tha-ni (John 11:1).

## 11:12–14 (Chúa) Giê-su Quả Trách Một Cây Vả

*Ma-thi-ơ 21:18–19*

**12** <Và> <sup>297</sup> ngày hôm sau khi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} <sup>298</sup> đang rời (làng/thành) Bê-tha-ni (để đi trở lại Giê-ru-sa-lem), Ngài/(Chúa) Giê-su cảm thấy đói bụng. **13** <Và>/Do đó khi (Ngài) thấy một <sup>299</sup> cây vả ở đằng xa (nó) {có ⇔ phủ đầy} lá, Ngài đến để xem thử có trái nào không. Nhưng khi (Ngài) {đến tới nó ⇔ đến đó}, Ngài <sup>300</sup> {chẳng thấy gì nhưng chỉ toàn lá (trên cây) ⇔ chỉ có thấy đầy lá (trên cây), không có trái}, vì lúc này không phải là <sup>301</sup> mùa vả. **14** Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su {bảo nó ⇔ quả/trách cây vả (nói)}: “{Từ nay sẽ không ai ăn trái của mày (nữa)! ⇔ <sup>302</sup> Cây này sẽ không bao giờ ra trái (nữa)!}” <và> các môn đệ (của Ngài) đều nghe <sup>NTT</sup> (lời ấy ⇔ điều Ngài nói).

## 11:15–19 (Chúa) Giê-su {Dọn Sạch ⇔ Tống/Đuổi Những Người Mua Và Bán Ra Khỏi} Khuôn Viên Đền Thờ

*Ma-thi-ơ 21:12–17; Lu-ca 19:45–48; <sup>GTK303</sup>Giăng 2:13–22*

**15** Rồi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} đi/tới Giê-ru-sa-lem và đi vào trong <sup>304</sup> (khuôn viên) <sup>305</sup> đền thờ ((nơi đáng lý ra được dành/dùng làm chỗ cầu nguyện và thờ

<sup>297</sup> **11:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ đây là ngày Thứ Hai trước khi Chúa Giê-su chết.

<sup>298</sup> **11:12** Bạn có thể nói: “... đang trở lại (Giê-ru-sa-lem) từ (làng) Bê-tha-ni...”

<sup>299</sup> **11:13** Nếu cây vả không có trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói “một loại cây gọi là cây vả”. Không nên thay đổi dữ kiện lịch sử.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cây vả được trồng khắp nơi trong tỉnh Giu-đê và Ga-li-lê. Trái của nó là một thức ăn quan trọng của người Do Thái.

<sup>300</sup> **11:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đến mùa cây vả nở hoa/ra trái trước khi có lá. Khi cây vả ra lá đầy đủ (khoảng tháng Ba), thì trái vả non cũng xuất hiện trên cành và là một thức ăn rất đặc biệt (Ô-sê 9:10). Tuy nhiên, đôi khi côn trùng làm cho những trái vả hư và rụng. Cây vả này đúng ra nó có nhiều trái non, nhưng không có. Cùng một thể ấy, những người Do Thái (đặc biệt là các nhà lãnh đạo) đúng ra họ đang hầu việc Đức Chúa Trời, nhưng họ không làm điều đó.

<sup>301</sup> **11:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cây vả ở xứ Do Thái có hai mùa ra trái trong năm, một vào tháng Sáu và một vào tháng Tám đến tháng Mười. Khi Chúa Giê-su quả cây vả có lẽ vào tháng Ba hay tháng Tư.

<sup>302</sup> **11:14** Đối với một số ngôn ngữ người ta không thể nói với một cái cây như nói với một con người.

<sup>303</sup> (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có rất nhiều sự khác nhau giữa Giăng 2:13–22 và các Phúc Âm khác mà nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Giăng nói về việc Chúa Giê-su dẹp sạch những kẻ buôn bán trong khuôn viên đền thờ vào một thời điểm khác. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ Giăng nói về cùng một trường hợp.

<sup>304</sup> **11:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su không thực sự vào bên trong đền thờ, nhưng Ngài chỉ vào trong khuôn viên đền thờ, có lẽ là nơi dành cho người không phải gốc Do Thái, đó là chỗ dành cho dân chúng kể cả người Ngoại Quốc đến cầu nguyện và thờ phượng Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, người Do Thái đã biến nơi đó thành một cái chợ, nơi người ta có thể đến để mua những con vật không tì vết và những thực phẩm khác như dầu, rượu nho và muối để dùng làm lễ vật. Việc mua bán rất tiện lợi cho những người từ các phương xa đến thờ phượng Đức Chúa Trời tại đền thờ.

phượng Đức Chúa Trời)). (Rồi) Ngài/(Chúa) Giê-su bắt đầu <sup>306</sup> tống/đuổi/dẹp người ta ra (khỏi khuôn viên đền thờ) những người ở {trong khuôn viên ⇔ đó} <sup>307</sup> bán, mua (súc vật và nhiều thứ khác dùng để làm lễ vật). Ngài cũng {lật đổ ⇔ đẩy/xô ngã} <sup>308</sup> {bàn của những người đổi tiền ⇔ bàn của những người đổi tiền ngoại quốc ra thành tiền dùng trong đền thờ, và (Ngài lật đổ)} những ghế ngồi của những người bán <sup>309</sup> chim bồ câu (dùng làm lễ vật),/. **16** {và ⇔ Hơn thế nữa,} Ngài <sup>NTT</sup> {không cho phép một ai mang ⇔ chặn đứng những người mang} bất cứ vật gì <sup>310</sup> vào trong khuôn viên đền thờ. **17** Rồi Ngài dạy/bảo (họ ⇔ những người bị Ngài tống đuổi đi) <và nói với họ>: <sup>CH311</sup>“Cớ phải (lời Kinh Thánh) đã chép rằng: <sup>NGT312</sup>“Nhà/Đền thờ của Ta <sup>313</sup> {sẽ được gọi là ⇔ sẽ/phải gọi là} nhà/chỗ {cầu nguyện/thờ phượng cho mọi dân tộc/người ⇔ nơi (người ta từ) tất cả mọi dân tộc, các nhóm ngữ tộc có thể/sẽ cầu nguyện/nói chuyện cùng Ta}’?/! (Ê-sai-a 56:7) <sup>314</sup> Nhưng các người đã {biến nó ⇔ đổi nó thành} <sup>315</sup> {cái hang/sào huyết/trung tâm của những quân trộm cướp ⇔ một chỗ cho những kẻ trộm

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Đền thờ và những khuôn viên chung quanh. Bạn có thể ghi nhãn hiệu cho những hình ảnh khác nhau, kể cả khuôn viên dành cho người không phải gốc Do Thái, khuôn viên dành cho nữ giới, khuôn viên dành cho người Do Thái, Thánh Đường và nơi Chí Thánh.

<sup>305</sup> **11:15** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**đền thờ**” trong câu 11.

<sup>306</sup> **11:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi tống/đuổi/dẹp những người mua và bán ra khỏi khuôn viên đền thờ, Chúa Giê-su đã làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Sách Xa-cha-ri 14:21 (cũng hãy xem Giê-rê-mi 26:1–15, Ô-sê 9:15–16 và trong Ma-la-chi 3:1–5).

<sup>307</sup> **11:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bán súc vật và những thứ khác dùng làm lễ vật trong đền thờ là một công việc có nhiều lợi tức. Vì trong dịp Lễ Vượt Qua có nhiều người từ khắp nơi lên thành Giê-ru-sa-lem hơn và cũng có nhiều súc vật và những thứ khác được bán tại đó hơn.

<sup>308</sup> **11:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái cho rằng những hình/hiệu của con người trên các đồng tiền bằng kim loại của đế quốc La-mã và Hy-lạp giống như là hình tượng (xem Mác 12:16). Người đổi bạc ở đền thờ đổi tiền cho những người ngoại quốc để họ có thể có những đồng bạc phù hợp với sự đòi hỏi của người Do Thái y như trong (Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13). Nhờ đó người ta có thể trả thuế đền thờ cũng như mua lễ vật bằng loại tiền được ấn định.

<sup>309</sup> **11:15** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**chim bồ câu**” trong Mác 1:10.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bồ câu được dùng cho nhiều lễ vật khác nhau (Lê-vi Ký 5:7, 12:6, 14:22, 15:14, 29).

<sup>310</sup> **11:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người ta đem các thứ vào khuôn viên đền thờ có thể là để bán, và cũng có thể đó là con đường tắt người ta dùng để đi đến nơi họ cần phải đi đến.

<sup>311</sup> **11:17** Bạn có thể nói: “<sup>CH</sup> {Cớ phải Đức Chúa Trời phán ⇔ Đức Chúa Trời phán} về đền thờ của Ngài (trong Kinh Thánh) và nói:...”

<sup>312</sup> **11:17** Cần nên nói rõ ràng là “**của Ta**” và “**Ta**” trích dẫn trong Cựu Ước nói về Đức Chúa Trời, **không phải** Chúa Giê-su hay tiên tri Ê-sai.

<sup>313</sup> **11:17** “**sẽ được gọi là**” là một thành ngữ có ý nghĩa “**sẽ là**”.

<sup>314</sup> **11:17** Cần nên rõ ràng là Chúa Giê-su không còn trích dẫn trong Ê-sai 56:7, bạn có thể nói: (Chúa **Giê-su nói/tiếp:**) “**Nhưng, ...**” Xem cách bạn chuyển ngữ trong Mác 10:8.

<sup>315</sup> **11:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su mắng những người đổi bạc và kẻ buôn bán, họ biến khuôn viên đền thờ trở thành sào huyết của quân trộm cướp, vì họ cướp của Đức Chúa Trời về việc thờ phượng khi biến chỗ thờ phượng thành nơi buôn bán. Họ cũng lường gạt dân chúng bằng cách dân chúng phải trả giá rất cao để đổi tiền cũng như mua các lễ vật, như thế chẳng khác gì ăn cướp của họ. Có lẽ Chúa Giê-su đang nghĩ đến Giê-rê-mi 7:11–15 khi Ngài nói điều này.

cướp/lường gạt ỏ/làm việc ⇔ một nơi để lường gạt người ta ⇔ một chỗ dành cho những công việc gian lận}!”

**18** <Và> các <sup>316</sup>thượng tế và <sup>317</sup>các chuyên gia Kinh Luật <sup>NTT</sup> nghe <sup>GTK318</sup>(về điều đó ⇔ về điều (Chúa) Giê-su nói và làm ⇔ (Chúa) Giê-su nói thế), và (bắt đầu/tiếp tục) tìm kiếm cách để họ có thể <sup>319</sup>huỷ diệt/giết Ngài/(Chúa) Giê-su,/. {vì họ ⇔ Họ} lo sợ {về Ngài ⇔ rằng Ngài sẽ được nhiều người biết đến/có uy quyền/có ảnh hưởng}, vì cả đám đông dân chúng <sup>320</sup>{sửng sốt ⇔ ngạc nhiên ⇔ rất là cảm kích} bởi {sự dạy dỗ của Ngài ⇔ những gì Ngài đã dạy}.

**19** <Và> <sup>GTK321</sup>{khi/mỗi khi tối đến, ⇔ mỗi tối} {họ/[Ngài] ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} <sup>GTK</sup>{rời ⇔ sẽ rời} <khỏi> {thành ⇔ (thành) Giê-ru-sa-lem} <sup>322</sup>(trong ban đêm).

### 11:20–26 Một Bài Học Từ Cây Vả Khô Về Đức Tin

*Ma-thi-ơ 21:20–22*

**20** <Và> <sup>GTK 323</sup>{buổi sáng (hôm sau) ⇔ một buổi sáng kia} khi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} đang đi (trở lại Giê-ru-sa-lem), họ thấy (chính) cây vả (mà (Chúa) Giê-su đã quả/trách <sup>GTK324</sup>ngày hôm qua/trước.) {(Nó đã) khô từ gốc (của nó trở lên)! ⇔ Nó đã khô từ ngọn cho đến tận rễ! ⇔ Nó đã hoàn toàn (chết) khô!} **21** <Và> Phê-rô nhớ lại (việc đã xảy ra ⇔ rằng (Chúa) Giê-su đã quả/trách cây vả), (do đó) ông ấy {nói/thốt lên ⇔ hỏi} Ngài/(Chúa) Giê-su: “Thầy, kia! Cây <vả> mà Thầy quả/trách bị <sup>325</sup>{khô/chết ⇔ cháy khô}!”

<sup>316</sup> **11:18** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “các thượng tế” trong Mác 8:31.

<sup>317</sup> **11:18** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “các chuyên gia Kinh Luật” trong Mác 1:22.

<sup>318</sup> **11:18** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ là các thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật nghe về điều Chúa Giê-su nói và làm hay họ có mặt tại đó và **nghe** những gì Chúa Giê-su nói hay không.

<sup>319</sup> **11:18** Xem cách bạn chuyển ngữ “huỷ diệt/giết” trong Mác 3:6.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lý do các nhà lãnh đạo Do Thái phản ứng rất tiêu cực như thế vì họ không tin Chúa Giê-su là Chúa Cứu Thế. Họ cũng lo sợ rằng nếu Chúa Giê-su được nhiều người ưa chuộng Ngài có thể làm cho dân chúng chống lại họ. Hơn thế nữa, họ được lợi trong công việc buôn bán trong khuôn viên đền thờ có thể họ là chủ của một số (nếu không phải là tất cả) những quày hàng đó.

<sup>320</sup> **11:18** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ ngữ “sửng sốt” trong cả sách Mác. Xem Mác 1:22, 6:2, 7:37, 10:26, 11:18. So sánh cách bạn chuyển ngữ một từ ngữ tương tự “ngạc nhiên” (xem Mác 10:24), “ngưỡng mộ” (xem Mác 15:5) và “kinh ngạc” (xem Mác 6:51).

<sup>321</sup> **11:19** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “khi tối đến” nói về một tối (như Ma-thi-ơ 21:17 bày tỏ). Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó nói đến việc đã xảy ra trong **nhiều** tối trong suốt tuần lễ.

<sup>322</sup> **11:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Ma-thi-ơ 21:17, ban đêm Chúa Giê-su ở trong làng/thành Bê-tha-ni (cũng hãy xem câu 11). Bê-tha-ni cách Giê-ru-sa-lem khoảng 3 cây số, và cũng gần thành Bê-pha-giê (câu 1).

<sup>323</sup> **11:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ đây là sáng Thứ Ba. Cách bạn bắt đầu câu 20 tùy thuộc vào các sự lựa chọn của bạn trong câu 19 và xem lời chú thích ở đó.

<sup>324</sup> **11:20** Chỉ nói “ngày hôm qua” ở đây nếu bạn nói “buổi sáng hôm sau” ở đâu câu của câu 20.

<sup>325</sup> **11:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Chúa Giê-su khiến cây vả khô/chết (cháy) để cho thấy rằng các nhà lãnh đạo Do Thái, và mọi người khác là những người không “sanh (bông) trái”, sẽ bị trừng phạt. Nói một cách khác, Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những ai không vâng lời/hầu việc Ngài (Ê-sai 5:1–7 và Giê-rê-

(Việc đã xảy ra như thế nào? ⇔ Tại sao?)” 22 <Và> (Chúa) Giê-su <đáp lại> {nói ⇔ trả lời} {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: “{Hãy có <sup>326</sup>đức tin (nơi) Đức Chúa Trời ⇔ Hãy tin/cậy rằng Đức Chúa Trời có thể/sẽ làm bất cứ điều gì các con cầu xin}./, 23 <sup>GTK327</sup>{A-men/Vâng, <sup>328</sup>(hãy có đức tin đến Đức Chúa Trời,) <sup>329</sup>[bởi vì] Ta bảo các con, ⇔ [bởi vì] quả thật Ta bảo các con, ⇔ [bởi vì] Ta quả quyết với các con rằng} {bất cứ ai ⇔ nếu ai} ra lệnh cho núi/đồi (này ⇔ nơi chúng ta đang đứng), <sup>NGT, GTK330</sup>.Hãy cất lên và quăng xuống <sup>331</sup>biển, <sup>332</sup>và không có sự nghi ngờ trong lòng, nhưng tin rằng {điều gì người ấy nói sẽ xảy ra ⇔ Đức Chúa Trời sẽ làm (như) điều người ấy nói}, <sup>GTK</sup>{nó sẽ được (thực hiện) cho người đó ⇔ Đức Chúa Trời sẽ làm điều đó cho người ấy ⇔ Đức Chúa Trời sẽ quăng nó xuống biển cho người ấy ⇔ nó sẽ vâng lời người ấy mà tự quăng xuống biển}. 24 Bởi vậy Ta nói cùng các con <sup>333</sup>{tất cả mọi sự ⇔ bất cứ sự gì} các con cầu nguyện/nói (với Đức Chúa Trời) và xin (Ngài), hãy tin rằng các con {đã được (rồi) ⇔ sẽ (chắc chắn) nhận được} nó (từ Ngài), và {nó sẽ được (ban cho) các con ⇔ nó sẽ là của các con ⇔ Ngài sẽ ban nó cho các con ⇔ các con sẽ nhận nó}. 25 <Và>/Nhưng khi nào các con <sup>334</sup>{đứng cầu nguyện ⇔ cầu nguyện} (với Đức Chúa Trời), (trước tiên) (các con phải) <sup>335</sup>tha thứ {(nếu có) sự gì bất hoà với người khác ⇔ mọi người có lỗi với các ông}, để (Đức Chúa Trời) của các con/của chúng ta {Cha (Đấng ở) trên trời ⇔ Cha

---

mi 8:4–13 cùng có một sứ điệp tương tự; xem Mác 13:2 và lời chú thích ở đó). Một lý do khác nữa mà Chúa Giê-su quở/trách cây vả là để dạy các môn đệ về đức tin, đó là mối quan hệ với Đức Chúa Trời.

<sup>326</sup> 11:22 Coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**đức tin**” trong sách Mác. Xem Mác (1:17), 2:5, 4:(17), 40; 5:34, 7:24 tiểu đề, 9:14 tiểu đề, (42–43, 45, 47); 10:52, 11:22, (23) và tiểu đề; (13:13), (14:27, 29). So sánh những câu trên với cách bạn chuyển ngữ từ “**vô tín**” trong Mác 9:19; “**hổ thẹn**” trong Mác (8:38); và “**tin**” (xem Mác 16:17).

<sup>327</sup> 11:23 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**a-men**” trong Mác 3:28.

<sup>328</sup> 11:23 Tùy thuộc vào cách bạn chấm dứt câu 22, ở đây bạn có thể nói: “A-men/Vâng, (**tin/tin** cậy rằng Đức Chúa Trời có thể/sẽ làm bất cứ điều gì các con cầu xin, ⇔ hãy tin điều đó,) [vì]...”

<sup>329</sup> 11:23 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**bởi vì**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BDM, BDY, BCG) **không có**.

<sup>330</sup> 11:23 Trong bản Hy-lạp câu này ở dạng bị động và có nghĩa là “(**Bởi Đức Chúa Trời**) **hãy cất lên và ném...**” Vì các câu 22–24 chú trọng đến việc tin cậy Đức Chúa Trời, cách chuyển ngữ đó phù hợp với ngữ cảnh nhất. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh chuyển ngữ câu này: “**cất lên và tự ném...**”

<sup>331</sup> 11:23 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Núi/Đồi và biển mà Chúa Giê-su nói đến ở đây có lẽ là Núi/Đồi Ô-liu và Biển Mặn, người ta có thể trông thấy được Biển Mặn từ Núi/Đồi Ô-liu.

<sup>332</sup> 11:23 Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ cần nên đổi **thứ tự** của các mệnh đề trong câu và nói: “... <sup>GTK</sup>việc đó sẽ (làm thành) cho các con, (**nếu**) các con không nghi ngờ...nhưng tin điều các con nói sẽ xảy ra.”

<sup>333</sup> 11:24 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy xem lời chú thích về các từ “{Tất cả mọi sự ⇔ bất cứ sự gì}” ở Mác 9:23.

<sup>334</sup> 11:25 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái thường đứng ngược đầu lên thiên đàng/trời trong khi họ cầu nguyện.

<sup>335</sup> 11:25 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nếu chúng ta không tha thứ cho người khác, chúng ta không phải là môn đệ của Chúa Giê-su, và Đức Chúa Trời sẽ không tha thứ tội lỗi của chúng ta (Ma-thi-ơ 6:15). Trọng tâm trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta là Ngài tha thứ mọi tội lỗi của chúng ta. Trọng tâm trong tình yêu thương của chúng ta đối với những người khác cũng phải như vậy (Ê-phê-sô 4:32). Đức Chúa Trời muốn hiệp nhất với dân sự của Ngài và hiệp nhất giữa dân sự của Ngài (Giăng 17:20–23). Sự tha thứ làm cho sự hiệp nhất có thể xảy ra. Hãy xem ngụ ngôn về sự tha thứ trong Ma-thi-ơ 18:21–35.

thiên thượng} cũng sẽ tha thứ <sup>336</sup>{những lỗi lầm/tội lỗi của các con (nghịch lại cùng Ngài) ⇔ vì không vâng lời Ngài}. **26** <sup>337</sup>[<Và/Bởi vì> nếu các con {không ⇔ từ chối} <sup>338</sup>tha thứ (tội lỗi/lỗi lầm của những người khác nghịch lại các con), thì <sup>339</sup>{(Đức Chúa Trời) Cha của các ông Đấng (ở) trên trời ⇔ (Đức Chúa Trời) Cha thiên thượng của các con ⇔ Ngài} cũng sẽ không tha thứ cho các con về những tội lỗi/lỗi lầm phạm (với Ngài).]”

### 11:27–33 Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái <sup>NTT</sup>Chất Vấn Về Thẩm Quyền Của (Chúa) Giê-su

*Ma-thi-ơ 21:23–27; Lu-ca 20:1–8*

**27** Rồi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} trở vào trong (thành) Giê-ru-sa-lem. <Và> trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su đang đi trong (khuôn viên) đền thờ, <sup>340</sup>(một vài) thượng tế, <và> các chuyên gia Kinh Luật và các trưởng lão/lãnh đạo (khác) (của người Do Thái) đến với Ngài/(Chúa) Giê-su **28** và hỏi Ngài: <sup>341</sup>“{Bởi <sup>342</sup>thẩm quyền nào/của ai mà Thầy ⇔ Thầy có quyền gì để} <sup>GTK343</sup>{làm những điều này ⇔ làm điều Thầy đang làm (và nói điều Thầy đang nói) ⇔ làm điều Thầy đã làm ngày hôm qua ⇔ tống/đuổi/đẹp những người mua và bán ra khỏi khuôn viên đền thờ}? <Hay/Và> ai đã cho Thầy {thẩm quyền để làm những điều

<sup>336</sup> **11:25 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tất cả tội lỗi của chúng ta là phản nghịch Đức Chúa Trời, kể cả việc chúng ta phạm tội với người khác.

<sup>337</sup> **11:26** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG) có câu **26**. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BDY) **không có**, nhưng hàm ý.

<sup>338</sup> **11:26** Coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**tha thứ**” và “**sự tha thứ**” trong sách Mác. Hãy xem Mác 1:4, (5); 2:5, 7, 9–10; 3:28–29; 4:12, 11:25, [26], và xem **Lời Chú Thích** về vấn đề này ở Mác 1:4.

<sup>339</sup> **11:26** Có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu dùng một câu hỏi **tu từ** ở đây và nói: “...thì tại sao Cha của các ông ở thiên đàng lại phải tha tội các ông chống đối Ngài?”

<sup>340</sup> **11:27** Không phải tất cả các thượng tế, các chuyên gia Kinh Luật và các trưởng lão khác đều có mặt ở đây.

<sup>341</sup> **11:28 Hai câu hỏi** trong ngoặc kép này hỏi những điều tương tự nhau. Nếu khó chuyển ngữ, bạn có thể nói: “**Ai đã sai** Thầy làm những điều này? {Ai đã sai Thầy đến? ⇔ Thầy đại diện cho ai?}”

<sup>342</sup> **11:28 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những nhà lãnh đạo Do Thái là những người điều hành/chịu trách nhiệm cho mọi diễn tiến/công việc trong đền thờ, do đó họ coi những hành động của Chúa Giê-su là những thách đố đối với quyền hành của họ.

<sup>343</sup> **11:28** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ “**làm những điều này**” có nghĩa là “làm những điều Thầy đang làm và nói những điều Thầy đang nói”. Tuy nhiên, một số khác nghĩ nó đặc biệt nói về những gì đã xảy ra trong ngày hôm trước (trong các câu 15–17) và có nghĩa là “đuổi/trừ những người buôn bán ra khỏi khuôn viên đền thờ”. Cách giải thích này tán thành/ủng hộ việc Chúa Giê-su cấm mua bán vẫn còn có hiệu lực. Tuy nhiên, “làm những điều này” cũng có thể kể cả việc/cách Chúa Giê-su vào đền thờ Giê-ru-sa-lem và việc Ngài chữa lành cho người bệnh trong khuôn viên đền thờ, do đó có lẽ **tốt nhất** là chuyển ngữ nhóm từ này một cách tổng quát. Nếu bản văn **không** được chuyển ngữ theo từng từ một/nghĩa đen, có thể để nguyên văn vào trong một LỜI CHÚ THÍCH.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Những điều này” có lẽ đặc biệt nói về việc Chúa Giê-su đuổi những người buôn bán ra khỏi đền thờ. Nó cũng có thể bao gồm nhiều việc khác, như cách Chúa Giê-su đi vào đền thờ Giê-ru-sa-lem và việc Ngài chữa lành cho người bệnh trong khuôn viên đền thờ.

đó ⇔ thẩm quyền đó?” 29 Nhưng (Chúa) Giê-su {nói với họ ⇔ trả lời}: “<sup>344</sup>{Ta [cũng] ⇔ [Trước hết] Ta} sẽ hỏi các ông một <sup>345</sup>câu hỏi. <Và> {trả lời ⇔ nếu các ông trả lời} Ta/nó (đúng), rồi/thì Ta sẽ nói cho các ông bởi thẩm quyền <sup>346</sup>nào/của ai <sup>GTK347</sup>{Ta làm những điều này ⇔ Ta làm điều Ta làm (và nói điều Ta nói) ⇔ Ta tống/đuổi/đẹp những người mua và bán ra khỏi khuôn viên đền thờ}. 30 <sup>TD348</sup>Trả lời/Nói cho Ta, {có phải <sup>349</sup>báp-tem của Giăng Báp-tít đến từ <sup>350</sup>thiên đàng/Đức Chúa Trời hay từ con người/người ta? ⇔ Giăng Báp-tít lấy thẩm quyền ở đâu để làm báp-tem (cho người ta), từ trên trời/Đức Chúa Trời hay từ con người/người ta? ⇔ ai đã cho phép Giăng Báp-tít làm báp-tem (cho dân chúng), Đức Chúa Trời hay người ta?” 31 <Rồi> {họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái} bàn luận/tranh luận (câu hỏi này) với nhau {<bằng cách> nói ⇔ (và) nói}: “<sup>351</sup>Nếu chúng ta nói/trả lời: <sup>NGT</sup>{(Thẩm quyền của ông ấy/Giăng Báp-tít đến) từ <sup>352</sup>trời/Đức Chúa Trời ⇔ Đức Chúa Trời (ban thẩm quyền cho ông ấy/Giăng Báp-tít)},’ Ngài/(Chúa) Giê-su sẽ {(buộc tội chúng ta bằng cách) hỏi (chúng ta): <sup>NGT,CH 353</sup>[Thế/Vậy] sao các ông không tin ông ấy/Giăng Báp-tít?’ ⇔ bảo chúng ta <sup>NTT</sup>rằng chúng ta sai vì đã <sup>354</sup>không tin sứ điệp của ông ấy/Giăng Báp-tít!} 32 {Nhưng/<Và> ⇔ Ngược

<sup>344</sup> 11:29 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BDY) có từ “**cũng/trước hết**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM) **không có**, nhưng chỉ hàm ý. BCG có từ “**chỉ xin**”.

<sup>345</sup> 11:29 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trước khi trả lời một câu hỏi của các nhà lãnh đạo Do Thái, Chúa Giê-su thường hỏi lại họ thay vì trả lời câu hỏi của họ, điều đó không có nghĩa là Chúa Giê-su đối xử thô lỗ với họ, nhưng Ngài dùng thể thức đối đáp mà nhiều thầy thông giáo Do Thái đã thường dùng (xem Mác 10:2–3 cho một thí dụ khác).

<sup>346</sup> 11:29 Bạn có thể nói: “...thì Ta sẽ nói cho các ông biết **ai** {cho Ta thẩm quyền này ⇔ ban lệnh cho Ta} để...”

<sup>347</sup> 11:29 Xem cách bạn chuyển ngữ từ “**làm những điều này**” trong câu 28, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>348</sup> 11:30 Theo bản Hy-lạp các từ “**Trả lời Ta**” đứng sau cùng trong câu 30.

<sup>349</sup> 11:30 Nhóm từ này nói Giăng là người làm báp-tem cho người khác. **Không phải** ông được người khác làm báp-tem cho ông.

<sup>350</sup> 11:30 “**thiên đàng**” nói về **Đức Chúa Trời** ở đây. **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như nước từ trời rơi xuống khi Giăng làm báp-tem cho dân chúng.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái thường nói về Đức Chúa Trời một cách gián tiếp, có nghĩa là họ không dám gọi đích Danh của Ngài để bày tỏ sự tôn kính của họ đối với Ngài. Phong tục này bắt nguồn từ điều răn của Đức Chúa Trời trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7 không được lấy Danh Chúa mà làm chơi.

<sup>351</sup> 11:31 Bạn có thể nói: “Chúng ta **không thể** nói <sup>NTT</sup>rằng Đức Chúa Trời ban cho Giăng thẩm quyền, **hay** Ngài/Chúa Giê-su sẽ...”

<sup>352</sup> 11:31 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các người lãnh đạo Do Thái ý thức rằng nếu họ công nhận thẩm quyền của Giăng đến từ thiên đàng/Đức Chúa Trời, thì họ sẽ phải tin sự dạy dỗ của Giăng về Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 3:7–12, Lu-ca 3:15–18 và Giăng 1:24–34), nó cũng có nghĩa là họ cũng sẽ phải thừa nhận rằng thẩm quyền của Chúa Giê-su đến từ thiên đàng/Đức Chúa Trời. Tất cả những trả lời cho câu hỏi về Chúa Giê-su có những liên hệ quan trọng (Phục-truyền Luật-lê Ký 18:18–20; Mác 9:37).

<sup>353</sup> 11:31 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có từ “**Thế/Vậy**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác, và BDY **không có**, nhưng chỉ hàm ý. Chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>354</sup> 11:31 Bạn có thể nói: “**từ khước** sứ điệp của Giăng là chúng ta sai!”

lại,} <sup>GTK355</sup>{(nếu) chúng ta nói ⇔ chúng ta (cũng) không thể nói}: <sup>NGT356</sup>{(Thẩm quyền của ông ấy/Giăng Báp-tít đến) từ con người ⇔ Người ta (đã ban thẩm quyền cho ông ấy/Giăng Báp-tít)}.../?’ ” (Họ <sup>GTK</sup>nói/hỏi thế vì) họ lo sợ {(điều mà) đám đông/dân chúng (sẽ phản đối họ) ⇔ rằng đám đông/dân chúng (sẽ nổi giận với họ)}, bởi vì {mọi người ⇔ tất cả mọi người} {tin ⇔ đã chắc chắn/tin} rằng Giăng (Báp-tít) <sup>357</sup>rõ ràng là {một tiên tri của Đức Chúa Trời ⇔ được sai đến bởi Đức Chúa Trời để rao giảng sứ điệp của Ngài (cho dân chúng)}. **33** Do đó {họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái} <trả lời> nói/trả lời (Chúa) Giê-su: “Chúng tôi không biết <sup>358</sup>(trả lời câu hỏi của Thầy ⇔ ai ban cho Giăng Báp-tít thẩm quyền để làm báp tem cho dân chúng).” Do đó (Chúa) Giê-su/Ngài nói với họ: “(Vì các người từ chối trả lời câu hỏi của Ta,) thì {Ta không bảo cho các ông bởi thẩm quyền <sup>359</sup>nào/của ai Ta làm <sup>GTK360</sup>những điều này ⇔ Ta sẽ không trả lời câu hỏi của các ông là Ta có thẩm quyền của ai}.”

**12:1–12 {<sup>361</sup>Ngụ Ngôn/Minh Hoạ Về ⇔  
(Chúa) Giê-su So Sánh Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái Với}  
Các Tá Điền/Nông Dân Và Xây Nhà Gian Ác**

*Ma-thi-ơ 21:33–46; Lu-ca 20:9–19*

**12** 1 Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su {bắt đầu nói với họ, (Ngài) dùng ⇔ kể cho các nhà lãnh đạo Do Thái một vài} ngụ ngôn/minh hoạ (và nói): “<sup>362</sup>(Có một lần) một người <sup>363</sup>{trồng ⇔ sai các đầy tớ của ông trồng} một <sup>364</sup>{vườn nho ⇔ vườn với những cây sanh những trái gọi là trái nho}. <Và> ông ta xây một thành (bằng đá) chung quanh (nó ⇔ vườn nho), và đào/làm một {hầm ép nho ⇔ một lò để ép/lấy nước từ những trái nho ⇔ <sup>365</sup>hố/lỗ

<sup>355</sup> **11:32** Không thể xác định rõ ý nghĩa của từ này trong bản Hy-lạp. Nhiều học giả Kinh Thánh giải thích nó như một **điều kiện** và nói: “Nhưng (nếu) chúng ta nói: ‘Từ con người...’ ” Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh khác giải thích đây như một **câu hỏi** và nói “Nhưng chúng ta có **nen** nói: ‘Từ con người không?’”

<sup>356</sup> **11:32** Phải **chắc chắn** rằng các sự lựa chọn của bạn trong các câu 30–33 cần **phù hợp** với nhau.

<sup>357</sup> **11:32** Lúc này Giăng **đã chết** rồi.

<sup>358</sup> **11:33** Đối với một số ngôn ngữ cần nói rõ **điều gì** các nhà lãnh đạo của người Do Thái không biết. Đối với một số ngôn ngữ khác, có thể hàm ý những thông tin này giống như trong bản Hy-lạp.

<sup>359</sup> **11:33** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “bởi thẩm quyền **nào/của ai**...” trong câu 28.

<sup>360</sup> **11:33** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**những điều này**” trong các câu 28–29.

<sup>361</sup> (Tiểu Đề) Hãy xem cách chuyển ngữ từ “**Ngụ Ngôn**” trong Mác 3:23.

<sup>362</sup> **12:1** Hãy xem cách bạn bắt đầu ngụ ngôn trong Mác 4:3.

<sup>363</sup> **12:1** Có lẽ người đàn ông này có những người **đầy tớ** làm mọi công việc cho ông (như trong câu 2).

<sup>364</sup> **12:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một vườn nho là một mảnh đất được trồng một loại cây ăn trái gọi là cây nho. Trái nho là một loại sản phẩm cần thiết, vì trái nho được dùng để làm rượu nho/vang, một loại nước uống rất thông dụng của người Do Thái. Người ta đập lên trái nho trong lò ép rượu để lấy nước nho. Nước nho lên men trở thành rượu nho/vang.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một vườn nho, chung quanh có tường bằng đá, một lò ép rượu, một tháp canh và những người đang làm việc.

<sup>365</sup> **12:1** Một cái **hầm ép rượu nho** trung bình có đường kính từ 1 đến 1.5 mét và sâu độ 0.6–1 mét.



trong một hòn đá lớn để nghiền/ép những trái nho và lấy nước của nó}, và xây một <sup>366</sup>tháp canh <sup>367</sup>(để giữ/bảo vệ vườn nho khỏi những kẻ trộm và thú đồng). Rồi ông ta <sup>368</sup>cho (một vài) <sup>369</sup>tá điền/nông dân thuê/mướn <sup>370</sup>{nó ⇔ vườn nho} và <sup>GTK371</sup>{đi xa ⇔ rời khỏi (chỗ ông đang ở)}. **2** <Và> đến/tới (mùa nho), {ông ta ⇔ người chủ vườn} <sup>NTT</sup>sai <sup>372</sup>{một đầy tớ ⇔ một trong những đầy tớ của ông} đi đến cùng các tá điền để <sup>373</sup>thâu <sup>374</sup>(phần hoa lợi của ông) từ nơi {các tá điền ⇔ họ} về {những hoa quả/trái nho của vườn nho/mùa nho ⇔ số tiền bán được từ những hoa lợi/trái nho}. **3** Nhưng (khi đầy tớ của ông ta đến vườn nho,) {họ ⇔ các tá điền} tóm lấy người đầy tớ, đánh (người ấy) và đuổi (người ấy) {đi/về ⇔ trở về với chủ vườn nho} {tay không ⇔ không có hoa lợi/tiền bạc}. **4** <Rồi> (khi chủ vườn nghe <sup>NTT</sup>điều đã xảy ra, ⇔ khi đầy tớ kể lại cho chủ vườn <sup>NTT</sup>việc đã xảy ra,) {ông ta ⇔ người chủ vườn} lại <sup>NTT</sup>sai một đầy tớ khác tới {họ ⇔ các tá điền} (để thu những gì của ông ta ⇔ để thu phần <sup>375</sup>hoa lợi/tiền của ông ta). Nhưng người này bị họ {đánh bể đầu ⇔ làm thương tích trên đầu} và <sup>376</sup>[họ đuổi (người ấy) đi (sau khi)] họ đối xử (người ấy) một cách xấu hổ/tội tệ. **5** Rồi {ông ấy ⇔ người chủ} <sup>NTT</sup>sai một (đầy tớ) khác (đến với họ) và/nhưng họ giết người đó. <Và> {người chủ sai nhiều (đầy tớ) đến (với họ) ⇔ (họ ngược đãi) nhiều (đầy tớ) khác (mà người chủ sai đến với họ)} — một vài người bị đánh và những người khác bị giết. <sup>TD377</sup>{Cuối cùng ⇔ Sau những việc đó}, {ông ấy ⇔ người chủ} chỉ còn lại một (người) (để sai đi), <sup>378</sup>{con trai yêu dấu (của

<sup>366</sup> **12:1 Tháp canh** thường được xây bằng đá có hình tròn cao độ 4.5 đến 6 thước, đường kính độ hai thước. Mái lợp bằng lá để che nắng cho người canh.

<sup>367</sup> **12:1 Tháp canh** được xây để **bảo vệ** vườn nho khỏi những kẻ trộm, thú đồng kể cả chim trời. Chỉ nên để những tin tức này trong một **LỜI CHÚ THÍCH** thay vì trong bản dịch.

<sup>368</sup> **12:1** Câu số 2 cho biết người chủ đất làm công việc được gọi là **chia hoa lợi**, có nghĩa là ông để cho một số người trông coi vườn nho và họ được phép giữ một phần hoa lợi như là tiền công. Để giải thích từ ngữ “**cho...thuê**” bạn có thể nói: “ông ta ký hợp đồng với một số tá điền và đến mùa họ sẽ được hưởng một phần hoa lợi”.

<sup>369</sup> **12:1** Từ này trong tiếng Hy-lạp có thể mang ý nghĩa tổng quát (“**tá điền**”) hay ý nghĩa chính xác là (“**người trông nho**”), có nghĩa là một người biết cách trông nho).

<sup>370</sup> **12:1** Cần nên nói rõ, “**nó**” ở đây chỉ về **vườn nho**, **không** phải là tháp canh.

<sup>371</sup> **12:1** Động từ trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa hoặc là “**đi (xa)**” hay “**trở lại (một nơi/xứ khác)**”. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ đây là một người ngoại quốc trở lại quê hương của ông ta. Dù ở trong trường hợp nào, cần xác định rõ là chủ vườn đi **xa/nơi khác**.

<sup>372</sup> **12:2** Hãy xem cách chuyển ngữ từ “**đầy tớ**” trong Mác 10:44.

<sup>373</sup> **12:2** Chuyển ngữ từ “**thâu**” **không** nên hàm ý dùng áp lực.

<sup>374</sup> **12:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người chủ vườn chia phần hoa lợi tùy thuộc vào sự đồng ý trước của cả hai bên. Người chủ có thể thâu từ các tá điền nho, nho khô, rượu vang và có lẽ trái từ các cây ăn trái khác được trồng trong vườn nho. Hay ông ta có thể nhận được tiền bán các thứ kể trên.

<sup>375</sup> **12:4** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ câu 2.

<sup>376</sup> **12:4** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “(**rời**) **đuổi (người ấy) đi**”. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có** nhưng hàm ý.

<sup>377</sup> **12:6** Trong bản Hy-lạp từ “**cuối cùng**” được đặt trong câu kế tiếp.

<sup>378</sup> **12:6** Chuyển ngữ các từ “**con trai yêu dấu**” **không nên** hàm ý rằng còn một người con trai khác mà ông ta không yêu dấu. Hãy xem câu số 7, câu này hàm ý rằng người con trai này là người con **trai duy nhất** của ông. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ những nhóm từ tương tự trong Mác 1:11 và 9:7.

ông ta ⇔ con trai (duy nhất) (của ông), mà (ông ta) yêu mến}. (Do đó) ông ta <sup>NTT</sup> sai con trai của ông đến với {họ ⇔ các tá điền} (và ⇔ vì ông ta) nói/nghĩ: ‘(Chắc chắn ⇔ Ta chắc rằng) họ sẽ tôn trọng con trai của ta (và đưa cho nó những gì họ thiếu ta).’ 7 Nhưng (khi) {các tá điền ⇔ họ} (thấy con trai chủ đến, họ) nói với nhau: ‘{Đây là ⇔ Đây rồi} <sup>379</sup> {đưa con kế tự của ⇔ đưa sẽ thừa kế/làm chủ} (vườn nho/đất này). {Nhanh lên, ⇔ Hãy cùng nhau} chúng ta hãy giết nó {và ⇔ như thế} {của thừa kế/điền sản này ⇔ vườn nho/đất này ⇔ nó} sẽ thuộc về chúng ta!’ 8 Do đó (khi nó đến,) họ tóm lấy (nó), {giết nó và liệng <sup>380</sup> nó ra phía ngoài vườn nho/đất (mà không chôn nó) ⇔ liệng nó ném ra ngoài vườn nho và giết nó đi}. 9 [Vậy thì/Bấy giờ ⇔ Vậy],” <sup>381</sup> (Chúa Giê-su hỏi:) “(khi người chủ vườn nho/đất <sup>NTT</sup> biết được điều đã xảy ra,) {người chủ của vườn nho/đất ⇔ ông ấy} sẽ làm gì (đối với các tá điền đó)? (Chắc chắn ⇔ Ta bảo các ông điều người ấy sẽ làm:) ông ấy sẽ tới/đi (cùng những quân lính) và <sup>382</sup> huỷ diệt/giết {các tá điền đó ⇔ họ} {và ⇔ rồi người ấy sẽ} cho <sup>383</sup> những người khác (các tá điền khác) <sup>384</sup> thuê/mướn vườn nho/đất đó!

10 <sup>CH385</sup> “{Các ông há chưa đọc ⇔ Các ông đang bỏ qua những điều các ông đã đọc ⇔ Các ông nói/hành động như các con chưa từng đọc} {lời Thánh Kinh ⇔ Lời Đức Chúa Trời ở chỗ này} (về Đấng Cứu Thế ⇔ so sánh Đấng Cứu Thế với một hòn đá)?/! (Thánh Kinh nói:)

<sup>379</sup> 12:7 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Có lẽ các tá điền nghĩ rằng chủ vườn nho đã chết, và người con trai của ông ấy đến để xác nhận việc thừa kế của cậu ta. Đất không chủ có thể được kê khai/làm chủ bởi bất cứ người nào.

<sup>380</sup> 12:8 Vì người con trai của chủ vườn đã bị đánh chết, bạn có thể nói “ném **thây** của nó ra...” như BDM. BDY chuyển ngữ là quăng thây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Hẳn nhiên là các tá điền không chôn thây con trai chủ vườn. Đó là một việc là không có sự tôn kính.

<sup>381</sup> 12:9 Cần nên rõ là Chúa Giê-su đã **kể xong** câu chuyện và bây giờ Ngài **đang hỏi** các nhà lãnh đạo Do Thái một câu hỏi. **Không** cần nói rõ **thông tin hàm ý** này (hay những tin tức hàm ý nào khác) nếu không cần thiết.

<sup>382</sup> 12:9 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**huỷ diệt/giết**” trong sách Mác 1:24, 3:6, 9:22, 11:18, 12:9.

<sup>383</sup> 12:9 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong câu chuyện ngụ ngôn này, người chủ vườn tượng trưng cho Đức Chúa Trời; các tá điền gian ác tượng trưng cho dân Do Thái, đặc biệt là các nhà lãnh đạo, là những người không làm theo ý Đức Chúa Trời; hoa lợi tượng trưng cho những gì họ thiếu nợ Đức Chúa Trời, đó là một đời sống không công chính. Những người đầy tớ của chủ vườn tượng trưng cho các tiên tri và sự nhẫn nại của Đức Chúa Trời; người con trai của chủ vườn tượng trưng cho Chúa Giê-su con Đức Chúa Trời (sứ giả sau cùng của Đức Chúa Trời); sự trừng phạt các tá điền gian ác tượng trưng cho sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đối với dân Do Thái; và các tá điền khác được thuê vườn nho tượng trưng cho những người ngoại quốc là những người tin và làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. Ngụ ngôn này sẽ làm cho người Do Thái nhớ lại vườn nho được nói đến trong Ê-sai 5:1-7 nó tượng trưng cho người Do Thái.

<sup>384</sup> 12:9 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thuê/mướn**” trong câu 1.

<sup>385</sup> 12:10 Cần nên rõ là Chúa Giê-su **biết** các nhà lãnh đạo Do Thái đã đọc những gì Ngài trích dẫn trong Cựu Ước. Ngài **tố cáo** họ bỏ qua những gì Cựu Ước nói. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ câu hỏi tu từ **tương tự** trong Mác 2:25.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su trích dẫn trong Thi Thiên 118, là Thi Thiên được thường đọc trong Lễ Vượt Qua. Khi Chúa Giê-su đi vào Giê-ru-sa-lem trong Mác 11:9-10 đám đông dân chúng đã dùng một phần trong Thi Thiên 118 để tiếp đón Ngài.

‘Hòn <sup>386</sup> đá (xây nhà) mà thợ xây nhà <sup>387</sup> bỏ ra (như là đồ vô dụng) đã trở nên <thành> hòn <sup>GTK388</sup> đá góc nhà/chính. ⇔ (Người ấy giống như) một hòn đá mà thợ xây nhà đã bỏ ra nhưng sau đó nó trở thành hòn đá quan trọng nhất trong căn nhà.} **11** <sup>389</sup> {Điều đó đã thực hiện bởi Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ Chúa (Đức Chúa Trời) đã làm cho điều đó xảy ra ⇔ Chúa (Đức Chúa Trời) làm cho/một người trở nên quan trọng} và <sup>390</sup> {thật là kỳ diệu/kinh ngạc <sup>391</sup> dưới con mắt của chúng ta ⇔ chúng ta kinh ngạc về những gì Ngài đã làm}!’ ” (Thi Thiên 118:22–23)

**12** <Và> (khi các nhà lãnh đạo của người Do Thái nghe điều đó,) <sup>TD392</sup> {họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái} biết/nhận thức rằng Ngài/(Chúa) Giê-su {đã nói những ngụ ngôn về/chống đối họ ⇔ so sánh họ với các tá điền gian ác và những thợ xây nhà từ khước hòn đá},/. {do đó ⇔ Kết quả là} họ (trở nên giận dữ và) <sup>GTK393</sup> cố gắng/muốn <sup>394</sup> {bắt ⇔ cho lính bắt} Ngài/(Chúa) Giê-su, nhưng họ lo sợ {đám đông/dân chúng ⇔ rằng đám đông/dân chúng (sẽ tấn công/chống đối họ nếu họ làm/cố gắng)}, do đó họ rời khỏi Ngài/Chúa Giê-su (và) đi chỗ khác.

<sup>386</sup> **12:10 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lời tiên tri này nguyên được áp dụng cho dân Do Thái (hay vua Do Thái) người bị từ khước bởi các quốc gia khác trong thời bấy giờ. Cuối cùng lời tiên tri này được ứng nghiệm trong Chúa Giê-su khi dân chúng từ khước và cho người giết Ngài, nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại và ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Khi tác giả Thi Thiên nói “con mắt chúng ta”, tác giả nói về chính mình và dân sự của mình. Nó cũng còn có thể áp dụng trong nhiều trường hợp, ngay cả cho chúng ta hôm nay. Xem lời tiên tri liên hệ trong Ê-sai 28:16.

<sup>387</sup> **12:10** Bạn có thể chuyển ngữ từ “bỏ ra” giống như “từ khước”.

<sup>388</sup> **12:10 “Đá góc nhà”** là hòn đá quan trọng nhất trong một toà nhà nó giữ cho cả căn nhà được vững chắc. Nếu nhà không được xây bằng đá trong văn hoá của bạn, hay hòn đá góc nhà không được biết đến, bạn có thể thêm một LỜI CHÚ THÍCH giống dưới đây. Có thể dùng một sự thay thế thích hợp với văn hoá khác ở đây. Thí dụ, trong một số khu vực người ta cất nhà bằng gỗ, người ta dùng một số cây trụ/cột chính để giữ cho căn nhà đứng vững.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái thường dùng những hòn đá được cắt sẵn để xây nhà hay các dinh thự. Hòn đá quan trọng nhất của một căn nhà là đá nằm ở các góc nhà. Đá góc nhà là những hòn đá lớn đặt ở mỗi góc nhà nơi hai bức tường giáp nhau. Nó là một phần của cả nền nhà và nó giữ các bức tường và nền nhà vững chắc. Chúa Giê-su là đá góc trong Đền Thờ Mới của Đức Chúa Trời, Hội Thánh (Ê-phê-sô 2:19–21, Ê-sai 28:16).

<sup>389</sup> **12:11** Đức Chúa Trời **không làm** cho các người thợ loại bỏ viên đá, nhưng làm cho nó trở nên hòn đá quan trọng nhất.

<sup>390</sup> **12:11** Sự **kinh ngạc** đến từ việc thấy hòn đá bị loại trở thành hòn đá quan trọng nhất của toà nhà.

<sup>391</sup> **12:11** Bạn có thể chuyển ngữ các từ “**dưới con mắt của chúng ta**” như là “để cho chúng ta thấy”.

<sup>392</sup> **12:12** **Thứ tự** của mệnh đề này trong bản Hy-lạp là: “Và họ **cố gắng/muốn** bắt Ngài/Chúa Giê-su, nhưng họ e ngại đám đông, vì họ **biết** rằng Ngài/Chúa Giê-su kể hai ngụ ngôn là để chống đối họ. Do đó họ bỏ đi khỏi Ngài.”

<sup>393</sup> **12:12** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**cố gắng**” hay “**muốn**”. Trong ngữ cảnh này “**muốn**” có lẽ thích hợp nhất.

<sup>394</sup> **12:12** Các nhà lãnh đạo Do Thái **không** tự bắt Chúa Giê-su, nhưng họ sai **quân lính** làm điều đó.

**12:13–17 Các Nhà Lãnh Đạo Của Người Do Thái Cố Gắng Làm Cho  
(Chúa) Giê-su Nói Một Điều Gì Sai Về Việc Đóng Thuế Cho  
<sup>395</sup>{Sê-sa ⇔ Vua/Hoàng Đế La-mã}**

*Ma-thi-ơ 22:15–22; Lu-ca 20:20–26*

**13** Rồi/Sau đó {họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái} gửi đến <sup>396</sup>Ngài/(Chúa) Giê-su một vài <sup>397</sup>người Pha-ri-si <sup>398</sup>(một nhóm người nghĩ rằng việc đóng thuế cho Hoàng Đế Sê-sa là sai) và (một vài người) <sup>399</sup>{thuộc đảng (Vua) Hê-rốt ⇔ những người bạn của <sup>400</sup>Vua Hê-rốt} (là những người ủng hộ việc trả thuế cho Hoàng Đế Sê-sa),/. {để ⇔ Mục đích của họ là} {đánh lừa Ngài/(Chúa) Giê-su bằng (chính) lời nói (của Ngài) ⇔ làm cho Ngài/(Chúa) Giê-su nói một điều gì sai} <sup>401</sup>(để họ có thể dùng nó đặng chống Ngài). **14** Do đó họ đến gặp Ngài/(Chúa) Giê-su (và) nói (với Ngài): “Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy là người ngay thật và (ràng) <sup>402</sup>{Thầy không quan tâm đến (ý kiến) của người khác ⇔ Điều Thầy nói là đúng mà không cần phải lo người khác nghĩ gì về nó ⇔ Thầy không để những ý kiến của người khác ảnh hưởng đến việc Thầy nói (hay làm) ⇔ Thầy không có thiên kiến}, vì Thầy <sup>403</sup>{không nhìn người ta bằng bề ngoài/địa vị/cấp bậc ⇔ không quan tâm đến việc một người có quan trọng hay không ⇔ không thiên vị người quan trọng}, nhưng/thay vì Thầy dạy (người ta) {đường lối của Đức Chúa Trời trên (căn bản của) lẽ thật ⇔ lẽ thật về Đức Chúa Trời muốn con người sống như thế nào}. (Bởi vậy) Thầy nghĩ việc <sup>404</sup>đóng thuế cho <sup>405</sup>{Sê-sa ⇔ Hoàng Đế/Vua La-

<sup>395</sup> (Tiểu Đề) Sê-sa được dùng ở đây như một danh hiệu của “Hoàng Đế/Vua La-mã”. Một hoàng đế/vua là người lãnh đạo tối cao của một nước.

<sup>396</sup> **12:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Chúa Giê-su ở trong khuôn viên đền thờ (như trong Mác 11:27 và 12:35).

<sup>397</sup> **12:13** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “Pha-ri-si” trong sách Mác. Xem Mác 2:16, [17], 18, 24, (25, 27) và tiểu đề; 3: <sup>GTK</sup>(2, 4), 6 và tiểu đề, 20 tiểu đề; 7:1, 3, 5; 8:11, (13) và tiểu đề, 15 và tiểu đề; 10:2, 12:13, (16–17), và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 2:16.

<sup>398</sup> **12:13** Người Pha-ri-si và người của đảng Hê-rốt có quan niệm trái ngược nhau về việc đóng thuế cho đế quốc La-mã. Đây là một yếu tố quan trọng trong việc âm mưu đánh lừa Chúa Giê-su. Tuy nhiên, có thể tốt nhất là để tin tức này trong **LỜI CHÚ THÍCH**, thay vì nói rõ trong bản văn. Hay **LỜI CHÚ THÍCH** ngay chỗ bắt đầu câu 15 có lẽ sẽ thích hợp đủ.

<sup>399</sup> **12:13** Coi lại cách bạn chuyển ngữ “Các người thuộc đảng Hê-rốt” trong sách Mác. Xem Mác 3:6, [8:15], 12:13, (16–17), và xem **lời chú thích** về việc này ở Mác 3:6.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các người Pha-ri-si và phe Hê-rốt đã hiệp nhau để chống Chúa Giê-su. Hãy xem Mác 3:6.

<sup>400</sup> **12:13** Xem cách bạn chuyển ngữ “Vua Hê-rốt” trong Mác 6:14, và lời chú thích ở đó.

<sup>401</sup> **12:13** Đối với một số ngôn ngữ cần nên nói rõ lý do về việc họ cố gắng làm cho Chúa Giê-su nói một điều gì sai. Xem **LỜI CHÚ THÍCH** về vấn đề này trong câu 15.

<sup>402</sup> **12:14** Chuyển ngữ nhóm từ “Thầy không quan tâm...” không nên chuyển ngữ nghe giống như Ngài là người không quan tâm đến người khác.

<sup>403</sup> **12:14** Bạn có thể nói: “...{Thầy không thiên vị ⇔ Thầy đối xử với mọi người như nhau}, và Thầy dạy (dân chúng) đường lối của Đức Chúa Trời...”

<sup>404</sup> **12:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mỗi người phải đóng thuế thân cho Sê-sa mỗi năm một lần.

mã} là <sup>406</sup> đúng/hợp pháp hay là sai? Chúng tôi/Chúng ta nên trả (thuế), hay không nên trả thuế?” <sup>15</sup> <sup>407</sup> Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su biết/nhận <sup>408</sup> thức rõ {mưu kế/dã tâm của họ ⇔ rằng họ đang cố gắng đánh lừa để Ngài (nói một điều gì sai)}, (do đó) Ngài <sup>409</sup> hỏi/bảo họ: “<sup>CH</sup>{Tại sao các ông <sup>410</sup> thử Ta? ⇔ Các ông không nên cố đánh lừa Ta!} Hãy đem cho Ta xem <sup>411</sup> một đồng tiền.” <sup>16</sup> <Rồi> (sau khi) họ đem đến cho (Ngài một đồng tiền), <và> Ngài/(Chúa) Giê-su (giơ nó lên và) hỏi họ: “Hình và <sup>412</sup> hiệu/tên trên đồng tiền là của ai?” <Rồi> {họ ⇔ Những người Pha-ri-si và những người thuộc phe Hê-rốt} trả lời Ngài: <sup>413</sup>“(Đó là) của {(Hoàng Đế) Sê-sa. ⇔ Hoàng Đế/Vua La-mã.}” <sup>17</sup> Rồi (Chúa) Giê-su/Ngài nói với họ: “(Vây/Do đó, ⇔ Để trả lời câu hỏi của các ông,) trả cho {(Hoàng Đế) Sê-sa ⇔ Hoàng Đế/Vua La-mã} những gì {(của) (Hoàng Đế) Sê-sa/Vua ⇔ thuộc về (Hoàng Đế) Sê-sa/Vua ⇔ (Hoàng Đế) Sê-sa/Vua đòi hỏi các ông trả cho ông ấy}, và (trả cho) Đức Chúa Trời những gì {(thuộc về) Đức Chúa Trời/Ngài ⇔ Đức Chúa Trời/Ngài đòi hỏi}.” <Và> (khi những người Pha-ri-si và những người thuộc phe Hê-rốt nghe điều đó,) {họ ⇔ những người Pha-ri-si và phe Hê-rốt} {vô cùng ngưỡng

<sup>405</sup> **12:14** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Sê-sa” trong tiểu đề.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Sê-sa” là tên của một trong những hoàng đế La-mã đầu tiên. Tên của ông được dùng như một danh hiệu của những hoàng đế La-mã sau đó. Ti-bê-ri-út Sê-sa cai trị Đế Quốc La-mã trong những năm 14–37 S.C., do đó ông là hoàng đế/vua khi Chúa Giê-su đặt câu hỏi này.

<sup>406</sup> **12:14** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**đúng/hợp pháp**” trong sách Mác. Xem Mác 2:24, 3:4, 6:18, 10:2 và 12:14. Người Pha-ri-si và những người thuộc phe/dảng Hê-rốt cố gắng **lừa gạt** Chúa Giê-su để cho Ngài nói một điều gì sai ở đây. Họ muốn biết quan niệm của Chúa Giê-su, **không** phải điều gì Luật Pháp nói, do đó, tốt nhất là **không** nên nhắc đến “Luật Pháp” ở đây, như một số bản dịch đã làm. Các người Pha-ri-si hy vọng quan niệm của Chúa Giê-su khác với Luật Pháp để họ có thể kết tội Ngài.

<sup>407</sup> **12:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các nhà lãnh đạo Do Thái tưởng họ đã gạt được Chúa Giê-su: Nếu Ngài nói đóng thuế cho Sê-sa là đúng, thì Ngài chống lại Luật không đóng thuế cho người ngoại quốc, điều đó sẽ khiến cho nhiều người bỏ không theo Ngài. Tuy nhiên, nếu Ngài nói đóng thuế cho Sê-sa là sai, thì phe Hê-rốt, một nhóm người ủng hộ luật lệ La-mã sẽ báo cho chính quyền La-mã và Ngài/Chúa Giê-su sẽ bị bỏ tù và có thể bị kết tội vì phản loạn.

<sup>408</sup> Tiếng Hy-lạp và tiếng Anh không phân biệt “chúng ta” và “chúng tôi”. Đại từ nào cũng thích hợp với ngữ cảnh hết. Mục đích của câu hỏi sẽ kín đáo hơn nếu dùng “chúng tôi”. Tuy nhiên, Chúa Giê-su là một người Do Thái cũng phải trả thuế cho người La-mã, vậy nên có thể dùng “chúng ta” là tốt nhất.

<sup>409</sup> **12:15** Cách bạn chuyển ngữ câu hỏi **tu từ** sau đây sẽ quyết định hoặc là bạn dùng từ “**hỏi**” hay “**bảo**” ở đây.

<sup>410</sup> **12:15** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**thử**” và “**đánh lừa**” trong sách Mác <sup>GTK</sup> 1:13 và tiểu đề; 8:11, (33); (9:43, 45, 47); 10:2, 12:15, (34); 14:38, và Xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:13.

<sup>411</sup> **12:15** Xem lời chú thích về cách bạn chuyển ngữ giá trị **tiền** địa phương trong Mác 6:37.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đồng tiền dùng ở đây là đồng đơ-ni-ê. Đó là một loại tiền bằng kim loại mà chính quyền La-mã đòi hỏi dân chúng dùng để đóng thuế, đó là một loại thuế mà tất cả mọi người lớn phải trả mỗi năm.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Hai mặt của đồng “đơ-ni-ê”.

<sup>412</sup> **12:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Từ trên đồng tiền được ghi bằng tiếng La-tinh, là ngôn ngữ của các nước trong Đế quốc La-mã và ghi rằng “Ti-bê-ri-út Sê-sa Âu-gút-tơ, Con trai của Thân Âu-gút-tơ”. Mặt trái của đồng tiền Sê-sa được gọi là “Thầy trưởng tế”. Người La-mã thờ Sê-sa như một thần. Người Do Thái coi đó như là việc thờ hình tượng.

<sup>413</sup> **12:16** Nhiều ngôn ngữ có thể dùng câu trả lời **ngắn** ở đây như tiếng Hy-lạp. Tuy nhiên, một số ngôn ngữ đòi hỏi một câu **trộn vụn**. Thí dụ, “(Hình/Ảnh và từ viết/tên là của Sê-sa).”

mộ ⇔ hoàn toàn ngạc nhiên} về {Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ thế nào Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>414</sup>thoát khỏi bẫy của họ}.

**12:18–27 Một Vài Người Sa-đu-sê Cố Gắng Chứng Tỏ Rằng ⇔  
{Không Có Sự Sống Lại ⇔ Đức Chúa Trời Sẽ Không Khiến Kẻ Chết Sống Lại  
⇔ Người Ta Sẽ Không Sống Lại Sau Khi Đã Chết}**

*Ma-thi-ơ 22:23–33; Lu-ca 20:27–40*

**18** Rồi (một số hội viên của nhóm Do Thái giáo gọi là <sup>415</sup>Sa-đu-sê đến với Ngài/(Chúa) Giê-su. {Họ ⇔ Những người Sa-đu-sê} nói/dạy/tin <sup>NTT</sup>(rằng) (sau khi chết ⇔ sau khi người ta chết) {không có sự sống lại ⇔ Đức Chúa Trời sẽ không khiến người chết sống lại}, và/do đó họ hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su <bằng cách nói (với Ngài)>: **19** “Thưa thầy, (ngày xưa) Môi-se đã viết cho <sup>416</sup>chúng tôi (những người Do Thái) (trong lời Kinh Thánh rằng) nếu {một người anh ⇔ một người} <sup>417</sup>chết và để vợ lại và/nhưng không có con, (sau đó) em của người ấy/chết phải <sup>418</sup>lấy/cưới {người đàn bà goá đó ⇔ chị dâu của anh ta} và sinh/có con cái cho {người anh đã chết ⇔ anh ấy}. (Phục-truyền Luật-lệ Ký 25:5–6) **20** <sup>419</sup>{Có bảy anh em. ⇔ Một người có bảy con trai.} <Và> người anh/con lớn nhất <sup>420</sup>cưới vợ/một người đàn bà, và/nhưng khi (người ấy) chết trong khi chưa có con. **21** Do đó người (em) thứ hai cưới {nàng ⇔ người đàn bà ⇔ vợ goá của anh}, nhưng <sup>421</sup>người em thứ hai (cũng) chết khi chưa có con. <Và> người em/con trai

<sup>414</sup> **12:17** Bạn có thể nói: “...đã trả lời câu hỏi của họ mà không bị lừa gạt.”

<sup>415</sup> **12:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sa-đu-sê là một đảng của những người Do Thái có học và giàu có. Họ chỉ có độ vài trăm, nhưng họ rất có quyền hành về tôn giáo cũng như chính trị trong cộng đồng của người Do Thái. Họ kiểm soát văn phòng trưởng tế và giữ hầu hết các chức vụ/ghế ngồi trong Hội Đồng Quốc Gia (đó là hội đồng/toà án tối cao Do Thái). Họ không tin có sự sống sau khi chết và không tin có thiên sứ như những thần linh khác hiện hữu. Họ chỉ tin năm sách Ngũ Kinh Môi-se (còn được gọi là Luật Pháp của Đức Chúa Trời) có thẩm quyền. Họ cũng không chấp nhận những truyền thuyết bằng miệng/những luật lệ bắt nguồn từ những sách Môi-se. Đức tin của họ thường làm cho họ nghịch lại người Pha-ri-si. (Xem lời chú thích về Pha-ri-si trong Mác 2:15–16.)

<sup>416</sup> **12:19 “chúng tôi”** chỉ về tất cả người Do Thái, **không** phải chỉ riêng người Sa-đu-sê.

<sup>417</sup> **12:19** Có thể sẽ được rõ hơn nếu nói: “...nếu một người nào **có vợ** và không có con và sau đó chết, em trai của người đó...” Hay bạn có thể nói: “...nếu một người đàn ông **lấy vợ**, nhưng rồi/sau đó chết trước khi có con, em trai của người đó...”

<sup>418</sup> **12:19** Trong ngữ cảnh này “**lấy**” có nghĩa là “**cưới**”, **không phải** chỉ có liên hệ về tình dục (xem các câu 20–21).

<sup>419</sup> **12:20** Câu chuyện này được kể như một câu chuyện **có thật**.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vấn đề quan trọng đối với gia đình của người Do Thái là họ cần có những người con trai để tên gia đình (tên họ/tên tộc) và tài sản sẽ được truyền lại cho những thế hệ kế. Nếu một người chết trước khi có con, thì em trai của người đó hay người em bà con gần nhất phải cưới vợ của người chết. Người con trai đầu lòng của cặp vợ chồng này được mang tên của người chết và được coi là con của người đó và là kẻ thừa tự (Phục-truyền Luật-lệ Ký 25:5–6). Cho một thí dụ về vấn đề này, hãy xem Sáng Thế Ký 38.

<sup>420</sup> **12:20** **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như người đàn ông cưới vợ của một người nào khác.

<sup>421</sup> **12:21** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ cần đổi **thứ tự** của câu này và nói: “...nhưng (họ) đã không có một đứa con nào và {ông ⇔ người em trai thứ hai} (cũng) chết.”

thứ ba (cũng xảy ra như vậy) **22** và (cho đến người) (em/con trai thứ bảy) <sup>422</sup>(— lần lượt từ người này đến người kia, mỗi người đều cưới người đàn bà đó, nhưng/và chết) không có con. Cuối cùng người đàn bà đó cũng chết. **23** {Khi sống lại ⇔ Sau khi Đức Chúa Trời khiến họ/người ta sống lại}, người đó là vợ của ai, <sup>423</sup>vì tất cả bảy (anh em/con trai) đã cưới nàng làm vợ <sup>424</sup>[nếu người ta thật sự sống lại]?”

**24** (Chúa) Giê-su trả lời họ: “<sup>CH</sup><Vì (lý do) này> Các ông {hoàn toàn sai ⇔ tự lừa dối các ông} (về đời sống sau khi chết ⇔ nói/tin Đức Chúa Trời không khiến người chết sống lại), (vì các ông) không biết/hiểu {lời Kinh Thánh ⇔ Lời Đức Chúa Trời} (nói về điều đó), {hay ⇔ và các ông không biết/hiểu} {quyền năng của Đức Chúa Trời/Ngài ⇔ Điều Đức Chúa Trời/Ngài có thể làm}?! **25** (Người đàn bà trong câu chuyện của các ông sẽ không là vợ của một trong những anh em đó,) vì khi họ/người ta sống lại, {(đàn ông) <sup>425</sup>không cưới (vợ) và (đàn bà) không lấy (chồng) ⇔ người ta không cưới gả nhau}, nhưng/thay vì họ <sup>426</sup>{giống ⇔ sẽ sống} như <sup>427</sup>thiên sứ (của Đức Chúa Trời) trên thiên đàng (không cưới gả). **26** <Và> nếu các ông muốn (bằng chứng) rằng {những người chết (sẽ được) sống lại (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời sẽ khiến những người chết sống lại}, <sup>428</sup>{các ông chưa đọc ⇔ các ông bỏ qua điều các ông đã đọc ⇔ các ông nói/làm giống như các ông chưa đọc} (đoạn Kinh văn) trong <sup>429</sup>sách Môi-se (viết) về bụi cây (cháy mà không tàn),/. (Lâu lắm sau khi Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp đã chết trên đời này,) Đức Chúa Trời bảo ông ấy/Môi-se <nói:> Ta <sup>430</sup>(là) <sup>431</sup>{Đức

<sup>422</sup> **12:22 Không** phải những người em còn lại cưới người đàn bà góa này cùng một lúc, nhưng lần lượt từng người một.

<sup>423</sup> **12:23** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu đổi **thứ tự** của mệnh đề trong câu 23 và nói: “**Vì** tất cả bảy (anh em/người đàn ông) đã lấy bà làm vợ (ở đây), {**ai** trong những người đó sẽ là chồng của bà ⇔ bà sẽ là vợ của ai} {**trong** ngày sống lại ⇔ sau khi Đức Chúa Trời khiến họ/người ta sống lại từ cõi chết}.”

<sup>424</sup> Đa số bản thảo Hy-lạp chính không có “[nếu người ta (thật sự) sống lại]”. Tuy nhiên, một số bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có nhóm từ đó. BDM, BCG dùng nhóm từ tương tự. Có lẽ cách người Sa-đu-sê nói cho thấy họ không tin là có sự sống lại.

<sup>425</sup> **12:25** Động từ được dùng ở thì hiện tại trong bản Hy-lạp để diễn tả sự kiện chung. Tuy nhiên, vì sự sống lại là việc sẽ xảy ra trong **tương lai**, có lẽ sẽ được rõ hơn nếu nói: “...(đàn ông) **sẽ không** cưới (vợ) và (đàn bà) **sẽ không** lấy (chồng)...”

<sup>426</sup> **12:25** Không nên chuyển ngữ nghe có vẻ con người trông giống thiên sứ. Họ sẽ sống giống như các thiên sứ, chẳng cưới vợ, hay lấy chồng.

<sup>427</sup> **12:25 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Sa-đu-sê không tin có thiên sứ hay thần linh (Công Vụ 23:8). Việc Chúa Giê-su nhắc đến thiên sứ ở đây hàm ý rằng người Sa-đu-sê cũng sai lầm về thiên sứ. Người Do Thái không thuộc phái Sa-đu-sê tin thiên sứ {không chết ⇔ sẽ không bao giờ chết} và do đó không cần có vợ chồng và con cái.

<sup>428</sup> Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “các ông chưa đọc” trong câu 10.

<sup>429</sup> **12:26 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Sa-đu-sê chỉ tin Ngũ Kinh (năm sách do Môi-se viết) là Lời Đức Chúa Trời. Bởi vậy họ không tin có sự sống lại từ kẻ chết vì họ nghĩ việc đó không được nói đến trong Ngũ Kinh. Tuy nhiên, lời Chúa Giê-su trích dẫn ở đây từ trong Xuất Ê-díp-tô Ký 3:6, 15–16 và xác nhận rằng có sự sống lại sau khi chết.

<sup>430</sup> **12:26 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Điểm chính ở đây là Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của những người đang sống, cho dù họ đã chết ở đời này. Do đó khi Ngài nói “Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham...”, có nghĩa là Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp hiện còn đang sống với Đức Chúa Trời, sau khi họ đã chết ở đời

Chúa Trời của Áp-ra-ham, <và> Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp ⇔ Đức Chúa Trời mà (tổ phụ các ông) Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp hầu việc/thờ phượng?!’ (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:6) 27 Ngài/Đức Chúa Trời <sup>432</sup> không phải là một Đức Chúa Trời {của ⇔ được phục vụ/thờ phượng bởi} {người chết ⇔ những người đã chết}, nhưng của/bởi {người sống ⇔ những người đang sống} (ngay cả sau khi họ chết ở đời này)! <sup>433</sup> (Điều đó chứng tỏ rằng có sự sống lại! ⇔ Điều đó chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến người ta sống lại từ cõi chết!) (Cho nên) các ông (Sa-đu-sê) bị {<sup>GTK</sup><sup>434</sup> lừa dối/sai hoàn toàn ⇔ sai lầm lớn} (về việc này/sự sống lại)!’

12:28–34 {Điều Răn Quan Trọng Nhất (Của Đức Chúa Trời) ⇔ Yêu Đức Chúa Trời Và Yêu Người Khác}

*Ma-thi-ơ 22:34–40; Lu-ca 10:25–28*

28 <sup>435</sup> Rồi một trong các chuyên gia Kinh Luật {đến với (họ) ⇔ cùng đến} (và) nghe {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và <sup>436</sup> những người Sa-đu-sê} tranh luận. (Ông ấy) <sup>437</sup> thấy/[biết] rằng Ngài/(Chúa) Giê-su {trả lời họ thông suốt ⇔ trả lời đúng}, (do đó) ông ấy hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su: <sup>438</sup> “Điều <sup>439</sup> răn nào (của Đức Chúa Trời) ban) là <sup>440</sup> trước hết/lớn nhất?” 29 (Chúa)

---

này. Đức Chúa Trời hứa với dân sự của Ngài rằng Ngài sẽ hướng dẫn, giúp đỡ, chúc phước, cứu, và bảo vệ họ. Những lời hứa này không chấm dứt với sự chết ở đời này. Tất cả điều đó xác nhận rằng một ngày nào Đức Chúa Trời sẽ khiến mọi người sống lại từ cõi chết (xem 1 Cô-rinh-tô 15:12–58, Phi-líp 3:20–21 và 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13–18).

<sup>431</sup> 12:26 Phải chắc chắn rằng, việc lập lại “Đức Chúa Trời” ba lần không có nghĩa là có ba Đức Chúa Trời khác nhau. Chúa Giê-su nói đến một Đức Chúa Trời, Ngài là Đức Chúa Trời của ba người khác nhau.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp là ba tổ tiên vĩ đại nhất của người Do Thái.

<sup>432</sup> 12:27 Không nên chuyển ngữ nghe giống như Đức Chúa Trời chẳng còn liên hệ gì với những người đã chết ở đời này. Có nghĩa là dân sự của Đức Chúa Trời dù đã chết ở đời này họ vẫn còn **đang sống** với Ngài. Bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời {là Đức Chúa Trời của ⇔ chỉ cai trị} những người sống, vì ngay cả những người đã chết ở đời này vẫn còn đang sống (với Ngài ⇔ ở thiên đàng)! (Do đó) các ông hoàn toàn bị lừa dối (về điều này)!” Hay bạn có thể nói: “Có nghĩa là tất cả dân sự của Đức Chúa Trời còn đang sống, dù họ đã chết ở đời này! (Do đó) các ông bị lừa dối một cách hoàn toàn (về điều này)!”

<sup>433</sup> 12:27 Cần nên làm cho rõ ràng rằng Chúa Giê-su đang xác nhận có sự sống lại. Có thể tốt nhất là nên hàm ý những tin tức này trong bản dịch và thêm **LỜI CHÚ THÍCH** giống như ở câu 26.

<sup>434</sup> 12:27 Xem cách bạn chuyển ngữ từ “lừa dối” trong câu 24, và xem lời chú thích về điều này ở đó.

<sup>435</sup> 12:28 Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Trong khi {họ ⇔ Chúa Giê-su và những người Sa-đu-sê} đang **tranh luận**, một người trong các chuyên gia Kinh Luật {đến với (họ) ⇔ đến} (và) nghe họ.”

<sup>436</sup> 12:28 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Sa-đu-sê**” trong câu 18, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>437</sup> 12:28 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) có từ “**thấy**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDC) có từ “**biết**” thay vào đó. Trên căn bản ý nghĩa vẫn giống nhau.

<sup>438</sup> 12:28 Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Trong tất cả các điều răn (của Đức Chúa Trời) điều nào quan trọng hơn hết?”

<sup>439</sup> 12:28 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các chuyên gia Kinh Luật hỏi Chúa Giê-su một câu hỏi mà nó gây sự chia rẽ trong vòng người Do Thái. Có lẽ ông ta nghĩ rằng việc Chúa Giê-su trả lời thế nào không quan hệ,



Giê-su trả lời (ông ấy): “(Điều răn) {trước nhất ⇔ quan trọng nhất} là (như Lời Đức Chúa Trời nói): <sup>441</sup> ‘Hãy nghe, (người dân của) Y-sơ-ra-ên, <sup>GTK442</sup> {Đức Chúa Trời của chúng ta là <sup>443</sup> duy nhất/độc nhất ⇔ Chúa là Đức Chúa Trời của chúng ta chỉ là một Chúa/Chủ}, <sup>30</sup> bởi đó <sup>444</sup> hãy yêu Chúa {Đức Chúa Trời của con ⇔ Đức Chúa Trời mà các con hầu việc/thờ phượng,} <sup>445</sup> {hết lòng, hết linh hồn, hết trí, và hết sức ⇔ với tất cả tấm lòng/ước muốn các con, linh hồn/con người, tâm trí/ý nghĩ và sức lực/hành động ⇔ với tất cả mọi điều các con làm nghĩ và nói ⇔ với tất cả những gì con có và cả chính con}.’ (Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4–5) <sup>446</sup> [Đó là điều răn {trước nhất ⇔ quan trọng nhất} (để chúng ta vâng theo).] <sup>31</sup> (Điều) thứ hai/kế đến (cũng quan trọng không kém điều kia) (là): ‘Yêu { <sup>447</sup> những người lân cận ⇔ những người khác/mọi

---

Ngài sẽ chọc giận một số môn đệ và họ sẽ không theo Ngài nữa. Có 613 điều răn trong Luật Pháp Môi-se. Nhiều người Do Thái coi tất cả các điều răn đều quan trọng như nhau. Tuy nhiên, có nhiều người khác tranh luận rằng một số của những điều răn đó, đặc biệt là Mười Điều Răn, quan trọng hơn những điều răn khác. Thí dụ, nhiều người Do Thái nghĩ rằng một trong những điều răn quan trọng nhất là phải hiếu kính cha mẹ người.

- <sup>440</sup> **12:28** Trong ngữ cảnh này từ “trước hết” nói đến tầm quan trọng, không phải là điều răn đầu tiên mà Đức Chúa Trời phán.
- <sup>441</sup> **12:29 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người Do Thái sùng đạo tuyên xưng đức tin của họ hai lần mỗi ngày (một vào buổi sáng và một vào buổi tối) bằng cách nhắc lại “Se-ma” (gồm các câu trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4–9, 11:13–21 và Dân-số Ký 15:37–41), Chúa Giê-su trích một phần ở đây. “Se-ma” là tiếng Hy-bá, nó có nghĩa là “Hãy nghe!” và theo trong bản Hy-lạp nó cũng là từ đầu trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4.
- <sup>442</sup> **12:29** Lời trích dẫn này được dựa trên Phục Truyền 6:4 và có thể hiểu theo nhiều hơn là một nghĩa ở trong bản Hy-lạp và cả trong bản Hy-bá. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “Chúa, Đức Chúa Trời của chúng ta, Chúa duy nhất/độc nhất/không phân rẽ”, do đó từ “một” bày tỏ Đức Chúa Trời “độc nhất” hay “không phân rẽ”. Cách giải thích đó có lẽ thích hợp nhất đối với câu 32. Dựa theo cách giải thích đó bạn có thể nói: “Chúa Đức Chúa Trời của chúng ta là Chúa/Chủ {chỉ có một ⇔ không phân rẽ}”. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh khác nghĩ nó có nghĩa là “Chúa, Đức Chúa Trời của chúng ta là (chúng ta) chỉ có một Chúa/Chủ”, do đó “một” có nghĩa là người Do Thái chỉ tận hiến cho Đức Chúa Trời như là Chúa/Chủ duy nhất của họ mà thôi (ngược lại với những nước chung quanh, họ có rất nhiều thần/chúa). Dựa theo cách giải thích đó, bạn có thể nói: “chúng ta có chỉ một Chúa/Chủ; là Chúa, Đức Chúa Trời của chúng ta!” Bản văn có thể có cả hai ý ở trên, do đó có lẽ nên để ý bạn không chọn để trong bản dịch vào một LỜI CHÚ THÍCH.
- <sup>443</sup> **12:29 “duy nhất”** nói về bản chất của Đức Chúa Trời và có nghĩa là Chúa duy nhất của người Do Thái.
- <sup>444</sup> **12:30** Mệnh lệnh này áp dụng cho tất cả những người thuộc về Đức Chúa Trời, không phải chỉ một người. Để cho rõ ràng, có lẽ cần nói “các con (số nhiều)”, thay vì của “con (số ít)”.
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ý nghĩa của từ “yêu” trong tiếng Hy-lạp bao gồm sự phó thác/tận tụy và những hành động, không phải chỉ có xúc cảm và cảm giác.
- <sup>445</sup> **12:30 Không có sự khác biệt rõ ràng về ý nghĩa giữa các từ “tấm lòng”, “linh hồn” và “trí”** trong câu 30. Cả ba được nói đến với “sức mạnh” để bày tỏ rằng một người cần nên yêu Đức Chúa Trời với tất cả con người, không phải chỉ một phần.
- <sup>446</sup> **12:30** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “đó (là) điều răn thứ nhất” (giống như trong Ma-thi-ơ 22:38). Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) không có.
- <sup>447</sup> **12:31** Trong ngữ cảnh này “những người lân cận” nói đến người đồng loại, đó là, “mọi người bạn có liên hệ/giao tiếp với”, không phải chỉ là người Do Thái hay người cùng xóm (xem Lu-ca 10:29–37). Bạn có thể để những tin tức này vào trong một lời LỜI CHÚ THÍCH.

người} cùng một cách như (con yêu) chính mình.’ (Lê-vi Ký 19:18) {Chẳng có một <sup>448</sup> điều nào lớn hơn (hai) điều răn này. ⇔ Hai điều răn này quan trọng hơn bất cứ điều răn nào khác.}”

32 Rồi chuyên gia Kinh Luật nói với Ngài/(Chúa) Giê-su: “{Hay lắm ⇔ (Thầy nói đúng), Thưa thầy! Đó là sự thật, như Thầy đã nói: <sup>GTK449</sup>{Ngài/Đức Chúa Trời là Đấng chỉ có một/duy nhất ⇔ Ngài/Đức Chúa Trời là (Chúa/Chủ) duy nhất (của chúng ta)} và {không có một (chúa) nào khác ⇔ không có (chúa) nào khác hiện hữu} ngoại trừ Ngài;/. (Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:35, 6:4; Ê-sai 45:21) 33 <sup>450</sup> <và> <sup>NTT</sup> yêu Ngài/Đức Chúa Trời <sup>451</sup> {với tất cả tấm lòng/sự ước muốn (của chúng ta) và với tất cả sự hiểu biết/suy nghĩ (của chúng ta) và với tất cả sức lực/hành động (của chúng ta) ⇔ với tất cả mọi điều (chúng ta) làm, nghĩ và nói ⇔ với tất cả những gì (chúng ta) có và bằng tất cả con người (của chúng ta)}, (Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:5) và <sup>NTT</sup> yêu <sup>452</sup> {kẻ lân cận (của chúng ta) ⇔ những người khác} {(nhiều) như ⇔ giống như cách mà} (chúng ta yêu) chính (chúng ta) (Lê-vi Ký 19:18) là điều (quan trọng) <sup>453</sup> hơn hết (đối với Đức Chúa Trời) hơn là <sup>454</sup> {những của lễ thiêu ⇔ các con sinh tể} và <sup>455</sup> những lễ vật (khác) (mà Luật Pháp đòi hỏi ⇔ mà chúng ta dâng cho Ngài)!” 34 <Và> khi (Chúa) Giê-su {thấy/nghe người ấy trả lời/nói một cách khôn ngoan/thông minh ⇔ nghe sự trả lời khôn ngoan của chuyên gia Kinh Luật}, Ngài nói với ông ta: “Ông gần Nước Đức Chúa Trời”. {Rồi ⇔ Sau đó} {không có một ai dám ⇔ không một ai có đủ can đảm} để hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su thêm (những câu hỏi) nào khác (để <sup>456</sup> thử/gài bẫy/làm giảm uy tín Ngài nữa(Chúa).

<sup>448</sup> 12:31 Coi lại cách bạn chuyển ngữ “điều răn” trong sách Mác. Xem Mác 7:8–9 và tiểu đề; 10:5, 19, (20); 12:28–31 và tiểu đề. So sánh nó với cách bạn chuyển ngữ các từ “Kinh Luật” trong Mác (1:22, 32, 44); 2:23 tiểu đề, (6:18), (7:13), và “các chuyên gia Kinh Luật” (xem Mác 13:31), và xem các lời chú thích về những điều đó ở Mác 1:22.

<sup>449</sup> 12:32 Cần chắc chắn là sự chọn lựa của bạn ở đây phù hợp với câu 29.

<sup>450</sup> 12:33 Các câu 32–33 là một câu dài trong bản Hy-lạp. Có thể làm cho rõ ràng hơn bằng cách bắt đầu một câu mới ở đây và chia câu 33 ra làm nhiều câu ngắn. Thí dụ, bạn có thể nói: “(Người ta/chúng ta ⇔ Một người) phải yêu Ngài/Đức Chúa Trời với tất cả tấm lòng (của họ/của chúng ta/của người ấy)... (Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:5) (Người ta/chúng ta ⇔ Một người) cũng phải yêu {kẻ lân cận (của họ/của chúng ta/của người ấy) ⇔ người khác} (Lê-vi Ký 19:18) {Những (điều răn) đó (quan trọng) (đối với Đức Chúa Trời) hơn là ⇔ Nó (quan trọng) hơn (đối với Đức Chúa Trời) chúng ta làm theo những điều răn quan trọng hơn là chúng ta dâng} tất cả những của lễ thiêu.”

<sup>451</sup> 12:33 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một câu tương tự câu 30.

<sup>452</sup> 12:33 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ các từ “kẻ lân cận” trong câu 31.

<sup>453</sup> 12:33 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Yêu Đức Chúa Trời và yêu những người khác tóm tắt ý nghĩa của việc vâng lời Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 22:40). Đó là, sự vâng lời mà Đức Chúa Trời muốn hơn là lễ vật (1 Sa-mu-ên 15:22, Ô-sê 6:6, Mi-ca 6:6–8).

<sup>454</sup> 12:33 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong thời Cựu ước Đức Chúa Trời đòi hỏi dân sự dâng lễ vật cho Ngài (Lê-vi Ký 1–7), kể cả thiêu những con vật nguyên (Lê-vi Ký 1).

<sup>455</sup> 12:33 “lễ vật” đề cập đến việc dâng những lễ vật tại đền thờ Đức Chúa Trời như lúa mì và dầu.

<sup>456</sup> 12:34 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “thử” trong câu 15.

12:35–37 (Chúa) Giê-su Hỏi <sup>NTT</sup> Một Câu Hỏi Về  
 {Con/Hậu Tự Của Vua Đa-vít ⇔ Đấng Cứu Thế}

*Ma-thi-ơ 22:41–46; Lu-ca 20:41–44*

**35** <Và> trong khi (Chúa) Giê-su <sup>457</sup> (vẫn còn đương) dạy (dân chúng/đám đông về) (sứ điệp/Lời Đức Chúa Trời) trong (khuôn viên) đền thờ, Ngài <phản ứng> hỏi (họ): “{Có thể nào ⇔ Tại sao} các chuyên gia Kinh Luật nói <sup>NTT</sup> rằng Đấng Cứu Thế {là ⇔ sẽ là} <sup>458</sup> Con/Hậu tự (của Vua) Đa-vít? **36** (Xưa kia) (khi) Đa-vít (được) <sup>459</sup> {bởi ⇔ dưới ảnh hưởng/quyền năng của ⇔ hướng dẫn bởi} Đức Thánh Linh, chính Vua đã nói: <sup>NGT</sup> {<sup>460</sup> Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời} đã nói với <sup>461</sup> Chúa/Chủ của tôi: <sup>NGT</sup> “Hãy ngồi <sup>462</sup> bên phải Ta, cho đến khi/trong khi Ta (đánh bại những kẻ thù của Con và) đặt {những kẻ thù của Con ⇔ chúng} <sup>463</sup> {dưới chân/sự kiểm soát/uy quyền của Con ⇔ [như bệ (cho) chân Con]}.” (Thi Thiên 110:1) **37** Chính Vua Đa-vít đã gọi {Ngài ⇔ Đấng Cứu Thế} là Chúa/Chủ (của vua), do đó <sup>464</sup> có thể nào {Ngài ⇔ Đấng Cứu Thế} lại là <sup>465</sup> Con/Hậu tự của Đa-vít sao?” <Và> đám đông (ở đó) {nghe một cách vui mừng ⇔ thích thú nghe} Ngài/(Chúa) Giê-su.

<sup>457</sup> **12:35** Chúa Giê-su đã ở trong khuôn viên đền thờ từ Mác 11:27. Từ “phản ứng” trong câu 35 hàm ý rằng Chúa Giê-su có phản ứng về đối thoại giữa Ngài và các chuyên gia Kinh Luật trong các câu 28–34.

<sup>458</sup> **12:35** Chúa Giê-su **không phải** thực sự là Con của Vua Đa-vít, do đó có thể cần dùng từ “**hậu tự/con cháu**” ở đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tất cả người Do Thái đều biết rằng Chúa Cứu Thế là con cháu/dòng dõi của Vua Đa-vít. Ví dụ, xem 2 Sa-mu-ên 7:12–13, Thi Thiên 89:3–37, 132:11–18; Ê-sai 9:6–7, 11:1–11; Giê-rê-mi 23:5–6, 30:8–9, 33:15–17; Ê-xê-chi-ên 34:23–31, 37:24–28. Một trong những lý do mà các nhà lãnh đạo của người Do Thái từ khước Chúa Giê-su là Chúa Cứu Thế vì họ mong đợi Chúa Cứu Thế sẽ là một vị tướng tài ba và vua giống như Đa-vít (điều này ngược lại với Mác 10:47).

<sup>459</sup> **12:36** Bạn có thể nói: “... (từ xưa) Đức Thánh Linh **hướng dẫn/khiến** Đa-vít nói...”

<sup>460</sup> **12:36** Đối với một số ngôn ngữ cần nên nói rõ Chúa ở đây là Chúa **của ai**, và nói “(Đức Chúa Trời) Chúa (của tôi)”. Đối với một số ngôn ngữ cần phải chuyển ngữ là “Chúa (Đức Chúa Trời) (Đấng **tôi** thờ phượng)”.

<sup>461</sup> **12:36** “**Chúa của tôi**”, cần nên rõ ràng là từ “**của tôi**” chỉ về Đa-vít, **không phải** Chúa Giê-su.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Từ “Chúa Đức Chúa Trời” ở đây đang nói về Chúa Cứu Thế, là Chúa/Chủ của Vua Đa-vít. Cần ghi nhận rằng vì chỉ có một từ Chúa (xem câu 29), điều đó có nghĩa là Chúa Cứu Thế Giê-su là Đức Chúa Trời (cũng hãy xem Mác 1:3).

<sup>462</sup> **12:36 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vị trí bên phải Đức Chúa Trời (cũng như bên phải một vị vua) là chỗ có thẩm quyền và danh dự nhất.

<sup>463</sup> **12:36** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) có từ “**dưới chân Con**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDC) có các từ “**làm bệ chân người**” thay vào đó. Cả hai **thành ngữ** này có cùng một ý nghĩa.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thời xưa những người chiến thắng sẽ đạp chân của họ trên cổ của những kẻ thù của họ là những người đã bị bại trận, đó là dấu hiệu bày tỏ quyền hành của họ đối với những người bị đánh bại (xem Giô-suê 10:24). Cùng một lễ đó các nhà cầm quyền thường có những bức tranh chạm hay thêu hình của những người chiến bại trên bệ chân của họ.

<sup>464</sup> **12:37** Phần còn lại của câu có thể chuyển ngữ: “...do đó làm sao (người ta có thể hiểu rằng) {Ngài ⇔ Chúa Cứu Thế} {là ⇔ sẽ là} Con/con cháu của Đa-vít sao?”

12:38–40 (Chúa) Giê-su<sup>NTT</sup> {Tố Cáo/Lên Án  
 ⇔ Nói Nghịch Lại} Các Chuyên Gia Kinh Luật

*Ma-thi-ơ 23:1–36; Lu-ca 20:45–47*

38 <Và> trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su dạy (đám đông/dân chúng), Ngài nói (với họ): “{Hãy coi chừng ⇔ Đừng để bị lừa gạt bởi ⇔ Đừng noi gương của} các chuyên gia Kinh Luật. {Những người ⇔ Họ} thích đi đây đó mặc áo dài (để được coi là những người ngoan đạo/quan trọng), và họ thích<sup>NTT466</sup> {đặc biệt là được} chào đón ⇔ người ta chào đón họ (một cách đặc biệt)} {ở giữa chợ ⇔ ở nơi công cộng ⇔ trước mặt mọi người}. 39<sup>467</sup> (Họ) cũng (thích ngồi ở)<sup>468</sup> {những chỗ quan trọng nhất ⇔ những chỗ dành cho những người quan trọng ngồi ⇔ những hàng ghế đầu} trong {hội đường ⇔ nhà nguyện/hội họp} và<sup>469</sup> (họ thích) (ngồi) tại {những chỗ ngồi dành cho những nhân vật quan trọng ⇔ những chỗ danh dự} tại các bữa tiệc. 40 {Họ<sup>470</sup> chiếm đoạt các nhà của những đàn bà goá ⇔ Họ dụ dỗ những đàn bà goá cho họ (những của cải/tài sản, ngay cả) các nhà cửa} và (rồi) {để phô trương bề ngoài, họ đọc những lời cầu nguyện dài (tại nơi công cộng) ⇔ họ đọc những lời cầu nguyện dài (tại nơi công cộng)<sup>471</sup> để cho người ta nghĩ họ là những người ngoan đạo}.<sup>GTK472</sup> {Họ sẽ nhận sự trừng phạt nặng nề hơn (từ Đức Chúa Trời)! ⇔ (Đức Chúa Trời) sẽ đoán phạt họ nặng nề hơn (Ngài

**465 12:37 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su không phủ nhận rằng Chúa Cứu Thế là con cháu của Vua Đa-vít. Ngài nói rằng Chúa Cứu Thế vừa là một con người (con cháu Đa-vít) và cũng là Đức Chúa Trời (Chúa của Đa-vít) (xem Rô-ma 1:3–4). Người Do Thái không mong đợi rằng Chúa Cứu Thế là Đức Chúa Trời, do đó chẳng có ai có thể trả lời câu hỏi của Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 22:46).

**466 12:38 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nếu có một chuyên gia Kinh Luật đi qua, dân chúng sẽ đứng lên để bày tỏ sự kính trọng và chào đón với những danh xưng như “Thầy”, “Cha” hay “Ra-bi” (xem Mác 9:5).

**467 12:39** Các câu 38–40 là một câu dài trong bản Hy-lạp có nhiều mệnh đề. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần bắt đầu một câu mới ở đầu câu 39 và 40.

**468 12:39 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chỗ ngồi (vị trí) quan trọng nhất trong hội đường của người Do Thái là tại phía trước, trước hộp đựng những cuộn kinh thư (Kinh Thánh Cựu Ước). Các chuyên gia Kinh Luật và những nhân vật quan trọng khác ngồi ở đó đối diện mọi người suốt trong thời gian hành lễ. Chỗ ngồi quan trọng nhất trong một buổi tiệc là bên cạnh gia chủ.

**469 12:39** Có lẽ nghe tự nhiên hơn nếu đổi thứ tự của câu 39 và nói: “<Và> trong những giờ thờ phượng và trong các buổi tiệc họ muốn ngồi ở chỗ {quan trọng nhất ⇔ những nơi/chỗ ngồi dành cho những nhân vật quan trọng ⇔ những chỗ danh dự}.”

**470 12:40** Thành ngữ “chiếm đoạt các nhà của những đàn bà goá” có nghĩa là các chuyên gia Kinh Luật lợi dụng những người không có thân thế, những người cần giúp đỡ như những đàn bà goá. Thay vì giúp đỡ các đàn bà goá, họ lừa gạt những người đàn bà goá để lấy tài sản của họ cho các chuyên gia Kinh Luật, ngay cả đến nhà cửa của họ.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các chuyên gia Kinh Luật không được trả lương cho việc họ làm, do đó họ thường tùy thuộc vào sự giúp đỡ của người khác. Các chuyên gia Kinh Luật biết rằng Đức Chúa Trời rất là quan tâm đến những người nghèo, đặc biệt là những đàn bà goá (Xuất Ê-díp-tô Ký 22:22–24, Thi Thiên 146:9, Ê-sai 1:17). Họ nên giúp đỡ những người nghèo thay vì lợi dụng. Có rất nhiều đàn bà goá, vì thời đó các cô gái trẻ thường lấy những người chồng lớn tuổi hơn họ nhiều.

**471 12:40** Bạn có thể nói: “...để được coi là những người tốt.” hay “...để che giấu sự gian ác của họ.”

**472 12:40** Trong bản Hy-lạp không nói rõ sự trừng phạt nặng nề hơn sẽ là gì.

sẽ đoán phạt những người gian ác khác)! ⇔ (Đức Chúa Trời) sẽ đoán phạt họ một cách rất nặng nề!”

### 12:41–44 Sự Dâng Hiến Của Một Quả Phụ Nghèo

*Lu-ca 21:1–4*

**41** {Rồi/Sau đó ⇔ Sau khi (Chúa) Giê-su dạy dân chúng/đám đông xong,} (Chúa) Giê-su/Ngài ngồi xuống (trong khuôn viên đền thờ) đối diện/gần <sup>473</sup>hộp đựng tiền dâng hiến (và) nhìn xem {cách đám đông ⇔ đám đông trong khi họ} {bỏ tiền (của họ) vào trong hộp <tiền dâng hiến> ⇔ dâng tiền (của họ cho Đức Chúa Trời)}. <Và> có nhiều người giàu có {đang bỏ tiền vào ⇔ cho} {rất nhiều ⇔ những số lớn} (tiền bạc). **42** Nhưng/Rồi có một quả phụ nghèo đến (và) {bỏ vào ⇔ cho} hai đồng tiền nhỏ, mà nó (trị giá) {(chỉ) một xu ⇔ chỉ là một phần nhỏ của một ngày công}. **43** <Và> (khi Chúa Giê-su thấy điều đó,) Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>474</sup>{gọi các môn đệ (của Ngài) đến gần ⇔ ra dấu cho các môn đệ (của Ngài)} (và) nói với họ: “<sup>GTK475</sup>Amen/Ồ Ta nói cùng các con, ⇔ Quả thật Ta nói cùng các con, ⇔ Ta đoán chắc cùng các con rằng} (theo cái nhìn/quan niệm của Đức Chúa Trời) {người quả phụ nghèo đó ⇔ bà ta} bỏ (vào trong hộp tiền dâng) nhiều hơn tất cả (mọi người), **44** vì mọi người (chỉ) {bỏ vào ⇔ cho} (một phần nhỏ) trong phần dư của họ, nhưng {trong sự nghèo khó của bà ta ⇔ mặc dù bà rất nghèo}, {bà ⇔ người quả phụ} {bỏ vào ⇔ cho} tất cả những gì bà ta có, <sup>476</sup>{tất cả những gì bà cần có để sống ⇔ ngay cả những gì bà ta cần để mua thực phẩm}!” <sup>477</sup>

### 13:1–2 (Chúa) Giê-su Tiên Tri/Nói <sup>NTT</sup> Rằng Đền Thờ Sẽ Bị Phá Hủy

*Ma-thi-ơ 24:1–2; Lu-ca 21:5–6*

**13** 1 <Và> khi Ngài/(Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) rời khỏi (khuôn viên) đền thờ, một trong các môn đệ (của Ngài) nói với Ngài: “Thưa thầy, xem kìa {những

<sup>473</sup> **12:41 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong Khuôn Viên đền thờ có nhiều sân (nơi dành riêng cho từng nhóm (loại/hạng) người khác nhau. Trong Sân Đàn Bà có mười ba hộp đựng tiền dâng. Hộp đựng tiền có đáy lớn nhưng trên miệng từ từ nhỏ lại. Nắp của hộp đựng tiền dâng loe ra giống như miệng kèn trom-pét. Người ta bỏ tiền vào hộp qua nắp đó. Mỗi hộp đều có ghi rõ số tiền dâng vào hộp đó sẽ được xử dụng vào công việc gì. Cả đàn ông lẫn đàn bà đều được phép đi vào Sân Đàn Bà.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một người đàn bà đang bỏ tiền vào trong hộp tiền dâng.

<sup>474</sup> **12:43 Không** nên nói nghe giống như Chúa Giê-su đang la (quát) các môn đệ. Có lẽ họ đang ở bên cạnh Ngài.

<sup>475</sup> **12:43** Hãy xem cách chuyển ngữ từ “A-men” trong Mác 3:28.

<sup>476</sup> **12:44 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ độc giả của ông Mác ghi nhận được sự khác biệt lớn giữa đức tin của người đàn bà goá nghèo này với đức tin của các chuyên gia Kinh Luật (các câu 38–40) và sẽ nghĩ rằng lý do người đàn bà goá này nghèo như thế là vì bà ta đã bị {chiếm đoạt ⇔ đánh lừa cho họ} tài sản của bà (câu 40).

<sup>477</sup> **12:44** Hãy nhớ rằng để có thể có một bản dịch rõ và chính xác, việc **rất quan trọng** là thỉnh thoảng phải ngưng chuyển ngữ để **xem xét lại** những gì bạn vừa chuyển ngữ **một cách kỹ càng** hầu cho những gì bạn vừa chuyển ngữ đều luôn được hoàn hảo và được cập nhật hoá.

<sup>478</sup> tảng đá lớn và đền thờ (này) tráng lệ thật ⇔ đền thờ và những toà nhà này thật đẹp làm sao và họ đã xây bằng những khối đá lớn là dường nào!” 2 <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su {nói với ông ta ⇔ trả lời/hỏi}: “<sup>CH479</sup>{Con thấy những toà nhà vĩ đại (làm bằng đá) này ư? (Một ngày kia) ⇔ Bây giờ con thấy những toà nhà lớn bằng đá, nhưng (một ngày nào đó)} <sup>480</sup>{sẽ không còn một hòn đá nào chồng trên một hòn đá (khác) ở đây mà không bị đổ xuống <sup>481</sup>(bởi kẻ thù của người Do Thái) ⇔ mọi toà nhà sẽ bị (người ta) phá đổ do đó không một hòn đá nào sẽ còn chồng trên một hòn khác ⇔ tất cả <sup>482</sup>chúng sẽ hoàn toàn bị phá hủy cho nên chẳng còn một hòn đá nào của nó sẽ nằm nguyên chỗ}!”

### 13:3–13 Người Ta Sẽ Bị Đau Đớn Khủng Khiếp, Nhưng Đùng Sợ Hãi, Chỉ Cứ Trung Tín Với (Chúa) Giê-su

*Ma-thi-ơ 24:3–14; Lu-ca 21:7–19*

3 Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) <sup>483</sup>(đi ⇔ đến tại) Núi/đồi gọi là Ô-liu (và) ngồi tại <sup>484</sup>(thung lũng) đối diện đền thờ. (Ở đó) Phê-rơ, <và> Gia-cơ, <và> Giăng và An-rê hỏi riêng Ngài: 4 “(Xin Thầy,) nói cho chúng tôi biết, {khi nào <sup>485</sup>những việc đó (mà Thầy vừa nói) sẽ xảy ra ⇔ khi nào đền thờ này sẽ bị phá hủy}, và {(sẽ) có dấu hiệu gì ⇔ điều gì sẽ báo (trước) cho chúng tôi/dân chúng ⇔ điều gì sẽ xảy ra trước để cho chúng tôi/người ta} biết rằng tất cả những điều đó sắp xảy ra?” 5 <Rồi> (Chúa) Giê-su {bắt đầu bảo/căn dặn ⇔ trả lời/cảnh cáo} họ: “{Hãy giữ mình ⇔ Phải cẩn thận/đề phòng} để không bị người nào lừa

<sup>478</sup> 13:1 Để có thể hiểu lời Chúa Giê-su nói trong câu 2, điều quan trọng cần biết là đền thờ và những toà nhà khác trong toàn khu vực của đền thờ được xây cất bằng những khối đá lớn.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đền thờ và tất cả các toà nhà khác trong khu vực được xây bằng đá khối. Một số trong những khối đá ấy nặng khoảng 45,500 kí-lô. Đền thờ được coi là một trong những lâu đài nguy nga nhất.

<sup>479</sup> 13:2 Chúa Giê-su biết rằng các môn đệ thấy những toà nhà; Ngài muốn họ chú ý đến những toà nhà mà họ chỉ cho Ngài. Hãy quyết định để biết câu hỏi tu từ ở đây có truyền thông được đúng ý nghĩa trong ngôn ngữ của người đọc không.

<sup>480</sup> 13:2 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khoảng 40 năm sau, năm 70 S.C. người La-mã phá huỷ thành Giê-ru-sa-lem hoàn toàn, kể cả đền thờ. Sau khi Chúa Giê-su chết trên thập tự giá, mọi lễ vật khác, đền thờ hay các thầy tế lễ đều không còn cần thiết nữa (Hê-bơ-rơ 9:11–15, 1 Phê-rơ 3:18). Hãy xem các lời tiên tri tương tự về việc đền thờ bị phá hủy trong Mi-ca 3:12 và Giê-rê-mi 26:18.

<sup>481</sup> 13:2 Đối với một số ngôn ngữ cần nói rõ ai phá huỷ đền thờ.

<sup>482</sup> 13:2 “chúng” chỉ về các toà nhà, không phải những khối đá.

<sup>483</sup> 13:3 Trong câu 1 cho thấy Chúa Giê-su và các môn đệ đã rời khỏi đền thờ.

<sup>484</sup> 13:3 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Núi/Đồi Ô-liu nằm về phía đông và ở một độ cao hơn thành Giê-ru-sa-lem, do đó các môn đệ có thể thấy Giê-ru-sa-lem một cách rõ ràng từ chỗ họ đang ngồi.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Quang cảnh thành Giê-ru-sa-lem nhìn xuống từ Núi/Đồi Ô-liu.

<sup>485</sup> 13:4 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “những việc đó” chỉ về lời tiên tri của Chúa Giê-su trong câu 2.

gạt/xúi bậy các con (về những việc đó ⇔ về khi nào thì giờ sẽ đến), 6<sup>486</sup> [vì] nhiều (người/đàn ông) sẽ {đến mạo danh Ta ⇔ đóng vai Ta ⇔ xưng là có quyền năng của Ta} (và) {nói: <sup>NGT</sup>‘Ta là (Chúa Cứu Thế)’ ⇔ nói dối <sup>NTT</sup> rằng họ là (Đấng Xức Dầu/Cứu Thế đã được hứa) ⇔ Khai dối <sup>NTT</sup> rằng họ là Ta}, và họ sẽ lừa gạt/dổ dành nhiều (người) (để theo/tin chúng). 7 <Và> khi các con nghe (tiếng đồn về) chiến tranh (ở gần) và (nghe) báo cáo/tin tức về chiến tranh <sup>GTK487</sup> (ở xa ⇔ sắp xảy ra), đừng <sup>488</sup> lo sợ/hoảng hốt, <sup>489</sup> [vì] {(những việc đó/chiến tranh) phải xảy ra ⇔ (Đức Chúa Trời đã quyết định như thế) những biến cố đó/chiến tranh phải xảy ra}. {Nhưng sự cuối cùng (của thời đại/thế giới này) (thì) chưa đến. ⇔ Nhưng thời đại/thế giới này sẽ không chấm dứt cho đến sau này.} 8 <Vì> <sup>490,491</sup> {nước này sẽ <sup>GTK492</sup> dấy lên (bởi Đức Chúa Trời) nghịch cùng nước kia ⇔ con người từ những nhóm chủng tộc khác nhau sẽ <sup>GTK</sup> chống đối/chiến tranh lẫn nhau}, và {vương quốc này (sẽ <sup>GTK</sup> dấy lên) nghịch cùng vương quốc khác ⇔ dân chúng/quân đội có vua/lãnh tụ khác nhau (sẽ <sup>GTK</sup> chiến tranh) lẫn nhau}. (Cũng) sẽ có động đất nhiều nơi (và) <sẽ có> {đói kém ⇔ người ta chết đói} <sup>493</sup> [và những sự náo động/hỗn loạn/khó khăn] {trong (nhiều) nơi ⇔ khắp nơi ⇔ khắp thế giới/đất}. Những điều đó {(thì) (giống) sự bắt đầu của những cơn đau đẽ. ⇔ chỉ là sự bắt đầu của (những thời kỳ khó khăn. Nó sẽ trở nên tệ hại hơn và thường xảy ra hơn giống như) những cơn đau đẽ.}

9 <Rồi> {các con phải đề phòng ⇔ phải cẩn thận}, (vì) <sup>494</sup> {họ/người ta ⇔ những kẻ thù của các con/Ta} {sẽ <sup>495</sup> bắt giải các con cho các <sup>496</sup> hội đồng/ủy ban (địa phương) (của họ),

<sup>486</sup> 13:6 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “vì” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>487</sup> 13:7 Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ **những tin tức** về chiến tranh sẽ xảy ra ở những nơi **rất xa**. Tuy nhiên, một số nghĩ chiến tranh sắp xảy ra.

<sup>488</sup> 13:7 Từ được dùng trong bản Hy-lạp có nghĩa **lo sợ** và **hoảng hốt** cùng một lúc.

<sup>489</sup> 13:7 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có từ “vì” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>490</sup> 13:8 “nước (này) sẽ <sup>GTK</sup> dấy lên nghịch cùng nước (kia), và **vương quốc** (này) sẽ <sup>GTK</sup> dấy lên) nghịch cùng vương quốc nó” là cách nói về hai ý nghĩa tương tự bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh. Nếu nghe tự nhiên và có thể được nên giữ cả hai cách trong bản dịch của bạn, vì cả hai phần không giống hết như nhau. Tuy nhiên, đối với một số ngôn ngữ nó có thể gây khó khăn hay không thể phân biệt giữa “nước” và “vương quốc”. Trong những trường hợp như thế bạn có thể nói “nước/vương quốc **khắp mọi nơi** sẽ <sup>GTK</sup> dấy lên/đánh nghịch lẫn nhau.” Hay bạn có thể nói: “<sup>GTK</sup> {Đức Chúa Trời sẽ làm cho có ⇔ Sẽ có} chiến tranh/chia rẽ/chiến đấu khắp mọi nơi.”

<sup>491</sup> 13:8 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “nước” trong Mác 11:17, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>492</sup> 13:8 Thì của động từ này trong bản Hy-lạp được dùng và có nghĩa đen là “**sẽ bị dấy lên (bởi Đức Chúa Trời)**” (xem Ê-sai 19:2 cho một thí dụ tương tự). Tuy nhiên, thì của động từ này cũng có thể có một ý nghĩa chủ động, tức là “**sẽ dấy lên**” (xem Mác 6:14). Đa số các bản dịch giải nghĩa (và BDM, BDC, BCG, BDY) theo cách “**sẽ dấy lên**”. Bạn có thể để cách giải thích không để vào bản dịch trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>493</sup> 13:8 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**và những sự náo động**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**.

<sup>494</sup> 13:9 “**họ**” ở đây nói đến người ta/những kẻ thù một cách tổng quát, là những người sẽ bắt bớ các môn đệ của Chúa Giê-su. Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu nói “...các con sẽ bị {**trao/giải cho/đến** các hội đồng/ủy ban (địa phương) ⇔ **đưa/giải** ra toà} bởi {người ta ⇔ kẻ thù của các con/Ta/chúng ta},...”

**GTK497** và các con sẽ bị đánh trong các **498** hội đường (của họ) ⇔ sẽ để cho các uỷ ban/toà án và (các nhà lãnh đạo của) các nhà cầu nguyện/hội họp (kết án các con và) đánh các con.} Các con cũng sẽ bị {đưa/giải ra ⇔ ép buộc đứng} trước (toà án) **499** các nhà cầm quyền/lãnh đạo và các nhà cai trị/vua {vì cơ Ta ⇔ vì các con theo/hầu việc Ta}, **500** {do đó ⇔ kết quả là} {(các con sẽ là) <sup>NTT</sup> nhân chứng cho họ ⇔ các con sẽ nói cho họ} (Phúc Âm ⇔ về Nước của Đức Chúa Trời ⇔ về Ta). **10** <Và>/Thực ra, (Đức Chúa Trời đã quyết định điều đó) {trước ⇔ trước khi thời đại/thế giới này chấm dứt,} **501** {Phúc Âm ⇔ Tin Lành/sứ điệp} này (về Nước/quyền cai trị của Đức Chúa Trời ⇔ về Nước/quyền cai trị của Ngài ⇔ về Ta) **502** phải được giảng/rao truyền/công bố cho **503** {tất cả <sup>GTK504</sup> dân tộc/Ngoại Quốc ⇔ dân chúng trong mọi nhóm chủng tộc ⇔ dân chúng ở khắp nơi ⇔ mọi người}.

**495** **13:9** Bạn có thể nói: "...sẽ đưa/giải ra toà,..."

**496** **13:9** Trong bản dịch Tân Ước có lẽ bạn sẽ cần phân biệt giữa các **hội đồng/toà án địa phương** và **Hội Đồng Quốc Gia** (toà thượng thẩm/tối cao) của người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các hội đồng/toà án thấp hơn có liên hệ trực tiếp với các hội đường địa phương (các nhà cầu nguyện/nhà hội). Các quan toà ở những cấp đó xét xử những can tội nhẹ hơn và có quyền để phạt dân chúng bằng cách đánh những can phạm không quá 40 roi (Phục-truyền Luật-lê Ký 25:3). Hội Đồng Quốc Gia (tòa án tối cao của người Do Thái) chỉ có ở Giê-ru-sa-lem và chỉ xét xử những trọng tội.

**497** **13:9** Tiếng Hy-lạp ở đây có thể hiểu theo nhiều hơn một nghĩa. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ một mệnh đề mới bắt đầu sau các từ "**các hội đồng**", do đó "**trong các hội đường (của họ)**" cho biết nơi nào "các con" sẽ bị đánh đòn. Tuy nhiên, một số nghĩ "các hội đồng" và "hội đường" là các phần của **cùng** một nhóm từ và nói: "...sẽ giao các con cho các hội đồng/uỷ ban (địa phương) và cho các hội đường; các con sẽ bị đánh đòn bằng roi."

**498** **13:9** Coi lại cách bạn chuyển ngữ từ "**hội đường**" trong sách Mác. Xem Mác 1:21, 23, 29, 39; 3:1, (6); 5:22, 35, <36, 38>; 6:2, 12:39, 13:9, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:21. So sánh với cách bạn chuyển ngữ từ "**đền thờ**" trong Mác 14:58, 15:29, 38 và "**(khuôn viên) đền thờ**" (xem Mác 14:49).

**499** **13:9 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lời tiên tri của sứ đồ Phao-lô đã trở thành sự thực cả hai phần trong câu 9 là một việc rất thích thú/khích lệ. Trước nhất là việc Cơ-đốc nhân bị bắt bớ (Công Vụ 8:1-3). Sau khi ông trở thành một Cơ-đốc nhân, ông bị bắt và đưa đến trước mặt các nhà cầm quyền như Phê-lít, Phê-tu, Ạc-ríp-ba và có lẽ cả đến Sê-sa (Công Vụ 24-26, 2 Ti-mô-thê 4:16-17).

**500** **13:9** Có lẽ sẽ được rõ ràng hơn, nếu bắt đầu một câu mới ở đây và nói: "Điều đó sẽ là một **cơ hội** cho các con làm chứng (về Ta) cho họ..."

**501** **13:10** Bạn có thể nói: "...(các môn đệ của Ta) phải **giảng/rao** truyền/công bố Phúc Âm (về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời ⇔ về Ta) cho tất cả <sup>GTK</sup> mọi dân tộc/người."

**502** **13:10** "**Phải**" hàm ý rằng Đức Chúa Trời quyết định điều này. Hãy xem cách bạn đã chuyển ngữ trong câu 7.

**503** **13:10 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Kể từ khi ông A-dam và bà Ê-va phạm tội, Đức Chúa Trời có một mối quan tâm cho mọi nhóm ngữ tộc/dân tộc. Thí dụ, xem Sáng Thế Ký 12:3, 18:18, 22:18, 26:4, 28:14; Thi Thiên 72:17, 96; Ê-sai 42:6-7, 49:6, 12; 52:10, 56:3; Ma-thi-ơ 28:19, Ga-la-ti 3:8, 1 Ti-mô-thê 2:4 và 2 Phê-rơ 3:9.

**504** **13:10** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa "Ngoại Quốc" (không phải gốc Do Thái) hay "**các dân tộc**" (đó là "các nhóm ngữ tộc/dân tộc", **không** phân biệt về địa dư hay chính trị). Trong ngữ cảnh này, có vẻ người Do Thái được kể là một trong các nhóm ngữ tộc/dân tộc. Coi lại lần nữa cách bạn chuyển ngữ "**dân tộc**" trong Mác 11:17, 13:8, 10 và "**Ngoại Quốc**" trong Mác 7:26-(28) và tiểu đề; 10:33, (34), 42.



11 “<Và> khi/khi nào <sup>505</sup>{họ/người ta ⇔ các kẻ thù của các con/Ta/chúng ta} {đẫn các con (đi) ⇔ bắt các con} (và) đưa các con ra (tòa) <sup>506</sup>(vì là các môn đệ của Ta), đừng lo lắng ⇔ đừng vội lo lắng} về điều các con sẽ nói (để bảo vệ cho các con), nhưng {đến giờ/lúc đó ⇔ tại tòa án các con} (chỉ) nói điều {được ban cho các con (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời cho/hướng dẫn các con} (để nói), <sup>507</sup>vì các con {không ⇔ sẽ không} {(tự mình) nói ⇔ nói bằng ý riêng của các con}, nhưng <sup>508</sup>Đức Thánh Linh (sẽ khiến/giúp các con biết điều phải nói ⇔ sẽ hướng dẫn các con).

12 “<Và> <sup>509</sup>những người anh em (kẻ không tin Ta) sẽ nộp các anh em (của họ) (những người tin Ta) cho (các nhà cầm quyền ⇔ người La-mã ⇔ các kẻ thù của họ/Ta) {(để làm) cho chết ⇔ để bị giết/xử tử},/. <và/Và> những người cha (sẽ làm như thế đối với) các con (của họ), <sup>510</sup>và con cái sẽ đẩy lên nghịch cùng cha mẹ và <sup>511</sup>{giết họ ⇔ làm cho họ bị xử tử}.

13 <sup>512</sup><Và> {các con sẽ bị ghét/bất bớ/từ khước bởi <sup>513</sup>mọi người ⇔ mọi người sẽ ghét/bất bớ/từ khước các con} <sup>514</sup>{vì danh Ta ⇔ vì các con theo/hầu việc Ta}. Nhưng kẻ nào <sup>515</sup>{nhấn

<sup>505</sup> 13:11 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “họ” trong câu 9.

<sup>506</sup> 13:11 Ở đây Chúa Giê-su nói đến những người bị bắt và bị đưa ra tòa vì họ là môn đệ, **không** phải là những tội nhân đáng bị bắt để trừng phạt.

<sup>507</sup> 13:11 Bạn có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “(Các con đừng lo,) vì...”

<sup>508</sup> 13:11 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “Đức Thánh Linh” trong sách Mác. Xem Mác 1:8, (10, 12); 3:29, 12:36, 13:11, và xem **lời chú thích** về điều này ở Mác 1:8. So sánh điều đó với cách bạn chuyển ngữ từ “thánh” (xem Mác 8:38).

<sup>509</sup> 13:12 “**anh em**” ở đây nói đến anh em ruột thịt, **không** phải anh em trong Chúa/Hội Thánh/đức tin. Cần nên làm cho rõ rằng đây là một câu nói tổng quát có nghĩa là có **nhều** anh em, **không** phải chỉ một người. Tuy nhiên, **không** nên nói nghe giống như tất cả anh em hay tất cả cha, hay tất cả con cái đều làm điều này. Bạn có thể nói: “(nhều) anh em...(nhều) cha...(nhều) con cái...”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một trong những bốn phạm cao nhất của người Do Thái là phải yêu mến những người cùng trong gia đình, đặc biệt là cha mẹ, và tuyệt đối trung thành với họ. Điều Chúa Giê-su nói ở đây chắc đã làm cho các môn đệ ngạc nhiên.

<sup>510</sup> 13:12 Một số bản dịch bắt đầu một câu **mới** ở đây và/hay ở đầu câu của câu 13 dùng cùng một từ ngữ. Hãy quyết định thế nào là một câu văn tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn, để tránh việc đặt một câu quá **dài**. Trong khi bạn chuyển ngữ sách Tân Ước, hãy luôn để ý đến **nguyên tắc này**: đối với một số ngữ cảnh, một câu **dài** có thể tốt, nhưng cũng có một số ngữ cảnh khác, một câu dài làm cho ý nghĩa không rõ ràng. Trường hợp này cũng áp dụng cho một câu **ngắn**. Tóm lại, một câu văn **ngắn** hay **dài luôn** tùy thuộc vào **ngữ cảnh**.

<sup>511</sup> 13:12 Trong tiếng Hy-lạp từ “**giết**” hàm ý rằng những hành động hợp pháp được áp dụng/thi hành khi một người bị xử tử.

<sup>512</sup> 13:13 Trong bản Hy-lạp câu này là một phần của câu trước. Xem lời chú thích về một câu văn **dài/ngắn** tự nhiên như thế nào ở câu 12.

<sup>513</sup> 13:13 Đa số các ngôn ngữ có thể dùng các từ “**mọi người**” và “tất cả”, ngay cả trong trường hợp không phải hết tất cả mọi người hay vật đều có liên hệ. Trong ngữ cảnh này, không phải hết tất cả mọi người đều ghét các môn đệ của Chúa Giê-su, nhưng **nhều** người trong bọn. Nói một cách khác, “mọi người” được dùng ở đây theo cách nói phóng đại. Nói phóng đại là cách nói vượt quá sự thật dùng để nhấn mạnh điều muốn nói.

<sup>514</sup> 13:13 Xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ tương tự (“**vì có Ta**”) trong câu 9.

nhục/chịu đựng (bởi đức tin trong Ta) ⇔ giữ (trung tín với Ta) ⇔ tiếp tục (tin cậy/theo Ta)}  
**GTK516** {cho đến cuối cùng (của sự bắt bớ/đau đớn) ⇔ cho đến cuối cùng (cuộc đời của người  
 ấy/họ ở đời này) ⇔ không bỏ cuộc ⇔ qua mọi sự} sẽ được cứu (bởi Đức Chúa Trời)  
**GTK517** (khỏi sự trừng phạt vì tội lỗi của người đó/họ).”

13:14–23 <sup>518</sup> {**Tai Hoạ Khủng Khiếp ⇔ Sự Ác/Người Đức Chúa Trời Ghét**}

*Ma-thi-ơ 24:15–28; Lu-ca 21:20–24*

**14** <sup>519</sup> (Rồi Chúa Giê-su nói: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục:) “<Rồi> khi các con thấy <sup>520</sup> {sự  
 góm ghiếc (làm cho) sự hoang vu <sup>521</sup> [ ] đang ở (nơi này) ⇔ sự ác/kẻ ác mà Đức Chúa Trời

<sup>515</sup> **13:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su muốn chuẩn bị các môn đệ cho những thì giờ rất khó khăn mà họ sẽ đối diện sau đó để họ có đủ nhẫn nại và giữ vững đức tin trong Ngài. Chẳng bao lâu, sau khi Ngài sống lại từ kẻ chết và lên thiên đàng, các nhà lãnh đạo Do Thái bắt đầu bắt bớ các môn đệ (thí dụ, Công Vụ 4:1–22, 5:17–42, 6:8–8:3, 12:1–4). Trong năm 64 S.C. hầu hết thành phố La-mã (thủ đô của đế Quốc La-mã) bị thiêu huỷ bằng lửa. Để chạy tội, Hoàng đế Nê-rô vu cho Cơ-đốc nhân là những người gây nên hoạ hoạn và bắt đầu khủng bố, tra tấn và giết hàng ngàn Cơ-đốc nhân. Sự bắt bớ các Cơ-đốc nhân cứ tiếp tục kéo dài suốt trong nhiều thế kỷ. Lời Chúa Giê-su và những việc đã xảy ra nhắc nhở chúng ta rằng đó là một phần trong chương trình của Đức Chúa Trời.

<sup>516</sup> **13:13** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ **sự cuối cùng** là gì. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa “cuối cùng (của sự **bắt bớ/khổ nạn**)” (xem các câu 9–12) hay “cuối cùng (của **đời nó/họ**)” (xem câu 12). Một vài người nghĩ nó có nghĩa “cuối cùng (của **thời đại/thế giới**)”. Có thể là “**cho đến cuối cùng**” được dùng như một trạng từ ở đây và có nghĩa là “**không bỏ cuộc**”. Có lẽ tốt nhất là chuyển ngữ giống như trong bản dịch tiếng Việt và **không** cần nói rõ là sự cuối cùng nào, trừ phi trong ngôn ngữ của bạn đòi hỏi như vậy. Thí dụ, bạn có thể nói “**cuối cùng của mọi sự**”.

<sup>517</sup> **13:13** Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói người ta được Đức Chúa Trời cứu khỏi **điều gì**. Đối với một số ngôn ngữ khác có thể **hàm ý** như trong bản Hy-lạp. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**sẽ được cứu**” chỉ về việc được cứu khỏi sự **trừng phạt** vì tội lỗi. Tuy nhiên, có một vài người nghĩ nó nói đến việc được cứu khỏi bị **làm hại** trong khi bị bắt bớ.

<sup>518</sup> (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có nhiều quan niệm khác nhau về sự khác biệt được nói đến trong các phần của chương 13. Tuy nhiên, có lẽ các câu 5–13 cho thấy một cách tổng quát sự đau đớn/khó khăn sẽ tiếp tục kéo dài cho đến cuối cùng của thời đại/thế giới này; có vẻ các câu 14–20 là trả lời cho câu hỏi của các môn đệ (trong câu 4) về việc đền thờ Giê-ru-sa-lem bị phá huỷ, điều đó xảy ra trong thời gian đã được bàn đến trong các câu 5–13; các câu 21–23 nhắc lại lời cảnh cáo trong các câu 5–6 với nhiều chi tiết; các câu 24–27 nói đến sự trở lại của Chúa Giê-su và sự cuối cùng của thời đại/thế giới này. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng việc thành Giê-ru-sa-lem bị phá huỷ chỉ là một trong những lời tiên tri trong các câu 14–20.

<sup>519</sup> **13:14** Để cho người đọc biết rõ rằng, Chúa Giê-su **vẫn còn đang nói**, bạn có thể thêm một công thức trích dẫn ở đầu của mỗi tiểu đoạn trong chương 13. Nhiều bản dịch (và BDM, BDC) **không** có điều đó. Tuy nhiên, nhiều bản khác có (và BCG, BDY dùng ngoặc kép), do đó những người đọc không bắt đầu đọc ngay từ đầu của chương sách biết được là Chúa Giê-su đang nói chuyện với ai. Thí dụ, bạn có thể nói: “(Chúa Giê-su tiếp tục nói với các môn đệ của Ngài)”. Hay có thể tốt hơn là dùng một cách **ngắn gọn** thí dụ như “(Rồi Chúa Giê-su nói)” hay “(Chúa Giê-su tiếp tục)”. Bạn có thể quyết định bắt đầu mỗi đoạn cùng một cách **như thế**, hay bạn có thể bắt đầu mỗi tiểu đoạn bằng nhiều cách **khác** nhau. Còn một cách khác nữa (**không** dùng công thức trích dẫn) là bắt đầu mỗi tiểu đoạn bằng cách nói như “(các môn đệ của Ta)”. Hay có thể dùng các tiểu đề để cho thấy rõ là Chúa Giê-su đang nói, thí dụ: “**Chúa Giê-su Dạy Về...**”

<sup>520</sup> **13:14** Mặc dù “**góm ghiếc**” là một danh từ trung tính trong bản Hy-lạp, “**đang đứng/ở**” là một động từ giống đực điều đó cho thấy rằng sự góm ghiếc tượng trưng cho một người hay chính là một người.

ghét [ ], làm dơ bẩn nơi này} <sup>522</sup> nơi người ấy không nên (đến),” *GTK*<sup>523</sup> — {ai đọc ⇔ các con/người ta ai đọc} *GTK* (sách này ⇔ lời tiên tri về việc này) nên/cần hiểu/suy nghĩ (sự góm ghiếc này là gì ⇔ sự ác/kẻ ác là gì/ai) — “rồi những người/người ta (ở/sống) trong <sup>524</sup> (tỉnh) Giu-đê nên trốn/mau (lên) <sup>525</sup> núi/đồi (để lánh nạn ⇔ để khỏi bị giết). 15 <sup>526</sup> {Rồi ⇔ Ví dụ} <sup>527</sup> ai (đang ở) trên <sup>528</sup> mái nhà (của người ấy) (nên trốn ⇔ mau lẹ tìm chỗ an toàn và)

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đa-ni-ên, tiên tri của Đức Chúa Trời, đang nói đến một bàn thờ tà thần An-ti-ô-khô được xây trong đền thờ Giê-ru-sa-lem vào 168 B.C. để thờ thần Mọc Tinh của người Hy-lạp (Đa-ni-ên 9:27, 11:31 và 12:11). Chúa Giê-su cảnh cáo rằng đền thờ sẽ bị ô uế theo một cách như vậy. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng lời tiên tri đó đã được ứng nghiệm khi La-mã phá hủy Giê-ru-sa-lem, kể cả đền thờ, năm 70 S.C. Tuy nhiên, một số nghĩ đây nói đến kẻ chống Chúa, chưa xuất hiện, (trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3–10, 1 John 2:18, 22) và một vài người nghĩ nó nói đến Xê-lốt (xem Mác 3:18) kẻ làm ô uế đền thờ năm 67–68 S.C. Vì những lời tiên tri được ứng nghiệm nhiều lần, nó có thể bao gồm tất cả những điều ở trên, và kể cả thời kỳ trước khi sự cuối cùng của thời đại/thế giới này đến (như có thể bày tỏ các câu 24–25).

<sup>521</sup> **13:14** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có các từ “mà nó đã được nói/tiên tri bởi Đa-ni-ên, tiên tri của Đức Chúa Trời” ở đây (như trong Ma-thi-ơ 24:15). Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**.

<sup>522</sup> **13:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nơi được nói đến ở đây là bên trong đền thờ. Trong Ma-thi-ơ 24:15 chỉ về như “nơi thánh”.

<sup>523</sup> **13:14** Mệnh đề này làm **gián đoạn** câu nói của Chúa Giê-su. Nhiều bản dịch (và BDM, BDC, BCG, BDY) có một “gạch nối”, hay “ngọc đơn” để cho thấy điều đó. Đối với một số ngôn ngữ cần đưa mệnh đề này ra cuối câu 14. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đây là **lời tuyên bố thêm vào** của ông **Mác** cho những người đọc sách/Phúc Âm của/do ông. Tuy nhiên, có một vài người nghĩ rằng đó là **lời tuyên bố thêm vào** của **Chúa Giê-su** cho những ai đọc tiên tri trong Cựu Ước về vấn đề này.

<sup>524</sup> **13:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Những người ở/sống trong tỉnh Giu-đê” đặc biệt nói đến dân chúng ở Giê-ru-sa-lem. Ngay trước khi người La-mã chiếm Giê-ru-sa-lem năm 70 S.C, nhiều Cơ-đốc nhân trốn về hướng đông bắc vượt Sông Giô-đan để đến thành Pe-la trong tỉnh Đê-ca-bô-lơ.

<sup>525</sup> **13:14** Chúa Giê-su **không** có ý là dân chúng nên trốn lên Giê-ru-sa-lem vì nó nằm trên một ngọn núi.

<sup>526</sup> **13:15** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có “**Rồi**” ở đây. Tuy nhiên một vài bản thảo (và BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**. Chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>527</sup> **13:15** Các câu 15–16 chỉ về **nhiều** người cần nên làm, **không** phải chỉ một người. Để cho rõ, một số ngôn ngữ dùng danh từ/đại danh từ ở số nhiều và nói: “**những người** ở trên mái nhà của **họ** (đang nghĩ) không nên... để lấy các đồ vật **của họ** ra khỏi các nhà của **họ**.” Nghiên cứu ngôn ngữ của bạn, tìm cách nói tự nhiên nhất để nói những điều như thế này áp dụng cho người ta một cách tổng quát.

<sup>528</sup> **13:15** Điểm chính Chúa Giê-su muốn nói ở đây là sẽ không có đủ thì giờ cho bất cứ một việc gì khác nhưng phải tức khắc chạy **trốn** đến một chỗ an toàn. Nhà của người Do Thái có **mái bằng** và họ thường ở trên mái nhà để nghỉ ngơi hay trò chuyện. Chúa Giê-su **không** nói về những người đang sửa chữa mái nhà của họ. Nếu nói đến mái nhà bằng sẽ làm mất ý chính Chúa Giê-su muốn nói, bạn có thể nói một cách tổng quát: “Ai đang ở **ngoài nhà** (của họ)...” hay bạn có thể thêm một lời chú thích hay hình ảnh có thể giống như dưới đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái xây nhà có mái bằng. Mỗi nhà đều có một cầu thang để lên trên mái. Người ta thường lên mái nhà để nghỉ ngơi hay trò chuyện.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một cái nhà hay nhiều nhà có mái bằng, có một số người đang ở trên mái nhà nghỉ ngơi và trò chuyện.

<sup>529</sup>{không nên xuống để vào trong (nhà của người ấy) ⇔ không nên chân chờ/nấn ná} để lấy  
<sup>530</sup>{bất cứ vật gì ⇔ vật dụng/tài vật của người ấy} ra khỏi nhà. **16** {<Và> ⇔ Cùng một lẽ ấy,}  
<sup>531</sup>ai (đang làm việc) ngoài đồng (cũng nên trốn và) không nên (chân chờ) trở lại <sup>532</sup>{những  
 chỗ đó ⇔ trong làng ⇔ trong nhà ⇔ một nơi khác ngoài đồng} để lấy (bất cứ vật gì, <sup>533</sup>ngay  
 cả) áo ngoài/quần áo của người ấy. **17** <Rồi> {khốn thay ⇔ ôi sẽ khủng khiếp làm sao cho}  
 những đàn bà có thai và các bà mẹ {đang cho (con nhỏ) bú ⇔ cho (con) bú sữa mẹ ⇔ có các  
 con nhỏ} {trong những ngày đó ⇔ lúc đó}! **18** <Và> <sup>NTT</sup>{câu nguyện rằng ⇔ cầu xin Đức  
 Chúa Trời làm cho} <sup>534</sup>{việc/điều đó ⇔ ⇔ thời gian của sự đau đớn/khốn khổ} không xảy ra  
 (vào) <sup>535</sup>{mùa đông ⇔ mùa lạnh/mưa ⇔ lúc thời tiết xấu}, **19** <sup>536</sup>vì {những ngày đó sẽ là một  
<sup>537</sup>sự khủng khiếp như thế chưa từng xảy ra ⇔ sự khốn khổ mà người ta sẽ phải chịu trong  
 thời gian đó sẽ tệ hại hơn bất cứ việc gì mà một người từng chịu ⇔ người ta sẽ khốn khổ trong  
 thời gian đó nhiều hơn bất cứ người nào từng chịu khốn khổ} từ/từ khi {bắt đầu sự sáng tạo của  
 Đức Chúa Trời ⇔ từ khi Đức Chúa Trời tạo ra thế gian} cho đến <sup>538</sup>bây giờ./ {<và> ⇔ Thực  
 ra,} {nó/sự khốn khổ sẽ không bao giờ (tệ hại như thế (nữa) ⇔ nó sẽ tệ hại hơn bất cứ gì sẽ  
 xảy ra ⇔ người ta chẳng bao giờ chịu đau đớn như thế nữa}. **20** <Và> nếu Chúa (Đức Chúa  
 Trời) <sup>TVST</sup>đã không (quyết định) <sup>539</sup>{giảm (số) của các ngày đó ⇔ rút ngắn thời gian} (của sự  
 khốn khổ/đau đớn), {mọi <sup>540</sup>xác thịt/đời sống <sup>TVST</sup>sẽ không được <sup>541</sup>cứu ⇔ chẳng có ai sẽ

- 
- <sup>529</sup> **13:15** Nhóm từ “**không nên xuống...**” hàm ý rằng người ta nên khẩn cấp đi tìm chỗ an toàn ở trên núi để trốn (xem câu 14), vì sẽ không có thì giờ để đem bất cứ một vật gì ra khỏi nhà. **Không** có nghĩa là người ta cứ ở trên mái nhà.
- <sup>530</sup> **13:15** Khi chuyển ngữ nhóm từ “**lấy bất cứ vật gì**” **không** nên hàm ý là ăn cắp vật gì của người khác.
- <sup>531</sup> **13:16** Cũng như câu 15, câu 16 nói một cách tổng quát về mọi người, **không** phải chỉ nói đặc biệt về một người.
- <sup>532</sup> **13:16** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**những cái đó/chỗ trước đó**” trong bản Hy-lạp nói về “thành” hay “nhà”. Tuy nhiên một số nghĩ nó nói về “một chỗ khác trong đồng ruộng”. Nó có thể nói về cả hai, vì “những cái đó/chỗ đó số nhiều. Nếu bản dịch không chuyển ngữ theo nghĩa đen, có thể để nguyên văn trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.”
- <sup>533</sup> **13:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Áo ngoài được coi là cái áo quan trọng nhất trong tất cả quần áo vì nó được dùng như một cái mền để đắp ban đêm.
- <sup>534</sup> “việc/điều đó” nói về “việc chạy trốn của các con” (xem câu 14). Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “sự chạy trốn của các con” ở đây. BDM dùng “việc này”, BDC, BCG dùng từ “điều đó”, và BDY dùng “biến cố đó”. Nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có nhưng hàm ý.
- <sup>535</sup> **13:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong mùa đông, có nhiều mưa lớn, có lụt ngập nước và thời tiết lạnh lẽo làm cho sự di chuyển thêm phần khó khăn kể cả việc tìm thức ăn và chỗ trú ngụ.
- <sup>536</sup> **13:19** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “(Ta nói thế) vì những ngày đó sẽ...”
- <sup>537</sup> **13:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đa-ni-ên 12:1 và Giô-ên 2:2 tiên tri về một thời khốn khổ vô cùng như ở đây.
- <sup>538</sup> **13:19** Từ “**bây giờ**” nói đến lúc Chúa Giê-su đang nói, **không** phải trong thời của chúng ta.
- <sup>539</sup> **13:20** Hãy chuyển ngữ nhóm từ “**giảm (số) của các ngày đó**” **không** có nghĩa thời gian của từng ngày sẽ rút ngắn lại. Nó có nghĩa là ít ngày hơn hay thời gian của sự khốn khổ ngắn lại.
- <sup>540</sup> **13:20** “**mọi xác thịt**” ở đây là một thành ngữ chỉ về tất cả mọi người, hay có thể là mọi người và mọi vật đang sống. **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như câu này nói đến thịt hư/thối.

sống sót ⇔ mọi người sẽ bị chết}. Nhưng để cứu/cứu vớt {những người Ngài đã chọn ⇔ những người được chọn để <sup>542</sup> làm dân sự của Ngài}, Ngài sẽ {giảm bớt (số) các ngày ấy ⇔ rút ngắn thời gian}.

21 “<Và> {rời ⇔ tại/trong thời gian đó ⇔ trong thời gian của sự khốn khó}, {nếu có ai ⇔ bất cứ ai} nói cho các con: <sup>NGT</sup> ‘Kìa, {Chúa Cứu Thế ⇔ Vua xúc dầu ⇔ Đấng Cứu Chuộc đã hứa} ở đó!’ <sup>543</sup> [hay] (nếu có/bất cứ ai nói cho các con): <sup>NGT</sup> ‘Kìa (Chúa Cứu Thế) ở đó!’ <sup>544</sup> đừng tin (nó/người ấy/họ), 22 <sup>545</sup> vì {Chúa Cứu Thế (giả mạo) và các <sup>546</sup> tiên tri giả mạo sẽ đến ⇔ người ta sẽ xưng mình là Chúa Cứu Thế và những người khác sẽ xưng là tiên tri của Đức Chúa Trời}. <Và> họ sẽ làm <sup>547</sup> {dấu lạ <và> phép lạ những sự lạ lùng ⇔ những phép lạ mà họ cho là từ Đức Chúa Trời,} để <sup>548</sup> {đổ dành ⇔ làm lạc lối (các con)}, <sup>549</sup> [ngay cả] {những người được chọn (của Đức Chúa Trời) ⇔ những người Đức Chúa Trời chọn để trở thành dân sự của Ngài} <sup>550</sup> {nếu có thể được ⇔ nếu họ có thể}. 23 Do đó {hãy canh chừng ⇔ hãy cẩn thận}. <sup>551</sup> [Hãy nhớ] Ta báo/căn dặn các con về mọi việc trước khi nó xảy ra (để các con sẽ không bị lừa gạt bởi bất cứ một người nào ⇔ để không bị lừa gạt sau đó).”

<sup>541</sup> 13:20 Trong ngữ cảnh này “cứu” nói đến việc được cứu về thể xác không phải linh hồn (BDM chuyển ngữ là sống sót).

<sup>542</sup> 13:20 Bạn có thể chuyển ngữ “để làm dân sự của Ngài” như là “để phục vụ Ngài”.

<sup>543</sup> 13:21 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC) có từ “**hay**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG, BDY) **không có**. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>544</sup> 13:21 Có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu để lời phán của Chúa Giê-su ở đầu câu nói: “Trong thời gian (của sự đau đớn) này đừng tin nếu có ai báo các con: ‘Kìa, Chúa Cứu Thế ở đó’...”

<sup>545</sup> 13:22 Có thể tự nhiên hơn nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây, Phải chắc chắn những câu đó được rõ ràng và không quá dài hay quá ngắn.

<sup>546</sup> 13:22 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**tiên tri**” trong sách Mác. Xem Mác 1:2, 6:4, 15; (7:6, 10); 8:28, (9:4, 11); 11:32, 13:22, (14:65), (15:35), và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:2. So sánh ở đây với cách bạn chuyển ngữ “(nói) **tiên tri**” trong Mác (1:4), (9:32), (13:14) và “**tiên tri**” trong Mác 7:6, 8:31 tiểu đề, 9:(13), (32) và tiểu đề; 10:32 tiểu đề, 13:1 và 24 các tiểu đề; 14:17 và 27 các tiểu đề, 65.

<sup>547</sup> 13:22 Trong tiếng Hy-lạp “**dấu lạ <và> phép lạ**” là lối/viết đặc biệt của người Do Thái dùng hai danh từ có từ “và” đứng giữa. Mỗi danh từ có nhiệm vụ bổ nghĩa cho nhau để nhấn mạnh, hai từ có cùng một ý nghĩa. BDC, BDM chuyển ngữ cả hai từ nhưng không dùng từ “và”. BDY không cần nhấn mạnh (dùng hai từ đồng nghĩa) như trong bản Hy-lạp chỉ dùng 1 từ. Hãy chuyển ngữ thế nào cho tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>548</sup> 13:22 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đổ dành**” trong các câu 5–6.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong Phục-truyền Luật-lê Ký 13:1–5 Đức Chúa Trời cũng đã báo cho dân sự của Ngài về tiên tri giả sẽ làm những phép lạ để cố đổ dành họ không hầu việc Ngài.

<sup>549</sup> 13:22 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM) có từ “**ngay cả**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) **không có**. BDC có từ “chính” và BDY có từ “cả”.

<sup>550</sup> 13:22 Trong bản Hy-lạp **không** nói (hay hàm ý) là Đấng Cứu Thế hay tiên tri giả đổ dành những người được chọn của Đức Chúa Trời hay không. Điều được đề cập đến ở đây là chúng sẽ cố để đổ dành họ. Chúng có thể thành công hoặc không thành công.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúng ta cần nên sẵn sàng/sàng tỉnh thức và cầu nguyện (các câu 9, 18, 23), nhưng không lo lắng hay sợ hãi (các câu 7, 11).

<sup>551</sup> 13:23 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**Này**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không có**. Từ này trong bản Hy-lạp được dùng để nhấn mạnh những điều nói tiếp

13:24–27 (Chúa) Giê-su Tiên Tri Về Sự Đến/  
Trở Lại Của Ngài Và Sự Cuối Cùng Của Thời Đại/Thế Giới Này

*Ma-thi-ơ 24:29–31; Lu-ca 21:25–28*

24 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói:) “<Nhưng> {sau những ngày khốn khổ/đại nạn đó ⇔ sau thời gian của sự khủng khiếp đó qua đi},<sup>552</sup> mặt trời sẽ {trở nên tối tăm (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ ngưng chiếu sáng}, <và> mặt trăng {sẽ không chiếu sáng ⇔ (cũng) sẽ ngưng chiếu sáng}, 25<sup>553</sup> <và>/và các vì sao sẽ {bị rơi ⇔ rơi} từ<sup>GTK554</sup> {thiên đàng ⇔ bầu trời},<sup>GTK555</sup> {và ⇔ đó là,} <sup>GTK</sup>{các thể lực/thần linh ⇔ (mọi) sự} trên<sup>GTK</sup> thiên đàng/bầu trời sẽ bị<sup>GTK556</sup> {rung động/đánh bại ⇔ bị đूर्đổi khỏi vị trí của chúng} (bởi Đức Chúa Trời).

26 {<Và> rồi ⇔ Lúc đó} (như lời Kinh Thánh nói) họ/dân chúng sẽ thấy<sup>557</sup> {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở thành người ⇔<sup>558</sup>Ta} {đến ⇔ khi Ngài/Ta đến} (thế gian) trong/trên<sup>559</sup> các đám mây {với ⇔ bày tỏ ⇔ và (họ sẽ thấy)} quyền năng vĩ đại của Ngài/Ta và<sup>560</sup> vinh hiển/oai

theo. BDM, BDC, BCG và BDY tất cả đều chuyển ngữ từ này sang tiếng Việt, nhưng bằng những cách khác nhau. Bạn có thể nói: “[Hãy nhớ lại] mọi điều Ta đã bảo trước cho các con, (để các con khỏi bị lừa dối)”.

<sup>552</sup> 13:24 Có thể sẽ được tự nhiên hơn, nếu **kết hợp** hai mệnh đề này và nói: “mặt trời và mặt trăng sẽ {trở nên tối tăm (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ cả hai ngưng chiếu sáng}...” Hay bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời sẽ làm cho mặt trời và mặt trăng ngừng chiếu sáng...”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các câu 24–25 diễn tả ngược lại ngày thứ tư trong buổi sáng thế (Sáng Thế Ký 1:14–19). Những từ tương tự được dùng ở nhiều đoạn trong Cựu ước để nói về sự phán xét trong Ngày Của Chúa. Thí dụ, xem Ê-sai 13:9–13, 24:21–23, 34:4; Ê-xê-chi-ên 32:7–8; Giô-ên 2:10, 31; 3:15 và A-mốt 8:9.

<sup>553</sup> 13:25 Sự chọn lựa của bạn ở đây tùy thuộc cách bạn chuyển ngữ phần còn lại của câu 25. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>554</sup> 13:25 Hãy xem Mác 1:10 về cách chuyển ngữ và lời chú thích cho từ “**thiên đàng**”.

<sup>555</sup> 13:25 Trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn một nghĩa ở đây. “các vì sao sẽ bị rơi...”, và các thể lực... sẽ bị **rung động**” có thể nói về hai biến cố khác nhau. Hay có thể là cách nói về một biến cố bằng hai cách khác nhau (như trong Ê-sai 34:4). Chỗ khó hiểu ở đây là Chúa Giê-su **không** nói rõ “**mọi thể lực**” là cái gì. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ đây là một cách khác để nói về mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao và các hành tinh. Tuy nhiên, một số khác nghĩ đây nói đến những thể lực thần linh kiểm soát các điều này. Phải chắc chắn **không** bao gồm quyền năng Đức Chúa Trời trong đó. Có thể để một số những tin tức này trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>556</sup> 13:25 Cách bạn dịch từ “**rung động**” ở đây tùy thuộc cách bạn chuyển ngữ từ “**thể lực**” trước đó trong câu 25. Xem lời chú thích về điều này ở trước đó.

<sup>557</sup> 13:26 Hãy xem lời chú thích về cách chuyển ngữ “**Con Người**” ở Mác 2:10.

<sup>558</sup> 13:26 Nếu chuyển ngữ theo cách này, cần để nguyên văn trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>559</sup> 13:26 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các đám mây là biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Xem một trường hợp tương tự trong Mác 9:7, và xem lời chú thích về điều này ở đó. Cũng hãy xem Mác 14:62. Đa-ni-ên 7:13–14 cho biết Con Người sẽ đến như thế nào và Đức Chúa Trời ban cho Ngài quyền thế để cai trị mãi mãi.

<sup>560</sup> 13:26 Hãy coi cách bạn chuyển ngữ “**vinh hiển**” và “**sự vinh hiển**” trong sách Mác. Xem Mác 2:12, 8:38 và 10:37, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 8:38.

phong/sáng chói. (Đa-ni-ên 7:13–14) **27** <Và> rồi Ngài/Ta sẽ <sup>NTT</sup> sai các thiên sứ <sup>561</sup> [của Ngài/Ta] đến <sup>562</sup> (khắp thế gian), và Ngài/Ta sẽ <sup>NTT</sup> (cho) tụ tập/đem (chúng nó lại) những người <sup>563</sup> {được chọn <sup>564</sup> [của Ngài/Ta] ⇔ những người Ngài/Ta đã chọn để trở thành dân sự của Ngài/Ta} <sup>565</sup> {từ bốn phương trời, từ cuối trời và cuối đất ⇔ từ khắp cả mọi nơi trên đất ⇔ từ mọi hướng mọi nơi trên đất, kể cả những nơi xa xôi hẻo lánh nhất}.”

**13:28–31 {Một Bài Học Về Cây Vả/Cây Ăn Trái ⇔  
Làm Sao Để Biết Khi Nào (Chúa) Giê-su Sắp Đến/Trở Lại}**

*Ma-thi-ơ 24:32–35; Lu-ca 21:29–33*

**28** (Rồi Chúa Giê-su nói: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với các môn đệ của Ngài:) “<Bây giờ> hãy học (một bài học) {từ <sup>566</sup> ngụ ngôn/minh họa này về một <sup>567</sup> cây vả ⇔ về điều xảy đến cho cây vả/ăn trái}. Ngay khi <sup>568</sup> các nhánh của nó {bắt đầu xanh ⇔ đầy nhựa} và {nó/chúng (bắt đầu) có những (lá) non ⇔ những lá mới (bắt đầu) mọc ra}, {các con biết ⇔ mọi người biết} rằng <sup>569</sup> {mùa hè gần đến ⇔ mùa trở bông sắp đến}. **29** {Do đó ⇔ Cùng một lẽ đó}, khi các

<sup>561</sup> **13:27** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “của Ngài” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>562</sup> **13:27** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu đổi **thứ tự** của câu 27 và nói: “... {từ bốn phương, từ cuối đất đến cuối trời ⇔ **khắp cả** mọi nơi trên đất ⇔ **trong** mọi hướng} và Ngài/Ta sẽ <sup>NTT</sup> (nhóm họp) tụ tập/đem những kẻ được chọn [của Ngài/Ta] (lại) (từ đó).”

<sup>563</sup> **13:27** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**được chọn**” trong các câu 20 và 22.

<sup>564</sup> **13:27** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có từ “của Ngài” ở đây. Tuy nhiên, một số khác (và BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>565</sup> **13:27** “từ **bốn phương trời**, từ cuối **trời** và cuối **đất**” là một **thành ngữ** có nghĩa là “từ **mọi nơi**”. Nó **không** bao gồm tất cả mọi nơi trên trời.

<sup>566</sup> **13:28** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “ngụ ngôn” trong sách Mác. Xem Mác 3:23, 4:2 và tiểu đề, 10–11 và tiểu đề, 13 và tiểu đề, 21 và 26 các tiểu đề, 30, 33, 34 và tiểu đề; 7:17; 12:1, 12 và tiểu đề; 13:28, và xem **lời chú thích** về điều này ở Mác 3:23.

<sup>567</sup> **13:28** **Cây vả** là một loại cây ăn trái rất thông dụng ở tỉnh Giu-đê, Ga-li-lê và vào **mùa hạ** là mùa có trái, Nếu trong ngôn ngữ bạn, **không** có cây vả bạn có thể nói một cách tổng quát và nói “cây ăn trái” và “mùa có trái”. Hay bạn có thể thêm **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Đối với một số ngôn ngữ cây ăn trái **không rụng/thay** lá (giống như cây vả) hay chúng bắt đầu ra lá **sau** mùa ra trái đã bắt đầu. Trong trường hợp như thế, bạn có thể để nguyên văn trong một **LỜI CHÚ THÍCH** và dùng một sự thay thế thích hợp với văn hóa trong bản dịch, tức là, nói đến loại cây ăn trái mà nó có những dấu hiệu khi mùa ra trái sắp đến.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cây vả là một loại cây rất thông dụng trong tỉnh Giu-đê và Ga-li-lê. Trái vả là một thức ăn quan trọng của người Do Thái. Cây vả rụng lá vào mùa đông và bắt đầu ra lá mới vào mùa xuân. Bằng cách nhìn cây vả người ta có thể biết lúc nào là mùa hạ.

<sup>568</sup> **13:28** Đây chỉ là những **nhánh nhỏ** và non, **không** phải những nhánh lớn.

<sup>569</sup> **13:28** Bạn có thể dùng một sự thay thế thích hợp với văn hóa cho **mùa hè** đó là cây vả ra trái ở Do Thái.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thông thường thời tiết ở Do Thái có hai mùa: mùa khô (mùa hè), nó kéo dài từ tháng Năm đến tháng Chín, và nhiệt độ từ ấm áp đến nóng, và mùa mưa (đông), kéo dài từ tháng Mười cho đến tháng Tư, thời tiết từ mát đến lạnh.

con thấy <sup>570</sup> những điều (mà Ta đã bảo cho các con), các con (cũng) <sup>GTK571</sup> nên/sẽ biết rằng <sup>GTK572</sup> {lúc đó/Ngài đã (đến) gần <sup>573</sup> cửa/cổng ⇔ ngày cuối cùng của thời đại/thế giới này đã đến gần ⇔ (Ta,) Con Người sắp đến/trở lại/tới}. **30** <sup>GTK574</sup> {A-men/Phải/Vâng, (các con <sup>GTK575</sup> nên/sẽ biết,) (và/nhưng) Ta bảo các con ⇔ Quả thật Ta bảo các con ⇔ Ta đoán chắc/hứa với các con} rằng <sup>GTK576</sup> {thế hệ này chắc chắn sẽ chẳng qua đi ⇔ những người đang sống bây giờ/lúc đó chắc chắn sẽ không chết} cho đến khi/trước khi <sup>GTK</sup> tất cả các việc mà (Ta đã bảo các con) xảy ra. **31** <sup>577</sup> (Các con có thể biết chắc rằng) <sup>578</sup> <sup>GTK579</sup> thiên đàng/bầu trời và đất ⇔ cả vũ trụ} sẽ {qua đi ⇔ chấm dứt}, nhưng {lời của Ta sẽ chẳng bao giờ qua đi ⇔ điều

<sup>570</sup> **13:29 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “những điều đó” có lẽ nói đến mọi điều Chúa Giê-su đã nói trong các câu 5-23.

<sup>571</sup> **13:29** Thì của động từ trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn là một ý nghĩa. Đa số học giả Kinh Thánh (và BDC, BCG) nghĩ đây là một mệnh lệnh “các con hãy biết”. Tuy nhiên, nhiều người khác (và BDM, BDY) nghĩ nó là một câu nói {biết ⇔ sẽ biết}. Hãy xem Mác 1:2 để biết bạn phải làm gì khi các học giả Kinh Thánh có sự **giải thích khác nhau** trong cùng một đoạn kinh văn.

<sup>572</sup> **13:29** Đại danh từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn là một ý. Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDY) nghĩ nó nói đến sự cuối cùng của thời đại/thế giới này (“lúc đó”), kể cả việc Con Người trở lại. Nhiều người khác (và BDM, BDC, BCG) nghĩ nó nói đến **Con Người** (“Ngài”) (xem các câu 26–27), và một số nghĩ nó nói đến việc đền thờ bị **phá hủy** (xem câu hỏi của các môn đệ trong câu 4). Có lẽ cách tốt nhất là giữ nguyên văn trong bản dịch và giải thích trong một lời chú thích.

<sup>573</sup> **13:29** “**gần cửa/cổng**” là một thành ngữ có ý nghĩa (một tương lai rất gần) “sắp tới nơi” hay “sắp trở lại”. Nó **không** nói về một cái cửa thật.

<sup>574</sup> **13:30** Hãy xem cách chuyển ngữ từ “**A-men**” trong Mác 3:28.

<sup>575</sup> **13:30** Cần có sự đồng nhất ở đây với sự chọn lựa của bạn trong câu 29.

<sup>576</sup> **13:30** Nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa hoặc là “**thế hệ này/đó**” hay “**thời đại này**”. Ý nghĩa có vẻ thích hợp với ngữ cảnh nhất là “**thời đại này**”, đó là một cách để nói “**thế giới này**”. Hãy chuyển ngữ nhóm từ này như “**thế hệ này**” (như đa số học giả Kinh Thánh) làm cho câu 30 rất khó chuyển ngữ, vì có nhiều sự giải thích khác cho “**thế hệ này**” và “**tất cả các việc đó**”. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**thế hệ này**” nói đến những người sống trong thời Chúa Giê-su. Tuy nhiên, nếu “**tất cả những điều đó**” kể cả sự cuối cùng của thế giới này, thì sự giải thích đó ngược lại với sự thật (là những gì đã thực sự xảy ra) và câu 32 Chúa Giê-su nói Ngài không biết lúc nào sẽ là sự cuối cùng. Nói một cách khác, nếu “**tất cả những việc đó**” bao gồm những biến cố trong các câu 5–23, bao gồm việc đền thờ Giê-ru-sa-lem bị phá hủy **ngoại trừ** việc trở lại của Chúa Giê-su (các câu 24–27), sự giải thích này sẽ hợp với ngữ cảnh. Các học giả Kinh Thánh khác nghĩ “**thế hệ này**” nói đến hạng người (có thể là Do Thái) những người chống đối Chúa Giê-su. Còn những người khác nữa nghĩ nó nói đến những người đang sống trong khi những việc cuối cùng xảy ra. Để tất cả (hay một số) của các sự giải thích khác vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>577</sup> **13:31** Bạn có thể nói: “Thế gian không tồn tại vĩnh viễn nhưng những lời Ta sẽ.” Hay bạn có thể nói: “Ngay cả nếu <sup>GTK</sup> trời và đất sẽ qua đi, những lời của Ta thì không.” Tuy nhiên, chuyển ngữ câu 31 không nên nghe giống như tự nhiên Chúa Giê-su thay đổi đề tài. Ngữ cảnh cho thấy có lẽ đây là một thành ngữ có nghĩa là “(các con có thể biết chắc rằng) <sup>GTK</sup> trời và đất sẽ qua đi, nhưng (các con có thể **chắc chắn hơn** rằng) những việc Thầy kể cho các con sắp xảy ra.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su nói rằng những lời nói của Ngài là Lời của Đức Chúa Trời, (xem Thi Thiên 119:89 và Ê-sai 40:8). Thi Thiên 102:25–27 và Ê-sai 51:6 tương tự câu 31.

<sup>578</sup> **13:31** “**trời và đất**” là một thành ngữ nói về cả vũ trụ. Nếu bản văn **không chuyển ngữ** theo nghĩa đen, thì có thể để nguyên văn vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>579</sup> **13:31** Xem cách bạn chuyển ngữ từ “**thiên đàng/trời/bầu trời**” trong Mác 1:10.



Ta nói sẽ mãi là sự thật ⇔ (các con có thể biết chắc rằng) những điều Ta bảo các con sẽ xảy ra}.”

**13:32–37 Hãy Chuẩn Bị/Sẵn Sàng Cho Ngày  
{Cuối Cùng ⇔ (Chúa) Giê-su Đến/Trở Lại}**

*Ma-thi-ơ 24:36–44*

**32** <sup>580</sup>(Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với các môn đệ của Ngài:) <sup>581</sup>“{Bây giờ/Về việc, (khi) <sup>GTK582</sup>ngày/giờ đó (ngày Ta (sẽ) đến/trở lại), không ai biết được (khi nào), ⇔ Tuy nhiên, không ai biết <sup>583</sup>chính xác lúc nào (Ta sẽ đến/trở lại),} <sup>584</sup>ngay cả các <sup>585</sup>thiên sứ trên thiên đàng và/hay (Ta,) Con (của Đức Chúa Trời), <ngoại trừ> chỉ (Đức Chúa Trời) Cha (Ta) (biết) mà thôi. **33** (Bởi vậy) (hãy luôn luôn) hãy {thức canh ⇔ tỉnh thức ⇔ hãy chuẩn bị/sẵn sàng} (cho Ta ⇔ vì khi Ta đến/trở lại ⇔ cho ngày trở lại của Ta),/. hãy tỉnh thức <sup>586</sup>[và cầu nguyện], vì các con không biết {khi nào là giờ (Ta đến/trở lại) ⇔ khi nào Ta sẽ đến/trở lại ⇔ khi nào việc đó sẽ xảy ra}. **34** (Nó sẽ xảy ra ⇔ Cách Ta đi và trở lại sẽ) giống như một người rời gia đình của người ấy (để đi) xa {và ⇔ (Trước khi đi,) người ấy} <sup>NTT</sup>{giao quyền (quản trị của người ấy) cho các đầy tớ (của mình) ⇔ giao cho các đầy tớ cai quản công việc (của gia đình mình)} {và ⇔ — người ấy} <sup>NTT</sup>(phân chia/bảo) cho mỗi người việc (họ phải làm) (trong khi người ấy đi xa/vắng nhà), và người ấy ra lệnh/bảo người {gác cổng ⇔ người đứng trước cổng để giữ nhà} <sup>NTT</sup>{phải (luôn) canh chừng ⇔ phải sẵn sàng} (cho ngày đến/trở lại của người ấy). **35** {Do đó ⇔ Cùng một lẽ đó,} hãy (luôn) {thức canh ⇔ tỉnh thức ⇔ sẵn sàng/chuẩn bị} (để đón Ta ⇔ khi Ta đến/trở lại ⇔ ngày Ta đến/trở lại), vì các con không

<sup>580</sup> **13:32** Có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Bây giờ/Tuy nhiên,” (Chúa Giê-su nói/tiếp tục,...” Coi lại lần nữa **cách bạn bắt đầu** mỗi tiểu đoạn trong chương 13. Xem 13:14, 24, 28, 32. Xem **lời chú thích** về điều này ở câu 14.

<sup>581</sup> **13:32** Có thể tự nhiên hơn nếu đổi **thứ tự** của câu 32 và nói: “<Và> {không ai ngoại trừ ⇔ chỉ} (Đức Chúa Trời) Cha (Ta) biết {điều đó/ngày hay/và giờ ⇔ chính xác} khi nào (Ta sẽ đến/trở lại). (Chẳng có ai,) ngay cả các thiên sứ ở thiên đàng (Ta), Con (Ngài) (biết).”

<sup>582</sup> **13:32** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**ngày đó**” nói về ngày Chúa Giê-su trở lại (xem các câu 34–36). Tuy nhiên, có rất ít người nghĩ “ngày đó” có thể nói đến thời kỳ khổ nạn/đau đớn.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “ngày đó” là một nhóm từ thường được dùng trong Cựu Ước để nói đến ngày của Chúa sẽ xuất hiện/đến để phán xét nhân loại (ví dụ, xem Ê-sai 2:11, 17, 20; A-mốt 5:18, 8:3, 9, 13; 9:11; Mi-ca 4:6, 5:10).

<sup>583</sup> **13:32** Hay bạn có thể nói: “... **ngày hay giờ/thì giờ** (của ngày) khi...”

<sup>584</sup> **13:32** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “Các thiên sứ của/trên thiên đàng không (biết), và ngay cả Ta, Con (của Đức Chúa Trời), (cũng) không biết. Chỉ (Đức Chúa Trời) Cha (Ta) (biết).”

<sup>585</sup> **13:32** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**thiên sứ**” trong sách Mác. Xem Mác 1:13, 8:38, 12:25, 13:27, 32, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:13.

<sup>586</sup> **13:33** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**và cầu nguyện**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**.

<sup>587</sup>biết khi nào <sup>588</sup>{người Chủ nhà ⇔ (Ta,) Chủ của các con} {đến/trở lại ⇔ sẽ đến/trở lại},/. {có thể là ⇔ Ngài/Ta có thể đến/trở lại} vào <sup>589</sup>buổi tối, hay nửa đêm, hay {khi gà gáy ⇔ khi gà bắt đầu gáy ⇔ khi sáng sớm}, hay {buổi sáng ⇔ khi mặt trời mọc/rạng đông}. **36** {(Hãy chuẩn bị/sẵn sàng,) dù (Ngài/Ta) chưa đến/trở lại ⇔ Nếu các con không chuẩn bị/sẵn sàng, Ngài/Ta đến/trở lại ⇔ Đừng để (khi) Ngài/Ta đến/trở lại} bất chợt/không ngờ/thình lình (và) bất gặp các con {đang ngủ ⇔ không chuẩn bị ⇔ không làm công việc của các con}. **37** <Và> điều Ta đang nói với các con, Ta nói với tất cả/mọi người: ‘(Hãy luôn luôn) <sup>590</sup>{thức canh ⇔ tỉnh thức ⇔ hãy sẵn sàng} (cho ngày đến/trở lại của Ta)!’ ”

## *Phân Đoạn IV. Những Biến Cố Dẫn Đến Sự Chết Của (Chúa) Giê-su*

### *Các Chương 14–15:20*

#### **14:1–2 Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái Lập Mưu Giết (Chúa) Giê-su**

*Ma-thi-ơ 26:1–5; Lu-ca 22:1–2; Giăng 11:45–53*

**14** **1** {Và/Bấy giờ là <sup>GTK591</sup>(Lễ) Vượt Qua và (Lễ) <sup>592</sup>Bánh Không Men <sup>593</sup>(Lễ) (bắt đầu) sau hai ngày (nữa). ⇔ Bấy giờ (còn) hai ngày nữa tới (Lễ) Vượt Qua, nó cũng còn

<sup>587</sup>**13:35 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một người hầu việc có lẽ không mong chủ của ông di chuyển trong ban đêm, vì không có sự an toàn. Chúng ta mong đợi Chúa Giê-su trở lại bất cứ lúc nào và chúng ta luôn sẵn sàng.

<sup>588</sup>**13:35** Chúa Giê-su nói về chính Ngài như **chủ** nhà ở đây. Nếu không rõ, bạn có thể để những tin tức đó vào một **LỜI CHÚ THÍCH**. Hay bạn có thể nói: “...Các con không biết khi nào (Ta sẽ trở lại, giống như những kẻ hầu việc/dây tớ không biết khi nào) {chủ nhà ⇔ chủ của họ} sẽ đến/trở lại...”

<sup>589</sup>**13:35** Người La-mã chia thời gian của một đêm ra làm bốn (người Do Thái chia nó ra làm ba). “**buổi tối...buổi sáng**” ở đây nói theo cách người La-mã tính thì giờ: 6–9 giờ buổi tối, 9–12 nửa đêm, 12–3 sáng (còn gọi là “**gà gáy**”), và 3–6 giờ buổi sáng. Bạn có thể dùng một sự thay thế thích hợp với văn hoá cho cách phân chia thời gian ở đây. Hay bạn có thể nói một cách tổng quát hơn: “Ngài/Ta sẽ đến **bất cứ giờ nào** của ban ngày hay ban đêm.”

<sup>590</sup>**13:37** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**tỉnh thức**” trong các câu 33, 35.

<sup>591</sup>**14:1** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể có ý nghĩa hoặc “**Lễ Vượt Qua**” hay “**con chiên Vượt Qua**”. Mỗi ý đều phù hợp với ngữ cảnh. **Không** nên chuyển ngữ Lễ Vượt Qua nghe giống như là Lễ Phục Sinh.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lễ Vượt Qua là lễ kỷ niệm khi Đức Chúa Trời đưa tổ tiên của người Do Thái ra khỏi ách nô lệ của người Ê-díp-tô trong thời Môi-se. Lễ Vượt Qua đặc biệt nói đến thời kỳ mà thiên sứ đi qua từng nhà một trong xứ Ê-díp-tô (Ai-cập). Hễ nhà nào có huyết chiên bôi trên cột cửa, thiên sứ tha mạng sống của con đầu lòng trong nhà ấy, nhưng giết con đầu lòng của những nhà không có huyết của chiên bôi trên cột cửa (Xuất Ê-díp-tô Ký 12). Lễ này được tổ chức hằng năm. Người Do Thái từ nhiều quốc gia về tụ tập để cùng dự lễ tại thành Giê-ru-sa-lem.

<sup>592</sup>**14:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lễ Vượt Qua và Lễ Bánh Không Men đúng ra là hai ngày Lễ riêng biệt (Lê-vi Ký 23:5–6). Tuy nhiên, vì hai ngày lễ này được tổ chức nối tiếp nhau, nên nó trở thành một, do đó cả hai tên có thể dùng để thay cho nhau (Xuất Ê-díp-tô Ký 12:6, 11, 15–18; so sánh Ma-thi-ơ 26:2, 17; Mác 14:1, 12 và Lu-ca 22:1). Trong suốt dịp lễ này người Do Thái ăn bánh không men (bánh được làm không có bột nổi) giống như tổ phụ của họ đã làm khi Đức Chúa Trời cứu họ khỏi ách nô lệ trong xứ Ê-díp-

được gọi là (Lễ) Bánh Không Men. ⇔ Còn hai ngày nữa (lễ) (sẽ bắt đầu là khi những người Do Thái/người ta ăn) thịt cừu và bánh không men.} <Và> các thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật {đang tìm ⇔ đang cố gắng tìm} cách {để bắt Ngài/(Chúa) Giê-su bằng (một vài) thủ đoạn/mánh khéo ⇔ để lường gạt Ngài/(Chúa) Giê-su nhờ đó họ có thể bắt Ngài ⇔ để bí mật bắt Ngài/(Chúa) Giê-su} (và) <sup>594</sup>{giết Ngài ⇔ để (buộc tội) và giết Ngài}.  
<sup>2</sup> <sup>595</sup>Vì/[Nhưng] họ nói (với nhau): <sup>NGT</sup>“(Chúng ta không nên) (làm điều đó) <sup>GTK</sup><sup>596</sup>{trong (những) ngày lễ (khi có nhiều người chung quanh/ở đây) ⇔ trước mặt đám đông (dân chúng) đang dự lễ}, {để khỏi bị ⇔ nếu không sẽ bị} <sup>597</sup> rối loạn/chống đối <của/bởi dân chúng> (vì việc bắt Ngài/Chúa Giê-su).”

### 14:3–9 Một Người Đàn Bà Kính Trọng (Chúa) Giê-su Bằng Cách {Xức Dầu ⇔ Đổ <sup>598</sup>Dầu Thơm Trên} {Ngài ⇔ Đầu Ngài}

*Ma-thi-ơ 26:6–13; <sup>599</sup>Giăng 12:1–8*

<sup>3</sup> <Và> trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su (đang ở) trong <sup>600</sup>(làng/thành) Bê-tha-ni tại nhà của <sup>601</sup>(một người có tên là) Si-môn <sup>602</sup>{người phung ⇔ (người trước đó là) một người phung ⇔

tô (Ai-cập). Lễ kéo dài trong tám ngày từ ngày 14 đến ngày 21 của tháng đầu trong năm (người Do Thái gọi là tháng Ni-san). Bữa ăn Lễ Vượt Qua ăn vào buổi tối của ngày đầu tiên.

<sup>593</sup> **14:1** Ông Mác nói về một lễ bắt đầu sau hai ngày (xem các câu 2 và 12). Hãy chuyển ngữ “**Lễ**” không nên hàm ý là hoang phí thức ăn. Còn có nhiều hoạt động khác nữa trong lễ kỷ niệm.

<sup>594</sup> **14:1** “**giết Ngài**” hàm ý rằng sẽ có một tòa án để xét xử, **không** phải ám sát.

<sup>595</sup> **14:2** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG) có từ “**Vì**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số) có từ “**Nhưng**” thay vào đó. Phải chắc chắn sự chọn lựa của bạn ở đây **phù hợp** với phần còn lại của câu 2.

<sup>596</sup> **14:2** Nhóm từ được dùng ở đây có thể hiểu theo nhiều hơn một nghĩa. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “**trong (những) ngày lễ**”. Họ nghĩ các nhà lãnh đạo Do Thái đã thay đổi kế hoạch này sau đó khi Giu-đa tìm được cơ hội tốt như thế. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh khác nghĩ đây có nghĩa là “**trước mặt đám đông (dân chúng) đang dự lễ**” (tương tự trong Lu-ca 22:6). Cách chuyển ngữ này **phù hợp** với cảnh ngữ **nhất**, nếu bạn chọn từ “**vì**” trong câu 2 trước đó, vì nó làm cho thấy rõ câu 2 giải thích cho câu 1 như thế nào.

<sup>597</sup> **14:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các nhà lãnh đạo Do Thái biết rằng nếu có một cuộc rối loạn, chính quyền La-mã sẽ kể là họ chịu trách nhiệm cho vấn đề đó. Ngoài việc trừng phạt người Do Thái, chính quyền La-mã có thể thay thế trưởng tế Cai-phe bằng một người khác.

<sup>598</sup> (Tiểu Đề) Bạn có thể chuyển ngữ từ “**Dầu Thơm**” như “**Dầu Có Mùi Thơm**”.

<sup>599</sup> (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lu-ca 7:36–50 cho chúng ta về khi có một người đàn bà khác xức dầu cho Chúa Giê-su bằng dầu thơm ở tỉnh Ga-li-lê.

<sup>600</sup> **14:3** Hãy nhất quán về từ “**làng/thành**” Bê-tha-ni ở đây với sự chọn lựa của bạn trong Mác 11:1, 11–12.

<sup>601</sup> **14:3** Đây là lần đầu tiên Si-môn được nhắc đến trong sách Mác. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần **giới thiệu** ông với một nhóm từ chẳng hạn như “(một người có tên)”.

<sup>602</sup> **14:3** Xem cách bạn chuyển ngữ “**người phung**” trong Mác 1:40.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Si-môn người phung” có lẽ là biệt hiệu của Si-môn (tương tự như “Giăng Báp-tít”). Tuy nhiên, có lẽ ông không còn mắc bệnh phung nữa, nếu không, ông đã phải sống biệt lập với mọi người khác (như trong Mác 1:40). Hay có thể ông đã chết rồi, nhưng căn nhà vẫn còn kể là nhà của ông. Si-môn này không phải là Si-môn Phê-rô.

(người đã) bị bệnh (trước đó) một chứng bệnh ngoài da khùng khiếp},/. Trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su đang ngồi ăn (ở đó) <sup>603</sup>(với một số người khác), có một <sup>604</sup>người đàn bà đến (với Ngài) mang theo <sup>605</sup>một cái bình (làm bằng) ngọc trắng (đựng đầy) dầu thơm rất mắc tiền (làm/cắt) từ <sup>606</sup>cây cam tùng <sup>GTK607</sup> tinh khiết. (Rồi) bà ta <sup>608</sup>đập bể (cổ bình) <ngọc trắng> (và) <sup>609</sup>đổ (dầu thơm ⇔ tất cả dầu thơm) trên <sup>610</sup>đầu Ngài/(Chúa) Giê-su (để bày tỏ sự kính trọng đối với Ngài). **4** <Rồi> một số <sup>611</sup>{người (ở đó) ⇔ người ta} (thấy việc bà làm) {nổi giận ⇔ không thích điều đó} nói với nhau: “<sup>CH</sup>{Tại sao phí dầu thơm (đắt tiền)? ⇔ Tại sao bà ta phí dầu thơm đắt tiền như thế? ⇔ Bà ta thật ngu ngốc phí dầu thơm (đắt tiền) đó!} **5** <Vì> <sup>612</sup>{dầu thơm đó ⇔ nó} <sup>TVST</sup>có thể bán nhiều hơn <sup>613</sup>{300 đơ-ni-ê ⇔ tiền công một năm} và <sup>614</sup>(tiền) <sup>TVST</sup>(có thể đem) phân phát cho người nghèo!” Rồi họ <sup>NTT</sup>{nổi giận/làm bầm bà ta (trong sự giận dữ) ⇔ trách người đàn bà} (về việc làm đó ⇔ việc phí dầu thơm). **6** Nhưng (Chúa) Giê-su {bảo (họ) ⇔ trả lời}: “Hãy để yên cho bà ta! <sup>CH</sup>{Tại sao các con ⇔ Đừng} {gây khó cho bà ta ⇔ chỉ trích bà ta}?/! Bà ta đã làm một việc tốt/đẹp cho Ta. **7** Vì/Vả lại, các con (sẽ) luôn luôn có người nghèo ở <sup>615</sup>với/chung quanh các con <sup>616</sup>và/do đó các con có thể <sup>617</sup>{làm điều tốt

<sup>603</sup> **14:3** Chúa Giê-su **không** ăn một mình (xem câu 4).

<sup>604</sup> **14:3 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Giảng 12:3 chúng ta biết rằng tên của người đàn bà này là Mari, em gái của La-xa-rô và Ma-thê. Si-môn (Người) Phung có thể là cha của họ.

<sup>605</sup> **14:3** Đây là một **bình** dầu thơm nhỏ, cao giống như một cái chai, cổ nhỏ và đáy tròn.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ngọc trắng (còn gọi là mã não) là một loại đá có màu trắng và vàng rất đẹp. Nó được nhập cảng từ xứ Ê-díp-tô (Ai-cập). Một cái bình làm bằng ngọc trắng rất đắt tiền.

<sup>606</sup> **14:3 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dầu thơm này được chế tạo bằng rễ cây cam tùng trồng ở nước Ấn Độ.

<sup>607</sup> **14:3** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là “**tinh khiết**” hay “**thật/nguyên chất**”. Tuy nhiên, rất ít người nghĩ nó có nghĩa là dầu lấy ra từ hạt “**đào lạc**” hay “**nuóc**”.

<sup>608</sup> **14:3 Không** nên chuyển ngữ nghe giống như bà ta vô tình làm bể bình dầu (bà ta cố tình làm điều đó), hay giống như bà ta đập bể nát cả bình (bà ta chỉ đập bể cổ bình), hay giống như bà ta đập trên đầu Chúa Giê-su để mở nút bình dầu (bà dùng tay của bà ta). Bạn có thể nói: “...**mở** bình <ngọc trắng> **bằng cách làm bể** cổ của nó...”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Loại bình dầu thơm này có cổ nhỏ và cao và rất giòn. Đập bể cổ bình là một việc làm hoang phí. Nó nhấn mạnh đến việc bà dùng nguyên cả bình dầu thơm này cho Chúa Giê-su.

<sup>609</sup> **14:3 HÌNH ẢNH được đề nghị:** Chúa Giê-su và một số người khác ngồi đang ăn cùng lúc có một đàn bà đang đổ dầu thơm trên đầu Ngài.

<sup>610</sup> **14:3** Bà ta đổ dầu thơm trên Chúa Giê-su để **tôn kính** Ngài. **Không** phải bà ta vô tình làm đổ dầu thơm trên Ngài.

<sup>611</sup> **14:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Ma-thi-ơ 26:8, các môn đệ của Chúa Giê-su là những người nổi giận với bà ta. Theo Giảng 12:4, Giu-đa Ích-ca-ri-ốt là người dẫn đầu sự chỉ trích.

<sup>612</sup> **14:5** Có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “<Vì> **bà ta/chúng ta** có thể bán {dầu thơm đó ⇔ nó}...và dùng tiền bán được giúp người nghèo.”

<sup>613</sup> **14:5** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đơ-ni-ê**” trong Mác 6:37, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>614</sup> **14:5** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ tương tự trong Mác 10:21.

<sup>615</sup> **14:7** Hãy chuyển ngữ từ “**với/chung quanh**” **không** nên hàm ý/có ý rằng những kẻ nghèo sẽ sống hay làm việc với các môn đệ của Chúa Giê-su, hay các môn đệ của Chúa Giê-su bị bao quanh bởi những người nghèo.

cho ⇔ giúp đỡ} họ bất cứ lúc nào, nhưng {các con không/sẽ không luôn có Ta (bên cạnh/ở đây) ⇔ Ta sẽ không luôn ở đây với các con/dân chúng} (để tôn kính ⇔ để tôn kính như người đàn bà này vừa mới làm). **8** {Bà ta ⇔ Người đàn bà này} đã làm {điều ⇔ việc tốt nhất} bà ta có thể (làm). (Bà ta) đổ/xức dầu thơm trên thân thể Ta <sup>618</sup> (và chuẩn bị) để chôn <sup>619</sup> {trước (khi) ⇔ trước khi Ta chết}. **9** <Và> <sup>GTK620</sup> {A-men/Vâng, <sup>621</sup> (đó là việc bà ta đã làm,) (và) Ta bảo các con, ⇔ Thật ra, Ta bảo các con, ⇔ Ta quả quyết/hứa với các con rằng} {bất cứ nơi nào Phúc Âm/sứ điệp (về Ta) được giảng/rao truyền/công bố (cho dân chúng) trên khắp thế gian ⇔ bất cứ nơi nào/ở mọi nơi trên cả thế gian, nơi (người ta) giảng/rao truyền/công bố tin lành (về Ta) (cho những người khác)}, {những gì bà đã làm (cho Ta) cũng sẽ được rao bảo ⇔ (họ) cũng sẽ nói về điều tốt đẹp mà người đàn bà này đã làm (cho Ta)} {như để tưởng nhớ ⇔ do đó người ta sẽ tưởng nhớ} đến {bà ta ⇔ điều bà ta đã làm}.”

**14:10–11 Giu-đa Đề Nghị/Đồng Ý <sup>622</sup> {Với Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái <sup>NTT</sup> Để Phản (Chúa) Giê-su ⇔ Giúp Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái Bất (Chúa) Giê-su}**

*Ma-thi-ơ 26:14–16; Lu-ca 22:3–6*

**10** Rồi Giu-đa <sup>GTK623</sup> Ích-ca-ri-ốt, <sup>624</sup> {người ⇔ mặc dù ông} (đã là) một trong <sup>625</sup> mười hai (môn đệ), đến với các thượng tế <sup>NTT626</sup> {để giao Ngài/(Chúa) Giê-su cho họ ⇔ và đề nghị giúp đỡ họ bất Ngài/(Chúa) Giê-su}. **11** <Rồi> khi họ nghe <sup>NTT</sup> (đề nghị của Giu-đa), họ <sup>NTT</sup> {vui mừng ⇔ rất là vui sướng} và <sup>NTT</sup> hứa <sup>627</sup> cho/trả ông (một số) <sup>628</sup> tiền (bằng bạc) (cho sự giúp đỡ

<sup>616</sup> **14:7** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu bắt đầu một câu mới ở đây và nói: “Bất cứ khi nào...”

<sup>617</sup> **14:7 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời phán chúng ta phải rộng lượng với kẻ nghèo (Phục-truyền Luật-lệ Ký 15:11).

<sup>618</sup> **14:8 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phong tục của người Do Thái dùng dầu thơm và thuốc thơm xức xác người chết trước khi chôn (như trong Mác 16:1). Tuy nhiên, bà này (Ma-ri) có lẽ không biết rằng Chúa Giê-su sắp chết. Bà ta xức dầu thơm trên Chúa Giê-su/Ngài vì bà ta yêu Ngài và có lẽ vì bà ta muốn tôn kính Ngài và cảm ơn Ngài cho mọi sự, đặc biệt là đã cứu La-xa-rô sống lại từ kẻ chết (Giăng 11:38–44; 12:1–8).

<sup>619</sup> **14:8** Phải chắc chắn rằng **không chuyển ngữ** nghe giống như Chúa Giê-su bị chôn trước khi Ngài chết.

<sup>620</sup> **14:9** Hãy xem lời chú thích về cách chuyển ngữ từ “**A-men**” trong Mác 3:28.

<sup>621</sup> **14:9** Bạn có thể nói: “(bà ta đã làm một điều tốt,)...”

<sup>622</sup> (Tiểu Đề) Giu-đa **phản** Chúa Giê-su, tức là, ông ta giúp kẻ thù của Chúa Giê-su bắt Ngài. Đó là sự **ngược lại** với những gì chúng ta mong đợi ông làm như một môn đệ của Chúa Giê-su.

<sup>623</sup> **14:10** Hãy nhất quán ở đây với cách bạn chuyển ngữ “**Ích-ca-ri-ốt**” trong Mác 3:19.

<sup>624</sup> **14:10** Dù “(là) một trong mười hai môn đệ” **không** đưa ra những thông tin mới, nó nhấn mạnh tội lỗi của Giu-đa **kinh khủng** như thế nào. Do đó **không** nên bỏ giống như một số bản dịch đã làm.

<sup>625</sup> **14:10** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**mười hai (môn đệ)**” trong Mác 4:10, và xem lời chú thích về điều này ở đó.

<sup>626</sup> **14:10 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy để ý sự trái ngược rõ ràng giữa hành động yêu thương của bà ấy trong các câu 3–9 và hành động của Giu-đa trong các câu 10–11.

<sup>627</sup> **14:11** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “...để **trả cho ông ta** (vì sự giúp đỡ của ông ta ⇔ vì giúp đỡ họ).”

<sup>628</sup> **14:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Ma-thi-ơ 26:15 chúng ta biết rằng các nhà lãnh đạo Do Thái trả cho Giu-đa 30 nén bạc vì sự giúp đỡ của ông.

của ông ta ⇔ vì giúp đỡ họ). Do đó ông ấy/Giu-đa (đi và) bắt đầu tìm/đợi một <sup>629</sup> cơ hội tốt <sup>630</sup> {để phản nộ Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ để trao Ngài/(Chúa) Giê-su} (cho họ ⇔ cho các nhà lãnh đạo Do Thái).

*14:12–16* {**Bữa Ăn Lễ Vượt Qua** ⇔  
(Chúa) Giê-su Ăn Lễ Vượt Qua Với Các Môn Đệ Của Ngài}

*Ma-thi-ơ 26:17–19; Lu-ca 22:7–14*

**12** <Rồi> trong <sup>631</sup> ngày thứ nhất của <sup>632</sup> (Lễ) Bánh Không Men, (cùng trong một ngày) khi {họ <sup>633</sup> dâng/giết những con sinh tế ⇔ họ theo phong tục giết những con cừ non cho bữa ăn <sup>634</sup> Lễ Vượt Qua}, các môn đệ (của Ngài/Chúa Giê-su) hỏi Ngài: “Thầy muốn chúng con <đi> sửa soạn cho {Thầy và chúng con ⇔ chúng ta} ăn Lễ Vượt Qua (với nhau) ở đâu?” **13** Rồi/Do đó Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>635</sup> sai <sup>636</sup> hai trong số các môn đệ (của Ngài) và nói với <sup>637</sup> họ: “Hãy đi vào trong <sup>638</sup> thành Giê-ru-sa-lem và một người đàn ông đang mang một cái vò (đầy) nước (trên vai/đầu của người ấy) <sup>639</sup> sẽ gặp các con. <sup>640</sup> Hãy đi theo/với người ấy **14** <và> <sup>641</sup> {đến nơi nào ⇔ đến nhà} người ấy đi tới (và) nói với chủ nhà: <sup>642</sup> ‘Thầy <sup>NGT643</sup> chúng tôi {hỏi ⇔ muốn

<sup>629</sup> **14:11** Nhóm từ “**cơ hội tốt**” có lẽ nói đến một tình trạng ở đó Chúa Giê-su có thể ở riêng một mình và cách xa đám đông dân chúng thường theo Ngài.

<sup>630</sup> **14:11** Bạn có thể nói: “...để giúp đỡ (họ ⇔ các nhà lãnh đạo của người Do Thái) bắt Chúa Giê-su/Ngài.”

<sup>631</sup> **14:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có thể đó là ngày Thứ Năm.

<sup>632</sup> **14:12** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Bánh Không Men**” trong câu 1, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>633</sup> **14:12** Hãy coi lại lần nữa cách bạn chuyển ngữ “**dâng/giết**” trong sách Mác. Xem Mác (1:44–45); [9:49], (10:45), (11:15), 12:33, 14:12, (24).

<sup>634</sup> **14:12** Bạn có thể nói: “...mà sẽ ăn vào ngày Lễ Vượt Qua”.

<sup>635</sup> **14:13** Đối với một số ngôn ngữ, nó sẽ được tự nhiên hơn nếu hàm ý từ “**sai**” ở đây và nói: “Rồi/Do đó Ngài/Chúa Giê-su **bảo** {mười hai môn đệ (của Ngài) ⇔ họ}: “Hãy đi vào...”

<sup>636</sup> **14:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Lu-ca 22:8, hai môn đệ này là Phê-rô và Giăng.

<sup>637</sup> **14:13** Trong suốt tiểu đoạn này có một vài ngôn ngữ **dùng một đại danh từ đặc biệt** để chỉ về **hai** người. Nhiều ngôn ngữ khác **không** có đại danh từ đó.

<sup>638</sup> **14:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Luật Pháp của người Do Thái, bữa ăn Lễ Vượt Qua chỉ được ăn bên trong thành Giê-ru-sa-lem (Phục-truyền Luật-lê Ký 16:5–7).

<sup>639</sup> **14:13** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của mệnh đề và nói: “Các con sẽ gặp/thấy một người đàn ông đang mang một cái vò nước (trên vai/đầu của ông ta).”

<sup>640</sup> **14:13** Chuyển ngữ từ “**Hãy đi theo**” **không nên** hàm ý rằng các môn đệ của Chúa Giê-su săn đuổi người đàn ông hay người ấy tìm cách để tránh họ.

<sup>641</sup> **14:14** Các môn đệ của Chúa Giê-su **không** theo người đàn ông từ nhà này đến nhà khác, nhưng đến cái nhà mà người ấy đi đến.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một cái nhà hai tầng có mái bằng, một người đàn ông đang xách vò nước và người chủ nhà đang nói chuyện với các môn đệ của Chúa Giê-su.

<sup>642</sup> **14:14** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**Thầy**” trong sách Mác. Xem Mác [2:16], 4:38, 5:35, 9:17, 38; 10:17, 20, 35; 12:14, 19, 32; 13:1, 14:14. So sánh với cách bạn chuyển ngữ từ “**Ra-bi**” (xem Mác 14:45).

biết}: <sup>NGT</sup>“Phòng khách/ăn để Thầy sẽ/có thể ăn <sup>644</sup>Lễ Vượt Qua với các môn đệ của Thầy ở đâu?”’ **15** Rồi {người ấy ⇔ chủ nhà ⇔ người đàn ông} sẽ chỉ cho các con một phòng rộng trên lầu {(nó đã) có đồ đạc và sẵn sàng ⇔ (nó đã) dọn sẵn sàng/sạch sẽ và có đồ đạc cho một bữa ăn ⇔ nó có đồ đạc chúng ta cần (cho bữa ăn của chúng ta)}. <Và> hãy chuẩn bị (bữa ăn) cho chúng ta ở đó.” **16** Do đó {(hai) môn đệ (của Chúa Giê-su) ⇔ họ} <trời và> đi vào {trong thành ⇔ Giê-ru-sa-lem} và tìm thấy (mọi điều ⇔ cái phòng) giống như Ngài/(Chúa) Giê-su đã nói. Rồi họ chuẩn bị (bữa ăn) Lễ <sup>645</sup>Vượt Qua.

**14:17–21 (Chúa) Giê-su Báo Trước <sup>NTT</sup> Rằng  
Một Trong Những Môn Đệ Của Ngài Sẽ <sup>646</sup>Phản/Nộp Ngài**

*Ma-thi-ơ 26:20–25; Lu-ca 22:21–23; Giăng 13:21–30*

**17** <Rồi> {đến chiều tối ⇔ tối hôm đó}, Ngài/(Chúa) Giê-su đến (đó ⇔ tại căn nhà) với <sup>GTK</sup><sup>647</sup>mười hai (môn đệ). **18** <Và> trong khi họ ngồi (tại bàn) <và> đang ăn, (Chúa) Giê-su nói (với họ): “<sup>GTK</sup><sup>648</sup>{A-men/Vâng, (chúng ta đang ăn chung với nhau ở đây, nhưng) Ta bảo các con ⇔ quả thật Ta bảo các con ⇔ Ta quả quyết với các con} rằng một người trong các con <sup>649</sup>là người đang ăn chung với Ta sẽ <sup>650</sup>{phản Ta ⇔ giao Ta cho (những kẻ thù của Ta)}.” **19** (Rồi ⇔ Khi các môn đệ của Chúa Giê-su nghe điều đó,) {họ ⇔ các môn đệ (của Chúa Giê-su)} {bắt đầu ⇔ trở nên} buồn rầu, và lần lượt từng người một (họ) hỏi Ngài: “{Không phải con, phải không Thầy? ⇔ Thầy không nghĩ là con, phải không Thầy?}” <sup>651</sup>[Và (một người) khác (hỏi Ngài): “{Không phải con, chứ Thầy? ⇔ Thầy không nghĩ là con, phải không

<sup>643</sup> **14:14** Nếu được tự nhiên hơn, bạn có thể dùng cách nói **gián tiếp** ở đây, bạn có thể nói: “...bảo chủ nhà **rằng Thầy** {hỏi ⇔ muốn biết} phòng khách **của Thầy** nơi **Thầy** sẽ ăn Lễ Vượt Qua với các môn đệ **của Thầy** ở đâu.”

<sup>644</sup> **14:14** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**bữa ăn Lễ Vượt qua**” trong câu 12.

<sup>645</sup> **14:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lễ Vượt Qua lần đầu tiên được nói đến trong Xuất Ê-díp-tô Ký 12:3–11. Bữa ăn gồm có thịt chiên con, bánh không men, và rau đắng với nước chấm và rượu.

<sup>646</sup> (Tiểu Đề) Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**phản**” trong câu 11.

<sup>647</sup> **14:17** Thực ra sau khi hai môn đệ của Chúa Giê-su chuẩn bị bữa ăn xong (các câu 13–16), họ trở lại với Ngài, để Chúa Giê-su và **tất cả mười hai** môn đệ cùng đi đến phòng cao đó với nhau. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su và mười môn đệ kia tự động đi đến phòng cao nơi có hai môn đệ đã đến đó trước. Theo cách chuyển ngữ đó, bạn có thể nói “(số còn lại của) Mười Hai (môn đệ)”. **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su là một trong số mười hai môn đệ.

<sup>648</sup> **14:18** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “**A-men**” trong Mác 3:28.

<sup>649</sup> **14:18** Trong các câu 18 và 20 Chúa Giê-su **không** cho biết/nhận diện rõ ai là người sẽ phản Ngài. Chúa Giê-su sẽ bị phản bởi một người cùng ngồi ăn chung với Ngài/Chúa Giê-su như một người bạn thân của Ngài.

<sup>650</sup> **14:18** Bạn có thể nói: “...giúp kẻ thù của Ta bắt Ta.” Hãy xem cách bạn chuyển ngữ tiểu đề.

<sup>651</sup> **14:19** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có **phản còn lại** của câu 19. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**. Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ cần nên **nhắc lại** câu hỏi của các môn đệ ít nhất một lần để cho thấy rõ rằng tất cả môn đệ của Chúa Giê-su đều lần lượt hỏi Ngài cùng một câu hỏi như nhau.

thầy?}”] **20** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời/bảo họ: “{(Nó là) một trong <sup>652</sup>mười hai (môn đệ) ⇔ Người sẽ phản bội Ta là một trong mười hai người} chấm (bánh) vào <sup>653</sup>[cùng] <sup>654</sup>đĩa/chén (nước chấm) với Ta (có vẻ như người ấy <sup>TVST</sup>là bạn thân của Ta). **21** <Vi/Phải,> <sup>655</sup>{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) đáng trở thành người} (sẽ) <sup>656</sup>chết như <sup>657</sup>đã được chép (trong lời Kinh Thánh) về Ngài/Ta, nhưng <sup>658</sup>{khốn thay ⇔ khùng khiếp thay cho} kẻ phản bội Ta bằng cách {giao Ta cho kẻ thù của Ta ⇔ giúp kẻ thù của Ngài/Ta để bắt Ngài/Ta)! (<sup>TVST</sup>Thà nó đừng sinh ra) thì tốt hơn.”

#### 14:22–26 {Lễ Tiệc Thánh ⇔ Bữa Ăn Cuối Cùng Của (Chúa) Giê-su Với Các Môn Đệ Của Ngài}

*Ma-thi-ơ 26:26–30; Lu-ca 22:15–20; 1 Cô-rinh-tô 11:23–25*

**22** <Và> trong khi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} đang ăn (Lễ Vượt Qua), Ngài/(Chúa) Giê-su lấy <sup>659</sup>bánh (không men) (trên bàn), <sup>NTT660</sup>{chúc phước (cho bánh) ⇔ tạ ơn (Đức Chúa Trời)} (và) bẻ (nó) (ra thành <sup>661</sup>từng miếng ⇔ thành từng miếng nhỏ). Rồi Ngài trao/đưa (nó/chúng ⇔ những miếng nhỏ) cho {họ ⇔ môn đệ (của Ngài)} và nói (với họ): “Hãy lấy (những miếng bánh này) [(và) ăn (nó)]. {(Bánh) này ⇔ Nó} <sup>662</sup>là <sup>663</sup>thân thể của Ta.”

<sup>652</sup> **14:20 Không** nên chuyển ngữ nghe giống như “mười hai (môn đệ)” nói về một nhóm người khác ngoài các môn đệ mà Ngài đang nói chuyện với họ.

<sup>653</sup> **14:20** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và BDM, BDC, BCG) có “cùng/chung” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDY) không có, nhưng hàm ý.

<sup>654</sup> **14:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cùng ăn chung thức ăn trong một tô lớn là dấu hiệu của tình bè bạn thân thích. Trong trường hợp này, Chúa Giê-su và các môn đệ nhúng bánh và rau đắng của họ chung một tô nước chấm (có lẽ được làm bằng các loại trái cây như chà là, nho, vả, bằm nát trộn chung với nước và giấm/rượu nho). Thi Thiên 41:9 có lẽ đã tiên tri về việc Giu-đa sẽ làm.

<sup>655</sup> **14:21** Cần nên luôn luôn nói cho rõ ràng là Chúa Giê-su gọi chính Ngài là **Con Người**, không phải người nào khác.

<sup>656</sup> **14:21** “(Sẽ) đi” được dùng như một thành ngữ ở đây và có nghĩa là “(sẽ) chết”. Không nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su sắp đi xa. Có thể để nghĩa đen vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>657</sup> **14:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Xem lời chú thích về tiên tri trong Mác 9:12.

<sup>658</sup> **14:21** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “khốn thay” trong Mác 13:17. Có thể cần chuyển ngữ từ “khốn thay” một cách khác ở đây, vì ngữ cảnh rất khác biệt. Có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “...nhưng (Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt) kẻ/người phản (Ta) <Con Người> một cách nặng nề (hơn thế nữa) ...”

<sup>659</sup> **14:22** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “bánh”, “những ổ bánh” và “bánh không men” trong Mác 2:26, <3:20>, 6:8, 37–38, 41, (42–43), [44], 52; 7:2, 5, 27; 8:4–6, (8), 14, 16–17, 19, (20); 14:1, 12, (20), 22, và xem **lời chú thích** về “những ổ bánh” trong Mác 6:38.

<sup>660</sup> **14:22** Hãy nhất quán ở đây với cách bạn chuyển ngữ “chúc phước” trong Mác 6:41, và xem **lời chú thích** ở đó.

<sup>661</sup> **14:22** Những miếng đây không phải là những bánh vụn/nát.

<sup>662</sup> **14:22** Hãy chuyển ngữ từ/động từ “là” trong ngữ cảnh này là một vấn đề rất nhạy cảm/dễ bị tổn thương cho hội thánh của nhiều giáo phái khác nhau. Nhiều học giả Kinh Thánh tin rằng ở đây nghĩ đích thực là “(bánh) này là thân thể Ta”, trong khi đó những người khác nghĩ nó có nghĩa “(bánh) này tượng trưng cho thân thể Ta.” Đối với một số ngôn ngữ động từ “là” (hay tương đương) có thể có nghĩa hoặc “là” hay “tượng trưng”,



23 Rồi/Kế đến (Ngài/Chúa Giê-su) lấy/cầm chén/ly (rượu nho) và <sup>NTT</sup> tạ ơn (Đức Chúa Trời). (Rồi) Ngài trao/đưa (nó) cho {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)} và tất cả (mọi người) (chuyên nhau và) uống {(rượu) trong chén/ly ⇔ một chút rượu}. 24 Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su nói với họ: “(Rượu) này <sup>664</sup> là huyết của Ta <sup>665</sup> {của <sup>666</sup> giao ước <sup>TD667</sup> [mới] (của Đức Chúa Trời) (với dân sự của Ngài) ⇔ để thiết lập giao ước [mới] (của Đức Chúa Trời) (với dân sự của Ngài/Đức Chúa Trời) (và)} nó sẽ được <sup>668</sup> {đổ ra ⇔ tưới/hy sinh} (khi Ta chết) cho (lợi ích của) <sup>GTK669</sup> nhiều người. 25 <sup>GTK670</sup> {A-men/Vâng, (điều đó là thật,) (và) Ta bảo các con rằng ⇔ Quả thật Ta bảo các con, ⇔ Ta quả quyết với các con rằng} Ta sẽ không bao giờ uống {(nước/bát cứ gì lấy ra) từ <sup>671</sup> trái nho ⇔ rượu nho} <sup>672</sup> [nữa] cho đến ngày/giờ khi Ta (sẽ) uống <sup>GTK673</sup> {một

tùy thuộc vào ngữ cảnh. Trong những trường hợp đó, tốt hơn nên chuyển ngữ mệnh đề này như “(bánh) này là thân thể Ta” để người ta sẽ có tự do chọn lựa một trong hai cách chuyển ngữ.

<sup>663</sup> 14:22 Phải chắc chắn “**thân thể**” không có nghĩa là “xác chết” ở đây.

<sup>664</sup> 14:24 Hãy nhất quán ở đây với cách bạn chuyển ngữ từ “là” trong câu 22.

<sup>665</sup> 14:24 Cần nên nói rõ ràng là huyết của Chúa Giê-su **làm cho** giao ước của Đức Chúa Trời với nhân loại có hiệu lực.

<sup>666</sup> 14:24 Một **giao ước** giống như một thỏa hiệp hòa bình, tự nó có tính chất nghiêm trọng, nó bao gồm những điều kiện, những hứa nguyện. Giao ước của Đức Chúa Trời với nhân loại là một thỏa ước **đơn phương** trong đó Ngài là Đấng đặt ra những điều kiện và những lời hứa của giao ước; con người **không** dự phần trong việc đặt ra những điều đó. Đức Chúa Trời thiết lập giao ước để giúp ích cho nhân loại. Vi phạm hay từ khước những điều kiện sẽ dẫn đến hậu quả trầm trọng. Có một số người chuyển ngữ từ này như “**sự bắt buộc trong lời hứa**”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vì Y-sơ-ra-ên phá bỏ giao ước mà Ngài đã lập với họ, họ mong đợi Đức Chúa Trời lập một giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31–34, Ê-xê-chi-ên 37:26). Giao ước cũ được thiết lập bằng huyết của những con sinh tể (Xuất Ê-díp-tô Ký 24:1–8) và đòi hỏi phải thường xuyên dâng sinh tể (Lê-vi Ký 1–7). Giao ước mới được thiết lập trong huyết của Chúa Giê-su. Do đó không cần một tế lễ nào khác (Rô-ma 6:10, Hê-bơ-rơ 7:27, 9:12, 10:1–10; 1 Phê-rơ 3:18). Trong ngày Lễ Vượt Qua mỗi gia đình sẽ dâng một con sinh tể để nhắc cho họ thế nào Đức Chúa Trời đã cứu họ thoát khỏi ách nô lệ của người Ê-díp-tô (Ai-cập). Chúa Giê-su thay thế Lễ Vượt Qua bằng sự chết của Ngài để cứu chúng ta thoát khỏi ách **nô lệ** của tội lỗi.

<sup>667</sup> 14:24 Thứ tự của các nhóm từ trong tiếng Hy-lạp là: “Đây là huyết Ta, huyết của giao ước [mới] được đổ ra cho nhiều người.” Một vài bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có từ “**mới**” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG.) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>668</sup> 14:24 Trong ngữ cảnh này, “**đổ ra**” hay “tưới” là một thành ngữ có nghĩa là “**dâng**”. **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như huyết của Chúa Giê-su sẽ được đổ ra từ một cái ly hay từ một cái gì khác.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ê-sai 53:12 diễn tả sự chết của Chúa Cứu Thế và mục đích trong sự chết của Ngài bằng một cách tương tự.

<sup>669</sup> 14:24 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**nhiều/tất cả**” trong Mác 10:45, và xem lời chú thích quan trọng về điều này ở đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ từ “nhiều” được dùng ở đây như một thành ngữ và có nghĩa là “tất cả”.

<sup>670</sup> 14:25 Hãy xem cách chuyển ngữ từ “**A-men**” trong Mác 3:28.

<sup>671</sup> 14:25 Thành ngữ “**trái nho**” chỉ về rượu nho. Có lẽ cần nói “(rượu **nho/vang**) để phân biệt giữa trái nho và rượu vang/nho cất ra từ trái nho. Nếu bản văn **không chuyển ngữ** theo nghĩa đen, có thể để nguyên văn trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>672</sup> 14:25 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**nữa**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

(loại rượu nho) mới ⇔ nó theo một (cách) mới ⇔ nó với một (ý nghĩa) mới<sup>674</sup> {trong Nước của Đức Chúa Trời ⇔ khi Đức Chúa Trời cai trị (các con và tất cả dân sự của Ngài) (trên thiên đàng)}.” 26 Rồi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} hát<sup>675</sup> (những bài hát của ngày Lễ Vượt Qua ⇔ những bài Thi Thiên/thánh ca ⇔ ngợi khen Đức Chúa Trời) (và) đi ra (khỏi thành Giê-ru-sa-lem) để đến<sup>676</sup> Núi/đồi gọi là Ô-liu (ở gần đó).

14:27–31 (Chúa) Giê-su Nói Trước/Nói  
<sup>NTT</sup> Rằng Phê-rơ Sẽ <sup>NTT</sup> Chối Rằng Ông Không Biết Ngài

*Ma-thi-ơ 26:31–35; Lu-ca 22:31–34; Giăng 13:36–38*

27 <sup>GTK677</sup> Rồi (Chúa) Giê-su nói với<sup>678</sup> {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: “Tất cả các con <sup>GTK679</sup> {sẽ bị làm cho vấp ngã ⇔ sẽ bỏ Ta ⇔ sẽ phạm tội (vì việc xảy đến cho Ta) ⇔ sẽ chối bỏ đức tin của các con (nơi Ta)},<sup>680</sup> vì {đã được chép (trong Lời của Đức Chúa Trời) ⇔ (Đức

<sup>673</sup> 14:25 Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “mới” bỏ nghĩa cho từ “rượu nho/vang” và có nghĩa là “một loại rượu nho/vang mới”. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ từ “mới” bỏ nghĩa cho từ “uống” và có nghĩa là “uống nó theo một (cách) mới” hay “uống nó trong một (ý nghĩa) mới”. Cách giải thích thứ hai có lẽ phù hợp với ngữ cảnh nhất.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi Chúa Giê-su ăn bữa ăn này với các môn đệ, rượu vang/nho tượng trưng cho sự chết của Ngài. Khi Chúa uống rượu nho/vang với tất cả các môn đệ trên thiên đàng, nó tượng trưng cho sự vui mừng.

<sup>674</sup> 14:25 Mặc dù Đức Chúa Trời đang trị vì nhân loại, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “ngày/giờ đó” (trong câu 25; xem lời chú thích về “ngày đó” trong Mác 13:32) cho thấy rằng ở đây Chúa Giê-su đang nói về việc Đức Chúa Trời cai trị trên thiên đàng sau khi Ngài/Chúa Giê-su trở lại.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái diễn tả về thiên đàng như một bữa tiệc lớn (có nhiều rượu nho) có tất cả con cái của Đức Chúa Trời tham dự, kể cả Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cóp (Ma-thi-ơ 8:11). Lần tới khi Chúa Giê-su sẽ uống rượu nho/vang ở tại bữa tiệc lớn đó.

<sup>675</sup> 14:26 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thường thường Thi Thiên 115–118 được hát sau bữa ăn Lễ Vượt Qua. Thi Thiên 113–114 được hát khi bắt đầu bữa ăn.

<sup>676</sup> 14:26 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ các từ “núi/đồi Ô-liu” trong sách Mác. Xem Mác 11:1, 13:3, 14:26 và xem lời chú thích ở đó. Hãy thống nhất việc gọi nó là núi hay đồi. Cũng hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “đôi” trong Mác 3:13 và “núi” trong Mác 6:46, 9:2 và tiểu đề.

<sup>677</sup> 14:27 Một số bản dịch bắt đầu tiểu đoạn này ở câu 26 thay vì câu 27.

<sup>678</sup> 14:27 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong Giăng 13:31–38 chúng ta biết rằng lúc này Giu-đa đã rời khỏi đó, và hiện Chúa Giê-su đang nói với mười một môn đệ ở đây.

<sup>679</sup> 14:27 Thành ngữ trong bản Hy-lạp “bị làm cho vấp ngã” có thể có nhiều ý nghĩa khác nhau. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng trong ngữ cảnh này nó có nghĩa là “bỏ đức tin của các con (trong Ta)”. Tuy nhiên, có lẽ Chúa Giê-su đang nói về sự yếu đuối nhất thời trong đức tin, không phải vĩnh viễn mất đức tin (xem Mác 16:7). Nhiều học giả Kinh Thánh khác nghĩ nó có nghĩa “bỏ Ta” hay “phạm tội (vì những gì xảy ra cho Ta)”, và câu 27 giải thích điều Chúa Giê-su muốn nói (cũng hãy xem câu 50). Cùng một thành ngữ này được dùng trong Mác 9:42, 43, 45, 47 và tiểu đề. Nếu bản văn không chuyển ngữ theo từng từ một nên để nguyên văn vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>680</sup> 14:27 Bạn có thể bắt đầu một câu mới ở đây và nói: “(Ta nói/biết điều đó) vì...”

Chúa Trời đã nói/nói trước về Ta và các con từ xưa) Ngài nói}: <sup>NGT681</sup> Ta sẽ <sup>682</sup> đánh/giết <sup>683</sup> Người Chăn/Lãnh Đạo {và ⇔ kết quả} {chiên ⇔ các môn đệ (của Ngài)} sẽ <sup>GTK684</sup> {bị tản lạc ⇔ chạy khắp nơi}.” (Xa-cha-ri 13:7) **28** <sup>685</sup> (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói:) “Nhưng sau đó (Ta chết và) <sup>GTK686</sup> {Ta sống lại (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ Ta sống lại} (từ kẻ chết), Ta sẽ đi đến (tỉnh) Ga-li-lê <sup>GTK687</sup> trước các con (và gặp các con ở đó).”

**29** Rồi/Nhưng Phê-rô nói/trả lời/hứa với Ngài/Chúa Giê-su: <sup>688</sup> “Cho dù mọi người (khác) <sup>GTK689</sup> {bị vấp ngã ⇔ bỏ (Ngài) ⇔ phạm tội vì (những gì xảy đến cho ngài) ⇔ từ bỏ đức tin của họ (trong Ngài)}, <nhưng> con <sup>690</sup> sẽ không” **30** <Và> (Chúa) Giê-su trả lời <ông ấy/Phê-rô>: “<sup>GTK691</sup> {A-men/Vâng, <sup>692</sup> (điều đó rất tốt,) (nhưng) Ta bảo con, ⇔ Quả thật Ta bảo con, ⇔ Ta quả quyết với con rằng} <sup>693</sup> hôm nay, ngay đêm nay, trước khi gà gáy <sup>694</sup> [hai lần], con <chính con> sẽ <sup>NTT</sup> {chối (rằng con không biết) Ta ba lần ⇔ nói ba lần con không biết Ta}.”

**31** Nhưng ông ấy/Phê-rô nói/quả quyết <sup>695</sup> [(hơn) nữa] một cách mạnh mẽ (với Chúa Giê-su): “(Không cần biết điều gì xảy ra cho con,) ngay cả nếu con phải {chết ⇔ bị giết/xử tử} với

<sup>681</sup> **14:27 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong lời tiên tri này “Ta” chỉ về Đức Chúa Trời, “Người Chăn” chỉ về Chúa Giê-su và “chiên” chỉ về các môn đệ của Ngài.

<sup>682</sup> **14:27** Trong ngữ cảnh này, “**đánh**” được dùng như một thành ngữ có nghĩa là “**giết**”. Nó không có nghĩa là “đánh” ở đây. Nếu bản văn **không chuyển ngữ** theo từng từ một, nên để nguyên văn vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>683</sup> **14:27** Bạn có thể nói: “Ta sẽ đánh/giết **đáng** {chăm sóc ⇔ hướng dẫn} chiên/dân sự (của Ta), {và ⇔ với kết quả là} **chúng** sẽ <sup>GTK</sup> {bị tản lạc ⇔ chạy trốn}.”

<sup>684</sup> **14:27** Dạng của động từ dùng trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn là một ý nghĩa. Nó có thể có nghĩa “**bị tản lạc**” (thụ động) hay “**tản lạc**” (chủ động). Cả hai đều phù hợp với ngữ cảnh.

<sup>685</sup> **14:28** Cần nên làm cho rõ ràng là đến đây Chúa Giê-su **nói xong** điều Ngài trích dẫn trong Cựu Ước. Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “Nhưng,” (Chúa Giê-su nói/tiếp tục,...”

<sup>686</sup> **14:28** Hãy xem lời chú thích về từ “**sống lại**” trong Mác 6:14. Hầu hết các bản dịch có từ “sống lại” ở đây.

<sup>687</sup> **14:28** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**đi trước các con**” có nghĩa “đi trước khi các con đi”. Tuy nhiên, có một vài người nghĩ nó có nghĩa “**hướng dẫn các con**”.

<sup>688</sup> **14:29** Bạn có thể nói: “Mọi người khác **có thể**..., **nhưng** con sẽ không!”

<sup>689</sup> **14:29** Hãy nhất quán ở đây với cách bạn chuyển ngữ “**bị tản lạc**” trong câu 27.

<sup>690</sup> **14:29** Đối với một số ngôn ngữ, ở đây cần nói trọn ý của câu. Thí dụ: “Con sẽ không <sup>GTK</sup> (bị vấp ngã ⇔ bỏ Thầy ⇔ phạm tội vì những gì xảy ra cho Thầy ⇔ từ bỏ đức tin của con nơi Thầy)!”

<sup>691</sup> **14:30** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**A-men Ta bảo con**” trong sách Mác. Hãy xem Mác 3:28; 8:12; 9:1, 41; 10:15, 29; 11:23; 12:43; 13:30; 14:9, 18, 25, 30; 16:[[8]], [20], và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 3:28.

<sup>692</sup> **14:30** Bạn có thể nói: “A-men/Vâng, (Ta mong điều đó <sup>TVST</sup> là thật,) (nhưng)...”

<sup>693</sup> **14:30** Khi Chúa Giê-su nói những điều này thì trời đã **tối** rồi.

<sup>694</sup> **14:30** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có từ “**hai lần/lượt**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác **không có**. Đa số Bản thảo Hy-lạp chính (và BDY) nói trong câu 72 rằng gà gáy lần thứ hai.

<sup>695</sup> **14:31** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BCG) có từ “**hơn nữa/ràng**” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

Thầy, con sẽ <sup>696</sup>chẳng bao giờ <sup>697</sup><sup>NTT</sup>{chối (con biết) Thầy ⇔ nói cho bất cứ người nào rằng con không biết Thầy}!” Rồi/<Và> {tất cả ⇔ những người còn lại} (của các môn đệ Ngài) cũng nói/hứa <sup>NTT</sup>như (thế ⇔ điều mà Phê-rô nói/hứa).

14:32–42 (Chúa) Giê-su Cầu Nguyện {Trong Vườn Ghết-sê-ma-nê ⇔  
<sup>NTT</sup>Rằng Cha Của Ngài Sẽ Cứu Ngài Khỏi Sự Đau Đớn Và Chết ⇔  
<sup>NTT</sup>Rằng Ý Đức Chúa Trời Sẽ Được Ứng Nghiệm}

*Ma-thi-ơ 26:36–46; Lu-ca 22:39–46*

32 Rồi <sup>698</sup>{họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} đi đến một chỗ/vườn {có tên ⇔ gọi là} <sup>699</sup>Ghết-sê-ma-nê và (tại đó) Ngài/(Chúa) Giê-su bảo <sup>700</sup>(một số/hầu hết) {các môn đệ (của Ngài) ⇔ họ}: <sup>701</sup>“Hãy ngồi/ở đây {cho đến khi Ta cầu nguyện (xong) ⇔ trong khi Ta (đi) cầu nguyện}.” 33 Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>702</sup>đem Phê-rô, <và> Gia-cơ và Giăng với Ngài (vào xa trong vườn) và {bắt đầu cảm thấy ⇔ trở nên} rất buồn phiền/sâu não <sup>703</sup>(về việc sắp xảy ra cho Ngài). 34 Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su nói với {họ ⇔ Phê-rô, Gia-cơ và Giăng}: “{<sup>704</sup>Linh hồn/lòng Ta thì ⇔ Ta thì} {thật buồn bã đến chết ⇔ rất sâu não Ta cảm thấy như Ta sắp chết}. Hãy ở đây và <sup>705</sup>{canh ⇔ tỉnh thức/đề phòng} (để các con khỏi phạm tội).”

<sup>696</sup> 14:31 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần nên nói: “Con sẽ **luôn luôn** nói với mọi người <sup>NTT</sup> rằng con biết Thầy!”

<sup>697</sup> 14:31 Đối với một số ngôn ngữ, người ta có thể quan niệm rằng nếu Phê-rô chối là không biết Chúa Giê-su thì sẽ tốt hơn cho Phê-rô, vì ông sẽ khỏi bị rắc rối. Nếu trong ngôn ngữ bạn có cùng quan niệm như thế, bạn có thể nói: “Con sẽ chẳng bao giờ làm (một **việc khủng khiếp** như thế), ngay cả đến việc con phải chết với Thầy!”

<sup>698</sup> 14:32 Cần nên làm cho rõ ràng rằng “**họ**” gồm cả **Chúa Giê-su** ở đây, **không** phải chỉ các môn đệ.

<sup>699</sup> 14:32 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: “Ghết-sê-ma-nê” có nghĩa là “ép dầu (ô-liu)”. Vườn Ghết-sê-ma-nê nằm bên cạnh núi/đồi Ô-liu, và có lẽ là một vườn cây/Ô-liu. Chúa Giê-su và các môn đệ thường họp nhau tại đó (Lu-ca 22:39, Giăng 18:2).

<sup>700</sup> 14:32 Trong câu 33 Chúa Giê-su đem ba môn đệ vào **sâu** trong vườn.

<sup>701</sup> 14:32 Đối với một số ngôn ngữ, có thể nên bắt đầu câu nói của Chúa Giê-su bằng cách nói, chẳng hạn như “**Này các con... hãy...**”

<sup>702</sup> 14:33 **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như là Chúa Giê-su dẫn Phê-rô, Gia-cơ, như dẫn các em bé. Bạn có thể nói: “Rồi Ngài/Chúa Giê-su <sup>NTT</sup> **bảo** Phê-rô, <và> Gia-cơ và Giăng **cùng đi với** Ngài...”

<sup>703</sup> 14:33 Để tránh việc hiểu sai, đối với một số ngôn ngữ cần nói rõ Chúa Giê-su buồn phiền và sâu não về **điều gì**. **Chỉ** làm cho những tin tức như thế này được sáng tỏ trong một bản dịch khi nào thấy cần.

<sup>704</sup> 14:34 Trong ngữ cảnh này “**linh hồn**” là một thành ngữ nói về trung tâm của những sự suy nghĩ và cảm xúc, **không phải** là thân linh/linh hồn, phần mà nó mãi mãi tồn tại sau khi một người đã chết.

<sup>705</sup> 14:34 Chúa Giê-su muốn các môn đệ **tỉnh thức** để họ khỏi phạm tội (câu 38). **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su muốn họ quan sát Ngài cầu nguyện hay canh chừng kẻ thù của Ngài.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Lời phán hầy thức tỉnh của Chúa Giê-su nhắc chúng ta nhớ đến cùng một lời phán trong Mác 13:33, 35, 37. Cũng hãy xem trong 1 Cô-rinh-tô 16:13, Cô-lô-se 4:2, 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:6 và 1 Phê-rô 5:8.

**35** Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su đi xa hơn chút nữa (vào trong vườn) (và) <sup>706</sup>{roi mình xuống đất ⇔ nằm mọp/sát xuống đất ⇔ tự liệng mình xuống đất} (trong đau buồn) và {cầu nguyện ⇔ xin Đức Chúa Trời} <sup>NTT</sup>rằng {nếu <sup>707</sup>có thể (trong chương trình của Đức Chúa Trời) ⇔ nếu Ngài/Đức Chúa Trời đồng ý}, {giờ phút (đau đớn) này sẽ qua đi ⇔ Ngài sẽ không phải đi qua cái giờ phút (đau đớn) đã chuẩn bị sẵn trước}. **36** <Và> Ngài nói/cầu nguyện: “<sup>708</sup>A-ba/Cha, Cha (của con), {mọi sự Cha có thể làm được ⇔ chẳng có sự gì khó đối với Cha}. (Xin Cha) {cất <sup>709</sup>chén (của sự đau đớn/trùng phạt) này khỏi Con ⇔ đừng để Con phải <sup>710</sup>trải qua sự đau đớn/trùng phạt}. Nhưng/tuy nhiên <sup>711</sup>(nếu Cha không thuận ý ⇔ nếu Cha muốn con phải đi qua), (xin) không (làm) điều con muốn, nhưng làm điều Cha muốn.”

**37** {Rồi ⇔ Sau đó} Ngài/(Chúa) Giê-su trở (lại) <sup>GTK712</sup>(với các môn đệ của Ngài ⇔ với ba môn đệ) và thấy {họ ⇔ rằng họ thật là} buồn ngủ! Do đó (sau khi Ngài đánh thức họ dậy,) Ngài {hỏi ⇔ nói với} (Si-môn) Phê-rơ: “<sup>713</sup>Si-môn, <sup>CH</sup>{(tại sao) con ngủ? ⇔ con không nên ngủ <sup>CH</sup>{(Tại sao) con không thể ⇔ Ta ngạc nhiên/thất vọng rằng con không thể} <sup>714</sup>{tỉnh thức

<sup>706</sup> **14:35** Hãy chuyển ngữ nhóm từ “roi mình xuống đất” thế nào để cho thấy rõ rằng Chúa Giê-su cố ý nằm sát xuống đất, để cầu nguyện. Ngài **không** té xuống đất một cách vô tình.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thông thường người Do Thái đứng (hai tay giơ lên trời) khi họ cầu nguyện (như trong Mác 11:25). Việc Chúa Giê-su nằm sát xuống đất cho thấy Ngài rất đau buồn.

<sup>707</sup> **14:35** Chúa Giê-su **không** hỏi Đức Chúa Trời nếu Ngài có khả năng cất sự đau đớn của Chúa Giê-su đi hay không. Chúa Giê-su xin Đức Chúa Trời thay đổi chương trình của Ngài để Chúa Giê-su sẽ không phải đi qua sự đau đớn này.

<sup>708</sup> **14:36** “A-ba” là tiếng Do Thái cổ, có nghĩa là “Cha/Ba”. Nó phản ánh mối liên hệ mật thiết của Chúa Giê-su với Cha của Ngài.

<sup>709</sup> **14:36** “chén” và “uống từ chén” là thành ngữ nói về kinh nghiệm của những việc khác nhau, một số thì tốt (như trong Thi Thiên 16:5, 23:5, 116:13), và một số thì xấu, đặc biệt như sự **trùng phạt** của Đức Chúa Trời (Thi Thiên 11:6, 75:8; Ê-sai 51:17–23, Giê-rê-mi 25:15–38, Ê-xê-chi-ên 23:31–35). Ở đây Chúa Giê-su nói về sự **đau đớn** Ngài gánh chịu khi Đức Chúa Trời trừng phạt Ngài bởi tội lỗi của nhân loại. Bạn có thể giải thích điều đó trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Phải chắc chắn rằng đây **không** nói đến một cái chén thật (mà nó dính trên thân thể Chúa Giê-su) hay nói đến rượu. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “chén” trong Mác 10:38–39.

<sup>710</sup> **14:36** Bạn có thể chuyển ngữ “trải qua” giống như “kinh nghiệm”.

<sup>711</sup> **14:36** **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su mâu thuẫn với Ngài, có nghĩa là, Ngài **không** bảo Cha của Ngài làm ngược lại điều Ngài vừa yêu cầu Đức Chúa Trời làm cho Ngài. Để tránh hiểu sai ý ở đây, có lẽ cần thêm các từ “(nếu Cha không bằng lòng)”.

<sup>712</sup> **14:37** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su **trở lại** với **ba** môn đệ ở đây (Phê-rơ, Gia-cơ, Giăng). Tuy nhiên, số môn đệ còn lại có lẽ cũng ở gần đó (câu 50), và theo Lu-ca 22:39–46 họ cũng đang ngủ và nghe điều Chúa Giê-su nói kể đó (cũng hãy xem Ma-thi-ơ 26:40 ở đó nói Chúa Giê-su trở lại với các môn đệ của Ngài).

<sup>713</sup> **14:37** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đây là lần duy nhất kể từ Mác 3:16 tên Si-môn được Chúa Giê-su gọi thay vì Phê-rơ. Có lẽ Chúa Giê-su dùng như thế để bày tỏ rằng Ngài thất vọng với Phê-rơ.

<sup>714</sup> **14:37** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “{**thức canh ⇔ tỉnh thức**}” trong câu 34.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các môn đệ của Chúa Giê-su không làm theo những gì Ngài dạy họ trong Mác 13:33–37 về việc tỉnh thức.

⇔ thức canh/đề phòng} dù (chỉ) {một giờ ⇔ một lúc ngắn}?/!” **38**<sup>715</sup> (Rồi Chúa Giê-su/Ngài nói với <sup>GTK716</sup>tất cả: “{Hãy tỉnh thức và <sup>NTT</sup>{câu nguyện <sup>GTK717</sup>để các con không/sẽ không ⇔ cầu xin Đức Chúa Trời không để các con} {sa vào/roi vào <sup>GTK718</sup>sự cám dỗ/thử thách ⇔ bị phạm tội ⇔ phạm tội khi các con bị <sup>GTK</sup>cám dỗ/thử thách}. <sup>719</sup>{Tinh thần/lòng (của các con) thì sẵn sàng/náo nức ⇔ Người ta/Các con muốn} <sup>GTK720</sup>(chống cự sự cám dỗ/thử thách ⇔ tỉnh thức), nhưng <sup>GTK721</sup>{xác thịt/thân thể (của các con) thì yếu đuối ⇔ bản chất tội lỗi của họ/các con rất dễ bị phạm tội ⇔ họ/các con không thể làm được}.”

**39** Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su lại đi khỏi <sup>GTK</sup>(họ ⇔ các môn đệ của Ngài ⇔ ba môn đệ của Ngài) (một khoảng) ngắn (và) cầu nguyện (với Đức Chúa Trời) <sup>NTT</sup>cùng một <sup>722</sup>lời yêu cầu/điều (Ngài) đã nói/cầu nguyện (như trước). **40** <Và> khi Ngài trở (lại) <sup>GTK723</sup>(với họ ⇔ các môn đệ của Ngài ⇔ với ba môn đệ của Ngài), (một lần) nữa Ngài thấy họ buồn ngủ, vì {mắt của họ lờ đờ ⇔ họ mệt đến độ không thể thức nổi ⇔ họ quá mệt}. <Và> (khi Ngài đánh thức họ dậy,) họ (cảm thấy xấu hổ và) chẳng biết {trả lời ⇔ nói với} Ngài như thế nào.

**41** <Và> lần thứ ba Ngài/(Chúa) Giê-su (đi và <sup>724</sup>câu nguyện, Ngài) trở (lại) (và lần nữa Ngài thấy họ đang ngủ, do đó) Ngài {hỏi ⇔ nói với} họ: “<sup>GTK,CH725</sup>{Các con (vẫn) ⇔ Tiếp tục

<sup>715</sup> **14:38** Cần nói rõ ràng rằng lúc này Chúa Giê-su đang nói với ít nhất là ba môn đệ (và có thể là mười một). Bạn có thể bắt đầu câu 38 bằng cách nói: “(Tất cả) các con phải tỉnh thức...”

<sup>716</sup> **14:38** Bạn có thể nói “...với ba môn đệ (của Ngài)” hay “...với các môn đệ (của Ngài) hay “...với tất cả môn đệ (của Ngài)”. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ trong câu 37, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>717</sup> **14:38** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn một nghĩa. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “ràng” và nói về những gì nên cầu nguyện. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó có nghĩa “để” và nói đến mục đích của sự cầu nguyện.

<sup>718</sup> **14:38** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “cám dỗ/thử thách” trong Mác 1:13.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sự cám dỗ rõ ràng mà các môn đệ phải đối diện sẽ là chối Chúa Giê-su (xem các câu 27–31).

<sup>719</sup> **14:38** Bạn có thể nói phần còn lại của câu 38 thành một lời nói tổng quát áp dụng cho mọi người. Hay có thể tốt nhất là nói về “các con” là các môn đệ một cách rõ ràng, vì Chúa Giê-su muốn các môn đệ áp dụng những gì Ngài nói cho chính cá nhân họ.

<sup>720</sup> **14:38** Trong bản Hy-lạp không nói tinh thần sẵn sàng làm điều gì. Nó có thể có nghĩa sẵn sàng (chống cám dỗ/phạm tội), vì đó là điều Chúa Giê-su đã nói trong mệnh đề trước. Tuy nhiên, nó có thể có nghĩa “sẵn sàng (thức canh)”, vì đó là việc Chúa Giê-su bảo họ làm trước tiên. Bạn có thể chuyển ngữ tổng quát hơn và nói: “Các con có ý tốt, nhưng các con cũng chỉ là con người.” Hay bạn có thể nói: “Mặc dù các con muốn làm điều tốt/đúng, các con không có sức mạnh/khả năng.”

<sup>721</sup> **14:38** Hãy nhất quán ở đây với việc bạn chọn trước đó trong câu 38 để nói về con người một cách tổng quát hay đặc biệt nói về các môn đệ của Chúa Giê-su.

<sup>722</sup> **14:39** Cần nên nói cho rõ ràng là “cùng một yêu cầu” được nhắc lại trong câu 36, không phải các câu 37–38.

<sup>723</sup> **14:40** Hãy coi lại ai là người được nói đến trong các câu 37–40. Xem lời chú thích về điều này trong câu 37.

<sup>724</sup> **14:41** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “câu nguyện” trong sách Mác. Xem Mác 1:35, (38); (2:18), 6:(41), 46; (7:34), 9:29, 11:(15), 17, 24–25; 12:40, 13:18, [33]; 14:32, 35, (36), 38–39, 41 và tiểu đề.

<sup>725</sup> **14:41** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ đây là một câu hỏi trong bản Hy-lạp và có nghĩa là: “Các con vẫn còn đang ngủ...?” Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó là một mệnh lệnh có tính cách mỉa mai, có nghĩa là:

⇔ Các con không nên (thật là thất vọng thấy rằng) các con vẫn còn} ngủ và nghỉ ngơi?/!  
 GTK726 (Ngủ) đủ rồi! 727 {Giờ đã đến! ⇔ Bây giờ là thì giờ!} Kia, {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta)  
 Đấng trở thành người} {thì (sắp) ⇔ bây giờ sẽ} bị {phản nộ ⇔ giao/nap vào} tay/sự kiểm  
 soát của 728 {những kẻ có tội ⇔ những kẻ thù của Đức Chúa Trời/Ta} GTK729 (bởi một người).  
 42 730 Hãy dậy, chúng ta hãy đi 731 (gặp họ). Này/Kìa! {Kẻ phản Ta đang đến đây (bây giờ)! ⇔  
 Đây rồi kẻ/người sẽ trao Ta (cho họ)!}”

14:43–52 **Giu-đa {Phản (Chúa) Giê-su ⇔  
 Trao (Chúa) Giê-su Cho} Các Nhà Lãnh Đạo Của Người Do Thái**

*Ma-thi-ơ 26:47–56; Lu-ca 22:47–53; Giăng 18:3–12*

43 <Và> ngay sau đó/thình lình, trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su còn đang nói, Giu-đa,  
 732 (dù ông là) một trong 733 mười hai (môn đệ), 734 đến {và (cùng đi) với ông ⇔ với} một

“Cứ tiếp tục ngủ...!” Nếu nó được dùng như một câu hỏi, nó có thể là một câu hỏi tu từ bày tỏ **sự thất vọng** của Chúa Giê-su. Nếu một câu hỏi tu từ ở đây không cho thấy được sự thất vọng trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói: “Các con không nên cứ ngủ và nghỉ!” Hay bạn có thể nói: “Thật là thất vọng khi thấy các con vẫn còn đang ngủ!” Một cách nói gián tiếp cho thấy sự thất vọng có thể là: “Thực khó mà tin rằng các con còn đang ngủ!” Hay bạn có thể dùng một câu nói châm biếm chẳng hạn như: “Các con cứ tiếp tục ngủ đi!”

726 **14:41** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**đủ rồi**” nói việc của các môn đệ **ngủ**. Tuy nhiên, một số khác nghĩ nó có nghĩa là thì giờ của họ có chung với nhau trong vườn này chấm dứt, và một vài người nghĩ nó có nghĩa là Chúa Giê-su cảm thấy Ngài đã la/máng họ đủ về việc ngủ mê.

727 **14:41** Bạn có thể nói: “Hãy nhìn/Kìa, bây giờ là thì giờ của (Ta,) Con Người bị **GTK** {nộp vào...”

728 **14:41** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**kẻ có tội**” trong Mác 2:15–16 và tiểu đề; 14:41, “**đây tội lỗi**” trong Mác 8:38, (10:5), “**lỗi lầm**” trong Mác 11:25–26 và “**tội lỗi**” trong Mác 1:4–5, (13) và tiểu đề; 2:5, 7, 9–10; 3:28–29; [4:12], (7:21), (9:43, 45, 47); (10:11–12, 26, 45); (11:25–26); (13:13), 14:38, 16:[[8]], (16), và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:4. So sánh những câu đó với cách bạn chuyển ngữ từ tương tự “**ăn năn**” (xem Mác 6:12), “**lâm ô uest**” (xem Mác 7:23) và “**vấp ngã**” (xem Mác 14:29).

729 **14:41** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ **Giu-đa** là người được hàm ý ở đây, vì ông ta được nói đến trong câu 42 như “**kẻ phản Ta**” (cũng hãy xem câu 21). Tuy nhiên, một vài người nghĩ “**Đức Chúa Trời**” được hàm ý. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một mệnh đề tương tự trong Mác 9:31 và 10:33, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 9:31.

730 **14:42** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu nói “**đứng dậy, chúng ta hãy đi (gặp họ)**”.

731 **14:42** Chúa Giê-su đi **gặp** kẻ thù của Ngài. Ngài **không** chạy trốn họ.

732 **14:43** Mặc dù nhóm từ “**một trong mười hai (môn đệ)**” ở đây **không** cho thêm thông tin mới, nó nhấn mạnh lần nữa (xem câu 10) tội của Giu-đa **khủng khiếp** như thế nào. Do đó **không** nên bỏ giống như một số bản dịch đã làm.

733 **14:43** Coi lại lần nữa cách bạn chuyển ngữ “**Mười Hai (môn đệ)**” trong sách Mác. Xem Mác 4:10, 6:6 tiểu đề, 6:7, 9:35, 10:32, 11:11 và 14:10, 17, 20, 43. Xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 4:10.

734 **14:43 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Lu-ca 13:30 cho biết Giu-đa đã bỏ đi khỏi Chúa Giê-su và các môn đệ khác tại phòng cao. Giu-đa cũng không có đivới họ khi họ đến Vườn Ghết-sê-ma-nê trong đêm đó.

<sup>735</sup>toán <sup>736</sup>đồng người (đàn ông) (cầm) gươm và gậy. <sup>737</sup>(Họ được) các thượng tế, <và> các chuyên gia Kinh Luật và trưởng lão/lãnh đạo <sup>738</sup>(khác) (của người Do Thái) (sai <sup>NTT</sup>đến) (để bắt Chúa Giê-su). **44** <Và> <sup>739</sup>(trước đó ⇔ trước khi đám đông đến vườn này,) {(Giu-đa,) <sup>740</sup>(kẻ/người sắp) <sup>741</sup>phản Ngài/(Chúa) Giê-su, ⇔ (Giu-đa,) kẻ phản bội ⇔ Giu-đa} {đã cho họ một dấu hiệu ⇔ đã chỉ dẫn/bảo đám đông thế nào để biết ai là người cần phải bắt} {<bằng cách> nói cho (họ) ⇔ ông ấy nói}: <sup>NGT742</sup>“Người mà ta (chào với một) <sup>743</sup>cái hôn (trên má) là người mà (các ông cần bắt). Tóm lấy/Bắt Ngài và đem Ngài đi (vào tù) <sup>744</sup>{một cách an toàn/một cách chắc chắn ⇔ dưới sự bảo vệ chặt chẽ}.” **45** Do đó ngay sau khi (Giu-đa và đám đông ⇔ họ) tới (vườn), ông ấy/Giu-đa tới gần Ngài/(Chúa) Giê-su (và) nói (với Ngài): “Ra-bi/Thầy ơi!” Rồi ông ta <sup>745</sup>{hôn (trên má của) Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ chào Ngài/(Chúa) Giê-su} <sup>746</sup>(giống như hai người bạn thân chào nhau ⇔ ra vẻ như họ là hai người bạn thân). **46**

- 
- <sup>735</sup> **14:43** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn, nếu **nhận diện** đám đông trước và nói: “... một [toán] đồng (đàn ông) (được **sai đến**) bởi các thượng tế, <và> các chuyên gia Kinh Luật và các trưởng lão/lãnh đạo (khác) (của người Do Thái). (**Họ** có) gươm và gậy (và sẵn sàng tấn công).”
- <sup>736</sup> **14:43** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có từ “**đồng**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDY) **không có**.
- <sup>737</sup> **14:43** Mặc dù câu 43 là một **câu dài** trong bản Hy-lạp, có lẽ **rõ ràng** hơn nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây. **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như có ba nhóm người trong đám đông hay giống như gươm và gậy thuộc về các nhà lãnh đạo của người Do Thái.
- <sup>738</sup> **14:43** Hãy xem lời chú thích về “**các trưởng lão**” trong Mác 8:31.
- <sup>739</sup> **14:44** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu đổi cách **cấu tạo** của câu 44 và nói: “(Giu-đa) kẻ phản Chúa đã bảo những người đến bắt Chúa Giê-su <sup>NTT</sup> rằng người mà ông ấy hôn/chào ấy là Chúa Giê-su.”
- <sup>740</sup> **14:44** Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ cần phải dời nhóm từ “(người sắp) **phản Ngài/Chúa Giê-su**” sang câu 43 nơi Giu-đa được giới thiệu. Bạn có thể nói “(người sắp) giao Chúa Giê-su cho các kẻ thù của Ngài”.
- <sup>741</sup> **14:44** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**phản**” trong sách Mác. Xem Mác 3:19, <sup>GTK</sup>9:31, 10:33, 14:10–11 và tiểu đề, 18, (20), 21 và tiểu đề, <sup>GTK</sup>41, 42, 44 và tiểu đề.
- <sup>742</sup> **14:44** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn để dùng một **đổi thoại gián tiếp** ở đây và nói: “... bằng cách bảo họ rằng người mà ông ấy sẽ (chào với một cái) hôn là người họ nên bắt và...”
- <sup>743</sup> **14:44** Nếu trong tập quán của bạn, một người đàn ông **hôn** một người đàn ông khác là một việc sai hay xấu, bạn có thể nói một cách tổng quát, chẳng hạn như: “... người mà tôi (**chào**) là người (các ông tìm bắt).”
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đó là phong tục của người Do Thái, những người bạn thân chào nhau bằng một cái hôn trên má. Người Do Thái coi sự trung thành của những người bạn với nhau là việc rất quan trọng. Những người Do Thái khi đọc hay nghe sách này đối với họ sẽ là việc khủng khiếp để nghe rằng Giu-đa hành động như một người bạn thân của Chúa Giê-su (ở đây và trong câu 20) và sau đó giao Ngài cho kẻ thù của Ngài.
- <sup>744</sup> **14:44** Ở đây Giu-đa **không** nghĩ đến việc an toàn của Chúa Giê-su. Ông không muốn có một khó khăn nào trong khi họ bắt Chúa Giê-su.
- <sup>745</sup> **14:45** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**hôn**” trong câu 44.
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo phong tục của người Do Thái, việc một môn đệ chào thầy của mình trước như Giu-đa đã làm được coi là việc không có sự kính trọng. Cần cho thấy rằng Giu-đa cảm thấy mình bình đẳng với Chúa Giê-su (hay quan trọng hơn).
- <sup>746</sup> **14:45** Nếu bạn đã có một **LỜI CHÚ THÍCH** về việc hôn trong câu 44, có thể bạn **không** cần phải làm cho **thông tin hàm ý** này rõ ràng ở đây.



Rồi {họ ⇔ một vài người trong đám đông} {đặt tay của họ trên ⇔ tóm lấy} Ngài/(Chúa) Giê-su và bắt Ngài. 47 {Nhưng ⇔ Ngay lúc đó,} một trong <sup>747</sup>{những người đó ⇔ các môn đệ của (Chúa) Giê-su} đang đứng tại đó lấy/rút <sup>748</sup>gươm (của ông ấy) ra, <sup>749</sup>chém/tấn công (một trong) <sup>750</sup>các dây tó của <sup>751</sup>trưởng tế và cắt đứt tai <sup>752</sup>((phải)) của người ấy. 48 Rồi (Chúa) Giê-su <phản ứng> {hỏi ⇔ nói với} {họ ⇔ đám đông}: “<sup>CH753</sup>{(Tại sao) các người ⇔ Có phải các người cần ⇔ Các người không cần} đến để bắt Ta (bằng những trang bị) với gươm và gậy như (các người đến) để/bắt một kẻ (nguy hiểm) <sup>GTK754</sup>trộm cướp/có tội/nhà cách mạng?/. 49 <sup>755</sup>Hằng ngày Ta ở với các người trong (khuôn viên) <sup>756</sup>đền thờ (và) dạy dỗ (dân chúng) (về Đức Chúa Trời ⇔ sứ điệp của Đức Chúa Trời),/. {nhưng các người không bắt Ta. ⇔ <sup>CH</sup>Tại sao các người không bắt Ta trong những lúc đó?} Nhưng <sup>GTK757</sup>{(việc này xảy ra) để (những gì đã được nói trong) <sup>758</sup>lời Kinh Thánh (về Ta) sẽ ⇔ để Lời Đức Chúa Trời nói (về Ta)} {được ứng nghiệm ⇔ thành sự thật ⇔ xảy ra}.”

50 Rồi tất cả (các môn đệ của Ngài) <sup>759</sup>bỏ Ngài/(Chúa) Giê-su (và) {đi trốn ⇔ chạy khỏi nơi đó} (để họ sẽ khỏi bị bắt/liên lụy). 51 {<Và> ⇔ Thực ra,} có một <sup>760</sup>người trai trẻ (ở đó)

<sup>747</sup> 14:47 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Giăng 18:10, sứ đồ Phê-rô là người rút gươm chém đứt tai dây tó của trưởng tế. Theo Lu-ca 22:38, hai môn đệ của Chúa Giê-su có mang theo gươm.

<sup>748</sup> 14:47 Từ được dùng trong bản Hy-lạp cho biết đây là một loại **gươm ngắn** hay dao lớn. Trong tiếng Hy-lạp có một từ ngữ khác để chỉ về gươm dài.

<sup>749</sup> 14:47 Bạn có thể nói: “...và cắt đứt tai ((phải)) của một trong các người dây tó của trưởng tế.”

<sup>750</sup> 14:47 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ (“**đây tó**”) trong Mác. Xem Mác (1:7), 10:44, 12:(1), 2, (3), 4, (5); 13:34, 14:47, và xem lời chú thích về điều này trong Mác 10:44. So sánh điều đó với cách bạn chuyển ngữ “**đây tó gái**” trong 14:66, 69.

<sup>751</sup> 14:47 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**vi trưởng tế**” trong Mác 2:26, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>752</sup> 14:47 Nếu bạn cần phải nói rõ tai nào bị chém đứt, theo Lu-ca 22:50 và Giăng 18:10 cho biết rằng đó là **tai bên phải**.

<sup>753</sup> 14:48 Hay bạn có thể nói: “Thầy không phải là một kẻ <sup>GTK</sup>trộm cướp/có tội/nhà cách mạng. Các ông không cần phải (trang bị) những gươm và gậy để đến bắt Ta.”

<sup>754</sup> 14:48 Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể nói về **trộm cướp/có tội**. Một **nhà cách mạng** là một kẻ nổi loạn, đó là, một người tìm cách lật đổ chính quyền/phủ đương thời.

<sup>755</sup> 14:49 Có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu để câu kể **trước** lời nói của Chúa Giê-su. Bạn cũng có thể đổi các từ và nói: “Mọi ngày các người có cơ hội để bắt Ta trong khi Ta dạy dỗ (dân chúng) trong (khuôn viên) đền thờ. **Tại sao** các người đợi đến giờ này?” Hay bạn có thể nói: “**Tại sao** các người không bắt Ta trong (khuôn viên) đền thờ? **Các người thấy** Ta dạy dỗ (dân chúng) mỗi ngày ở đó.”

<sup>756</sup> 14:49 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “(**khuôn viên**) **đền thờ**” trong sách Mác. Xem Mác (1:40, 44); 11:11, 15–16, (17) và tiểu đề, 27, (28–29); 12:35, (41); 13:1 và tiểu đề, 3, (4); 14:49, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 11:11. So sánh điều đó với cách bạn chuyển ngữ “**đền thờ**” trong Mác 14:58, 15:29, 38 và “**hội đường**” (xem Mác 13:9).

<sup>757</sup> 14:49 Đa số học giả Kinh Thánh chuyển ngữ câu này như một **câu nói**. Tuy nhiên, nhiều người chuyển ngữ nó như một mệnh lệnh.

<sup>758</sup> 14:49 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Xem lời chú thích về “từ lời Kinh Thánh” trong Mác 9:12.

<sup>759</sup> 14:50 Nếu bạn thêm **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây, phải chắc chắn là nó không mâu thuẫn với cách bạn chuyển ngữ câu 27.

đi theo Ngài/(Chúa) Giê-su, anh ta (gần như chẳng mặc quần áo) chỉ choàng trên người một tấm khăn <trên thân thể trần truồng> (của) người ấy, <sup>761</sup>do đó (khi) <sup>762</sup>{chúng/họ ⇔ một vài người trong đám đông ⇔ [(một vài) người trai trẻ (trong đám đông)]} {tóm/bắt ⇔ cố gắng tóm/bắt} {anh ta ⇔ người đàn ông trẻ đó}, **52** <rồi> anh ta để khăn lại (trong tay của họ) (và) trần truồng chạy {thoát thân ⇔ trốn} <sup>763</sup>[khỏi tay chúng/họ].

**14:53–65 (Chúa) Giê-su {Đến ⇔ Bị Đưa Ra} Trước {Tòa Án Tối Cao ⇔ Hội Đồng Quốc Gia} Của Người Do Thái**

*Ma-thi-ơ 26:57–68; Lu-ca 22:54–55, 63–71; Giăng 18:13–14, 19–24*

**53** Rồi {họ ⇔ đám đông} đem/dẫn (Chúa) Giê-su đến (nhà của) vị trưởng tế, và tất cả thầy tế lễ và (tất cả) <sup>764</sup>các trưởng lão/lãnh đạo, và kể cả các chuyên gia Kinh Luật, tụ tập (tại đó) <sup>765</sup>[với ông ta ⇔ với trưởng tế] (để xét xử Ngài). **54** <Và> Phê-rô đi theo sau Ngài/(Chúa) Giê-su (và đám đông) xa xa, vào trong sân (vị trưởng tế). <Và>/Tại đó ông/Phê-rô ngồi xuống với <sup>766</sup>các đầy tớ/lính canh và <sup>767</sup>cùng sưởi ấm (với họ) bên cạnh đống lửa.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đã nói trước trong câu 27 rằng môn đệ sẽ {bỏ Ngài ⇔ bị tan lạc ⇔ tan lạc}.

<sup>760</sup> **14:51** Người trai trẻ này độ vào cỡ tuổi 20.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có thể người trai trẻ này là anh Giăng cũng gọi là Mác tác giả của Phúc Âm này.

<sup>761</sup> **14:51** Có thể sẽ được tự nhiên hơn, nếu bắt đầu một câu mới ở đây và nói: “{Họ ⇔ Vài người trong đám đông ⇔ [Vài người trẻ tuổi (trong đám đông)]} {tóm/bắt... **52** nhưng anh ta bỏ khăn lại...”

<sup>762</sup> **14:51** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có “**chúng/họ/toán người**” ở đây, chỉ/họ về đám đông, **không phải** các môn đệ của Chúa Giê-su là những người được nhắc đến sau cùng trong (câu 50). Tuy nhiên, nhiều người khác (và Văn Bản Đa Số) có “**các người trẻ tuổi**” thay vào đó, và có lẽ nói về một vài người trong đám đông.

<sup>763</sup> **14:52** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có “**khỏi tay chúng/họ**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>764</sup> **14:53** “**các trưởng lão**” là một danh xưng cho tất cả những người lãnh đạo của dân Do Thái. Vị trưởng tế, các thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật cũng là những người lãnh đạo. Có lẽ họ được nói rõ ở đây nhằm nhấn mạnh đến vai trò của họ trong vụ án của Chúa Giê-su. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong Mác 8:31.

<sup>765</sup> **14:53** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**với ông ta**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>766</sup> **14:54** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp là một từ tổng quát có thể dùng để nói về nhiều loại **đầy tớ** khác nhau. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ những người đầy tớ mà Phê-rô cùng ngồi chung là những người **lính canh**.

<sup>767</sup> **14:54** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giê-ru-sa-lem được xây cất trên các đồi/núi, do đó, khí hậu thường lạnh về đêm.

**55** <Rồi> <sup>768</sup>(trong tòa ⇔ bên trong nhà) các thượng tế và <sup>769</sup>tất cả (mọi người khác) <sup>770</sup>{Hội Đồng Quốc Gia ⇔ Tòa Án Tối Cao của người Do Thái} cố tìm {chứng cứ để chống (Chúa) Giê-su ⇔ những nhân chứng là những người có thể (làm chứng dối) nói <sup>NTT</sup>rằng (Chúa) Giê-su đã nói hay làm những điều sai} <sup>771</sup>để (họ) {có thể ⇔ có lý do để} {giết Ngài ⇔ cho người giết Ngài}, nhưng họ không tìm được <sup>772</sup>(hai người chứng có lời khai giống nhau ⇔ lời kết tội nào đáng để kết án tử hình ⇔ những chứng cứ nào họ có thể dùng). **56** <Vi> nhiều (người đàn ông) <sup>773</sup>{làm chứng dối để chống ⇔ nói dối về} Ngài/(Chúa) Giê-su, nhưng những lời chứng/khai của họ {không phù hợp nhau ⇔ trái nghịch nhau}. **57** Cuối cùng, một vài người (khác) đứng dậy (và) {làm chứng dối chống ⇔ nói dối về} Ngài/(Chúa) Giê-su <bằng cách> nói (với Tòa Án Tối Cao ⇔ với các nhà lãnh đạo Do Thái): **58** “Chúng tôi đã nghe {hắn/Giê-su ⇔ người này} nói: <sup>NGT774</sup>Ta sẽ {làm sập ⇔ phá hủy} <sup>775</sup>{đền thờ này ⇔ đền thờ của chúng ta} đã được xây cất bằng {tay/người ⇔ con người} và <sup>GTK776</sup>trong ba ngày Ta sẽ lập <sup>777</sup>một cái (đền thờ) khác mà <sup>778</sup>{không làm/xây cất bằng tay/con người ⇔ con người không

<sup>768</sup> **14:55** Tòa án xử Chúa Giê-su có lẽ được họp trong một **phòng** bên trong **trụ sở/nhà** của vị trưởng tế, **không** phải trong/ngoài sân (xem câu 66).

<sup>769</sup> **14:55** Các **thượng tế/thầy tế lễ** cả là những thành viên của Hội Đồng Quốc Gia.

<sup>770</sup> **14:55** Hãy xem lời chú thích về “**Hội Đồng Quốc Gia**” và “các thượng tế” ở Mác 8:31.

<sup>771</sup> **14:55** Có thể sẽ được rõ hơn hay tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** câu này và nói: “Các thượng tế và tất cả thành viên còn lại của {Hội Đồng Quốc Gia ⇔ Tòa Án Tối Cao của dân Do Thái} muốn xử tử Chúa Giê-su, nên họ cố tìm những bằng chứng/nhân chứng để chống Ngài.”

<sup>772</sup> **14:55** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Để kết án xử tử một người, Luật Pháp của người Do Thái đòi hỏi ít nhất phải có hai nhân chứng có cùng một lời tố cáo để buộc tội một người (Dân-số Ký 35:30, Phục-truyền Luật-lê Ký 17:6, 19:15).

<sup>773</sup> **14:56** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Luật Pháp của người Do Thái, làm chứng dối trong một trường hợp như thế này đáng bị xử tử (Phục-truyền Luật-lê Ký 19:16–21). Trong thời kỳ đồ hộ/cai trị của người La-mã, người chứng dối ít ra sẽ bị phạt.

<sup>774</sup> **14:58** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đây là một sự kết tội nặng nề vì phá hủy đền thờ là một trọng tội mà chính quyền La-mã phạt xử tử. Tuy nhiên, Chúa Giê-su không nói rằng Ngài sẽ phá hủy đền thờ. Điều Ngài thực sự nói là: “Phá hủy đền thờ này và Ta sẽ dựng lại trong ba ngày.” Đền thờ mà Ngài nói đến chính là thân thể Ngài (xem Giăng 2:19–22).

<sup>775</sup> **14:58** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đền thờ**” trong Mác 11:11. Nên ghi nhận rằng đây chỉ nói riêng đến đền thờ, **không** phải cả vùng/khu vực chung quanh.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Diễn tả đền thờ như là một nơi được kiến trúc do tay người làm ra là việc rất xúc phạm đến các nhà lãnh đạo Do Thái, vì đó là cách thần tượng và đền thờ cho thần tượng được diễn tả (Ê-sai 31:7, Công Vụ 17:24).

<sup>776</sup> **14:58** Các nhân chứng tố cáo việc Chúa Giê-su nói rằng sẽ **xây xong** đền thờ **trong** vòng ba ngày, **không** phải ngài sẽ bắt đầu xây trong vòng ba ngày.

<sup>777</sup> **14:58** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dựa theo các đoạn Kinh Thánh như Giê-rê-mi 7:12–15; 26:4–6, 9; Xa-cha-ri 6:12–13; 2 Sa-mu-ên 7:12–13 và Ê-xê-chi-ên 40 và người Do Thái mong Đức Chúa Trời phá hủy đền thờ và mong Ngài hay Chúa Cứu Thế thay thế bằng cái mới, một cái toàn hảo. Sự tố cáo ở đây chống việc Chúa Giê-su có ý nói rằng Ngài là Chúa Cứu Thế. Các nhà lãnh đạo Do Thái không tin điều đó và họ cho nó là dị giáo/sai để một người tự nhận một điều như thế. Có thể đó là lý do tại sao vị trưởng tế hỏi Chúa Giê-su trong câu 61 nếu Ngài là Chúa Cứu Thế.

thể làm/xây cất được}.’ ” 59 Nhưng ngay cả {những lời chứng của họ <sup>779</sup>không phù hợp nhau ⇔ những gì họ nói cũng không đồng nhất}.

60 {Rồi vị trưởng tế ⇔ Khi vị trưởng tế nghe những lời chứng, ông} (rất là nổi giận, nên) đứng dậy <sup>780</sup>{trong giữa ⇔ trước} (mọi người ⇔ Hội Đồng/tòa) (và) hỏi (Chúa) Giê-su <bằng cách nói>: <sup>781</sup>“Anh không trả lời/nói <sup>GTK782</sup>{gì (để bào chữa cho anh sao)? ⇔ Những gì} họ làm chứng chống anh là thật phải không?” 61 Nhưng <sup>783</sup>(mặc dù Chúa Giê-su không phạm tội,) Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>784</sup>{vẫn im lặng ⇔ không biện hộ cho Ngài} và không trả lời (ông ta) bất cứ điều gì. (Do đó/Rồi) trưởng tế {tra hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>785</sup>thêm nữa ⇔ hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su} <và nói với Ngài>: “Có phải anh <sup>NTT</sup>khai anh là <sup>786</sup>{Chúa Cứu Thế ⇔ Đấng/Vua đã được (Đức Chúa Trời) hứa} <sup>GTK787</sup>(Đấng là ⇔ và cũng là) Con của {Đấng <sup>GTK788</sup>chúng ta ngợi khen ⇔ Đức Chúa Trời chúng ta <sup>NTT</sup>ngợi khen}?” 62 <Rồi> (Chúa) Giê-

<sup>778</sup> 14:58 “không làm bằng tay” không có nghĩa là đền thờ mới sẽ là một đền thờ thuộc linh thay vì thuộc thể. Sự đối ngược giữa “làm/xây dựng bằng con người” và “làm bởi Đức Chúa Trời”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi nói rằng Ngài sẽ làm/xây một đền thờ khác mà nó không làm/xây bằng {tay/con người ⇔ con người} Chúa Giê-su nói rằng Ngài là Đức Chúa Trời hay đại diện của Đức Chúa Trời. Xem Công Vụ 17:24 về một sự tương phản tương tự giữa Đức Chúa Trời và con người.

<sup>779</sup> 14:59 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “không phù hợp nhau” trong câu 56.

<sup>780</sup> 14:60 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thành viên của Hội Đồng Quốc Gia ngồi thành một vòng bán nguyệt. Vị trưởng tế ngồi chính giữa và trước mặt/đối diện họ. Chỗ ngồi của các thành viên Hội Đồng Quốc Gia cao hơn chỗ đứng của can tội trước mặt họ.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Thành viên của Hội Đồng Quốc Gia ngồi thành hình bán nguyệt, Chúa Giê-su đứng trước họ, và một vài lính canh đền thờ đứng cạnh Chúa Giê-su.

<sup>781</sup> 14:60 Có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “{Anh không trả lời ⇔ Anh có gì để nói (về) ⇔ Nó là sự thật phải không} điều gì...” Hay bạn có thể nói: “Anh đã nghe lời chứng/tố cáo của họ chống đối anh! {Anh có câu trả lời/giải thích gì không? ⇔ Anh giải thích thế nào về điều họ nói?}”

<sup>782</sup> 14:60 Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng câu nói này chứa đựng **hai câu hỏi** (và BCG). Tuy nhiên, một số học giả (và BDM, BDC, BDY) nghĩ nó có **một câu hỏi**.

<sup>783</sup> 14:61 Sự **im lặng** của Chúa Giê-su **không nên** hàm ý rằng Ngài có tội hay sợ. Trong một số phong tục một người kể là có tội nếu người ấy **không** tự biện hộ cho mình.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tiên tri Ê-sai tiên tri rằng Chúa Cứu Thế sẽ đi vào sự chết của Ngài mà không cố gắng biện hộ cho mình (Ê-sai 53:7). Điều đó đã xảy ra đúng như vậy (xem Mác 14:61, 15:3–5). Chúa Giê-su không có tội và không sợ hãi, thay vì có thể Ngài không muốn xen vào những biến cố dẫn đến sự chết của Ngài.

<sup>784</sup> 14:61 “**im lặng** và **không trả lời** (ông ta) bất cứ gì” là cách nói về hai ý nghĩa tương tự bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh. Hãy xem lời chú thích về điều này ở Mác 1:42.

<sup>785</sup> 14:61 Vị trưởng tế hỏi một câu hỏi khác hơn câu trước.

<sup>786</sup> 14:61 Hãy xem lời chú thích về cách chuyển ngữ “**Chúa Cứu Thế**” ở Mác 1:34.

<sup>787</sup> 14:61 Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**Con của Đấng ngợi khen**” là một sự mô tả về Chúa Cứu Thế. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó là một sự tự nhận thứ hai, bên cạnh thừa nhận là Chúa Cứu Thế. Hãy chuyển ngữ theo cách chuyển ngữ đó bạn có thể nói: “Anh có nhận **chẳng những anh là** Chúa Cứu Thế, (**nhưng cũng là**) Con của Đấng <sup>GTK</sup>Ngợi Khen?”

<sup>788</sup> 14:61 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**ngợi khen**” trong Mác 11:9, và hãy xem lời chú thích ở đó. Phải cho được rõ ràng ở đây “**Đấng Ngợi Khen**” là một danh hiệu chỉ về Đức Chúa Trời, **không phải** Ma-ri hay Chúa Giê-su. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**ban phước**” trong sách Mác. Xem Mác 6:41, (7:27), 8:7,

su trả lời (ông ta): “<sup>GTK789</sup>{(Vàng,) Ta là (Đấng đó), ⇔ Vàng,} và (như lời Kinh Thánh nói, ⇔ như Lời của Đức Chúa Trời nói): ‘Các ngươi (tất cả) sẽ thấy {(Ta,) <sup>790</sup>Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở thành người} <sup>791</sup>ngồi bên hữu <sup>792</sup>{Đấng Quyền Năng ⇔ Đấng Tối Thượng ⇔ (Đức Chúa Trời) Đấng đầy quyền năng} {và (các ngươi sẽ thấy <sup>793</sup>Ngài/Ta) đến ⇔ như/khi (Ngài/Ta) đến} (thế gian) {với ⇔ (cõi) trên} đám mây từ <sup>GTK</sup>{thiên đàng ⇔ trời}.” (Thi Thiên 110:1, Đa-ni-ên 7:13–14) **63** {Rồi/Ngay lập tức vị trưởng tế ⇔ Ngay sau khi vị trưởng tế nghe <sup>NTT</sup>điều (Chúa) Giê-su nói, ông ấy} <sup>794</sup>xé <sup>795</sup>áo/áo choàng (của ông) (để bày sự giận dữ) (và nói với (Hội Đồng ⇔ những hội viên khác của Tòa Án): “<sup>CH</sup>{Tại sao chúng ta ⇔ Chúng ta không} còn cần chúng cố nữa (để buộc tội người này)?/! **64** Các ông (tất cả/chính các ông) đã nghe <sup>796</sup>{sự phạm thượng (của người này) ⇔ ông ấy phạm thượng/xem thường Đức Chúa Trời}! {Quý vị nghĩ thế nào? ⇔ Quý vị có quyết định gì? ⇔ Quý vị xét xử anh ta như thế nào, có tội hay vô tội?}” <Rồi> họ <sup>797</sup>tất cả đồng lòng <sup>NTT</sup>{định tội Ngài/(Chúa) Giê-su đáng <sup>798</sup>chết ⇔ quyết định rằng Ngài/(Chúa) Giê-su mắc tội (phạm thượng/khinh thường Đức Chúa Trời) và do đó nên bị tử hình}. **65** Rồi <sup>GTK799</sup>(một số trong bọn ⇔ những hội viên của Hội Đồng/Tòa

10:(13), 16 và tiểu đề; 11:9–10; (12:34), 14:22, 61, và xem **lời chú thích** về điều này ở Mác 6:41 và 11:9. So sánh cách bạn chuyển ngữ “**tôn vinh/ngợi khen**” trong Mác 7:6, “**Hô-sa-na**” trong Mác 11:9–10, “**ngợi khen**” trong Mác (2:12), (14:26), (15:18) và “**vinh hiển**” (xem Mác 13:26).

<sup>789</sup> **14:62** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ “**Ta là**” là tên của Đức Chúa Trời (như trong Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14) và bày tỏ rằng Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này, nó có vẻ chắc chắn rằng Chúa Giê-su trả lời câu hỏi của vị trưởng tế là “**Vàng/Đấng**”. Đối với một số ngôn ngữ cần nói đầy đủ câu trả lời, thí dụ, “(Vàng/Đấng,) Ta là <sup>GTK</sup>(Đấng đó ⇔ cả hai).” hay “(Vàng,) Ta là (Chúa Cứu Thế) <sup>GTK</sup>(là ⇔ và cũng là) (Con của Đấng <sup>GTK</sup>Ngợi Khen/Đức Chúa Trời)...”

<sup>790</sup> **14:62** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Con Người**” trong sách Mác. Xem Mác 2:10, 28; 8:31, 38; 9:9, 12, 31; 10:33, 45; 13:26 và tiểu đề, 13:29; 14:21, 41, 62. Xem **lời chú thích** về điều này ở Mác 2:10.

<sup>791</sup> **14:62** “ngồi bên hữu Đấng Quyền Năng (Đức Chúa Trời) và sẽ đến” có thể là một **thành ngữ** nghĩa là “đến với {đầy thân tánh ⇔ sự bày tỏ của Đức Chúa Trời} quyền năng và vinh hiển”.

<sup>792</sup> **14:62** Cần nên nói rõ ràng “**Đấng Quyền Năng**” là tên hay danh hiệu của **Đức Chúa Trời**.

<sup>793</sup> **14:62** Cần nên nói rõ ràng “**Ngài/Ta**” nói về Con Người, **không** phải Đức Chúa Trời.

<sup>794</sup> **14:63** Cần nên nói rõ ràng là vị trưởng tế xé áo của ông **một cách cố ý, không** phải vô tình. Tuy nhiên, **không** nên chuyển ngữ nghe giống như ông ta xé áo của ông ra thành từng mảnh nhỏ. Có thể ông chỉ xé một đường.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các thành viên của Hội Đồng Quốc Gia không tin Chúa Giê-su là Chúa Cứu Thế hay Con của Đức Chúa Trời (xem lời chú thích về “Con/Con Cháu của Đa-vít” ở Mác 12:35). Vị trưởng tế xé áo để bày tỏ rằng ông tức giận vì Chúa Giê-su khai việc như thế. Thật là hấp dẫn, Lê-vi Ký 10:6 và 21:10 cấm vị trưởng tế xé áo mình.

<sup>795</sup> **14:63** Vị trưởng tế xé áo của ông ta, **không** phải áo của Chúa Giê-su.

<sup>796</sup> **14:64 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su bị tố cáo là phạm thượng từ trước trong Mác 2:7.

<sup>797</sup> **14:64 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Lu-ca 23:50–51, ông Giô-sép A-ri-ma-thê là một trường hợp ngoại lệ.

<sup>798</sup> **14:64 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Luật Pháp của người Do Thái buộc rằng bất cứ người nào phạm thượng cùng Đức Chúa Trời phải bị xử tử (Lê-vi Ký 24:16).

<sup>799</sup> **14:65** Mặc dù nó có thể là những đầy tớ (các lính canh đền thờ) (hay ít nhất cũng bao gồm chúng, như Lu-ca 22:63 có vẻ đề nghị), bản Hy-lạp có vẻ nói rằng **các thành viên** của Hội Đồng Quốc Gia (câu 64) là người nhỏ trên Chúa Giê-su, đánh Ngài, che mặt Ngài, tát Ngài và nhạo báng Ngài.

Án) bắt đầu nhỏ trên Ngài/(Chúa) Giê-su (để bày tỏ không kính trọng Ngài ⇔ để làm nhục/xấu Ngài). Rồi (họ) {che/đậy mặt/mắt của Ngài ⇔ trùm kín (mặt) Ngài} (bằng một miếng vải), <và> <sup>800</sup>đấm Ngài và {nói với Ngài <sup>801</sup>(bằng một cách châm chọc) ⇔ (mắng nhiếc/nhạo báng) Ngài <bằng cách> nói}: “<sup>802</sup>{Hãy nói tiên tri/đoán ⇔ Cho chúng ta thấy anh là tiên tri của Đức Chúa Trời và bảo chúng ta ⇔ Nếu anh thật là tiên tri của Đức Chúa Trời, hãy nói cho chúng tôi biết} <sup>803</sup>(ai đánh anh)!” Rồi <sup>804</sup>các đầy tớ/lính canh <sup>805</sup>đấm/đánh/tát Ngài/(Chúa) Giê-su.

#### 14:66–72 Phê-rô<sup>NTT</sup> Chối Rằng Ông Không Biết (Chúa) Giê-su

*Ma-thi-ơ 26:69–75; Lu-ca 22:56–62; Giăng 18:15–18, 25–27*

**66** <Và>/Bấy giờ, trong khi Phê-rô <sup>806</sup>ở dưới <sup>807</sup>sân, ⇔ Trong khi đó, Phê-rô ở dưới sân Tòa Án (và) một trong {các <sup>808</sup>đầy tớ gái <sup>809</sup>của vị trưởng tế ⇔ các người đầy tớ gái làm việc cho vị trưởng tế} đến (gần chỗ Phê-rô). **67** <Và> khi (cô ta) thấy/nhận ra Phê-rô đang sưởi ấm

<sup>800</sup> **14:65** Từ được dùng trong bản Hy-lạp nói về việc **đánh** người nào đó bằng cái **đấm**. Một số ngôn ngữ có một từ đơn để bày tỏ hành động đó. Một số ngôn ngữ khác dùng một nhóm từ chẳng hạn như “đánh Ngài (với những cú đấm)”.

<sup>801</sup> **14:65 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc các nhà lãnh đạo Do Thái làm ở đây phản ánh một truyền thống về cách thử để quyết định nếu một người là Chúa Cứu Thế. Sự thử này dựa theo Ê-sai 11:3 trong đó, theo nghĩa đen, nói “chẳng phán xét theo mắt mình thấy”. Tuy nhiên, vì các nhà lãnh đạo Do Thái không tin Chúa Giê-su là Chúa Cứu Thế, họ thật không nghĩ rằng Ngài có thể nói ai đã đánh Ngài. Họ châm chọc Ngài.

<sup>802</sup> **14:65** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**tiên tri**” trong sách Mác. Xem Mác 7:6, 8:31 tiểu đề, 9:(13), (32) tiểu đề; 10:32 tiểu đề, 13:1, 24 các tiểu đề; 14:17 tiểu đề, (27) và tiểu đề, 65; (15:34), và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 8:31 tiểu đề. So sánh nó với cách bạn chuyển ngữ “**tiên tri**” trong Mác (1:4), (9:32), (13:14) và “**tiên tri**” (xem Mác 13:22).

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thật mỉa mai là Chúa Giê-su đã được yêu cầu để nói tiên tri như hai lời tiên tri trước của Ngài đã ứng nghiệm (xem Mác 8:31, 9:12, 31; 10:33–34 cho các lời tiên tri về các nhà lãnh đạo Do Thái sẽ từ khước Ngài, và 14:30 cho lời tiên tri về việc Phê-rô chối Ngài).

<sup>803</sup> **14:65** Một vài bản thảo Hy-lạp chính, (và BDY) có “**ai đánh anh**” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) **không có**, nhưng hàm ý. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>804</sup> **14:65** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đầy tớ**” trong câu 54.

<sup>805</sup> **14:65** Các đầy tớ/lính canh có thể đã dùng gậy hay roi ở đây, nhưng đa số học giả Kinh Thánh nghĩ họ dùng tay để đánh Chúa Giê-su.

<sup>806</sup> **14:66 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có vẻ là tòa án xét xử Chúa Giê-su ở trong một cái phòng nhìn ra sân tòa án nơi Phê-rô đang ở đó.

<sup>807</sup> **14:66** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**sân**” trong câu 54.

<sup>808</sup> **14:66** Khi chuyển ngữ “một trong các **đầy tớ gái** của vị trưởng tế” **không** nên hàm ý rằng vị trưởng tế có liên hệ tình dục với đầy tớ gái.

<sup>809</sup> **14:66** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**vị trưởng tế**” trong sách Mác. Xem Mác 2:26, 14:47, 53–54, 60–61, 63, 66, và xem **lời chú thích** về điều này ở Mác 2:26. So sánh điều này với cách bạn chuyển ngữ “**thầy tế lễ**” trong Mác 1:44, (45); 2:26 và “**các thượng tế**” trong Mác 8:31, 10:33, 11:18, 27; 14:1, 10, 43, 53, 55; 15:1, 3, 10–11, 31. Xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:44 và 8:31.

(tại/bên cạnh lò sưởi), cô ta <sup>810</sup>nhìn chăm chú/thẳng đến ông ta (và) nói (với ông ta): “Anh {<sup>811</sup>cũng ở với ⇔ cũng là một môn đệ/bạn của} {(Chúa) Giê-su <sup>812</sup>(người) Na-xa-rét ⇔ người đàn ông từ (làng) Na-xa-rét (có tên là) Giê-su}.” **68** Nhưng Phê-rơ chối (Chúa Giê-su) <bằng cách> nói (với cô ta): “Tôi không <sup>GTK813</sup>{biết ⇔ biết (thầy đó/Giê-su)} <sup>GTK814</sup>hay <sup>815</sup>hiểu cô đang nói gì! (Tôi chưa bao giờ ở với thầy đó/Giê-su!)” Rồi Phê-rơ đi ra (khỏi sân) {vào <sup>816</sup>lối đi (dẫn đến cổng) ⇔ đến lối vào (của sân) ⇔ đến một chỗ gần cổng trước} <sup>817</sup>[thì gà gáy].

**69** <Và> khi người <sup>818</sup>tớ <sup>819</sup>gái thấy Phê-rơ (ở đó), cô ta <sup>820</sup>[lại] bắt đầu nói với {những người đang đứng ở đó ⇔ vài ba người đứng cạnh đó}: “(Người) này là (một trong những người) của <sup>821</sup>{họ ⇔ những môn đệ của thầy đó/Giê-su}!” **70** Nhưng Phê-rơ lại <sup>NTT</sup>chối (điều đó/Giê-su).

<Rồi> sau một <sup>822</sup>lúc {những người đang đứng ở đó ⇔ những người đứng gần đó} <lại> nói với Phê-rơ/ông: “(Chẳng cần biết anh nói gì, ⇔ Chúng tôi biết rằng) {anh quả thật/chắc chắn ⇔ anh phải là} (một trong những người) của {họ ⇔ những môn đệ của thầy đó/Giê-su}, vì anh <sup>823</sup>{là một người Ga-li-lê ⇔ đến từ (tỉnh) Ga-li-lê} {như họ ⇔ cũng giống như họ}.”

<sup>810</sup> **14:67** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**nhìn chăm chú**” trong sách Mác. Xem Mác <sup>GTK</sup>8:25, 10:21, 27; 14:67. Mặc dù cùng một từ Hy-lạp được dùng trong mỗi chỗ, nhưng khi chuyển ngữ thường có đôi chút khác nhau tùy theo ngữ cảnh.

<sup>811</sup> **14:67 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Giăng 18:15–16, Giăng có ở đó cùng Phê-rơ.

<sup>812</sup> **14:67 LỜI CHÚ THÍCH:** Cách người đây tớ gái nói về Chúa Giê-su ở đây bày tỏ việc cô ấy coi thường/không kính trọng Chúa Giê-su. Người Na-xa-rét thường bị khinh rẻ/xem thường (xem Giăng 1:46).

<sup>813</sup> **14:68** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ mệnh đề này có nghĩa “Tôi không **biết** hay không hiểu cô nói gì!” Tuy nhiên, một số nghĩ Chúa Giê-su được hàm ý ở đây và nói: “Tôi không **biết (thầy đó/Giê-su)** hay không hiểu cô nói gì!”

<sup>814</sup> **14:68** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ đây là sự tiếp nối của **câu nói** trước đó. Tuy nhiên, một vài người bắt đầu câu mới ở đây và nó là một **câu hỏi**, thí dụ: “Cô đang nói gì?”

<sup>815</sup> **14:68** Phê-rơ **hiểu** ngôn ngữ của đây tớ gái và những gì cô ta nói với ông. Ông đang chối rằng ông biết Chúa Giê-su hay chưa từng ở với Ngài.

<sup>816</sup> **14:68** Không rõ “**lối đi**” là chỗ nào. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó là một lối đi có mái (hay cái hiên) được nối từ cổng/đường đi vào trong khuôn viên đền thờ.

<sup>817</sup> **14:68** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**và một con gà gáy**” ở đây (dù cách dùng từ có khác đôi chút trong các bản tiếng Việt). Tuy nhiên, nhiều bản khác **không có**. Xem lời chú thích về điều này trong câu 30.

<sup>818</sup> **14:69** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**đầy tớ**” và “**nô lệ**” trong sách Mác. Xem Mác (1:7), 9:35, 10:43–44; 12:(1), 2, (3), 4, (5); 13:34, 14:47, 54, 65–66, 69, và xem lời chú thích về điều này trong Mác 10:44.

<sup>819</sup> **14:69** Đây là **đầy tớ** gái đã được nói đến trong câu 66.

<sup>820</sup> **14:69** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) có “**lại**” ở đây, (BDY không có).

<sup>821</sup> **14:69** Cần nên nói rõ ràng rằng “**họ**” ở đây nói về một trong các môn đệ của Chúa Giê-su.

<sup>822</sup> **14:70 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dựa theo Lu-ca 22:59 thời gian này độ chừng một tiếng đồng hồ.

<sup>823</sup> **14:70 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người này biết Chúa Giê-su và Phê-rơ là người Ga-li-lê, vì người Ga-li-lê có giọng nói khác với người ở Giê-ru-sa-lem (Ma-thi-ơ 26:73). Chúa Giê-su và các môn đệ, tất cả đều là người Ga-li-lê, ngoại trừ Giu-đa Ích-ca-ri-ốt.

71 Nhưng/Rồi ông/Phê-rô {bắt đầu rửa và <sup>824</sup>thê rằng/nói rằng: “Tôi không biết ngay cả đến <sup>825</sup>người các ông nói là ai!” ⇔ nói (với họ): “Tôi thê rằng tôi không biết các anh đang nói về ai! Nguyện Đức Chúa Trời trừng phạt tôi nếu tôi nói dối!” 72 <Và> <sup>826</sup>[tức thì] một con gà gáy <sup>827</sup>[lần thứ hai ⇔ nữa]. Rồi Phê-rô nhớ lại điều (Chúa) Giê-su đã bảo ông rằng: <sup>NGT828</sup>“Trước khi gà gáy <sup>829</sup>[hai lần], con sẽ <sup>NTT830</sup>{chối (rằng con không biết) Ta ba lần ⇔ nói ba lần rằng con không biết Ta}.” Rồi Phê-rô <sup>GTK831</sup>{gục người xuống (và) khóc ⇔ bật lên khóc} <sup>832</sup>(ông hối hận vì đã chối rằng mình không biết Chúa Giê-su).

15:1–5 {(Chúa) Giê-su Ứng Hào Trước Thống Đốc Phi-lát  
⇔ Thống Đốc Phi-lát Thăm Vấn/Tra Hỏi (Chúa) Giê-su}

*Ma-thi-ơ 27:1–2, 11–14; Lu-ca 23:1–5; Giăng 18:28–38*

15 1 <Và> <sup>GTK833</sup>{ngay sau khi (trời vừa) sáng, các thượng tế (họ) ⇔ vào lúc sáng sớm, các thượng tế (họ) khẩn cấp} với các <sup>834</sup>trưởng lão/lãnh đạo (khác) (của người Do Thái), (kể cả) các chuyên gia Kinh Luật {và tất cả ⇔ và những người còn lại của} <sup>835</sup>{Hội

<sup>824</sup> 14:71 Không nên chuyển ngữ nghe giống như Phê-rô dùng một ngôn ngữ thô tục ở đây. Ông dùng một **lời thê cốt** để nhấn mạnh rằng điều ông nói là sự thật.

<sup>825</sup> 14:71 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi dùng các từ “người các ông nói” Phê-rô cho thấy ông coi thường/không kính trọng Chúa Giê-su, có lẽ để cho người ta không còn nghi ông là môn đệ.

<sup>826</sup> 14:72 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) có **“tức thì/ngay lúc đó”** (BDY có “vừa lúc ấy”) ở đây. Tuy nhiên, một số (và Văn Bản Đa Số) **không có**, nhưng hàm ý.

<sup>827</sup> 14:72 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có **“lần thứ hai”** ở đây. Tuy nhiên, một vài bản **không có**. Theo bản văn chúng ta **không biết** có phải cùng một con gà đã gáy hai lần không.

<sup>828</sup> 14:72 Có thể sẽ được tự nhiên hơn nếu đổi thành **câu nói gián tiếp** ở đây và nói: “...Chúa Giê-su đã bảo (ông) rằng trước khi gà gáy [hai lần], ông sẽ ba lần chối (rằng ông không biết) Ngài.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su bảo Phê-rô điều này trong câu 30.

<sup>829</sup> 14:72 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có **“hai lần/lượt”** ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác **không có**. (BDY có “lần thứ hai”).

<sup>830</sup> 14:72 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **“chối”** trong các câu 30–31.

<sup>831</sup> 14:72 Ý của từ được dùng trong bản Hy-lạp **không** rõ. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó là một phần của một thành ngữ chẳng hạn như **“quỵ (người) (và) khóc”** hay **“bật lên khóc”**. Tuy nhiên, có những đề nghị khác, gồm có: “{nhào xuống đất ⇔ liệng (áo ngoài của ông) lên (đầu của ông) ⇔ chạy ra ngoài} (và) khóc”.

<sup>832</sup> 14:72 Để tránh hiểu sai, đối với một số ngôn ngữ, cần nên thêm lý do **tại sao** Phê-rô khóc. Hay có thể để những tin tức đó trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>833</sup> 15:1 Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ trạng từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp để bổ nghĩa cho “sáng mai” và có nghĩa là **“ngay sau khi”**. Tuy nhiên, một số khác nghĩ nó bổ nghĩa cho từ “(họ)...lập mưu” và có nghĩa là **“khẩn cấp”**.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vào lúc 6 giờ sáng ngày Thứ Sáu.

<sup>834</sup> 15:1 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ **“trưởng lão”** trong sách Mác. Xem Mác 7:3, 5 và tiểu đề; 8:31, 11:27, 14:43, 53; 15:1.



Đông Quốc Gia ⇔ Tòa Án Tối Cao của người Do Thái},/. (và ⇔ Họ họp lại) để lập <sup>836</sup>{muu ⇔ những kế hoạch} (chống lại Chúa Giê-su). (Rồi) họ <sup>837</sup>buộc/trói <sup>838</sup>{(Chúa) Giê-su/Ngài ⇔ hai tay (Chúa) Giê-su} (với <sup>GTK839</sup>những dây xích/thùng), dẫn/đem Ngài đi và giao/nộp cho Phi-lát <sup>840</sup>(Thống Đốc La-mã). **2** <Và/Do đó> <sup>841</sup>(sau khi thống đốc Phi-lát nhận báo cáo về tội của Chúa Giê-su,) (thống đốc) Phi-lát hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su: “Có phải anh (thật) là <sup>842</sup>Vua/Người Lãnh đạo của dân Do Thái không?” <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời ông ta <(và) nói>: <sup>GTK843</sup>“(Chính) ông (là người) nói (điều đó/như thế). ⇔ (Thật như) ông nói.”

**3** <Rồi> các thầy thượng tế <sup>NTT</sup>{kết tội Ngài/(Chúa) Giê-su về (làm) nhiều việc/tội ⇔ tố cáo (đổi) (Chúa) Giê-su nhiều điều ⇔ (nói dối và) bảo (thống đốc) Phi-lát rằng (Chúa) Giê-su đã làm nhiều điều sai}, (nhưng Chúa Giê-su/Ngài không tự bào chữa cho mình). **4** Do đó (thống

<sup>835</sup> **15:1** So sánh với cách bạn chuyển ngữ từ “**Hội Đồng Quốc Gia**” trong sách Mác. Xem Mác 14:55, (63, 65) và tiểu đề; 15:1. Cho **lời chú thích** về điều này xem lời chú thích về “các thượng tế” trong Mác 8:31. So sánh cách bạn chuyển ngữ “**các hội đồng/toà án địa phương**” trong Mác 13:9.

<sup>836</sup> **15:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chính quyền La-mã cho phép những dân tộc họ cai trị tự lãnh đạo hầu hết những vấn đề hành chính miễn là được an ninh. Tuy nhiên, việc hành hình một người là do chính quyền La-mã toàn quyền quyết định, không ai có phép làm điều đó (Giăng 18:31). Các nhà lãnh đạo Do Thái gặp phải một nan đề: họ muốn Chúa Giê-su bị chết, nhưng họ kết tội Chúa Giê-su về những gì mà chính quyền La-mã không kể Ngài là một can phạm. Họ cần tìm một cơ nào đó để chính quyền La-mã kết án tử hình Chúa Giê-su.

<sup>837</sup> **15:1** Theo thông lệ có lẽ các nhà lãnh đạo Do Thái để những người hầu việc hay quân lính của họ làm việc cho họ, do đó bạn có thể nói: “<sup>NTT</sup>(cho) buộc/trói Ngài/Chúa Giê-su” hay “(cho quân lính của họ) buộc/trói”.

<sup>838</sup> **15:1** Trong bản Hy-lạp **không** nói các nhà lãnh đạo Do Thái buộc/trói **cái gì**. Có lẽ họ buộc/trói **hai tay** của Chúa Giê-su, nhưng có thể họ cũng buộc cả hai chân của Ngài từ mắt cá này qua mắt cá kia bằng sợi dây xích dòn (đủ để cho Ngài có thể đi). Đối với nhiều ngôn ngữ có thể chuyển ngữ theo ý như trong bản Hy-lạp. Tuy nhiên, đối với một số khác, có thể cần nói rõ là buộc **cái gì/chỗ nào**. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ trong Mác 6:17.

<sup>839</sup> **15:1** Trong bản Hy-lạp **không** nói các nhà lãnh đạo Do Thái dùng **gì để buộc** Chúa Giê-su. Có thể họ dùng **xích** hay **dây thùng**. Đối với nhiều ngôn ngữ có thể chuyển ngữ như bản Hy-lạp. Tuy nhiên, đối với một số ngôn ngữ khác có thể nên nói rõ dùng **cái gì**.

<sup>840</sup> **15:1** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ nên giới thiệu vấn đề về thống đốc **Phi-lát** ở đây.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ti-bê-ơ, hoàng đế La-mã 14–37 S.C., đã bổ nhiệm ông Phi-lát làm thống đốc các tỉnh Giu-đê, Sa-ma-ri và I-đơ-mia. Thống đốc Phi-lát nhận chức vụ kể từ 26–36 S.C.. Tổng hành dinh của ông đặt tại thành Sê-sa-rê, nhưng ông cũng có trụ sở tại Giê-ru-sa-lem. Ông đã có mặt tại Giê-ru-sa-lem trong các dịp lễ của người Do Thái cốt để giữ an ninh.

<sup>841</sup> **15:2** Theo Lu-ca 23:2, các nhà lãnh đạo Do Thái **đã báo cáo** cho thống đốc Phi-lát về tội trạng của Chúa Giê-su.

<sup>842</sup> **15:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái coi “Vua Dân Do Thái” là danh hiệu của Đấng Cứu Thế. Tuy nhiên, ở đây họ cố gắng thuyết phục thống đốc Phi-lát rằng Chúa Giê-su phạm tội chống lại chính quyền La-mã.

<sup>843</sup> **15:2** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su đã trả lời “**Vâng**” một cách gián tiếp ở đây (so sánh Mác 14:62 với Ma-thi-ơ 26:64). Tuy nhiên, nhiều người khác **ngghi ngờ** về điều đó, vì nếu thống đốc Phi-lát hiểu Chúa Giê-su trả lời “Vâng”, ông sẽ coi Chúa Giê-su là một sự đe dọa cho Sê-sa. Họ nghĩ Chúa Giê-su **không** trả lời câu hỏi bằng “Vâng” hay “Không”, vì Ngài là một vị vua, nhưng trong một ý khác hơn là ông Phi-lát nghĩ. Chúa Giê-su trả lời một cách lễ phép, nhưng không có tính cách bào chữa. Không nên làm cho người đọc hiểu lầm là Chúa Giê-su phủ nhận Ngài là Vua.

đốc) Phi-lát lại hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su <bằng cách nói>: “<sup>CH844</sup> Anh không trả lời/nói gì (để bào chữa cho anh) sao? Hãy coi/nghe {bao nhiêu ⇔ tất cả} <sup>845</sup> (điều xấu/tội) họ đang tố cáo anh (đã làm).” **5** Nhưng <sup>846</sup> (mặc dù Ngài/Chúa Giê-su không phạm tội,) (Chúa) Giê-su/Ngài {không trả lời (ông/Phi-lát) thêm gì nữa ⇔ không nói gì thêm}, cho nên (thống đốc) Phi-lát <sup>847</sup> ngạc nhiên (lắm).

**15:6–15 Thống Đốc Phi-lát {Có Tìm Cách Tha (Chúa) Giê-su,  
Nhưng Thất Bại ⇔ Kết Án Tử Hình (Chúa) Giê-su}**

*Ma-thi-ơ 27:15–26; Lu-ca 23:13–25; Giăng 18:39–19:16*

**6** <sup>848</sup> <Và/Bấy giờ> mỗi (năm vào dịp) Lễ (Vuốt Qua) (thống đốc) Phi-lát (có thông lệ) <sup>849</sup> tha một tù nhân cho {họ ⇔ người Do Thái}, (bất cứ) người nào họ <sup>NTT</sup> yêu cầu (ông tha/phóng thích). **7** <Và> <sup>850</sup> (lúc đó) có một người tên là Ba-ra-ba bị {giam/tù ⇔ ở trong tù} với những kẻ gây rối loạn (khác) là người đã phạm tội {giết người ⇔ giết đôi ba người} trong một cuộc <sup>851</sup> nổi loạn (chống chính quyền La-mã). **8** {Rồi/Do đó ⇔ Vừa khi đó,} {một đám đông <sup>852</sup> kéo đến/lên (dinh của thống đốc Phi-lát) ⇔ đám đông (ở cùng phía các nhà lãnh đạo của người Do Thái) [reo hò]} (và) {bắt đầu yêu cầu <sup>NTT</sup> (rằng Phi-lát làm) điều như ông (thường) đã làm cho họ ⇔ bắt đầu xin (ông ấy/Phi-lát) <sup>NTT</sup> tha một tù nhân cho họ như ông thường làm} (trong dịp lễ), **9** nhưng <sup>853</sup> (trước khi họ nói/nêu rõ ai là người họ muốn Phi-

<sup>844</sup> **15:4** Có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Anh **nên biện hộ** cho chính anh!” Mặc dù cùng một câu được dùng trong Mác 14:60, các câu này có thể cần chuyển ngữ một cách khác, vì thống đốc Phi-lát thiên về Chúa Giê-su nhiều hơn là phía vị trưởng tế.

<sup>845</sup> **15:4** Bạn có thể nói: “... họ đang **buộc tội** anh (rất nặng).”

<sup>846</sup> **15:5** Hãy coi lại cách bạn đã chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong Mác 14:61, và xem lời chú thích về điều này ở đó.

<sup>847</sup> **15:5** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “ngạc nhiên” trong sách Mác. Xem Mác 5:20; 6:6; 12:17; 15:5. So sánh cách bạn chuyển ngữ những từ “ngạc nhiên” (xem Mác 10:24), “sửng sốt” (xem Mác 11:18) và “kinh ngạc” (xem Mác 6:51).

<sup>848</sup> **15:6 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dựa theo Lu-ca 23:6–12, trước khi thống đốc Phi-lát kết thúc phiên tòa về Chúa Giê-su, ông giải Ngài/Chúa Giê-su cho Hê-rốt An-ti-ba xét xử.

<sup>849</sup> **15:6** Mỗi năm thống đốc Phi-lát tha cho một tội nhân khác nhau, **không** phải cùng một người.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lý do thống đốc Phi-lát tha cho một tội nhân mỗi năm là để lấy cảm tình với người Do Thái.

<sup>850</sup> **15:7** Có thể sẽ được rõ hơn nếu nói: “Có một cuộc rối loạn xảy ra (chẳng bao lâu trước đó) (để chống lại chính quyền La-mã), trong dịp đó có một vài tên phiến loạn đã {phạm tội giết người ⇔ giết đôi ba người}. Những phiến loạn đó lúc bấy giờ đang ở trong tù, kể cả người có tên Ba-ra-ba.”

<sup>851</sup> **15:7 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ba-ra-ba có thể là hội viên của đảng cách mạng/ái quốc/tranh đấu tự do được gọi là đảng Xê-lốt (xem lời chú thích về Xê-lốt ở Mác 3:18).

<sup>852</sup> **15:8** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có từ “**la hét**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có các từ “**kéo đến/lên**” thay vào đó.

<sup>853</sup> **15:9** Thực ra thống đốc Phi-lát đề nghị Chúa Giê-su là người được tha trước khi nghe đầy đủ lời yêu cầu của đám đông. “**bắt đầu yêu cầu**” (trong câu 8) và “**nhưng**” (ở phần đầu của câu 9) có lẽ hàm ý rằng thống đốc

lát/ông tha,) Phi-lát/ông {phản ứng với họ <bằng cách> nói ⇔ hỏi họ}: “Các người muốn ta <sup>854</sup>tha {Vua/Lãnh đạo của dân Do Thái ⇔ Vua của các người} cho các người phải không?” **10** (Thống đốc) Phi-lát hỏi dân chúng điều đó) vì ông biết/nhận thức rằng các thượng tế đã nộp Ngài/(Chúa) Giê-su (cho ông) vì {sự ghen tức ⇔ họ ghen tức <sup>855</sup> (việc Chúa Giê-su được dân chúng ưa chuộng)}, <sup>856</sup> (nhưng ông/Phi-lát tưởng rằng hầu hết dân chúng sẽ yêu cầu <sup>NTT</sup>tha Ngài/Chúa Giê-su thay vì Ba-ra-ba). **11** Nhưng/Lúc đó các thượng tế <sup>NTT857</sup>{kích động ⇔ xúi giục} đám đông để {(thống đốc) Phi-lát sẽ ⇔ họ yêu cầu (thống đốc) Phi-lát <sup>NTT</sup>} tha Ba-ra-ba cho họ thay vì (Chúa Giê-su). **12** Rồi/Do đó (thống đốc) Phi-lát <lại phản ứng (và)> hỏi {họ ⇔ đám đông/dân chúng}: “(Nếu ta tha Ba-ra-ba, ⇔ Nếu ta làm điều đó,) <sup>858</sup>{các người muốn ta ⇔ [ta nên]} làm gì với <sup>859</sup>[người mà các người gọi] {Vua Do Thái ⇔ Vua của các người}?” **13** <Rồi> họ <sup>860</sup>lại gào thét (với thống đốc Phi-lát): <sup>861</sup>“{Hãy đóng đinh hắn! ⇔ Truyền đóng đinh hắn! ⇔ Truyền xử tử/giết hắn trên cây thập tự!”}” **14** Nhưng (thống đốc) Phi-lát hỏi họ: “Tại sao (hắn bị đóng đinh ⇔ hình phạt như thế)? <sup>GTK862</sup>{Hắn đã làm điều gì sai ⇔ Hắn đã phạm tội gì} (để đáng nhận điều đó)?” Nhưng {họ ⇔ dân chúng} la càng lớn (hơn trước): “{Hãy đóng đinh hắn! ⇔ Hãy cho đóng đinh hắn! ⇔ Cho xử tử/giết hắn trên một cây thập tự!”}” **15** <Và> (thống đốc) Phi-lát muốn làm vừa lòng {đám đông ⇔ người Do Thái}, (do đó)

---

Phi-lát đã **làm gián đoạn** dân chúng trước khi họ nói xong yêu cầu của họ. Bạn có thể nói: “...nhưng (thống đốc) Phi-lát (**đã làm gián đoạn/ngắt lời** họ và) hỏi,...” **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như thống đốc Phi-lát nhắc lại lời yêu cầu của dân chúng trong câu 9. Họ **không** yêu cầu thống đốc tha Chúa Giê-su.

<sup>854</sup> **15:9** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**tha**” trong câu 6.

<sup>855</sup> **15:10** Phải chắc chắn khi chuyển ngữ từ “**ghen tức**” **không** hàm ý các thượng tế ghen tức về đàn bà. Bạn có thể nói: “...ghen tức/tức giận (rằng có vô số dân chúng theo Ngài/Chúa Giê-su)”.

<sup>856</sup> **15:10** Tốt nhất là nên để **thông tin hàm ý** này ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**, thay vì nói rõ trong bản văn.

<sup>857</sup> **15:11** Bạn có thể nói: “... xúi đám đông <sup>NTT</sup>đòi {tha Ba-ra-ba ⇔ (thống đốc) Phi-lát tha Ba-ra-ba thay vì (Chúa Giê-su)}.”

<sup>858</sup> **15:12** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và BCG, BDY), có “**ta nên làm gì**” hay cả ý tương đương nhưng dùng khác từ ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC) có “**các người muốn ta làm gì**”.

<sup>859</sup> **15:12** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**người mà các người gọi**” ở đây. Tuy nhiên, có nhiều bản khác **không** có.

<sup>860</sup> **15:13** Đây **không** phải là lần thứ hai họ gào thét “Hãy đóng đinh hắn!”, nhưng lần thứ hai họ gào thét với thống đốc Phi-lát. Có vẻ như lần đầu tiên ở trong câu 11 hay câu 8.

<sup>861</sup> **15:13** Cách bạn chuyển ngữ “**Hãy đóng đinh hắn!**” cần nên **ngắn gọn** để cho đám đông có thể cùng gào thét với nhau nhiều lần. Nếu cần, bạn có thể nói “Xử tử/Giết hắn!”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thông thường chính quyền La-mã chỉ đóng đinh trên cây thập tự những kẻ phản loạn chính trị, những tội phạm, và những nô lệ không vâng phục. Sự đóng đinh vào thập tự giá được coi là một cái chết nhục nhã và đau đớn nhất. Cây thập tự được làm bằng hai cây đà lớn bằng gỗ đóng giống hình chữ “t,T”. Nạn nhân sẽ bị đóng vào cây thập tự (bằng những cái đinh sắt lớn vào hai cổ tay và hai cổ chân) và bị treo trên cây thập tự nhiều ngày cho đến khi chết. Người Do Thái không được phép tự xử tử dân chúng, vì họ chịu dưới quyền cai trị của chính quyền La-mã (xem Giăng 18:31–32). Cách xử tử của người Do Thái là ném đá.

<sup>862</sup> **15:14** Một vài học giả Kinh Thánh nghĩ đây là một câu hỏi **tu từ** có nghĩa là: “Ông ấy chẳng làm điều gì sai!”

ông {tha <sup>863</sup> Ba-ra-ba ⇔ cho/ra lệnh tha Ba-ra-ba} {cho họ ⇔ theo như họ yêu cầu/đòi hỏi}.  
 Rồi <sup>864</sup> sau đó ông/Phi-lát <sup>865</sup> {dùng roi đánh đòn ⇔ <sup>NTT</sup> cho lính đánh bằng roi} (Chúa) Giê-su,  
 ông <sup>NTT866</sup> giao Ngài/(Chúa) Giê-su cho (họ ⇔ những người lính của ông ta) để <sup>867</sup> {Ngài sẽ bị  
 đóng đinh ⇔ họ sẽ đóng đinh Ngài ⇔ họ sẽ xử tử/giết Ngài bằng cách đóng đinh Ngài trên  
 một cây thập tự}.

### 15:16–20 Những Quân Lính Của (Thông Đốc) Phi-lát {Chế Nhạo ⇔ Làm Trò Cười Vê} (Chúa) Giê-su

*Ma-thi-ơ 27:27–31; Giăng 19:2–3*

**16** Rồi các quân lính (của thống đốc Phi-lát) đem Ngài/(Chúa) Giê-su ra khỏi đó và vào <sup>GTK868</sup> {sân trong (của dinh thống đốc Phi-lát) ⇔ dinh thống đốc ⇔ <sup>869</sup> tổng hành dinh của họ} và <sup>NTT</sup> gọi {tất cả <sup>870</sup> quân lính (còn lại của) đội quân La-mã (ở đó) ⇔ nhiều quân lính khác}.

**17** Rồi <sup>871</sup> (họ cởi <sup>872</sup> quần áo của Ngài/Chúa Giê-su và) khoác cho Ngài/(Chúa) Giê-su một cái áo choàng màu <sup>873</sup> tím/điều,/. {và ⇔ Họ cũng} <sup>874</sup> đan/làm một vương niệm bằng {gai ⇔

<sup>863</sup> **15:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Điều đáng chú ý là tên của Ba-ra-ba có nghĩa là “con của cha”, được tha, nhưng Chúa Giê-su thật sự là Con của Cha, lại bị án tử hình.

<sup>864</sup> **15:15** Vì mệnh đề này chứa đựng **thông tin mới**, có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “Rồi ông ấy/Phi-lát {dùng roi đánh ⇔ cho quân lính dùng roi đánh} Chúa Giê-su (và) và giao Ngài/Chúa Giê-su cho...”

<sup>865</sup> **15:15** Thống đốc Phi-lát **không** tự mình đánh Chúa Giê-su, ông sai quân lính làm điều đó.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Roi thường được làm bằng những sợi dây da và có những miếng xương hay sắt được buộc vào roi. Theo Luật Pháp của chính quyền La-mã mọi tử tội đều bị đánh trước khi bị xử tử. Việc đánh bằng roi, tự nó là một hình phạt khủng khiếp và đau đớn đôi khi làm chết tội nhân.

<sup>866</sup> **15:15** Bạn có thể nói: “...ông ta sai/ra lệnh (lính của ông ta) <sup>NTT</sup> đóng đinh Ngài/Chúa Giê-su.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thật kinh hoàng là thống đốc Phi-lát cho/ra lệnh đóng đinh Chúa Giê-su trong khi ông không có một bằng chứng để buộc tội Ngài/Chúa Giê-su và cũng không có bản tuyên án chính thức.

<sup>867</sup> **15:15** Chúa Giê-su **không** bị đóng đinh ngay tức khắc, mãi cho đến câu 24.

<sup>868</sup> **15:16** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn là một nghĩa. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó nói đến **sân trong** của dinh thống đốc. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó nói đến **dinh** của thống đốc, nơi có doanh trại của quân lính.

<sup>869</sup> **15:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tổng hành dinh của quân lính La-mã tại Giê-ru-sa-lem đóng trong dinh của thống đốc Phi-lát.

<sup>870</sup> **15:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một tiểu đoàn của quân đội La-mã có độ 600 binh sĩ.

<sup>871</sup> **15:17** Có thể cần nói rõ **khi nào** quân lính **lột** áo của Chúa Giê-su ra, vì câu 20 nói họ mặc áo của Ngài lại cho Ngài. Chúng ta **không** biết các quân lính **lột tất cả** quần áo của Chúa Giê-su hay chỉ áo khoác **bên ngoài**. Chúng ta biết rằng người Do Thái chỉ đánh đòn một người sau khi lột áo ngoài của người ấy ra, nhưng người La-mã thì **lột tất cả** quần áo. Có lẽ quân lính theo phong tục Do Thái bởi vì Chúa Giê-su là người Do Thái.

<sup>872</sup> **15:17** Có lẽ lúc này Chúa Giê-su đang mặc một loại áo dài đến hai đầu gối và một áo khoác bên ngoài.

<sup>873</sup> **15:17** Ma-thi-ơ 27:28 nói rằng **màu** của áo choàng mà quân lính mặc cho Ngài là màu đỏ tía, nhưng Mác 15:17 nói nó là màu **tím**. Có lẽ giữa hai màu đỏ tía và tím. Điều quan trọng ở đây là cái áo đó giống cái áo của một vị vua. Nếu trong ngôn ngữ của bạn **không** có từ cho màu đỏ tía và tím, bạn có thể nói “một cái choàng màu đỏ” hay “một cái áo choàng **giống** áo của một vị vua”.

những nhánh gai} (và) đội nó trên {Ngài ⇔ đầu của Ngài} (giả bộ như Ngài là một vị vua ⇔ chế nhạo Ngài như một vị vua). **18** Rồi họ {bắt đầu chào Ngài ⇔ giả bộ tôn trọng Ngài bằng cách hô to}: “{Hoan hô/Tôn vinh ⇔ Vạn Tuê} Vua của người Do Thái!” **19** <Và> {họ cũng (thay phiên nhau) đánh ⇔ họ (hết người này đến người kia) cũng đánh} trên đầu Ngài/(Chúa) Giê-su bằng một cây sậy/gậy, <và> <sup>875</sup> nhỏ trên Ngài (để làm nhục Ngài) và quỳ xuống (trước Ngài) (để giả bộ) họ <sup>876</sup> thờ phượng/tôn kính Ngài. **20** <Và> khi/sau khi {họ ⇔ các quân lính} (làm xong việc) {chế nhạo ⇔ làm trò cười} Ngài/(Chúa) Giê-su, họ cởi cái áo màu <sup>877</sup> tím <trên Ngài> ra và mặc quần áo của Ngài (lại) cho Ngài. Rồi họ <sup>878</sup> dẫn/đưa Ngài ra <sup>GTK879</sup> (ngoài thành) để đóng đinh/xử tử Ngài (trên một cây thập tự).

*Phân đoạn V. (Chúa) Giê-su Chết Và Được Chôn  
Các Chương 15:21–47*

*15:21–32 {(Chúa) Giê-su Bị Đóng Đinh ⇔  
Quân Lính Đóng Đinh (Chúa) Giê-su Trên Một Cây Thập Tự}*

*Ma-thi-ơ 27:32–44; Lu-ca 23:26–43; Giăng 19:17–27*

**21** <sup>TD880</sup> <Và> (trong khi họ đang đi,) một người đàn ông (có tên) Si-môn đi ngang qua (đó), ông từ {<sup>881</sup> vùng quê ⇔ bên ngoài thành/ruộng (đi vào thành phố Giê-ru-sa-lem)}. (Ông/Si-môn là người) (thành) <sup>882</sup> Sy-ren ((ở Bắc Phi Châu)) (và) {(là) cha của ⇔ có các con

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Màu tím là dấu hiệu của hoàng tộc. Các vị vua thường mặc những áo choàng màu tím đắt tiền để bày tỏ địa vị của họ. Quân sĩ La-mã thường mặc áo choàng màu đỏ tía. Có lẽ quân lính đã dùng một cái áo củ của họ để nhái áo của vua.

<sup>874</sup> **15:17** Bạn có thể nói: “...và đội một cái vương niệm làm bằng những nhánh gai trên {Ngài ⇔ đầu Ngài}...”

<sup>875</sup> **15:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cách các nhà lãnh đạo Do Thái đối xử với Chúa Giê-su (Mác 14:64–65) và cách các quân lính đối xử với Chúa Giê-su (và trong câu 15) làm ứng nghiệm những lời tiên tri trong Ê-sai 50:5–6; 53:3, 5, 7–8 và Mác 10:33–34.

<sup>876</sup> **15:19** Hãy coi lại lần nữa cách bạn chuyển ngữ “**thờ phượng**” trong sách Mác. Xem Mác (1:40); (2:26); 7:7; ((11:15)); (12:26–27, 30); 15:19. So sánh các chỗ đó với cách bạn chuyển ngữ “tôn vinh” trong Mác 7:6.

<sup>877</sup> **15:20** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**áo tím**” trong câu 17.

<sup>878</sup> **15:20** Đối với một số ngôn ngữ cần nói rõ rằng khi Chúa Giê-su **bắt đầu vác thập tự giá** của Ngài, lần đầu tiên điều này được nói đến trong bản Hy-lạp ở câu 21. Thí dụ, bạn có thể nói: “Rồi họ (bắt Ngài **vác thập tự giá của Ngài** và) dẫn Ngài ra ngoài <sup>GTK</sup> (thành) để đóng đinh/xử tử Ngài (**trên nó**).”

<sup>879</sup> **15:20** “**dẫn ... ra**” có thể hiểu theo nhiều hơn là một nghĩa. Nó có thể hàm ý “dẫn ra ngoài (khỏi thành)” hay “dẫn ra (khỏi **dinh/công đường**)” hay **cả hai**.

<sup>880</sup> **15:21** Thứ tự của mệnh đề trong bản Hy-lạp là: “Rồi các quân lính **bắt/ra lệnh** cho một người có tên là Si-môn người thành Sy-ren, ông ta từ ngoài đồng về vừa đi ngang qua đó, **vác thập tự của Ngài/Chúa Giê-su**.”

<sup>881</sup> **15:21** “**vùng quê**” nói đến chỗ nhà quê/chỗ có ruộng vườn khác với thành thị.

<sup>882</sup> **15:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sy-ren là thị xã của tỉnh nằm dọc theo bờ biển của Bắc Phi-châu. Có nhiều người Do Thái sống ở đó. Có lẽ ông Si-môn là một trong những người từ đó về Giê-ru-sa-lem để dự Lễ Vượt Qua.

trai có tên<sup>883</sup> A-léc-xan-đơ và Ru-phu.<sup>884</sup> {Họ ⇔ Các quân lính} <sup>NTT</sup> bắt ông/Si-môn<sup>885</sup> vác <sup>GTK<sup>886</sup></sup> thập tự của (Chúa Giê-su) (cho Ngài). **22** Rồi họ đem Ngài/(Chúa) Giê-su đến chỗ (gọi là) Gô-gô-tha, có nghĩa là<sup>887</sup> Chỗ Sọ. **23** Rồi/ở đó <sup>GTK<sup>888</sup></sup> {họ/một người nào đó ⇔ các quân lính} (cố gắng) cho Ngài/(Chúa) Giê-su<sup>889</sup> rượu nho hòa với (nhựa cây gọi là ⇔ một loại thuốc gọi là)<sup>890</sup> nhựa trầm hương<sup>891</sup> [để uống] <sup>GTK<sup>892</sup></sup> (để giúp cho Ngài không biết đau), nhưng Ngài {không ⇔ từ chối}<sup>893</sup> chấp nhận/uống (nó). **24** <Rồi><sup>894</sup> {họ ⇔ các quân lính}<sup>895</sup> đóng

<sup>883</sup> **15:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nó cho thấy rằng thánh giả của ông Mác đã biết các ông A-léc-xan-đơ và Ru-phu. Ông Ru-phu này có lẽ cùng một người được nhắc đến trong Rô-ma 16:13.

<sup>884</sup> **15:21** Phải chắc chắn rằng từ “họ” nói về các quân lính, **không phải** các ông A-léc-xan-đơ và Ru-phu.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su bắt đầu vác thập tự giá của Ngài từ câu 20 (Giăng 19:17), nhưng Mác không nhắc đến, vì ông ta tránh không nói về sự đau đớn của Chúa Giê-su. Đến lúc này có lẽ Chúa Giê-su đã mất rất nhiều máu vì bị đánh thương tích (xem câu 15) cho thấy Ngài quá yếu để vác thập tự của Ngài đi xa hơn.

<sup>885</sup> **15:21 HÌNH ẢNH được đề nghị:** đoàn dân đi, những quân lính cầm roi, Giê-su mình đầy máu, Si-môn vác thập tự.

<sup>886</sup> **15:21** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thập tự**” trong Mác 8:34, [10:21]. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su chỉ vác **cây đà ngang** và cây trụ đứng đã có sẵn ở trên đồi Gô-gô-tha. Tuy nhiên, trong bản Hy-lạp nói “**thập tự**” ở đây, **không phải** “**đà ngang**”, do đó chắc có lẽ Ngài vác nguyên cây thập tự. Xem lời chú thích về thập tự ở câu 13.

<sup>887</sup> **15:22 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Không biết chắc tại sao chỗ này gọi là “Gô-gô-tha” (một tên bằng tiếng Do Thái cổ có nghĩa là “Chỗ Sọ.” Có thể đó là một cái đồi, hay gần một cái đồi trông giống như một cái sọ người, hay có thể vì chính quyền La-mã đã xử tử rất nhiều người ở đó.

<sup>888</sup> **15:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Châm Ngôn 31:6–7, người đàn bà Giê-ru-sa-lem có phong tục cung cấp thuốc giảm đau cho những người bị đóng đinh trên thập tự. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những người đàn bà này là những người trao giấm cho Ngài uống. Tuy nhiên, đa số nghĩ rằng những người đàn bà đó đã cung cấp/làm nước giấm, nhưng các quân lính là những người trao giấm cho Ngài.

<sup>889</sup> **15:23** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**rượu nho**” trong sách Mác. Xem Mác 2:22, (14:23–25), 15:23, (36). Coi lại cách bạn chuyển ngữ “**ép rượu**” trong Mác 12:1 và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 2:22.

<sup>890</sup> **15:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhựa trầm hương của người Do Thái, có màu đỏ lấy ra từ lớp vỏ bên trong của cây trầm hương đầy gai. Nó được dùng cho nhiều mục đích, kể cả việc làm dầu thơm, mỹ phẩm và thuốc tây. Ở đây nó được hòa với rượu nho làm thuốc giảm đau.

<sup>891</sup> **15:23** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có “**để uống**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) **không có**, nhưng chỉ hàm ý.

<sup>892</sup> **15:23** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ **mục đích** của việc hòa rượu với trầm hương là “(để giúp cho Ngài **không biết đau**)” (xem lời chú thích về điều này ở câu 23). Tuy nhiên, một vài học giả nghĩ làm điều đó “(để đối xử tệ với Ngài)”. Thay vì nói rõ những tin tức này trong bản văn, có lẽ tốt nhất là để trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

<sup>893</sup> **15:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Chúa Giê-su từ chối không uống rượu vì Ngài muốn được tinh tảo cho đến chết.

<sup>894</sup> **15:24** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**Sau khi (họ ⇔ các quân lính) đóng đinh Ngài, họ chia...**” Tuy nhiên, một vài bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có “**Rồi họ đóng đinh Ngài và chia...**” Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo câu 39 và Giăng 19:23, có bốn binh sĩ, kể cả một đại úy, chịu trách nhiệm việc đóng đinh Chúa Giê-su.

<sup>895</sup> **15:24** Có nhiều cách khác nhau để đóng đinh một người. Kinh Thánh cho biết nguyên cả thập tự được vác đến Gô-gô-tha (xem câu 21), do đó tại Gô-gô-tha các binh sĩ đặt thập giá trên đất, đóng đinh Chúa Giê-su

đỉnh Ngài/(Chúa) Giê-su (trên cây thập tự) (và dựng nó lên) [và/rời] <sup>896</sup>{chia nhau ⇔ phân phát} áo của Ngài (chỉ trong vòng những người ấy) bằng cách bắt thăm (để coi/quyết định) ai sẽ trúng {gì ⇔ mỗi thứ}. **25** <Và> lúc đó là {giờ thứ ba ⇔ chín giờ sáng ⇔ giữa buổi sáng} và/khi họ đóng đỉnh Ngài/(Chúa) Giê-su (trên cây thập tự). **26** <Và> có <sup>897</sup>ghi {sự buộc tội của Ngài ⇔ lý do Ngài bị trừng phạt/xử tử/đóng đỉnh} (trên một cái bảng) (bảng đó được đóng vào thập tự) ở trên (đầu của Ngài). (Nó nói/đọc): “(ĐÂY LÀ) <sup>898</sup>VUA DÂN DO THÁI.”

**27** {<Và> họ ⇔ Các quân lính cũng} đóng đỉnh hai <sup>GTK899</sup>tên cướp/tội phạm/phản loạn với/bên cạnh Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>900</sup>(trên các cây thập tự khác), một ở phía bên phải (của Ngài) và một ở phía bên trái (của Ngài). **28** <sup>901</sup>{Rời ⇔ Như thế} <sup>902</sup>lời Kinh Thánh/Chúa nói (về Chúa Cứu Thế) {được ứng nghiệm ⇔ thành sự thật}: <sup>NGT</sup><Và> Ngài đã/sẽ <sup>903</sup>{bị kể trong hàng kẻ có tội ⇔ bị coi là một tội nhân ⇔ bị đối xử như một tội nhân}.” (Ê-sai 53:12)]

**29** <Và> (một vài) dân chúng là những người đi ngang qua (đó ⇔ chỗ đó/các thập tự) <sup>904</sup>phỉ báng Ngài/(Chúa) Giê-su bằng cách <sup>GTK905</sup>lắc đầu <của họ> và {và nói (với Ngài) ⇔

trên thập tự (với những cái đỉnh bằng sắt xuyên qua cổ tay và cổ chân) và rồi dựng cây thập tự đứng lên trên chỗ của nó. Phải chắc chắn rằng khi chuyển ngữ “**đóng đỉnh trên thập tự**” không nên nghe giống như Chúa Giê-su đã chết. Đến lúc này Ngài vẫn còn **sống**.

<sup>896</sup> **15:24** Các binh sĩ **bắt thăm** chia nhau quần áo Chúa Giê-su, có nghĩa là họ bắt thăm để quyết định ai sẽ trúng được gì. Họ **không** xé áo của Chúa Giê-su thành từng nhiều mảnh. Bạn có thể nói: “...họ lấy áo của Ngài/Chúa Giê-su chia nhau bằng cách bắt thăm để quyết định ai sẽ trúng được gì.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Quần áo của Chúa Giê-su có thể gồm có, một cái áo ngoài, một cái áo, một dây lưng bằng vải, một khăn trùm đầu và một đôi dép. Việc các binh sĩ chia quần áo của Chúa Giê-su làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Thi Thiên 22:18.

<sup>897</sup> **15:26** Có lẽ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “<Và> một **tấm bảng** (được đóng) (trên thập tự) trên (đầu Chúa Giê-su) nói {bản án/tội trạng của Ngài ⇔ lý do Ngài bị trừng phạt/đóng đỉnh/xử tử}. (Nó nói/đọc)...”

<sup>898</sup> **15:26** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Vua Dân Do Thái**” trong câu 2.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Câu nói này về Chúa Giê-su là sự thật!

<sup>899</sup> **15:27** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**kẻ cướp/tội phạm/kẻ dấy loạn**” trong Mác 14:48, và xem lời chú thích về điều này ở đó. Lu-ca 23:32–33, 39 nói về hai người này như “{những tội phạm ⇔ những kẻ làm điều ác}”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những <sup>GTK</sup>kẻ cướp/tội phạm/kẻ phản loạn có thể là những đồng bọn/cùng nhóm với Ba-ra-ba trong vụ dấy loạn được nhắc đến trong câu 7.

<sup>900</sup> **15:27** **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su và hai <sup>GTK</sup>tên cướp cả ba cùng bị đóng đỉnh trên một cây thập tự. Để tránh hiểu nhầm bạn có thể thêm “(trên các/hai cây thập tự khác)”, hay bạn có thể hoàn tất câu 27 bằng cách nói: “Cây thập tự của Chúa Giê-su ở chính giữa hai cây kia.”

<sup>901</sup> **15:28** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG, BDY) có **câu 28**. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC) **không** có.

<sup>902</sup> **15:28** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “lời Kinh Thánh” trong sách Mác. Hãy xem Mác (2:25); (4:12); (9:12–13); (10:6); (11:17); 12:10, (19), 24, (29); (13:26); 14:(21), 49, 62; 15:[28], (34), và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 2:25.

<sup>903</sup> **15:28 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mặc dù Chúa Giê-su chẳng hề phạm tội, Đức Chúa Trời trừng phạt Ngài như một tội nhân thế/vì tội lỗi của chúng ta để tội lỗi của chúng ta được trả/thanh toán và chúng ta được tha thứ. (2 Cô-rinh-tô 5:21).

<sup>904</sup> **15:29** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**phỉ báng**” và “**lời phạm thượng**” trong sách Mác. Xem Mác 2:7;3:28–29; 7:22, 14:64; 15:29, và xem lời chú thích về điều này trong Mác 3:28.

lớn tiếng (với Ngài)): “{<sup>906</sup>Ê! (Người) là kẻ ⇔ Sao! Người nói <sup>NTT</sup> người} sẽ (có thể) phá hủy đền thờ (của Đức Chúa Trời) và xây (nó) lại (chỉ) trong ba ngày! **30** (Nếu người có quyền năng như thế,) {hãy tự cứu/giải cứu mình đi ⇔ giữ cho khỏi chết} {bằng cách ⇔ và leo} xuống khỏi <sup>907</sup>thập tự!” **31** Cùng một cách như thế, <sup>908</sup>các thượng tế với/và <sup>909</sup>các chuyên gia Kinh Luật cũng <sup>910</sup>{chế nhạo ⇔ làm trò cười} (Ngài/Chúa Giê-su) (và) nói với nhau: “Hắn cứu những người khác, (nhưng) (rõ ràng) hắn không <sup>911</sup>thể cứu/giúp chính mình! **32** <sup>912</sup>Hãy để <sup>913</sup>(người này nói mình <sup>NTT</sup>là) <sup>914</sup>{Chúa Cứu Thế ⇔ Đấng Đức Chúa Trời đã hứa}, Vua của (người) Y-sơ-ra-ên, hãy xuống khỏi <sup>915</sup>thập tự ngay đi, để chúng ta có thể thấy (điều đó) và tin (vào Ngài ⇔ Ngài ⇔ rằng Ngài là Vua của chúng ta!)” <sup>GTK</sup><sup>916</sup>Ngay cả đến hai người cùng đang bị đóng đinh như Ngài/(Chúa) Giê-su cũng <sup>NTT</sup><sup>917</sup>{mắng nhiếc ⇔ buông lời sỉ nhục ⇔ làm trò cười về} Ngài.

- 
- <sup>905</sup> **15:29** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ cách/hướng người ta **lắc đầu của họ**. Nó có thể là **lên và xuống** để bày tỏ sự đồng ý với việc Ngài bị trừng phạt. Hay nó có thể **qua lại từ bên này qua bên kia** để bày tỏ sự ngạc nhiên hay không đồng ý với câu nói ghi trên bảng phía trên đầu Ngài, nó nói Ngài là Vua của dân Do Thái. Hãy coi lại ý nghĩa của cách lắc đầu trong ngôn ngữ của bạn.
- <sup>906</sup> **15:29** Hãy chuyển ngữ từ “**ê!**” thế nào để làm cho rõ là người ta chế nhạo Chúa Giê-su.
- <sup>907</sup> **15:30** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thập tự**” trong câu 21.
- <sup>908</sup> **15:31** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**các thượng tế**” trong sách Mác. Xem Mác 8:31, 10:33, 11:18, 27; 14:1, 10, 43, 53, 55; 15:1, 3, 10–11, 31, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 8:31. So sánh với cách bạn chuyển ngữ “**thầy tế lễ**” trong Mác 1:44, (45); 2:26 và “**vị trưởng tế**” trong Mác 2:26; 14:47, 53–54, 60–61, 63, 66. Xem các **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:44 và 2:26.
- <sup>909</sup> **15:31** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**các chuyên gia Kinh Luật**” trong sách Mác. Xem Mác 1:22; 2:6, 16–17; 3:22–23, 30; 7:1, 5; 8:31, 9:11, 14, [16]; 10:33; 11:18, 27; 12:28, 32, (34), 35, 38 và tiểu đề; 14:1, 43, 53; 15:1, 31, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:22.
- <sup>910</sup> **15:31** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**chế nhạo**” trong sách Mác. Xem Mác 10:34, (14:65), 15:(17), 20 và tiểu đề, (29), 31.
- <sup>911</sup> **15:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su có thể tự cứu Ngài. Tuy nhiên, Ngài muốn cứu nhân loại khỏi sự trừng phạt của Đức Chúa Trời vì tội lỗi của họ, vì thế, Ngài không định tự cứu mình. Tạ ơn Chúa vì Chúa Giê-su hy sinh chính Ngài cho chúng ta!
- <sup>912</sup> **15:32** Hay bạn có thể nói: “(Nếu Ngài thật là) Chúa Cứu Thế, Vua của/trên (dân)Y-sơ-ra-ên, {hãy để cho Ngài ⇔ Ngài nên} xuống khỏi thập tự ngay đi, để chúng ta có thể thấy (việc đó)! **Rồi** chúng ta sẽ tin Ngài!”
- <sup>913</sup> **15:32** Cần nên rõ ràng rằng các thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật **phỉ báng** Chúa Giê-su. Họ **không** tin rằng Chúa Giê-su là Chúa Cứu Thế. Thí dụ, bạn có thể nói: “Hãy để người (tự) (**gọi là**) Chúa Cứu Thế...”
- <sup>914</sup> **15:32** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Chúa Cứu Thế/Christ**” trong sách Mác. Xem Tên Sách, Mác 1:1 và tiểu đề, 1:34; 8:29–(30) và tiểu đề; 9. (11–12), 41; 12: (10), 35–(37) và tiểu đề; 13:(6), 21; 14:61, 15:(28), 32. Xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:1, 34. Cũng hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Chúa Cứu Thế giả**” trong Mác 13:22.
- <sup>915</sup> **15:32** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**thập tự**” trong sách Mác. Xem Mác 8:34, [10:21], 15:(13–15), 21 và tiểu đề, (24–27, 29), 30, 32, (36, 39, 46); (16:6), và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 15:13.
- <sup>916</sup> **15:32** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**ngay cả**” hay “**cũng**”. Hãy chuyển ngữ theo cách thứ hai, bạn có thể nói: “...**cũng** <sup>NTT</sup>mắng nhiếc...” Cả hai đều phù hợp với ngữ cảnh.
- <sup>917</sup> **15:32** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**mắng nhiếc**” trong Mác 9:39. So sánh với cách bạn chuyển ngữ “**trách/chi trích**” trong Mác (14:5–6); 16:14 và “**bẻ trách**” (xem Mác 10:48).



## 15:33–41 (Chúa Giê-su Chết)

*Ma-thi-ơ 27:45–56; Lu-ca 23:44–49; Giăng 19:28–30*

**33** <Và> đến <sup>918</sup>{giờ thứ sáu ⇔ mười hai giờ ⇔ giữa trưa}, <sup>919</sup>{sự tối tăm (bao trùm) khắp <sup>GTK920</sup>đất/xứ/nước ⇔ khắp <sup>GTK</sup>đất/xứ/quốc gia trở nên tối tăm} (và nó cứ như vậy) {cho đến giờ thứ chín ⇔ cho đến ba giờ (chiều) ⇔ mãi ba giờ đồng hồ}. **34** <Rồi> {đến giờ thứ chín ⇔ ba giờ chiều ⇔ giờ đó}, (Chúa) Giê-su <sup>921</sup>gọi/kêu <sup>922</sup>(bằng ngôn ngữ riêng <sup>GTK923</sup>của Ngài): “Ê-lô-i, Ê-Lô-i, la-ma sa-bách-tha ni?” <sup>924</sup>{được chuyển ngữ (là) ⇔ có nghĩa (là)}: <sup>925</sup>“Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài <sup>926</sup>lìa bỏ con?!” <sup>927</sup>(Thi Thiên 22:1) **35** <Và> một số (những người) đứng gần bên đó nghe (Ngài/Chúa Giê-su) <sup>928</sup>(nhưng họ không

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Lu-ca 23:39–43 chúng ta biết rằng một trong hai người <sup>GTK</sup>trộm cướp/tội phạm/phản loạn đã ăn năn.

<sup>918</sup> **15:33** “giờ thứ sáu” nói về 12 giờ trưa, không phải 6 giờ sáng.

<sup>919</sup> **15:33 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sự tối tăm đôi khi có liên hệ đến sự đoán xét của Đức Chúa Trời (Ê-sai 5:25–30; 13:9–13; Ê-xê-chi-ên 32:7–8; Giô-ên 2:1–2, 31; 3:14–15; A-mốt 8:9–10). Trong trường hợp này, Đức Chúa Trời đoán xét và trừng phạt Chúa Giê-su vì tội lỗi của mọi người (Ê-sai 53:4–6; Rô-ma 3:25; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Ga-la-ti 3:13; 1 Ti-mô-thê 4:10). Sự trừng phạt này tệ hại hơn sự trừng phạt của việc bị đóng đinh trên cây thập tự.

<sup>920</sup> **15:33** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn một ý nghĩa. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ nó có nghĩa là “cả **xứ/nước**” Do Thái. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ nó có nghĩa “cả **thế giới**”. Cùng một từ còn có nghĩa “**thế giới/đất**” trong Mác 2:10; 4:31; 9:3; 13:27, 31. Mọi chỗ khác trong Mác có nghĩa “đất”.

<sup>921</sup> **15:34** Hãy chuyển ngữ từ “**gọi/kêu**” không nên hàm ý rằng Chúa Giê-su đang tức giận hay đang khóc, đang kêu lớn tiếng với Cha của Ngài.

<sup>922</sup> **15:34** Không nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su gọi/kêu thân chú ở đây. Ngài đang nói bằng ngôn ngữ riêng của Ngài. Đối với một số ngôn ngữ, sẽ được tự nhiên hơn nếu đổi **thứ tự** của câu này và nói: “...gọi/kêu: ‘Đức Chúa Trời của tôi, Đức Chúa Trời của tôi, sao Ngài lìa bỏ tôi!’” Những tiếng mà Ngài đã thực sự nói bằng ngôn ngữ của Ngài là: “Ê-lô-i, Ê-lô-i, la-ma-sa-bách-tha-ni?”

<sup>923</sup> **15:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Ê-lô-i, Ê-lô-i, la-ma-sa-bách-tha-ni?” là tiếng Do Thái cổ. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng vì Chúa Giê-su trích dẫn từ trong Thi Thiên, có thể Ngài đã nói bằng tiếng Hy-bá (một ngôn ngữ rất gần với tiếng Do Thái cổ), và có thể Mác đã chuyển ngữ sang tiếng Do Thái cổ (So sánh Ma-thi-ơ 27:46). Chúa Giê-su và các môn đệ có lẽ nói cả hai thứ tiếng đó và cả tiếng Hy-lạp.

<sup>924</sup> **15:34** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**được chuyển ngữ là**” trong câu 22.

<sup>925</sup> **15:34** Đối với một số ngôn ngữ không có thể nói “**Đức Chúa Trời của tôi**” được. Ở trong trường hợp như thế, bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời Đấng tôi hầu việc/tin cậy”.

<sup>926</sup> **15:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều sự đau đớn mà Chúa Giê-su từng trải trong sách Mác 15 đã được dự ngôn/nói tiên tri trong Thi Thiên 22. Tội lỗi của chúng ta là lý do Đức Chúa Trời lìa bỏ Chúa Giê-su (Ê-sai 59:2).

<sup>927</sup> **15:34** Hãy coi lại việc bạn sẽ làm gì với lời tiên tri trong **Cựu Ước** được trích dẫn trong Tân Ước. Một số bản dịch để chúng vào trong bản văn, phần nhiều để chúng trong một lời chú thích hay lời chú thích bên lề, và một số không ghi gì cả. Hãy xem Mác 1:2–3; 4:12; 7:6–7, 10; 9:12, 10:4, 6–8, 19; 11:9–10, 17; 12:10–11, 19, 26, 29–33, 36; 13:26; 14:27, 62; 15:[28], 34.

<sup>928</sup> **15:35 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong tiếng Hy-bá từ cho “Đức Chúa Trời của tôi” thì tương tự như tên “Ê-li”. Người ta hiểu sai điều Chúa Giê-su nói trong câu 34.

hiểu Ngài) (và) nói (với nhau): “Kìa/Hãy nghe, hãy gọi Ê-li (tiên tri của Đức Chúa Trời) <sup>929</sup>((ở thiên đàng)) <sup>930</sup>(đến cứu ⇔ đến để giúp hẳn)!” **36** <Rồi> một trong <sup>931</sup>(số những người đó ⇔ số những quân lính) chạy <sup>932</sup>[và] <sup>933</sup>nhúng <sup>934</sup>{một miếng bọt biển/bông đá ⇔ vật gì có thể thấm nước (gọi là một miếng bọt biển),} vào <sup>935</sup>{rượu nho chua rẻ tiền ⇔ giấm}, gán (nó ⇔ miếng bọt biển) lên (đầu của) một cây gậy/sậy <sup>936</sup>(và) <sup>937</sup>{đưa (nó) cho Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ đưa nó lên (đến môi Chúa Giê-su) để Ngài/(Chúa) Giê-su} (uống) (và) nói: “Hãy để (tôi đưa cái này cho hẳn ⇔ hẳn uống nước này), (rồi) để chúng ta coi xem Ê-li (có) đến để {đem hẳn xuống ⇔ cứu hẳn} (khỏi thập tự) không?” **37** <Rồi> (Chúa) Giê-su kêu lên một tiếng lớn (và) <sup>938</sup>{trút hơi thở (cuối cùng của Ngài) ⇔ chết}. **38** <Rồi> <sup>939</sup>bức màn nặng/dày {của/trong ⇔ treo trong} đền thờ ((để giữ mọi người vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời,)) bị xé ra làm đôi (bởi Đức Chúa Trời) từ trên xuống dưới. **39** <Và> khi <sup>940</sup>{viên đội trưởng ⇔ đại úy trong quân đội La-mã} đang đứng ở đó trước {Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ thập tự của (Chúa) Giê-su}

<sup>929</sup> **15:35** Ê-li không còn sống ở trần gian trong thời Chúa Giê-su.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời đem Ê-li lên thiên đàng khi ông đang sống vào khoảng 850 T.C. (2 Các Vua 2:11).

<sup>930</sup> **15:35** Cần nên nói rõ ràng là họ nghĩ Chúa Giê-su kêu Ê-li **giúp đỡ**, không phải chỉ gọi tên Ê-li mà thôi.

<sup>931</sup> **15:36** “**Một (trong số)**” ở đây có thể nói về một trong những người lính hay một trong những người đi ngang qua đó được nhắc đến trong câu 35. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ nó là một **người lính**.

<sup>932</sup> **15:36** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có từ “**và**” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản và (BDM, BDC, BCG, BDY) **không có**. Hãy chuyển ngữ thế nào cho được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

<sup>933</sup> **15:36** Bạn có thể nói: “...**nhúng** một miếng bọt biển vào trong {rượu nho chua rẻ tiền ⇔ giấm}...”

<sup>934</sup> **15:36** Nếu **bọt biển** không được biết đến trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói một cách tổng quát.

<sup>935</sup> **15:36** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thi Thiên 69:21 nói tiên tri rằng Chúa Cứu Thế sẽ được cho uống giấm.

<sup>936</sup> **15:36** Đối với một số ngôn ngữ, có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu bắt đầu một **câu mới** ở đây và nói: “(Rồi) ông ấy trao...”

<sup>937</sup> **15:36** **HÌNH ẢNH được đề nghị:** Chúa Giê-su trên thập tự và một người trao cho Ngài miếng bông đá trên đầu cây gậy.

<sup>938</sup> **15:37** “**trút hơi thở**” là một thành ngữ đặc biệt dùng cho sự **chết** của người quan trọng. Một vài ngôn ngữ có một thành ngữ tương tự.

<sup>939</sup> **15:38** Nếu **màn không** có trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói “vải che cửa”. Cái màn này khoảng 18 thước cao và 9 thước rộng. Nó dày 2 phân hay dày hơn, và không thể nhìn xuyên qua.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một cái màn lớn và dày ngăn đôi nơi Thánh và nơi Chí Thánh của đền thờ, người ta tin rằng đó là nơi Đức Chúa Trời ngự ở trần gian (Xuất Ê-díp-tô Ký 26:31–33). Chỉ có trưởng tế được phép vào nơi Chí Thánh. Ông đại diện cho dân sự của Đức Chúa Trời và chỉ vào đó một năm một lần để dâng tế lễ thay cho họ để Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi của họ. Sau khi Chúa Giê-su chết và đền tội cho mọi người, không còn cần dâng một tế lễ nào khác, một trưởng tế hay cái màn ngăn dân sự khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Việc bức màn bị xé đôi là một biểu tượng cho thấy không còn có sự ngăn cách giữa Đức Chúa Trời và con người; mọi tín hữu ngày nay được tự do đến với Đức Chúa Trời một cách trực tiếp (xem Hê-bơ-rơ 6:19–20, 9:1–15, 10:19–22).

<sup>940</sup> **15:39** Một **đội trưởng** là một đại úy quân đội La-mã trông coi 100 binh sĩ.

thấy Ngài/(Chúa) Giê-su <sup>941</sup>[đã kêu (và)] <sup>942</sup>{trút hơi thở (cuối cùng của Ngài) ⇔ chết} như thế nào, ông ấy nói: “{Người này thật là ⇔ Người này chắc chắn là ⇔ Không còn nghi ngờ về điều đó, (người) này là} Con của Đức Chúa Trời!”

**40** <Và> cũng có (một số) <sup>943</sup> phụ nữ (ở đó) nhìn xem từ đằng xa, {trong những người đó <cũng> ⇔ gồm có} <sup>944</sup> Ma-ri {Ma-đơ-len ⇔ là người từ (làng) Ma-đơ-la}, <và> <sup>TD945</sup> Sa-lô-mê, và <sup>946</sup> Ma-ri (là) mẹ của <sup>947</sup> Gia-cơ nhỏ/trẻ và <sup>948</sup> Giô-sê,/. **41** Những phụ nữ này đã theo Ngài/(Chúa) Giê-su khi Ngài còn ở (tỉnh) Ga-li-lê và đã <sup>949</sup> {phục vụ/giúp đỡ Ngài ⇔ cung cấp cho Ngài ⇔ trông coi những nhu cầu của Ngài}. <Và> (cũng có nhiều phụ nữ khác ở đó) là những người cùng đi với Ngài/(Chúa) Giê-su (từ Ga-li-lê) <sup>950</sup> <lên> đến Giê-ru-sa-lem.

<sup>941</sup> **15:39** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “đã kêu (và)” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]), BDM, BDC, BCG, BDY không có.

<sup>942</sup> **15:39** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “trút hơi thở (cuối cùng của Ngài)” trong câu 37.

<sup>943</sup> **15:40 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có sự đối nghịch rõ giữa sự có mặt của những người đàn bà này ở nơi Chúa bị đóng đinh và các môn đệ của Chúa bỏ Ngài. (ngoại trừ Giăng trong Giăng 19:26).

<sup>944</sup> **15:40 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đã đuổi bảy quý ra khỏi Ma-ri Ma-đơ-len (Mác 16:9, Lu-ca 8:2). Làng Ma-đơ-la nằm trên bờ phía tây của Hồ Ga-li-lê gần thành Ti-bê-ri-át.

<sup>869</sup> **15:40** Trong bản Hy-lạp Sa-lô-mê là tên đứng cuối cùng trong danh sách. Tên bà được đề trước ở đây để tránh hiểu lầm bà là chị/em gái của Gia-cơ và Giô-sê.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mặc dù chúng ta không biết chắc, Sa-lô-mê có phải là vợ của Xê-bê-đê và là mẹ của Gia-cơ và Giăng hay không. (So sánh với Ma-thi-ơ 27:56).

<sup>946</sup> **15:40 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ma-ri, mẹ của Gia-cơ và Giô-sê, cũng có thể là mẹ của Chúa Giê-su (xem Mác 6:3 và Giăng 19:25). Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ đây là một Ma-ri khác (có thể là em gái của mẹ Chúa Giê-su), vì họ nghĩ mẹ của Chúa Giê-su sẽ được nói đến một cách khác ở đây và trong Mác 15:47 và 16:1. Tuy nhiên, Mác có thể nói về Ma-ri như thế này cốt để nhấn mạnh thêm bằng chứng Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời (câu 39).

<sup>870</sup> **15:40** Từ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có thể hiểu theo nhiều hơn một nghĩa. Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ nó chỉ về tuổi tác. Tuy nhiên, có một số nghĩ nói về kích thước của một người.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Gia-cơ có thể được nói đến ở đây như Gia-cơ trẻ để phân biệt giữa ông với hai môn đệ của Chúa Giê-su có cùng tên.

<sup>948</sup> **15:40** Phải chắc chắn phân biệt giữa Giô-sê và Giô-sép A-ri-ma-thê (các câu 43–46). Họ là hai người khác nhau.

<sup>949</sup> **15:41** Hãy chuyển ngữ từ “phục vụ Ngài” không nên hàm ý về tình dục. Có thể nó nói về việc cung cấp tài chánh cũng như nấu ăn giặt quần áo cho Chúa Giê-su.

<sup>950</sup> **15:41** Vì Giê-ru-sa-lem là một thành được xây cất trên đồi, “lên” ở đây nói về cao độ, không phải phương hướng. Giê-ru-sa-lem nằm về phía nam của tỉnh Ga-li-lê.

15:42–47 {SỰ CHÔN (CHÚA) GIÊ-SU ⇔ GIÔ-SÉP ĐẶT  
XÁC (CHÚA) GIÊ-SU VÀO TRONG MỘT CÁI MỘ}

*Ma-thi-ơ 27:57–61; Lu-ca 23:50–56; Giăng 19:38–42*

42 <Và> <sup>GTK951</sup>trời đã sắp tối, vì là (Ngày) <sup>952</sup>Chuẩn Bị, đó là, ngày {trước ⇔ người ta chuẩn bị cho} (Ngày) Sa-bát/Nghỉ, 43 <sup>953</sup>Giô-sép người A-ri-ma-thê <sup>GTK954</sup>đến (gặp thống đốc Phi-lát). <sup>955</sup>(ông/Giô-sép) là một nghị viên có uy tín của Hội đồng Quốc Gia Do Thái và {cũng chính ông ⇔ là một trong những người} {đang trông đợi <sup>956</sup>Nước Đức Chúa Trời ⇔ mong đợi thời kỳ khi Đức Chúa Trời sẽ cai trị nhân loại}. Ông {mạnh dạn ⇔ không sợ hãi} vào (đình thống đốc) để gặp (thống đốc) Phi-lát (và) <sup>NTT957</sup>{yêu cầu ⇔ hỏi xin} xác (Chúa) Giê-su (để ông có thể chôn). 44 <Rồi/Và> (thống đốc) Phi-lát <sup>GTK958</sup>{ngạc nhiên/bàng hoàng ⇔ <sup>NTT</sup>tự hỏi, chẳng biết} Ngài/(Chúa) Giê-su đã chết (thật) chưa, do đó ông <sup>NTT</sup>{gọi ⇔ cho gọi} {đội

<sup>951</sup> 15:42 Nhóm từ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có thể hiểu theo nhiều hơn một nghĩa. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ Giô-sép A-ri-ma-thê đã làm mọi sự **giữa** 3:00 giờ chiều (khi Chúa Giê-su đã chết) và 6:00 giờ chiều. (khi Ngày Sa-bát/Nghỉ bắt đầu).

<sup>952</sup> 15:42 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mỗi ngày thứ sáu là “Ngày Chuẩn Bị. Mỗi ngày thứ bảy là Ngày Sa-bát/Nghỉ. Đối với người Do Thái một ngày mới bắt đầu vào 6:00 tối, thay vì bắt đầu vào 1 giờ sáng như người Việt Nam.

<sup>953</sup> 15:43 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giăng 19:38 nói rằng Giô-sép là một tín hữu bí mật của Chúa Giê-su, cho đến lúc này.

<sup>954</sup> 15:43 Bản Hy-lạp **không** nói rõ Giô-sép từ **đâu** đến hay đi đâu. Cố gắng nói tổng quát trong bản dịch của bạn. Vì Giô-sép là một nghị viên của Hội Đồng Quốc Gia và là chủ của một mộ trống ở gần đó, có lẽ ông ở Giê-ru-sa-lem, do đó **không** nên chuyển ngữ nghe giống như ông đến từ thành A-ri-ma-thê hay một nơi nào khác. **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như ông ta đến gặp thống đốc Phi-lát hai lần trong câu 43. Có thể sẽ được rõ ràng hơn, nếu thay đổi **thứ tự** của câu 43 và nói: “(Ông)Giô-sép, **một nghị viên có uy tín** của Hội Đồng Quốc Gia Do Thái **là người** A-ri-ma-thê, **đến** gặp (thống đốc) Phi-lát một cách bạo dạn (và) hỏi (ông ta) <sup>NTT</sup> xin xác/thi thể Chúa Giê-su (để đem đi chôn). Chính (ông) **Giô-sép** <cũng> là một trong những người {đang trông đợi Nước Đức Chúa Trời ⇔ đang mong đợi khi Đức Chúa Trời sẽ cai trị nhân loại}.

44 (Khi thống đốc Phi-lát nghe yêu cầu của ông Giô-sép,) ông ta <sup>GTK</sup>ngạc nhiên...”

<sup>955</sup> 15:43 Trong bản Hy-lạp các câu 42–43 là một **câu dài**. Nếu chia thành hai hay nhiều câu ngắn nghe tự nhiên hơn.

<sup>956</sup> 15:43 Coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Nước Đức Chúa Trời**” trong sách Mác. Hãy xem Mác 1:[14], 15; 4:11, (14), 26 và tiểu đề, 30 và tiểu đề, (34); 6:6 tiểu đề, (30, 34); 9:1, 47; 10:14–15, 23–25, (26, 29), 35 tiểu đề 12:34; 14:25; 15:43. Cũng hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**nước**” trong Mác 3:24, (26); 6:23, (10:47–48); 11:10; 13:8–(10).

<sup>957</sup> 15:43 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thông thường chính quyền La-mã để xác của tội nhân bị đóng đinh treo trên cây thập tự cho đến khi thối/rữa. Nhưng thường khi nếu có những người bạn hay thân nhân xin xác/thi thể, họ cũng để cho những người ấy đem xác đi chôn. Trong trường hợp này, có áp lực từ những người Do Thái là họ không muốn để xác (không chôn) qua đêm (Phục-truyền Luật-lệ Ký 21:22–23), đặc biệt là nó làm ô-uế Ngày Sa-bát/Nghỉ, đó là ngày hôm sau (Giăng 19:31).

<sup>958</sup> 15:44 Đa số học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG) giải thích mệnh đề này là “Thống đốc Phi-lát đã **ngạc nhiên** rằng Chúa Giê-su đã chết.” Tuy nhiên, nhiều người nghĩ nó có nghĩa là “Thống đốc Phi-lát **tự hỏi** chẳng biết Ngài/Chúa Giê-su đã chết rồi hay chưa.”

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thường khi một người bị đóng đinh trên thập tự sống hai ngày hay nhiều hơn trước khi chết.

trưởng ⇔ đại úy} (người chịu trách nhiệm trong việc đóng đinh (Chúa) Giê-su trên thập tự) (và) hỏi ông ấy <sup>NTT959</sup> xem Ngài/(Chúa) Giê-su đã (thật sự) chết chưa. 45 <Và> sau đó (Phi-lát) được {đội trưởng ⇔ đại úy ⇔ ông ấy} xác nhận (rằng đó là sự thật ⇔ rằng Ngài/(Chúa) Giê-su đã thật sự chết rồi), ông/Phi-lát <sup>NTT960</sup> {giao <sup>961</sup> xác/thi thể (Chúa Giê-su) cho Giô-sép/ông (để chôn) ⇔ cho phép Giô-sép (chôn) xác/thi thể (Chúa Giê-su)}. 46 <sup>962</sup> Do đó (Giô/sép) mua một tấm vải gai đắt tiền, đem {Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ xác (Chúa) Giê-su} (từ thập tự) xuống, quấn (Ngài/nó) trong tấm vải <gai> (theo phong tục của người Do Thái), và <sup>963</sup> đặt Ngài/nó trong một cái <sup>964</sup> {mộ ⇔ hầm mộ} đã được đục {trong đá ⇔ bên trong núi đá}. Rồi ông ấy/Giô-sép {lăn một <sup>965</sup> tảng đá (lớn) ⇔ cho lăn một tảng đá (lớn tròn)} chặn (trước) <sup>966</sup> lối vào/cửa của {mộ ⇔ hầm mộ} (để niêm phong/đóng kín nó lại). 47 <Và> Ma-ri {Ma-đơ-len ⇔ người ở làng Ma-đơ-la} và Ma-ri (mẹ của) Giô-sép thấy nơi {Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ thi thể của (Chúa) Giê-su} được đặt/chôn.

---

<sup>959</sup> 15:44 Bạn có thể nói: "...hỏi ông ấy <sup>NTT</sup> nếu nó là sự thật."

<sup>960</sup> 15:45 **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như thống đốc Phi-lát đích thân giao xác/thi thể Chúa Giê-su cho Giô-sép. Thống đốc Phi-lát **cho phép** Giô-sép chôn xác/thi thể Chúa Giê-su.

<sup>961</sup> 15:45 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ "xác/thi thể" trong sách Mác. Hãy xem Mác (5:40); 6:29, 15:43, 45–(47) và tiểu đề; (16:1, 6).

<sup>962</sup> 15:46 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giăng 19:39–42 nói rằng ông Giô-sép được Ni-cô-đem giúp, Ni-cô-đem là một nghị viên khác của Hội Đồng Quốc Gia Do Thái. Có lẽ họ cũng có những tội tở giúp họ làm mọi việc. Trước khi họ bọc thi thể Chúa Giê-su bằng vải, có lẽ đã rửa và xức dầu thơm theo phong tục của người Do Thái.

<sup>963</sup> 15:46 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc Chúa Giê-su chết chung với những tội nhân và được chôn trong mộ của một người giàu đã ứng nghiệm lời tiên tri trong Ê-sai 53:9, 12.

**HÌNH ẢNH được đề nghị:** Người ta mang vải liệm vào một cái mộ, với một tảng đá tròn dựng bên cạnh cửa mộ.

<sup>964</sup> 15:46 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ "mộ" trong Mác 5:2 không có từ mộ ở đây, và xem lời chú thích ở đó.

<sup>965</sup> 15:46 Một tảng đá dùng để chặn cửa mộ được cắt theo hình tròn có lẽ có đường kính ít nhất là 1 mét.

<sup>966</sup> 15:46 Hãy chuyển ngữ từ "lối vào" **không** nên nói nghe giống như cái mộ này có cửa.

*Phân Đoạn VI. (Chúa) Giê-su Sống Lại!  
Hãy Đi Và Nói Cho Mọi Người Sứ Điệp Của Ngài!  
Chương 16*

**16:1–8 {Ngôi Mộ Trống ⇔ Đức Chúa Trời  
Khiến (Chúa) Giê-su Sống Lại Từ Kẻ Chết}**

*Ma-thi-ơ 28:1–8; Lu-ca 24:1–12; Giăng 20:1–10*

**16** 1 <Và> (tối hôm sau) sau khi (ngày) <sup>967</sup>Sa-bát/Nghỉ qua rồi, Ma-ri {Ma-dơ-len ⇔ từ (làng) Ma-dơ-la}, <sup>TD968</sup>Sa-lô-mê, và <sup>969</sup>Ma-ri (mẹ) của Gia-cơ mua (một số) <sup>970</sup>{hương liệu ⇔ dầu thơm} để đi (và) <sup>971</sup>{xức ⇔ thoa/đổ nó trên} <sup>972</sup>{Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ thi thể/xác (Chúa) Giê-su} <sup>973</sup>(theo phong tục của người Do Thái). 2 Rồi sáng sớm <sup>974</sup>{(ngày) thứ nhất trong tuần lễ ⇔ sáng Chúa nhật} họ đi đến {mộ ⇔ hầm mộ} (vừa) {sau khi mặt trời mọc ⇔ trong khi mặt trời đang lên}. 3 <Và> (vừa khi họ đến,) họ hỏi nhau: <sup>CH</sup>“Ai sẽ lăn <sup>975</sup>tảng đá ra khỏi <sup>976</sup>cửa {mộ ⇔ hầm mộ} {cho chúng ta ⇔ để chúng ta có thể vào bên trong}?” 4 Nhưng khi (họ) nhìn <lên> (về phía mộ), họ thấy/nhận ra rằng tảng đá đã được lăn khỏi (cửa mộ) rồi,/. <sup>GTK977</sup>{<vi> ⇔ (Họ tự hỏi ai sẽ giúp họ), vì ⇔ (Từ xa họ thấy), vì} {nó ⇔ tảng đá} thật

<sup>967</sup> **16:1** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**Sa-bát**” trong sách Mác. Xem Mác 1:21, (32); 2:23–24, 27–28 và tiểu đề; 3:2, 4 và tiểu đề; 6:2; 15:42; 16:1, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:21.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Luật Pháp của người Do Thái, không có vật gì được mua, mang (không được làm việc) trong Ngày Sa-bát/Nghỉ. Ngày Chúa Nhật bắt đầu từ lúc 6:00 tối thứ bảy. Do đó ba người đàn bà, có lẽ đã mua hương liệu/dầu thơm sau 6 giờ tối hôm đó.

<sup>968</sup> **16:1 Sa-lô-mê** là tên đứng sau cùng của danh sách trong bản Hy-lạp. Hãy nhất quán ở đây với cách bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự trong Mác 15:40. Xem lời chú thích về điều này ở đó.

<sup>969</sup> **16:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ma-ri ở đây có lẽ là mẹ của Chúa Giê-su, người cũng được nhắc đến trong Mác 15:40, 47 (xem lời chú thích trong 15:40).

<sup>970</sup> **16:1** Trong ngữ cảnh này **hương liệu** không nói về hương liệu của thực phẩm nhưng về dầu thơm, chẳng hạn như trầm hương mùi thật là **thơm** và có thể giảm mùi thối của xác chết. Trầm hương có nhựa thơm, có màu đỏ lấy ra từ vỏ bên trong của cây trầm có gai. Trầm hương được pha với dầu ô-liu và với những hương liệu khác để làm dầu thơm, kể cả dầu thơm cho việc chôn cất (như Giô-sép đã làm trong Giăng 19:39).

<sup>971</sup> **16:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Không ai hy vọng là Chúa Giê-su sẽ sống lại từ kẻ chết như Ngài đã dự ngôn/nói rằng Ngài sẽ (xem Mác 8:31; 9:31; 10:34 và 14:28).

<sup>972</sup> **16:1 Không** nên chuyển ngữ nghe giống như những người đàn bà đi xức dầu thơm cho Chúa Giê-su trong khi Ngài còn đang sống.

<sup>973</sup> **16:1** Nếu việc xức dầu cho xác chết nghe xa lạ trong ngôn ngữ bạn, bạn có thể thêm “(theo phong tục của người Do Thái)”. Hay bạn có thể để tin tức đó vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Không nên nói nghe giống như họ làm cho thi thể/xác Chúa Giê-su không bị thối/rữa.

<sup>974</sup> **16:2** Ngày **thứ nhất** trong tuần là ngày Chúa Nhật, **không** phải thứ hai.

<sup>975</sup> **16:3 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc lăn tảng đá khỏi cửa mộ đòi hỏi sức mạnh của năm bảy người đàn ông.

<sup>976</sup> **16:3** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**cửa mộ**” trong Mác 15:46.

<sup>977</sup> **16:4** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ phần còn lại của câu 4 nói **tại sao** những người đàn bà **thấy/nhận ra** rằng tảng đá đã được lăn ra khỏi cửa mộ. Nhiều người khác nghĩ nó nói tại sao những người đàn bà **tự hỏi ai**

lớn/nặng. **5** <Và> khi (họ) (bước) vào trong {mộ ↔ hầm mộ}, họ thấy một <sup>978</sup> thanh niên mặc một cái <sup>979</sup> áo choàng/quần áo màu trắng đang ngồi bên phía tay phải (của họ) và họ rất <sup>GTK980</sup> kinh hãi/ngạc nhiên. **6** Nhưng/Rồi {anh ta ↔ người thanh niên} nói với họ: “Đừng <sup>GTK981</sup> kinh hãi/ngạc nhiên. (Ta biết rằng) các bà tìm (Chúa) Giê-su <sup>982</sup> {người Na-xa-rét ↔ người từ (thành) Na-xa-rét}, <sup>GTK983</sup> mà bị/họ <sup>984</sup> {đóng đinh (trên thập tự) ↔ xử tử}. {(Bởi Đức Chúa Trời) Ngài đã sống lại ↔ Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại} từ kẻ chết! Ngài không ở đây. Hãy xem, (đây) <sup>985</sup> chỗ họ đã đặt {Ngài ↔ thi thể/xác Ngài}. **7** {Nhưng/Bây giờ/Rồi ↔ Sau khi thấy,} hãy đi (và) nói cho các <sup>986</sup> môn đệ (của Ngài/Chúa Giê-su) <sup>987</sup> và/đặc biệt là/kể

---

sẽ giúp họ (câu 3) (một vài bản thảo Hy-lạp đặt mệnh đề này ở đầu câu 4 để làm cho rõ ràng hơn). Tuy nhiên, nó có thể làm **cả hai**, do đó có lẽ **tốt nhất** chỉ nói: “<vi> nó rất lớn/nặng.” **Không** biết lý do tảng đá được lăn ra khỏi cửa mộ.

<sup>978</sup> **16:5** Cho dù người **thanh niên** này là một thiên sứ, bạn cũng **không** nói điều đó trong bản văn.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người thanh niên này là một thiên sứ của Đức Chúa Trời (xem Ma-thi-ơ 28:2).

<sup>979</sup> **16:5** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “áo ngoài” trong sách Mác. Xem Mác (1:6); 5:27–(30); 6:56; (9:3), 10:50; 11:7–8; 12:38; 13:16; (14:63), 15:17, 20; 16:5, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 10:50.

<sup>980</sup> **16:5** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn một nghĩa. Nó có thể có nghĩa “**rất ngạc nhiên**” (như trong Mác 9:15) hay “**rất kinh hãi**”, từ này có vẻ phù hợp với ngữ cảnh nhất.

<sup>981</sup> **16:6** Hãy nhất quán ở đây với sự lựa chọn của bạn trong câu 5 (như BDC, BDM, BDY, BCG). Đoạn Kinh Thánh song song trong Ma-thi-ơ 28:5 dùng một nhóm từ khác và nó rõ ý hơn, có nghĩa là “**đừng sợ hãi**.”

<sup>982</sup> **16:6** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “người Na-xa-rét” trong Mác 14:67.

<sup>983</sup> **16:6** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo nhiều hơn một nghĩa. Đa số các bản dịch có mệnh đề “**mà bị đóng đinh**”. Tuy nhiên, ở đây cũng có thể chuyển ngữ như một danh hiệu “**Đấng Bị Đóng Đinh**”.

<sup>984</sup> **16:6** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**đóng đinh**” trong sách Mác. Xem Mác 15:13–15, 20, 24–27, 32, (44); 16:6, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 15:13.

<sup>985</sup> **16:6** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thi thể của Chúa Giê-su đã được đặt trên một tảng đá giống như cái giường trong hầm mộ.

<sup>986</sup> **16:7** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**môn đệ**” trong sách Mác. Xem Mác (1:17, 18, 20 và tiểu đề, 21, 30); 2:(14)–16 và tiểu đề, 18, 20, 23–24 và tiểu đề; 3:7, 9, (13–14, 20); 4:(10), 34, (35, 38, 40);

5:(1, 21), 31, (40); 6:1, (6–7, 12), 29, (30–33), 35, (38–39), 41, <sup>GTK</sup>(43), 45, (47–48, 51, 53);

7:2, 5 (17, 20, 24); 8:1, 4, 6–(8), 10, (13), (14, 16) và tiểu đề, (22), 27, (29), (31), 33 và tiểu đề, 34;

9:(1, 4, 6–9, 11), 14, <sup>GTK</sup>(16), 18–(20), 28, (30), 31–(32) và tiểu đề, (33, 35–36);

10:10, 13, (14, 17, 21, 23), 24, (26, 28–29, 32, 41, 42 và các tiểu đề), 46, <sup>GTK</sup>(49); 11:1, (4, 6–7, 11–12), 14, (15, 19–20, 22, 27); 12:(38), 43; 13:1, (3, 28, 32); 14:(10), 12–(14), 16 và tiểu đề, (17, 19, 22–

23, 26 và các tiểu đề), (27, 31), 32, (37, 39–40, 43, 47, 50, 69–70); 16:7, (8, <sup>GTK</sup>10, 12–15 và các tiểu đề, 19–20), và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:16 tiểu đề.

<sup>987</sup> **16:7** “**và**” nên chuyển ngữ thế nào để người đọc có thể hiểu rõ rằng Phê-rô vẫn còn/đang là một môn đệ của Chúa Giê-su.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có thể Phê-rô được nói đến ở đây vì ông đã từ chối rằng ông biết Chúa Giê-su (Mác 14:66–72) sau khi ông đã nói với Chúa Giê-su rằng “ông sẽ chẳng bao giờ làm như vậy” (Mác 14:29–31).

cả Phê-rô: <sup>GTK988</sup>Ngài/(Chúa) Giê-su đang đi <sup>989</sup>trước các người tới <sup>990</sup>(tỉnh) Ga-li-lê. {Tại đó ⇔ Đó là nơi} các người sẽ thấy/gặp Ngài như Ngài <sup>991</sup>đã bảo các người (trước).’ ” 8 {Rồi ⇔ Sau khi họ nghe điều đó,} {họ ⇔ những người đàn bà} {đi ra khỏi ⇔ rời khỏi} {mộ ⇔ hầm mộ} (và) bỏ chạy, vì {sự run sợ và bàng hoàng bao quanh họ ⇔ họ run sợ và bàng hoàng}. <Và> <sup>GTK992</sup>(trên đường đi gặp các môn đệ của (Chúa) Giê-su ⇔ trong khi họ đi ⇔ trước nhất) họ không nói với một ai {bất cứ điều gì ⇔ điều người thanh niên đã nói} vì họ <sup>993</sup>sợ hãi.

### *Phần Kết Luận <sup>994</sup>Ngắn Của Phúc Âm Mác*

[[Rồi {họ ⇔ những người đàn bà} <sup>NTT</sup>{nói ⇔ báo cáo với} (Phê-rô) một cách vắn tắt/nhanh (và) {những người ở cùng với Phê-rô/ông ta ⇔ những người bạn của Phê-rô} {mọi điều mà họ đã được dặn/bảo (do người thanh niên) ⇔ mọi sự chỉ dẫn (từ người thanh niên)}. <Rồi> sau đó, chính (Chúa) Giê-su <sup>NTT</sup>{sai <sup>995</sup>họ đi ra ⇔ sai các môn đệ (của Ngài) đi rao truyền/công bố} (cho dân chúng) {từ phương đông <và> đến phương tây ⇔ khắp mọi nơi} sứ điệp thánh không hư mất/thay đổi của/về {sự cứu rỗi/sống đời đời ⇔ việc Đức Chúa Trời cứu

- 
- <sup>988</sup> 16:7 Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “các người” chỉ bao gồm các môn đệ của Chúa Giê-su. Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu nói: “...rằng Ngài/Chúa Giê-su đang đi trước họ...ở đó họ sẽ...như Ngài đã bảo họ (trước).” Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “các người” bao gồm các nữ môn đệ của Chúa Giê-su.
- <sup>989</sup> 16:7 Trong ngữ cảnh này “đang đi trước” có nghĩa là Chúa Giê-su đi đến Ga-li-lê trước khi các môn đệ đi. Đây không có nghĩa là Ngài đang đi đằng trước/dẫn đầu họ đi đến Ga-li-lê.
- <sup>990</sup> 16:7 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “tỉnh” trong sách Mác. Xem Mác 1:(4), 5, (9, 14, 28, 39 và tiểu đề, 45); (3:7–8); (5:20); (6:21); 7:(26), 31; (9:30);10:1;(13:14); (14:28, 70); (15:41); (16:7), và xem **lời chú thích** trong Mác 1:9.
- <sup>991</sup> 16:7 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su bảo các môn đệ điều này trong Mác 14:28.
- <sup>992</sup> 16:8 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Ma-thi-ơ 28:9–10 chúng ta biết rằng sau đó chẳng bao lâu Chúa Giê-su hiện ra với những người đàn bà này, có lẽ để họ sẽ không sợ hãi trong việc đem sứ điệp của thiên sứ đến cho các môn đệ. Theo Lu-ca 24:9–11 chúng ta biết rằng khi họ từ mộ trở về những người đàn bà báo cho các môn đệ của Chúa Giê-su, nhưng chẳng có một ai tin họ.
- <sup>993</sup> 16:8 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ông Mác có thể kết thúc Phúc Âm Mác ở câu 8 (xem phần lời chú thích “Phần Kết Luận Dài Của Phúc Âm Mác”) để làm cho thính giả của ông nghĩ về ý nghĩa của sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-su. Liệu họ sẽ vâng lời và đi nói cho những người khác về tin lành này không? Ngay cả đến việc họ có thể bị bắt bớ (Mác 4:17; 10:30; 13:13)? Đừng sợ hãi (Mác 4:40; 5:33–34, 36; 6:50; 13:7; 16:6)!
- <sup>994</sup> (Tiểu Đề) Một vài bản thảo Hy-lạp phụ (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS] có ngoặc kép vuông [...]) ở **phần còn lại** của câu 8. Đôi khi nó được gọi là “Phần Kết Luận Ngắn Của Phúc Âm Mác”. Đa số những bản thảo Hy-lạp có các câu 9–20. Tuy nhiên, tất cả bản thảo Hy-lạp **chính** (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có phần còn lại của câu 8. Có lẽ tốt nhất là nên để nó trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Hay bạn có thể đưa nó vào trong bản dịch và để (trong ngoặc kép vuông [...]) để cho thấy nó **không phải** là một phần của bản dịch nguyên thủy và thêm **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Một số bản dịch để Phần Kết Luận Ngắn sau Phần Kết Luận Dài.
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phần còn lại của câu 8 được tìm thấy trong một vài bản thảo Hy-lạp phụ. Các bản thảo Hy-lạp **chính** không có phần này.
- <sup>995</sup> 16:8 “họ” ở đây nói đến các môn đệ của Chúa Giê-su, **không** có các phụ nữ.



nhân loại khỏi hình phạt đời đời (vì tội lỗi của họ) như thế nào).<sup>996</sup> {A-men/Vâng, (đó là điều Ngài đã làm). ⇔ Đó là như thế. ⇔ Sự cuối cùng.}]

*Phần Kết Luận*<sup>GTK997</sup> *Dài Của Ông Mác*

16:9–11 (Chúa) Giê-su Hiện Ra Với (Bà) Ma-ri Ma-đơ-len

*Giăng 20:11–18*

**9** <Rồi> sau khi (Ngài/Chúa Giê-su) sống lại (từ kẻ chết) vào {ngày thứ nhất trong tuần ⇔ ngày Chúa Nhật}, trước hết Ngài hiện ra với Ma-ri<sup>998</sup> {Ma-đơ-len ⇔ người từ (làng) Ma-đơ-la} mà Ngài đã<sup>NTT</sup> đuổi/trừ bầy {quỷ dữ ⇔ uế/tà linh} ra khỏi (bà ta). **10** (Sau khi gặp Ngài/Chúa Giê-su,) bà ta/Ma-ri đi và<sup>NTT</sup> công bố/nói (điều đó ⇔ điều đã xảy ra) với<sup>GTK999</sup> {những người đã từng ở với Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ các môn đệ (của Ngài)} đang than khóc (cho Ngài ⇔ về sự chết của Ngài). **11** Nhưng khi {họ nghe ⇔ bà ta nói với họ}<sup>NTT</sup> rằng Ngài/(Chúa) Giê-su<sup>1000</sup> đang sống và (rằng) bà đã gặp Ngài, họ<sup>1001</sup> {không ⇔ từ chối} tin (bà ta/điều đó).

<sup>996</sup> **16:8** Hãy xem lời chú thích về cách chuyển ngữ từ “A-men” trong Mác 3:28.

<sup>997</sup> (Tiểu Đề) Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có các câu 9-20. Tuy nhiên, một số không có các câu này. Tiểu đoạn này thường được xem là “Phần Kết Luận Dài Của Phúc Âm Mác”. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ các câu này không phải ông Mác viết. Tuy nhiên, một vài người nghĩ rằng ông Mác đã viết những câu này. Những tin tức này nên để trong LỜI CHÚ THÍCH. Đối với một số bản dịch các câu 9–20 này được để trong (ngoặc kép vuông), có thể để cho thấy rằng, có lẽ nó không phải là một phần của bản nguyên thủy.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dù hai bản thảo Hy-lạp cũ nhất không có các câu 9–20, đa số bản thảo Hy-lạp chính có các câu này. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ những câu này được viết bởi một người nào đó chứ không phải ông Mác, nhưng họ vẫn công nhận nó là một phần của Lời Đức Chúa Trời. Có thể ông Mác muốn chấm dứt sách Mác ở câu 8, hay phần chấm dứt nguyên thủy có thể đã bị thất lạc.

<sup>998</sup> **16:9** Hãy coi lại cách bản dịch “Mari Ma-đơ-len” trong Mác 15:40, 47; 16:1, 9 và tiểu đề.

<sup>999</sup> **16:10** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “những người đã từng ở với Ngài” chỉ đề cập đến các môn đệ của Chúa Giê-su. Tuy nhiên, đa số nghĩ nó nói đến các môn đệ và bạn hữu một cách tổng quát, kể cả các môn đệ (như Lu-ca 24:9 nói). Theo Lu-ca 24:18 chúng ta biết rằng Cơ-lê-ô-ba là một trong hai môn đệ được nói đến ở trong Mác 16:12, Cơ-lê-ô-ba không phải là một trong mười hai sứ đồ.

<sup>1000</sup> **16:11** Khi chuyển ngữ từ “đang sống” không nên hàm ý rằng Ngài chưa bao giờ chết. BDY chuyển ngữ “sống lại” có lẽ thích hợp với ngữ cảnh hơn.

<sup>1001</sup> **16:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái coi lời chứng của một người phụ nữ gần như không có giá trị. Hơn nữa, họ không hy vọng có một người nào được sống lại ngoại trừ đến Ngày Đoán Xét (xem lời chú thích trong Mác 9:10). Trong cả sách Mác, các môn đệ của Chúa Giê-su luôn gặp khó khăn về việc tin Ngài.

## 16:12–13 (Chúa) Giê-su Hiện Ra Với Hai Môn Đệ Của Ngài

Lu-ca 24:13–35

12 <Rồi> <sup>1002</sup> sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su hiện ra {trong một dạng khác (hơn bình thường) ⇔ trông giống như một người khác} với hai người trong số <sup>1003</sup> {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)} (trong khi họ) {đang đi, đang di chuyển, ⇔ đang đi trên đường} về {vùng thôn quê ⇔ từ thành phố}. 13 {Rồi sau đó ⇔ Sau đó ⇔ Sau khi họ nhận diện (Chúa) Giê-su/Ngài,} họ đi (trở lại) (thành phố) (và) <sup>NTT</sup> nói với các (môn đệ) còn lại (của Chúa Giê-su) về (điều đó), nhưng họ/mọi người (cũng) {không tin họ ⇔ từ chối không tin họ}.

## 16:14–18 (Chúa) Giê-su Truyền Dạy Các Môn đệ Của Ngài

<sup>NTT</sup> Giảng/Nói Phúc Âm Cho Tất Cả Nhân Loại/Dân Chúng

Ma-thi-ơ 28:16–20; Lu-ca 24:36–49; Giăng 20:19–29; Acts 1:6–8

14 <Rồi> <sup>GTK1004</sup> {cuối cùng ⇔ sau đó}, Ngài/(Chúa) Giê-su hiện ra với chính mười một môn đệ (của Ngài) trong khi họ đang ngồi/ăn (chung với nhau). <Và> Ngài <sup>NTT1005</sup> trách/mắng (họ về) {sự không tin của họ và <sup>1006</sup> cứng lòng vì họ không tin ⇔ không có đức tin trong Ngài và cứng đầu từ chối không tin} những người đã gặp Ngài (sau khi) Ngài <sup>GTK1007</sup> {đã sống lại (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ sống lại} <sup>1008</sup> [từ kẻ chết].

15 <Và>/Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su bảo {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: “Hãy đi {khắp/vòng quanh thế giới ⇔ khắp mọi nơi trong thế giới} (và) giảng/rao truyền/công bố <sup>1009</sup> {Phúc Âm ⇔ tin tốt lành} (về Ta) với/cho {tất cả <sup>1010</sup> tạo vật/nhân loại/dân chúng ⇔ mọi

<sup>1002</sup> 16:12 Theo Lu-ca 24:13, hai môn đệ được nhắc đến trong câu 12 đang trên đường về Em-ma-út cùng ngày Chúa Giê-su sống lại.

<sup>1003</sup> 16:12 “hai người trong số các môn đệ” nói về các môn đệ của Chúa Giê-su trong câu 10.

<sup>1004</sup> 16:14 Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “sau đó” hay “cuối cùng”.

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su lên thiên đàng sau bốn mươi ngày sau khi Ngài sống lại từ kẻ chết (Công Vụ 1:2–3). Các câu 14–18 đã xảy ra một lúc nào đó trong vòng bốn mươi ngày, có lẽ trong ngày Chúa Giê-su về trời.

<sup>1005</sup> 16:14 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ từ “trách” trong Mác (14:5–6), so sánh cách bạn chuyển ngữ từ “quở trách” trong Mác 1:25; 4:39; 8:32–33; 9:25; 10:13, 48.

<sup>1006</sup> 16:14 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ một nhóm từ tương tự “cứng lòng” trong sách Mác. Xem Mác 3:5, 6:52; 8:17, 10:5; 16:14.

<sup>1007</sup> 16:14 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “sống lại” trong sách Mác. Xem Mác 6:14; 16; (8:28); 12:26, 14:28; 16:6, 14. Xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 6:14.

<sup>1008</sup> 16:14 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính có “từ kẻ chết” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY, BCG) **không** có, nhưng hàm ý.

<sup>1009</sup> 16:15 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “Phúc Âm” trong sách Mác. Xem tên sách, Mác 1:1, 14–15; 3:14; 8:35; 10:29, 13:(9)–10; 14:9; 16:15 và tiểu đề, (20), và xem **lời chú thích** về điều này trong tựa đề của sách.

<sup>1010</sup> 16:15 “tất cả tạo vật” là một thành ngữ nói về tất cả nhân loại. Nó **không** bao gồm cây cỏ và thú vật.

người}. **16** {Hễ ai ⇔ Người nào} tin (Ta ⇔ sứ điệp đó ⇔ sứ điệp về Ta) và chịu <sup>1011</sup>báp-tem sẽ được (Đức Chúa Trời) <sup>1012</sup> cứu <sup>1013</sup> (khỏi bị trừng phạt <sup>1014</sup> vì tội lỗi của người đó/họ), nhưng {người nào ⇔ hễ ai} {không ⇔ từ chối} tin (Ta ⇔ sứ điệp đó ⇔ sứ điệp về Ta) sẽ bị (Đức Chúa Trời) lên án/trừng phạt (vì tội lỗi của người đó/họ). **17** <Và> {ai <sup>1015</sup> tin (Ta) sẽ được kèm theo những dấu lạ này ⇔ những ai tin (Ta) sẽ làm những việc bày tỏ rằng họ có uy quyền/quyền năng của Đức Chúa Trời}: Họ sẽ <sup>NTT1016</sup> đuổi/trừ các <sup>1017</sup> {quỷ ⇔ uế/tà linh} ra khỏi (người ta) trong/dùng <sup>1018</sup> danh/thảm quyền của Ta, họ sẽ nói <sup>GTK1019</sup> {những tiếng/ngôn ngữ mới/khác ⇔ ngôn ngữ họ chưa từng học}, **18** <[và]> <sup>1020</sup> họ sẽ <sup>1021</sup> bắt rắn (độc) <sup>1022</sup> [bằng tay (không)] và ngay cả việc uống {chất (độc) ⇔ những gì độc}, (nhưng) sẽ không bị hại gì.

<sup>1011</sup> **16:16** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “báp-tem” trong sách Mác. Xem Mác 1:4–5, 8, 9 và tiểu đề, (12); 7:4, 8; 10:38–39; 11:30, (33); 16:16. Xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:5. Phép “Báp-tem của Giăng” được ghi trong Mác 11:30 một cách riêng biệt.

<sup>1012</sup> **16:16** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “cứu” trong sách Mác. Xem Mác 3:4; 5:23, 28, 34; 6:56; 8:35, 10:26, (27–29), 52; 13:13, 20; 14:32 tiểu đề, 15:30–31, (36); 16.[[8]], 16, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 5:34.

<sup>1013</sup> **16:16** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ cần nói rõ con người được cứu từ **điều gì**.

<sup>1014</sup> **16:16** Bạn có thể nói: “...vì không vâng theo ý chỉ của Đức Chúa Trời” hay “...vì không vâng lời Đức Chúa Trời”.

<sup>1015</sup> **16:17** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “tin” trong sách Mác. Xem Mác 1:15; (2:5); (3:5), (4:11, 16, 17, 20); 5:(28, 34), 36; 6:(3, 5), 6; 8:(11–12, 29); 9:23–24, (37), 42, (43, 45, 47); (10:2, 52); 11:22–24, 31, (32); (12:10, 18,24); 13:(6, 12), 21; 15:32, 16:11, 13–14, 16–(18). So sánh điều đó với cách bạn chuyển ngữ “không tin” trong Mác 6:6, 9:(19), 24 và “đức tin” (xem Mác 11:22).

<sup>1016</sup> **16:17** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “đuổi/trừ (uế linh)” trong sách Mác. Xem Mác 1:21 tiểu đề, 34; 3:15, 22–23, (28); 5:1 tiểu đề, (6:7, 30); 7:26, 9:18, 28–29, 38; 16:9, 17, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 1:34. So sánh điều đó với cách bạn chuyển ngữ từ “đuổi (người ta)” trong Mác 11:15, (17) và tiểu đề, (28).

<sup>1017</sup> **16:17** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “quỷ” trong sách Mác. Xem Mác 1:32, 34, 39; 3:15, 22, (26); 5:(12), 15, <16, 18>; 6:13, (30); 7:26, 29–30; 9:38, 16:9, 17. So sánh điều đó với cách bạn chuyển ngữ “uế linh” (xem Mác 9:25).

<sup>1018</sup> **16:17** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “vì/nhân Danh Ta” và “nhân Danh Chúa/Đức Chúa Trời” trong sách Mác. Xem Mác 5:7;9:37–39, 41; 11:9, [10]; 13:6; 16:17.

<sup>1019</sup> **16:17** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY, BCG) có từ “mới/khác” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản **không có**. Trong ngữ cảnh này “mới” có lẽ nói đến các ngôn ngữ mà người nói không nói được trước đó, **không phải** những ngôn ngữ mà chẳng hề có ai nói trước đó (xem Công Vụ 2:4–11). Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ nó nói về lời nói do cảm xúc, đó là, “cảm xúc, không kiểm soát được {lấp bắp ⇔ không hiểu được}”.

<sup>1020</sup> **16:18** Bạn có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “Nếu họ bắt...và/hay ngay cả việc uống chất (độc) chết người, nó sẽ không...”

<sup>1021</sup> **16:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su không khuyến khích người ta bắt rắn hay uống chất độc. Ngài nói về việc khi Cơ-đốc nhân bị bắt buộc phải làm những điều đó hay khi tình cờ/vô tình làm những điều đó (thí dụ, xem Công Vụ 28:3–6).

<sup>1022</sup> **16:18** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BDY) có “và...bằng/trong tay”. Tuy nhiên, đa số (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG) **không có**, nhưng hàm ý.

{Họ ⇔ Những người tin Ta} sẽ <sup>1023</sup>{đặt tay của họ trên ⇔ đụng đến} những người bệnh và người bệnh sẽ được lành.”

**16:19–20 {(Chúa) Giê-su Lên Thiên Đàng  
⇔ Đức Chúa Trời Cát (Chúa) Giê-su Lên Trời}**

*Lu-ca 24:50–53; Acts 1:9–11*

**19** <sup>1024</sup>{<Bởi vậy> ⇔ Thế rồi,} sau khi Chúa <sup>1025</sup>[Giê-su] nói với <sup>1026</sup>{họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}, Ngài được (Đức Chúa Trời) <sup>1027</sup>cất lên <sup>1028</sup>thiên đàng nơi Ngài <sup>1029</sup>ngồi (trên một ngai) về phía bên phải của (ngai) Đức Chúa Trời. **20** <Rồi> {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài/Chúa) Giê-su} {đi <sup>1030</sup>ra (và) <sup>1031</sup>giảng/rao truyền/công bố (Phúc Âm) (cho dân chúng) khắp mọi nơi ⇔ đi khắp mọi nơi (và) giảng/rao truyền/công bố (Phúc Âm) (cho dân chúng)}, trong khi/và <sup>1032</sup>Chúa (Giê-su) {cùng làm việc với ⇔ giúp đỡ} (họ) và {xác nhận/bày tỏ (rằng) sứ điệp (của họ) (là thật) bằng cách kèm theo <sup>1033</sup>những dấu lạ (của quyền năng) ⇔ ban cho họ khả

**1023** **16:18** Hay bạn có thể nói: “...sẽ **chữa lành** những kẻ bệnh bằng cách {đặt tay (của họ) trên ⇔ đụng đến} họ.”

Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**đặt...tay trên**” trong sách Mác. Xem Mác 5:23; 7:32; 16:18. Cũng hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đặt tay**” trong Mác 10:13.

**1024** **16:19** Có lẽ sẽ được tự nhiên hơn nếu bắt đầu câu 19 với “**Sau khi** Chúa...”

**1025** **16:19** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC) có “**Chúa Giê-su**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý. Cần phân biệt rõ **Chúa Giê-su** và Chúa Đức Chúa Trời.

**1026** **16:19** Cần nói rõ ràng ở đây, từ “**họ**” chỉ về các môn đệ của Chúa Giê-su, **không** phải những người bệnh được nói trong câu 18.

**1027** **16:19** **Không** nên chuyển ngữ nghe giống như Chúa Giê-su bị cất lên thiên đàng bằng bạo lực.

**1028** **16:19** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**thiên đàng**” trong sách Mác. Xem Mác <sup>GTK</sup>1:10–11; <sup>GTK</sup>6:41, <sup>GTK</sup>7:34; 9:(4), (43, 45, 47); 10:(17), 21, (23–24, 26, 30); 11:(10), 25–26; 12:25, 13:<sup>GTK</sup>25, 27, <sup>GTK</sup>31, 32; 14:(25), <sup>GTK</sup>62; ((15:35)), 16:19 và tiểu đề, và xem **lời chú thích** về điều đó trong Mác 1:10. Cũng hãy xem Mác 8:11 và 11:30–31 ở đó “**thiên đàng**” nói về **Đức Chúa Trời**.

**1029** **16:19** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi Chúa Giê-su ngồi bên phải Đức Chúa Trời, Ngài làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Thi Thiên 110:1, nó được nhắc đến trong Mác 12:36.

**1030** **16:20** Trong bản Hy-lạp **không** cho chúng ta biết các môn đệ của Chúa Giê-su từ **đâu** đi ra. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ họ từ **Giê-ru-sa-lem**. Bạn có thể để tin tức đó trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

**1031** **16:20** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “**giảng**” và “**công bố**” (hai từ có thể dùng để chuyển ngữ cho một từ Hy-lạp) trong sách Mác. Xem Mác 1:4, 7, 14, (15), 38–39 và tiểu đề, 45; (2:2), 3:14, 5:20, 6:(2), 12; 7:36, 13:10, 14:9, 16.[[8]], 15 và tiểu đề, 20.

**1032** **16:20** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Chúa (Giê-su)**” và “**Chúa (Đức Chúa Trời)**” trong sách Mác. Xem Mác 1:3, (40); 2:28 và tiểu đề; 5:19; 7:28, 11:<sup>GTK</sup>3, 9–10; 12:11, 29–30, 37; 13:20; 14:22 tiểu đề; 16:19–20, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 7:28.

**1033** **16:20** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**dấu lạ**” trong sách Mác. Xem Mác 8:11–12 và tiểu đề; 13:4, 22; 16:17, 20, và xem **lời chú thích** về điều này trong Mác 8:11. So sánh nó với cách bạn chuyển ngữ “**dấu hiệu**” trong Mác 14:44, “**dấu lạ**” trong Mác 13:22 và “**phép lạ**” (xem Mác 9:39).

**LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những dấu lạ này được ghi trong các câu 17–18.

năng/uy quyền để thực hiện những việc/dấu lạ xác nhận/chứng tỏ (rằng) sứ điệp (của họ) (đến từ Đức Chúa Trời)}. <sup>GTK1034</sup> [A-men/Vâng, (đó là điều Ngài/họ đã làm). ⇔ Điều đó là như thế.]

---

<sup>1034</sup> **16:20** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM) có “**A-men**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG, BDY) **không có**. Xem lời chú thích về việc chuyển ngữ “**A-men**” trong Mác 3:28.



# DANH SÁCH CÁC TỪ NGỮ CHO NGƯỜI DỊCH

## *Các Từ Và Các Nhóm Từ Quan Trọng Những Người Dịch Cần Biết*

A-ram	<p><i>Tiếng Anh: Aramaic</i> Một ngôn ngữ liên hệ đến tiếng nói của người Do Thái mà rất nhiều người sử dụng trong thời Chúa Giê-su.</p>
ẩn dụ	<p><i>Tiếng Anh: metaphor</i> Một từ hay một nhóm từ diễn tả một điều bằng cách nói về một điều khác mà nó có thể so sánh với nhau. Thí dụ, khi Chúa Giê-su xem vua Hê-rốt như là một ‘con chồn’ trong Lu-ca 13:32, Chúa Giê-su muốn nói rằng vua Hê-rốt thì <b>quỷ quyệt</b> và <b>đối trá</b> như một con chồn.</p>
Bản Cựu Ước Hy-lạp	<p><i>Tiếng Anh: Septuagint</i> Bản Cựu Ước được dịch sang tiếng Hy-lạp vào năm 250 B.C. Nó thường được viết tắt/gọi là ‘LXX’ (con số La Mã 70). Theo truyền thuyết 72 trưởng lão Do Thái đã hoàn thành bản dịch trong vòng 72 ngày tại thành phố A-lê-xan-đơ-ri thuộc nước Ai-cập do sự yêu cầu của một nhà lãnh đạo Ai-cập.</p>
Bản Công Giáo (BCG)	<p>Bản dịch này được làm ra dưới sự kiểm soát của giáo hội Công Giáo. Dù là giáo hội Công Giáo chuyển ngữ nhưng nhiều tín hữu Tin Lành thích nó vì nó dễ hiểu. Bản này có nhiều lời chú thích ở cuối trang để nghiên cứu. Bản này được in tại Việt Nam và có bản tại Tòa Giám Mục ở Thành Phố Hồ Chí Minh.</p>
Bản Dịch Cũ (BDC)	<p>Đây là bản dịch trọn bộ Kinh Thánh qua tiếng Việt do W.C. Cadman. Vì lý do đó nó thường được gọi là “bản Cát-man”. Bản dịch được hoàn tất vào năm 1926 và hiệu đính vào năm 1954.</p>
Bản Dịch Mới (BDM)	<p>Đây là một bản dịch mới do một nhóm Mục Sư Việt Nam làm tại Hoa-kỳ. Mục đích của họ là để có một bản dịch hiện đại, chính xác hơn. Đã có bản tại Việt Nam.</p>
bản thảo	<p><i>Tiếng Anh: manuscript(s)</i> Trong thời Chúa Giê-su, một bản kinh văn được sao lại bằng tay. Do đó có rất nhiều bản cũ sao lại từ <b>bản thảo</b> Cựu Ước cũng như Tân Ước Hê-bơ-rơ và Hy-lạp được chép lại bằng tay. Tuy nhiên, chúng ta không có một bản nguyên thủy nào của bộ Kinh Thánh hay bất cứ sách nào trong Kinh Thánh. Trong loạt sách này, từ ngữ <b>bản thảo</b> được dùng để nói đến những bản sao lại hiện có ngày hôm nay. (Cũng hãy xem ‘Văn Bản Đa Số’, ‘Bản Thảo Uy Tín’ và ‘Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]’.)</p>
bản thảo Hy-lạp chính	<p><i>Tiếng Anh: major Greek manuscripts</i> Có rất nhiều bản thảo Hy-lạp khác nhau và chúng có sự khác biệt. Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về bản thảo nào là tốt nhất để theo. Trong trường hợp các bản thảo Hy-lạp không dùng cùng một từ ngữ, <b>Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK)</b> liệt kê sự khác biệt chính và cho biết có ‘<b>đa số</b>’, ‘<b>nhiều</b>’, ‘<b>một số</b>’, ‘<b>ít</b>’, hay ‘<b>rất ít</b>’ học giả Kinh Thánh theo quan niệm đó. Bảng cách cho người chuyển ngữ biết những bản dịch nào dùng một sự khác biệt nhằm giúp cho người chuyển ngữ biết bản dịch</p>

nào để dựa theo. Thí dụ, một số bản chuyển ngữ quyết định rằng, khi có sự khác biệt trong các bản thảo xưa cũ, họ sẽ dựa theo Bản Thánh Kinh Hội [UBS]. Một số bản chuyển ngữ khác dựa theo cách Bản Tiếng Việt dùng.

#### Bản Thảo Uy Tín

*Tiếng Anh: Textus Receptus*

Đây là một bản thảo Hy-lạp chính nó đã được thu thập và nghiên cứu từ khoảng sáu bản thảo Hy-lạp bởi một học giả Kinh Thánh có tên là Erasmus. Ông cho xuất bản bản Hy-lạp của ông trong những năm 1515–1516. Bản dịch của ông được xuất bản bởi một số người với một số thay đổi rất nhỏ. Năm 1633 một trong những nhà xuất bản gọi nó là **Bản Thảo Uy Tín (Textus Receptus bằng tiếng La tinh)**. **Bản Thảo Uy Tín** được nổi tiếng và là bản Hy-lạp được làm nền tảng chính cho bản dịch tiếng Anh của Vua James (1611). Văn Bản Đa Số (The Majority Text) gần giống như **Bản Thảo Uy Tín**. (So sánh bản này với bản ‘Bản Thánh Kinh Hội [UBS]’ và ‘**Văn Bản Đa Số**’).

#### bổ ngữ gián tiếp

*Tiếng Anh: indirect object*

Một người hay một vật nhận ảnh hưởng của hành động một cách gián tiếp. Thí dụ, “Minh trao cái nón cho cô **Xuân**”, ‘Cô Xuân’ bổ ngữ gián tiếp của hành động “trao”. ‘**cái nón**’ là bổ ngữ trực tiếp cho hành động “trao”. (So sánh với ‘bổ ngữ trực tiếp’.)

#### cách viết khác nhau

*Tiếng Anh: variant reading*

Không còn có một nguyên bản/bản gốc nào được viết bởi các trước giả của các sách trong Kinh Thánh. Nguyên bản/bản gốc được chép lại thành nhiều bản sao, và những bản này được gửi đi đến nhiều nơi khác, tại những nơi đó người ta dùng những bản sao này để chép lại bằng tay nhiều bản sao khác nữa. Hiện tại vẫn còn có một số bản sao rất xưa cổ chép bằng tay, nhưng có những chỗ trong bản văn có sự khác biệt, có những bản sao khác nhau dùng những từ khác nhau. Trong những trường hợp như thế, được gọi là **cách viết khác nhau**.

#### câu

*Tiếng Anh: sentence, verse*

Trong tiếng Việt cả hai từ này đều được dịch là **câu**. Theo phương cách chuyển ngữ, có hai cách dùng để sử dụng từ này:

- (1) Khi nói về Kinh Thánh từ này dùng để phân biệt bản văn giữa các số **câu**.
- (2) Khi nói về văn phạm. Từ này dùng để phân biệt đơn vị văn phạm được chấm dứt bằng một dấu chấm. Cũng hãy xem chữ **mệnh đề**, một đơn vị văn phạm nhỏ hơn câu, và **đoạn văn** là một đơn vị lớn hơn câu.

Hôm qua tôi đã tham dự ba cuộc họp quan trọng.

từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

nhóm từ	từ	từ	từ	từ	nhóm từ
---------	----	----	----	----	---------

nhóm từ	mệnh đề				
---------	---------	--	--	--	--

câu					
-----	--	--	--	--	--

#### Câu Hỏi Tu Từ (CH)

*Tiếng Anh: rhetorical question*

Một câu hỏi không cần câu trả lời, nhưng được dùng để nêu lên một yêu cầu mạnh mẽ, một mệnh lệnh hay một câu nói. Thường thường, ngữ cảnh hay cách diễn đạt một câu, có thể cho thấy đó là một câu hỏi tu từ hay một câu hỏi mong đợi/cần câu trả lời. Thí dụ, trong Ma-thi-ơ đoạn 5:13 Chúa



Giê-su dùng câu hỏi tu từ. Khi Ngài nói đến việc muối mất mặn "... thì lấy gì làm cho mặn lại (nữa)?" Ngài có ý nói rằng "... chẳng có gì làm cho nó mặn lại (nữa)!" Nếu trong ngôn ngữ của bạn, một câu hỏi tu từ có thể hiểu sai thành một câu hỏi thật sự, thì nên dịch nó thành một câu nói hay một mệnh lệnh, để có thể diễn đạt/truyền thông đúng ý nghĩa. Đối với một số ngôn ngữ thì không thường dùng *câu hỏi tu từ* giống như tiếng Hy-lạp. Đối với một số ngôn ngữ khác thì thường dùng *câu hỏi tu từ* nhiều hơn tiếng Hy-lạp. Hãy làm điều tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. (Cũng hãy xem 'lời tuyên bố'.)

Chủ Đề Phân Đoạn	<i>Tiếng Anh: Division Head</i> Một <b>Phân Đoạn</b> gồm có nhiều Tiểu Đoạn. Một số bản dịch có cả <b>Chủ Đề Phân Đoạn</b> để giúp người đọc thấy rõ được cấu trúc của Kinh Thánh hay của một sách.
Chú Giải Ký Hiệu	<i>Tiếng Anh: Notation Key.</i> <i>Chú Giải Ký Hiệu</i> thường được tìm thấy ở phần đầu của sách.
chủ từ	<i>Tiếng Anh: Subject</i> Một từ ngữ văn phạm dùng để chỉ về một nhân vật, nơi chốn, một điều, hay một ý, từ này quan trọng nhất trong một mệnh đề. Thí dụ, 'Người đàn ông này bắt được một con cá', các từ 'Người đàn ông' là chủ từ.
chuyển ngữ từng ngữ	Hãy xem "dịch từng chữ".
công thức trích dẫn	<i>Tiếng Anh: quote formula</i> Cụm từ này dùng để giới thiệu một lời nói được trích dẫn một cách trực tiếp, trong trường hợp này người đọc có thể hình dung như chính tác giả đang nói với họ. Thí dụ, "Ông ấy đã nói:...", "Bà ấy trả lời:...", "Họ đã hỏi:..."
danh sách các từ ngữ	<i>Tiếng Anh: glossary</i> Một danh sách của các từ quan trọng và ý nghĩa của nó trong một sách. Bạn đang đọc <b>Danh Sách Các Từ Ngữ Cho Người Dịch</b> .
danh từ	<i>Tiếng Anh: noun</i> Một từ được dùng để chỉ về một người, một nơi chốn, một vật, hay một sự việc gọi là "danh từ".
dạng bị động	<i>Tiếng Anh: passive voice (the Divine passive)</i> Dạng của động từ trong một câu văn mà chủ từ chịu ảnh hưởng bởi hành động. Thí dụ, trong câu, "Con chó bị đánh bởi Đa-vít", "con chó" là chủ từ và bị ảnh hưởng của hành động. Nhóm động từ "bị đánh bởi" gọi là dạng bị động. <b>Dạng bị động</b> thường được dùng trong Kinh Thánh trong những trường hợp người đọc không cần biết ai làm chủ của hành động, vì điều đó không quan trọng. <b>Dạng bị động</b> thường được dùng trong Kinh Thánh để tránh việc gọi đến tên của Đức Chúa Trời. Nó được gọi là <b>dạng bị động</b> Thánh. Người Do Thái sợ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ nếu họ đọc/gọi sai tên của Ngài.
dân ngoại quốc	<i>Tiếng Anh: Gentile</i> Nói về tất cả những dân tộc không phải là dân Do Thái.
dịch từng chữ	Hãy xem "từng chữ".
đại danh từ	<i>Tiếng Anh: pronoun</i>

Một từ được dùng thay thế cho một *danh từ* trong câu văn đã được nói đến trong ngữ cảnh để khỏi phải lặp lại danh từ đó gọi là *đại danh từ*. Thí dụ: “Bà Phương nói rằng ngày mai bà sẽ đi với họ”. Các từ ‘Bà’ và ‘họ’ là các đại danh từ thay thế cho/chỉ về Bà Phương và những người bạn của bà.

Mỗi ngôn ngữ thường có cách dùng *đại danh từ* khác nhau. Trong tiếng Việt người ta dùng nhiều *đại danh từ* và nó có nhiều sự phức tạp hơn tiếng Hy-lạp và tiếng Hê-bơ-rơ. Mỗi người chuyển ngữ cần học cách dùng *đại danh từ* của ngôn ngữ mình, biết sự khác biệt về cách sử dụng của nó và của tiếng Việt cũng như tiếng Hy-lạp như thế nào, để có thể chuyển ngữ các *đại danh từ* một cách chính xác và tự nhiên nhất.

- đoạn Kinh Thánh song song *Tiếng Anh: parallel passages*  
 Có hai hay nhiều đoạn Kinh Thánh tương tự nhau được gọi là các **đoạn Kinh Thánh song song** (đôi khi giống hệt nhau). Thí dụ rõ nhất về các đoạn Kinh Thánh song song được tìm thấy trong các sách Phúc Âm Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca trong đó có những phần ghi lại cuộc đời của Chúa Giê-su đều được tìm thấy trong cả ba sách này.
- đoạn văn *Tiếng Anh: paragraph*  
 Một đơn vị gồm nhiều câu văn kết chặt với nhau gọi là một **đoạn văn**. Một đoạn văn luôn bắt đầu bằng cách xuống hàng và in thụt vào ở hàng đầu tiên để đánh dấu một **đoạn văn** mới.
- động từ *Tiếng Anh: verb*  
 Một từ được dùng để diễn tả một hành động, một biến cố, hay một tình trạng gọi là **động từ**. Thí dụ, ‘chạy’, ‘xem’, ‘cho’ và ‘là’ là những động từ.
- hàm ý *Tiếng Anh: Implied*  
 Xem “thông tin hàm ý”.
- Hê-bơ-rơ *Tiếng Anh: Hebrew*  
 Ngôn ngữ được dùng để viết Cựu Ước. Tên này lần đầu tiên được dùng để chỉ về dân tộc Y-sơ-ra-ên, sau đó gọi là Do Thái. Tên Hê-bơ-rơ vẫn còn được dùng trong ngôn ngữ của Cựu Ước và những người Do Thái trong thời đại từ Sáng Thế Ký và Xuất Ê-díp-tô Ký. Trong Kinh Thánh tên **Hê-bơ-rơ** được dùng để phân biệt giữa người Do Thái và các giống dân khác. Một sách trong Tân Ước có tên là Hê-bơ-rơ vì sách này được viết cho người Do Thái đã trở thành những Cơ-đốc nhân. Bạn cũng có thể bắt gặp những tên như **Hy-bá-lai**, **Hy-bá**, hay **Híp-ri**.
- HÌNH ẢNH được đề nghị *Tiếng Anh: suggested picture*  
**Hình ảnh được đề nghị** mà ủy ban chuyển ngữ có thể muốn để vào trong phần kinh văn tại một chỗ nào đó. Đa số các bản dịch không dùng tất cả những hình ảnh được đề nghị. Phải để hình rải rác trong suốt Tân Ước như vậy các hình ảnh không tụm/dồn lại một chỗ.
- Hội Đồng Quốc Gia *Tiếng Anh: Sanhedrin*  
 Tòa thượng phẩm tối cao/hội đồng tối cao của người Do Thái chỉ có tại thành phố Giê-ru-sa-lem và chịu trách nhiệm xét xử những nội vụ quan trọng. Trong bản dịch Tân Ước của bạn, có lẽ bạn muốn phân biệt giữa **Hội đồng/toà án địa phương** với **Hội Đồng Quốc Gia** (đó là, tòa án tối cao của người Do Thái) tại thành phố Giê-ru-sa-lem.

Các thượng tế giống như một ủy ban điều hành của người Do Thái gồm có 71 thành viên được gọi là **Hội Đồng Quốc Gia Tối Cao**. Trong số này gồm cả vị trưởng tế đương nhiệm và những người đàn ông thuộc gia đình của

ông ta, và những người đàn ông quan trọng nhất thuộc các gia đình thầy tế lễ, vị sĩ quan trông coi các lính canh đền thờ, và các cựu trưởng tế.

Hy-bá	Hãy xem ‘Hê-bơ-rơ’.
Hy-bá-lai	Hãy xem ‘Hê-bơ-rơ’.
Hy-lạp	<i>Tiếng Anh: Greek</i> Ngôn ngữ được dùng để viết Tân Ước nguyên bản/bản gốc.
giới từ	<i>Tiếng Anh: preposition</i> Một từ dùng để nối kết hai từ, hai nhóm từ hay hai mệnh đề lại với nhau. Các nhóm từ, ‘trong bụi cây’, ‘chung quanh nhà’ và ‘ở dưới khúc gỗ’, các từ ‘trong’, ‘chung quanh’ và ‘dưới’ là những giới từ.
khổ (cách viết)	<i>Tiếng Anh: format</i> Cách sắp đặt của các câu văn, đoạn, chương, tựa đề, tiểu đề, số, cũng như hình ảnh và phân ghi chú trong bản văn. Nói tóm tắt, cách sắp xếp mọi dữ kiện để in trên một trang giấy hay trong một sách. Thí dụ, trong một trang sách có một cột hay hai cột, tiểu đề có thể được in đậm, kể cả cách dùng các dấu ngoặc v.v. ; trích dẫn Cựu Ước có thể in thụt vào giống như văn thơ hay để chung trong bản văn. Một cách thiết trí khác liên hệ đến việc đánh dấu. Thí dụ, dù có dùng dấu trích dẫn hay không. Cách tốt nhất là không nên dùng loại dấu khác nhau, vì người đọc phải học về ý nghĩa của các dấu ấy.
không được xác định rõ	<i>Tiếng Anh: ambiguous</i> Đây là một nhóm từ được dùng trong suốt Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ. Nó cho thấy những từ, hay những nhóm từ trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý nghĩa và do đó không thể xác định rõ ý nghĩa. Thí dụ, trong một câu, “Giăng đã nói rằng, ông ấy sẽ đến”, câu này không được xác định rõ đại danh từ “ông ấy” chỉ về nhân vật nào ở đây. “Ông ấy” nói về chính Giăng hay nói về một người nào khác. Trong các trường như thế, đôi khi ngữ cảnh giúp cho ý được rõ ràng. (Cũng hãy xem ‘ngữ cảnh’.) Các học giả cũng xem cùng một từ hay nhóm từ được dùng ở chỗ/lần khác như thế nào để quyết định về ý nghĩa một cách chính xác.
liên từ	<i>Tiếng Anh: conjunction</i> Một từ dùng để liên kết hai từ, hai nhóm từ, hai mệnh đề hay hai câu lại với nhau. Thí dụ, các <b>liên từ</b> trong tiếng Việt là: “và”, “nhưng”, “hay”, “vì”, “thì”, “vậy”.
LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị	<i>Tiếng Anh: suggested footnote</i> Đề nghị một <b>lời chú thích</b> ở cuối trang mà người chuyển ngữ có thể đưa vào trong bản dịch để giúp đỡ người đọc hiểu về những thời đại của Kinh Thánh hơn. Nếu có được những thông tin về văn hóa và các thông tin quan trọng khác trong lời chú thích ở cuối trang, thì người đọc sẽ có thể hiểu biết về lời Chúa dễ dàng hơn. <b>Lời chú thích</b> giúp cho người chuyển ngữ tránh được sự nguy hiểm về hiểu sai ý nghĩa của quá nhiều những thông tin được hàm ý ở trong bản dịch. Một lý do nữa để dùng lời chú thích là Kinh Thánh có thể là quyển sách duy nhất có các thông tin đó nên khó cho người ta có thể học biết về thông tin này bằng một cách nào khác. Lời chú thích còn giúp cho người đọc học về những phong tục tập quán qua các thời đại của Kinh Thánh và những thông tin quan trọng khác nếu nó ở trên cùng một trang hơn là ở trong một quyển sách riêng biệt khác. Đứng ra những người đọc có thể phải học để biết rõ lời chú thích ở cuối trang không phải là một phần trong bản kinh văn chính, nhưng điều này không khó học và sự giúp

ích của các thông tin này rất dồi dào. Để giúp cho sự phân biệt lời chú thích ở cuối trang với phần kinh văn chính, bản dịch có thể dùng một hay hai hàng kẻ chia hai phần ra, lời chú thích có thể được in với mặt chữ nhỏ hơn phần kinh văn. Nên bắt đầu lời chú thích bằng số câu để người đọc có thể so sánh lời chú thích với văn bản một cách dễ dàng. Đa số người chuyển ngữ không dùng tất cả những **LỜI CHÚ THÍCH ĐƯỢC đề nghị** trong bản dịch của họ. Đôi khi chỉ cần chuyển ngữ một phần của lời chú thích. Nhà xuất bản thường giới hạn số lời chú thích có thể có trong một bản dịch—tốt hơn nên biết số lời chú thích được giới hạn (nếu có) trước khi chuyển ngữ xa hơn.

Lời Đối Thoại Gián Tiếp  
(NGT)

*Tiếng Anh: indirect quote*

Cho thấy trong bản văn không ghi lại y *hệt* lời của một người nào đó đã nói. Thí dụ: “Giăng bảo con trai của ông ta đi ngủ” là một cách nói gián tiếp rằng: ông Giăng đã nói: “Hãy đi ngủ đi”. (So sánh ở đây với ‘trích dẫn trực tiếp’.)

Lời Đối Thoại Trực Tiếp  
(NTT)

*Tiếng Anh: direct quote*

Có nghĩa là nhắc lại y lời nói của một người nào đó đã nói. Thí dụ, trong câu: “Đa-vít bảo con trai của ông ta: “Hãy đi ngủ đi”, “Hãy đi ngủ đi” là trích dẫn trực tiếp. (So sánh ở đây với trích dẫn gián tiếp’.)

lời tuyên bố

*Tiếng Anh: statement, declarative*

Trong Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK), **lời tuyên bố** được dùng để diễn tả một trong nhiều loại câu văn. Trong phần phân biệt này, một câu văn không phải là một câu hỏi. Suốt trong cả Tân Ước việc người nói dùng câu hỏi tu từ để nhấn mạnh điểm người ấy muốn nói, đó là việc thông thường. Người nói không thật sự nêu lên một câu hỏi, vì người nói không mong đợi câu trả lời. Dạng câu hỏi được dùng để nhấn mạnh **lời tuyên bố**. Đối với một số ngôn ngữ không dùng câu hỏi theo cách mà tiếng Hy-lạp xử dụng, do đó, để chuyển ngữ một câu hỏi tu từ theo từng chữ một/nghĩa đen thì sẽ diễn tả sai ý nghĩa. Trong những trường hợp đó, người chuyển ngữ nên chuyển ngữ câu hỏi tu từ này như một **lời tuyên bố**. (Cũng hãy xem ‘câu hỏi tu từ’.)

lời tuyên bố thêm vào

*Tiếng Anh: parenthetical comment (parenthesis)*

Trong Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK) tin tức để giải thích hay nhận xét mà tác giả hay người nói ngưng kể tiếp câu chuyện để bình luận hay giải thích cho thính giả. Trong một bản dịch, **lời tuyên bố thêm vào** thường được đặt trong các dấu ngoặc, hay những gạch nối để cho người đọc nhận diện dễ dàng. Thí dụ, Trong Mác 7:11 các chữ nằm trong ngoặc đơn, (nghĩa là đã dâng cho Đức Chúa Trời) được tác giả thêm vào để giải thích ý nghĩa của chữ ‘co-ban’.

mệnh đề

*Tiếng Anh: clause*

Một **mệnh đề** thường được cấu tạo bởi một nhóm động từ và một hay nhiều nhóm danh từ. Thí dụ: trong câu này, “Trong khi cô Kim đi chợ, anh Dũng làm việc ở ngoài đồng” câu này gồm có hai **mệnh đề**. ‘Trong khi cô Kim đi chợ’ là một **mệnh đề phụ** vì tự nó không diễn tả đầy đủ ý nghĩa, nên cần phải có thêm một **mệnh đề** chính ‘anh Dũng làm việc ở ngoài đồng’. **Mệnh đề** chính còn gọi là **mệnh đề độc lập**, vì tự nó có thể diễn tả đầy đủ ý nghĩa của câu văn. (Cũng hãy xem ‘câu’.)

mệnh đề độc lập

*Tiếng Anh: independent clause*

Xem ‘mệnh đề’.

mệnh đề phụ

*Tiếng Anh: dependent clause*

	Xem ‘mệnh đề’.
mệnh lệnh cách	<i>Tiếng Anh: imperative</i> Thường là một mệnh đề cũng có thể là một câu được dùng để ra lệnh hay khuyên một người làm một công việc nào đó.
mức độ quan trọng	<i>Tiếng Anh: prominence (prominent)</i> Tầm mức quan trọng trong một phần của đoạn văn, (hay mức độ mà tác giả muốn người đọc chú ý đến một chỗ nào đó của đoạn văn) có liên hệ đến (so sánh với) những phần khác trong cùng đoạn văn. <b>Mức độ quan trọng</b> này có thể quyết định bằng một số sự việc, kể cả, thứ tự của các từ, phần của câu văn, cách liên hệ (thí dụ, cách dùng tên chống lại đại từ), phụ tố, dạng của từ, v.v. Thí dụ, trong hai câu sau đây, “Đó là Loan vợ của tôi” và “Loan là vợ của tôi”, Loan trong câu thứ nhất quan trọng hơn Loan trong câu thứ hai.
mỹ từ hoá	<i>Tiếng Anh: euphemism (euphemistic)</i> Một chữ hay một nhóm từ dùng để nói về việc gì đó một cách lễ phép, hoặc nói gián tiếp để người khác không bị thẹn thùng, xấu hổ. Thí dụ: trong tiếng Hy-lạp động từ ‘biết’ đôi khi được <b>mỹ từ hoá</b> để bày tỏ mối liên hệ ‘tình ái chân gối’ giữa người nam và người nữ’, hay <b>mỹ từ hoá</b> bằng cách dùng chữ ‘ngủ’ thay cho chữ ‘chết’.
ngôi (thứ nhất, thứ hai, thứ ba)	<i>Tiếng Anh: person (first, second, third)</i> Một đại từ hay một từ dùng để chỉ đến người hay những người được nói tới. Theo văn phạm trong tiếng Việt, người đang nói là <b>ngôi thứ nhất</b> (thí dụ: Tôi, chúng tôi), người đang nghe là <b>ngôi thứ hai</b> (thí dụ: anh, các anh), và người được nói đến là <b>ngôi thứ ba</b> (thí dụ: ông ấy, cô ấy, nó, chúng nó, họ). Thông thường <b>số ít, số nhiều</b> và <b>ngôi thứ</b> luôn được xác định rõ ràng qua hình thức văn phạm.
ngôn ngữ của người đọc	<i>Tiếng Anh: receptor language</i> Ngôn ngữ được chuyển ngữ sang.
ngữ cảnh	<i>Tiếng Anh: context</i> Xác định được ý nghĩa của một từ nhờ <b>ngữ cảnh</b> . <b>Ngữ cảnh</b> của một từ là các từ đi trước và các từ theo sau từ đó. <b>Ngữ cảnh</b> của một câu là các câu phía trước và các câu theo sau của câu đó cũng như những tin tức liên hệ làm sáng tỏ ý của người nói muốn phát biểu trong một đoạn văn. Đôi khi tác giả hay người nói “hàm ý” những tin tức muốn diễn đạt thay vì nói rõ ra. Do đó người đọc và người nghe phải cần đến <b>ngữ cảnh</b> để có thể hiểu trọn ý nghĩa của một đoạn văn. <b>Ngữ cảnh</b> cũng xác định rõ ý của một từ, một mệnh đề hay một câu, vì cùng một từ, một nhóm từ đôi khi có ý nghĩa khác nhau do <b>ngữ cảnh</b> của nó. Đó là lý do tại sao, khi chúng tôi chuyển ngữ một đoạn văn trong Kinh Thánh, chúng tôi luôn luôn chú trọng đến ngữ cảnh để chúng tôi có thể hiểu bản văn một cách chính xác/đúng đắn.
ngữ pháp	<i>Tiếng Anh: Grammar (grammatical)</i> Cách kiến trúc và sử dụng của một ngôn ngữ. <b>Ngữ pháp</b> gồm có hình thái học, hệ thống âm vị, và cú pháp. Một bản văn hay một bản dịch <b>đúng ngữ pháp</b> nếu nó theo đúng nguyên tắc và luật lệ cấu trúc của ngôn ngữ được sử dụng.
nhân cách hóa	<i>Tiếng Anh: personification (personified)</i> Một hình thái từ trong đó, các sự vật, các con vật hay một nguyên tắc được nói đến như một con người. Thí dụ, trong 1 Cô-rinh-tô 15:55: “Hỡi sự chết, nọc độc của mày ở đâu”. Sự chết ở đây được <b>nhân cách hóa</b> .

- nhất quán** *Tiếng Anh: consistency (consistent)*  
 Đây nói đến việc xử dụng/chuyển ngữ các từ ngữ một cách đồng nhất khi nó có cùng ý nghĩa suốt trong bản dịch của bạn (Xem ‘ngữ cảnh’). Điều này cũng áp dụng cho cách đánh vần các từ, các tên, các dấu/ký hiệu văn phạm như dấu chấm, dấu phết, dấu hỏi v.v. Những từ ngữ không giống nhau nhưng có liên hệ với nhau, nên **nhất quán** trong việc phân biệt các từ đó trong suốt bản dịch. Thí dụ, ‘các thầy thượng tế (BDM) / các thầy tế lễ cả (BDC)’, ‘vị trưởng tế’ (BDM); ‘thầy cả thượng phẩm’ (BDC). Cần nên **nhất quán** về cách dịch và phân việt các từ này.
- phân đối** *Tiếng Anh: chiasmus*  
 Đây là một lối viết đặc biệt được tìm thấy trong Kinh Thánh. Một đoạn văn được kể là có cách cấu tạo này nếu vấn đề của chủ từ ở trong nửa **phần đầu** của đoạn văn được lặp lại ở phần thứ hai theo một cách đảo ngược thứ tự của nó. Thí dụ, một số học giả Kinh Thánh nghĩ Ma-thi-ơ 7:6 là phân đối: “Đừng cho chó vật thánh, chớ ném châu ngọc cho heo, e rằng **chúng** sẽ giẫm dưới chân rồi quay lại cắn xé các con.” Như một cách cấu tạo phân đối, ‘chúng’ nói về các con ‘heo’ trong khi các ‘con chó’ quay lại cắn xé các con.
- phiên âm** *Tiếng Anh: transliterate*  
 Đánh vần một chữ trong ngôn ngữ của bạn thế nào để cho được gần giống cách đọc hay giống cách đánh vần của Ngôn Ngữ Căn Chuyển Ngữ (NNG). Cách này thường được dùng cho những tên của các nhân vật trong Kinh Thánh. Thí dụ, ‘A-rôn’, Môi-se, ‘báp-tem’, các từ này được dịch sang tiếng Việt theo cách **phiên âm** của tiếng Hy-lạp.
- phó từ** *Tiếng Anh: adverb*  
 Thường được dùng để nói lên thái độ, phẩm chất, thời gian, nơi chốn và mức độ của động từ, tính từ, hay một phó từ khác. Thí dụ, trong câu: “Mai đã đến đây rất nhanh”, ‘đây’, ‘rất’ và ‘nhanh’ là những phó từ. Các chữ ‘chậm’, ‘bây giờ’, và ‘cũng’ đều là những phó từ. Một động từ và một **phó từ** tạo nên một **nhóm từ**.
- số ít** *Tiếng Anh: singular*  
 Dạng của một từ chỉ về một người hay một vật (**số ít**). (So sánh ở đây với ‘số nhiều’.)
- số nhiều** *Tiếng Anh: plural*  
 Bất cứ cái gì, người vật, hay sự vật, nhiều hơn một, gọi là **số nhiều**. (So sánh ở đây với ‘số ít’.)
- sự nhấn mạnh** *Tiếng Anh: emphasis*  
 Nhóm từ này được dùng trong BTK khi một tác giả dùng một phương tiện mạnh diễn tả để kêu gọi sự chú ý đặc biệt đến một điều gì (giống như sự quan trọng).
- sự thay thế thích hợp với văn hoá** *Tiếng Anh: cultural substitute*  
 Một **sự thay thế theo văn hoá** có nghĩa là thay thế một từ ngữ cho Ngôn Ngữ Căn Chuyển Ngữ (NNCCN), (chẳng hạn như một biến cố, một phong tục, súc vật, hay đồ vật không có/biết hay không hiểu trong Ngôn Ngữ Căn Chuyển Ngữ được thay thế bằng những gì khác trong ngôn ngữ của bạn. Một **sự thay thế theo văn hoá** được biết, đúng, hiểu được, trong ngôn ngữ của bạn và truyền thông được ý nghĩa của Ngôn Ngữ Căn Chuyển Ngữ. Thí dụ, nếu từ “tuyết” không có ngôn ngữ của bạn hay đọc giả của bạn không

biết, nhưng họ biết chim cò bạch là một loại chim rất trắng, một sự thay thế văn hóa là “quần áo của ông ấy trắng như *tuyết*” (Ma-thi-ơ 28:3) có thể là “quần áo của ông ấy trắng như *lông cò trắng*”. Người dịch cần quyết định khi nào cần dùng một *sự thay thế theo văn hoá* và khi nào cần chuyển ngữ bản Hy-lạp theo nghĩa đen, và thêm một Lời Chú Thích để giải thích sự khác biệt về văn hóa.

thán từ	<p><i>Tiếng Anh: interjection</i>  <b>Thán từ</b> là một từ dùng để diễn tả một cảm xúc. Một thán từ thường được phân cách với phần còn lại của câu bằng một dấu than (!) hay một ký hiệu văn phạm khác. Thí dụ, Không! Đau quá! Buồn quá! (Cũng hãy xem ‘các phần của câu’.)</p>
thành ngữ	<p><i>Tiếng Anh: idiom</i>                  Một nhóm từ được kết hợp với nhau một cách cố định và ý nghĩa của nó rất khác xa với ý của từng từ một. Thí dụ: ‘bà ấy có bầu’ trong Tiếng Việt có nghĩa là ‘bà ấy mang thai’. (Hãy xem ‘hình thái từ’.)</p>
thầy cả thượng phẩm (BDC)	<p><i>Tiếng Anh: high priest</i> Bản Dịch Mới: vị trưởng tế                  Chỉ có một <b>trưởng tế</b> cho một nhiệm kỳ. Ông là nhân vật quan trọng nhất trong giới lãnh đạo và các thầy tế lễ Do Thái, chủ tịch của Hội Đồng Quốc Gia Do Thái. Ông cũng là người duy nhất được vào nơi chí thánh để dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời mỗi năm một lần trong ngày Chuộc Tội.</p>
thầy tế lễ	<p><i>Tiếng Anh: priests</i>                  Công việc chính của các <b>thầy tế lễ</b> là đại diện cho dân sự cầu nguyện và dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời. Trong một số bản dịch gọi các thầy tế lễ là “những người dâng tế lễ” hay “những người trung gian giữa Đức Chúa Trời và con người”. Cứ mỗi sáu tháng, một thầy tế lễ phải làm việc tại đền thờ một tuần lễ.</p>
thầy tế lễ cả (BDC)	<p><i>Tiếng Anh: chief priests</i> Bản Dịch Mới: các thầy thượng tế  <b>Thầy tế lễ cả/thượng tế</b> giống như một chủ tịch/lãnh đạo một hội đồng gồm có 71 hội viên của tòa án tối cao gọi là <b>Hội đồng Do Thái</b>. Hội đồng này gồm có vị trưởng tế đương nhiệm, và những người đàn ông thuộc gia đình của ông ấy, sĩ quan chỉ huy các lính trông coi đền, và các vị trưởng tế tiền nhiệm.</p>
thì (trương lai, hiện tại, quá khứ)	<p><i>Tiếng Anh: tense</i>                  Thời điểm khi sự việc xảy ra của một động từ. Nhiều ngôn ngữ dùng nhiều thể khác nhau của động từ để nói lên thời điểm của sự việc xảy ra. Một số ngôn ngữ khác thêm vào trạng từ/phó từ hay nhóm phó từ để chỉ rõ thời gian. Những thì căn bản là: quá khứ, hiện tại, và tương lai. Một số ngôn ngữ có nhiều thì hơn (thí dụ, quá khứ xa, quá khứ gần; tương lai gần, tương lai xa; một số ngôn ngữ khác có <b>thì</b> cho ngày hôm qua, <b>thì</b> cho hai ngày qua, hay <b>thì</b> cho một ngày sau, v.v.). Tuy nhiên, một số ngôn ngữ chỉ có ít <b>thì</b>, hay thỉnh thoảng đánh dấu các thì trong bản văn.</p>
thứ tự diễn tiến	<p><i>Tiếng Anh: chronological order</i>                  Một bản văn có <b>thứ tự diễn tiến</b> khi các biến cố trong bản văn được ghi lại theo thứ tự thời gian nó thực sự xảy ra. Đối với một số ngôn ngữ có xu hướng nói (hay viết) lại theo <b>thứ tự diễn tiến</b>.</p>
thông tin hàm ý	<p><i>Tiếng Anh: implicit information</i>                  Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ dùng nhóm từ này để nói về tin tức không nói ra hay không viết xuống nhưng người viết hay người nói cho</p>

rằng thánh giả của ông biết điều đó. Thí dụ, trong Ma-thi-ơ 2:1 bản Hy-lạp nói: “Chúa Giê-su đã sanh ra tại Bết-lê-hem của Giu-đê...” Thánh giả của Ma-thi-ơ chắc đã biết rằng Bết-lê-hem là một thị trấn và Giu-đê là một tỉnh, do đó tác giả không cần phải nói rõ điều đó ra. Trong văn hóa của người Hy-lạp, khi gọi tên một người mà không cần nhắc đến tước vị của người vẫn có lễ phép. Đối với văn hóa của người Việt Nam, không có từ “Chúa” đi trước tên “Giê-su” có thể **hàm ý** rằng người nói xem thường hay xằng xớm với Chúa Giê-su. Nhưng trong Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ, **thông tin hàm ý** này được nói ra rõ ràng cho thánh giả đương thời bằng cách để nó trong dấu ngoặc đơn ( ): (Chúa) Giê-su đã sinh tại (thị trấn) Bết-lê-hem, thuộc (tỉnh) Giu-Đa...” (Hãy so sánh với ‘thông tin rõ ràng’.)

thông tin mới

*Tiếng Anh: new information*

Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ dùng từ ngữ này để nói về tin tức lần đầu tiên được viết/nói ra trong một bản văn. Đối với nhiều ngôn ngữ, **thông tin mới** cần phải được một cách đặc biệt. Thí dụ, Ma-thi-ơ 8:14 nói: “Khi Giê-su đã đến nhà Phi-ê-rơ, Ngài đã thấy...” Đây là lần đầu tiên nói đến việc Chúa Giê-su đến nhà của Phi-e-rơ, do đó đối với một số ngôn ngữ có thể cần thiết (hay tự nhiên hơn) để nói: “Rồi Giê-su đã đến nhà Phi-e-rơ và Ngài thấy...”

thông tin rõ ràng

*Tiếng Anh: explicit information*

Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ dùng nhóm từ này để chỉ về những tin tức đã được viết bởi tác giả hay đã được nói bởi diễn giả. (Hãy so sánh nó với “thông tin hàm ý”.) Có những thông tin rõ ràng (được viết ra) trong bản Hy-lạp, nhưng nghe **tự nhiên hơn** nếu ý này được **hàm ý** (tức là không viết rõ ra) trong bản dịch tiếng Việt. Những tin tức như thế được in trong dấu < >. Thí dụ, trong Ma-thi-ơ 1:18 bản Hy-lạp nói: “Và {đây là cách (Chúa) Giê-su Cứu Thế được sinh ra...” Trong tiếng Việt, một câu văn bắt đầu bằng từ “và” nghe không được tự nhiên. Do đó trong Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ câu này được viết là “<Và> {đây là cách (Chúa) Giê-su Cứu Thế được sinh ra ...”.

Tin Mừng

*Tiếng Anh: Gospel*

Hãy xem “Phúc Âm”.

tin tức mới

*Tiếng Anh: new information*

Xem ‘thông tin mới’.

tin tức tốt lành

*Tiếng Anh: Good News*

Hãy xem “Phúc Âm”.

tính từ

*Tiếng Anh: Adjective*

Một loại từ chuyên bổ nghĩa cho danh từ. Thí dụ, cái áo đỏ, con mèo đen, con đường hẹp. Các từ, đỏ, đen, hẹp là các **tính từ** bổ nghĩa cho: cái áo, con mèo và con đường. Một danh từ và một **tính từ** kết hợp lại thành một **nhóm từ**.

Trái Với Sự Thật (TVST)

*Tiếng Anh: contrary to fact*

Một câu hay một mệnh đề nói ngược lại với những gì thật sự xảy ra. Thí dụ, “Nếu cô Mai đến, chắc anh Bình cũng sẽ đến” hàm ý rằng, cô Mai và anh Bình đã thật sự không đến. Đối với một số ngôn ngữ cần nên nói rõ ràng một phần hay tất cả những tin tức hàm ý, thí dụ, “Đáng lẽ cô Mai đến, nhưng cô đã không đến, đúng ra anh Bình đến, nhưng anh đã không đến”.

từ vay mượn

*Tiếng Anh: loan word*



**Từ vay mượn** là một từ lấy từ một ngôn ngữ này để dùng cho một ngôn ngữ khác/khia, thí dụ, cà-ra-vát, cà-phê, stop, Đa-vít, Phê-rơ. Tiếng Việt vay mượn các từ này từ những ngôn ngữ khác.

tự nhiên

*Tiếng Anh: natural (naturalness)*

Một bản dịch được **tự nhiên** khi dùng ngôn ngữ người đọc đúng cách để lời văn trôi chảy và đọc nghe không thể phân biệt được đó là một bản văn được chuyển ngữ ra từ một ngôn ngữ khác.

từng chữ

*Tiếng Anh: literal translation*

Chuyển ngữ một sứ điệp hay một bản văn từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác. **Chuyển ngữ theo từng từ** là chuyển ngữ sát theo cách cấu trúc văn phạm và các từ của Ngôn Ngữ Gốc (NNG). Theo cách chuyển ngữ này thường khi có những chỗ làm cho người đọc khó hiểu hay phải sử dụng cách dùng không tự nhiên trong ngôn ngữ của người đọc. Chuyển ngữ theo **thành ngữ** giữ được ý nghĩa của Ngôn Ngữ Gốc (NNG) nhưng theo cách cấu trúc văn phạm và cách diễn đạt ý tưởng của ngôn ngữ của bạn/người đọc để truyền thông được tự nhiên và dễ hiểu. Đôi khi một câu chuyển ngữ theo từng từ nghe rất tự nhiên và dễ hiểu trong ngôn ngữ của bạn/người đọc, nhưng cũng có khi ngược lại. Có những mức độ khác biệt về kết quả giữa hai cách chuyển ngữ theo từng từ và chuyển ngữ theo thành ngữ sẽ như thế nào. Xem ghi chú về vấn đề này trong lời mở đầu của sách này.

Văn Bản Đa Số

*Tiếng Anh: Majority text*

Một bản Hy-lạp được gọi là **Văn Bản Đa Số** khi nó theo đa số các bản thảo Hy-lạp. Cho đến bây giờ, những bản thảo Hy-lạp hiện hữu đều đến từ các nhóm bản thảo Hy-lạp Byzantine. Một nhóm với nhiều sự hợp nhất, do đó, về cơ bản, **Văn Bản Đa Số** là Bản Văn Byzantine và cũng giống Bản Thảo Uy Tín. Hầu hết các bản dịch đều dựa theo Bản Hy-lạp UBS. (So sánh ở đây với ‘Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]’. Cũng hãy xem ‘Bản Thảo’ và ‘Bản Thảo Uy Tín’.)

Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]

*Tiếng Anh: UBS Text.*

Đây là Bản Hy-lạp được tiêu chuẩn hóa bởi **Thánh Kinh Hội**. Nó được căn cứ trên việc nghiên cứu tất cả các bản Hy-lạp Tân Ước hiện có. Nhiều học giả Kinh Thánh coi bản *Bản Thánh Kinh Hội (UBS)* như là một bản Kinh Thánh Hy-lạp tiêu chuẩn và đa số các dịch giả Kinh Thánh đều dựa theo nó. Tuy nhiên, có một số học giả Kinh Thánh chỉ trích việc kết hợp nhiều phần khác nhau của nhiều bản thảo khác nhau lại. Sự kết hợp này đã không thực sự hiện hữu. (So sánh ở đây với ‘Văn Bản Đa Số’ và ‘Bản Thảo Uy Tín’. Cũng hãy xem ‘bản thảo’.)

văn hoá

*Tiếng Anh: culture*

Niềm tin, giá trị, tri thức, thái độ, cách cư xử, và mối quan hệ xã hội của một nhóm người.